

28

NGÀY ĐÊM  
QUYẾT ĐỊNH  
VẠN MỆNH  
**TRUNG QUỐC**

THAI NGUYỄN BACH LIÊN BIÊN DỊCH





## **28 NGÀY ĐÊM QUYẾT ĐỊNH VẬN MỆNH TRUNG QUỐC**

**THÁI NGUYỄN BẠCH LIÊN biên dịch  
NHÀ XUẤT BẢN MŨI CÀ MAU - 2001**

**Khổ 13 x 19. Số trang: 454**

**Thực hiện ebook: hoi\_ls**

Thay lời tựa

CUỘC CỜ THẾ KỶ

(Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch)

Tiểu dẫn

I

NĂM THÁNG ĐẦU TIÊN GẠT LỆ CHIA TAY,

MAO TRẠCH ĐÔNG LÊN ĐƯỜNG ĐI QUẢNG CHÂU

II

MẬT SỨ NỘI TRƯỞNG

III

ĐẤU TRÍ TÂY AN

NỬA ĐÊM LƯU ĐỈNH TÌM MUA PIN ĐIỆN

IV

HỢP TÁC LẦN HAI TƯỚNG GIỚI THẠCH LẠI DIỄN KỊCH  
V

MÂY MÙ VẦN VŨ

ĐẶNG TIÊU BÌNH BA LẦN VÀO RA TRUNG NAM HẢI

1. BỊN RỊN TÂY NAM

2. VÀO TRUNG NAM HẢI

3. LỜI TỰ TRÁCH MUỘN MÀNG

4. CÙNG NÓNG ĐẦU THEO CƠN SỐT

5. THU TÀN CUỘC, ĐỀ XƯỚNG LÍ LUẬN “MÈO”

6. BIẾN ĐIỆU Ở BẮC ĐỐI HÀ

7. DÂY DẪN LỬA ĐẠI CÁCH MẠNG VĂN HOÁ

8. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG VĂN HÓA

9. MÀN TỰ MỤC CỦA TÂN BI KỊCH ĐÃ MỞ

10. HỌA VÔ ĐƠN CHỈ

11. VỀ LẠI GIANG TÂY

12. BA NĂM Ở GIANG TÂY

13. LẦN THỨ HAI VÀO TRUNG NAM HẢI

14. MAO TRẠCH ĐÔNG MỜI “QUÂN SU”

15. NHÂN SỰ QUỐC VỤ VIỆN

16. MAO VIỄN TÂN LÀ AI?

17. NĂM 1976, LẦN THỨ HAI RA KHỎI TRUNG NAM HẢI

18. SỰ BẤT QUÁ TAM

19. LẦN THỨ BA “RA” TRUNG NAM HẢI

CHU ÂN LAI - KHI NGƯỜI RỜI KHỎI THÁNH ĐÀN

KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ SOÀI

1. NHỮNG LỜI TIÊN TRI

2. NGHỆ THUẬT ĐÀM PHÁN

3. LẮM PHEN THOÁT HIỂM

4. TÔI THỬ ĐO TỬU LƯỢNG CỦA NGƯỜI

5. KHÓC THAN VÀ GIẬN DỮ

6. SÁU VĂN PHÒNG

7. ĐỜI THƯỜNG

8. GIỮA VỢ CHỒNG

9. MAO CHỦ TỊCH VÀ CHU ÂN LAI

10. NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

28 NGÀY ĐÊM QUYẾT ĐỊNH VẬN MỆNH TRUNG QUỐC

1. NGƯỜI NẪM ĐÓ

2. VẪN ĐANG ĐỌC SÁCH
3. TÁNG MAO HAY PHÊ ĐẶNG
4. ĐI TÌM DI CHÚC
5. NHỮNG NƯỚC CỜ
6. DÀNH TRƯỚC MỘT BÀI BÁO
7. ALÔ! CÓ THỂ KHRUSOV SẼ LÊN NGÔI
8. CUỘC GIAO TRANH SAU LỄ TRUY ĐIỀU
9. LIÊN QUÂN HOA - DIỆP
10. TIẾN ĐẾN HỘI NGHỊ BỘ CHÍNH TRỊ
11. TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG
12. BẮT GIỮ TỬ NHÂN BANG

## Thay lời tựa

*Cách mạng Tân Hợi - 1911 - đã lật đổ chế độ phong kiến hàng ngàn năm ở Trung Quốc, thay bằng một nền Cộng hoà. Tôn Trung Sơn - người đề xướng chủ nghĩa Tam dân (Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc) sớm qua đời để lại lời di chúc “Cách mạng thượng vị thành công, đồng chí nhưng tất nỗ lực (Cách mạng còn chưa thành công, đồng chí vẫn phải nỗ lực). Đảng Cộng sản và Mao Trạch Đông, Đảng Quốc dân và Tưởng Giới Thạch, mỗi bên, mỗi người đều nỗ lực theo một phương hướng riêng của mình, lắm lúc cùng hợp tác, nắm tay nhau trên con đường Bắc phạt, kẻ vai sát cánh chung chiến hào kháng Nhật, nhưng trên toàn cục là đấu tranh, là nội chiến, bên này tư tưởng Mao Trạch Đông, bên kia chủ nghĩa Tưởng Giới Thạch, chính trường Trung Quốc không lúc nào lặng con bão táp. Năm 1949, lịch sử chọn Đảng Cộng sản, lịch sử chọn Mao Trạch Đông, Trung Quốc mới với nền Cộng hoà Nhân dân ra đời, Đảng Quốc dân, Tưởng Giới Thạch vượt biển có thủ trên đảo Đài Loan và vẫn giữ tên gọi Trung Hoa Dân Quốc.*

*Ngoài kia, Tưởng chấn hưng kinh tế, biến Đài Loan trở thành “con rồng nhỏ”. Trong này, Mao cải cũ xây mới với 3 ngọn cờ hồng - Đường lối chung, Công xã nhân dân, Đại nhảy vọt - và Cách mạng văn hoá kéo dài hơn 10 năm. Về sau Đặng Tiểu Bình đề xướng cải cách, Mở cửa, nỗ lực chuyển sang một phương hướng mới, giai đoạn mới, thực hiện Bốn hiện đại, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc và quyết tâm thống nhất đất nước cho dù phải “nhất quốc lưỡng chế”.*

*Chưa có một tác giả nào đủ sức thâm tóm tình hình trên đất nước Trung Hoa non thế kỉ qua để dựng nên những thiên truyện tâm cỡ tử như Sử kí Tư Mã Thiên hay Tam Quốc Chí, nhưng hàng loạt pho sách miêu tả các nhân vật, các thời kì, các cơn bão trên chính trường Trung Quốc trước và sau năm 1949 thì đã và đang dồn dập ra đời, lần theo thâm cung, giở trang bí sử, lọt giữa tường hồng... mà lâu nay vẫn tò mò muốn biết, ngõ hầu dĩ cố vi kim, để có được một bài học nên tránh, nên theo.*

*Trung Quốc đất rộng người đông, văn liệu, sử liệu mênh mông như biển cả, người viết thì sức có hạn, nên chỉ dám chọn vài ba quyển đọc, dịch và viết thành dăm ba bài đăng in đây đó, nay nhờ Nhà xuất bản Mũi Cà Mau tập hợp nên một cuốn sách bao gồm 4 phần: Cuộc cờ thế kỉ, Đặng*

Tiểu Bình ba lần vào ra Trung Nam Hải, Chu Ân Lai - khi người rời khỏi thánh đàn và Hai mươi tám ngày đêm quyết định vận mệnh Trung Quốc, giới thiệu đôi điều về các nhân vật phong vân trên chính trường Trung Quốc, những mong gửi đến bạn đọc. Cũng xin được nhận lời chỉ giáo.

Cám ơn Nhà xuất bản lần này tái bản cuốn sách có sự chỉnh lí nội dung và hình thức.

Tháng Tư, 1996

**THÁI NGUYỄN BẠCH LIÊN**

**DIỆP VĨNH LIỆT**

# CUỘC CỜ THẾ KỈ

**(Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch)**



## Tiểu dẫn

Trung Quốc thế kỉ XX, tựa như một cuộc cờ sóng gió bao la, nổi chìm khúc khuỷu mà quyết định vận mệnh cả dân tộc, đất nước.

Người cầm quân xanh, đầu không sợi tóc, mặc áo trường bào, khi nói thích kéo âm nhấn điệu, đặc một giọng “quan thoại” kiểu Triết Giang, cần trọng lời lẽ nụ cười, nhưng vội vã nóng lên cũng từng mắng chửi “niáng-xi-pi”.

Người cầm quân đỏ, tóc dài chải ngược, chuyên mặc mỗi kiểu Trung Sơn, nói năng không nhanh không chậm, khẩu âm Hồ Nam, bình thường hay nói nói cười cười, giàu chất trào lộng châm biếm, khi nổi trận lôi đình không khỏi mắng nhiếc “fang-pi”.

Hai người đều có phong độ nam nhi hảo hán, cao khoảng một mét tám mấy gì đó, người không có tóc nhỉnh hơn người tóc dài đầu một phân thì phải, người treo “thanh thiên, bạch nhật, mẫn địa hồng” <sup>[1]</sup>, người tôn suy cờ đỏ búa liềm.

*Hai bên chức tước, vương vị như sau:*

Tổng tài Quốc dân đảng Trung Quốc, Tổng thống Trung Hoa dân quốc.

Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hoà xô viết Trung Hoa (sau này là Chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa).

*Lực lượng quân đội dưới quyền chỉ huy của họ:*

Quân cách mạng Trung Hoa dân quốc.

Quân cách mạng công nông Trung Quốc (sau đổi thành Hồng quân công nông Trung Quốc, và lại đổi Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc).

*Về chức vụ quân ngũ:*

Một bên là Đại nguyên soái hải, lục, không quân, Chủ tịch hội đồng quân sự. Tổng Tư lệnh. Một bên là Chủ tịch Quân uỷ Trung ương.

*Danh tính của hai người:*

Tướng Thụy Nguyên, phổ danh Chu Thái, học danh Chí Thanh, tự Giới Thạch, sau này phỏng theo Tôn Trung Sơn, cải danh thành Trung Chính. Người đời thường gọi Tướng Giới Thạch, giới có nghĩa là “đại”, giới thạch vì thế mà hiểu là “cự thạch” (hòn đá lớn), tất cả đều từ phổ danh chữ “thái” suy ra.

Mao Trạch Đông, tự Nhuận Chi (chữ “chi” có thể viết theo hai nghĩa), bút danh Nhị Thập Bát Hoa Sinh (ba chữ Hán mao - trạch - đông viết theo phồn thể gồm 28 nét, nên bút danh trên có nghĩa: người mang tên 28 nét). Người đời dùng bản danh Mao Trạch Đông mà xưng tụng, chữ “trạch” lấy trong tuần tự các đời của họ Mao là Tổ - Ân - Di - Trạch - Viễn) [2] còn “đông” muốn chỉ phương mặt trời mọc, đang dần dần vươn lên. Ông thường kính phục Lương Khải Siêu (Lương Nhậm Công) đã có biệt hiệu “Tử Nhậm”, đến lượt mình chọn tên chữ “Nhuận Chi”, trong đó chữ “nhuận” suy từ chữ “trạch” mà ra, ta vẫn nói “vũ lộ tư nhuận” (mưa móc tưới nhuận khắp nơi).

Hai người sinh cùng thời, Tưởng Giới Thạch lớn hơn Mao Trạch Đông 5 tuổi, và chết trước 1 năm. Tưởng Giới Thạch thọ 88 tuổi, Mao Trạch Đông 84, như vậy trong đó họ có những 83 năm từng “chung sống với nhau trên thế gian này”.

Luận về khí chất, hai người quả nhiên khác nhau. Tưởng Giới Thạch khí chất quân nhân, mỗi sớm tinh mơ đều thức dậy luyện tập, luôn đọc tam bảo thư: “Truyện Bismarck”, “Tăng hồ trị binh ngũ lược” và “Tăng văn chính công gia thư”. Tưởng Giới Thạch không hút thuốc, không uống rượu, thậm chí không ẩm trà, chỉ dùng nước trắng đun sôi, ưa các hải sản tươi, rau muối xào cá hoặc rau khô Thiệu Hưng.

Mao Trạch Đông tư chất thi nhân, thiện nghệ sáng tác thơ ca, thảo chương, đề từ, thức khuya dậy muộn, sách vở không rời tay, ông đã đọc không biết đến bao nhiêu lần cuốn “Tư trị thông giám”, muôn từ trong rối loạn của lịch sử tìm ra đôi điều kinh bang tế thế. Mao Trạch Đông chỉ uống chút ít rượu nho, nhưng liều mạng hút thuốc, ưa uống trà đậm, ăn ớt cay, và thường lấy thịt nướng làm thuốc “bổ não”.

Hai người có hành trình chính trị tương tự.

Năm 1924, Tưởng Giới Thạch được bổ nhiệm làm hiệu trưởng Trường sĩ quan lục quân Quốc dân đảng Trung Quốc (vì trường đóng quân tại Hoàng Phố - Quảng Châu, nên người ta thường gọi là Trường quân sự Hoàng Phố), và từ đó thế lực của ông trong quân đội ngày một phát triển, nắm dần quân quyền, từ uỷ viên hội đồng quân sự trở thành Tổng giám, rồi Tổng Tư lệnh Quân cách mạng Quốc dân đảng. Tưởng Giới Thạch xem quân đội là mạng sống của đời mình.

Còn Mao Trạch Đông, mùa thu năm 1927, phát động khởi nghĩa nông dân ở Hồ Nam, đảm nhận chức bí thư ban chấp hành tiền phương, sau đó

cùng Chu Đức hội sự tại Tỉnh Cương Sơn - Giang Tây, thành lập Quân cách mạng công nông Trung Quốc, Chu Đức làm chỉ huy, Mao Trạch Đông là người đại diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ đó Hồng quân Chu - Mao bắt đầu đối địch với Tưởng Giới Thạch và một danh ngôn của Mao Trạch Đông - “họng súng để ra chính quyền” cũng bắt đầu lưu truyền cùng thời.

Mao Trạch Đông từng nói, Tưởng Giới Thạch “xem quân đội như sinh mạng”, “có quân đội là có chính quyền, đấu tranh giải quyết tất cả”. Ông cười mà cho rằng: quân đội đối với Tưởng Giới Thạch như hòn đá treo trên cổ của Giả Bảo Ngọc, “về điểm này cần phải học tập ông ấy, và Tưởng Giới Thạch quả là tiên sinh của chúng ta!”

Mao Trạch Đông lại nói, “Đảng viên cộng sản không dành binh quyền cho cá nhân, mà vì đảng và nhân dân”. Ông cho rằng “họng súng để ra tất cả”, “thế giới chỉ có thể cải tạo bằng súng ống”. <sup>[3]</sup>

Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch đều là bạn của Nixon - Tổng thống Mỹ, Nixon đã so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa hai người như sau:

“Hai ông đều là người phương Đông và thật trùng hợp kì lạ, Mao Trạch Đông đi ra nước ngoài chỉ có 2 lần, năm 1949 và năm 1957, đều sang Mạc Tư Khoa để gặp gỡ các nhà lãnh đạo Liên Xô; Tưởng Giới Thạch cũng vậy, 2 lần, năm 1923 đi Liên Xô và năm 1943 với tư cách đại biểu của một trong bốn cường quốc dự hội nghị Cairo, Ai Cập. Ngoài công vụ hàng ngày, hai ông đều dành thời giờ ở nhà, rất ít xuất ngoại, Mao Trạch Đông làm thơ, còn Tưởng Giới Thạch thì bách bộ, ngâm vịnh cổ thi. Mao Trạch Đông phản đối sự chuyên chế của người cha và cả chế độ xã hội đương thời, Tưởng Giới Thạch phản đối sự hủ bại và quỳ gối nước ngoài của triều Mãn Thanh, cắt bím tóc đuôi sam trước Mao Trạch Đông 7 năm, hai vị đều là những nhà cách mạng”.

“Sự khác nhau giữa họ có chỗ nhìn rõ ngay, có chỗ rất sâu kín. Mao nói cười ung dung tự tại, trào lộng, châm biếm, còn Tưởng ít khi hàm tiếu và hay kín đáo. Chữ viết của Mao như rồng bay phượng múa, không phân rõ hàng lối, ngược lại Tưởng viết rất đoan chính, vuông vức, cách ô, cách hàng cẩn thận. Nói một cách cụ thể hơn, họ đều xem Trung Quốc là thần thánh, nhưng cách biểu hiện khác nhau. Cả hai đều yêu mến mảnh đất này, nhưng Mao thì muốn quét sạch tất cả quá khứ, còn Tưởng chủ trương xây dựng từ đây. Sau khi thu hút được thắng lợi, Mao giản hoá chữ Hán, vừa để

cho người dân dễ dàng học tập thoát nạn mù chữ và, theo tôi, vừa xoá đi những hàm ý rối rắm lịch sử đọng lại trong phồn thể của Hán tự. Tưởng thua trận, lúc bỏ chạy ra đảo Đài Loan chỉ kịp mang theo 400.000 văn vật đồ cổ, “vứt” lại hầu như rất nhiều trợ thủ, thuộc hạ từng trung thành với ông tại Hoa Lục”.

Tưởng Giới Thạch ưa sạch sẽ, ngăn nắp, văn phòng và doanh trại của ông đầu vào đầy, chỉnh tề, bóng loáng. Có một lần lưu trú tại chiêu đãi sở Phúc Đại - Đài Loan, không may khi tản bộ, Tưởng Giới Thạch ngẫu nhiên nhìn thấy bãi phân chó bên vệ cỏ. Ông nổi lòi đình, mắng chửi viên chủ quản chiêu đãi sở, khiến y ức quá mà chết luôn. Mao Trạch Đông cũng rất sạch sẽ, trong cuộc Vạn lý trường chinh từ Hoa Nam lên Diên An, ông chưa hề ngủ trên bất cứ giường của một ai, mà qua đêm bằng các tấm ván cửa. Ông ưa sạch, nhưng không chỉnh tề ngăn nắp, văn phòng, thư phòng và giường ngủ của Mao Trạch Đông đều bẽ bộn hàng chồng sách mới xem được một nửa. Mao Trạch Đông thích xem nhiều cuốn sách có nội dung hoàn toàn khác nhau, còn Tưởng Giới Thạch đọc xong cuốn này rồi mới lật sang cuốn khác.

Văn bản mà Tưởng Giới Thạch phát biểu, công bố phần lớn do thư kí dự thảo và ông sửa đi sửa lại nhiều lần. Ngược lại, Mao Trạch Đông như có cái duyên cầm bút, tự tay thảo chương, viết lách những gì sẽ nói sẽ đọc, một vài bài phát biểu miệng của ông do thư kí ghi chép hiện trường, chỉnh lí, trình duyệt sau để làm tài liệu. Không những thế, Mao Trạch Đông còn lấy danh nghĩa người bình luận của *Tân Hoa xã*, *Nhân Dân nhật báo*, *Giải Phóng nhật báo* viết xã luận, bài vở thậm chí kí cả tên của Chu Đức hay Bành Đức Hoài nữa.

Mao, Tưởng đối lập suốt cả một đời, hai chữ “chống cộng” luôn luôn quán xuyên đối với Tưởng Giới Thạch, đến như “một nước Trung Hoa” mà hai người thường nhắc tới cũng hoàn toàn khác nhau, một bên là CHND Trung Hoa, một bên là Trung Hoa dân quốc.

Đối thủ của Tưởng Giới Thạch trong Quốc dân đảng là Uông Tinh Vệ và Hồ Hán Dân, phải qua năm lần bảy lượt đấu tranh giành giật, mãi tới hội nghị Vũ Xương tháng 3 năm 1939 Tưởng Giới Thạch mới được bầu là Tổng tài, xác định vị trí lãnh tụ của ông trong Quốc dân đảng. Còn đối thủ của Mao Trạch Đông là Vương Minh, Bác Cô, Trương Quốc Đào, và cũng phải tới tháng 1 năm 1935, tại hội nghị Tuân Nghĩa ông mới trúng cử Chủ tịch Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trở thành lãnh tụ của đảng này.

Về đường hôn nhân luyện ái của hai người, kì lạ thay, cũng khá tương đồng.

Năm 14 tuổi, do thân mẫu là Vương Thái Ngọc chủ hôn, Tưởng Giới Thạch lấy Mao Phúc Mai lớn hơn mình 5 tuổi làm vợ (về sau do chữ “phức” khó nhận biết, dân quê bèn gọi là Mao Phúc Mai). Khi lên Thượng Hải, ông đã cùng chung sống với Diêu Di Thành người huyện Ngô, tỉnh Giang Tô, sau đó lại là Trần Khiết Như người Tô Châu, cuối cùng, với Tống Mỹ Linh kết thành vợ chồng chính trị. Người đời thường lấy chữ “Trung” trong Tưởng Trung Chính và chữ “Mỹ” trong Tống Mỹ Linh gắn với nhau và gọi đó là “cuộc hôn nhân Trung Mỹ” đầy huyền bí.

Mao Trạch Đông cũng 4 lần hôn thú, cũng năm 14 tuổi, vâng lời cha mẹ lấy người con gái họ La hơn mình 4 tuổi làm vợ, nhưng hai vợ chồng chưa hề ăn ở với nhau. Sau đó, lúc ở Trường Sa, Mao Trạch Đông yêu Dương Khai Tuệ và đã kết hôn. Khi lên Tỉnh Cương Sơn cùng chung sống với Hạ Tử Trân người Vĩnh Tân - Giang Tây. Thời kì ở Diên An, Giang Thanh - nữ diễn viên điện ảnh Thượng Hải (nghệ danh Lam Bình, bản danh Lý Vân Hạc) xuất hiện và cuối cùng Mao Trạch Đông chọn người này.

Tưởng Giới Thạch là một lãnh tụ độc tài với bàn tay sắt, ông thực hiện hình thức thống trị “tam nhất” (ba một): một chính đảng, một chủ nghĩa, một lãnh tụ, đó là Quốc dân đảng, chủ nghĩa tam dân và có lẽ mỗi một Tưởng Giới Thạch mà thôi. Tháng 7 năm 1945, tại Diên An, Mao Trạch Đông đã nói “Tưởng tiên sinh cho rằng thiên vô nhị nhật, dân vô nhị chủ, tôi, không tin là thuyết nên cứ để hai mặt trời mọc lên cho ông ấy xem”.

Quả nhiên Trung Quốc xuất hiện cục diện “thiên hữu nhị nhật, dân hữu nhị chủ”, kỳ thực thì trước khi Mao Trạch Đông đề xướng luận thuyết nêu trên, cục diện này đã xảy ra và tồn tại cho tới nay, lúc hai ông Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông đều đã qua đời.

Tưởng Giới Thạch một bên, Mao Trạch Đông một bên, với bàn cờ là 9,6 triệu cây số vuông lãnh thổ Trung Quốc và hai bên đã “chơi” một cuộc cờ làm chấn động cả thế giới.

Ghi lại cuộc cờ này, chúng ta sẽ được một bộ lịch sử hiện đại của Trung Quốc. Tất nhiên, trong cuộc đấu tranh phức tạp nêu trên không thiếu gì những cảnh gươm đao, súng đạn, pháo đập, lửa thiêu v.v... cũng có lúc hai bên phái khiến mặt sù, bàn việc nội tướng, đánh đánh đàm đàm, đàm đàm đánh đánh. Hai bên từng không tiếc lời chửi nhau, Tưởng Giới Thạch chửi Mao Trạch Đông là “Mao phỉ”, “phỉ đỏ”, “cộng phỉ”, “gian đảng”,

“gian quân” v.v... ngược lại, Mao Trạch Đông chửi Tưởng Giới Thạch là “độc phu dân tặc”, “kẻ thù chung của nhân dân”, “tội phạm chiến tranh số 1”, “bọn phỉ Tưởng” v.v... xem ra ngôn từ có vẻ phong phú hơn.

Ấy mà có lúc hai vị chủ soái đã tay bắt mặt mừng, cụng li cạn cốc, xưng hô lịch sự “Mao tiên sinh”, “Tưởng tiên sinh”. Những ngày hoà đàm ở Sơn Thành, Mao Trạch Đông biết Tưởng Giới Thạch không hút thuốc và cũng không ưa người nói chuyện với ông hút thuốc, bạn bè cận thân của Tưởng Giới Thạch là tay ghiền thuốc mỗi lần đi gặp ông đều phải súc miệng sạch sẽ, tránh hơi thuốc phả ra, gây khó chịu cho Tưởng Giới Thạch. Tất nhiên, Mao Trạch Đông không đến nỗi phải cần súc miệng, nhưng để tôn trọng Tưởng Giới Thạch, ông đã “cai thuốc” khi ngồi vào bàn hoà đàm hay nói chuyện ngoài hành lang. Tiểu tiết này làm Tưởng Giới Thạch vô cùng cảm động, ông nói với thuộc hạ: “Mao Trạch Đông, con người này không thể xem thường, ông ta là tay ghiền thuốc, hết điều này sang điều khác, nghe nói cả ngày phải cả ống (khoảng 50 điếu), thế mà lúc biết ta không hút thuốc, Mao tiên sinh đã tuyệt nhiên tạm ngừng khi đôi bên trò chuyện, tinh thần và quyết tâm ấy thật đáng trọng thị”. Còn Mao Trạch Đông, ông ưa dí dỏm, khi trả lời phỏng vấn phóng viên báo chí Quốc dân đảng: “Ngài có ấn tượng gì về Tưởng tiên sinh?”, ông nói: “Chữ Tưởng là chữ Tưởng dưới bộ Thảo, nên có thể gọi Thảo đầu tướng quân!” (ông tướng có cỏ trên đầu).

Một năm sau đàm phán ở Trùng Khánh - 1946, nữ kí giả người Mỹ hỏi Mao Trạch Đông, cũng về ấn tượng đối với Tưởng Giới Thạch, ông chỉ dùng 2 chữ trả lời gọn lỏn: “con hổ giấy!”

Quả nhiên, 3 năm sau, Mao Trạch Đông chiếm trọn lục địa, chiến thắng Tưởng Giới Thạch!

Hôm nay, khói súng đã tiêu tan, trọng pháo thôi gầm rú, hai kì thủ kẻ trước người sau đều rời nhân thế. Nghiên cứu hai kì thủ, cũng là hai người cầm cờ của hai đảng, nghiên cứu các thế cờ của cuộc cờ thế kỉ, ảnh hưởng của chúng đối với vận mệnh Trung Quốc khiến chúng ta hồi ức vô cùng và thật đáng quý.

Kì ngắn có câu “quân cờ làm bằng gỗ, nếu thua chơi lại!” (*Kỳ tử mộc đầu tác, thâm liễu trùng lai quá*), nhưng những ván cờ lịch sử thì không có cách nào “chơi lại”. Song quay về với chúng và quá vãng, để mà suy tư, để mà gợi mở, kể cũng không thừa!

**NĂM THÁNG ĐẦU TIÊN GẠT LỆ CHIA TAY,**

## MAO TRẠCH ĐÔNG LÊN ĐƯỜNG ĐI QUẢNG CHÂU

Chu Giang chậm chậm trôi, sóng bạc lấp lánh tựa như dải khăn quàng vờn trên cổ ngọc của thành Quảng Châu. Đã là tháng chạp mà nơi đây vẫn chưa hề lạnh lẽo, cây lá vẫn xanh tươi, ngàn hoa vẫn sắc thắm, tô vẽ cho Ngũ Dương thành này rực rỡ lạ thường.

Cuối năm 1923, Quảng Châu mùa xuân về sớm, ở đây chúng ta cũng có thể bắt gặp sắc cờ “thanh thiên, bạch nhật, mãn địa hồng” (bầu trời xanh, vàng dương trắng và đỏ khắp thế gian), cũng như chân dung Tôn Trung Sơn với kiểu tóc cắt bằng và chòm râu chữ “bát”. Những chiến sĩ quân cách mạng Dân quốc đầu đội mũ rộng vành, vai mang súng trường nghiêm trang đứng ở mọi nơi: bến xe, nhà ga, đầu cầu, cũng như trước các cao ốc. Chỉ ở phía Tây Nam, trên hòn đảo nhỏ Sa Diện là còn thấy quân Anh tuần tra canh gác, vì đó là tô giới của nước Anh. Từ năm 1840, sau khi cánh cửa lớn của Trung Quốc bị “trọng pháo” chiến tranh nha phiến phương Tây công phá mở toang, người Anh cho xây cất ở đây hàng dãy nhà lầu kiểu Âu Châu. Những con đường rải nhựa đen bóng cứ vờn dần vào nội thị, xe buýt đậu ở mọi nẻo, tuy nhiên các con hẻm vẫn còn chật hẹp và thiếu cả ánh nắng mặt trời. Quảng Châu nhộn nhịp, hình ảnh những phụ nữ bó chân, dáng đi núc ních chậm chạp như con vịt bầu, hoặc những thanh niên với bím tóc đuôi sam dài lướt thướt sớm lụi về dĩ vãng ở cái thành phố bị mở cửa bởi sức mạnh thuốc phiện của ngoại bang.

Một thanh niên dáng người cao ráo, mình mặc trường bào, chân đi giày vải Hồ Nam, tóc dài và ken dày, đôi mày tuy thưa, song mắt to và thật sáng, đáng chú ý nhất là nốt ruồi rất lớn ở ngay cằm phía trái... anh cắp chiếc ô che mưa làm bằng giấy dầu và từ tốn rảo bước trên đường phố Quảng Châu. Hình ảnh mô tả trên đây làm chúng ta nhớ lại hồi “văn cách”, Lưu Xuân Hoa đã vẽ một con người như vậy cùng lời tựa “Mao Trạch Đông đi An Nguyên”, họa phẩm sơn dầu này của Lưu từng được ấn hành 900 triệu bản và tán phát khắp nơi.

“Tam thập nhi lập”, Mao Trạch Đông vừa tròn 30 tuổi, ông sinh năm Quang Tự thứ 19 (Quý Tị) nhằm ngày 19 tháng 11 âm lịch. Lâu nay Mao Trạch Đông mừng sinh nhật đều theo ngày âm, mãi đến những năm 40 khi đã có tên tuổi bèn đổi thành dương lịch 26-12 (1893), và cũng thật kì lạ, ngày 26-12 năm 1923 này lại trùng hợp với âm lịch 19-11 Quý Hợi.



Mao Trạch Đông từ Trường Sa tới đây, ở đó tại số nhà 22 Thanh Thủy Đường phía ngoài cổng Tiểu Ngõ, hiền thê Dương Khai Tuệ, trưởng nam Ngạn Anh và thứ nam Ngạn Thanh vừa mới sinh đang ngóng chờ ông. Là người lấy cách mạng làm chức nghiệp, Mao Trạch Đông phải đi mây về gió, nam chinh bắc chiến, lần này đi cũng dễ đến hai tháng, gánh nặng gia đình trút cả lên vai người vợ trẻ, Mao tự lấy làm an ủi và động viên một mình. Huống hồ đây lại là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Quốc dân đảng Trung Quốc (theo cách nói tắt của người Hoa lục: “Nhất đại”, còn tập quán ở Đài Loan: “Nhất toàn”) và Mao Trạch Đông được mời với danh nghĩa đại biểu Hồ Nam, ông không thể vắng mặt. Trước khi lên đường đi Quảng Châu tham dự Nhất toàn, Mao Trạch Đông viết bài “Chúc tân lang”, như muốn bộc bạch tấm lòng mình với Khai Tuệ những tháng ngày qua, gạt lệ chia tay để dấn thân vì sự nghiệp. Cái tài và cái tình của ông đang múa trên trang giấy, ngay lúc bấy giờ Mao Trạch Đông quả là một thi nhân hèn người đời sau phải kính nể.

Mao Trạch Đông phải vượt qua Hằng Dương, với một quãng đường đầy gian nan mới tới được Ngũ Dương thành này. Quảng Châu là miền đất lạ đối với Mao Trạch Đông, nhưng “trước lạ sau quen”, vì cũng gần đây thôi, tháng 6 - 1923, theo giấy triệu tập của Trần Độc Tú, ông cùng 40 đại biểu khác đã về Nam quốc chi thành - Quảng Châu dự Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chủ đề của Tam đại lần ấy là thực hiện Quốc - Cộng hợp tác, đại biểu Quốc tế Cộng sản lúc bấy giờ là Ma-lin, người Hà Lan, vóc dáng trắng kiêu, giọng nói âm vang đã truyền đạt quyết nghị của tổ chức, yêu cầu các đảng viên cộng sản Trung Quốc với danh nghĩa cá nhân gia nhập hàng ngũ Quốc dân đảng để triển khai sách lược hợp tác giữa hai đảng. Trương Quốc Đào kiên quyết phản đối, Mao Trạch Đông tích cực ủng hộ, kết quả: Trương rút khỏi Ban chấp hành Trung ương; còn Mao trúng cử với quá bán 34 phiếu. Đại hội bầu 5 người làm ủy viên trung ương, Trần Độc Tú vẫn là ủy viên trưởng, và Mao Trạch Đông thư kí, phụ trách công việc hàng ngày của ban chấp hành. Theo nghị quyết của Tam đại, Mao Trạch Đông gia nhập Quốc dân đảng, trở thành “phần tử liên đảng”, vừa là đảng viên cộng sản, vừa là đảng viên quốc dân. Tháng 9 năm ấy, Mao Trạch Đông cùng trung ương chuyển lên Thượng Hải, rồi sau đó không lâu ông về Trường Sa và lần này với tư cách đại biểu Hồ Nam, Mao Trạch Đông dự Nhất đại của Quốc dân đảng...

**TÔN TRUNG SƠN ĐIỆN BÁO THỨC GIỤC  
TƯỚNG GIỚI THẠCH MAU VỀ QUẢNG CHÂU**

Cùng lúc Mao Trạch Đông trên đường đến Quảng Châu liên tục từ nơi đây điện báo phát về Khê Khẩu - một trấn nhỏ miền Phụng Hoá tỉnh Triết Giang, thúc giục Tưởng Giới Thạch đang chú tâm làm lễ minh thọ [4] sáu mươi cho thân mẫu Vương Thái Ngọc, mau mau trở lại Quảng Châu.

Khe Khẩu nổi tiếng non xanh nước biếc, nơi hội lưu của hai dòng sông rồi tiếp tục uốn lượn giữa hai rặng núi và đổ về biển. Hàng trăm ngôi nhà tường xanh ngói xám được xây cất bên này bờ nam, còn phía bên kia bờ bắc là cả một phố chợ chạy dài như hình con cá, gồm hàng gạo, hàng mì, hiệu tạp hoá, quán cơm, quán rượu v.v... đông vui nhộn nhịp, và người ta gọi đây là trấn Khê Khẩu.

Khe Khẩu là đại bản doanh của họ Tưởng, phải hơn nửa số dân ở đây mang họ này. Phía đông của Khê Khẩu có cổng thành, trên ghi 3 chữ: “Võ lĩnh môn”, qua khỏi Võ lĩnh môn, men theo một con đường hẹp đến lầu đài hai tầng, xung quanh bao bọc bởi tường vây màu trắng, đó là dinh cơ của tổ tiên Tưởng Giới Thạch, sau có tên gọi “Phong cảnh phòng”. Hai chữ “phong” và “cảnh” đều có lai lịch từ điển tích “lưỡng Chu Văn võ, lưỡng vương Tống đốc, rằng Chu Văn Vương dựng đô ở Phong Ấp, còn Chu Võ Vương thì ở Cảo Kinh. Phong cảnh phòng có tiểu viện và 10 gian nhà, thật là một tổ cư nơi trấn nhỏ Khê Khẩu này.

Ông nội của Tưởng Giới Thạch tên là Tưởng Ngọc Biểu đã mở ba gian hàng với bảng hiệu: “Ngọc Thái diêm phố” ở Khê Khẩu chuyên bán muối, vôi, rượu và gạo. Tưởng Ngọc Biểu sinh được hai con trai, trưởng nam Tưởng Triệu Hải, thứ nam Tưởng Triệu Thông. Người anh thứ hai của Tưởng Ngọc Biểu không có con cái, nên ông đã cho trưởng nam của mình là Triệu Hải về ở với anh làm người kế nghiệp, và giao thứ nam Triệu Thông đảm đương công việc kinh doanh Ngọc Thái diêm phố.

Triệu Thông khôn ngoan lanh lợi, có đầu óc buôn bán, được thân phụ giao phó cả cơ nghiệp cửa hàng, ông đã khuếch trương kinh doanh, làm ăn phát tài, nổi danh cả trấn Khê Khẩu, đi đâu cũng dương dương tự đắc. Tưởng Triệu Thông đầu tiên lấy con gái họ Từ làm vợ, bà sinh được một trai một gái, trưởng nữ Tưởng Thụy Xuân, và thứ nam Tưởng Thụy Sinh (dân trấn thường gọi Tưởng Giới Khanh). Năm 1882 (tức Quang Tự thứ 8), lúc Triệu Thông 41 tuổi, Từ thị không may lâm bệnh qua đời, chẳng bao lâu ông tục huyền, cưới Tôn Thị làm kế thất và lại “sát thê”. Khi ấy, viên kế toán Ngọc Thái diêm phố là Vương Hiền Đông bèn giới thiệu cô em họ Vương Thái Ngọc cho Triệu Thông và ông ưng thuận ngay.

Vương Thái Ngọc mới 22 tuổi, đã có một đời chồng với người họ Trúc, anh chàng này tính nết cục cằn, thô lỗ, thường hành hạ mắng chửi Vương thị, rồi sớm lâm bệnh, chết non. Sau khi goá bụa, Vương Thái Ngọc định đi tu, nhưng nghe lời anh họ, thị cũng đành nhắm mắt đưa chân, lên kiệu hoa về Ngọc Thái diêm phủ vào năm 1886. Ngày 15 tháng 9 Quang Tự thứ 13 nhằm 31.10.1887 Tây lịch, tại đông phòng Ngọc Thái diêm phủ, bà sinh hạ con trai cho họ Tưởng, bà xứng đáng là người vợ làm rạng danh Triệu Thông, nhạc phụ Tưởng Ngọc Biểu mừng rỡ liền đặt tên cho hạt giống Tưởng gia là Thụy Nguyên, phả danh Chu Thái, tên trung học là Chí Thanh, tự Giới Thạch, về sau đi theo Tôn Trung Sơn lại cải danh thành Trung Chính. Tưởng Giới Thạch chỉ còn một người em gái là Tưởng Thụy Liên, hai người em khác - Thụy Cúc và Thụy Thanh đều chết yểu từ bé.

Năm 1895, lúc lên tám, Tưởng Giới Thạch mồ côi cha, cả nhà chuyển vào Phong cáo phòng sinh sống, mọi công việc dạy dỗ, nuôi nấng đều trông vào thân mẫu, nên ông rất quý mến và có hiếu với bà.

Thuở nhỏ, lúc chơi trò đánh trận giả, Tưởng Giới Thạch rất thích tự xưng là đại tướng quân, và lớn lên quả nhiên chức danh “đại tướng quân” đã theo ông suốt đời, nhưng có ba lần mấu chốt mà khi nghiên cứu thân thế và sự nghiệp Tưởng Giới Thạch, người ta không thể không nhắc tới.

Lần thứ nhất năm 1906, lúc Tưởng Giới Thạch 19 tuổi và đang học ở trường trung học Long Tân - Phụng Hoá thì được đưa sang Nhật Bản theo ngành quân sự, tại đây ông quen thân với Trần Kỳ Mỹ. Nhờ Trần giới thiệu, năm 1908 Tưởng Giới Thạch gia nhập Đồng minh hội. Ông cùng Trần Kỳ Mỹ, Hoàng Khổng kết nghĩa anh em. Sau khi về nước, Trần giữ chức đốc quân đội Thượng Hải kiêm Tổng Tư lệnh thảo Viên quân [5], còn Tưởng Giới Thạch, dưới trướng của Kỳ Mỹ, ông được cử làm trung đoàn trưởng trung đoàn số 5.

Lần thứ hai là năm 1922, cũng nhờ quan hệ với Trần Kỳ Mỹ mà Tưởng Giới Thạch đã đi theo Tôn Trung Sơn. Năm 1914, Trung Hoa cách mạng đảng (tiền thân của Quốc dân đảng Trung Quốc) thành lập, Tôn Trung Sơn làm Tổng lý, Trần Kỳ Mỹ làm Bộ trưởng tổng vụ. Hai năm sau, Trần bị ám hại ở Thượng Hải, và đây là lúc Tưởng Giới Thạch tìm đến với Tôn Trung Sơn. Mùa xuân năm 1918, Tôn Trung Sơn bổ nhiệm Tưởng Giới Thạch làm chủ nhiệm phòng tác chiến bộ Tổng Tư lệnh quân đội. Tuy nói rằng đã có lúc nhận thấy không có thực quyền, Tưởng Giới Thạch bèn xin Tôn Trung Sơn cho từ chức trở về Thượng Hải lao vào làm ăn với thị

trường chứng khoán. Nhưng năm 1921, khi nghe Tôn Trung Sơn kêu gọi, ông liền đi Quế Lâm tham gia trừ bị công việc Bắc phạt. Ngày 16.6.1922, Trần Quýnh Minh bội phản, cho lính nổ pháo vào phủ Tổng thống của Tôn Trung Sơn ở Quảng Châu, Tôn điện khẩn cho Tưởng mau về ứng viện. Tưởng Giới Thạch kịp thời hỗ trợ Tôn Trung Sơn phản kích quân đội của Trần Quýnh Minh, và ngày 10.8.1922 hộ tống Tôn rời Quảng Châu đi Thượng Hải. Nhân dịp này, Tưởng Giới Thạch đã viết cuốn “Tôn đại Tổng thống Quảng Châu mộng nạn kí” và được cất nhắc lên chức tham mưu trưởng đại bản doanh.

Lần thứ ba, chính là lúc này, Tôn Trung Sơn đang thúc giục Tưởng Giới Thạch nhanh chóng trở lại Quảng Châu để chuẩn bị xây dựng trường quân sự Hoàng Phố. Ông nhớ lại những kỉ niệm khó quên trên chiến hạm Vĩnh Phong lúc Tưởng Giới Thạch xả thân che chở, đưa ông thoát khỏi vòng hiểm nguy, tạm lánh về Thượng Hải mà lòng càng tin tưởng viên tướng trẻ họ Tưởng.

Vì sao Tưởng Giới Thạch lại từ bỏ Quảng Châu, nơi phong ba bão táp, để nấu mình ở Khê Khẩu - một trấn nhỏ vô cùng yên tĩnh và không mấy nổi danh? Phần vì thân mẫu và lễ minh thọ, nhưng phần do cảm thấy vẫn chưa có thực quyền, đã có lúc ông “bức rức, trăn trở, sách chẳng buồn xem, việc chẳng muốn làm, định tự sát!”.

Lúc bấy giờ Tôn Trung Sơn đang thực hiện ba chính sách lớn “liên Nga, thân Cộng, giúp đỡ công nông”, quan hệ với Liên Xô ngày một bền chặt. Đại diện Quốc tế Cộng sản là Ma-lin đã đề nghị Tôn Trung Sơn cử đoàn đại biểu sang thăm Liên Xô. Tưởng Giới Thạch may mắn được Tôn Trung Sơn giao cho nhiệm vụ làm trưởng đoàn cùng ba thành viên khác là Trương Thái Lô, Thẩm Định Nhất và Vương Đăng Vân lên đường Tây du. Trương Thái Lô là một chiến sĩ cộng sản trứ danh, năm 1920 đã tham gia nhóm chủ nghĩa cộng sản ở Bắc Kinh, nói tiếng Anh rất lưu loát. Thẩm Định Nhất cũng là đảng viên cộng sản, một mãnh tướng của tạp chí “Tân thanh niên”. Còn Vương Đăng Vân làm thư kí Anh ngữ cho Tưởng Giới Thạch. Ngày 16-8-1923 đoàn khởi hành, ở thăm Liên Xô ba tháng, khi đến Mạc Tư Khoa đoàn định xin gặp Lênin nhưng không được đáp ứng vì Người đang nằm viện để cứu chữa do bị ám sát. Tại đây, Tưởng Giới Thạch và các thành viên của đoàn đã gặp gỡ và làm việc với nhiều cán bộ lãnh đạo Liên Xô lúc bấy giờ, ngoài ra còn gặp nhà cách mạng Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc cũng vừa tới Mạc Tư Khoa. Tưởng Giới Thạch được các nhà lãnh đạo Liên Xô sắp xếp chương trình nghiên cứu khảo sát về quân sự, tham

quan nhiều học viện đào tạo sĩ quan và khi xung hô với nhau, hai bên đều dùng đại từ “đồng chí” phát âm theo tiếng Nga - “ta-va-rit”. Ngày 15.12.1923, Tưởng Giới Thạch cùng đoàn đại biểu đáp tàu thủy về đến Thượng Hải, sau khi vội vàng báo cáo sơ qua với Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ, ngay hôm ấy Tưởng Giới Thạch liền tiếp tục hồi hương và đúng ngày 16.12.1923 có mặt ở Khê Khẩu.

Tưởng Giới Thạch nóng lòng như vậy vì hôm nay chính là ngày mình thọ sáu mươi cho thân mẫu Vương Thái Ngọc. Mùa xuân năm 1921, lão bà lâm bệnh nặng, đích thân Tưởng Giới Thạch chăm nom thuốc thang để báo đáp công sinh thành dưỡng dục. Lúc bấy giờ Tôn Trung Sơn dẫn quân xuất chinh Quảng Tây nên đã điện khẩn cho Tưởng Giới Thạch có mặt ở Quảng Châu lo việc nội tướng, ông không thể từ nan, nhưng cũng chỉ năm ngày ở đó mà thôi, trở về Khê Khẩu vào đúng ngày 14 tháng 6 thì thân mẫu quy tiên, thọ chưa tròn lục tuần.

Những ngày ở Khê Khẩu làm lễ minh thọ sáu mươi cho mẹ, Tưởng Giới Thạch trú tại Từ Am gần ngay lăng mộ của bà, tranh thủ viết xong bản “Du Nga báo cáo thư” rồi cử người trình cho Tôn Trung Sơn.

Ngày 30.12.1923, Tôn Trung Sơn lại điện giục Tưởng Giới Thạch “mau về Quảng Châu báo cáo cụ thể kết quả khảo sát ở Liên Xô và chuẩn bị phương án hợp tác Trung - Nga”, song ông vẫn nán ná ở Từ Am lo nhang khói cho mẹ và ngày ngày bách bộ nghĩ suy... đường đường là trưởng một phái đoàn thay mặt cho Tôn Trung Sơn sang thăm và khảo sát ở Liên Xô mà lại bị gạt ra ngoài danh sách đại biểu chính thức đi dự Nhất toàn của Quốc dân đảng Trung Quốc...

Mồng một tết Giáp Tý, nhằm 5.2.1924 Tây lịch, sau khi dẫn đo mọi bề, Tưởng Giới Thạch quyết định trở về Quảng Châu, không ngờ hai ngôi sao lớn trên chính trường Trung Quốc lại sớm gặp nhau ở Ngũ Dương thành này, ghi một cột mốc khởi đầu quan trọng trong cuộc cờ thế kỉ giữa họ - Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch.

### **ĐẠI HỘI LẦN THỨ NHẤT QUỐC DÂN ĐẢNG BỎ RƠI TƯỚNG GIỚI THẠCH**

Ngày 16 tháng 1 năm 1924, khi Tưởng Giới Thạch trở lại Quảng Châu, trung tâm cách mạng của Trung Quốc lúc bấy giờ thật náo nhiệt và bận rộn. Cả thành phố rợp một màu cờ, dân Ngũ Dương vốn ham buôn bán nay cũng bàn tán chính trị, nào Quốc - Cộng hợp tác, nào Tôn Tổng lý triệu tập Quốc dân đảng Nhất toàn v.v... Quân lính súng ống nai nịt tuần tra đi lại khắp thành phố, thể như sục sôi một cao trào cứu nước cứu nhà, ngựa xe

rộn rịp đưa đón người tứ xứ, giọng nam giọng bắc từ khắp nơi về dự Nhất toàn. Họ gồm 165 đại biểu trong nước và 31 hải ngoại, thế mà vẫn không tìm thấy ba chữ “Tuồng Giới Thạch”, có một đại biểu khu đặc biệt Hán Khẩu, trùng tên “Giới Thạch” nhưng lại là họ “Bành”. Những nhân vật trứ danh, bô lão của Quốc dân đảng như Liêu Trọng Khải, Đới Quý Đào, Vũ Hữu Nhậm v.v... những đại biểu của Đảng Cộng sản tham gia vào hợp tác như Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu, Cù Thu Bạch, Mao Trạch Đông v.v... đều có mặt.

Ngày 24 tháng 11 năm 1894, lúc 28 tuổi, Tôn Trung Sơn đã nhóm họp hơn 20 Hoa kiều ở Mỹ thành lập một tổ chức phản Thanh gọi là Hưng Trung hội, thông qua điều lệ của hội do Tôn khởi thảo và tuyên thệ “chống ngoại xâm, khôi phục Trung Hoa, thành lập chính phủ đại chúng”. Từ khi Hưng Trung hội ra đời, các nơi trong nước nhiệt liệt hưởng ứng tôn chỉ của hội và cũng nhóm thành nhiều đoàn thể phản Thanh. Ngày 20 tháng 8 năm 1905, tại Tokyo, Tôn Trung Sơn lại chủ trì đại hội thành lập Trung Quốc Đồng minh hội. Đồng minh hội là tổ chức liên hợp giữa Hưng Trung hội, Hoa Hưng hội, Quang Phục hội, do Tôn Trung Sơn làm Tổng lý. Ngày nay người ta quen gọi người đứng đầu chính phủ là “Tổng lý” (thủ tướng), nhưng lúc bấy giờ “Tổng lý” có nghĩa là thủ lĩnh một chính đảng. Tôn chỉ của Đồng minh hội rõ ràng hơn, “chống ngoại xâm, khôi phục Trung Hoa, xây dựng dân quốc, quyền lợi bình đẳng” và được khái quát thành chủ nghĩa tam dân (dân tộc, dân quyền, dân sinh).

Trung Quốc Đồng minh hội lãnh đạo khởi nghĩa Vũ Xương ngày 10 tháng 10 năm 1911, lật đổ vương triều nhà Thanh, kết thúc những thiên kỉ dằng dặc của chế độ phong kiến ở Trung Quốc. Theo lịch cũ Trung Hoa, đó là năm Tân Hợi và vì vậy cuộc cách mạng nói trên có tên gọi Cách mạng Tân Hợi. Ngày 1 tháng 1 năm 1912, lúc 46 tuổi, Tôn Trung Sơn đứng ra thành lập chính phủ lâm thời Trung Hoa dân quốc, tự mình đảm nhận chức vụ Tổng thống lâm thời, và đặt niên hiệu Trung Hoa dân quốc năm thứ nhất từ đó.

Ngày 25 tháng 8 năm 1919, Tôn Trung Sơn liên tục họp nhất Đồng minh hội với nhiều tổ chức chính trị khác như đảng Cộng hoà thống nhất, Quốc dân cộng tiến hội, Quốc dân công đảng, Cộng hoà thực tiến hội thành Quốc dân đảng và ông đảm nhận chức vụ Lý sự trưởng (thủ lĩnh) của đảng này. Ngày 23 tháng 6 năm 1992 vừa qua, người ta đã xác nhận di tích lịch sử - nơi ra đời của Quốc dân đảng (Tôn Trung Sơn), ở Bắc Kinh. Quốc dân đảng do Tôn Trung Sơn sáng lập và đảng Cộng hoà Trung Quốc do Viên



Thế Khải cầm đầu trở thành hai tổ chức chính trị đối kháng trong quốc hội lúc bấy giờ. Ngày 4 tháng 11 năm sau (1913) quả nhiên Viên Thế Khải ra lệnh giải tán Quốc dân đảng, Tôn Trung Sơn phải lưu vong sang Nhật Bản.

Ngày 8 tháng 7 năm 1914, tại Nhật Bản, Tôn Trung Sơn tuyên bố thành lập Trung Hoa Cách mạng đảng, thực chất là những phần tử cốt cán của Quốc dân đảng đang hoạt động bí mật nhằm bảo vệ thành quả của Cách mạng Tân Hợi. Ngày 10 tháng 10 năm 1919 (cũng là ngày song thập như 18 năm trước), Tôn Trung Sơn cải tổ Trung Hoa Cách mạng đảng thành Trung Quốc Quốc dân đảng (thêm hai chữ Trung Quốc đứng đầu để phân biệt với Quốc dân đảng năm 1912), ông làm Tổng lý và nêu cao tôn chỉ “củng cố cộng hoà, thực hiện chủ nghĩa tam dân”.

Con đường khúc khuỷu của chính đảng Tôn Trung Sơn là như vậy, từ 1894 với Hưng Trung hội cho đến nay Trung Quốc Quốc dân đảng 1919, ra đời trước đảng Cộng sản, nhưng đại hội lần thứ nhất lại chậm thua gần ba năm. Người ta dùng hai chữ “Trung Cộng” để gọi tắt Trung Quốc Cộng sản đảng, cách xưng hô này đã thành thói quen trong và ngoài đảng, về sau Tưởng Giới Thạch có sáng tác thêm một thuật ngữ là “Cộng đảng”, nhưng chỉ đơn phương sử dụng mà thôi. Theo cách gọi tắt như trên, Trung Quốc Quốc dân đảng sẽ là “Trung Quốc” hoặc “Trung Dân”, xem ra không ổn, nên trước sau vẫn là “Quốc dân đảng”.

Trở lại với nhân vật Tưởng Giới Thạch, người bị Nhất toàn lạnh lùng bỏ rơi, độc giả sẽ nhận thấy những điều trắc ẩn của ông. Theo ông, “Quang Tự thứ 33, tôi gia nhập Đồng minh hội”, có nghĩa là năm 21 tuổi (tính cả tuổi mụ bà) Tưởng Giới Thạch đã là đảng viên Quốc dân đảng, không thể sánh vai với các bậc bô lão như Trần Kỳ Mỹ, Hồ Hán Dân, Liêu Trọng Khải v.v... nhưng với một thành viên 17 tuổi đảng như Tưởng Giới Thạch mà không được xếp vào danh sách đại biểu chính thức của Nhất toàn thì thật đáng suy nghĩ, ngay như trường hợp Hàng Hạnh Tề - đại biểu Triết Giang lâm bệnh vắng mặt, Tưởng Giới Thạch vẫn đứng ngoài dự thính, mặc dầu ông là người cùng tỉnh, tưởng sẽ thế chân. Tưởng Giới Thạch có đoán mà vẫn không rõ Tôn Trung Sơn gọi ông về Quảng Châu để làm gì?

### **MAO TRẠCH ĐÔNG QUA NHẤT TOÀN TIẾN LÊN TẦNG CAO CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG**

Trong khi đó, Mao Trạch Đông với số thẻ 39 nghiêm nhiên ngồi vào hàng ghế đại biểu chính thức của đại hội và nhiều lần lên diễn đàn phát biểu. Hôm ấy là ngày 20 tháng 1 năm 1924, tại hội trường trường Cao đẳng sư phạm Quảng Đông, Tôn Trung Sơn đồng đặc tuyên bố “Cách mạng đảng

đã lật đổ triều đình Mãn Thanh, thành công đầu tiên là khởi nghĩa Vũ Xương, ngày hôm đó là song thập - mồng mười tháng mười, một ngày đáng ghi nhớ của chúng ta. 13 năm sau, để kỉ niệm khởi nghĩa Vũ Xương, hôm nay chúng ta mở đại hội lần thứ nhất của Quốc dân đảng, cũng lấy ngày “song thập” (20), tất cả đều có ý nghĩa lịch sử...”

Hội trường treo đảng kì của Quốc dân đảng - cờ “thanh thiên bạch nhật”, khi khai mạc, Tôn Trung Sơn cùng tất cả đại biểu đứng dậy hướng về đảng kì lay ba lay như thể nghi thức chào cờ ngày nay. Năm 1894, lúc Tôn Trung Sơn sáng lập Hưng Trung hội, một hội viên tên gọi Lục Hạo Đông đã thiết kế lá cờ này, màu xanh tượng trưng cho thanh niên, chính giữa là mặt trời trắng, toả tia sáng ra bốn phương. Ban đầu số tia sáng không quy định cụ thể, sau đó Tôn Trung Sơn đề nghị nên 12, vừa là 12 can chi, vừa là 12 thời khắc. Hoàng Hưng nhận thấy cờ chỉ có hai màu xanh trắng không đẹp, Tôn Trung Sơn đồng ý và thêm vào màu đỏ thành tên gọi “thanh thiên, bạch nhật, mẫn địa hồng”. Ba màu xanh trắng đỏ còn tượng trưng cho tự do, bình đẳng, bác ái. Năm nhậm chức Tổng thống lâm thời Trung Hoa dân quốc, Tôn Trung Sơn quyết định lấy “thanh thiên, bạch nhật, mẫn địa hồng” làm quốc kì, còn đảng kì chỉ có phần “trời xanh, vầng dương trắng” mà thôi.

Nơi “chôn rau cắt rốn” của Quốc dân đảng là Bắc Kinh, còn nay Quảng Châu - trung tâm cách mạng của Trung Quốc là địa điểm cử hành Nhất toàn bầu cơ quan lãnh đạo của đảng. Sau này trường Cao đẳng sư phạm hợp nhất với hai trường Chuyên nghiệp nông học, Chuyên nghiệp pháp luật và chính trị thành Đại học Trung Sơn tồn tại và phát triển cho tới ngày nay, là nhân chứng của cuộc gặp mặt đầu tiên giữa Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch.

Sáng ngày 30 tháng 1 năm ấy, Nhất toàn đã bầu cử được các uỷ viên chính thức và uỷ viên dự khuyết ban chấp hành trung ương của Quốc dân đảng, trong 24 uỷ viên chính thức có ba vị là đảng viên Trung Cộng (Đàm Bình Sơn, Lý Đại Chiêu, Vu Thụ Đức), và trong 17 uỷ viên dự khuyết có bảy vị là cộng sản (Mao Trạch Đông, Cù Thu Bạch, Trương Quốc Đào, Thẩm Định Nhất, Lâm Tổ Hàm, Vu Phương Châu, Hàn Lâm Phù).

Chiều hôm ấy, từ hội trường Cao đẳng sư phạm Quảng Đông vang lên ba lần tiếng hô như sấm dậy “Trung Quốc Quốc dân đảng muôn năm”, hai nhân vật của cuốn sách này, người đại biểu chính thức và tiến vào tầng cao lãnh đạo, kẻ dự thính ngồi suy ngẫm sự đòi chắc đều phải ba lần giơ tay và hưởng ứng “muôn năm, muôn năm” và “muôn năm”.



Mao Trạch Đông lên đường đi Thượng Hải, làm việc tại cơ quan ban chấp hành Quốc dân đảng ở đó. Còn Tưởng Giới Thạch? Theo phân công của Tôn Trung Sơn, làm trưởng ban trù bị thành lập trường sĩ quan lục quân, sau này thường gọi trường quân sự Hoàng Phố vì địa điểm của nó là đảo Hoàng Phố, Trường Châu trên sông Châu Giang, ngoại ô Quảng Châu.

Qua nhiều năm thất bại, Tôn Trung Sơn rút ra bài học: cần phải có trong tay một lực lượng quân đội mạnh và ông quyết định bắt đầu từ việc xây dựng trường đào tạo sĩ quan. Cũng theo Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch từng du học quân sự ở Nhật Bản, là một tướng tài, ông chỉ muốn dựa vào Tưởng Giới Thạch trong lãnh vực vũ trang mà không đào tạo Tưởng Giới Thạch trở thành nhà hoạt động chính trị, cho nên trong Nhất toản Tưởng Giới Thạch bị “bỏ rơi”, Tôn Trung Sơn hi vọng Tưởng sẽ chuyên tâm cho nhà trường. Tưởng Giới Thạch chưa hiểu hết ý nghĩa của vấn đề, ngày 21 tháng 2 ông đệ đơn từ chức trưởng ban và trở về Khê Khẩu.

Lúc này Mao Trạch Đông đã đến Thượng Hải, ông vừa làm việc cho Trung Cộng ở Cục Trung ương, vừa làm việc cho Quốc dân đảng ở cơ quan ban chấp hành. Hai ngôi sao trên chính trường Trung Quốc tạm thời cùng toạ lạc ở Quảng Châu khoảng hơn một tháng, nay kẻ nam người bắc, kẻ khóc người cười, song chưa có gì phải quan ngại, bởi vì họ đang đều là những quân cờ.

### **VÀ ĐẾN LƯỢT MAO TRẠCH ĐÔNG SA CHÂN VÀO NGỊCH CẢNH**

Hai người xa nhau dễ phải hơn năm rưỡi, nay gặp lại. Tưởng Giới Thạch đã hoàn toàn khác xưa, binh quyền nắm chắc trong tay và nghiêm nhiên là tân quý tộc của Quốc dân đảng, còn Mao Trạch Đông - mệt mỏi, xanh xao và theo cách nói của ông, “Triệu Hằng Thích <sup>[6]</sup> đem quân đuổi bắt tôi, nên phải chạy về Quảng Châu”. Ở Thượng Hải, Mao Trạch Đông thường lui tới số nhà 44 trên đường Hoàn Long (nay là đường Nam Xương) thuộc tô giới của Pháp, đó là trụ sở cơ quan ban chấp hành Quốc dân đảng thành phố, ông đảm nhiệm chức vụ chủ nhiệm khoa văn thư của ban thư kí kiêm thư kí của ban tổ chức, thường ghi chép biên bản cho các hội nghị ban chấp hành. Còn bên Trung Cộng, Mao Trạch Đông cũng là thư kí, và đây là một chức nghiệp đem đến cho ông nhiều phiền toái. Đối với Quốc dân đảng, lí lịch của Mao chưa mấy nổi danh, trong con mắt các bô lão, ông chỉ là “thằng bé tóc còn để chỏm” và trước tiên bị Diệp Sở Thương bài xích. Diệp người Giang Tô, tuy chỉ lớn hơn Mao Trạch Đông năm tuổi, nhưng từ

năm 1908 đã gia nhập Đồng Minh hội năm 1912 sáng lập tờ “Thái Bình Dương nhật báo”, năm 1916 làm tổng biên tập tờ “Dân quốc nhật báo”, sau Nhất toàn ông là uỷ viên trung ương Quốc dân đảng trực tiếp làm uỷ viên thường vụ thành uỷ Thượng Hải. Diệp luôn luôn gây khó khăn cho Mao, không chỉ vì Mao, một “thằng bé tóc còn để chỏm” sớm đã leo cao, hơn thế nữa, còn là đảng viên cộng sản, “phản tư liên đảng”. Diệp là người phản đối chủ trương “liên Nga, thân Cộng” của Tôn Trung Sơn, và hiển nhiên, nay dưới trướng của Diệp, Mao Trạch Đông chẳng khác gì một nàng dâu khổ sở. Ngày 17 tháng 11 năm 1924, trên đường công cán phía bắc, Tôn Trung Sơn ghé qua Thượng Hải, Mao Trạch Đông đã trình lên ông một bức thư gồm ba chữ kí của Uân Đại Anh, La Chương Long và Mao đều là nhân viên cơ quan thành uỷ, nội dung ghi rõ: “kinh phí từ tháng 8 đến nay chưa được cấp phát, nội bộ thiếu người chủ trì, công việc của thành uỷ bị đình trệ, nhân viên đã bốn tháng nay chưa nhận lương, khó khăn vô cùng, không sao nói hết, mong Tổng lý nhanh chóng cử chuyên viên tiến hành điều tra giải quyết”. Khi viết thư này để gửi cho Tôn Trung Sơn, quả tình gia cảnh của Mao Trạch Đông thật túng bấn, sáu tháng nay Dương Khai Tuệ và hai con Ngạn Anh, Ngạn Thanh từ quê đã bồng bế nhau lên Thượng Hải chung sống cùng Mao Trạch Đông mà cả nhà chưa có lấy một đồng lương.

Phía Trung Cộng, ban đầu Mao Trạch Đông làm việc thật xuất sắc, hầu như các văn bản của trung ương đều do ông khởi thảo và cùng kí tên với Trần Độc Tú. Sau đó không lâu, sự bất đồng giữa Tổng bí thư Trần Độc Tú và Mao Trạch Đông đã nảy sinh, cộng thêm tác phong “gia trưởng” của Trần, càng làm cho Mao khó ở. Nhà dột lại gặp mưa dai. Mao Trạch Đông năm canh suy nghĩ, mất ngủ, làm việc chểnh mảng, cuối cùng thì đổ bệnh.

Cũng như Tưởng Giới Thạch - người rất yêu mến quê hương bản quán, những khi thất sủng thường trở về nơi chôn rau cắt rốn ngỏ hầu đôi phần an ủi, Mao Trạch Đông nặng tình cố hương hàng xóm, ông đệ đơn “hồi hương dưỡng bệnh”, dắt vợ bồng con rời Thượng Hải đi Hồ Nam. Ngày 11 tháng 1 năm 1925, khi vắng Mao Trạch Đông, Trần Độc Tú triệu tập Tứ đại của Trung Cộng, tổ chức tại Thượng Hải, bầu lại ban chấp hành trung ương, vẫn do Trần chủ trì, còn Mao thì bị đẩy ra ngoài. Từ vị trí thứ hai sau Trần Độc Tú ở Tam đại, nay Mao Trạch Đông lại hoàn tay không.

Đời bồng chốc mà lên voi, mà xuống chó, thật trớ trêu thay!

**TƯỚNG GIỚI THẠCH LÊN VOI  
NHẬN CHỨC HỆU TRƯỞNG TRƯỞNG QUÂN SỰ HOÀNG  
PHỐ**

Như Mao Trạch Đông, Tưởng đã từ chức sau Nhất toàn trở về cố hương Khê Khẩu, sau đó không lâu, ngày 29 tháng 2 năm 1924, ông nhận được điện báo của Tôn Trung Sơn do thành uỷ Thượng Hải chuyển tới: “Trường sĩ quan giao huynh đảm nhiệm, cần bắt tay thực hiện kinh phí đã cấp, thầy trò từ bốn phương tụ tập đến cả trăm, chỉ còn chờ huynh chủ trì, không nên khiến nhiệt tình biến thành thất vọng, vả lại đang còn tại chức, đơn của huynh không được chấp thuận, đừng dứt áo ra đi một cách đường đột như vậy, mong kíp về, không chậm trễ”. Nhận bức điện này, Tưởng Giới Thạch vui như mở tắc lòng nhất là câu “chỉ còn chờ huynh chủ trì” rõ ràng Tôn Trung Sơn rất tôn trọng ta. Sau đó, Liêu Trọng Khải lại ba lần thúc giục, ngày 14 tháng 4, Tưởng khởi hành, sáng 21 bái kiến Tôn Trung Sơn, ngày 26 chính thức nhậm chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố với tuyên bố “hi sinh vì tôn chỉ duy nhất của đảng cách mạng” và hôm sau lên lớp ngay cho học viên, nội dung bài giảng “Như thế nào mới là đảng viên cách mạng chân chính?”

Ngày 2 tháng 5 năm 1924, Tôn Trung Sơn phong thêm chức cho Tưởng Giới Thạch, ngoài nhiệm vụ hiệu trưởng còn kiêm tham mưu trưởng bộ Tư lệnh Việt quân <sup>[7]</sup>. Đó là một ngày lịch sử trong cuộc đời của Tưởng Giới Thạch, là cột mốc quan trọng trên hành trình chính trị của ông, bắt đầu nắm quân quyền, cũng có thể ban đầu Tưởng chưa hiểu hết ý nghĩa của hai chữ “hiệu trưởng” - quân hàm rất đặc biệt ấy. Sau này khi trở thành thủ lĩnh, Tổng thống, nhiều thuộc hạ vẫn cung kính “Tưởng hiệu trưởng”, vừa thân quý, vừa tôn vinh, họ nguyện làm học trò bé nhỏ suốt đời của ông. Làm hiệu trưởng một trường quân sự, Tưởng Giới Thạch luôn luôn phải tỏ ra gương mẫu trước giáo viên và học sinh, mỗi sáng tinh mơ thức dậy theo hiệu lệnh, quân phục chỉnh tề, kỉ luật nghiêm minh, cứ ba ngày hai lượt lên lớp giảng bài, đêm hôm thị sát đến tận kí túc xá xem xét công việc học hành ra sao, tác phong quân sự của Tưởng Giới Thạch cũng hình thành từ đó.

Tôn Trung Sơn bổ nhiệm Tưởng Giới Thạch làm hiệu trưởng và không quên cử thêm Liêu Trọng Khải - người đại diện của đảng đứng bên cạnh, chức danh này xưa nay chưa có trong quân đội, vừa mới quy định sau khi mô phỏng hình thức tổ chức của Hồng quân Liên Xô. Ngày 6 tháng 6 năm 1924, Hoàng Phố Trường Châu rực rỡ cờ hoa, lần đầu tiên xuất hiện biểu ngữ viết ngang nhưng từ phải sang trái với dòng chữ “Lễ khai giảng trường sĩ quan lục quân Quốc dân đảng Trung Quốc”, và trên thao trường huấn luyện vang lên khúc quân hành mà nội dung tràn ngập hào khí: “Đã

đảo cường quyền, khử trừ quân phiệt, cách mạng quốc dân thành công, hát lên ta cùng hát lên”. Tôn Trung Sơn bước lên diễn đàn giữa tiếng vỗ tay và reo hò như sấm dậy của sĩ tướng, ông nói: “Hôm nay chúng ta khai giảng trường học này, với mục đích gì? Đó là, kể từ đây sáng tạo lại sự nghiệp cách mạng, lấy các học viên của trường làm gốc rễ để lập nên quân đội cách mạng”. Tôn Trung Sơn tiếp tục bài diễn thuyết với một giọng nói bi thống mà rằng: “Nguyên nhân làm cho cách mạng Trung Quốc chưa đi tới thành công là do chưa có một lực lượng vũ trang cách mạng của chính mình... Để hoàn thành sứ mạng mà lịch sử giao phó, tôi hạ quyết tâm cải tổ Quốc dân đảng và xây dựng quân đội cách mạng của chúng ta!”. Hôm ấy, Tưởng Giới Thạch nghiêm trang trong quân phục, mũ rộng vành, áo Trung Sơn bốn túi lắng nghe Tôn Tổng lý nhấn mạnh từng lời”.

### **MAO TRẠCH ĐÔNG DẪN VỢ CON TRỞ VỀ BẢN QUÁN**

Tại Quảng Châu, Tưởng Giới Thạch hồng lên rục rịch, thì trên đường về cố hương, Mao Trạch Đông cùng vợ con mới thật là thê lương âm đạm. Thoạt đầu họ tạm trú ở Trường Sa với gia đình bên ngoại ăn Tết, sau đó mùng 6 tháng 2 năm 1925 (một ngày trước Nguyên tiêu) tiếp tục về Thiều Sơn.

Mao Trạch Đông sinh ở Thiều Sơn, huyện Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam, “thiều” có nghĩa là đẹp, “thiều sơn” vì vậy mà hiểu là núi non mỹ lệ. Theo gia phả họ Mao, Mao Trạch Đông có nguyên quán ở huyện Long Thành, phủ Cát Châu, tỉnh Giang Tây (nay là huyện Cát Thủy). Cuối đời Nguyên, tổ tiên của Mao Trạch Đông là Mao Thái Hoa tham gia quân khởi nghĩa nông dân do Chu Nguyên Chương cầm đầu. Chu Nguyên Chương chiến thắng, lên làm hoàng đế Triều Minh, bèn ban thưởng cho sĩ tướng ruộng đất khắp nơi, Mao Thái Hoa nhận đất đai ở huyện Tương Hương, Hồ Nam và dòng họ Mao di chuyển về đây, sau đó chính thức lập nghiệp ở Thiều Sơn Tương Đàm. Đời thứ 18 sau Mao Thái Hoa là Mao Ân Trước - ông nội của Mao Trạch Đông, chỉ sinh được một người con trai, chính là thân phụ của Mao - tên gọi Mao Di Xương.

Tưởng Giới Thạch xuất thân tại một hiệu bán muối, lớn lên là quân nhân, khí chất ít nhiều mang màu sắc thương gia, còn Mao Trạch Đông tổ tiên nông dân, bản thân ông tuy thuộc lâu văn, sử, là thi nhân nhưng có sắc thái nhà nông.

Mao Trạch Đông mở trường học ban đêm cho dân cày, Dương Khai Tuệ vợ Mao cũng làm giáo viên ở đó, và đêm đêm thầy trò ê a những bài khai trí “Trường Giang dài, Hoàng Hà vàng, phát nguyên từ núi Côn Lôn,

đều chảy ra Thái Bình Dương”. Thầy Mao và cô Dương không dạy họ học “Tam tự kinh”, “Bách gia tính” mà chủ yếu là “Tân học”, ví như dạy đến chữ “dương” ông ghép thành các từ “dương du” (dầu mỡ), “dương nhân” (người phương Tây), rồi bắt sang “cường quyền” (ngoại bang tàn bạo) và cuối cùng là “đả đảo” (đánh đổ cường quyền) v.v... Còn cô Dương lại dạy hát: “Hạt kim hoa, nở hồng hoa, nở khắp nhà người nghèo, thế giới thật là đẹp. Hôm nay trồng, ngày mai chờ, chờ ông trời nở vàng dương, vàng dương toả bốn phương, ai ai cũng vui vẻ”.

Mao Trạch Đông về quê ở ẩn, gõ đầu trẻ nhưng chứng suy nhược thần kinh vẫn không thuyên giảm. Tại Thiệu Sơn, ông lập ra “Tuyệt Sĩ hội” làm kinh động thổ hào ác bá một vùng, và đến tai Triệu Hằng Thích. Dân Hồ Nam gọi Triệu là Nam Bá Thiên, khi Tôn Trung Sơn trúng cử Tổng thống, y lấy danh nghĩa toàn thể tướng lĩnh Trương quân lên tiếng phản đối và do đó lần này không thể tha thứ cho Mao Trạch Đông mà theo y là thuộc hạ của Tôn Trung Sơn. Tình thế quần bách, Mao phải xa vợ con, xa quê hương bản quán ra đi, đi về đâu, thôi chỉ còn Quảng Châu - trung tâm của cách mạng. Mao vừa ra đi thì quân của Triệu ập tới, Dương Khai Tuệ phải bỏ con lánh nạn chờ chồng, hơn hai tháng trôi qua Mao Trạch Đông vẫn chưa về, bà đành quay lại Trường Sa tá túc với cha mẹ đẻ.

### **KỂ SÚNG NGƯỜI BÚT, MAO - TƯỚNG CÙNG CHUNG SỰ NGHIỆP Ở QUẢNG CHÂU**

Lần thứ ba đến Quảng Châu, sau Tam đại của Trung Cộng, Nhất toàn của Quốc dân đảng và nay vội vội vàng vàng. Bấy giờ đã là tháng 10 năm 1925, Quảng Châu buồn, lặng lẽ trước chân dung Tôn Trung Sơn phủ lụa đen và hai bên treo câu liễn “Cách mạng thượng vinh thành công. Đồng chí nhưng tu nỗ lực” (cách mạng vẫn chưa thành công, đồng chí còn phải nỗ lực).

9 giờ 25 ngày 12 tháng 3 năm 1925, Tôn Trung Sơn tạ thế ở Bắc Kinh, lúc lâm chung tự thấy mình không qua nổi cơn bệnh hiểm nghèo, Tôn Trung Sơn bèn khẩu truyền di chúc, Ông Tinh Vệ ghi chép và ông xem lại rồi kí tên, đó là Bản di chúc Tổng thống nổi tiếng của Trung Quốc.

Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, Ông Tinh Vệ nghiêm nhiên trở thành người thừa kế. Tháng 7 năm 1925, Ông đảm nhận chức vụ chủ tịch chính phủ quốc dân kiêm chủ tịch quân uỷ, Hồ Hán Dân - Bộ trưởng ngoại giao, Liêu Trọng Khải - Bộ trưởng tài chánh, Hứa Sùng Trí - Bộ trưởng quốc phòng, và như vậy Ông, Hồ, Liêu, Hứa trở thành “Tứ cự đầu” của

Quốc dân đảng lúc bảy giờ. Nhưng 9 giờ 50 phút ngày 20 tháng 8 năm 1925, Liêu bị ám hại. Liêu Trọng Khải là cột trụ của Tôn Trung Sơn, lãnh tụ phái tả của Quốc dân đảng, theo ý kiến của La Diệc Nông - uỷ viên ban chấp lâm thời Trung Cộng thành uỷ Quảng Châu thì “Liêu Trọng Khải là mãnh tướng trong phong trào cách mạng của Quốc dân đảng Trung Quốc, sau khi Tôn Trung Sơn tạ thế chỉ có Liêu là người kế tục được sự nghiệp của Tôn mà thôi, và trên thực tế đã trở thành thủ lĩnh quần chúng tiến hành cách mạng”.

Viên đạn của thích khách đã biến “Tứ cự đầu” thành “Tam cự đầu”, một thích khách không may bị bắt đã khai là có quan hệ với Hồ Hán Dân. Hội nghị liên tịch đảng - chính - quân nhóm họp và quyết định thành lập ban đặc nhiệm xử lý vụ án Liêu Trọng Khải gồm Uông Tinh Vệ, Hứa Sùng Trí và Tưởng Giới Thạch được toàn quyền sử dụng chính phủ, quân đội và cảnh sát cho công việc. Hồ Hán Dân có liên quan bị gạt ra ngoài, cục diện “Tam cự đầu” giờ đây là Uông, Hứa, Tưởng. Qua điều tra thẩm xét, những người chủ mưu ám hại Liêu Trọng Khải trước đây là tay chân, thuộc hạ, tham mưu của Hồ Hán Dân và cả Hứa Sùng Trí nữa.

Ngày 25 tháng 8, Tưởng Giới Thạch ra lệnh bắt Hồ Hán Dân. và đêm 19 tháng 9 cho lính bao vây bộ Tư lệnh của Hứa Sùng Trí, buộc y phải đi Thượng Hải “dưỡng bệnh”. Hứa vốn là Bộ trưởng quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh Việt quân, chủ tịch chính phủ Quảng Đông, dưới trướng là binh hùng tướng mạnh, xưng bá một phương. Tục ngữ có câu “traai cò tranh nhau, ngư ông được lợi”, một phát súng nổ - Liêu chết, Hồ bị bắt, Hứa ra đi và “ngư ông” họ Tưởng nổi lên, thay thế cả ba, thâm tóm binh lính của bộ quốc phòng về tay mình, trở thành nhân vật có thực lực trong Quốc dân đảng. Qua trận sóng mải vừa rồi, Tưởng Giới Thạch đã tỏ ra tinh ranh của kẻ buôn và sắt thép của người lính.

Chính ngay lúc ấy, Mao Trạch Đông đến Quảng Châu với hai bàn tay không, chẳng có một binh một tốt, ngoại trừ cây bút mà thôi. So với Tưởng Giới Thạch, ông chỉ là kẻ thư sinh không quyền không thế. Tuy mất chức bên phía Trung Cộng, Mao Trạch Đông vẫn còn là uỷ viên dự khuyết ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng và do đó ông đã đến cư trú tại cơ quan trung ương của đảng này. Mao Trạch Đông có một cây viết, có sở trường về công tác tuyên truyền và thật trùng hợp, chân trưởng ban tuyên truyền của Quốc dân đảng đang còn khuyết chỗ và do đó Mao Trạch Đông nghiễm nhiên nhảy vào.



Hội nghị trung ương lần thứ nhất khóa 1 của Quốc dân đảng dự kiến đưa Liêu Trọng Khải, Đới Quý Đào, Đàm Bình Sơn lên đảm nhận chức vụ uỷ viên thường vụ, trong đó Đới Quý Đào sẽ là trưởng ban tuyên truyền. Đới cũng là một cây viết, từng làm thư kí cơ yếu cho Tôn Trung Sơn, khi Tôn bệnh nặng, Đới thường túc trực bên cạnh Người. Tôn Trung Sơn nhớ lại những điều tai nghe mắt thấy cả đời mình và truyền khẩu cho Đới. Sau đó, Tôn qua đời và Đới Quý Đào đã đóng cửa từ khách trong hai tháng, liền một mạch viết xong các trước tác “Cơ sở triết học của chủ nghĩa Tôn Văn”, “Cách mạng Trung Quốc và Quốc dân đảng Trung Quốc”, nghiêm nhiên trở thành người kế thừa, người bảo vệ, người phát biểu “chính thống” học thuyết của Tôn Trung Sơn. Sách của Đới ra mắt bạn đọc, dư luận xôn xao, có người nhạo báng “Không Tử truyền cho Tôn Trung Sơn, Tôn Trung Sơn truyền lại cho Đới Quý Đào”, khiến tác giả dở khóc dở cười.

Có một đạo Đới Quý Đào là nhân sĩ cánh tả, từng tham dự sáng lập Trung Cộng, soạn thảo cương lĩnh, nhưng ông không gia nhập hàng ngũ cộng sản vì đã hứa chỉ một lòng một dạ theo đảng của Tôn Văn. Sau này Đới chuyển sang cánh hữu và ngay tại Nhất toàn ông đã phản đối đường lối liên Nga thân Cộng. Ngày 23 tháng 11 năm 1925, một nhóm chính khách khăn áo chỉnh tề tụ họp tại chùa Bích Vân Tây Sơn ngoại ô Bắc Kinh, tự xưng là đầu não của Quốc dân đảng, đối kháng với Quảng Châu, Đới Quý Đào cũng là một phần tử của phái Tây Sơn tự mình rời bỏ cơ quan trung ương ở trung tâm cách mạng Ngũ Dương hành. Vì lẽ đó mà cái ghế trưởng ban tuyên truyền để trống và Mao Trạch Đông từ uỷ viên dự khuyết chễm chệ ngồi vào, vậy là tay súng tay bút, Mao - Tưởng không hẹn mà gặp đã cùng nhau gánh vác cho sự nghiệp chung ở Quảng Châu lúc bấy giờ.

### **MAO - TƯỚNG CÙNG LÊN DIỄN ĐÀN NHỊ TOÀN QUỐC DÂN ĐẢNG**

“Ai là kẻ thù chung của ta? Ai là bạn bè của chúng ta? Đó là vấn đề quan trọng hàng đầu của cách mạng. Thành công của tất cả những cuộc đấu tranh cách mạng trước đây ở Trung Quốc chưa được là bao, chính là do không biết đoàn kết bạn bè chân chính để chống lại kẻ thù đích thực...”. Bài “Phân tích các giai cấp của xã hội Trung Quốc” này ngày nay xếp ngay ở tập đầu của *Mao tuyển* với ghi chú: phát biểu vào tháng 3 năm 1926. Sự thật không phải như vậy, vì nó đã được đăng trong số 4 bán nguyệt san “Cách mạng” ngày 1 tháng 12 năm 1925 do Bộ Tư lệnh số 2 quân cách mạng Quốc dân đảng Trung Quốc chủ trì. Lúc bấy giờ, Mao Trạch Đông quả là một cây bút cao thủ của Quốc dân đảng, giúp đại hội lần thứ nhất

tỉnh đảng bộ Quảng Đông khởi thảo tuyên ngôn, chủ biên tờ “Chính trị tuần báo” của trung ương v.v... Thời gian ấy, Dương Khai Tuệ và hai con Ngạn Anh, Ngạn Thanh đã chuyển từ Trường Sa đến Quảng Châu cùng Mao Trạch Đông sống chung trong một tổ ấm.

Trong khi Mao Trạch Đông bận rộn với tuyên ngôn, báo chí thì Tưởng Giới Thạch xuất thân chinh Đông, thảo phạt quân phiệt Trần Quýnh Minh. Tưởng Giới Thạch làm chỉ huy trưởng thảo Trần quân, còn chính uỷ lại là một đảng viên cộng sản mới 27 tuổi - Chu Ân Lai. Tháng 9 năm 1924, Chu Ân Lai từ Pháp trở về Quảng Châu đảm nhiệm trưởng ban tuyên truyền khu uỷ Trung Cộng ở Quảng Đông, cởi bỏ bộ com-lê, Chu mặc quân phục và đến giữ chức chủ nhiệm khoa chính trị của Trường quân sự Hoàng Phố, từ đó Chu là người cộng sự của Tưởng hiệu trưởng. Tưởng Giới Thạch khâm phục tài năng của Chu Ân Lai, nhưng im lặng mà than rằng: “Đáng tiếc! Con người có đôi mày rậm đen này lại là cộng sản”.

Tưởng Giới Thạch cầm đầu ba vạn quân chinh Đông cũng là chủ trương của Quốc - Cộng hợp tác nên đã mời Chu Ân Lai làm chính uỷ. Ngày 1 tháng 10 năm 1925 xuất binh, thì ngày 14 đã có trận thắng đầu, công phá thành Huệ Châu - sào huyệt của Trần Quýnh Minh, đến cuối tháng 11 san bằng mọi lực lượng của y, quân lính nhanh chóng khai hoàn Ngũ Dương thành, Tưởng Giới Thạch bỗng nhiên càng nổi danh.

Theo điều lệ Quốc dân đảng, mỗi năm triệu tập một lần đại hội đại biểu toàn quốc và do đó Nhị toàn cũng đã đến gần, và lại phái Tây Sơn liên tục phá rối, Nhị toàn phải kịp họp nhanh chóng để giải quyết. Mao Trạch Đông là một trong năm uỷ viên ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội và chấp bút khởi thảo báo cáo “Giải thích sách lược cách mạng với toàn thể đảng viên Quốc dân đảng Trung Quốc trong và ngoài nước”.

8 giờ 30 sáng ngày 4 tháng 1 năm 1926, Nhị toàn của Quốc dân đảng Trung Quốc chính thức khai mạc, chủ tịch đoàn chủ tịch là Uông Tinh Vệ, trưởng đoàn thư kí là Ngô Ngọc Chương - đảng viên đảng Cộng sản, Mao Trạch Đông ngồi ở số ghế 15, số đại biểu cộng sản gồm 100 vị trong tổng số 256 người dự đại hội. Tưởng Giới Thạch không chỉ là đại biểu chính thức mà còn lên diễn đàn báo cáo về quân sự, oai phong như “anh hùng chinh Đông”, ông khẳng khái mà rằng: “Năm ngoái đã có thể thống nhất Quảng Đông, năm nay thống nhất cả Trung Quốc hẳn không khó khăn gì!”. Đại hội đứng dậy hoan hô nhiệt liệt, và nào ngờ cái gọi là “năm nay” của Tưởng sao mà lâu vậy! Mao Trạch Đông báo cáo chuyên đề tuyên truyền.



Người đời sau bình luận, ai mà biết trước Nhị toàn 1926 là nơi gặp gỡ của Mao Trạch Đông, Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ, ba con người đó sau này lại trở thành thủ lĩnh của ba thế lực. Trung Cộng, Quốc dân đảng và Ngụy quyền cho Nhật, từng một thời kì như ba chân kiềng của lịch sử Trung Quốc.

Tưởng Giới Thạch lọt vào hàng ngũ uỷ viên trung ương chính thức, còn Mao Trạch Đông vẫn chân dự khuyết nhưng là quyền trưởng ban tuyên truyền.

### **“NGÔI SAO CHÍNH TRỊ” TƯỚNG GIỚI THẠCH GẶP CẢNH ÉO LÉ**

Sau Nhị toàn chẳng bao lâu, ngày 1 tháng 2 năm 1926, Tưởng Giới Thạch được phong chức Tổng giám quân cách mạng Dân quốc, ông trở thành nhân vật quan trọng “dưới một người, trên vạn người” ở đất Quảng Châu này. Con người mà Tưởng Giới Thạch còn phải đứng dưới chính là Uông Tinh Vệ, một mình thu tóm cả ba quyền lực: đảng, chính, quân - Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng, Chủ tịch Hội đồng chính phủ Dân quốc, Chủ tịch hội đồng quân sự.

Uông Tinh Vệ lớn hơn Tưởng Giới Thạch bốn tuổi, đêm 11 tháng 3 năm 1910, Uông bị bắt vì can tội đặt mìn dưới cầu Ngân Định nhằm sát hại Nhiếp chính vương, lúc ấy Uông mới 27 tuổi, hiên ngang nhận án tử hình, may mà cách mạng Tân Hợi bùng nổ, Uông được cứu sống. Từ bấy, vị chí sĩ phản Thanh họ Uông như điều gặp gió, có danh vọng trong Quốc dân đảng, lại là người thông minh sáng láng, viết hay nói giỏi, tính tình tròn trịa, sớm được lòng Tôn Trung Sơn và rõ ràng đảm nhiệm trọng trách ghi lại di chúc của Tôn. Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, bất kì hội nghị to nhỏ nào của Quốc dân đảng. Uông Tinh Vệ cũng yêu cầu mọi người đứng dậy cung kính đồng thanh đọc bản di chúc một lần, quả là người kế thừa xuất sắc của Tôn Trung Sơn. Cũng từ Nhị toàn, Uông Tinh Vệ luôn chủ trì các cuộc hội nghị... Quốc dân đảng với sự tham gia của Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông, họ xưng hô với nhau bằng đại từ “đồng chí”, tuy vậy vai trò của Mao vẫn chỉ là “dự khuyết” và “quyền” mà thôi. Ngày 16 tháng 2 năm 1926, Mao Trạch Đông cáo bệnh xin nghỉ hai tuần, công việc của ban tuyên truyền tạm bàn giao cho Thẩm Nhạn Băng thay thế. Kì thực thì Mao chẳng đau ốm gì, ông là người của Trung Cộng nên vì nhiệm vụ của bên cộng sản, ông bí mật đến vùng giáp ranh giữa Tương - Việt (Hồ Nam và Quảng Đông) là Thiệu Quan để tổ chức và lãnh đạo phong trào nông dân ở đó.

Trong thời gian Mao Trạch Đông “cáo bệnh”, Tưởng Giới Thạch cũng ít xuất đầu lộ diện, và ngày 19 tháng 2 năm 1926 ông đột nhiên xin phép Uông Tinh Vệ “đi Nga nghỉ dưỡng”. Đang là một ngôi sao chói sáng, lại tiến nhanh tiến thẳng, chỉ “dưới một người”, có sao Tưởng Giới Thạch lại muốn rời xa Quảng Châu đi Nga làm gì?

Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông khác nhau ở chỗ, người ưa viết nhật kí để giải bày tâm sự, kẻ chỉ ghi qua loa đôi dòng cảm hứng nhân du lãm đó đây, không hề liên quan đến chính trị, vì vậy nên chúng ta hiểu được đôi điều éo le, trắc ẩn mà Tưởng Giới Thạch đang trần trụi qua nhật kí của ông. “Ta quyết định sang Nga nghỉ dưỡng, nhân đó nghiên cứu lí luận chính trị cách mạng. Gần đây hoàn cảnh xấu đi rõ rệt, nhiều người hoài nghi, tích thù tích oán, tư tưởng không nhất trí, chí hướng khó xác định, ưa nhàn hạ v.v... Thôi đành li Việt viễn du, đi chơi xa khỏi Quảng Đông một chuyến”.

Quả đúng như vậy, trong nội bộ Quốc dân đảng “rễ” của Tưởng chưa sâu, “thân” lại còn non, đành một nhẽ như vậy nhưng điều làm ông bức xúc nhất chính là Trung Cộng. Tưởng Giới Thạch sở dĩ xây dựng trường quân sự Hoàng Phố trở thành “trung tâm của đảng ta, của quân đội ta” là nhờ lực lượng Trung Cộng, Tưởng Giới Thạch chinh Đông, thắng lợi, công lao lớn nhất cũng do Trung Cộng đóng góp. Đầu năm 1926, đại biểu của đảng bên cạnh chỉ huy trưởng ba sư đoàn thuộc sư đoàn 1 dưới quyền của Tưởng Giới Thạch thì hai người là cộng sản. Tưởng lo ngại thanh thế của Trung Cộng ngày một phát huy và người bên họ ngày một luồn sâu. Đã có lần ông yêu cầu Chu Ân Lai công bố danh sách đảng viên cộng sản trong Trường quân sự Hoàng Phố và quân đoàn 1 nhưng đã bị Chu cự tuyệt!

Ngoài ra, giữa Tưởng và cố vấn quân sự của Liên Xô phái sang là Quý Sơn Gia (tên Trung Quốc) đã nảy sinh mâu thuẫn. Tưởng yêu cầu Bắc phạt, Quý cho rằng chưa đến thời cơ, Uông Tinh Vệ ủng hộ ý kiến cố vấn và do đó nghị quyết của Nhị toàn không thể đả động đến vấn đề này, Tưởng tức giận đã bỏ luôn cả lễ bế mạc đại hội. Mâu thuẫn gay gắt đến mức “đồng chí Liên Xô ganh tị ta, nghi ngờ ta, làm nhục ta, ta sẽ có cách...”, Tưởng Giới Thạch đề xuất từ chức Tổng giám, uỷ viên hội đồng quân sự, Tư lệnh Quảng Châu rồi xin đi nghỉ dưỡng ở Nga. Nói như vậy nhưng Tưởng cũng hiểu rằng, tình hình đã khác xưa, không như hồi Tôn Trung Sơn còn sống, hề có điều gì bất mãn là bỏ về Khê Khẩu và Tôn lại năm diện bảy diện “thỉnh Tưởng hồi kinh”, nhưng nay, nếu quả là đi Nga nghỉ dưỡng thật thì quân quyền sẽ nhanh chóng rơi vào tay Uông Tinh Vệ!

Tiến thoái lưỡng nan, Tưởng Giới Thạch buồn rầu ghi lại đôi dòng nhật kí “người ta nghi ta, nhạo ta, ganh ta, chửi ta, hại ta...” và đầu đó đã xuất hiện truyền đơn vận động chống Tưởng.

### **TƯỚNG GIỚI THẠCH CŨNG KHOÁC ÁO ĐỎ NHƯ AI**

Tưởng Giới Thạch không phải hạng người yếm thế, ông có cái tinh ranh của một tay buôn, biết đâu là cơ hội để chăm chú đầu tư trục lợi. Những năm ấy ai muốn đứng chân ở Quảng Châu thì không thể không hô hào tả khuynh, vì Trung Cộng đã trở thành cốt cán của quân cách mạng Quốc dân đảng, đã trở thành rường cột của Trường quân sự Hoàng Phố, chỉ nói lời “tả”, hát bài “tả” thì mới được cổ vũ Liên Xô, Trung Cộng phái tả của Quốc dân đảng ủng hộ, mới ngồi yên vị.

Thời đó Uông Tinh Vệ như hòn bi sắt lắc trong cái bát đồng kêu “tang, tang” rõ vui tai. Uông đã có một “danh ngôn” lưu truyền vạn thuở - “Cách mạng quốc dân Trung Quốc đã đi đến một thời kì vô cùng quyết liệt, ai là người cách mạng hãy quay sang trái, ai không phải cách mạng hãy cút ngay!”. Đến như Hồ Hán Dân, vì liên quan đến vụ án Liêu Trọng Khải, nên ngày 11 tháng 9 năm 1925 với danh nghĩa “khảo sát” không thể không rời khỏi Quảng Đông sang Liên Xô “lánh nạn”, Hồ tham dự hội nghị mở rộng lần thứ sáu ban chấp hành Quốc tế Cộng sản và trong lời chúc mừng của mình, Hồ phát biểu thật “cảm động”: “Khẩu hiệu của Quốc dân đảng là vì quần chúng nhân dân, cũng có nghĩa chính quyền do công nông nắm giữ, khẩu hiệu của chúng tôi nhất trí như Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Cộng sản là đại bản doanh của cách mạng, là Bộ Tổng Tư lệnh của cách mạng”.

Còn Tưởng Giới Thạch? Ông hiểu, không khoác áo đỏ thì khó lòng được phái tả ủng hộ, mà Quảng Châu chính là thành trì của họ. Tưởng từng nói “Đảng Cộng sản Nga trọng kỉ luật, chặt tổ chức, đảng viên phục tùng mệnh lệnh của đảng, tuân thủ kỉ cương, không tự do vị kỉ, vì sao họ dám hi sinh riêng tư? Vì họ hiểu rõ chủ nghĩa của mình, mưu cầu quyền lợi cho đồng loại, và đã thành công như vậy. Nước Nga thế, còn ta? Thật đáng hổ thẹn và vô cùng đen đui, muốn thực hiện chủ nghĩa tam dân, không thể không mô phỏng họ!”. Tưởng cũng không quên hết lời ca tụng Trung Cộng: “Ngoài Trung Cộng ra, thử hỏi có đảng phái nào, đoàn thể nào ủng hộ chúng ta, đoàn kết hợp tác với chúng ta, khẩu hiệu “chống Cộng” là của đế quốc, nếu chúng ta hô hào “chống Cộng” là mắc mưu đế quốc” và đầu đầu cũng cổ xúy cho chủ trương Quốc - Cộng hợp tác: “Tổng lý đã dung nạp cộng sản vào đảng của chúng ta, Người muốn đoàn kết các phần tử cách mạng, chống lại đường lối này là có tội với Tôn Trung Sơn, có tội với cách

mạng, vì vậy, giờ này trong đảng chỉ nên phân rạch đâu là tả, đâu là hữu, chứ không nên chia rẽ Cộng sản hay Quốc dân”.

Cũng như Trung Cộng, Tưởng Giới Thạch kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, ông nói: “Chủ nghĩa đế quốc không bị lật đổ thì Trung Quốc bất vong, mà muốn Trung Quốc bất vong, chỉ còn có cách chống đế quốc và đây là trận sống mái cuối cùng!”...

Bằng những lời nói như vậy, Tưởng Giới Thạch nhanh chóng trở thành một diễn viên đỏ và lúc Thiệu Lự Tử sang thăm Liên Xô, Tưởng Giới Thạch đã nhờ chuyển cho Stalin một phong thư: “Mong muốn Quốc tế Cộng sản đề tam trực tiếp lãnh đạo Quốc dân đảng Trung Quốc, không cần gián tiếp qua Trung Cộng”. Stalin không thể vô nguyên tắc chấp nhận lời đề nghị “nhiệt tình” đó nhưng tại hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản (17.2.1926 đến 15.3.1926) đã quyết định kết nạp Quốc dân đảng Trung Quốc làm “thành viên cảm tình” và Tưởng Giới Thạch được bầu là uỷ viên danh dự đoàn chủ tịch.

Tất cả chỉ là lời nói, vì từ bên trong, Tưởng Giới Thạch đã ra tay phòng thủ Quốc tế Cộng sản và Trung Cộng, ông ghi nhật kí một cách kiên kiên quyết rằng, “quyền lực không thể giao cho ai khác, ngoài ta!”.

Tưởng Giới Thạch trở nên dị thường, nói năng cẩn trọng để được lòng cố vấn và Trung Cộng, nhưng hành động thì đầy áp cơ mưu, như muốn chuẩn bị cho cuộc cờ thế kỉ sắp “hạ tịch” nay mai.

### **“SỰ KIẾN CHIẾN HẠM TRUNG SƠN” BÙNG NỔ**

Là con nhà nông, Mao Trạch Đông rất hiểu nông dân, quan tâm nông dân, sau khi đảm nhận chức vụ quyền trưởng ban tuyên truyền Quốc dân đảng, Mao kiêm thêm nhiệm vụ uỷ viên uỷ ban vận động nông dân của đảng này.

Dân Quốc nhật báo ở Quảng Châu số ra ngày 17 tháng 3 năm 1926 đưa tin, trung tâm huấn luyện nông vận đã khai giảng khoá 6 tại cung Phiêu Ngu và do Mao Trạch Đông chủ trì. Trong những ngày đó, Tưởng Giới Thạch vẫn trầm trở suy tính, và nhật kí ngày 17 tháng 3 của Tưởng biểu lộ một sự khủng hoảng cao độ về tinh thần: “Ta khác nào như Phật tổ cùng đi xuống địa ngục để cứu vớt chúng sinh?”. Hôm ấy Chu Ân Lai từ Sán Đầu trở về Quảng Châu, với con mắt tinh đời, Chu Ân Lai phát hiện thần sắc của Tưởng Giới Thạch có phần khác lạ, và lại Tưởng bắt đầu tiếp xúc với phái hữu khá nhiều. Hai người làm việc bên nhau đã lâu, nên Chu hiểu Tưởng rất cặn kẽ, ông nhanh chóng báo cáo Trương Thái Lô về hiện tượng kì quặc của Tưởng Giới Thạch, lúc bấy giờ Trương là Trưởng ban Tuyên truyền

khu uỷ Quảng Đông của Trung Cộng kiêm thông dịch cho cố vấn Liên Xô, Chu yêu cầu Trương cũng thông báo cho Quý Sơn Gia - trưởng đoàn cố vấn - biết tình hình. Và lịch sử đã chứng minh năng lực quan sát của Chu Ân Lai quả là sắc sảo, phán đoán chính xác và những tín hiệu dự báo của ông vô cùng quan trọng.

Ngày hôm sau, 18 tháng 3 tại lầu Văn Đức, Lý Chi Long nhận được một công hàm khẩn cấp do người của trường quân sự Hoàng Phố mang tới.

Lý Chi Long người Miến Dương, tỉnh Hồ Bắc, mới 29 tuổi, trung tướng, quyền cục trưởng Cục hải quân kiêm tham mưu trưởng và hạm trưởng chiến hạm Trung Sơn. 19 tuổi Lý theo học sĩ quan hải quân ở Yên Đài, gia nhập Trung Cộng, rồi làm thư kí và thông dịch cho cố vấn Liên Xô. Sau đó không lâu được điều về Trường quân sự Hoàng Phố tham dự khoá 1, học xong ở lại trường làm việc tại ban chính trị và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Chu Ân Lai. Bắt đầu đảm nhiệm công việc của Cục hải quân từ năm 1925, lúc bấy giờ Lý mang quân hàm thiếu tướng.

Lý Chi Long đọc công hàm ghi rõ: Hiệu trưởng mệnh lệnh Cục hải quân cấp tốc phái hai chiến hạm tới Hoàng Phố, kí tên: Văn phòng đại diện của trường tại Quảng Châu. Y lệnh, hai chiến hạm Trung Sơn và Bảo Bích đồng thời nhổ neo, nổ máy hướng về phía đảo Hoàng Phố Trường Châu thẳng tiến.

Chiến hạm Trung Sơn chính là chiến hạm Vinh Phong, khi Trần Quýnh Minh chính biến, trên chiến hạm này Tưởng Giới Thạch đã xả thân yểm trợ cho Tôn Trung Sơn thoát nạn, sau khi Tôn qua đời, Vinh Phong cải danh thành Trung Sơn để kỉ niệm ghi nhớ ông. Lúc 6 giờ sáng ngày 19 tháng 3 năm 1926, Bảo Bích và Trung Sơn lần lượt tiến vào thủy phận Hoàng Phố. Hai chiến hạm này tuân lệnh hiệu trưởng truyền qua điện thoại của trường phòng giáo vụ và công hàm do văn phòng đại diện chuyển tới đã tề tựu tại đây chuẩn bị báo cáo Tưởng Giới Thạch, nhưng ông không ở trường, lại đi hỏi Đặng Diễm Đạt - trưởng phòng giáo vụ - Đặng cũng không hay biết về quân lệnh này! Và thế là mọi việc trở nên rắc rối phức tạp.

Mãi sau truy tìm mới hay là do thông tin sai lạc, một thuyền buôn Thượng Hải mắc nạn trên thượng du Hoàng Phố yêu cầu cứu giúp, lúc ấy là 4 giờ chiều ngày 18, chủ nhiệm văn phòng hiệu trưởng Khổng Khánh Tuệ lệnh cho trưởng phòng quản lí Triệu Miên Văn phái một chiến hạm ứng viện. Triệu giao nhiệm vụ cho nhân viên là Lê Thời Ung thực hiện, Lê nhận thấy xung quanh Hoàng Phố không có chiến hạm nào neo đậu, bèn điện thoại về Quảng Châu nhờ văn phòng đại diện của trường xử lí giúp, Vương

Học Thần nhận điện và báo cáo lại cho thủ trưởng là Âu Tích Chung. Không ngờ một chiến hạm nghe thành hai, không rõ ai chỉ thị, Âu bèn phán đoán chắc là trưởng phòng giáo vụ ra lệnh, và nhận thấy việc này chỉ có Lý Chi Long bên Cục hải quân mới đủ lực lượng giải quyết, bèn thảo công hàm như trên. Để cho thêm phần quan trọng, Âu Tích Chung bạo gan ghi vào mấy chữ “hiệu trưởng mệnh lệnh”, và quả nhiên rất hiệu nghiệm, hai chiến hạm đã đến Hoàng Phố đúng giờ.

Đang khi bối rối chưa biết xử trí ra sao thì phái đoàn của công hội Liên Xô muốn tham quan chiến hạm Trung Sơn, Lý Chi Long điện báo Tưởng Giới Thạch, lúc này Tưởng mới hay là chiến hạm Trung Sơn được điều về Hoàng Phố. Đến 6 giờ 30 phút chiều 19 tháng 3, chiến hạm Trung Sơn về Quảng Châu và cả ngày hôm ấy Tưởng Giới Thạch bàng hoàng không yên với bao nhiêu nghi ngờ lo lắng. Tưởng từng biết Lý Chi Long là cộng sản và liên lạc rất chặt với Chu Ân Lai nên lâu nay ông luôn luôn cảnh giác. Khi nhận điện thoại của Lý, phản ứng đầu tiên của Tưởng là Trung Cộng bí mật điều hai chiến hạm đến Hoàng Phố, chắc muốn hại ta? Lại trước đó, ba lần Uông Tinh Vệ điện hỏi Tưởng có đi Hoàng Phố hay không, liên kết các sự việc, Tưởng hoài nghi: hay là cố vấn Liên Xô, Trung Cộng và Uông Tinh Vệ đang âm mưu khử ta?

Tưởng Giới Thạch quyết định đi Sán Đầu nghỉ dưỡng, nhưng giữa đường quay lại Quảng Châu và đúng 4 giờ ngày 20 tháng 3 thì hạ lệnh “trấn áp âm mưu chiến hạm Trung Sơn”.

Ngày 19, Chu Ân Lai báo cho Trương Thái Lôi: “Hình như phái hữu chuẩn bị hành động, tình thế hiện nay giống như hồi mưu sát Liêu Trọng Khải, khắp nơi đều tán phát truyền đơn và tin đồn”. Sáng 19, Mao Trạch Đông dự hội nghị lần thứ 13 Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng và cũng “dự cảm là sẽ sinh chuyện”, Mao hỏi Lý về việc hai chiến hạm được điều đến Hoàng Phố, Lý trả lời: “Đây là mệnh lệnh của hiệu trưởng”.

Đêm 19, cả quân đoàn 1 “gối súng chờ sáng”, Mao Trạch Đông gặp Trần Diên Niên, con trai của Trần Độc Tú, bí thư khu uỷ Quảng Đông của Trung Cộng, ông vừa ở Thượng Hải về, sau khi nghe Mao báo cáo tình hình, Trần phán: “Mọi sự vụ đều có nguyên nhân, phải điều tra thực hư, đề cao cảnh giác, và bình tĩnh quan sát”.

Quảng Châu, đêm về gió thổi mạnh, song phương tứ phía đều “gối súng chờ sáng”, đợi một ngày mai với bao sự bùng nổ.

**TUỞNG, MAO CÙNG ĐI NƯỚC CỜ ĐÀU TIÊN**

Ngày 20 tháng 3 năm 1926, đảng đông còn chưa ứng hồng thì toàn bộ những người lính đêm qua “gối súng chờ sáng” theo lệnh Tưởng Giới Thạch đã bắt đầu hành động. Còn ông, một đêm thức trắng, trần trố trước nước cờ đầu tiên này mà về sau lịch sử mãi không quên - “Sự kiện 3.20”, “Sự kiện chiến hạm Trung Sơn”, “Sự kiện Quảng Châu”. Cách Đông Sơn, Quảng Châu - tư dinh của Tưởng không xa, Mao Trạch Đông và Thẩm Nhạn Băng cũng dõi theo binh tình ngoài đường phố, và lầu trên Dương Khai Tuệ đang say nồng trong giấc ngủ với con nhỏ Ngạn Anh, Ngạn Thanh...

Theo mệnh lệnh của “hiệu trưởng”, lính tráng chia làm nhiều toán và trong chốc lát đã hoàn thành nhiệm vụ của mình:

Chiếm chiến hạm Trung Sơn, thu toàn bộ vũ khí.

Bao vây lầu Văn Đức, nơi cư trú của Lý Chi Long, viên trung tướng trẻ vừa mới tân hôn bị cắt ngang tại giường cưới.

Cục hải quan bị chiếm lĩnh.

Toàn bộ vũ khí của hội đồng bãi công bên cảng bị tịch thu.

Giam lỏng Chu Ân Lai.

“Bảo vệ” tư dinh của Ôn Tinh Vệ.

Giới nghiêm trong toàn thành phố Quảng Châu. Và tiếp được mật lệnh của Tưởng Giới Thạch, Hà Ứng Khâm đã bắt toàn bộ đảng viên Trung Cộng nằm trong quân ngũ của quân đoàn 1 đồn trú tại Triều Sán.

Tất cả diễn ra theo đúng kịch bản và sự đạo diễn của Tưởng Giới Thạch. Một hành vi tặc trách của Ân Tích Chung - nghe sai điện, cường điệu hoá công hàm, mạo danh “theo lệnh của hiệu trưởng” v.v... đã dẫn đến cơ sự như thế này. Có lẽ đó chỉ là cái cớ rất ngẫu nhiên làm bùng nổ cả một mưu đồ xưa nay từng nung nấu của Tưởng Giới Thạch, bao oán hờn với Trung Cộng, với đoàn cố vấn Nga Xô và cả Ôn Tinh Vệ nữa nay mới có dịp mượn sự kiện chiến hạm Trung Sơn để ra tay báo oán, Tưởng còn tung tin “Chính biến vũ trang do Trung Cộng bí mật phát động”.

Lúc bấy giờ, Mao Trạch Đông không phải là người trong ban lãnh đạo Trung Cộng, nhưng ông vẫn tìm cách đi gặp Trần Diên Niên - bí thư khu uỷ cộng sản ở Quảng Đông (con trai Trần Độc Tú). Với “quan hàm của Quốc dân đảng cấp - Trung ương uỷ viên và quyền Trưởng ban Tuyên truyền, Mao Trạch Đông vượt qua mọi hàng rào giới nghiêm, cùng Thẩm Nhạn Băng lần tới trụ sở của đoàn cố vấn, Trần đang họp ở đó.

Mao Trạch Đông dẫn Thẩm Nhạn Băng chờ ông tại phòng thường trực và sau đây là trích đoạn hồi kí do Thẩm - một nhà văn lớn của Trung



Quốc, từng cộng tác với Mao Trạch Đông trong hàng ngũ Quốc dân đảng ghi:

“Tôi chờ Mao Trạch Đông ở phòng thường trực và nghe rất rõ tiếng nói phía bên trong, rất nhiều giọng, tranh cãi nhau, kể cả Mao. Một lúc sau Mao bước ra, nét mặt vô cùng bức tức, chúng tôi lặng lẽ trở về cư xá, đợi Mao bình tĩnh, tôi mới hỏi:

- Chuyện gì vậy?

- Trần Diên Niên cho biết, Tưởng Giới Thạch không chỉ bắt mỗi Lý Chi Long mà gom hết đảng viên Trung Cộng của quân đoàn 1 giam vào một căn nhà và tuyên bố: quân đoàn 1 không cần cộng sản. Quý Sơn Gia còn nói thêm: Tưởng Giới Thạch muốn đuổi cả đoàn cố vấn quân sự Liên Xô về nước.

- Làm thế nào bây giờ? Tôi hỏi.

- Mấy hôm nay tôi đã nghĩ cách, - Mao Trạch Đông giải thích, - chúng ta phải cứng rắn với Tưởng Giới Thạch, ông ta vốn là bộ hạ của Trần Kỳ Mỹ, có sang Nhật Bản học chút ít quân sự, nhưng sau đó đầu cơ kinh doanh ở Thượng Hải, cùng nhóm với Đới Quý Đào. Tưởng Giới Thạch là hạng người “mềm nắn rắn buông”, chúng ta càng yếu ớt thì ông ta càng lấn tới, ngược lại ta cứng rắn, ông co vùi. Tôi đã đề nghị Trần Diên Niên và Quý Sơn Gia hãy động viên toàn thể các uỷ viên trung ương Quốc dân đảng bí mật tụ họp tại Triệu Khánh - nơi đóng quân của quân đoàn độc lập Diệp Đình, mở hội nghị thảo phạt Tưởng Giới Thạch, chỉ trích ông ta vi phạm điều lệ đảng, luật pháp quốc gia, tước binh quyền, khai trừ đảng tịch. Lý Tôn Nhật - thủ lĩnh quân sự Quảng Đông vốn có mâu thuẫn với Tưởng Giới Thạch, lại thêm cả Lý Tế Thâm, hai lực lượng này rất mạnh, chúng ta có thể lợi dụng được. Trận thế như vậy thì Tưởng Giới Thạch làm sao địch nổi...”.

Bình sinh, đây là lần đầu tiên Mao Trạch Đông đối kháng và giao tranh với Tưởng Giới Thạch, nhưng ông ta chỉ có thể thực hiện được nếu Trần Diên Niên và Quý Sơn Gia đồng ý. Ban đầu Trần ra vẻ ưng thuận, nhưng khi nghe Quý phản đối, ông cũng hòa theo, và Mao Trạch Đông phải giải thích, tranh luận, cãi cọ, cuối cùng thì Mao thua. Sự kiện 3.20 đã trình diễn đúng kế hoạch, bắn một mũi tên trúng được ba đích; bắt Lý Chi Long, đánh vào Trung Cộng. Lý chịu hai tầng oan khuất, nội bộ Trung Cộng nghi ngờ Lý bị lợi dụng, tháng 6 năm 1926 được phóng thích, theo quân Bắc phạt, ngày 6 tháng 2 năm 1928 bị bắt tại Quảng Châu và hôm sau thì người ta hành quyết ông ở Hồng Hoa Cương. Đích thứ hai, đánh động Uông Tinh Vệ, y viện có “tâm trạng không yên, đau đầu đau mắt, khó lòng làm việc”



để “tạm thời nghỉ dưỡng”, ngày 25 tháng 3 năm đó tự nhiên “mất tích” và một tay Tưởng Giới Thạch nắm cả ba quyền lực: đảng, chính, quân. Đích thứ ba, bức tường toàn cổ vấn quân sự Nga Xô là Quý Sơn Gia rời Quảng Châu về nước và phía Nga cũng phải chấp thuận.

Tưởng Giới Thạch vừa ra quân đã thắng lợi, nhưng vì chưa đủ lông cánh, thế lực Trung Cộng còn mạnh, lực lượng Quốc dân đảng chưa phải “thiên vô nhị nhật, dân vô nhị chủ”, chưa phải mọi người đều nghe Tưởng tất cả... nên với đầu óc của một thương gia, Tưởng Giới Thạch ra về co lại chờ thời. Ông tuyên bố: “Sự kiện chiến hạm Trung Sơn ngày 18 tháng 3 hoàn toàn không liên can gì đến Trung Cộng, Trung Cộng hoàn toàn không có âm mưu gì trong vụ này”. Tưởng bức Quý Sơn Gia về nước nhưng lại mời trưởng đoàn cũ là Gia Luân (tên Trung Quốc) sang làm cố vấn, và như vậy về bề ngoài Tưởng vẫn “liên Nga, thân Cộng”.

Đúng như Mao Trạch Đông nhận định, Tưởng Giới Thạch “mềm nắn rắn buông”. Ngày 3 tháng 4 năm 1926 trên tờ “Hương đạo” - cơ quan ngôn luận của Trung Cộng, Trần Độc Tú tán dương: “Tưởng Giới Thạch là một trụ đá vững vàng trong phong trào cách mạng dân tộc của Trung Quốc”, sau đó Trần còn gởi thư cho Tưởng, thư có đoạn: “Kể từ ngày xây dựng Trường quân sự Hoàng Phố đến nay, 20 tháng 3, chưa hề thấy Tưởng có một hành vi phản cách mạng nào... Giờ đây ai muốn đánh đổ Tưởng? Tôi nghĩ chỉ có bọn phản cách mạng mà thôi. Vì vậy, thưa Tưởng tiên sinh, nếu một đảng viên Trung Cộng nào đó chống đối tiên sinh, xin hãy đừng khách sáo!”.

Trần Độc Tú nhún đến thế là cùng và tội gì mà Tưởng không tiếp tục lần tới.

### **... ĐƯỢC ĐÀ, TƯỚNG CÀNG LẤN TỚI**

Trong bối cảnh Quảng Châu vừa qua chính biến 20 tháng 3 như vậy thì người ta thấy một nhân vật mới, tuổi ngoại ngũ tuần, gầy gò xương xẩu, chân cẳng khập khiễng, từ Thượng Hải đến Ngũ Dương thành, được Tưởng Giới Thạch trọng vọng như “quân sư”. Ông họ Trương, người Ngô Hưng, Triết Giang, đồng hương với Tưởng.

Năm 20 tuổi, Trương Tỉnh Giang mắc bệnh đau xương, đi lại khó khăn, nhưng ông ta có một cái đầu tinh thông buôn bán, mở công ty vận tải ở Paris, thu được lợi nhuận kếp sù. Năm 1905 trên chuyến tàu biển từ Trung Quốc sang pháp, Trương Tỉnh Giang đã gặp Tôn Trung Sơn, ông ngưỡng mộ Tôn và tự mình bái vọng trước, hứa sẽ tài trợ cho những hoạt động cách mạng của Tôn. Trương Tỉnh Giang dặn Tôn Trung Sơn ám hiệu liên lạc, tuần tự theo ABCDE, nếu điện báo chữ A, Trương sẽ tài trợ một

vạn, chữ B hai vạn, chữ C ba vạn, chữ D bốn vạn, chữ E năm vạn. Tôn Trung Sơn bán tín bán nghi. Hai năm sau, lúc ở Tokyo ngân quỹ của Đồng Minh hội cạn kiệt, không còn cách nào khác, Tôn bèn nhớ lại Trương Tĩnh Giang trợ phú và kì quặc đã gặp nhau trên biển, liền điện báo chữ C, quả nhiên ngày thứ hai thì nhận được ba vạn quan tiền Pháp. Ông vô cùng ngạc nhiên, ít lâu sau Trương xin gia nhập Đồng minh hội và trở thành bạn chiến đấu của Tôn, từng giữ chức trưởng ban tài chính Đảng cách mạng Trung Hoa. Trương Tĩnh Giang cũng có tình nghĩa đặc biệt với Tưởng. Năm 1920 nhờ Trương mách bảo, Tưởng đã phát tài bằng bốn cổ phiếu, nhưng càng lao vào thị trường chứng khoán Tưởng càng thua lỗ, đổ nợ, phải nhờ Trương trả giúp, cuối cùng Trương khuyên Tưởng nên về Quảng Châu phò tá cho Tôn Trung Sơn. Khi Trần Quỳnh Minh bắn phá chiến hạm Vĩnh Phong, Tưởng Giới Thạch xả thân yểm trợ Tôn Trung Sơn, ông phải đưa hai con nhỏ của mình cho Trương Tĩnh Giang chăm sóc.

Trương hay tin Tưởng Giới Thạch phát hoả sự kiện 3.20 ở Quảng Châu nên tức tốc từ Thượng Hải về đây để bày mưu tính kế, làm người “nhắc vở” cho Tưởng, đúng như Trương Quốc Đào đã hồi ức: “Ông không xuất đầu lộ diện, nhưng ai cũng phải công nhận đó là nhân vật quan trọng đứng đằng sau Tưởng”.

Ngày 15 tháng 5 năm 1925, cả Quảng Châu trong tình trạng giới nghiêm, quân lính tuần tra chặt chẽ và hội nghị toàn thể lần thứ 2 khoá 2 Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng khai mạc, do Tưởng Giới Thạch chủ trì. Đây là một cột mốc quan trọng có tính lịch sử trong cuộc đời chính trị Tưởng Giới Thạch. Theo đề nghị của ông, Trương Tĩnh Giang thay thế Uông Tinh Vệ giữ chức Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng, Đàm Diên Khải thay thế Uông Tinh Vệ giữ chức Chủ tịch Hội nghị chính trị trung ương Quốc dân đảng kiêm Chủ tịch chính phủ Quốc dân, và như vậy Tưởng đã chiến thắng đối thủ quan trọng nhất trong nội bộ, ấy là Uông Tinh Vệ, mặc dù ông không đứng ra làm chủ tịch đảng, nhưng chức vụ đó nằm trong tay Trương cũng có nghĩa là ông nắm luôn.

Nhân đây xin có đôi lời về họ Uông, hiện giờ tung tích ở đâu. Sau sự kiện chiến hạm Trung Sơn, ngày 25 tháng 3, bỗng nhiên Uông Tinh Vệ “mất tích”, có người bảo ông đã qua Hương Cảng và đi Liên Xô, kì thực thì Uông vẫn bí mật ẩn cư tại Quảng Châu, dẫu cam chịu để quyền lực rơi vào tay Tưởng một cách dễ dàng như vậy, ông chờ thời cơ. Nhưng vì không nắm được quân đội, đâu không nổi Tưởng, sau một tháng quan sát thấy

không còn hi vọng gì, Uông Tinh Vệ mới đi Hương Cảng và cuối cùng sang Pháp.

Lại nói về Hồ Hán Dân, nhân vật có liên quan đến vụ án Liêu Trọng Khải đã bị Tưởng Giới Thạch đuổi khỏi Quảng Châu, Hồ sang Liên Xô và diễn thuyết vô cùng khăng khái, nghe tin sự kiện 3.20 và Uông Tinh Vệ “mất tích”, liền mò về Ngũ Dương thành, nhưng Tưởng không dùng con bài này và Hồ lại bị bỏ rơi. Sau khi Tôn Trung Sơn vừa tạ thế, Uông, Hồ được xem là những người kế vị xuất sắc, vị trí còn cao hơn Tưởng rất nhiều, thế mà giờ đây cả hai cùng trên một chuyến tàu lưu vong, tự dọn bót chông gai để cho Tưởng Giới Thạch bước lên con đường lãnh tụ...

Nhờ quân sự Trương Tĩnh Giang bày mưu tính kế, hội nghị 15 tháng 5 năm 1926 của Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng đã thông qua “Phương án chỉnh lý đảng vụ”. Phương án gồm ba điểm quy định: (1) Phàm đảng viên của đảng khác gia nhập vào đảng ta thì đảng đó phải giao cho Ban chấp hành trung ương đảng ta danh sách của họ để lưu trữ quản lý. (2) Phàm đảng viên của đảng khác gia nhập vào đảng ta thì không được giữ chức trưởng ban hoặc bí thư các cơ quan trung ương. (3) Mọi mệnh lệnh của đảng khác đối với đảng viên của họ gia nhập vào đảng ta đều phải thông qua hội nghị liên tịch cùng đảng ta rồi mới được truyền đạt. Đây là vũ khí pháp lý mà Tưởng Giới Thạch đã tự chế tạo để gạt Trung Cộng, ra khỏi nội bộ Quốc dân đảng, vì thuật ngữ “đảng khác” trong phương án này hẳn muốn chỉ cộng sản mà thôi.

Ròng rã một tuần thảo luận tranh cãi, cuối cùng hội nghị dùng phương pháp kí tên để thông qua, Mao Trạch Đông (ủy viên dự khuyết) kiên quyết phản đối, Trương Quốc Đào tuân theo ý kiến của Trần Độc Tú đã đồng ý và kết quả: theo phương pháp chỉnh lý đảng vụ của Quốc dân đảng, Mao Trạch Đông từ chức quyền trưởng ban tuyên truyền, Lâm Tổ Hàn từ chức ủy viên tài chính và thư kí ban thường vụ, Đàm Bình Sơn từ chức thư kí ban thường vụ... vì họ đều là đảng viên cộng sản.

Cũng có thể nói, những năm tháng đầu tiên khi mà Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông tay súng tay bút cùng phụng sự cho một sự nghiệp chung đã kết thúc, họ “chia tay”, và mãi 19 năm sau mới gặp lại tại cuộc đàm phán Trùng Khánh. Đây chỉ là khúc dạo đầu cho một bản nhạc, là những phút thăm dò lực lượng đối phương trước khi xông vào cuộc, song ít nhiều đã thể hiện khí chất của hai người - một lái buôn và một nông dân, một tay súng và một cây bút.



## MẬT SỨ NỘI TRƯỞNG

Sau hai nước cờ “chiến hạm Trung Sơn” nhằm thăm dò hỏa lực đối phương và “chỉnh lí đảng vụ” với mục đích tách cộng sản ra khỏi nội bộ Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch tiếp tục phát động “chính biến 4.12” để triệt để thanh toán sự dính líu của Trung Cộng mà lúc bấy giờ thế giới đã phải cá báo “ngọn lửa đấu tranh giữa KMT và CP ở Trung Quốc đã bùng cháy” (*KTM - chữ viết tắt tiếng Anh chỉ Quốc dân đảng, CP - chỉ Đảng Cộng sản*). Năm 1926, Tưởng thăng tiến như điều gặp gió, ngày 5 tháng 6: Tổng Tư lệnh, ngày 29 tháng 6: uỷ viên chính phủ, ngày 5 tháng 7: Trưởng ban quân sự, ngày 6 tháng 7: thay Trương Tinh Giang lên nắm chức Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng, ngày 9 tháng 7 tuyên thệ Bắc phạt, soái lĩnh tám quân đoàn với 10 vạn tinh binh lên đường tiêu diệt quân bắc phiệt Bắc Dương, nhanh chóng công phá thành trì Vũ Xương. Có thể nói ngày 9 tháng 7 năm 1926 như một lễ “đăng cơ” của Tưởng, trong tay nắm giữ ba quyền quân, chính đảng. Nhưng sự đòi quá dễ dàng đối với Tưởng Giới Thạch, “giặc ngoài” tạm xong, “thù trong” còn đó, thế trận Tưởng Giới Thạch - Uông Tinh Vệ - Hồ Hán Dân của nội bộ Quốc dân đảng luôn luôn diễn ra kịch bản “hai chọi một” rồi “hai chọi lẫn nhau” để dành vương vị. Đã lắm phen Tưởng Giới Thạch thất sủng, bị khai trừ đảng tịch, miễn nhiệm mọi chức vụ, phải tuyên bố từ chức đi Nhật hoặc về Khê Khẩu. Đã có lúc, hai chính phủ, hai trung ương cùng tồn tại, một bên là Tưởng và một bên là Uông. Và cuối cùng đành chấp nhận “thể chế Tưởng Uông” - Uông nắm chính quyền, Tưởng nắm quân đội, cả hai liên hiệp nắm đảng, còn Hồ Hán Dân được chia phần ở Tây Nam và Lưỡng Quảng (Quảng Tây và Quảng Đông).

Còn Mao Trạch Đông, sau vụ “chỉnh lí đảng vụ” phải từ chức quyền trưởng ban tuyên truyền Quốc dân đảng, ông lưu lại Quảng Châu ít lâu cho công việc huấn luyện nông dân, được mệnh danh là “nông vận đại vương”“, nhưng cuối cùng tháng 11 năm 1926 cũng rời Ngũ Dương thành đi Vũ Hán rồi về bản quán cho ra đời tác phẩm trứ danh “Báo cáo khảo sát phong trào nông dân Hồ Nam”, năm 1927 lãnh đạo khởi nghĩa vụ gặt mùa thu, rút được kết luận “hạng súng để ra chính quyền”, kéo lên Tỉnh Cương Sơn hội sư cùng Chu Đức, lập nên quân đội Chu - Mao, thực lực cho những nước cờ sau này với Tưởng, về phần Trung Cộng, một quá trình lựa chọn lãnh tụ đã

diễn ra, lần lượt từ Trần Độc Tú, Cù Thu Bạch, Hương Trung Phát, Lý Tập Tam, Vương Minh đến Bác Cổ, mãi tới tháng 1 năm 1935, tại hội nghị Tuân Nghĩa, tay lái mới giao về Mao Trạch Đông, từ bấy hình thành “thể chế Mao - Trương” (Trương Văn Thiên) để chọi lại “Tướng Uông” bên Quốc dân đảng và trong tay, họ cũng có chính quyền - Nước Cộng hoà xô-viết Trung Hoa, cũng có quân đội - Quân cách mạng công nông Trung Quốc.

Hai bên dàn trận, quân xanh quân đỏ, cuộc cờ vào lúc quyết liệt, phía bên Mao phải Vạn lý trường chinh từ Hoa Nam lên miền bắc Thiểm - Cam, tìm nơi đứng chân, phía bên Tướng hô hào càn quét, tàn sát “cộng tặc”, “cộng phỉ”, “cộng quân”, một thời hợp tác lật đổ phong kiến, diệt trừ ngoại xâm đã lùi xa vào dĩ vãng, nay chả còn Quốc - Cộng giao tranh, câu chuyện Tàu của chúng ta lần tới chương 2 - “Mật sứ nội tướng”, kể chuyện đánh đánh đăm đăm cũng rất... Tàu.

### **TRẦN NHỎ BẢO AN Ở THIỂM BẮC TRỞ THÀNH HỒNG ĐÔ**

Mỗi lần có khách quý tới thăm, người xưa thường rất lịch sự mà “xuất khoác tương nghinh” nghĩa là phải đi xa khỏi thành để đón tiếp. Đối với trấn nhỏ Bảo An nằm lọt thỏm giữa vùng đất hoang thổ Thiểm Bắc này thì cái bờ tường xây bằng gạch kia có thể gọi là “khoác”, là “thành”.

Bảo An, hàm ý “bảo đảm an toàn” ở phía tây bắc Phu Thi (ngày nay gọi là Diên An), nguyên là đồn lũy phòng ngự ngoại xâm của đời nhà Đường. Năm 1934 cải danh thành huyện Xích An, hai năm sau (1936) lại đổi thành Chí Đan. Chí Đan là tên của danh tướng Hồng quân Lưu Chí Đan, một trong những người xây dựng nên căn cứ địa Thiểm Bắc, sinh ở Bảo An, năm 1936, Lưu mới 34 tuổi và đã hy sinh tại trận tiền lúc giao tranh với quân Quốc dân đảng, vì vậy tháng 6 năm ấy, Trung Cộng quyết định mệnh danh cho quê hương anh là Chí Đan để mãi mãi ghi nhớ ý chí sáng ngời và đỏ thắm của người chiến sĩ cách mạng.

Đây vốn là một trấn nhỏ vô danh, không mấy ai để mắt, nhưng từ ngày 3 tháng 7 năm 1936, nó bỗng trở thành Hồng đô - thủ đô đỏ trong tầm nhìn của mọi người. Đó là hôm mà Mao Trạch Đông cùng cơ quan trung ương Trung Cộng trở về đồn trú tại đây. Tuy không thể so sánh với thủ đô Nam Kinh của Dân quốc muôn phần tráng lệ, Bảo An vẫn đương nhiên là trụ sở của chính phủ trung ương nước Cộng hoà nhân dân xô-viết Trung Hoa, và tương tự cái nhà hầm nằm sâu trong hốc núi vô cùng giản dị mà Mao Trạch Đông trú ngụ cũng không thể so sánh với văn phòng rất hào hoa của Tướng Giới Thạch, nhưng đây vẫn là hành dinh của một vị chủ tịch.

Kể từ tháng 1 năm 1935, sau hội nghị Tuân Nghĩa, thể chế Mao - Trương (Mao Trạch Đông và Trương Văn Thiên) được xác lập trong nội bộ Trung Cộng và Hồng quân dần dần thoát khỏi vòng vây. Vượt qua hai vạn năm ngàn dặm trường chinh từ Hoa Nam, ngày 19 tháng 10 năm 1935, Mao Trạch Đông cùng Hồng quân đặt chân đến huyện Ngô Khởi - Thiểm Bắc, sau đó không lâu thì cơ quan trung ương Trung Cộng dời về Ngõa Dao Bảo (ngày nay gọi là Tử Trường) phía đông bắc Diên An. Thuở ấy Ngõa Dao Bảo bỗng trở thành Hồng đô tạm thời của Trung Cộng. Nhưng ngày 21 tháng 6 năm 1936, quân Tưởng truy kích và đánh vào Ngõa Dao Bảo, Mao Trạch Đông và cơ quan trung ương phải rút về Tử Dao mạn tây, cuối cùng là Bảo An, bắt đầu đứng chân và ổn định lại tất cả cái trấn nhỏ “bảo đảm an toàn” này.

Khoảng hơn 10 ngày sau khi Mao Trạch Đông vào trú thân tại nhà hầm móc sâu trong vách đá, thì một người khách viễn phương, giống mũi lõ đã dũng cảm tới đây xin được phỏng vấn Mao Chủ Tịch. Lịch sử ghi nhận anh phóng viên Mỹ, người vượt qua muôn trùng hiểm trở, lọt vào Bảo An là “ngoại tân” thứ nhất của Hồng đô, đó là ngày 16 tháng 7 năm 1936 rất đáng ghi nhớ.

Trong “Tây hành mạn ký”, người Mỹ ấy đã mô tả: “Tôi đến đó không lâu thì gặp ngay Mao Trạch Đông, ông có khuôn mặt xương gầy, trông như một gã lâm khân, cao hơn khổ người Trung Hoa, lưng hơi gù, đầu tóc đen nhánh, ken dày và để dài, hai mắt sáng long lanh tựa có thần sắc, mũi cao và lưỡng quyền nổi hẳn lên. Tất cả để lại trong tôi một ấn tượng tốt đẹp về con người trí thức thông minh ấy. Nhưng mấy hôm đó tôi vẫn chưa có dịp để xác tín một điều quan trọng đang âm ỉ trong lòng. Bỗng một chiều vào lúc hoàng hôn, Mao Trạch Đông đầu trần tản bộ, bên ông là hai người nông dân trẻ, họ vừa đi vừa hỏi chuyện. Thoạt đầu, tôi nhận không ra Mao Trạch Đông, bởi vì ở Nam Kinh người ta treo giải 25 vạn quan cho ai lấy được thủ cấp của Mao, còn đây ông vẫn thản nhiên sống giữa nhân dân, thiên hạ.

Ông và phu nhân (chỉ Hạ Tử Trân) ở trong hai gian nhà hầm, giản dị đến mức không thể giản dị hơn nữa, vách tường không treo gì cả ngoại trừ mấy tấm bản đồ, vật chất xa xỉ nhất của hai người chỉ là cái màn muỗi, mọi thứ khác đều theo tiêu chuẩn một chiến sĩ Hồng quân. Là lãnh tụ quân cách mạng, từng trăm ngàn lần tịch thu tài sản của địa chủ, quan lại v.v... mà giờ này của cải riêng mình chỉ vồn vện tấm chăn, cái màn muỗi, vài bộ quần phục...”



Năm tháng sau khi người khác đầu tiên của Hồng đô rời khỏi vùng đất hoàng thổ, thì hôm nay lại một toán người ào tới, vó ngựa cuốn tung bụi vàng. Họ từ Tây An đi ô-tô đến Lạc Xuyên, xe dừng ở đó và thay ngựa, phi về bắc - nơi có cái trấn nhỏ Bảo An, đoàn người đều mặc quân phục kiểu Đông Bắc của Trương Học Lương. Vị chủ soái đã ngoại tứ tuần, tướng mạo oai phong, còn lại số tuý tùng tuy con nhà lính mà y như các thư sinh.

Phái đoàn đang căng yên ngựa, phái ngoài 20 dặm nữa mới tới Bảo An thì thoát trông một trưởng giả mặc quân phục Hồng quân đứng đợi để làm nhiệm vụ “xuất khoác trương nghinh”.

Vị mang quân phục Hồng quân vừa dứt lời: “Diệp lão, vất vả cả một dặm trường”, thì vị mặc quân phục Quốc dân đảng cười to, âm vang sang sảng: “Lâm lão, ông ra đây chắc không phải đón tôi mà cốt để nhận mấy đồng “Quang Dương a”.

“Diệp lão” đây chính là Diệp Kiếm Anh, còn “Lâm lão” kia đích danh Lâm Bá Cừ. Lâm lúc ấy là Bộ trưởng tài chính mà trong tay khô kiệt, nay nhận điện là Diệp sẽ mang về năm vạn đồng Quang Dương, lòng mừng khôn tả, vì vậy nên phải ra khỏi cổng thành long trọng nghênh tiếp. Năm vạn đồng tuy chỉ bằng một phần năm của hai mươi lăm vạn tiền thưởng mà Tưởng Giới Thạch treo giải cho ai lấy được thủ cấp Mao Trạch Đông, nhưng đối với hoàn cảnh thiếu thốn của Hồng quân lúc bấy giờ chẳng khác nào như hạn hán gặp mưa rào.

Diệp Kiếm Anh đào đầu ra mà có những năm vạn đồng Quang Dương?

### **“MÃ PHU” DIỆP KIẾM ANH LỘT VÀO TÂY AN**

Trước đây hai tháng, khoảng hạ tuần tháng 9 năm 1936, một đoàn kỵ mã rời khỏi Bảo An thành, nhắm hướng huyện Phú rong ruổi yên cương, họ ghé lại đồn lũy của quân đoàn Đông Bắc, thay ngựa thắt xe tiến về Tây An.

Họ đều mặc quân phục Quốc dân đảng, người dẫn đoàn ngực đeo phù hiệu hình tròn nổi bật dòng chữ “Hội đồng quân sự trung ương Quốc dân đảng”, hẳn phải là trưởng quan, cạnh kề ông bên hữu phó quan súng ống nài nệ đàng đàng sát khí, bên tả viên thư ký nho nhã ung dung đôi mắt giấu sau cặp kính cận. Nghe nói đây là đoàn đại biểu do Quốc dân đảng phái đến Bảo An để đàm phán với Hồng quân, kỳ thực thì không phải như vậy. Viên trưởng quan Biên Chương Ngũ, 36 tuổi, tốt nghiệp trường sĩ quan Bảo Định, tham mưu trưởng sư đoàn Quân quốc dân đảng, tháng 12 năm 1931 tham gia cuộc bạo động Ninh Đô và trở thành đảng viên đảng cộng sản,

đảm nhận chức sư trưởng Hồng quân, đã qua Vạn lý trường chinh. Còn phó quan 29 tuổi Bành Tuyết Phong, năm 1926 gia nhập Đảng Cộng sản, chính ủy sư đoàn Hồng quân, cũng từng trường chinh từ nam lên bắc. Viên thư ký nho nhã kia vừa qua cái tuổi “nhì lập”, vào đảng năm 1925, bí thư tổ chức Trung Cộng trong Liên minh văn hóa cánh tả, nay là trưởng ban tuyên truyền Tổng cục chính trị Hồng quân, anh có tên gọi Phan Hán Niên. “Đoàn đại biểu” còn có các thành viên khác nữa như Ưng Phong, Ngô Tự Lập, và một mã phu mặc quân phục lính Quốc dân đảng không mấy ai chú ý, người đó mới chính là trưởng đoàn - tướng quân Diệp Kiếm Anh. Tất cả bọn họ đã được Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai chọn lựa kỹ càng, kết thành một đội ngũ thần bí mang sứ mạng quan trọng. Trước khi đoàn lên đường đi Tây An, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai dành nhiều thời gian bàn bạc, dặn dò “mã phu” Diệp Kiếm Anh.

Đoàn đến huyện Phú và tiến vào khu vực kiểm soát của quân Đông Bắc Quốc dân đảng thì theo mật lệnh từ Trương Học Lương, viên sư trưởng họ Lưu đã ra nghênh tiếp và tự mình lái xe đưa đoàn về Tây An không chút trở ngại. Diệp Kiếm Anh trở thành “Ngô tiên sinh” trong nước cờ đầy kỳ thú này giữa Tưởng và Mao, ông lọt vào Tây An cố đô.

Trần giữ Tây An là Trương Học Lương - Phó Tư lệnh hải lục không quân Hội đồng quân sự Quốc dân đảng, Phó Tư lệnh Bộ Tổng Tư lệnh tiểu phi Tây Bắc. Lúc bấy giờ đối với Tưởng Giới Thạch, Trung Cộng là “phi”, “Cộng phi”, cái gọi “tiểu phi” chính là “tiểu cộng”. Phó Tư lệnh “Tây Bắc tiểu tổng” Trương Học Lương năm ấy 35 tuổi, là trưởng nam của “Đông Bắc vương” - Trương Tác Lâm. Đông Bắc là quê hương của Trương, và quân đội của họ có tên gọi “Phụng quân”, bởi lẽ hồi đó Thẩm Dương (thủ phủ tỉnh Liêu Ninh) giả xưng là Phụng. Trương Học Lương có mối thù khắc cốt ghi xương với quân Nhật; rạng sáng ngày 4 tháng 6 năm 1927, cầu đường sắt Thẩm Dương tự nhiên bị gãy và cả đoàn tàu rơi chìm xuống sông, thân phụ của Trương là một hành khách trong đó, kịp đưa đến bệnh viện cấp cứu nhưng mấy giờ sau thì qua đời, kẻ thù của vụ gãy cầu chìm tàu này là quân Nhật và Trương quyết không đội trời chung với chúng.

Tiếp đến “sự biến 9.18”. Ngày 19 tháng 8 năm 1931, quân Nhật đánh chiếm Thẩm Dương, sau bốn tháng 18 ngày, cả ba tỉnh Đông Bắc (Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang) rơi vào tay giặc, họ Trương tha hương, Phụng quân lưu lạc sang xứ người.

Khi Mao Trạch Đông dẫn đầu Hồng quân trường chinh đến Thiểm Bắc, Tưởng Giới Thạch tuyên bố “chủ lực của phi quân rút chạy về vùng

Cam Xuyên Thiểm” và ông đã đi một nước “diệu kỳ” trên bàn cờ thế kỷ, nhắc “quân cờ” Trương Học Lương từ Đông Bắc sang Tây Bắc, phong cho Trương chức vụ phó Tư lệnh “Tây Bắc tiểu tông”. Trương Học Lương vốn không phải phái hệ, chính giòng của Tưởng Giới Thạch nên dùng Phụng quân đánh Hồng quân, “ngư ông” họ Tưởng lại một lần nữa được lợi trong cuộc tranh nhau giữa “traí, cò”, vừa làm yếu thế quân Đông Bắc, vừa tiêu hao lực lượng Hồng quân. Thật là diệu kế! Phụng mệnh quân lệnh, tháng 6 năm 1935, Trương Học Lương dẫn đầu 13 vạn tinh binh tiến vào Đồng Quan - cửa ngõ của Tây An.

Mao Trạch Đông hiểu tâm trạng của Trương, tuy trên văn bản công bố chính thức, họ Trương bị liệt vào “quân bán nước”, nhưng phía đằng sau, Mao liên tục phái mật sứ len vào nội tướng tìm cách lôi kéo Trương Học Lương và Diệp Kiềm Anh trong vai “Ngô tiên sinh” lần này không ngoài sứ mạng quan trọng đó, còn phía bên kia Trương Học Lương phái cử ai “nghênh tiếp”? Người ấy là Tôn Minh Cửu, tham mưu tùy tùng cơ yếu của phó chủ tịch “Tây Bắc tiểu tông”.

### **ĐƯỜNG DÂY NÓNG GIỮA MAO TRẠCH ĐÔNG VÀ TRƯƠNG HỌC LƯƠNG**

Người ngồi đó, đầu hói bóng chỉ còn vài sợi bạc lơ thơ, thân không cao nhưng vai rộng, từ lưng trở lên như một đường thẳng, Tôn Minh Cửu nay tuy đã 80 lẻ 4 tuổi mà phong độ nhà binh vẫn oai phong lẫm liệt, tác giả cuốn sách này đã có dịp đến thăm “con người lịch sử” họ Tôn, phòng khách nhà cụ chỉ treo mấy bức ảnh chụp chung cùng nguyên soái Diệp Kiềm Anh khi còn ở Thượng Hải năm 1997.

Tôn Minh Cửu là tâm phúc của Trương Học Lương. Cách đây không lâu đã có người hỏi Trương, nếu được trở về đại lục thăm viếng, ông sẽ tìm gặp ai? Trương không do dự mà rằng: Tôn Minh Cửu! Tháng 8 năm 1991, hãng truyền hình Nhật Bản NHK phỏng vấn ghi hình Trương Học Lương ở Đài Bắc, sau đó họ đem trình chiếu cho Tôn Minh Cửu xem, Tôn nước mắt đầm đìa, nhớ về một quá vãng gắn bó giữa hai người.

Tôn Minh Cửu sinh ngày 13 tháng 1 năm 1908 tại Liêu Ninh, làm quản giáo học dưới quyền Trương Học Minh - em trai Học Lương. Năm 1931, Học Lương được phong chức phó Tư lệnh hải lục không quân Quốc dân đảng, từ Nam Kinh lên Bắc Kinh ghé qua Thiên Tân, Học Minh cử Tôn Minh Cửu hộ tống anh mình. Trương quý trọng Tôn, bèn tặng chiếc đồng hồ Thụy Sĩ có hình Học Lương trong đó để ghi nhớ mối quan trọng trên

đường hợp tác giữa họ, từ bấy Tôn luôn luôn là tham mưu tủy tòng cơ yếu của Trương.

Khi tiến quân vào Tây An, Trương Học Lương hạ trại tại ngô Kim Gia, còn Tôn Minh Cửu trú ở ngôi nhà tứ hợp cách đó không xa, và hôm nay là nơi đón tiếp “Ngô tiên sinh”. Theo căn dặn của Học Lương, Minh Cửu bố trí lực lượng bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đại biểu Hồng quân họ Ngô. Sau mấy ngày phục vụ, được biết “Ngô tiên sinh” chính là tướng quân Diệp Kiếm Anh, Minh Cửu càng cẩn trọng hơn. Và như vậy, một đường dây nóng Trương Học Lương - Diệp Kiếm Anh - Mao Trạch Đông được hình thành, chỉ riêng tháng 10 năm 1936, 18 mật điện đã liên lạc giữa Tây An và Bảo An. Ngày 29 tháng 10 năm 1936, Diệp Kiếm Anh điện khẩn: “Tướng - Trương đã hội đàm, kết quả rất xấu, Tướng tuyên bố phi không tiểu sạch thì quyết chưa kháng Nhật. Kiếm đề nghị sau ba ngày sẽ rời về Tây An báo cáo tể mỷ, đợi lệnh”. Thượng tuần tháng 11, Diệp Kiếm Anh nhận điện từ đại bản doanh “Trở về Bảo An thương lượng, nhân tiện nhờ Trương tướng quân tài trợ ít nhiều kinh phí”. Trương Học Lương lập tức đáp ứng năm vạn quan Quang Dương và hôm nay Diệp mang về cho Bộ trưởng Tài chính Hồng quân Lâm Bá Cừ.

Là một phó Tư lệnh của “Tây Bắc tiểu phi Tổng Tư lệnh bộ”, tại sao Trương Học Lương lại khẳng khái chi viện cho “phi” như vậy? Chuyện dài ấy đã bắt đầu từ cuộc mật đàm thâm đêm ở giáo đường Thiên Chúa thành Diên An.

### **TRONG GIÁO ĐƯỜNG THIÊN CHÚA**

Sáng ngày 9 tháng 4 năm 1936, một chiếc Ba-ung (ngày nay phiên âm theo Boeing là ba-âm), cất cánh từ sân bay Lạc Xuyên, hồi ấy bóng dáng của máy bay trên bầu trời cao nguyên hoàng thổ là rất hiếm hoi. Chiếc Ba-ung lao vào tầng không và bay về đâu thì chẳng ai đoán trước được, song có điều lịch sử còn ghi lại rằng, người lái chuyến bay ấy chính là tướng quân Trương Học Lương. Trương là con người đa tài đa nghệ, biết sử dụng mô-mô, ô-tô và cả máy bay. Năm 1934, khi Trương thắng xe đi thị sát vùng Ngạc Đông Ma, quan sở tại dẫn bộ hạ ra đón ông cách thành 30 dặm, đợi mãi mà không thấy, sau mới hay chiếc xe “dẫn đường” chính do tướng quân tự lái đã vượt qua từ lâu. Lại có lần vì việc cần Trương cưỡi mô-tô phóng một mình từ Thiên Tân về Bắc Kinh chỉ mất vài ba tiếng đồng hồ.

Trương Học Lương mua chiếc Ba-ung làm chuyên cơ cho mình, bay đây bay đó, vừa nhanh chóng, vừa hiệu quả. Còn chuyến bay này do ông tự lái là nhằm bảo mật, “hành khách” gồm ba vị: Vương Dĩ Triết - chỉ huy

quân đoàn 7 của Đông Bắc quân, Tôn Minh Cửu và một nhân vật thần bí khác. Chiếc máy bay lượn một vòng trên bầu trời Lạc Xuyên rồi lao về hướng bắc, cho đến lúc nhìn thấy dòng Diên Hà uốn lượn trên nền hoàng thổ và trông rõ đỉnh Bảo Tháp nơi ngọn núi bên sông, Trương Học Lương hạ độ cao và cho Ba-ung từ từ đậu xuống bãi rộng - đây chính là Diên An. Đoàn phi hành bốn người đi về doanh trại của quân Đông Bắc đồn trú tại thành Diên An nghỉ ngơi và chờ người của khu đỏ phái ra. Đó là Xuyên Khẩu phía đông Diên An, đợi cho trời tối họ mới vào thành. Ba ngày trước đó, Trương Học Lương và Vương Dĩ Triết nhận được điện báo của Mao Trạch Đông và Bành Đức Hoài: “Ngày 8, đại biểu của phía chúng tôi là Chu Ân Lai và Lý Khắc Nông sẽ đến Diên An cùng Trương tiên sinh bàn mưu cứu Quốc, định khởi hành từ Ngõa Dao Bảo vào ngày 7, hẹn nhau tại Xuyên Khẩu chờ người của tiên sinh đón vào thành, mọi sự an toàn đảm bảo nhờ tiên sinh bố trí thỏa đáng...”.

Phó đoàn cho Chu Ân Lai là Lý Khắc Nông, người An Huy, vào đảng năm 1926, năm 1928 bắt đầu đảm nhiệm công việc bí mật của phòng đặc vụ trung ương Trung Cộng ở Thượng Hải, năm 1931 là ủy viên dự khuyết Bộ Chính Trị. Lý là người từng giúp Chu Ân Lai thoát hiểm khi bị lộ do bọn đầu hàng khai báo, sau khi trường chinh về đến Thiểm Bắc ông giữ chức cục trưởng cục liên lạc và một trong các đối tượng mà Lý có quan hệ chính là Trương Học Lương. Đoàn của Chu Ân Lai gồm năm người được bí mật đưa tới nhà thờ xứ Diên An, Trương Học Lương đã chờ sẵn ở đó. Đây là lần đầu tiên Chu - Trương gặp nhau, lúc bấy giờ Chu còn để râu quai nón khiến Trương phải thốt lên “mỹ nhiệm công” (người có bộ râu đẹp). Trương Học Lương và “mỹ nhiệm công” vừa gặp nhau mà như đã quen thân từ lâu, nói cười vui vẻ. Năm mươi năm sau, khi trả lời phóng viên truyền hình NHK Nhật Bản, nhớ lại lần đầu quen biết Chu Ân Lai, Trương Học Lương đã dùng 12 chữ để bình phẩm họ Chu - phản ứng sắc sảo, nói năng xuất chúng, học thức uyên thâm!

Trương Học Lương giới thiệu với Chu Ân Lai nhân vật thần bí của mình, mà ông gọi là thư ký. Chu Ân Lai bật cười và bắt tay viên thư ký:

- Chào Lưu tiên sinh.

- Chào Chu tiên sinh! Chào Chu tiên sinh!

Trương Học Lương ngỡ ngàng vì Chu, Lưu đã biết nhau từ lâu. Đúng vậy, nhân vật “Lưu tiên sinh” chính là Lưu Đĩnh, 33 tuổi, người Tứ Xuyên, từng làm việc dưới quyền của Chu Ân Lai. Năm 1930, sau khi du học ở Liên Xô trở về Thượng Hải, Lưu Đĩnh đã đến báo cáo Chu Ân Lai và Chu

đã bố trí cả hai vợ chồng Lưu Đình - Ngô Tiên Thanh cùng làm việc tại phòng đặc vụ của Trung Cộng. Lưu thông minh, tháo vát, được Chu mến phục, còn Ngô quả là một nữ tướng, năm 1933 bà làm tổ trưởng điệp viên của cục tình báo Viễn Đông Quốc tế Cộng sản. Đang là đảng viên Trung Cộng, Lưu Đình tự nhiên trở thành thư kí của tướng quân Quốc dân đảng, chuyện thật khúc khuỷu dài dòng, song cũng đều bắt nguồn từ một quan điểm “không liên Cộng kháng Nhật, ấy chỉ là nói suông...” và do đó Trương Học Lương cần có đại biểu Trung Cộng bên cạnh làm “bạn”, làm “thư kí” - sứ mạng đó đặt lên vai Lưu Đình. Tương tự, những Lý Khắc Nông, Cao Phúc Nguyên v.v... đều có nhiệm vụ “xe chỉ luân kim”, họ làm nên cuộc mật đàm đêm nay giữa Trương - Chu ở nhà thờ xứ thành Diên An.

**TỪ “PHẢN TƯỚNG KHÁNG NHẬT”,  
MAO TRẠCH ĐÔNG CHUYỂN KHẨU HIỆU THÀNH  
“BỨC TƯỚNG KHÁNG NHẬT”**

- Tôi lớn lên ở Đông Bắc - Chu Ân Lai tự giới thiệu.
- Tôi biết, Trương Học Lương đáp lại. - Thầy Trương Bá Linh cho tôi hay điều đó.

Trương Bá Linh, người Thiên Tân, đã có công sáng lập nên trung học Nam Khai, rồi đại học Nam Khai, và sau đó, năm 1948 đảm nhiệm chức viện trưởng Viện khảo thí của chính phủ Quốc dân đảng. Năm 15 tuổi, Chu Ân Lai học trung cấp ở Nam Khai, và lúc ấy thầy hiệu trưởng chính là Trương Bá Linh, Chu lấy làm ngạc nhiên vì sao Học Lương cũng là học sinh của Trương Bá Linh? Đang khi phân vân như vậy thì Chu bỗng nghe Trương cười vang:

- Trước đây tôi nghiện thuốc phiện, chích moóc-phin, nhưng nhờ Trương Bá Linh tiên sinh khuyên giải nên sau đó đã cai khử hoàn toàn, vì vậy mà tôn Người làm thầy!

- Thế là chúng ta cùng chung một sư tổ - Chu Ân Lai nhanh chóng ứng khẩu và kết thúc phần hàn huyên xã giao để đi vào chủ đề mật đàm.

Về kháng Nhật, hai bên không cần nhiều lời, sớm đã nhất trí, quân Nhật chiếm Đông Bắc, Trương phải bỏ bản quán tha hương, Phụng quân trên dưới một lòng kháng chiến trả thù, điều ấy không hện mà gặp, thật phù hợp với chủ trương của Trung Cộng, vấn đề còn lại là Tưởng Giới Thạch. Chu Ân Lai trình bày lập trường của Trung Cộng: vì Tưởng Giới Thạch thi hành chính sách “yên trong rồi mới dẹp ngoài”, “yên trong” ở đây là “tiểu Cộng”, cho nên Trung Cộng chúng tôi phải đưa ra khẩu hiệu “kháng Nhật phản Tưởng”, ông nói:

- Dám xin Trương tướng quân cho ý kiến.

Trương Học Lương rất trực ngôn, ông nhận thấy Hồng quân là người kháng Nhật chân chính nhất, điều ấy không còn phải nghi ngờ gì nữa, nhưng còn Tưởng Giới Thạch theo quan sát, Tưởng cũng có thể kháng Nhật, khẩu hiệu “kháng Nhật phản Tưởng” e không có lợi cho sự đoàn kết chống ngoại xâm. Trương trình bày thêm lí do, hiện nay Tưởng là phái có thực lực nhất trong nước, là chủ lưu của Quốc dân đảng, nếu “phản Tưởng” tức là gạt đi một lực lượng mạnh nhất. Tưởng nêu chính sách “yên trong rồi mới dẹp ngoài” tất nhiên là sai, nhưng chưa đến mức đầu hàng Nhật, ông ta đang đứng giữa ngã ba đường. Trương nói:

- Trong đám yếu nhân của Quốc dân đảng, tôi chỉ phục mỗi Tưởng Giới Thạch, ông ta có tinh thần dân tộc và năng lực lãnh đạo. Cho nên có thể hi vọng Tưởng kháng Nhật. Nhưng bên cạnh Tưởng Giới Thạch bao gồm nhiều phái thân Nhật, họ khiến ông ta không dám hạ quyết tâm đánh Nhật, vì vậy Tưởng đang lâm vào hoàn cảnh cực kì mâu thuẫn. Tôi chủ trương, bên trong chúng tôi khuyên, bên ngoài các ông bức làm cho Tưởng Giới Thạch thay đổi chính sách sai lầm, đi lên con đường kháng Nhật với chúng ta. Nếu quả tình Tưởng Giới Thạch đầu hàng giặc ngoại xâm, thì tôi sẽ từ chức và làm theo cách của mình.

Chu Ân Lai chăm chú lắng nghe Trương Học Lương trình bày chủ trương “kháng Nhật, thì phải liên Tưởng” và cảm thấy có lí:

- Tôi tán thành ý kiến của tướng quân, nhưng đây mới chỉ là cá nhân tôi, tôi phải về báo cáo với trung ương Trung Cộng bàn bạc và quyết định trước một chính sách lớn như thế này của tướng quân.

Trương Học Lương rất mãn ý với Chu Ân Lai, cuộc mật đàm kéo dài đến 4 giờ sáng hôm sau, trước khi chia tay, Trương tặng Chu tập bản đồ Trung Quốc vừa mới xuất bản với lời nguyện “cùng nhau bảo vệ Tổ Quốc”. Đoàn Trung Cộng trở về Ngõa Dao Bảo báo cáo Mao Trạch Đông, khi đi năm người, nay thêm Lưu Đình nữa là sáu.

Thật là trùng hợp, lúc 12 giờ đêm ngày 9 tháng 4 năm 1936, khi Chu Ân Lai đang mật đàm với Trương Học Lương tại nhà thờ xứ Diên An. Mao Trạch Đông đã điện báo cho Trương Văn Thiên hoãn phát lệnh “thảo Tưởng”.

Ngày 5 tháng 5 năm 1936, với danh nghĩa Chủ tịch nước Cộng hoà xô viết nhân dân Trung Hoa, Chủ tịch Hội đồng quân sự Hồng quân cách mạng nhân dân Trung Quốc, Mao Trạch Đông và Chu Đức trong “Thông điện đình chiến, hoà đàm, nhất trí kháng Nhật” đã không sử dụng thuật ngữ



“quân bán nước Tưởng Giới Thạch” nữa mà thay vì “ông Tưởng Giới Thạch” trung tính, không khinh không trọng. Ngày 1 tháng 9 năm đó (1936), Trung Cộng ban hành chỉ thị nội bộ chuyển khẩu hiệu “kháng Nhật phản Tưởng” thành “bức Tưởng kháng Nhật”.

### **ĐẠN TRÚNG UÔNG TINH VỆ VÔ TÌNH CỨU NGUY CHO TƯỚNG GIỚI THẠCH**

Trở lại với Tưởng Giới Thạch, một nhân vật chính khác của cuốn sách này, chúng ta thấy ông ta đang phải giáp mặt với ba đối thủ: về quốc tế - quân Nhật từng bước xâm lược, uy hiếp cuộc sống sinh tồn của Tưởng; về quốc nội - Trung Cộng do Mao Trạch Đông lãnh đạo ngày một lớn mạnh mà ông xem như đại họa bên trong; về đảng - Uông Tinh Vệ “bằng mặt mà không bằng lòng”, lăm lăm tiếm đoạt quyền lợi của nhau. Từ ngày 28 tháng 1 năm 1932, “thế chế Tưởng - Uông” được hình thành - Uông nắm chính quyền, Tưởng nắm quân đội và cả hai cùng nắm đảng. Nhưng hôm nay, mùng 1 tháng 11 năm 1935, những viên đạn của thích khách đã phá tan cái liên minh khiên cưỡng ấy. Đó là ngày đầu tiên của kì họp thứ 6 khoá 4 toàn thể Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng cử hành tại Nam Kinh. Theo thông lệ, đúng 7 giờ, tất cả uỷ viên trung ương tề tựu kính cẩn viếng lăng Tôn Trung Sơn, 9 giờ nghe Uông Tinh Vệ đọc diễn văn khai mạc dài khoảng 20 phút, sau đó cùng chụp ảnh lưu niệm tại sân hội trường. Hơn 100 vị xếp thành năm hàng, trước ngồi sau đứng, chính giữa đặt hai ghế cho Uông, Tưởng, nhưng vì việc gì đó mà Tưởng Giới Thạch đã không tham gia, nên trống một ghế. Đến 9 giờ 35 phút, các phó nháy, các phóng viên thay nhau bấm máy, ghi lại những khuôn hình lịch sử. Đúng vào lúc mọi người đứng dậy quay vào hội trường họp tiếp, thì vang lên tiếng hô “đả đảo quân bán nước” nổ ra từ trong đám tân văn kí giả và tiếp theo là ba phát súng, tất cả đều nhắm trúng Uông Tinh Vệ, ông ngã gục. Cả đám nháo nhác, Trương Tinh Giang hốt hoảng bò sát đất, Khổng Tường Hy lao nhanh vào gầm xe ô-tô gần đó, mỗi Trương Học Lương trấn tĩnh quay người ôm lưng hung thủ và đập mạnh khẩu súng lục văng khỏi tay y, vệ sĩ ập tới và bắt ngay viên kí giả vừa nã đạn.

Nghe tiếng súng nổ, Tưởng Giới Thạch cùng vệ sĩ của mình chạy tới, quỳ xuống bên cạnh Uông Tinh Vệ. Uông máu me đầm đìa, tưởng mình sắp lìa đời nên quay lại trần trời cùng Tưởng Giới Thạch:

- Tưởng tiên sinh, thế là huynh đã rõ, sau khi ta chết, mọi công việc chỉ mình huynh gánh vác.

Nhưng Trần Bích Quân, vợ Uông thì không khách sáo như vậy, bà nhìn chăm chăm vào các gương mặt uỷ viên trung ương rồi hất hàm về Tưởng Giới Thạch:

- Ông không muốn Uông tiên sinh đây làm việc thì nói toạc ra, chồng tôi cũng chẳng thêm, có sao lại phái người hãm hại?

Tưởng cảm như hén, ngậm bồ hòn làm ngọt, cùng mọi người đưa Uông về bệnh viện cấp cứu. Súng nổ, rồi báo chí nổ, Tưởng Giới Thạch trở thành đối tượng nghi vấn chủ mưu sát hại Uông Tinh Vệ, nhưng theo lời khai của hung thủ - Tôn Phụng Minh, phóng viên Thông tấn xã Thần Quang, ba viên đạn kia định dành cho Tưởng Giới Thạch, và không may Uông phải gánh chịu. “Thế thế Tưởng - Uông” chấm hết, ngày 12 tháng 11 năm 1935 - Ngũ toàn (đại hội khoá 5) của Quốc dân đảng được cấp tốc khai mạc, ngay sau đó ngày 7 tháng 12, Ban chấp hành trung ương bầu Hồ Hán Dân làm chủ tịch đảng, Tưởng làm phó, nhưng do Hồ bị bức ép ra nước ngoài lưu vong nên mình Tưởng Giới Thạch nắm tất cả quyền bính đảng, chính, quân.

Lại nói về đối thủ Trung Cộng, Tưởng Giới Thạch nhiều lần càn quét lên Tỉnh Cương Sơn, năm lần vây ráp tiêu trừ Giang Tây - khu xô-viết trung ương, Hồng quân trường chinh lên mạn bắc, Tưởng đuổi theo và lập nên “Tây Bắc tiểu phi”. Mặc dầu đối mặt với hoạ xâm lăng, Tưởng Giới Thạch vẫn khăng khăng “yên trong rồi mới dẹp ngoài”. Năm 1935, ai đó đã gửi “tặng” Tưởng Giới Thạch một chiếc váy đàn bà kèm theo bài thơ trách móc tình yêu nước, kháng Nhật của ông. Lúc 5 giờ chiều ngày 26 tháng 12 năm 1935, trung tướng Tục Phạm Đình dùng gươm tự sát trước lăng mộ Tôn Trung Sơn, để lại cũng bài thơ kích động lòng hận thù ngoại xâm. Những ngày cuối năm 1935 thật xáo động, Tưởng suy nghĩ lại các nước cờ đã đi và không khỏi phân vân cho tương lai, đành cũng phải hoà đàm với Trung Cộng, nhưng ông có cách “chơi” của mình.

### **NHỮNG “TUỶ VIÊN” TRÊN CON TÀU CỦA ĐỨC - POSTDAM**

Hội ấy ở Trung Quốc nổi lên “Tứ đại gia tộc”, đó là Tưởng Giới Thạch, Tống Tử Văn, Khổng Tường Hy, Trần Quả Phu và Trần Lập Phu. Hai anh em họ Trần, Quả Phu và Lập Phu có người chú ruột tên là Trần Kỳ Mỹ - ân nhân của Tưởng Giới Thạch, đã dẫn dắt Tưởng đi lên con đường chính trị từ buổi đầu gia nhập Đồng minh hội, Tưởng -Trần kết nghĩa anh em và do đó họ là bậc cha chú đối với “nhị Trần - Quả, Lập”. Trần Lập Phu từng du học ở Mỹ đậu bằng thạc sĩ ngành mỏ, năm 1926 làm thư kí cơ yếu

cho Tưởng Giới Thạch, năm 1928 giữ chức chủ nhiệm cục điều tra trung ương Quốc dân đảng kiêm trưởng phòng cơ yếu hội đồng quân sự, đứng đầu Câu lạc bộ trung ương (CC - Central Club) - một tổ chức đặc vụ của Tưởng Giới Thạch, tại Ngũ toàn (đại hội khoá 5). Lập Phu được bầu làm uỷ viên thường vụ Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng.

Tưởng Giới Thạch chọn Trần Lập Phu và một người nữa cũng họ Trương tên Xung làm mật sứ cho mình, cả hai đều “thay tên đổi phận” thành Lý Dung Thanh, Giang Phàm Nam làm “tuỳ viên” cho đại sứ Trung Hoa dân quốc tại nước Đức và hôm nay sau Noel 1935 xuống tàu Postdam đi viễn dương. Tưởng Giới Thạch nghiên cứu các văn kiện đại hội lần thứ bảy của Quốc tế Cộng sản được cử hành từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1935 tại Mạc Tư Khoa, và biết rằng đoàn đại biểu Trung Quốc đề xuất thành lập “Chính phủ quốc tế nhân dân thống nhất toàn Trung Quốc”, lãnh đạo Quốc tế Cộng sản “hoàn toàn tán thành ý kiến đề nghị của Trung Cộng”. Trước đây khi ở thăm Liên Xô, Tưởng Giới Thạch cũng đã bài kiến Quốc tế Cộng sản, ông hiểu sâu sắc rằng, Quốc tế Cộng sản là thượng cấp của Trung Cộng và do đó nước cờ của Tưởng trong thế hoà đàm với Mao Trạch Đông là “bỏ gần mà cầu xa”, đưa hai “tuỳ viên” Trần, Trương sang Âu châu, lần đến Liên Xô, liên lạc với Quốc tế Cộng sản và cuối cùng đề nghị thành lập Đồng minh Trung - Xô kháng Nhật và như vậy sẽ buộc Trung Cộng “quy phục”.

Hành tung của Trần Lập Phu và Trần Xung được bảo mật nghiêm ngặt, thế mà vẫn không giấu nổi tình báo Nhật. Trần, Trương sau khi đến Ý, đang liên lạc với Mạc Tư Khoa thì báo chí ở Nhật đưa tin “mật sứ của Tưởng Giới Thạch muốn thăm Liên Xô”, Tưởng đành thu quân triệu hồi hai vị “tuỳ viên” về nước. Nhưng khi họ vừa đặt chân lên Tân Cương thì lại nhận được điện báo của Tưởng Giới Thạch yêu cầu quay sang Mạc Tư Khoa cùng với Đặng Văn Nghi thực hiện sứ mạng chưa hoàn thành.

Đặng Văn Nghi, 31 tuổi, người Hồ Nam, là học sinh khoá 1 trường quân sự Hoàng Phố, sau đó được cử sang Liên Xô học tiếp hai năm, về nước làm phó trưởng ban chính trị của trường, giúp việc cho trưởng ban Chu Ân Lai, từ năm 1928 là thư kí và tham mưu tuý tùng cho Tưởng Giới Thạch, mùa đông năm 1931 lại sang Liên Xô và giữ chức võ quan tại đại sứ quán của Trung Hoa dân quốc. Vào thời gian Trần Lập Phu và Trương Xung xuống tàu Postdam viễn du, Đặng Văn Nghi rời Nga về nước báo cáo công tác, vừa đến Tân Cương thì ngày 9 tháng 12 năm 1935 tờ “Thời báo cứu quốc” của Trung Cộng xuất bản ở Paris đăng bài phát biểu của đoàn đại

biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Quốc tế Cộng sản, lần đầu tiên dùng cách xưng hô - “Tuởng Tổng Tư lệnh Nam Kinh”. Bài phát biểu nêu rõ: nhanh chóng đình chỉ những cuộc “nổi da xáo thịt”, đoàn kết mọi đảng phái, mọi quân đội, chấm dứt nội chiến, tập trung mũi súng vào quân xâm lược. Tuởng Giới Thạch nắm bắt nguồn tin quan trọng này nên đã chỉ thị cho Đặng Văn Nghi quay lại Mạc Tư Khoa, hiệp sức cùng Trần Lập Phu và Trương Xung tìm cách hội đàm với đại diện của Trung Cộng ở Quốc tế Cộng sản.

Kể từ sau năm 1927, đây là lần đầu tiên Quốc - Cộng lại “nắm tay nhau”, nhưng tạm ở xứ người. Đặng Văn Nghi trao cho Vương Minh ba điều kiện của phía Tuởng Giới Thạch: (1) Huỷ bỏ chính phủ xô-viết Trung Quốc, tất cả những người lãnh đạo và viên chức của Chính phủ này sẽ về làm việc tại Chính phủ Nam Kinh. (2) Cải biên Hồng quân công nông thành quân cách mạng Dân quốc, vì muốn đánh thắng Nhật thì phải thống nhất chỉ huy quân đội. (3) Khôi phục hình thức Quốc - Cộng hợp tác thời kì 1924 -1927 hoặc áp dụng hình thức nào đó nhưng vẫn đảm bảo sự tồn tại độc lập của Trung Cộng.

Vương Minh lắng nghe Đặng Văn Nghi nói tiếp:

- Đương nhiên Hồng quân sẽ không nhận người của Quốc dân đảng rồi, nhưng hai bên có thể trao đổi chuyên gia chính trị để tỏ lòng tin cậy lẫn nhau. Tuởng uỷ viên trưởng chúng tôi biết Hồng quân thiếu vũ khí, đạn dược và lương thảo, ngài đồng ý chi viện, thậm chí cả binh lính nữa và yêu cầu Hồng quân tiến ra tiền tuyến Nội Mông, còn chúng tôi sẽ bảo vệ lưu vực Trường Giang!

Con người có vóc dáng ngũ đoản như Vương Minh không đại gì mà mắc mưu Tuởng Giới Thạch, và cũng đủ khôn ngoan nhận biết thân phận mình, ông nói:

- Hồng quân chắc chắn là không thể tiến ra tiền tuyến Nội Mông, song có một điều các ngài nên nhớ: Quốc tế Cộng sản tuy là thượng cấp của Trung Cộng, nhưng muốn tiến hành đàm phán Quốc - Cộng thì phải tìm đến Ban chấp hành trung ương của Trung Cộng, phải tìm đến Mao Trạch Đông, ông ta mới là người quyết định cuối cùng.

Đặng Văn Nghi điện báo cho Tuởng Giới Thạch và nước cờ “bỏ gần mà cầu xa” của Tuởng tạm dừng, ông sẽ làm cách nào để gặp lại đối thủ của Mao Trạch Đông?

**NHỊP CẦU “MỤC SU” VÀ “TUỶ VIÊN”**

Ngày 29 tháng 1 năm 1936, “Tuần san cứu quốc” Paris đăng trả lời phóng viên “Trung Hoa đỏ” (tiền thân *Tân Hoa xã* ngày nay) của Mao Trạch Đông - Chủ tịch chính phủ nước Cộng hoà xô-viết nhân dân Trung Hoa và Vương Gia Tường - uỷ viên ngoại giao, có đoạn nói “Nếu Tưởng Giới Thạch thực lòng muốn kháng Nhật thì chính phủ xô-viết Trung Quốc sẽ bắt tay cùng ông ta trong một mặt trận”.

Sau khi tín hiệu ấy phát ra, một mục sư thần bí từ Thượng Hải đi Tây An cố đô tìm gặp Trương Học Lương, nhờ tướng quân đưa ông ta lọt vào địa phận kiểm soát của Hồng quân. Mục sư họ Chu tên Kế Ngô. Ông còn mang theo cả giấy giới thiệu “điều tra viên của Bộ Tài chánh” do Khổng Tường Hy ký. Trương Học Lương mật điện cho Nam Kinh và Ngôã Dao Bảo, cả hai nơi Quốc dân đảng và Trung Cộng đều xác tín con người phi phạm này, giao hảo đi lại với Tưởng Giới Thạch cùng Mao Trạch Đông. Quả vậy, trong thư gửi Tổng Tử Văn ngày 14 tháng 8 năm 1936, Mao Trạch Đông đã nhắc đến “con thoi” Chu Kế Ngô, có điều danh tính chính thức của ông là Đồng Kiện Ngô, công tác bí mật của Trung Cộng ở Thượng Hải. Còn phía Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch nhờ Tổng Tử Văn tìm người “bắc cầu”, Tử Văn hỏi chi ruột là Tổng Khánh Linh, bà tiến cử Đồng Kiện Ngô. Trước khi Đồng lên đường, Tưởng Giới Thạch đã căn dặn tỉ mỉ và giao nhiệm vụ chuyển bốn điều kiện đàm phán cho Trung Cộng: (1) Không tiến công Hồng quân, (2) Nhất trí kháng Nhật, (3) Phóng thích chính trị phạm, (4) Vũ trang dân chúng. Lần ấy Tổng Khánh Linh nhờ Đồng đem vào cho Hồng quân một bao “thuốc trắng” Vân Nam, bà biết quân cách mạng thiếu được phẩm cầm máu khi bị thương.

Cùng đi với “mục sư” còn có “tuỳ viên” Trương Tử Hoa - một chàng trai mới 22 tuổi, đây lại là một nhân vật được chọn lựa theo đường dây khác. Trần Lập Xuân và Trương Xung khi đi Liên Xô có nhờ Tăng Dưỡng Phổ tìm giúp “mật sứ”, qua nhiều mắt xích chấp nối, Tả Cung trúng cử và cải tên đổi họ để làm nhiệm vụ này. Tả Cung tức Trương Tử Hoa vào Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 16 tuổi và hành tung ấy bên Quốc dân đảng không nắm được, còn bí danh của anh trong Trung Cộng là “Hoàng quân”, mọi hoạt động của “mật sứ” thật kín đáo, ngay đến cả “mục sư” cũng không rõ “tuỳ viên” giúp việc cho mình là ai?

Ngày 19 tháng 2 năm 1936, chiếc Boeing cất cánh từ Tây An đưa hai hành khách quan trọng nêu trên bay về hướng bắc, họ đến Diên An và sau đó được kị binh đưa về Ngôã Dao Bảo - địa phận của Hồng quân. Hôm ấy, ngày 27 tháng 2, Mao Trạch Đông, Trương Văn Thiên và Bành Đức Hoài

bận việc ở tiền tuyến Thạch Lâu - Sơn Tây, Chu Ân Lai và Lưu Chí Đan cũng đi công tác nơi khác, chỉ mình Bác Cổ tiếp hai mật sứ. Sau khi làm việc xong với đoàn, Bác Cổ nghe Trương Tử Hoa báo cáo tình hình Thượng Hải và thỉnh thị Mao Trạch Đông. Ngày 2 tháng 3, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai mời Đồng Kiện Ngô và Trương Tử Hoa lên Thạch Lâu hội kiến, Đồng phải về Nam Kinh, chỉ có Trương ở lại và qua anh, Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông đã có thể bí mật đối thoại với nhau.

“Mục sư” Đồng Kiện Ngô trở về Nam Kinh thì một việc không may đã xảy ra, “Sơn Tây vương” Quốc dân đảng là Diêm Tích Sơn không hiểu từ nguồn tin nào biết được Tưởng Giới Thạch cử người đi Ngoã Dao Bảo, đã điện chất vấn Tổng Tư lệnh: “Vì sao lại liên Cộng đánh Tấn quân?” (*Tấn - chữ viết tắt tỉnh Sơn Tây*), vì lúc này Hồng quân Mao - Chu đang giao tranh với quân của Diêm ở Thạch Lâu, từ bấy Tưởng Giới Thạch dập ngay nhịp cầu họ Đồng, có thân phận là mục sư, một thời được gọi là “mục sư đỏ”.

Một mình Trương Tử Hoa ở lại khu đỏ, làm nhiệm vụ cho hai đảng. Anh vượt sông Hoàng Hà ra tận tiền tuyến Sơn Tây tìm gặp Mao Trạch Đông, Trương Văn Thiên, Bành Đức Hoài báo cáo tường tận mọi địa hình. Tháng 3 năm 1936, Bộ chính trị Trung Cộng họp mở rộng ngay ở chiến trường Thạch Lâu thảo luận vấn đề đàm phán với Quốc dân đảng, thống nhất chỉ huy công việc này là quân uỷ trung ương và ban thường vụ. Tháng 4 năm ấy, Phùng Tuyết Phong đi Thượng Hải gặp Lỗ Tấn bàn về công tác trên mặt trận văn hoá kháng Nhật, Trương Tử Hoa về Nam Kinh chuyển cho Tưởng Giới Thạch năm điều kiện của Trung Cộng, tỏ lòng mong muốn Nam Kinh liên Cộng kháng Nhật. Trong chuyến đi này, Trương Tử Hoa cũng chuyển nhiều lá thư cá nhân bạn bè Quốc - Cộng, Chu Ân Lai gửi Thâm Tiểu Sầm, Lâm Bá Cừ gửi Đàm Chấn v.v...

Sau đó không lâu, Trương Tử Hoa mất tích, Nam Kinh đã hạ gục anh vì tìm ra hành tung cộng sản của nhân vật này, nhịp cầu “tuỳ viên” cũng gãy luôn.

### **CHUẨN BỊ CHO HỘI ĐÀM GIỮA TƯỚNG GIỚI THẠCH VÀ CHU ÂN LAI**

Từ ngày 10 đến 14 tháng 7 năm 1936, kì họp thứ 2 khoá 5 toàn thể Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng được cử hành ở Nam Kinh, giọng điệu của Tưởng Giới Thạch so với trước đây có vẻ ái quốc hơn và mong muốn cùng Chu Ân Lai hội đàm bàn bạc, hoặc ở Hương Cảng hoặc ở Quảng Châu. Phía Quốc dân đảng đưa ra ba lời hứa: (1) khu xô-viết vẫn có

thể tồn tại, (2) đổi tên Hồng quân thành Liên quân và được đãi ngộ như nhau, (3) đại biểu Trung Cộng công khai tham gia quốc dân đại hội. Phía Trung Cộng quy định “bảo mật chính trị, quân sự và ngoại giao” nên từ ngày 8 tháng 10 năm 1936 mọi điều cơ yếu chỉ trao đổi trong phạm vi hẹp gồm Mao Trạch Đông, Trương Văn Thiên, Chu Ân Lai, Chu Đức, Trương Quốc Đào, Từ Hướng Tiền, Hạ Long v.v...

Phan Hán Niên có nhiệm vụ mang bức thư của Chu Ân Lai viết ngày 22 tháng 9 năm 1936 chuyển cho Tưởng Giới Thạch và cùng Trần Lập Phu hội đàm dọn đường. Tưởng Giới Thạch hiểu rằng, hòng sung để ra chính quyền, nên điều kiện của phía ông đưa ra đầu tiên là giải quyết vấn đề quân đội Trung Cộng và tất nhiên Phan Hán Niên đã kiên quyết cự tuyệt, Phan nói:

- Làm như vậy là đứng trên lập trường “tiểu cộng” của ông Tưởng Giới Thạch, chứ đâu phải điều kiện để hợp tác kháng Nhật?

Cuộc hội đàm Trần - Phan không đi đến đâu thì Chu Ân Lai “xuất thánh” cũng chẳng có kết quả gì, Mao Trạch Đông điện cho Phan Hán Niên biết “Tưởng tiên sinh giờ đây đã tiến công mạnh khiến cho các tướng lĩnh Hồng quân phải sinh nghi!” và do đó bên Trung Cộng hạ lệnh “quyết chiến!”.

Trưa ngày 22 tháng 10 năm 1936, một chuyên cơ từ Nam Kinh hướng về Tây An cất cánh, 3 giờ chiều hôm đó, Tưởng Giới Thạch cùng Tống Mỹ Linh đáp xuống cố đô, cùng đi có hơn 10 vị tùy tùng nữa. Tưởng đến Tây An lần này với hai mục đích, thứ nhất là “tiểu Cộng”, vì gần đây chủ lực Trung Cộng chuyển về Thiểm Bắc, thứ hai là “tị thọ” - ngày sinh 31 tháng 10 cũng sắp tới, và năm nay ông vừa 49 tuổi, mà theo tập quán của người Trung Hoa thì “tác cửu bất tác thập”. Vừa rồi, các ngôi sao của bốn hãng phim nổi tiếng ở Thượng Hải là Minh Tinh, Thiện Nhất, Liên Hoa, Tân Hoa đã liên hoan mừng thọ Tưởng Giới Thạch, người ta diễn vở “Cầu hồn” của Sekhov, và Lam Bình (tức Giang Thanh) tham gia thủ vai trong vở kịch một màn này. Còn hôm nay, ở Trường An, Tưởng Giới Thạch cao giọng trước sĩ quan Quốc dân đảng:

- Quân nhân phải biết lễ nghĩa, liêm sỉ, tại gia tận hiếu, tại quốc tận trung, phải phục tùng thượng cấp. Không tiểu Cộng mà chỉ nói kháng Nhật là không hiếu không trung, phải trừng trị những quân nhân không hiếu không trung đó. Quân nhân cách mạng phải biết địch gần và địch xa, Cộng đảng là địch gần, Đông Bắc quân cần tiêu diệt chúng, còn quân Nhật - đang ở xa lắm! Nếu không tích cực tiểu Cộng mà chỉ hô hào suông kháng Nhật



tức là không phân biệt gần xa, phân biệt trong ngoài, phân biệt thị phi, phân biệt nặng nhẹ v.v... và do đó không là cách mạng nữa...

Đó là tất cả những gì mà Tưởng Giới Thạch chuẩn bị cho hội đàm với Chu Ân Lai. Ngày 29 tháng 10 năm ấy, Tưởng Giới Thạch đi Lạc Dương “tị thọ”, ngày 30 khánh lễ được cử hành khá long trọng. Đúng 9 giờ Trương Học Lương và Diêm Tích Sơn đến chúc mừng, ngay lúc ấy trên bầu trời Lạc Dương xuất hiện đội hình máy bay chiến đấu xếp thành con số “50”, Không Trường Hy gửi tặng một cỗ bánh sinh nhật rất đặc biệt, Tống Mỹ Linh thân hành cắt bánh phân tặng mọi người. Những chiếc máy bay vừa xếp hình con số “50” được lệnh hạ cánh ở phi trường Tây An đợi lệnh chiến đấu, còn 13 sư đoàn bộ binh thì hành quân về hướng Thiểm Bắc - khu đỏ của Mao Trạch Đông.

Ngày sinh nhật lần thứ 49 đáng nhớ của Tưởng Giới Thạch đã mở đầu cho cuộc tiến công Trung Cộng và Mao Trạch Đông đáp lại bằng mệnh lệnh “quyết chiến” mà cuối bản kịch này là lời hô muôn năm - Hồng quân, Xô-viết và Kháng chiến chống Nhật. Cuộc hội đàm Trần - Phan chấm dứt, các mật sứ nơi nội tướng trở về với mỗi chiến hào của mình.

Nhưng, kì lạ thay, Tưởng Giới Thạch đã không thoát khỏi năm hạn 49, sáng ngày 12 tháng 12 năm 1936, ông bị Trương Học Lương và Dương Hổ Thành hạ lệnh bắt giam... một sự kiện chấn động cả Trung Quốc vừa nổ ra ở cố đô.

### III

# ĐẦU TRÍ TÂY AN

## NỬA ĐÊM LƯU ĐỈNH TÌM MUA PIN ĐIỆN

Hiếm có một khách hàng nào mà nửa đêm lại vội vàng gõ cửa hiệu đồ điện mua cho được pin đèn, dù phải trả giá gấp đôi như ông Lưu Đỉnh.

Lúc đó, 0 giờ ngày 12 tháng 12 năm 1936 mà người đời cứ nhắc mãi là “song thập nhị”, “thư kí” của Trương Học Lương, đảng viên cộng sản Lưu Đỉnh đến hiệu đồ điện đập cửa dựng người chủ hiệu thức dậy để mua mấy cặp pin, “một phút cũng không được chậm trễ” rồi vội vàng trở về ngõ Kim Gia - tư dinh của phó Tổng Tư lệnh.

Sau khi nghe Trương Học Lương truyền lệnh, phản ứng đầu tiên của Lưu Đỉnh là phải cấp tốc điện báo cho Mao Trạch Đông, nhưng Trương lại giới nghiêm, “cúp” điện toàn thành phố Tây An, nên Lưu Đỉnh dùng pin vậy.

Tướng quân Trương Học Lương đã phát động cuộc bạo động từng kinh thiên động địa mà sử sách muôn đời lưu - sự biến Tây An!

Phóng viên tạp chí “Đông Kinh tân văn” của Nhật Bản, ngày 16 tháng 1 năm 1993 đã sang tận Đài Bắc phỏng vấn “con người lịch sử” họ Trương, về sự biến Tây An. Ông Trương Học Lương nói, trước khi xảy ra sự biến ông chỉ gặp Chu Ân Lai một lần ở nhà thờ xứ Diên An, người ta cho rằng, do Trung Cộng xui giục, điều đó hoàn toàn trái ngược với lòng yêu nước của ông. Trong hồi kí của mình, Lưu Đỉnh hoàn toàn nhất trí với Trương Học Lương, lúc 0 giờ ngày 12, sau khi nghe Trương thông báo tin “dữ” này, Lưu mới hay biết mọi điều, rằng Trương Học Lương và Dương Hổ Thành đã chủ động phát động cuộc binh biến 12 tháng 12. Tuy trước đây nhiều lần, hai tướng quân thông qua mật sứ đàm phán với Trung Cộng, chủ yếu là “kết thúc nội chiến, cùng nhau kháng Nhật”, nhưng chưa hề bàn đến dùng vũ lực để can gián Tưởng Giới Thạch.

“Mua pin trở về thì Tưởng Giới Thạch đã bị bắt, tôi vội vàng điện báo cho Bảo An, người phát tín hiệu là Bành Thiệu Côn”, Lưu Đỉnh nhắc lại.

Cảnh vệ của Chu Ân Lai lúc bấy giờ là Lưu Cửu Châu còn nhớ như in, rằng hôm đó mờ sáng ngày 12 tháng 12 năm 1936, Chu Ân Lai đã ngồi làm việc trong nhà hầm.

- Thừa Chu Phó chủ tịch, đồng chí dậy sớm quá!
- Tiểu Lưu đã biết Tưởng Giới Thạch bị bắt chưa? - Chu Ân Lai hỏi người cảnh vệ.

- A! - Lưu Cửu Châu la lớn.
- Theo chú, Tưởng Giới Thạch có bị chém không?
- Thừa Chu Phó chủ tịch, không ạ!
- Vì sao?
- Thừa Chu Phó chủ tịch, vì ông ấy đã là tù binh.

Chu Ân Lai cười thích thú và hết lời khen ngợi chú bé cảnh vệ Cửu Châu. Còn tại nhà hầm của Mao Trạch Đông, ngày 12 ông nhận được tin này, phản ứng đầu tiên của ông là ngạc nhiên, “Ha, sao Tưởng tiên sinh lại có ngày hôm nay?”- Thế cũng đã mười năm kể từ lúc “chia tay” nhau ở Quảng Châu, Mao - Tưởng hai người đối địch, thề cùng sống mái một phen, mà nay chỉ qua vài tiếng đồng hồ từ Tổng Tư lệnh tiên sinh trở thành tù nhân! Nhưng liền sau đó Mao Trạch Đông bỗng tư lự, sẽ xử trí ra sao? Quả là một vấn nạn! Xư-nua trong tác phẩm “Tập chí Trung Cộng” viết: “Chu Ân Lai đã nói với Vương Bình Nam: cả một tuần nay chúng tôi không hề chớp mắt... đây có lẽ là quyết định khó khăn nhất trong đời chúng tôi”.

Quả vậy, nước cờ Tây An đã làm bạc đầu nhiều người, bên kia lẫn cả bên này. Tạm gác lại phần trí tuệ - đấu trí sẽ kể ở hồi sau, xin độc giả hãy cùng Trương Học Lương tiến về Hoa Thanh trì - hành cung cùng Tưởng Giới Thạch.

### **HOA THANH TRÌ CHÌM TRONG CHIẾN TRANH**

Sáng sớm ngày 12 tháng 12 năm 1936 - đó là thời khắc từng làm xoay chuyển cả lịch sử Trung Quốc và Hoa Thanh trì thuộc huyện Lâm Đồng phía đông thành Tây An cũng từng một thời là tiêu điểm quan tâm của thế giới.

Hoa Thanh trì tọa lạc tại phía nam thành Lâm Đồng cuối chân rặng tây bắc của Li Sơn. Năm Trinh Quan 18 Đường triều (Công nguyên 644), nơi đây đã dựng nên Thang Tuyên cung và trong “Trường hận ca”, Bạch Cư Dị có một khổ thơ miêu tả cảnh Dương Quý Phi ngâm tắm thân ngọc ngà giữa dòng suối nước nóng hiểm hoi này:

*... Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì,  
Ôn tuyên thủy hoạt tẩy ngưng chi.  
Thị nhi phù khởi kiêu vô lực,  
Thủy thị tân thừa ân trạch thì...*

Dịch giả tôi phải kính cẩn “nhờ” Tản Đà tiên sinh hạ bút chuyển ngữ áng Đường thi đẹp đẽ trên đây để bạn đọc đôi phần thư giãn trước khi vào trận chiến chôn danh thắng...

*... Trời xuân lạnh suối tuôn mạch ấm,*

*Da mờ đông kỳ tắm ao Hoa.  
Vua yêu bạn ấy mới là,*

*Con hầu nâng dậy coi đà mệt thay!...* [\*\[8\]\*](#)

Ngày 22 tháng 10 năm 1936, từ Nam Kinh, Tưởng Giới Thạch về Tây An “tị thổ”, trú tại Hoa Thanh trì, cho xây dựng nơi đây trở thành hành cung của ông. Ngày 29 Tưởng đi Lạc Dương - Hà Nam, sáng mùng 4 tháng sau về lại Hoa Thanh trì. Lúc bấy giờ Hoa Thanh trì có tám gian phòng, năm gian ở góc đông nam sát khe cạnh núi gọi là “ngũ gian sảnh”, ba gian còn lại tại lối chính đông. Ngũ gian sảnh cột hồng ngói xanh, cây cối um tùm ôm ấp, gian 1 dành cho kẻ hầu người hạ, gian 2 phòng ngủ của Tưởng Giới Thạch, gian 3 phòng làm việc, gian 4 phòng hội nghị, gian 5 chỗ ở của các thư kí. Ngũ gian sảnh là trung khu của hành cung, bốn bề có nhiều hiến binh, vệ sĩ cảnh giới nghiêm ngặt. Trước đây Hoa Thanh trì không có đèn điện, nhưng từ lúc trở thành hành cung, Tưởng Giới Thạch đã cho đặt hẳn một máy phát độc lập đảm bảo ban đêm sáng tựa như ngày.

Khác với Mao Trạch Đông, Tưởng thường ghi nhật kí, lần giờ lại “Tây An bán nguyệt kí” của ông có đoạn: “Ngày 11 tháng 12 (năm 1936), sáng ra tản bộ quanh sân, trông lên Li Sơn, có hai người đối diện nhìn ta, khoảng chừng mười phút, lòng đã sinh nghi. Trước khi trở vào văn phòng lại thấy xe nhà binh trên con lộ Tây An - Lâm Đồng âm âm chuyển động về phía đông. Giờ làm việc đã điểm, ta vào bàn và không còn rảnh rỗi để suy xét...”. Thế là trước một ngày, Tưởng Giới Thạch với con mắt của một nhà quân sự đã phát hiện ra dấu hiệu khả nghi, nhưng vì “không rảnh rỗi để mà suy xét” nên mới ra nông nỗi này!

Chập tối hôm đó, Tưởng Giới Thạch triệu hội “Trương Dương Dự” cùng các tướng lĩnh về hành cung ăn cơm tối và luận thể hội nghị bàn kế hoạch vây tiểu Hồng quân. Ý đồ của Tưởng, cũng ngày 12 sẽ hạ lệnh “tổng công kích tiểu Cộng” lần thứ 6. Trương Dương Dự là mật khẩu, chỉ ba người Trương Học Lương, Dương Hổ Thành và Dự Học Trung.

Thế nhưng “Dương Dự” không đến, còn Trương Học Lương kế hoạch cũng vậy, vì cả ba người đã liên danh tổ chức yến tiệc thiết đãi quan viên quân, chính trực hệ của Tưởng Giới Thạch từ Nam Kinh lên, đúng vào đêm 11 tại Tân Thành đại lâu ở Tây An. Nhận được lệnh của Tổng Tư lệnh, phó Trương đành dứt áo lên đường. Tưởng, Trương cùng ngồi một bàn và hãy nghe Tưởng miêu tả về Trương đêm hôm ấy, vẫn trích từ “Tây An bán nguyệt kí” - “Hán Khanh kim nhật” khác thường, thần sắc đổi thay, nói

năng áp ứng, ta cảm thấy có điều gì đó, trước khi thiếp ngủ mà vẫn nghĩ không ra.

Quả vậy, vì trước đó “Hán Khanh” Trương Học Lương đã trình trọng tuyên bố với các cận thần, bộ hạ rằng ông và Dương Hổ Thành quyết định bắt giam Tưởng Giới Thạch, yêu cầu đình chỉ nội chiến, cùng nhau kháng Nhật.

Trương Học Lương cử ba đại tướng tiến về Lâm Đồng thực hiện sứ mạng lịch sử này. Người thứ nhất, doanh trưởng cận vệ đội - Tôn Minh Cửu, tâm phúc của Trương, lâu nay tham gia mọi việc cơ yếu, hoàn toàn tin cậy, chỉ có điều Tôn là sĩ quan du học ở Nhật, kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều nên phải thêm hai đại tướng tả hữu hai bên. Người thứ hai, sư trưởng sư đoàn kị binh số 6 - Bạch Phụng Tường, và người thứ ba - Lưu Quế Ngũ, trung đoàn trưởng trung đoàn số 18 thuộc sư của Bạch. Bạch, Lưu là hai tay lục lâm, bắn súng cực giỏi, nghe nói ban đêm tối đen, vẩy tay vẫn trúng. Hai người cũng không phải trực hệ với Trương Học Lương, nhưng ông lại tin dùng trong công việc cơ mật, vì ngoài tinh thần kháng Nhật rất kiên quyết của họ ra, Bạch và Lưu đều qua thử thách.

Lưu Quế Ngũ kể rằng, lần nọ tôi và phó Tổng Tư lệnh (chỉ Trương Học Lương) đang ngồi với nhau, bỗng phát hiện thấy khói của dây cháy chậm, ông vội vàng bỏ chạy và kêu to: mìn, mìn, tôi bình tĩnh tìm cho được quả mìn và ném nó ra ngoài cửa sổ. Tướng quân hỏi tôi: sao anh không chạy? và sờ lên ngực tôi xem thử tim đập ra sao, tôi trả lời: hạ quan có thể chạy tránh, nhưng bỏ mặc phó Tư lệnh cho ai? Ông cười và nói: anh thật can đảm. Ngày 8 tháng 12, lúc 2 giờ chiều, Trương Học Lương cho tôi hay về kế sách bắt giam Tưởng Giới Thạch, ông nói phải đưa tôi đến Hoa Thanh trì nghe Tổng Tư lệnh, uỷ viên trưởng giáo huấn, nhân thể có thời gian quan sát cho kĩ địa hình địa thế mà hoàn thành nhiệm vụ. Sau khi giới thiệu tôi với Tưởng Giới Thạch xong, ông bỏ về, để mình tôi ở đó, hoàn toàn tin tưởng tôi, không sợ tôi “bán chủ cầu vinh”.

Còn Bạch, nhận được lệnh của Tưởng liền nhanh chóng về Tây An lĩnh đủ 12 khẩu súng lục, giao cho phó quan lau sáng từng khẩu một, phó quan ngó người không hiểu để làm gì mà nhiều súng vậy. Bạch Phụng Tường giải thích: - Vùng núi Tây An có một con hổ hại người, phải nhắm trúng nó, mãi sau bộ hạ của ông mới hiểu “con hổ” hiện đang nằm ở Hoa Thanh trì.

Trương Học Lương còn nhớ, ngày đầu tiên trở thành quân nhân, ông đã nghe thân phụ căn dặn: “Con muốn làm người lính ư? Hãy cắt cái đầu



của mình dắt vào lưng nịt!”. Thật đúng như vậy, khi hạ lệnh bắt giam Tưởng Giới Thạch, Trương Học Lương có cảm giác “đầu mình đã lìa khỏi cổ”.

Tôn Minh Cửu kể rằng, khoảng 10 giờ tối ngày 11 tháng 12 nhận được mật lệnh, tôi đến tư dinh Trương Học Lương ở ngõ Kim Gia, ông bảo tôi: “Bây giờ anh đi mời Tưởng uỷ viên trưởng về thành, nhưng cảm không được bắn chết ông ta”. Trương Học Lương như cảm thấy nếu cuộc “can gián binh lực” này mà thất bại thì hậu quả không biết sẽ ra sao. Ông nói: “Ngày mai vào giờ này, không khéo anh và tôi chưa hẳn sẽ gặp lại nhau, có thể tôi và anh đều chết cả”. Bản thân tôi phần nào cũng có tâm trạng như vậy, rằng đi mà không trở về, tôi cáo biệt vợ con, viết một chúc thư dắt vào túi áo trên, vạn nhất nếu mệnh hệ gì thì nhờ Ứng Đức Điền đưa Tôn Minh Xương - em tôi - đi khu đỏ Thiểm Bắc hoặc sang Liên Xô học tập...

Nửa đêm, Đông Bắc quân và Tây Bắc quân phối hợp hành động: quân Đông Bắc của Trương Học Lương tiến về Lâm Đồng bắt Tưởng, quân Tây Bắc của Dương Hồ Thành có nhiệm vụ giam giữ tất cả quan viên quân chính của Tưởng Giới Thạch ở thành phố Tây An. Trương Học Lương hạ lệnh Lưu Đa Thuyền - sư trưởng sư đoàn 105 làm tổng chỉ huy, chia làm hai tuyến, tuyến ngoài cảnh giới bốn bề Hoa Thanh trì, chặn quân của Tưởng phá vòng vây tháo chạy, tuyến trong do Tôn Minh Cửu, Bạch Phượng Tường, Lưu Quế Ngũ và Vương Ngọc Toán chọc thẳng vào Hoa Thanh trì bắt sống Tưởng Giới Thạch, chỉ huy tuyến này là Đường Quân Nghiêu - lữ đoàn trưởng.

Bố trí trận đồ rành mạch xong, Trương Học Lương mới cho Lưu Đình biết mọi quân cơ, Lưu vội vàng mua pin đèn để chạy máy điện báo về cho Mao Trạch Đông ở Bảo An, lúc ấy các mũi tiến công đều đã lên đường. Lính tráng không rõ chân tướng sự việc ra sao, họ chỉ biết lệnh truyền: Trương phó Tổng Tư lệnh bị bắt giam ở Hoa Thanh trì, hãy mau mau đi cứu nguy cho Trương phó, bắt sống Tưởng tổng, chỉ có bắt sống Tưởng Giới Thạch thì mới giải thoát được Trương Học Lương. Theo trinh sát, đội cận vệ nội viên của Tưởng chỉ có khoảng 30 người, quân hiến binh vòng ngoài đồn trú gần miếu Vũ Vương khoảng 70 người.

Vương Ngọc Toán một đòn dẹp yên quân hiến binh ở miếu Vũ Vương, trong khi đó xe ô-tô chờ đợi đội trưởng Vương Hiệp - thuộc hạ của Tôn Minh Cửu và 15 binh sĩ đâm thẳng vào cổng chính Hoa Thanh trì phá vỡ rào chắn, giao tranh với lính gác cổng, tiếng súng đã đánh thức mọi người và xe của Tôn Minh Cửu cũng vừa ập tới. Phải băng qua lửa đạn Tôn

Minh Cửu và Vương Hiệp mới lọt vào khu trung tâm của hành cung là Ngũ Giang sảnh, hai người thộc vào phòng ngủ của Tướng Giới Thạch thì vắng vẻ lạ thường, trên bàn còn nguyên mũ, cặp da và răng giả của Tướng, trên giá áo đại y đang treo ngay ngắn, chăn đệm vẫn còn hơi ấm, chứng tỏ người vừa tẩu thoát không lâu, và một cánh cửa sổ bên cạnh giường mở toang, đúng là Tướng đã nhảy qua đây. Bạch Phượng Tường vào Lưu Quế Ngũ đến sau hay tin Tướng Giới Thạch đã chạy trốn, liền chia nhau lùng sục. Tổng chỉ huy Lưu Đa Thuyền điện báo tình hình về Trương Học Lương. Trương toát mồ hôi khi nghe tin Tướng tẩu thoát, vừa lúc ấy Tôn Minh Cửu cấp báo - tìm thấy một chiếc giày sau tường phía núi, lập tức lệnh truyền: càn Li Sơn!

Núi ấy tên gọi là Li Sơn, “li” là con ngựa có lông xanh tuyền, hình núi giống như tuần mã, sắc núi quanh năm một màu thanh tú, nên mệnh danh như vậy. Từ xưa Li Sơn đã có tên tuổi, hỏa phong đài của Chu U Vương tương truyền từng lập trên đỉnh Li Sơn, lăng Tần Thủy Hoàng cũng đặt ở đây, rồi Hoa Thanh trì, Đường triều Hoa Thanh cung đều quần tụ dưới chân Li Sơn và nay Tướng đang ẩn mình trên đó.

Quân Đông Bắc dàn hàng ngang theo Li Sơn, ai cũng hăm hở để trở thành người bắt sống Tướng Giới Thạch và nhận thưởng một vạn quan. Đến lưng chừng núi, tiểu đội trưởng Trần Tư Hiếu bắt được một thị vệ của Tướng, Tôn Minh Cửu chạy tới thì mới hay đó là cháu của Tướng, tên gọi Hiếu Trấn, hầu hạ cạnh Tướng. Tôn Minh Cửu dí súng lục vào đầu Tướng Hiếu Trấn, làm cho y sợ hãi và đưa mắt chỉ tới nơi Tướng Giới Thạch ẩn nấp.

Tướng chân trần, đầu trần, vận áo lụa màu đồng, quần ngủ màu trắng, đứng trân trân trong đêm trường gió lạnh, tuy thất thế sa lưới nhưng vẫn oai vệ hất hàm:

- Các người là ai?

- Đông Bắc quân - Tôn Minh Cửu đáp. Tướng Giới Thạch thở phào nhẹ nhõm.

- Trương phó Tổng Tư lệnh giao nhiệm vụ cho chúng tôi bảo vệ ủy viên trưởng, mời ủy viên trưởng về thành lãnh đạo chúng tôi kháng Nhật, giải phóng Đông Bắc.

Sau đó tình tiết ra sao? Trong “Tây hành mạn ký”, nhà báo Mỹ - Xư-nua đã miêu tả: Tôn Minh Cửu chào Tướng Thạch, câu đầu tiên của Tướng là: “Anh là đồng chí, mà lại nổ súng bắn ta”. Tôn trả lời: “Chúng tôi không nổ súng, chúng tôi chỉ yêu cầu ủy viên trưởng kháng Nhật cứu nước”.

Tướng vẫn cứ ngồi lì trên một tảng đá và khẳng định: “Gọi Trương thiếu soái lên đây, ta mới xuống núi”. Tôn giải thích: “Trương thiếu soái không ở đây, quân lính trong thành đã khởi nghĩa, chúng tôi đến bảo vệ ủy viên trưởng”. Tướng Giới Thạch xem chừng đã yên tâm và đòi ngựa, Tôn đáp: “Ở đây không có ngựa, nhưng tôi sẽ cống ủy viên trưởng hạ sơn”. Tướng do dự một lát rồi đồng ý để cho Tôn Minh Cửu cống mình, xe ô-tô đã đợi họ dưới đó... Đàng đông, trời hồng đỏ, đêm Li Sơn vừa qua.

Màn một của sự biến Tây An đã khép, ở Lâm Đồng trên núi Li Sơn, Tướng Giới Thạch bị nghĩa quân vây bắt giải về Tây An, nơi ấy chân tay của ông cũng bị tóm gọn. Trương, Dương thở phào nhẹ nhõm, thầy trò Học Lương và Minh Cửu vẫn lại gặp nhau, chúc thư của Tôn chỉ để làm kỷ niệm.

### **LÃO NHÂN CỨU TRẬT NHỚ CHUYỆN XƯA**

Cứu trật đại thọ của Trương Học Lương cử hành tại Đài Bắc đúng vào ngày 31 tháng 5 năm 1990 với sự tham gia của hơn 80 vạn quan chức Quốc dân đảng, trên thực tế đây là dịp “minh oan” cho một ông già vừa tròn 90 tuổi và Trương trở thành nhân vật của báo chí, lại “chấn động” dư luận như năm nào ông dấy binh phát động sự biến Tây An.

Trương Học Lương sinh ngày 17 tháng 4 năm Tân Sửu. Năm 1928, ngày âm lịch ấy nhằm đúng dương lịch mùng 4 tháng 6, cầu đường sắt Thẩm Dương bị Nhật đặt mìn đánh gãy, đoàn tàu của Trung Quốc chìm sông, thân phụ của Trương là Tác Lâm tử vong. Từ đó, Học Lương lấy ngày cha qua đời làm sinh nhật cho mình để khắc cốt ghi xương mối thù với quân Nhật. Hôm nay sau hơn nửa thế kỷ, người phỏng vấn ông lại là một ký giả trẻ của Nhật, họ muốn quay về cái ngày sinh nhật tắm máu ấy của Trương. Ông nói:

- Thù nhà nợ nước đặt lên vai tôi, quyết không đội trời chung cùng kẻ thù. Phụ thân tôi qua đời, chính phủ Nhật Bản phái đặc sứ đến an ủi tôi, người đó tên Lâm Quyền Trợ - một nhà Trung Quốc học, tôi trả lời ông ta: Lâm tiên sinh, ông suy nghĩ quả là chu đáo, nhưng có điều ông vẫn không rõ, tôi là người Trung Quốc.

Liên sau đó Trương Học Lương cho hạ cờ Đông Bắc quân, treo cờ thanh thiên bạch nhật của Tôn Trung Sơn. Trong ba ngày cả ba tỉnh Đông Bắc rợp một màu cờ Trung Hoa dân quốc, lập tức ngày 11 tháng 3 năm 1928, Trương Học Lương được chính phủ phong cấp quan Tư lệnh quân biên phòng Đông Bắc.

- Từ bấy, tôi và Tưởng tiên sinh bắt đầu hợp tác với nhau. Quan hệ cá nhân giữa chúng tôi là rất tốt; ông ấy qua đời, tôi đã đến viếng, nhưng về công việc thì có thể dùng về đối sau đây để diễn đạt, đó là: “Chính kiến chi thanh uyển nhược cừ địch” hoàn toàn trái ngược với “Quan hoài chi yên tĩnh đồng cốt nhục”. Cuộc đấu tranh chính kiến giữa tôi và Tưởng Tổng thống tập trung vào bốn chữ “yên trong” và “đẹp ngoài”, còn tôi “đẹp ngoài rồi mới yên trong”. Tôi căn bản không đồng ý tiểu Cộng, quân Đông Bắc chỉ muốn trở về quê hương, chỉ muốn giải phóng bản quán khỏi ách xâm lược của phát xít Nhật, kẻ thù của họ đâu phải Hồng quân mà đánh đấm cho tổn hao binh lực.

Hồi ấy tinh thần kháng Nhật lên cao, chính phủ thì lừng khừng, do dự nên Trung Cộng đã phát cờ dân tộc chiếm được lòng dân. Về phần mình, ý nguyện không muốn giao tranh cùng Hồng quân tôi phải giấu kín trong lòng vì còn phải tuân thủ kỷ luật của nhà binh.

Quay lại sự biến Tây An, Trương Học Lương không cần giải thích gì thêm, đó là tất yếu của “chính kiến chi tranh” mặc dầu về quan hệ cá nhân là “tình đồng cốt nhục”, song ông khái quát:

- Tình hình lúc ấy “tam quốc tứ phương”: Nhật Bản, Trung Hoa dân quốc của Quốc dân đảng, Cộng hòa xô-viết nhân dân Trung Hoa của Trung Cộng, và trong nội bộ thì có hai phương: Tưởng Giới Thạch một bên và Trương Dương một bên. Quan hệ đan chéo nhau thật là phức tạp, và do đó chúng tôi phải khôn ngoan xử lý mọi tình thế.

### **TIÊN LỄ, HẬU BINH**

Trương Học Lương đã nói “chính kiến chi tranh” giữa ông và Tưởng Giới Thạch tồn tại từ lâu, nhưng “không mấy gay gắt” vì còn “tình đồng cốt nhục”. Song sự kiện vây bắt Tưởng ở Hoa Thành trì là “gay gắt” đến mức không còn cách nào khác hơn, Trương Học Lương nhiều lần “ngôn gián” mà vẫn không được nên phải dùng đến vũ lực, đúng như cố nhân dạy “tiên lễ” rồi mới “hậu binh”. Tất nhiên sự “gay gắt” nêu trên là cả một quá trình, những ngày Tưởng Giới Thạch “tị thộ” ở Lạc Dương, Trương Học Lương đã nhiều lần giải bày nỗi thống khổ ám ức trong lòng mình với Tưởng:

- Tôi nợ nước chưa trả, thù nhà chưa báo, ấy mà lại bị người đời trách móc là “tướng quân không đề kháng”, thật có lỗi với quốc dân, với đồng bào, với thân phụ... hay là ủy viên trưởng hãy đình chỉ nội chiến, cùng nhau đánh Nhật.

- Hồng quân đã đến lúc mệt mỏi, chỉ cần gắng thêm một ít nữa thôi là có thể tiêu diệt chúng, lúc ấy bên trong sẽ yên và ta mới có thể chống bên

ngoài. - Tưởng Giới Thạch trả lời Trương một cách cương quyết.

Sau đó Trương Học Lương cùng Diêm Tích Sơn lần nữa khuyên can Tưởng Giới Thạch, Tưởng vẫn một mực hăm dọa:

- Tôi phục tùng các anh, hay các anh phục tùng tôi?

Hôm giảng bài ở phân hiệu trường quân sự Lạc Dương, Tưởng nói bóng gió: “Có người muốn liên Cộng, kẻ đó không bằng cả Ân Như Canh”. Ân Như Canh vốn là người Quốc dân đảng, tháng 11 năm 1935 câu kết với đặc vụ Nhật và trở thành đại Hán gian, dự định thành lập “chính phủ tự trị” thân Nhật ở năm tỉnh Hoa Bắc (bao gồm Bắc Kinh, Thiên Tân, Hà Bắc, Sơn Tây, Nội Mông). Như vậy là Tưởng ngầm cảnh cáo Trương, anh muốn liên minh với Trung Cộng thì quá ư tồi tệ còn hơn cả thằng Hán gian.

Tưởng Giới Thạch biết quân Đông Bắc của Trương Học Lương và quân Tây Bắc của Dương Hổ Thành không muốn tiểu Cộng nên ngày 6 tháng 12 năm 1936 triệu hồi Trương, Dương về hành cung Hoa Thanh trì răn đe: “Bất luận như thế nào, đây cũng là lúc thảo phạt đảng Cộng sản, ai chống lại lệnh này... Trung ương không thể không trừng phạt đích đáng”, ông đưa ra phương án và buộc Trương, Dương tự chọn: hoặc Đông Bắc quân và Tây Bắc quân cùng hành quân lên Thiểm Bắc tấn công Hồng quân, hoặc không muốn tiểu Cộng thì Đông Bắc quân sẽ điều về Phúc Kiến, Tây Bắc quân sẽ điều về An Huy, giao hai tỉnh Thiểm Cam cho quân trung ương lên thay thế làm nhiệm vụ thanh toán Cộng sản. Cả hai phương án đều dồn Trương, Dương vào tận chân tường. Ngày hôm sau, mùng 7, vẫn nuôi ít nhiều hy vọng Trương Học Lương lại đến Hoa Thanh trì can gián Tưởng Giới Thạch lần nữa:

- Quân Nhật xâm chiếm nước ta, lòng tham vô độ, ba tỉnh Đông Bắc đã mất và sau đó năm tỉnh Hoa Bắc còn mà cũng như không, gần đây chúng lại lăm le tiến công Nội Mông và chắc chẳng bao lâu sẽ đến lượt Tây Bắc vùng này. Sự tồn vong của quốc gia dân tộc đã đến bước tận cùng, thừa ủy viên trưởng, không kháng Nhật thì không thể nào giữ nước, không đình chỉ nội chiến thì không thể nào cứu dân, tiếp tục tiểu Cộng là xem như tuyệt lộ! Giờ đây, thừa ủy viên trưởng, kháng Nhật là hàng đầu, là số 1, vấn đề Hồng quân có thể dùng phương pháp chính trị giải quyết, chỉ có nhất trí cùng nhau dẹp ngoài thì mới có lòng yên trong, hễ phát động chống ngoại xâm là tức khắc thống nhất được dân tộc. Tinh thần và quyết tâm đánh Nhật của Đông Bắc quân tôi rất cao, chỉ còn đợi lệnh của ủy viên trưởng.

Tưởng Giới Thạch im lặng lắng nghe và lập tức như một ngọn dao đâm thẳng vào Trương Học Lương:

- Anh hiểu Cộng sản tưởng tận như vậy ư? Anh bị chúng huyền hoặc mất rồi! Nên nhớ: kẻ thù lớn nhất lúc này của Trung Quốc không phải là Nhật Bản, mà là đảng Cộng sản. Nay là cơ hội tiêu diệt đảng Cộng sản, anh không chủ trương tiêu trừ mà lại liên minh thì thật là phản động. Bây giờ anh có cầm súng bắn tôi, kế hoạch tiêu Cộng của tôi vẫn không thể thay đổi!

Mọi công sức “ngôn gián”, “tiên lễ” của Trương đều vô hiệu. Sau đó đến lượt Dương Hồ Thành gặp Tưởng Giới Thạch, cũng hết lời khuyên can, Tưởng vẫn thế:

- Anh là đồng chí tiền bối của đảng ta, anh phải hiểu chúng ta và Cộng sản là không thể chung sống với nhau, có tiêu diệt Cộng sản tôi mới kháng Nhật, thay đổi quan cấp, tôi chuẩn y!

Sự tình là như thế và Trương, Dương buộc phải dùng đến hạ sách “hậu binh”, vây bắt Tưởng Giới Thạch trên núi Li Sơn đúng vào ngày 12 tháng 12 năm 1936, ngày mà Tưởng đã dự định phát động đợt thứ 6 cuộc tổng công kích Trung Cộng.

Nơi Tưởng Giới Thạch lâm nạn ở Li Sơn, người ta dựng nên một cái đình, đầu tiên bằng gỗ lợp tranh và gọi là “Mông nạn đình”, sau đổi “Phục hưng đình”. Năm 1946, Hồ Tôn Nam cho huỷ đình cũ, xây mới bằng bê tông cốt thép, đặt lại tên “Chính khí đình”. Năm 1950 đổi thành “Tróc Tưởng đình” (đình bắt Tưởng), năm 1986 nhân kỷ niệm 50 năm sự biến Tây An, đình này lại cải danh là “Bình gián đình”. Mỗi thời đã không giống nhau, có lúc rất cụ thể như “lánh nạn”, “bắt Tưởng”, có lúc lại trừu tượng như “chính khí”, “phục hưng”, nhưng đúng với những người trong cuộc thì “can gián bằng binh lực” là hay nhất, còn sau này trong tương lai sẽ như thế nào, nay chưa ai dám nói.

### **SỰ BIẾN TÂY AN VÀ BA VŨ ĐÀI CHÍNH TRỊ - BẢO AN, TÂY AN, NAM KINH**

Sự biến Tây An như một tảng đá rơi xuống mặt sông gây nên vạn trùng sóng, tin truyền đến đâu, nơi ấy xao động hẳn lên. Trên thực tế đây là lần tổng duyệt đầu tiên về thái độ đối với Tưởng Giới Thạch, người chống Tưởng hân hoan cuồng nhiệt, kẻ thân ông rầu rĩ ê chề ba sân khấu chính trị - Bảo An, Tây An và Nam Kinh trò diễn cùng hoàn toàn khác nhau.

Tiếng súng chỉ mới là hành động, mà hành động thì còn phải tuyên ngôn nói rõ. Vây bắt Tưởng Giới Thạch ở Li Sơn - Lâm Đồng lúc mờ sáng ngày 12 tháng 12, báo chí không cách nào đưa tin kịp. Ngay hôm ấy Trương, Dương đã ấn phát thông báo số 1, nêu rõ 4 điểm: (1) Để đình chỉ

nội chiến, nay phải bảo vệ ủy viên trưởng một cách thỏa đáng và yêu cầu ông tỉnh ngộ. (2) Thông báo với toàn quốc và yêu cầu chính phủ lập tức triệu tập hội nghị cứu nước. (3) Đề nghị chính phủ thả tất cả chính trị phạm. (4) Từ nay về sau phải đoàn kết với mọi nhân sĩ đảng phái cùng nhau đánh giặc cứu nước. Tiếp sau thông báo số 1 là tám điều chú ý mà trọng tâm vẫn là “đình chỉ nội chiến, đánh giặc cứu nước”. Hai văn bản lịch sử này chỉ vắn vẹn 300 chữ, nhưng đã nói rõ lý do vì sao Trương, Dương buộc phải nổ súng ở Hoa Thành trì, thực hiện “binh gián” với Tưởng Giới Thạch.

Cổ thành Tây An sục sôi với cái tin “Tróc Tưởng” (bắt Tưởng), nhân dân cổ đô tự động xuống đường hô vang khẩu hiệu “Ủng hộ tám chủ trương của Trương, Dương”, “Xử án Tưởng Giới Thạch”, “Bắn chết Tưởng Giới Thạch”. Còn ở Hồng đô Bảo An, sau khi nhận được điện báo của Lưu Đỉnh, mỗi người nghĩ một cách. Mao Trạch Đông rất vui mừng thoải mái với câu nói “Tưởng Giới Thạch ác bá một đời, hắn cũng biết sẽ có ngày hôm nay”. Chu Ân Lai nói đùa: “Tưởng tiên sinh nhiều lần treo giải 8 vạn quan để bắt tôi, nay tiên sinh bị bắt mà chúng ta không tốn một xu”. Chu Đức gay gắt hơn: “Có lẽ phải chém!”. Riêng Trương Văn Thiên im lặng suy tư v.v... Tất cả mọi người không bình luận gì thêm vì phải cụng đầu soạn thảo hai văn bản: một báo cáo cho Quốc tế Cộng sản, và một phúc đáp Trương Học Lương rằng sẽ cử Chu Ân Lai đi Tây An cùng Trương, Dương thương lượng kế sách. Nhận được điện báo trả lời của Mao Trạch Đông, Trương Học Lương vui mừng khôn tả, ông thốt lên: “Chu tiên sinh đến là sẽ có tất cả mọi cách” và lệnh cho Lưu Đỉnh chuẩn bị chuyên cơ đi Bảo An đón Chu Ân Lai. Hành động của Trung Cộng thật mau lẹ, Mao Trạch Đông bình luận sự biến Tây An có tính chất như một cuộc “khởi nghĩa kháng Nhật” và Trung Cộng biểu thị sự ủng hộ. Sáng ngày 13 tháng 12 năm 1936, tờ “Trung Hoa đỏ” liền đăng bài “Khởi nghĩa kháng Nhật ở Tây An, Tưởng Giới Thạch bị bắt và hành động cách mạng kiên quyết của nhị thần Trương, Dương!”. Cũng hôm đó, tại nhà số 1 - Thất Hiền Trang phía đông bắc thành Tây An bảng hiệu “Bệnh viện nha khoa của bác sĩ Hai-po-thơ” tự nhiên đổi thành “Trạm liên lạc tại Tây An của Hồng quân Trung Quốc kháng Nhật”, và sau đó không lâu thì chiếm luôn Phu Thi, cải danh là Diên An cho tới ngày nay. Nhân đây cũng xin có đôi lời về ngôi nhà số 1 - Thất Hiền Trang. Mùa xuân năm 1936, theo chỉ thị của Chu Ân Lai về xây dựng một trạm liên lạc bí mật của Trung Cộng tại Tây An, Lưu Đỉnh đã mua căn nhà này và để che mắt thiên hạ, ông nhờ nhà báo nữ người Mỹ mời bác sĩ nha khoa Hai-po-thơ ở Thượng Hải lên đây mở phòng chuẩn trị. Hai-po-thơ người



Do Thái, bị phát xít Đức bức hại phải lưu vong sang Trung Quốc, có cảm tình với Trung Cộng, “Y sĩ giúp việc” cho ông là Hạ Minh - vợ của Đặng Trung Hạ - uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung Cộng, về sau còn có một số đảng viên cộng sản nữa làm việc bí mật ở đó, họ lập được điện đài liên lạc với Hồng đô Bảo An.

Sân khấu chính trị thứ ba - Nam Kinh, mãi tới 3 giờ 50 phút chiều ngày 12 mới hay tin Tưởng Giới Thạch “mất tích”, 5 giờ 20 phút tiếp tục nhận thông báo của Trương - Dương, tin dữ “Giới công” bị bắt loạn khắp thành, chẳng khác nào như một vụ nổ làm hoảng loạn mọi người và không biết phải bắt đầu làm gì? Đêm 12, Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng họp khẩn cấp bất thường, thảo luận cho tới 3 giờ sáng ngày 13 thì mới ra được quyết nghị: (1) Khổng Tường Hy - phó viện trưởng viện hành chánh (chính phủ ND.) tạm thay quyền Tưởng Giới Thạch làm viện trưởng. (2) Ban chấp hành hội đồng quân sự tăng lên bảy người và do Phùng Ngọc Tường - phó uỷ viên trưởng điều hành. (3) Bộ trưởng lục quân Hà Ứng Khâm chỉ huy quân đội. Hội nghị còn quyết định tước bỏ mọi quan cấp chức vụ của Trương Học Lương và cử Hà Ứng Khâm lãnh binh thảo phạt quân phiến loạn ở Tây An.

Riêng Trần Lập Phu - từng là nhịp cầu liên hệ giữa Quốc - Cộng, lại mở một tuyến khác, ông móc nối với Phan Hán Niên ở Thượng Hải, ngày 14 họ gặp nhau và lập tức hội đàm, nội dung cụ thể xin tạm gác lại hồi sau, vì phải nói ngay tới Tống Mỹ Linh - hiền thê của Tưởng Giới Thạch, bà cũng đang ở Thượng Hải. Lúc 12 giờ trưa 22 tháng 10 năm 1936, Tống Mỹ Linh cùng Tưởng Giới Thạch trên chuyến chuyên cơ hạ cánh xuống Tây An và sau đó họ lên xe về hành cung Hoa Thanh trì. Tống Mỹ Linh và Tưởng Giới Thạch cùng đi Lạc Dương, sau khi Tưởng thổi tắt 50 ngọn nến trên bánh sinh nhật, Mỹ Linh đã giúp phu quân cắt bánh mời quan khách. Ngày 4 tháng 12, Trương Học Lương hộ tống Tưởng Giới Thạch bay về Tây An, lúc ấy Mỹ Linh phải đi Thượng Hải chữa bệnh cho nên trong cảnh tên bay đạn lạc “thiếp không ở cạnh chàng”. Sáng 13, bà vội vàng bay về Nam Kinh và rất không bằng lòng với quyết định của Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng vừa kí chưa ráo mực, Tống Mỹ Linh viết: “Các vị lãnh đạo trung ương trong khi chưa nắm hết tình hình đã vội vàng xử trí Trương Học Lương, lại điều binh khiển tướng thảo phạt Tây An, thật là thô bạo, phần tôi, sẽ cố gắng bằng con đường hoà bình không đổ máu nhanh chóng giải quyết sự việc”. Như vậy ở Nam Kinh xuất hiện phái chủ chiến do Hà Ứng Khâm cầm đầu, và phái chủ hoà do Tống Mỹ Linh thống soái để xử lý sự

biển Tây An, phái chủ hoà còn có Khổng Tường Hy, Tống Tử Văn, Tôn Khoa và Vương Sùng Huệ. Chiều ngày 13, một chuyên cơ cất cánh từ Nam Kinh bay về hướng bắc, trên đó là “sứ thần” của Tống Mỹ Linh.

### **Ở BẢO AN, MAO TRẠCH ĐÔNG ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯỞNG**

Cùng với lúc chuyên cơ do Tống Mỹ Linh phái cử cất cánh ở Nam Kinh thì một chuyên cơ khác do Trương Học Lương giao nhiệm vụ bay từ Tây An đi Hồng đô Bảo An, lịch sử ghi lại hình ảnh ngoạn mục những sứ giả con thoi nối đuôi nhau bay lượn từ thủ đô Nam Kinh đến cố đô Tây An và cuối cùng là Hồng đô Bảo An.

Sáng ngày 13, nhân dân và Hồng quân ở Bảo An cuộc xêng nô nức đi làm sân bay, người ta cứ tưởng một bãi bằng là phi cơ có thể hạ và cất cánh được, nhưng nào ngờ chuyên cơ lượn mấy vòng trên bầu trời Hồng đô, đành phải quay về Tây An, Chu Ân Lai chỉ còn cách đi đường bộ đến cố đô giúp Trương, Dương bàn kế xử lý sự biến. Hôm ấy Thường vụ trung ương Trung Cộng họp phiên mở rộng do Trương Văn Thiên chủ trì thảo luận chủ đề sự biến Tây An (biên bản cuộc hội nghị này vẫn còn lưu trữ, và do đó chúng ta mới có điều kiện nghiên cứu động thái chính trị lúc bấy giờ).

Thoạt đầu, Mao Trạch Đông báo cáo, ông khẳng định ý nghĩa cách mạng của sự biến Tây An và hành động, cương lĩnh tích cực của Trương, Dương, ông kết luận: chúng ta nên ủng hộ, nhưng trong báo cáo của Mao có hai vấn đề gây nên tranh luận. “Có nên thành lập chính phủ toàn quốc ở Tây An hay không?”. Mao Trạch Đông nói: “Tôi thấy trên cơ sở sự biến Tây An cần thành lập ở đây một chính phủ thực chất, gọi là uỷ ban kháng Nhật, trên danh nghĩa không phải là chính phủ toàn Quốc”, ông còn chủ trương: “Chúng ta nên lấy Tây An làm trung tâm để lãnh đạo cả nước, không chế Nam Kinh, lấy Tây Bắc làm tiền tuyến kháng Nhật, ảnh hưởng toàn quốc”.

Chu Ân Lai có cách nhìn khác với Mao Trạch Đông về vấn đề này, ông đề xuất: “Trên phương diện chính trị, chúng ta không nên sử dụng phương pháp đối lập với chính phủ Nam Kinh và do đó không chủ trương lấy Tây An làm trung tâm”.

Trương Quốc Đào phát biểu: “Chúng ta phải lấy Tây An làm trung tâm kháng Nhật, tất nhiên là bao hàm cả ý nghĩa trung tâm chính quyền, phải đả đảo chính phủ Nam Kinh, thành lập chính phủ kháng chiến, vấn đề cần thảo luận nên thực hiện như thế nào?”.

Trương Văn Thiên suy nghĩ hồi lâu rồi mới trình bày ý kiến của mình, ông ủng hộ quan điểm của Chu Ân Lai không đối lập với chính phủ Nam Kinh, ông nói: Có thể nên chuyển mặt trận thống nhất kháng Nhật cục bộ

chuyển thành toàn quốc, khiến cho Trung Cộng nhảy lên vũ đài chính trị một cách hợp pháp”.

Bác Cổ lúc đầu ủng hộ quan điểm Mao Trạch Đông, nhưng sau khi nghe Trương Văn Thiên, thấy có lí, bèn thay đổi ý kiến rằng “nên xem sự biến Tây An là ngọn cờ kháng Nhật, chứ không phải là ngọn cờ phản Tưởng”.

Vấn đề về chính phủ Nam Kinh chưa ngã ngũ trong đầu não của Trung Cộng, thì chủ đề thứ hai lại càng gây tranh luận gay gắt hơn: xử lí Tưởng Giới Thạch như thế nào? Mao Trạch Đông đề xuất “thảm Tưởng”, “bãi Tưởng”, “trừ Tưởng”, ông nói: “Thứ nhất, vạch mọi tội ác của Tưởng Giới Thạch trước nhân dân, và ủng hộ sự biến Tây An. Thứ hai, bãi miễn Tưởng Giới Thạch, giao nhân dân thẩm xét. Thứ ba, trừ khử Tưởng Giới Thạch về mặt nào cũng có lợi”. - Mao Trạch Đông trút mọi hận thù tích tụ trong 10 năm giao tranh lên đầu Tưởng. Chu Đức dứt khoát hơn: “Chém Tưởng xong, rồi hãy bàn chuyện khác!”. Trương Quốc Đào, Bác cổ ủng hộ quan điểm của Mao Trạch Đông, bổ sung thêm “sát Tưởng” như Chu Đức, Chu Ân Lai và Trương Văn Thiên không phát biểu gì về vấn đề xử lí Tưởng Giới Thạch.

Bốn giờ chiều ngày 13, nhân dân Bảo An mít tinh kiên quyết yêu cầu công khai đầu Tưởng Giới Thạch, thù hận xung thiên, tất cả do Mao Trạch Đông chủ trương. Nixon trong cuốn sách “Các lãnh tụ” đã viết: “Nếu không có Mao Trạch Đông, cách mạng Trung Quốc không thể từ đóm lửa nhỏ thiêu cháy cả đồng cỏ. Và nếu không có Chu Ân Lai, cách mạng Trung Quốc sẽ như lửa liếm rom, đốt trụi tất cả thành tro!” Những ngày đầu của sự biến Tây An, tính cách của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai quả đúng như Nixon miêu tả.

### **TỔNG MỸ LINH CỬ TOÀN-NA BAY ĐẾN TÂY AN**

Nam Kinh hô hào “thảo nghịch”, Bảo An chủ trương “thảm Tưởng”, hai bên kiếm đã rút khỏi bao, đứng giữa là Tây An, nơi ấy vừa có quân phản nghịch Trương, Dương vừa có Tưởng Giới Thạch đang bị giam cầm.

Ngày 13 ở Bảo An, ngoài mít tinh quần chúng đòi đầu Tưởng, còn kêu gọi cả báo chí - tờ “Trung Hoa đỏ”. Ngày 15, Mao Trạch Đông và 15 tướng lĩnh Hồng quân phát điện cho chính phủ Quốc dân đảng yêu cầu “bãi miễn Tưởng Giới Thạch, giao cho nhân dân xét xử”.

Ngày 16, hội nghị trung ương Quốc dân đảng quyết định: (1) Đưa Hà Ứng Khâm lên làm Tổng Tư lệnh quân thảo nghịch. (2) Chính phủ ra lệnh xuất binh. (3) Tuyên bố uỷ lạo quân dân Tây Bắc. Ngay hôm ấy, Hà Ứng

Khâm nhận chức, chính phủ Nam Kinh ban bố lệnh “thảo phạt Trương Học Lương”. Còn trên ấy, Đông Bắc quân, Tây Bắc quân và Hồng quân kiên quyết liên hợp tác chiến, dàn bày thế trận, sẵn sàng nghênh đón thảo nghịch quân ở Nam Kinh lên. Một cuộc nội chiến rất lớn, “đạn đã lên nòng, tên đã trên cung”.

Đề có thể dập tắt đoạn dây cháy chậm ngày một ngắn dần, hai chiếc máy bay cất cánh lần lượt từ Nam Kinh, nhưng không dám hạ xuống Tây An sợ quân Trương, Dương bắn rơi. Trước khi bay, Tống Mỹ Linh và vị sứ giả đều điện báo cho Trương Học Lương, nhưng không liên lạc được nên đành cứ bay và sẽ đậu ở Lạc Dương. Sứ giả của Tống Mỹ Linh là người châu Âu, mắt xanh, mũi lõ, tên gọi: Uy-liêm Hăng-ri Toan-na, đã ngoài lục tuần, quốc tịch Anh và sinh sống ở Úc, có lẽ đây là phương án tối ưu, bởi vì Toan-na vừa có tình thâm với Trương Học Lương, vừa được Tưởng Giới Thạch tin cậy, lại là người ngoại quốc, khách quan và không chịu ảnh hưởng của phe đảng nào. Toan-na sinh ra ở Úc, tổ tiên người Tô Cách Lan, năm 1903, ông làm chủ bút tờ “Bưu điện Trung Quốc” ở Hương Cảng, từ bấy Toan-na kết duyên cùng Trung Quốc và dần dần trở thành nhà Trung Quốc học, sau làm phóng viên “Thời báo London”, “Thời báo New York”. Ông thành danh từ năm 1915 khi vạch trần điều ước 21 bí mật kí kết giữa Viên Thế Khải và Nhật Bản. Toan-na quen thân với Tống Diêu Như năm 1911, và do đó có tình nghĩa cùng gia đình họ Tống, ông đã giúp Tôn Trung Sơn khởi thảo tuyên ngôn đối ngoại đầu tiên của chính phủ Dân quốc. Toan-na còn là cố vấn tư gia của Trương Tác Lâm, sau khi Trương đại sư lâm nạn trong chuyến tàu gãy cầu chìm sông. Ông tiếp tục làm gia sư và cố vấn cho Trương thiếu soái Học Lương. Năm 1934, Toan-na tháp tùng Trương Học Lương chu du sáu nước châu Âu, vào tuổi già, ông quả có tình thâm với gia đình họ Trương. Người đời cũng đồn đại, Toan-na là cố vấn của Tưởng Giới Thạch, kì thực không phải như vậy, trong “Tây An bán nguyệt kí”, Tưởng ghi: ““Bên ngoài ngộ nhận Toan-na là cố vấn mà chính phủ đã thỉnh mời, từ đầu Toan-na với tư cách bạn hữu luôn đến cùng ta, và nay ông vẫn như vậy chứ không phải là cố vấn”.

Đêm 12 tháng 12, Tống Mỹ Linh nghe tin Tưởng Giới Thạch bị bắt ở Tây An, bà vội vàng điện thoại cho Tống Tử Văn và Toan-na đang ở tại khách sạn Quốc tế - Thượng Hải, nhờ hai người cùng đến nhà Không Tường Hy bàn cách đối phó. Tống Mỹ Linh phờ phạc, như không còn hồn phách nào nữa, với vốn tiếng Anh điêu luyện, bà nói với Toan-na:

- Tây An xảy ra binh biến, uỷ viên trưởng bị bắt và nghe đâu không còn nữa!

- Tôi không tin điều đó, - Toan-na lắc đầu đáp lại. -Thứ nhất, Trương thiếu soái không phản biến uỷ viên trưởng. Thứ hai, uỷ viên trưởng vẫn còn sống!

Đêm ấy, cả bốn người - Tống Mỹ Linh, Tống Tử Văn, Khổng Tường Hy và Toan-na - về Nam Kinh, Tống Mỹ Linh quyết định cử Toan-na đi giảng hoà, chiều tối 13, Toan-na đến Lạc Dương, bà nhận được điện của Trương Học Lương, hoan nghênh Toan-na đến Tây An. Ngày 14, sứ giả bay từ Lạc Dương về Tây An, vừa đến bầu trời cổ đô, Toan-na cho thả dù mang thư; theo y ước trong thư, ba đồng lửa nổi lên trên sân bay, chuyên cơ của ông hạ cánh an toàn. Năm giờ chiều ngày 14, Trương Học Lương dẫn Toan-na đi gặp Tưởng Giới Thạch, Tưởng vui mừng khôn tả, miệng lắp bắp: “Tôi biết thế nào anh cũng tới”. Toan-na nghe Trương Học Lương nói rõ mọi tình tiết “binh gián” 12 tháng 12, sáng ngày 15 ông gặp Tưởng Giới Thạch lần nữa rồi bay về Nam Kinh báo cho Tống Mỹ Linh biết, Tưởng Giới Thạch vẫn bình an vô sự và Trương Học Lương mời Khổng Tử Hy đến Tây An thương thảo. Tống Mỹ Linh mừng rỡ, bà đã nhìn thấy một tia hi vọng đầu tiên để giải quyết sự biến Tây An.

### **CHU AN LAI TRỞ THÀNH CHỦ MUÒN CHO TÂY AN**

Ngày 17, Chu Ân Lai đến Đạo Xuyên - phía nam thành Diên An và định lên ô tô đi về phía Tây An, thì chiếc chuyên cơ Ba-ung của Trương Học Lương do một phi công người Mỹ lái đã kịp đón ông và phái đoàn Trung Cộng, người tháp tùng là Lưu Đình - thư kí của Trương và là đảng viên cộng sản.

Trên đường bay về Tây An, Chu Ân Lai lắng nghe Lưu Đình báo cáo tường tận tình hình trước và sau ngày 12, ông chú ý đến tình tiết Trương Học Lương ra lệnh “chỉ được bắt sống Tưởng Giới Thạch”, và loé lên giải pháp “bức Tưởng kháng Nhật” - bài thuốc đầu tiên chữa trị cho Tây An.

Trương Học Lương vô cùng mừng rỡ khi gặp lại Chu Ân Lai:

- “Mỹ nhiệm công”, bộ râu cực đẹp của ngài đâu rồi?

Trương Học Lương và Chu Ân Lai lập tức hội đàm với nhau, bàn ngay việc nên xử trí Tưởng Giới Thạch như thế nào, Chu nghe Trương nói trước:

- Theo tôi, tranh thủ Tưởng kháng Nhật lúc này là có khả năng nhất. Chỉ cần Tưởng đồng ý đình chỉ nội chiến, cùng nhau kháng Nhật thì phóng

thích ngay và vẫn ủng hộ ông ta làm lãnh tụ cả nước kháng chiến chống Nhật cứu nước.

Chu Ân Lai tán dương ý kiến của Trương, nhưng cũng mạnh dạn tâm sự:

- Sự biến Tây An làm chấn động cả trong và ngoài nước, song ít nhiều cũng có tính chất “âm mưu quân sự”.

Trương Học Lương có vẻ không vui mà rằng:

- Tôi chí công vô tư, sao lại là âm mưu?

Chu Ân Lai mỉm cười, giải thích:

- Bắt Tưởng một cách “xuất kỳ bất ý” và do đó chúng ta lúng túng bị động cách xử trí, thật là “thừa kì bất bị”, không giống như cách mạng tháng Mười ở Nga, Sa Hoàng Nicôlai bị bắt, cũng không giống như Nã Phá Luân thất thế ở chiến dịch Oatéclo, hiện nay lực lượng quân sự của Tưởng Giới Thạch vẫn còn nguyên vẹn, Tây An và Nam Kinh đã trở thành đối lập, cho nên cách xử lí Tưởng Giới Thạch cần phải rất cẩn trọng.

Chu Ân Lai tiếp tục phân tích:

- Như Trương tướng quân vừa nói, nếu thuyết phục được Tưởng Giới Thạch đình chỉ nội chiến, cùng nhau kháng Nhật, thì quả là điểm phúc cho Trung Quốc, nếu tuyên bố tội trạng của Tưởng, giao nhân dân xét xử, cuối cùng giết ông ta, không những không chấm dứt được nội chiến mà còn tạo điều kiện dễ dàng để quân Nhật tiêu diệt Trung Quốc chúng ta.

Chu Ân Lai sở dĩ nói lên điều này vì ông nghe Lưu Đĩnh báo cáo, ngày 16 trong đại hội quân chúng ở Tây An, Trương Học Lương tuyên bố, nếu Tưởng Giới Thạch không chấp nhận kháng Nhật thì ông sẽ vạch mọi tội trạng của Tưởng trong sự biến “9.12”, và hình phạt sẽ do nhân dân quyết định. Vậy là hai người đi đến thống nhất giải quyết sự biến Tây An bằng phương pháp hoà bình. 20 năm sau Trương Học Lương hồi tưởng lại đã nói: “Lúc bấy giờ Chu quả là người chủ mưu cho Tây An”.

Ngày hôm ấy Chu Ân Lai điện báo cáo Mao Trạch Đông và Trung ương, rằng ông và Trương đã thống nhất năm điều kiện đàm phán với Tổng Tử Văn. Mao Trạch Đông vẫn tư lự với những câu hỏi: giữ, đấu, bãi, hay giết Tưởng?

### **TƯỚNG GIỚI THẠCH, NGƯỜI BỊ BẮT**

Chín giờ sáng ngày 12, Tưởng Giới Thạch được đưa về Đông Suong Tân Thành đại lâu. 10 giờ Trương, Dương đưa cho ông thông báo số 1, hai bên tranh luận và Trương Học Lương buộc phải nói:



- Ông không nghe tôi khuyến cáo thì việc này đành để nhân dân xử trí.

- Ta dù thân chết, đầu rơi, tứ chi tàn phế, nhưng nhân cách và chí khí thì vẫn cứ bảo toàn - Tướng Giới Thạch trả lời.

Ngày hôm sau Tướng Giới Thạch đòi gặp riêng Dương Hồ Thành. Ông vận Dương:

- Anh có biết trước chuyện này không?

- Có, - Dương đáp. - Đây là ý nguyện của toàn dân, mong muốn chấm dứt cảnh nồi da xáo thịt, tập trung sức lực chống giặc ngoại xâm.

Năm giờ chiều ngày 14, Toan-na đưa thư Tống Mỹ Linh cho Tướng Giới Thạch, và nói với ông:

- Tướng phu nhân nhờ tôi đến đây để hội đàm cùng Trương Hán Khanh, nắm vững ít nhiều về sự biến Tây An, trước hết xin có lời thăm sức khoẻ của ngài. Tôi nghĩ rằng, Trương tướng quân không có ý hãm hại ngài, chỉ cần ngài đáp ứng chủ trương của họ thì họ sẽ hết lòng ủng hộ ngài làm lãnh tụ, đó không chỉ là ý nguyện của hai người Trương, Dương mà là yêu cầu bức thiết của nhân dân Trung Quốc, người nước ngoài như chúng tôi cũng tán đồng chính kiến đó. Nếu ngài chấp nhận thì sau này vẫn là nhân vật vĩ đại của thế giới, ngược lại, rất tiếc sẽ mau chóng trở thành tiểu nhân.

Toan-na là người Tây Dương, đã được Tướng Giới Thạch tin cậy, cách nói khách quan, nên Tướng nghe dễ tin cậy, nhưng ông vẫn bi quan và nhờ Toan-na chuyển về cho Tống Mỹ Linh một lá thư với lời văn như thể “di chúc”:

“Mỹ Linh ngô thê <sup>[9]</sup>, ta quyết tâm tuấn quốc, ta qua đời, toàn bộ gia sản giao cho nhữ <sup>[10]</sup> kế thừa, mong nhữ trông nom hai con Kinh Quốc, Vĩ Quốc, và thờ nguyện tâm linh ta. Cầu nguyện Thượng Đế ban phước lành cho nhữ”.

Trước khi về Tây An. Toan-na đến thăm Tướng Giới Thạch lần nữa và nói cho ông rõ cái gọi là “kịch trong kịch” ở Nam Kinh và nội dung điện thoại đường dài với Tống Mỹ Linh và Tống Tử Văn, đặc biệt lời dặn của Tống Mỹ Linh - “Thà kháng Nhật còn hơn chết trong tay địch”.

Thái độ của Tướng Giới Thạch bắt đầu chuyển biến...

Sáng ngày 17, tin Chu Ân Lai đến Tây An làm cho Tướng Giới Thạch lo lắng, “tay địch” đã vươn tới cổ đô rồi sao?

**TRUNG CỘNG QUYẾT ĐỊNH PHƯƠNG CHÂM  
“GIẢI QUYẾT HOÀ BÌNH” VÀ “PHÓNG TƯỚNG”**

Những ngày ở Tây An, Chu Ân Lai đã tích cực hoạt động và hình thành được một phía của cuộc hội đàm tương lai, theo ngôn ngữ lúc bấy giờ gọi là “tam vị nhất thể” - Trương, Dương, Chu, đại diện cho Đông Bắc quân, Tây Bắc quân và Hồng quân, song ông vẫn thường xuyên liên lạc với Bảo An và Mao Trạch Đông.

Như đã trình bày ở trên, Trung Cộng kịp thời báo cáo với Quốc tế Cộng sản, kết quả thật bất ngờ - Stalin phản đối “đảo Tưởng” và đêm 13, Quốc tế Cộng sản trả lời Trung Cộng, nội dung gồm ba phần: (1) Khẳng định sự biến Tây An là do quân Nhật tạo nên, và nhất định bên cạnh Trương Học Lương có gián điệp Nhật ẩn náu, Liên Xô sẽ không ủng hộ bất kì ai là bạn của Nhật. (2) Nhiệm vụ khẩn cấp của Trung Quốc hiện nay là xây dựng một mặt trận thống nhất kháng Nhật có tính toàn Quốc, là đoàn kết hợp tác, chứ không phải phân liệt, chia rẽ. (3) Tranh thủ hoà bình giải quyết vấn đề Tây An, nhân cơ hội này mà hợp tác với Tưởng Giới Thạch, khiến ông ta tán thành kháng Nhật, trên cơ sở đó tự động phóng thích Tưởng.

Tiếp đó, Stalin đã nhờ đoàn đại biểu Trung Cộng tại Quốc tế Cộng sản chuyển về Bảo An bức điện: “Đảng Cộng sản Trung Quốc đầu tiên nên hiểu rằng: Tưởng Giới Thạch là kháng Nhật, nếu đả đảo Tưởng, tất yếu sẽ ra nội chiến và chỉ có lợi cho quân xâm lược Nhật”. Theo Stalin, làm lãnh tụ ở Trung Quốc, Trương Học Lương chưa đủ tư cách, lực lượng Mao Trạch Đông còn bé nhỏ, chỉ còn Tưởng Giới Thạch mới đủ sức hiệu triệu, thống soái binh mã mà thôi.

Thế gian không có ai đủ sức quán xuyến chính xác tất cả. Trong thời kì đầu của sự biến Tây An, nhận định của Mao Trạch Đông và Stalin đều có sai và có đúng. Đối với Trương, Dương - Mao Trạch Đông ủng hộ, đó là đúng, Stalin phản đối, ấy là sai. Đối với Tưởng Giới Thạch - Mao Trạch Đông chủ trương “đảo Tưởng”, ấy là sai, Stalin “bảo Tưởng”, đó là đúng. Khách quan mà nhận xét, Mao Trạch Đông và Stalin đúng và sai đều có nguyên nhân của họ. Mao Trạch Đông sống tại Trung Quốc, nắm vững tình hình nên lập tức cho rằng sự kiện binh gián Tây An của Trương, Dương là “khởi nghĩa kháng Nhật”, còn Stalin ở Mạc Tư Khoa xa xôi không rõ nội tình Trung Quốc nên quy oan Trương, Dương là “âm mưu của Nhật”. Stalin nhìn toàn cục để đánh giá Tưởng Giới Thạch, còn Mao Trạch Đông đầu sao vẫn còn mỗi cừu hận 10 năm với Tưởng, xem Tưởng là kẻ thù. Loại trừ cái sai của hai vị, là tiếp tục cái đúng của họ, Chu Ân Lai đã lập công lớn trong việc giải quyết sự biến Tây An.



Từ ngày 12 đến ngày 19, đúng như Chu Ân Lai đã nói với Vương Bính Nam, “một tuần nay chúng tôi chưa hề chớp mắt”, để cuối cùng đưa ra một quyết định “có lẽ khó khăn nhất trong đời chúng tôi” - giải quyết hoà bình sự biến Tây An và phóng thích Tưởng Giới Thạch. Mao Trạch Đông tiếp thu phê bình, quan điểm giữa ông và Trương Văn Thiên đi đến nhất trí. Ngày 21, Trung Cộng điện cho Chu Ân Lai: “nói rộng kích thước với Tưởng Giới Thạch!”.

### **“TAM VỊ NHẤT THỂ” ĐÀM PHÁN VỚI NHỊ TỔNG**

Ngày 21, Mao Trạch Đông cũng điện báo cho Phan Hán Niên ở Thượng Hải về chủ trương của Trung Cộng và yêu cầu thông báo với Trần Lập Phu để họ Tổng được rõ trước khi vào đàm phán. Mười một giờ rưỡi sáng ngày 22, hai máy bay đưa Tổng Mỹ Linh, Tổng Tử Văn và nhiều quan chức của chính phủ Nam Kinh đến cố đô đàm phán giải quyết sự biến Tây An. Từ sân bay Tây An, Tổng Mỹ Linh thẳng xe về “nhà giam” Tưởng Giới Thạch. “Ôi, hiền thể, nàng đến rồi ư? Nàng dám vào hang hùm cứu ta!”. Tưởng Giới Thạch kêu lên như vậy và ôm lấy người đàn bà thứ tư của đời mình. Tổng Mỹ Linh im lặng trong đầm đìa nước mắt, bà ân hận “em không ở cạnh chàng những lúc hiểm nguy”, sau này Tổng Mỹ Linh nhớ lại và nói rằng: “Thế cục Tây An do Toan-na đặt móng, Tổng Tử Văn xây tường và cuối cùng do tôi sụp mái”.

Tưởng Giới Thạch thống nhất với nhị Tổng - Mỹ Linh, Tử Văn rằng: “cải tổ chính phủ, sau ba tháng sẽ mở hội nghị cứu quốc, cải tổ Quốc dân đảng, đồng ý liên bang thân Cộng”. Nhưng ông đưa ra hai điều kiện: (1) Không xuất đầu lộ diện, hai anh em họ Tổng thay Tưởng đàm phán. (2) Không kí tên trong bất cứ văn bản nào, để giữ nhân cách của một lãnh tụ.

Trong thế bí của cuộc cờ, Tưởng Giới Thạch vẫn rất lão luyện, tránh mọi ràng buộc lịch sử sau này và lo cho nước đi tương lai.

Cuộc đàm phán bắt đầu vào sáng 23, đúng cái nơi mà 11 hôm trước Trương Học Lương đã ban bố lệnh “bắt sống Tưởng Giới Thạch” - lầu 2 công đường của phó Tổng Tư lệnh! Một bên là Trương, Dương, Chu - “tam vị nhất thể” và một bên là nhị Tổng - anh em Tử Văn, Mỹ Linh. Thật là nước cờ ngoạn mục, vốn dĩ Chu Ân Lai phải đối mặt với bốn vị Quốc dân đảng, thì nay ông lại liên minh được với hai, chỉ “chơi” lại hai mà thôi và điều ước mười điểm đã được kí kết, một ngày trước Noel 1936, sự biến Tây An xem như đã hạ màn, phần sau chỉ là vĩ thanh.

Năm 1990, phóng viên hãng truyền hình NHK đã phỏng vấn Trương Học Lương:

*Hỏi:* Tướng Giới Thạch và Chu Ân Lai từng gặp nhau tại Tây An, lúc ấy hẳn Tướng tiên sinh cũng có mặt, có phải như vậy không?

*Trả lời:* Đây là vấn đề gay gắt, xin đừng hỏi thêm gì nữa. Tôi không những có mặt mà còn đưa Chu Ân Lai đi gặp Tướng Giới Thạch.

Vẫn như hồi còn ở trường quân sự Hoàng Phố, người là hiệu trưởng, người là chủ nhiệm khoa chính trị, Chu Ân Lai cất tiếng chào:

- Hiệu trưởng tiên sinh, mười năm không gặp nhau, tiên sinh già hơn trước.

- Ân Lai, anh là bộ hạ của ta, anh nên nghe lời ta.

- Thừa hiệu trưởng tiên sinh, chỉ cần ngài thay đổi chính sách “yên trong rồi mới dẹp ngoài”, chấm dứt nội chiến, cùng nhau đánh đuổi quân Nhật thì không những cá nhân Ân Lai này nghe lời ngài mà cả Hồng quân chúng tôi cũng chịu sự chỉ huy của uỷ viên trưởng!

Nhạy cảm với chủ đề mà Chu Ân Lai vừa nêu ra, Tống Mỹ Linh đã nhanh chóng thay Tướng Giới Thạch trả lời:

- Từ nay sẽ không tiểu Cộng nữa, lần này cảm phiền Chu tiên sinh đã phải vất vả ngàn dặm tới đây để lèo lái, thật vô cùng đa tạ.

Không khí đối thoại bắt đầu cởi mở, Tướng Giới Thạch vui vẻ:

- Chúng tôi sẽ không gây nội chiến nữa, thực tình mỗi lần đánh nhau, tôi đều nghĩ tới anh, tôi vẫn nhớ anh đã từng giúp đỡ tôi nhiều lắm, mong rằng chúng ta còn có thể cùng nhau làm việc.

Năm 1990, Trương Học Lương chưa dám tiết lộ nội dung đối thoại nêu trên, nhưng 10 năm trước - 1980 khi “Chu Ân Lai tuyển tập” (quyển thượng) ra mắt, lần đầu tiên công bố “3 điện báo về sự biến Tây An”, trong đó có nội dung hội ngộ giữa Tướng và Chu:

“Tướng đang bệnh, tôi thăm Tướng, ông nói:

Tý: Chấm dứt tiểu Cộng, liên Hồng chống Nhật, thống nhất Trung Quốc, do ông chỉ huy.

Sửu: Do Tống, Tống, Trương toàn quyền đại diện ông, cùng tôi giải quyết tất cả.

Dần: Sau khi ông về Nam Kinh, tôi có thể trực tiếp đi đàm phán”.

Ngày 25 - Noel 1936, quà Chúa giáng sinh - Tướng Giới Thạch được phóng thích và chính Trương Học Lương tháp tùng Tướng trở về Nam Kinh.

*Phóng viên NHK:* Thừa Trương tiên sinh, sau “sự biến Tây An”, ngài cùng Tướng Tổng thống bay về Nam Kinh, và kết quả đã chịu kỉ luật, tại sao lúc ấy ngài lại làm như vậy, vì nguyên nhân gì?

*Trương Học Lương trả lời:* Tôi đã nói nhiều lần, tôi là một quân nhân, phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình. Tôi đi Nam Kinh là để thỉnh tội, kể cả sự hành quyết. Trước khi lên đường tôi đã nhờ một học sinh trông nom giúp gia đình mình, anh ấy là sĩ quan quân đội.

Ngày trở thành quân nhân, thân phụ đã căn dặn: “Con muốn làm người lính ư? Hãy cắt cái đầu mình dặt vào lưng nịt”, nghĩa là anh hãy sẵn sàng nhận lấy cái chết. Quả vậy, sau khi trở thành quân nhân tôi đã chuẩn bị chết bất cứ lúc nào, nhưng vô cùng căm ghét cảnh nội chiến.

Năm 1991, hai học giả họ Đường và Trần đã phân tích toàn diện hơn về nghĩa cử của Trương: (1) Làm dịu đi cục diện phân liệt vừa qua vì lợi ích của quốc gia, dân tộc; (2) Tránh đem dài mộng lăm, trên mặt lại mọc thêm cành; (3) Quốc tế Cộng sản và Liên Xô có lời trách cứ Trương, Dương; (4) Tự nhận định rằng vẫn còn khả năng trở về Tây An; (5) Đảm bảo niềm tin cho Tưởng Giới Thạch và anh em họ Tống; (6) Vì quốc gia dân tộc thì sinh tử, vinh nhục nào có sá chi.

Ngày 26 tháng 12 năm 1936, Tưởng Giới Thạch và Trương Học Lương về đến Nam Kinh, lịch sử thật trở trêu, Tưởng như vị anh hùng khai hoàn, còn Trương - thân phận phạm nhân chờ ngày ra pháp đình lãnh án, và sau đó sang sảng lời ông: “Tôi không cảm thấy sai lầm về chủ trương của mình”. Ôi khúc bi tráng Tây An và những cảnh đời chìm nổi của tác giả, không chỉ vang vọng một lần trong kí ức!

## IV

## **HỢP TÁC LẦN HAI TƯỚNG GIỚI THẠCH LẠI DIỄN KỊCH**

Chiếc máy bay đưa Tưởng Giới Thạch an toàn hạ cánh xuống phi trường Nam Kinh, và người ta tưởng sự biến Tây An hoàn toàn hạ màn. Thế nhưng với con người ưa diễn kịch như Tưởng Giới Thạch thì sân khấu Nam Kinh vẫn còn tiếp nối những màn của ông. Tưởng vừa về đến Nam Kinh thì Khổng Tường Hy lập tức ra thông báo thôi giữ chức quyền viện trưởng viện hành chính, mọi công việc phục vụ Tưởng viện trưởng điều khiển. Tưởng bị nghĩa quân vây bắt ở Tây An. Khổng lên thay, nay Tưởng được phóng thích và trở lại chức vụ cũ là đương nhiên, nhưng ông lại đề xuất một vấn đề không ai ngờ tới: “Để thể hiện trách nhiệm hành chánh và uỷ viên trưởng hội đồng quân sự”. Thật là một “kịch bản” xuất sắc! Ông mà cũng tình nguyện từ bỏ cái ghế uỷ viên trưởng hay sao? Dư luận nhanh chóng đánh giá, Tưởng Giới Thạch đang đeo mặt nạ, vì sau sự biến Tây An ông quả là bị mất mặt, tự trách móc mình rằng công lao 8 năm tiêu trừ Cộng sản bỗng chốc trở thành tay trắng. Đề xuất của Tưởng không được chấp nhận, người ta chỉ đồng ý ông nghỉ 1 tháng để chữa bệnh vì khi nhảy qua tường rào ở Hoa Thanh trì định trốn thoát. Tưởng Giới Thạch bị ngã khá đau và bắt đầu chứng nhức lưng từ bấy. Ở Tây An, Tưởng đã hứa “từ nay về sau tôi sẽ không tiêu Cộng nữa”, về đến Nam Kinh ông lại tiếp tục phát triển trên “Trung ương nhật báo” rằng, tinh thần yêu nước của quốc dân đồng bào thật là nhiệt thành, sẽ đảm bảo cho sự phục hưng của dân tộc v.v...

Còn Mao Trạch Đông, ông thắng to qua ván cờ sự biến Tây An, công bố nhiều văn bản quan trọng, tiếp tục chỉ thị cho toàn thể Trung Cộng giám sát và buộc Tưởng Giới Thạch làm đúng lời hứa kháng Nhật cứu nước, vui vẻ chuyển dời Hồng đô từ Bảo An về Diên An và tiếp tục phát huy kết quả của cuộc khởi nghĩa Tây An.

Những lúc gặp việc rối bời không thể “dục tốc”, Tưởng Giới Thạch thường tự nguyện “hạ bệ” hoặc trở về quê hương tĩnh dưỡng. Lần này cũng vậy, ông lại đi Khê Khẩu Triết Giang, ngoài ra Tưởng còn có nghĩa vụ chịu tang cho người anh cùng cha khác mẹ là Tưởng Giới Khanh vừa qua đời ngày 27 tháng 12 năm 1936. Giới Khanh con bà hai họ Từ, lớn hơn Giới Thạch 10 tuổi, chức vụ cao nhất là giám đốc hải quan Ninh Ba nên người đời thường gọi ông Tưởng giám đốc. Nghe nói, khi nghe tin Tưởng Giới

Thạch bị bắt ở Tây An truyền về quê nhà, Giới Khanh đang xem kịch bỗng lẫn đùng ngã bệnh vì ông sẵn chứng cao huyết áp. Giới Khanh nằm liệt giường từ đó và tắt thở vì quá vui mừng lúc người nhà báo cho ông biết, Tưởng Giới Thạch vừa được phóng thích trở về Nam Kinh.

Nhưng trước khi đi Khê Khâu, Tưởng Giới Thạch phải giải quyết vấn đề Trương Học Lương sao đây? Cho Trương về lại Tây An - mặt mũi Tưởng biết để đâu? Bắt giam Trương - chịu thế nào với dư luận, người ta thả anh ra, còn thân hành tháp tùng anh hồi kinh an toàn, vậy mà nỡ, thật là tiểu nhân! Tưởng Giới Thạch một tay đa mưu túc kế hẳn phải có một giải pháp tinh ranh, sau đây là “kịch bản” của ông với Trương. Trên đường bay Tây An - Nam Kinh, tất nhiên là Trương Học Lương không được ngồi cùng phi cơ với Tưởng, ông và 7 người tùy tùng đã hạ cánh sau Tưởng một tí, liền lên xe với Tổng Tử Văn thắng về dinh thự họ Tống. Những ngày đầu Trương sống nhàn nhã, tự do đi thăm thú bạn bè, đương nhiên lúc nào cũng có 2 xe tám riết để “bảo vệ” ông, nhưng đến sáng ngày 31 tháng 12 năm 1936 Trương được mời đi dự hội nghị hội đồng quân sự. Ông bước vào phòng họp, không phải! đây là toà án binh xử Trương Học Lương vì trọng tội “bạo hành uy bức thượng quan”, lãnh án mười năm tù. Tại phiên toà lịch sử này. Trương Học Lương cho công bố mật điện của Tưởng Giới Thạch gửi cho ông ngày 16 tháng 9 năm 1931, hai ngày trước khi xảy ra sự biến “9.18”. Hình như Trương Học Lương dự đoán sẽ đến bước đường cùng này nên trong túi áo của ông luôn sẵn sàng những tang chứng ấy. Bức điện ghi rõ ràng chỉ thị của Tưởng “Dù quân Nhật ở Đông Bắc có khiêu khích như thế nào, quân ta cũng không được đề kháng chống trả, tránh mọi xung đột”. Với chỉ thị đó, Trương bị người đời chê trách là “tướng quân không đề kháng”, bị Trung Cộng liệt vào “quân bán nước” và 3 tỉnh Đông Bắc bị Nhật xâm chiếm. Trương Học Lương đọc bức điện Tưởng gửi và trả lời với quan tòa vì sao ông phải dấy binh ở Tây An. rồi khẳng định “về chủ trương, tôi hoàn toàn không sai”.

Nếu lịch sử dừng tại đây, Trương Học Lương lãnh án 10 năm tù, thì sau năm 1946, ông sẽ được trở về với gia đình, nhưng Tưởng Giới Thạch đã cao tay ắt, chuyển kịch bản sang một bước khác, bề ngoài trông có vẻ nhân đạo từ bi, song bên trong thì cực kỳ thâm hiểm, thỏa mãn lòng hận thù của mình.

Chiều hôm ấy, 31 tháng 12 năm 1936, Tưởng trình lên chính phủ lời cầu xin ân xá cho Trương, chính phủ chuẩn y và giao quân đội, Hội đồng quân sự quản thúc. Khi mà Trương Học Lương đã sa vào mạng lưới quản

thúc của quân đội thì không ai còn biết được cuộc đời đầy ải đã diễn ra như thế nào đối với ông, duy có điều Trương từng bị cầm tù hơn 50 năm đi qua Khê Khẩu - Phụng Hóa, Hoàng Sơn - An Huy, Bình Hương - Giang Tây, Bang Châu, Vĩnh Hưng, Nguyên Lăng - Hồ Nam, Tu Văn, Đồng Tử, Quý Dương - Quý Châu v.v...

Năm 1946, người ta bí mật đưa ông ra Đài Loan, vẫn cầm tù quản thúc cho tới năm 1986...

Kịch bản của Tưởng Giới Thạch là xử án - ân xá - quản thúc, vừa rất thương gia, vừa rất cứng rắn, gạt bằng một trở ngại đáng gờm của mình trên con đường chính trị - tác giả sự biến Tây An, ông Trương Học Lương, người cùng Tưởng “Chính kiến chi tranh uyển nhược cừu địch”!

### **TRƯƠNG HỌC LƯƠNG VẪN BÍ MẬT “YÊN TRONG”**

Tháng 12 bất hạnh đã qua, Tưởng Giới Thạch thoát hạn, bước vào tuổi 50. Tin tức ân xá cho Trương Học Lương đăng in trên mọi trang báo của Nam Kinh đã tạm xoa dịu tình hình. Ngày 2 tháng 1 năm 1937, Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh đáp máy bay về Khê Khẩu nghỉ phép, dưỡng bệnh, ngày ngày hương khói cho mẹ và anh trai, nhưng kỳ thực đó là thời gian để Tưởng suy ngẫm tiếp tục nước cờ “yên trong” của mình và ông vẫn luôn luôn điều khiển từ xa đối với Nam Kinh.

Ngay hôm tết dương lịch năm 1937, Hà Ứng Khâm đã hạ lệnh quân trung ương phân thành 5 lộ chuẩn bị tiến vào Tây An, còn Dương Hồ Thành chỉ huy quân Tây Bắc thì lập ra 7 đạo phòng tuyến sẵn sàng nghênh tiếp. Cũng ngày đầu năm 1937 ấy, quân Đông Bắc và quân Tây Bắc đã tụ tập mít tinh tại sân vận động Tây An kháng nghị Tưởng Giới Thạch bắt giam Trương Học Lương, và hô vang khẩu hiệu “bước trên con đường máu đấu tranh giải phóng dân tộc”. Tình hình những ngày hậu Tây An sự biến vẫn căng thẳng, như kiếm đã rút khỏi bao, tên đã lên trên cung, mặt điện “Lạc Mao” (Lạc Phủ - bí danh tổng phụ trách Trung Cộng lúc bấy giờ, là Trương Văn Thiên, và Mao Trạch Đông) đã đến tay Phan Hán Niên, nhân vật quan trọng của Trung Cộng công tác tại Thượng Hải và Nam Kinh, nhắc anh yêu cầu Tưởng Giới Thạch giữ đúng lời hứa chấm dứt nội chiến cùng nhau kháng Nhật, đồng thời chỉ thị không để Chu Ân Lai về Nam Kinh đàm phán với Tưởng Giới Thạch, vẫn chốt cứ Tây An, phòng tránh âm mưu “Trương Học Lương thứ hai” của Tưởng.

Từ Khê Khẩu, Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho Cố Chúc Đồng: “Quân ta tạm dừng tiến vào Tây An, nhưng phải luôn luôn uy hiếp, tránh mọi sự lỏng lẻo”, đồng ý giải quyết hòa bình hai đạo quân Tây Bắc, còn với Hồng

quân, ông vẫn ngấm ngấm quan niệm “phỉ đở” như xưa, không chịu ký tên cùng Mao Trạch Đông bất kỳ văn bản gì.

Ngày 2 tháng 2 năm 1937, Tưởng Giới Thạch đi Hàng Châu tiếp tục nghỉ dưỡng, nhưng vẫn không quên lèo lái tình hình với phương châm “yên trọng”, kết quả thật khả quan cho Tưởng, quân Đông Bắc rút khỏi Đồng Quan phía đông Tây An hành binh về Giang Tô và An Huy biên chế lại tổ chức, đưa Dương Hổ Thành đi nước ngoài học tập bồi dưỡng, còn quân của Dương rút về Tam Nguyên, ngày 6 tháng 2 quân trung ương “hòa bình” thế chỗ ở Tây An, vấn đề còn lại chỉ là Hồng quân.

Vòng đàm phán Quốc - Cộng đầu tiên được giao cho Chu Ân Lai và Cố Chúc Đồng. Cố Chúc Đồng là quân nhân tin tưởng của Tưởng Giới Thạch, sau này trở thành “thượng tướng ngũ hồ”, tốt nghiệp trường sĩ quan lục quân Bảo Định, tham gia giảng dạy môn chiến thuật quân sự ở trường Hoàng Phố, và là phái hệ của Tưởng. Trước khi lên đường đi Tây An, Tưởng đã căn dặn Chúc Đồng “lấy chính trị làm chủ, quân sự là hỗ trợ”. Từ Lạc Dương. Cố Chúc Đồng chỉ huy 5 tập đoàn quân tiến vào Tây An một cách êm thuận và theo kịch bản của Tưởng giao, cùng Chu Ân Lai đàm phán nhằm hoà tan Hồng quân vào với Nam Kinh.

## **MAO TRẠCH ĐÔNG TRANH THỦ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG**

Từ Diên An, Lạc - Mao điện báo cho Chu Ân Lai: “Về quân sự đồng ý đề xuất biên chế Hồng quân thành 12 sư đoàn, 4 quân đoàn do Lâm, Hạ, Lưu, Từ chỉ huy, tất cả tổ chức thành một lộ quân, chánh phó Tổng Tư lệnh là Chu, Bành, về vấn đề đảng yêu cầu không thay đổi kể cả sự lãnh đạo đối với Hồng quân”. Trong điện báo trên đây, các chữ gọi tắt chính là Lâm Bưu, Hạ Long, Lưu Bá Thừa, Từ Hướng Tiền, Chu Đức, Bành Đức Hoài - những danh tướng của Hồng quân. Cuộc hội đàm Chu - Cố ở Tân An những ngày đầu năm 1937 thực chất là sự thách giá, trả giá giữa Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch trước khi đi vào hợp tác kháng Nhật, lúc ấy Tưởng ở Hàng Châu, còn Mao ở Diên An, họ đều suy nghĩ cho các nước cờ của mình.

Ngoài Cố Chúc Đồng ra, phía Quốc dân đảng còn có Trương Xung, Hạ Trung Hàn, tương tự Trung Cộng cử thêm Diệp Kiếm Anh cùng sát cánh với Chu Ân Lai. Đồng Tiểu Bàng, người luôn bên cạnh Chu Ân Lai lúc bấy giờ đã hồi ức, như một con thoi Chu Ân Lai bay đi bay lại trên bầu trời Tây An - Diên An không biết bao nhiêu lần để liên lạc với Trung Cộng và triển khai ý đồ của Mao Trạch Đông trong đàm phán. Diên An có một



sân bay nhỏ, nhưng thiếu thiết bị hoa tiêu, máy bay chiến đấu đưa Chu Ân Lai từ Tây An về Hồng đô căn cứ, quần thảo cả tiếng đồng hồ mà không sao đáp xuống được phi trường này nên đành phải quay trở lại nơi xuất phát, làm cho cả hai đầu vô cùng lo lắng. Ngày hôm sau do yêu cầu công tác, bất chấp hiểm nguy, Chu Ân Lai vẫn có mặt tại đại bản doanh Diên An cùng Mao bàn thảo những bước đi tiếp theo trên bàn cờ với Tưởng và Quốc dân đảng.

Ngày 10 tháng 1 năm 1937, Trung ương Trung Cộng chính thức dời đô về Diên An, 3 hôm sau Mao Trạch Đông mới vào ở căn nhà hầm lịch sử của Hồng đô, điều kiện vật chất vô cùng khó khăn không thể nào sánh nổi với các biệt thự bên cạnh Tây Hồ Hàng Châu hay trên đỉnh Lư Sơn mà Tưởng Giới Thạch đang tận hưởng và chuẩn bị cho một cuộc hội nghị quan trọng của Quốc dân đảng. Mao Trạch Đông nắm bắt tình hình, đã nhanh chóng gửi cho Tưởng một bức điện nhân Tưởng chủ trì hội nghị này, triệu tập toàn bộ Ban chấp hành Trung ương để quyết định sách lược chính trị của thời kỳ sau sự biến Tây An, phía Mao và Trung Cộng đưa ra 5 yêu cầu và 4 đảm bảo nhằm đình chỉ nội chiến Quốc - Cộng, tập trung lực lượng Trung Hoa, chữa mũi nhọn vào quân xâm lược. Phía Quốc dân đảng cũng vậy, Tưởng phải đối mặt với hai vấn đề, quân Nhật và Trung Cộng, phái cực hữu do Uông Tinh Vệ cầm đầu chủ trương “muốn kháng Nhật, trước tiên phải tiêu Cộng”, phái cánh tả mà Tống Khánh Linh chủ soái thì trước sau vẫn hô hào “liên Cộng kháng Nhật”. Còn Tưởng Giới Thạch? Ông chưa hoàn hồn sau vụ “Trương Học Lương đột biến bạo loạn”, đang ra sức phủ định ảnh hưởng của sự biến Tây An, nhưng tinh thần yêu nước chống Nhật mà sự biến Tây An và các tác giả của nó giương cao thì không tài nào huỷ diệt nổi, hội nghị trung ương kỳ 3 khóa 5 lần ấy của Quốc dân đảng buộc phải ra tuyên bố “Nếu vượt quá hạn chịu đựng, thì chỉ còn mỗi con đường là kháng chiến mà thôi”, đây là lần đầu tiên xuất hiện thuật ngữ “kháng chiến” trong hàng ngũ Quốc dân đảng.

### **THÁCH GIÁ, TRẢ GIÁ**

Hội nghị Trung ương của Quốc dân đảng cũng xác định nguyên tắc Quốc - Cộng hợp tác, nhưng đưa ra một loạt yêu sách đòi thống nhất quân đội, thống nhất chính quyền, huỷ bỏ tuyên truyền đỏ và đấu tranh giai cấp v.v... cuộc đàm phán giữa hai bên vì vậy mà còn gay go khúc khuỷu. Thoạt tiên ở Tân An, Cố Chúc Đồng và Chu Ân Lai đi đến thỏa thuận 3 điểm: đồng ý cho Hồng quân lập Văn phòng đại diện đóng tại Tân An, Hồng quân

sẽ biên chế thành 3 sư đoàn và từ tháng 3 năm 1937 Quốc dân đảng bắt đầu cung cấp lương thảo cho đội quân này của Trung cộng.

Đàm phán đã không dễ mà thực hiện kết quả đàm phán lại càng khó hơn. Ngày 16 tháng 2, Tưởng mật điện cho Cố Chúc Đồng quy định “khung giá”: Binh lực của Hồng quân không quá 1 vạn 5 ngàn quân!

Phía Mao liền “trả giá”: phải trên 5 vạn người. Cuộc thách giá, trả giá cứ vậy mà nhùng nhằng giữa Diên An và Hàng Châu, còn Tây An chỉ là nơi công bố ngã giá. Người ta lại tung tin Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm Mao Trạch Đông làm chủ tịch tỉnh Cam Túc, Mao cười sảng khoái và nói: “ông ấy quá khôi hài”. Sau này tra cứu sử tư liệu mới hay Tưởng đã có ý đồ ngông cuồng như vậy, thậm chí còn muốn tìm cách đưa Mao xuất dương hòng gạt bớt mũi nhọn. Tưởng đâu biết trong đời làm chính trị, Mao không hề ra nước ngoài khi chưa nắm chức quyền.

Cuối tháng 3 năm 1937, Tưởng Giới Thạch mời Chu Ân Lai về Hàng Châu tiếp tục đàm phán, Chu ghé Thượng Hải và nhờ Tống Khánh Linh chuyển trước cho Tưởng 15 ý kiến của Trung Cộng. Tưởng gặp lại Chu, lòng rất phấn khởi, vì mới 3 tháng trước đây nhờ sự quả đoán, nhanh trí và lão luyện của Chu Ân Lai mà Tưởng Giới Thạch được cứu nguy khỏi “bạo loạn” Tây An, ấn tượng ấy chưa thể phai mờ được. Tưởng nói tốt và ra chiều tán dương Trung Cộng, ông tự kiểm điểm lại những mất mát, sai lầm đã xảy ra trong thời gian qua, rồi đề nghị phía Trung Cộng khởi thảo đề cương hợp tác giữa hai đảng. Ngày 2 tháng 4, Mao Trạch Đông, Trương Văn Thiên, Bác Cổ, Bành Đức Hoài, Lâm Bá Cừ v.v... tề tựu trên sân bay Diên An, nồng nhiệt đón Chu Ân Lai vừa từ đàm phán với Tưởng trở về và ngay sau đó Trung Cộng chấp nhận “Hồng quân cải danh, Khu Xô-viết cải chế”. Tại Đại hội Thanh niên cứu quốc lần thứ nhất ở Hồng đô lúc bấy giờ Mao còn diễn thuyết với chủ đề “thay mũ”. Chủ trương Quốc - Cộng hợp tác nhanh chóng lan truyền ở Diên An và các khu căn cứ, nhiều người nghĩ không ra, đấu đi đấu lại, cuối cùng chui đầu vào cái mũ của Quốc dân đảng, mới ngày nào còn hô “đả đảo Tưởng Giới Thạch”, “Tưởng Giới Thạch phải chết!” thì hôm nay bỗng dung “ủng hộ Tưởng ủy viên trưởng” thậm chí “phục tùng Tưởng ủy viên trưởng”. Ngày 15 tháng 4 năm 1937, Trung ương Trung Cộng phát “Cáo toàn Đảng đồng chí thư” (Thông cáo với toàn thể đảng viên trong Đảng) dài tới cả vạn chữ, giải thích chủ trương “liên Tưởng kháng Nhật” và “Quốc - Cộng hợp tác” lần thứ hai, khẳng định Trung Cộng không đầu hàng, nước cờ của hai bên là như vậy, họa phát xít “tam quang”

(phá sạch, đốt sạch, giết sạch) đang ập tới, không còn con đường chọn lựa nào khác.

### **KHÁNG CHIẾN TÁM NĂM**

Mười giờ đêm ngày 7 tháng 7 năm 1937, quân Nhật gây hấn vụ Lư Câu Kiều, tiến công đại quy mô vào lãnh thổ Trung Quốc. Lúc này Tưởng Giới Thạch và Chu Ân Lai đang đàm phán về công việc hợp tác giữa hai đảng Quốc - Cộng ở Lư Sơn. Nhận được điện khẩn của Tần Đức Thuần - thị trưởng Bắc Bình (ngày nay là Bắc Kinh - ND), Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho Tổng Triết Nguyên - quân đoàn trưởng quân đoàn 29 Quốc dân đảng: “Cố thủ không lùi, động viên toàn lực, chuẩn bị phản công”, thái độ của Tưởng khác hẳn 6 năm về trước khi xảy ra sự kiện “18 tháng 9” mà ông đã chỉ thị Trương Học Lương rằng, “quân ta không được chống cự”. Người đời sau nhận xét, quân Nhật càng lấn tới thì Tưởng Giới Thạch càng ngã về phía Trung Cộng, và đứng trước họa xâm lăng, cuộc hợp tác lần thứ hai của Quốc - Cộng càng nhanh đi đến hiện thực.

Tại Diên An, Mao Trạch Đông kịp thời ra thông điệp biểu thị thái độ của Trung Cộng trước sự kiện quân Nhật tiến công ở Lư Câu Kiều, kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến, cảnh báo: “Bình Tân (Bắc Bình và Thiên Tân - ND), nguy cấp! Hoa Bắc nguy cấp! Dân tộc Trung Hoa nguy cấp!”, Mao cũng điện khẩn lên Lư Sơn cho Tưởng... “Tướng sĩ Hồng quân nguyện dưới sự chỉ huy của uỷ viên trưởng, một phen sống mái với kẻ thù, xả thân vì nước” ... Sáng ngày 1 tháng 8 năm 1937, Mao Trạch Đông nhận được lời mời của Tưởng Giới Thạch do Trương Xung chuyển tới, theo đó Mao Trạch Đông, Chu Đức và Chu Ân Lai bay đi Nam Kinh dự hội nghị quốc phòng. Mao phân vân, bởi lẽ đàm phán Lư Sơn chưa đi đến kết quả, nay Tưởng lại bày trò hội nghị Quốc phòng Nam Kinh, rồi quyết định, nếu bàn về quân sự thì Chu Ân Lai, Chu Đức và Diệp Kiếm Anh tham dự, nếu bàn các vấn đề khác thì ngoài Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh còn có Lâm Bá Cừ, Bác Cổ cùng đi, khi chưa cần thiết Mao sẽ không xuất tướng. Cũng ngày hôm nay mà sau này lịch sử ghi nhận hai chữ “bát nhất”. Phương diện quân số 1, 2, 3, 4 và Hồng quân Thiểm Bắc của Trung Cộng cải tổ thành Lộ quân thứ 8 Cách mạng Quốc dân gọi tắt là “Bát lộ quân” do Chu Đức làm Tổng Tư lệnh, Bành Đức Hoài làm phó và Diệp Kiếm Anh tham mưu trưởng. Tháng 10 năm 1937, quân du kích của Trung Cộng ở 8 tỉnh Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Nam, Hồ Bắc, Hà Nam, Triết Giang, An Huy theo lệnh Mao tập hợp thành Quân thứ tư quân Cách mạng Quốc dân gọi tắt là “Tân tứ quân” do Diệp Đình làm quân trưởng. Mao Trạch Đông đi đến Quốc -

Cộng hợp tác lần thứ hai bằng những quân cò: Bát lộ quân, Tân tứ quân và Khu đỏ do Lâm Bá Cừ làm thủ trưởng hành chính tối cao, vậy là ông đã hạ mũ “triệt để”, tất cả đều vì mục đích mặt trận dân tộc thống nhất kháng Nhật, còn mình trước sau vẫn là lãnh tụ của Trung Cộng, mặc cho Tưởng Giới Thạch muốn chức hàm gì cũng được. Để chuẩn bị cho những nước cò sau này, thời kỳ ấy Mao Trạch Đông chủ trì hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Trung Cộng tại Lạc Xuyên từ ngày 22 đến ngày 25 tháng 8 năm 1937 thông qua chủ trương “son tước mãn thiên phi” - nhân kháng chiến chống Nhật, nhân Quốc - Cộng hợp tác mà tung lực lượng đảng viên cộng sản về mọi miền đất nước thể như đàn chim sẻ từ núi cao bay khắp bốn phương trời, bay khắp Trung Quốc. Mao nói, ta đòi mũ rất nhanh, nhưng ta vẫn là Cộng sản và phải nhớ “Đảng chỉ huy hòng súng”.

Năm 1937 nhanh chóng qua đi, một sự kiện đáng ghi nhớ trong đời Mao đã khởi đầu từ năm này, ấy là Lam Bình - Giang Thanh hướng về đất thánh để sau đó trở thành đệ nhất phu nhân, nắm quyền bính một thời.

Tiếp đến là những ngày “kề vai sát cánh, chung một chiến hào”, quân Tưởng lo chính quy trực diện, quân Mao lo du kích địch hậu. Từ “Chủ nghĩa không đề kháng” mong muốn thỏa hiệp, đến chính sách sai lầm “đẹp ngoài, trước phải yên trong” với bài học sự biến Tây An, Tưởng Giới Thạch chuyển sang “kháng Nhật” trở thành lãnh tụ 8 năm kháng chiến ở Trung Quốc, một động lực quan trọng, một tác nhân tích cực của quá trình ấy chính là Trung Cộng, và nhân dân Trung Quốc đã góp phần mình vào chiến thắng của phe Đồng minh năm 1945 đánh bại quân phát xít. Tiếc thay, tiếp theo là nội chiến, hai bên xanh - đỏ lại vào trận, mãi 4 năm sau mới phân vạch kẻ ngoài đảo xa. người trong lục địa, vậy mà cuộc cờ thế kỷ vẫn chưa yên ngôi.

## MÂY MÙ VÀN VỮ

Quốc - Cộng hợp tác chưa được bao lâu thì xảy ra sự kiện Hoản Nam - Chính phủ trung ương Tưởng Giới Thạch lấy cớ quân du kích An Huy (gọi tắt là Hoản - ND) chống lệnh, đã tàn sát Tân tứ quân, tàn sát Cộng sản, bắt giam Diệp Đình quân trưởng và tuyên bố giải thể cánh quân này của Trung Cộng. Tháng 1 năm 1941, báo chí Trung Quốc đều đưa tin Hoản Nam, nhưng hầu như thiên về một phía chính phủ trung ương, chân tướng sự việc không rõ ràng, tờ “Tân Hoa nhật báo” của Trung Cộng xuất bản tại Trùng Khánh bị kiểm duyệt nên cũng không khá gì hơn. Hồi ấy báo này đăng bài thơ “Ai điều người anh em Giang Nam vì nước lâm nạn” của Chu Ân Lai, ở Diên An Mao Trạch Đông bình rằng, vãn điệu đau xót mà thi từ mung lung, thật ngậm ngùi. Song chính phủ Tưởng Giới Thạch không thể bùng bít được sự kiện Hoản Nam đối với phóng viên báo chí nước ngoài. Từ New York, London truyền đi những dòng tin chân thực kèm lời bình “bất hạnh”, “lo lắng”, đại sứ Mỹ, đại sứ Anh đã gặp Tưởng biểu thị thái độ, lập trường, rằng chúng tôi không mong muốn nội chiến ở Trung Quốc, rằng vấn đề Tân tứ quân không nên dẫn đến sự tàn sát lẫn nhau, tất cả chỉ làm suy yếu lực lượng kháng chiến, tất cả chỉ có lợi cho Nhật Bản. Đại sứ Liên Xô đương nhiên ủng hộ Trung Cộng, phát biểu gay gắt hơn, dù giải thích như thế nào, chúng tôi cũng không thể đồng ý với quý quốc về sự biến Hoản Nam! Đối với Trung Quốc, nội chiến có nghĩa là diệt vong. Mỹ, Anh, Nga đều tỏ thái độ phản đối, khiến cho Tưởng Giới Thạch từ niềm vui “tam kỷ lâm môn” chuyển sang điệu buồn “tam bất hoan nghênh”, đúng chỉ có Nhật Bản hý hửng, thừa cơ tấn công, không chỉ nhằm vào Tân tứ quân mà cả quân trung ương của Tưởng và Uông Tinh Vệ - phái thân Nhật, sau này trở thành Hán gian - đã phát biểu một câu “danh ngôn”: “Mấy năm lại đây Tưởng Giới Thạch chưa làm được điều gì hay ho, nhưng lần này qua Hoản Nam, ông ta là con người tốt!”. Nội chiến đang âm ỉ trong lòng cuộc kháng Nhật, cánh tả của Quốc dân đảng mà đứng đầu là Tôn phu nhân Tống Khánh Linh lên án, phê phán Tưởng Giới Thạch một cách quyết liệt.

Về phần mình, trong các “mệnh lệnh” và “văn bản” công khai của Trung Cộng, Mao Trạch Đông tuyên bố, Trung Cộng sẽ không bị lừa và nhần nhục như năm 1927 nữa, chúng ta đã là một đại chính đảng độc lập, Tưởng đẩy chúng ta đến bước đường cùng đối đầu này thì còn lời nào để

mà nói nữa! Tình thế khiến quan hệ Quốc - Cộng đi đến điểm đóng băng, nhưng làm cho cả Mao lẫn Tưởng phải lạnh cái đầu, tìm cách kiềm chế, bởi vì họ còn có chung một kẻ thù - giặc ngoại xâm Nhật Bản, vô lễ “traị cò đánh nhau” để cho “ngư ông được lợi” hay sao? Mao Trạch Đông chỉ phản kích trên dư luận nhằm tạo thanh thế. Ông nói giành thế công về chính trị, tạm thời vẫn giữ thế thủ trong quân sự. Còn Tưởng, ông lần mò tìm bậc để xuống thang, hạn chế vấn đề trong phạm vi Tân tứ quân, không cho lan ra Bát lộ quân và Trung Cộng. Bài học đau đớn nhất đối với Tưởng là ngay sau khi mệnh lệnh “17 tháng giêng” giải tán Tân tứ quân vừa truyền xuống thì 15 vạn quân của ông ở phía đông đường sắt Bình - Hán (Bắc Bình - Hán Khẩu ND) lập tức bị quân Nhật bao vây, cũng năm ấy Trung Cộng và Mao Trạch Đông cự tuyệt dự hội nghị tham chính thường niên.

Sự kiện Hoãn Nam và nước cờ “kéo nhau” của hai kỳ thủ đến đây đành gác lại bởi vì với lực lượng 190 sư đoàn, 3700 xe tăng, 4900 máy bay tiêm kích và 190 chiến hạm, quân Đức đã tấn công Liên Xô vào lúc rạng sáng 22 tháng 6 năm 1941, khi mọi người vẫn còn say ngủ. Nửa giờ sau đó, đại sứ Đức ở Mạc Tư Khoa mới trao cho phía Liên Xô tuyên chiến thư và thế là Thế chiến thứ hai bùng nổ.

Tưởng Giới Thạch xoay cờ sang một cục diện khác: tuyên chiến với Nhật, tuyên chiến với Đức. Kể cũng buồn cười, từ sau vụ Lư Câu Kiều ngày 7 tháng 7 năm 1937, đúng 4 năm nay quân Nhật đã thôn tính, đã “tam quang” - đốt sạch, phá sạch, giết sạch không biết bao nhiêu là quốc thổ của Trung Quốc mà Tưởng ủy viên trưởng vẫn im hơi lặng tiếng, mãi tới giờ này mới cất giọng “gáy”! Không, nhà quân sự mang dòng máu thương gia khôn lăm, có đầu óc lăm, với tuyên chiến thư một lúc cả Nhật lẫn Đức. Tưởng Giới Thạch đề nghị 4 nước Trung, Mỹ, Anh, Nga nên thành lập ở châu Á một đồng minh quân sự nào đó, Roosevelt tán thành. Churchill ủng hộ, nhưng Stalin chẳng nói chẳng rằng, bởi vì ông đang lo trận tuyến phía Tây, và mới đây, tháng 4 năm 1941, Liên Xô vừa ký “Điều ước trung lập” với Nhật Bản hầy còn chưa ráo mực. Tưởng là người đề xướng sáng kiến, nên phải xung phong thực hiện. Ngày 23 tháng 12 năm 1941, Hội nghị quân sự liên hợp Đông Á được cử hành tại Trùng Khánh với các đại biểu của Trung, Mỹ, Anh và do ông chủ trì, đây là lần đầu tiên Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài quốc tế trong vai trò của một nước lớn. Đầu năm 1942, đại biểu 26 nước đã tụ họp tại Washington - Mỹ để cùng ký bản “Tuyên ngôn Liên hợp quốc gia” phản đối 3 nước trục phát xít Đức, Ý, Nhật và liên kết thành mặt trận thống nhất quốc tế chống phát xít, sau đó có thêm 19 nước nữa

tham gia liên minh này. Trong bản tuyên bố, 4 nước Mỹ, Anh, Nga, Trung được ghi tên đầu tiên, chính phủ Tưởng Giới Thạch nghiễm nhiên nằm trong “bốn thượng đỉnh”, uy tín quốc tế của ông như điều gặp gió, nhưng có một người xem ông chẳng ra gì, người ấy đóng vai trò quan trọng trong thế chiến thứ hai, đó là Stalin!

Thời gian này, Mao Trạch Đông lại đi một nước cờ khác, ông điện báo cho Chu Ân Lai, “phương châm của chúng ta là tự củng cố và trầm tĩnh theo dõi”. Quan hệ Quốc - Cộng đang ở giai đoạn không xấu không tốt, không nóng không lạnh, tương đối ổn định, Tưởng lo vươn lên trở thành lãnh tụ thế giới còn Mao cố thủ Diên An phát động cuộc chinh phong lịch sử. Năm 1941, Mao viết bản báo cáo “Cải tạo sự học tập của chúng ta”, năm 1942 “Chỉnh đốn tác phong của đảng”, “Chống giáo điều trong đảng” và “Phát biểu tại cuộc toạ đàm văn nghệ Diên An”. Trong loạt báo nêu trên, Mao nhấn mạnh phải chỉnh đốn đảng phong, học phong và văn phong, ông gọi đó là “tam phong”. Từ ngày thành lập năm 1927, cho đến hội nghị Tuân Nghĩa năm 1935, qua nhiều lần dao động giữa hai tả và hữu, cuối cùng vai trò lãnh tụ của Mao Trạch Đông mới được xác lập trong Trung Cộng, nhưng rồi bận rộn nam chinh bắc chiến, đã có lúc nào ngồi nghỉ, ngồi lại được đâu, nay nhân dịp quan hệ Quốc - Cộng tạm không căng thẳng, Mao chủ trương tự củng cố đảng mình bằng một loạt chỉnh đốn: 1/tư tưởng, 2/ tổ chức, 3/quân đội và 4/văn nghệ. Có thể nói Trung Cộng đã lột xác, thay da đổi thịt sau cuộc chỉnh đốn lần ấy, còn Mao, qua đó ông hệ thống hóa những lý luận của mình và hình thành cái gọi là “tư tưởng Mao Trạch Đông” như mọi người đã biết.

Đang khi bằng yên phẳng lặng như vậy, thì Tưởng Giới Thạch mời Mao Trạch Đông cùng nhau hội ngộ tại Tây An. Ba cuộc gặp gỡ Tưởng - Mao dự kiến ở Nam Kinh, Vũ Hán và Tây An đã không thành, lần này ngày 14 tháng 8 năm 1942 Tưởng nhờ Chu Ân Lai điện khẩn về Diên An cho Mao. Chu báo cáo, thái độ của Tưởng không có gì tỏ ra ác ý, nhưng mục đích cuộc gặp gỡ thì thật khó lường. Từ Trùng Khánh, ông đề xuất với Mao hai phương án, thứ nhất cáo bệnh cử Lâm Bưu đi thay; thứ hai Tưởng, Chu cùng về Tây An, sau đó Chu và Lâm Bưu hoặc Chu Đức đại diện Mao gặp Tưởng. Mao Trạch Đông sử dụng tổng hợp cả hai phương án, ông chọn Lâm Bưu. Ngày 14 tháng 9 năm 1942, thay mặt Mao Trạch Đông, Lâm Bưu rời Diên An đi ô tô đến Tây An gặp Tưởng, cùng đoàn có Ngũ Vân Phổ và Chu Lệ Vũ, nhưng Tưởng đã trở về Trùng Khánh, Lâm xin chỉ thị Mao và

tiếp tục rong ruổi trên dặm đường thuyết khách. Cuộc gặp gỡ, mà thực chất là đàm phán, giữa Tưởng và Chu, Lâm diễn ra ở Trùng Khánh.

Lâm Bru là một võ tướng, tính cách hướng nội, ăn nói khiêm nhường, không quen ngoại giao, lúc ấy Lâm chỉ là sư trưởng, sao địch nổi với thống soái họ Tưởng, nguyên có gì mà Mao lại chọn Lâm, bởi hai lẽ: Lâm Bru là học sinh khoá 4 Trường quân sự Hoàng Phố, có thể vì tình thầy trò mà đàm đạo với hiệu trưởng Tưởng, Mao là người có tài dụng nhân như dụng mộc một cách rất thiện nghệ. Lẽ thứ hai, Lâm Bru sau trận Bình Hình Quan đã nổi tiếng là một “danh tướng kháng Nhật” mà đến cả các khu do Quốc dân đảng kiểm soát người ta cũng phải kính nể. Lâm Bru chữa bệnh ở Liên Xô đúng 3 năm vừa mới về nước. Nhớ lại năm ấy, 1938 tháng 3 ngày 1 tại tỉnh Sơn Tây. Lâm Bru dẫn binh sĩ đi trình sát địch tình, để tiếp cận thật gần quân Nhật. Lâm Bru và những người cùng đi mặc quân phục Nhật Bản, lưng đeo kiếm dài - những quần áo, vũ khí này Lâm lấy được ở trận Bình Hình Quan. Vì hoá trang quá giống nên Lâm Bru đã bị trúng đạn của quân Quốc dân đảng do Diêm Tích Sơn cầm đầu, sau một hồi giao tranh, mới biết là nhầm nhưng vai phải, vai trái, phổi và cột sống của Lâm đều bị thương, chảy máu đầm đìa, đưa về Diên An chữa trị không lành nên phải gửi sang Liên Xô, tháng 1 năm 1942 mới hồi hương và lập tức nhận nhiệm vụ.

Tưởng Giới Thạch chọn tư gia của Trương Thị Trung làm nơi đàm phán, và công việc đều phó thác cho Trương. Trương cũng là thầy của Lâm lúc học ở Hoàng Phố và quen biết với Chu trong hội đồng giáo viên. Gặp lại Tưởng, Lâm Bru một điều hiệu trưởng, hai điều hiệu trưởng, chuyển lời hỏi thăm của Mao, vì lâm bệnh nên lần này phải từ chối hội ngộ. Tưởng Giới Thạch cảm ơn, và tỏ ra quan tâm đến “bệnh tình” của Mao, cũng không quên nhờ Lâm “chuyển lời vắn an” về Diên An. Hàn huyên khách sáo đôi lời, Lâm Bru đi thẳng vào chủ đề đàm phán, rằng Trung Cộng tỏ thái độ ủng hộ Tưởng như lãnh tụ của dân tộc, song đề nghị Tưởng thực hiện “ba đình”, “ba thả” và “hai biên” - đình chỉ tiến công quân sự, đình chỉ tiến công chính trị, đình chỉ o ép tờ *Tân Hoa nhật báo*, thả những người bị bắt trong vụ Tân tứ quân, cung cấp súng ống, đạn dược, lương thảo và biên chế quân đội của Trung Cộng thành hai tập đoàn quân. Tất nhiên là Tưởng Giới Thạch không chấp nhận đề nghị của Trung Cộng, nhưng nhiệm vụ Chu, Lâm là cứ giằng co như vậy, cũng phải hơn 8 tháng trời. Ngày 28 tháng 6 năm 1943, Chu Ân Lai, Lâm Bru và Đặng Dĩnh Siêu cùng hơn trăm binh lính rời Trùng Khánh trở lại Hồng đô Diên An, thế là đã 3 mùa xuân nay



Chu mới có dịp “về nhà”. Ngoài ra, Chu Ân Lai về Diên An còn có một nhiệm vụ quan trọng nữa, ấy là bàn thảo kế sách sau khi được tin Quốc tế Cộng sản tuyên bố giải tán. Có lẽ, người phẫn khởi nhất khi “quả bom nguyên tử tân văn” này bùng nổ là Tưởng Giới Thạch, ông nghĩ rằng Trung Cộng sẽ diệt vong, và cho xuất bản cuốn “Vận mệnh của Trung Quốc” xoay quanh luận điểm “không có Quốc dân đảng thì không có Trung Quốc”. Sách của Tưởng ấn hành hàng triệu bản, phát tận hang cùng ngõ hẻm, xem như kinh thánh tuyên truyền cho cái gọi là “Chủ nghĩa Tưởng Giới Thạch”. Một nhạc sĩ đã phổ nhạc câu “danh ngôn” của Tưởng lãnh tụ, đề chọi lại Trùng Khánh, ở Diên An cũng có bài ca “không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc”, cả nhân dân, binh lính hát khắp khu đỏ, đến như Lý Nạp là con của Mao - Giang, ngày ngày liên thoắng, “không có... thì không có...”. Mao Trạch Đông chột dạ, sai rồi, sai rồi, Trung Quốc có trước và Đảng Cộng sản có sau, ông thông minh thêm vào một chữ “mới”, rằng “không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới”, nghe rất lô gích, không chê vào đâu được, bài ca ấy còn lưu mãi đến ngày nay, nhưng chắc không phải ai đều hiểu rõ nguồn gốc của nó.

Ngược lại với suy nghĩ của Tưởng, Mao không hề lo lắng trước sự giải thể mà Quốc tế Cộng sản vừa công bố, ông như được trút bỏ mọi “chì chiết” của một “bà mẹ chồng”. Ngày 20 tháng 3 năm 1943, Mao Trạch Đông chính thức được bầu làm Chủ tịch Bộ Chính trị Trung ương Trung Cộng, nắm giữ cương vị ấy cho tới ngày 9 tháng 9 năm 1976, lúc nhắm mắt xuôi tay. Một bên chủ nghĩa Tưởng, một bên tư tưởng Mao giằng co, tiến thoái trên bàn cờ Quốc thổ Trung Hoa. Tám năm kháng Nhật (1937 - 1945) và sau đó những năm nội chiến (1945 - 1949) nhân dân Trung Quốc chọn lựa một trong hai vận mệnh cho mình, hoặc Quốc dân đảng, hoặc Đảng Cộng sản. Thế chiến thứ hai chuyển sang giai đoạn phản công của quân đội Xô-viết, sự thất bại của phát xít đã rõ ràng, vấn đề chỉ là thời gian. Làm một chính trị gia, điều quan trọng nhất là lượng trước nước cờ sẽ phải đi trong tương lai; về khả năng này Tưởng và Mao không hên mà gặp. Mao Trạch Đông triệu tập “Thất Đại” (Đại hội đại biểu toàn quốc Trung Cộng lần thứ bảy), họp trong 50 ngày, từ 23 tháng tư đến 11 tháng sáu năm 1945 với quy mô chưa từng có, 547 đại biểu chính thức, 208 đại biểu dự khuyết. Trên Hồng đô Diên An cao nguyên hoàng thổ, đại hội 7 của Trung Cộng đề ra sự chọn lựa trong “hai loại vận mệnh của Trung Quốc” và vấn đề “chính phủ liên hợp”. Ở Trùng Khánh, Tưởng Giới Thạch chủ trì “Lục Toàn” (Đại hội đại biểu toàn Quốc Quốc dân đảng lần thứ sáu), họp chỉ hơn nửa tháng

từ ngày 5 đến 21 tháng năm năm 1945, số đại biểu chính thức 579 người, dự khuyết 161 người, bàn thảo cách “tiêu diệt Trung Cộng sau khi Nhật thua”.

Bên này gọi là “Đại”, bên kia xưng “Toàn”, nhưng thực chất đều là cuộc họp lớn của một chính đảng, bàn thảo chiến lược từng giai đoạn. Tra cứu lại tư liệu lịch sử, người ta thấy đêm trước của Thế chiến thứ hai kết thúc, hai ông Tưởng, Mao cùng đi một nước cờ tiêu diệt nhau, cho nên phải nhiều năm sau nữa tiếng súng mới tạm yên trên lãnh thổ Trung Hoa và tiếp đó lấy eo biển Đài Loan làm vạch ranh giới, người trong lục địa, kẻ ở đảo xa, song cuộc cờ vẫn chưa ngưng nghỉ. Cho phép chúng tôi tạm dừng phần biên dịch của mình ở thế cờ này, vì sau đó đàm phán Trùng Khánh giữa Quốc - Cộng có xảy ra đi nữa. Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch có bắt tay, chúc rượu đi nữa, tất cả chỉ là chiến dịch, chiến thuật mà thôi, còn đường lối, chiến lược thì hai ông đã bất biến từ lâu tại Thất Đại và Lục Toàn rồi. Bạn đọc sẽ đoán nhận ra ngay chung cuộc, hà tất phải tốn nhiều bút mực, xin chuyển sang một nhân vật khác trên chính trường Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình.

## **LÝ KIẾN**

# **ĐẶNG TIÊU BÌNH BA LẦN VÀO RA TRUNG NAM HẢI**

## 1. BỊN RỊN TÂY NAM

Trùng Khánh một ngày đầu thu, sương mù dần tan, sừng sững những rặng núi, rừng cây, lầu các ở đôi bờ nơi hội lưu của Gia Lăng Giang với Trường Giang, cả Trùng Khánh, cả Tứ Xuyên và cả Tây Nam hôm nay vui buồn lẫn lộn khi tiễn người con của quê hương về kinh đô nhận lãnh một trọng trách cao cả và nặng nề hơn. Đoàn xe xuất phát từ cơ quan Cục Tây Nam đã tiến đến phi trường, một người trung niên dáng vóc thấp nhỏ, vai bành, bước ra khỏi xe, lần lượt bắt tay từng cán bộ Đảng, chính quyền, quân đội đi tiễn và nhanh nhẹn lên cầu thang máy bay vẫy tay chào tạm biệt. Đó là Đặng Tiểu Bình, lúc bấy giờ là Bí thư thứ nhất Cục Tây Nam Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó chủ tịch Quân uỷ Tây Nam, Chính uỷ Quân khu Tây Nam, thành viên của Chính phủ nhân dân trung ương, Quân uỷ trung ương và Ban chấp hành Hội hữu nghị Trung - Xô.

Máy bay vút khỏi phi trường, lao vào không trung. Đặng Tiểu Bình nép mình bên ô cửa, lơ đãng nhìn mây trắng bồng bênh và chìm vào suy tưởng giữa vùng trời Tây Nam cao rộng.

Ôi, Tây Nam, sơn hà nơi biên ải, là Tứ Xuyên - mảnh đất “Thiên phủ chi quốc” thuở xưa, từng là lãnh thổ của hai tiểu quốc Thục Ba, nơi địa linh nhân kiệt với Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lưu Bị, Khổng Minh; là Tây Khang núi cao vực thẳm mà ngày nay một phần nhập về Tứ Xuyên còn phần kia nhập với Tây Tạng - quê hương của đồng bào Tạng; là Vân Nam, là Quý Châu, nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em. Người ta vẫn chưa quên, khi đại pháo mừng ngày thành lập nước cộng hoà nhân dân âm vang trên bầu trời quảng trường Thiên An Môn, thì chiến trường Tây Bắc, Hoa Nam đang tan khói súng và cả Tây Nam vẫn là nơi cố thủ của toàn quân Quốc dân đảng. Sau đó ngày 1 tháng Chạp 1949, đại quân từ nhiều cánh do Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình, Hạ Long chỉ huy tiến vào giải phóng Tây Nam, giải phóng Trùng Khánh... và cuối cùng đến mùa xuân 1951, mới là Tây Tạng. Hồi tưởng lại những người chỉ huy quân, chính, đảng ở Tây Nam, Đặng Tiểu Bình tóm tắt: “90 vạn, 60 triệu và 600 trăm ngàn”, đó là nhiệm vụ trả lại cuộc sống làm ăn lương thiện cho 90 vạn quân lính của Tưởng Giới Thạch không thể cùng quan thầy chạy ra Đài Loan, là 90 vạn đồng bào anh em, xưa hai chiến hào, nay cùng một chiến trận đánh thắng “nhất cùng nhì bạch” (một nghèo hai trắng). Đó là nhiệm vụ ổn định cuộc sống cho 60

triệu người dân Tây Nam, là biến đội quân chiến đấu 600 ngàn lính thành đội quân công tác và vận động quần chúng. Những ngày Tây Nam bận rộn với bao nhiêu công việc của một nhà nước cộng hoà non trẻ ở rất xa trung ương. Thật số phận khéo an bài, 29 năm trước đây, từ bến cảng Trùng Khánh, chàng trai Đặng Hi Hiền mới 16 tuổi, trẻ nhất, nhỏ nhất trong toán thanh niên Tứ Xuyên xuống tàu xuôi Trường Giang, ra cửa Thượng Hải, vượt trùng dương, sang tận thành phố lớn thứ hai của nước Pháp là Marseille kiếm việc làm để có tiền ăn học, thì hôm nay là nhà cách mạng Đặng Tiểu Bình 45 tuổi trở về Trùng Khánh, trở về quê hương với trọng trách, không chỉ giải phóng mà còn xây dựng...

Đặng Tiểu Bình sinh ngày 22 tháng tám năm 1904, nhằm ngày 2 tháng bảy năm Giáp Thìn, trong một gia đình thân hào phú hộ thôn Bài Phường, xã Hiệp Hưng, huyện Quảng An, tỉnh Tứ Xuyên. Lúc nhỏ được đặt tên là Tiên Thánh, sau đổi lại Hi Hiền, là con thứ nhưng là trai trưởng của ông Đặng Thiệu Xương, tự Văn Minh, và bà Đàm Thị. Văn Minh có bốn đời vợ thuộc bốn họ Trương, Đàm, Tiêu, Hạ. Bà nhất thì không có con, bà hai là mẹ đẻ của Đặng Tiểu Bình, sinh được một gái đầu và ba trai (Đặng Tiên Liệt, Đặng Tiểu Bình, Đặng Khẩn, Đặng Thục Bình) bà ba sinh được một trai, bà tư sinh được hai trai, ba gái. Mẹ đẻ của ông mất sớm, nên sau này khi trở về Trùng Khánh, Đặng Tiểu Bình đã mời kế mẫu là bà tư Hạ Bá Căn từ quê lên ở chung cùng gia đình, họ sống nền nếp với tôn ti trật tự - bà nội, cha mẹ và con cái.

Năm lên 5, Văn Minh đã mời thầy về nhà dạy cho Hi Hiền, 6 tuổi cậu bé vào tiểu học sơ cấp xã Hiệp Hưng, 11 tuổi lên tiểu học cao cấp huyện Quảng An, 14 tuổi thi đậu vào trung học huyện Quảng An. Việc học hành của cậu bé Hi Hiền nói chung là thuận buồm xuôi gió, nhưng để đến được với nền văn minh châu Âu, cha cậu đã xin cho theo học tại Trường dự bị cần công kiêm học Trùng Khánh chuẩn bị xuất dương sang Pháp. Ngày 7 tháng chín năm 1920, sau khi được Tổng lãnh sự Pháp tại Trùng Khánh trực tiếp sát hạch, Hi Hiền cùng 79 bạn khác xuống tàu đi Marseille. Năm ấy, ông tròn 16 tuổi. Năm 1926, Đặng Tiểu Bình rời Paris, xuyên Đông Âu về Nga học trường đại học Phương Đông Tôn Trung Sơn, đó là tất cả học trình tại giảng đường của ông, còn lại sau này đều là trường đời khúc khuỷu, đa dạng, phong phú đã đào luyện nên con người ấy.

Từ Nga, vượt qua thảo nguyên Mông Cổ, Đặng Tiểu Bình về nước vào đúng lúc chiến tranh Bắc phạt. Với tư cách là uỷ viên chính trị, ông đứng trong quân đoàn Phùng Ngọc Tường của Quốc dân đảng ủng hộ

Tướng Giới Thạch tiến hành Bắc phạt. Sau khi thắng lợi, Tướng Giới Thạch phản bội cách mạng, gây nên vụ thảm sát “4.12” ở Thượng Hải, giết hại nhiều chiến sĩ cộng sản từng hợp tác với Quốc dân đảng. Đặng Tiểu Bình cũng bị Phùng Ngọc Tường cho thôi việc. Từ Tây An, ông về Hán Khẩu và tiếp tục bôn ba vì sự nghiệp của đảng. Năm 1938, lúc Đặng Thiệu Xương bị thô phi chặt đầu, Đặng Tiểu Bình đang chỉ huy kháng Nhật ở Thái Hành Sơn, mọi công việc hậu sự cho cha, ông phải cậy nhờ kế mẫu - bà Hạ Bá Căn, và em trai Đặng Thục Bình lo liệu. Rong ruổi tháng ngày nơi trận mạc, thoát đà hai mươi năm, nay cầm quân trở về nơi chôn rau cắt rốn. Lúc này Đặng Tiểu Bình đã vào tuổi 45, có vợ là Trác Lâm và 3 con là Đặng Lâm (trưởng nữ), Đặng Phác Phương (con thứ nhưng trưởng nam), Đặng Nam (thứ nữ). Những ngày ở Trùng Khánh, họ có thêm con gái là Đặng Dung, con trai là Đặng Chất Phương.

Nhớ lại những năm chiến đấu gian khổ để giành chính quyền về tay nhân dân, lập nên chế độ cộng hoà ở Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình nói: “Trong 23 năm, thì chúng ta hầu như đã phải trải qua 21 năm khó khăn. Vậy có cửa thắng lợi nào không? Theo tôi, có đến hai. Ấy là lúc Nhật Bản đầu hàng, nhiều người cho rằng thế là hạnh phúc rồi, không còn kẻ thù nữa, nhưng Đảng đã phản đối luận điểm đó và chúng ta bước qua cửa thắng lợi thứ nhất. Và giờ đây chính là cửa thắng lợi thứ hai - Đảng giành được chính quyền trên phạm vi toàn quốc”.

Đang khi công việc củng cố chính quyền ở Tây Nam tiến triển thuận lợi, Đặng Tiểu Bình và các chiến hữu của ông tuy vận quân phục nhưng chỉ huy toàn diện mọi lĩnh vực trên một vùng lãnh thổ quan trọng của Trung Quốc, và cuộc sống gia đình ông vào nhịp hạnh phúc yên vui thì có lệnh điều động “lai triều”, lại một lần nữa ra đi từ Trùng Khánh, từ Tứ Xuyên - quê hương ông.

Là trọng trách, nhưng công việc gì. “Thôi đợi lên Bắc Kinh sẽ rõ”, Đặng Tiểu Bình thăm nghĩ và thiếp đi trong, giấc mộng hoài hương.

## 2. VÀO TRUNG NAM HẢI

Chiếc máy bay IL-14 đưa người của “Thiên phủ chi quốc” từ miền Tây Nam về kinh đã hạ cánh an toàn trên phi trường Tây Giao. Đó là một ngày đầu thu năm 1952, lá dương liễu vẫn xanh và đung đưa dọc theo những con lộ dẫn về Cảnh Sơn, Cố Cung. Tổ chức bố trí Đặng Tiểu Bình và gia đình ở tại Tường An trên Cảnh Sơn đông lộ, vốn là lâm viên của hoàng gia vương triều thuở xưa, một vùng đất cao và bằng của kinh thành. Từ máy bay nhìn xuống, Cảnh Sơn tựa như phần bụng của Phật Di Lặc. Sau đó không lâu, gia đình ông được chuyển về khu gia cư trong Trung Nam Hải, nhà số 3 phía tây Hoài Nhơn Đường, quần tụ thành một “làng” lãnh đạo và những người phục vụ. Trung Nam Hải nằm mạn tây của Cố Cung gồm Trung Hải và Nam Hải, hợp với Bắc Hải thành Tam Hải rộng trên 1500 mẫu với 700 mẫu mặt nước, khai tạo từ thời Kim Nguyên và Minh Sơn, kiến trúc cổ xưa mà tráng lệ, cảnh quan thiên nhiên đẹp đẽ, là nơi thưởng ngoạn của du khách. Khi kiến quốc năm 1949, nhà nước dành riêng Bắc Hải là công viên nổi tiếng của Bắc Kinh cho du lịch, còn quy định Trung Nam Hải là địa sở của Trung ương đảng và chính phủ, vào được Trung Nam Hải là ngụ ý vào được tập thể những người lãnh đạo cao nhất của Đảng và nhà nước trung ương.

Quả nhiên, ngày 7 tháng tám năm 1952, tại hội nghị của Chính vụ viện (từ đây xin dịch là Chính phủ - ND) Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình được bầu làm Phó Tổng lý (từ đây xin dịch là Phó thủ tướng - ND) kiêm Phó chủ nhiệm Ủy ban tài chính - kinh tế. Cấp trên của ông là Thủ tướng Chu Ân Lai, từng là chiến hữu ở Paris và Thượng Hải trong những năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài và trong vòng bí mật, nay lại có cơ hội hợp tác với nhau. Được điều về kinh đô làm việc bên cạnh nhà ngoại giao lỗi lạc, chẳng mấy chốc, Đặng Tiểu Bình trở thành người phát ngôn của Chính phủ Trung Quốc và nhanh chóng bước lên chính trường Quốc tế.

Đầu những năm 50, cuộc sống yên ắng, gia đình vợ chồng con cái và người phục vụ đều sống trong dinh phủ. Cũng những năm đó, bạn bè chiến hữu từng khét tiếng khắp bốn phương quần tụ về kinh, ngoài công cụ nơi sở đường, họ thường gặp nhau vào ngày cuối tuần, lễ tết, chung vui cho bổ lúc cơ hàn nơi trận mạc.

Cuối năm 1952, Cao Cương từ Hoa Bắc, rồi đầu năm 1953, Nhiều Thấu Thạch từ Hoa Đông cũng được điều về Bắc Kinh như Đặng Tiểu Bình.

Cao Cương nổi danh là “quân phiệt Đông Bắc”, sau khi thành lập nước cộng hoà, ông từng đảm nhiệm các chức vụ trọng yếu trong chính phủ. Quyền lực của Cao Cương không ở Bắc Kinh mà ở Thẩm Dương - trung tâm công nghiệp của vùng Đông Bắc. Về cấp bậc, ông giống như Đặng Tiểu Bình, cũng là Bí thư thứ nhất của Cục Trung ương; Đặng ở Tây Nam, Cao ở Đông Bắc, nhưng vị trí thì cao hơn vì Đông Bắc trỗi lên bởi đó là vùng công nghiệp, là hậu phương trực tiếp cho chiến trường Triều Tiên và là cầu nối sang Liên Xô. Ngày 1 tháng mười năm 1952, tại lễ Quốc khánh ở Thẩm Dương, đội ngũ diễu hành đã hô vang “Cao Cương muôn năm” mà không hề hô “Mao Chủ tịch muôn năm”. Năm ấy, Trung ương điều Cao về Bắc Kinh và giao cho đảm nhiệm chức vụ Phó chủ tịch nước kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban kế hoạch.

Lúc này, Trung ương đang tích cực chuẩn bị cho Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ nhất và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 8 của Đảng. Cao, Nhiều định tiếm quyền. Tại Hội nghị tài chính kinh tế toàn quốc tổ chức vào mùa hè năm 1953, Cao Cương và phe nhóm của ông đã phát biểu vô nguyên tắc, tạo ra sự tranh cãi trong Đảng. Ngoài hội nghị, họ công kích Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai, đề cao Cao Cương. Mùa thu năm đó, tại Hội nghị công tác tổ chức toàn quốc, Cao và Nhiều đã phối hợp hành động chống lại Lưu Thiếu Kỳ, rồi Cao đi miền Nam kích động gây bất mãn trong hàng ngũ cán bộ cấp tỉnh.

Cao Cương đưa ra “Quân đảng luận” chia Trung Cộng thành hai bộ phận: “Đảng của quân đội và khu căn cứ” và “Đảng của khu trắng”, ông quả quyết “Đảng là do quân đội sáng lập nên” và tự xưng mình là đại biểu cho bộ phận “Đảng của quân đội và khu căn cứ”. Cao Cương cho rằng, hiện nay cơ quan Trung ương Đảng và Nhà nước đều nằm trong tay “Đảng của khu trắng”, cần phải “cải tổ”. Mùa đông năm 1953, theo thường lệ, Mao Trạch Đông đi nghỉ, uỷ quyền cho Lưu Thiếu Kỳ chủ trì công việc của Trung ương, Cao lại càng lòng lộn đòi phải giao cho ông ta chức vụ Tổng bí thư hoặc Phó Chủ tịch Đảng, và còn đòi thay cả Thủ tướng.

Đặng Tiểu Bình vừa là Phó thủ tướng, vừa kiêm chức vụ lãnh đạo Cục Tây Nam, thêm vào đó là quyền uy không ai tranh giành nổi ở Phương diện quân thứ 2, và đặc biệt là sự tín nhiệm và trọng thị của Mao Trạch Đông, nên Cao Cương định lôi kéo ông về ê-kíp nhưng đã bị cự tuyệt.



Năm 1983, trong một bài phát biểu, Đặng Tiểu Bình cho biết: “Sự việc này, tôi đã rõ. Cuối năm 1953, sau khi đồng chí Mao Trạch Đông đề xuất Trung ương phân một tuyến, hai tuyến, Cao Cương hoạt động rất tích cực. Đầu tiên ông được Lâm Bưu ủng hộ nên mới dám phóng tay cao như vậy. Lúc bấy giờ Đông Bắc là của ông ta, Trung Nam của Lâm Bưu, Hoa Đông của Nhiêu Thấu Thạch. Đối với Tây Nam, ông cũng đã lôi kéo và chính thức đàm phán với tôi, nói là Lưu Thiếu Kỳ không thành thực, vêu cầu tôi cùng ông đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ. Tôi đã thể hiện rõ thái độ của mình, chỉ rõ vị trí trong đảng của Lưu Thiếu Kỳ là sự hình thành của lịch sử, nhìn chung đồng chí Lưu Thiếu Kỳ là tốt, thay đổi sự hình thành của lịch sử là không chính đáng”.

Trần Vân và Đặng Tiểu Bình cự tuyệt sự lôi kéo của Cao Cương và lập tức phản ánh với Mao Trạch Đông về âm mưu lật đổ Lưu Thiếu Kỳ.

Nghe xong Mao Trạch Đông hỏi: “Mưa nguồn chưa tới nhà gió đã ập về, chờ gió từ phương nào vậy?”

Đặng Tiểu Bình suy nghĩ hồi lâu rồi trả lời rất nghiêm túc: “Tại kì vị mưu kì chính - người trong chức vị mà lo công việc của mình, ấy là điều nên làm. Bất tại kì vị nhi dục mưu kì chính - ngược lại, kẻ ngoài chức vị mà cứ muốn xía vào công việc của người khác, đó chỉ tổ tác oai tác quái”.

Mao Trạch Đông lắng nghe, ngẫm nghĩ rồi gật đầu lia lịa. Thế là Đặng Tiểu Bình đã biểu thị thái độ ủng hộ Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai, mặt khác cũng cảnh tỉnh Mao Trạch Đông: nếu trong Đảng có nguy cơ “bất tại kì vị nhi dục mưu kì chính” thì không khỏi mất ổn định.

Ngày 3 tháng chạp năm 1953, trong Hội nghị Bộ chính trị, Mao Trạch Đông đã nói: “Nay Bắc Kinh có hai bộ Tư lệnh, một do tôi làm tổng, đó là thổi gió dương đốt lửa dương, và một do người khác làm tổng, đó là thổi gió âm, đốt lửa âm, là một dòng nước ngầm”, đã gián tiếp cảnh cáo nghiêm khắc các hoạt động âm mưu của Cao, Nhiêu.

Tháng hai năm 1954, Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng lần thứ 4 khoá 7 tiến hành phê phán Cao, Nhiêu. Mao Trạch Đông không tham dự hội nghị, mà giao cho Lưu Thiếu Kỳ chủ trì, bí thư thứ nhất các tỉnh đều có mặt. Hội nghị nhất trí thông qua “Quyết định về tăng cường đoàn kết trong Đảng”, sau đó Ban bí thư lại họp, tiếp tục vạch trần âm mưu của Cao, Nhiêu. Cuối cùng Cao, Nhiêu đã tự sát, tháng tư năm ấy, Đặng Tiểu Bình tiếp quản chức vụ Trưởng ban tổ chức Trung ương thay Nhiêu Thấu Thạch mà không một ai phản đối. Tháng ba năm sau - 1955, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng, Đặng Tiểu Bình đã trình bày báo cáo “Liên minh

chống Đảng Cao, Nhiêu”, hội nghị thông qua quyết định khai trừ Cao Cương và Nhiêu Thấu Thạch ra khỏi Đảng. Cũng từ đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc bắt đầu lập nên uỷ ban kiểm tra các cấp, ở cấp trung ương lúc bấy giờ do Đồng Tất Vũ làm chủ nhiệm.

Năm ấy, tại Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng lần 5, khoá 7, Đặng Tiểu Bình và Lâm Bưu cùng được bầu là Ủy viên Bộ Chính trị.

Như vậy là Đặng Tiểu Bình và gia đình lên Bắc Kinh đã được 3 năm. Ba năm trên chính trường, “trí dũng song toàn”, ông đã vào Trung Nam Hải, và bước lên nấc thang uỷ viên Bộ Chính trị. Tháng hai năm 1956, là thành viên trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc đi dự Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô, đến tháng chín năm đó, tại Đại hội lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông đã trình bày báo cáo “Sửa đổi điều lệ Đảng” và lại leo lên một nấc thang nữa - Tổng bí thư, cùng với Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Trần Vân hình thành uỷ ban thường vụ Bộ chính trị.

Đến đây, màn một đã hạ, người đời sau ngoài nhìn lịch sử mà nhận xét rằng: tận hưởng Tây Nam, Mao Trạch Đông hân hoan chọn tướng; trọng trách Bắc phương, Đặng Tiểu Bình vào Trung Nam Hải. Vị tướng này sẽ hành xử ra sao trên chính trường “tả”, “hữu”? xin nán đợi sang màn sau sẽ rõ.

### 3. LỜI TỰ TRÁCH MUỘN MÀNG

Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô kết thúc, Chu Đức - trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp tục đi thăm một số thành phố phía nam, Đàm Chấn Lâm ở lại Mạc Tư Khoa chữa bệnh, còn Đặng Tiểu Bình và Sur Triết lập tức bay về Bắc Kinh. Trên máy bay, nhiều lần Sur Triết muốn hỏi Đặng Tiểu Bình ý kiến nhận xét về Đại hội, nhưng ông không hề thổ lộ một lời nào. Khi nhận được bản tốc kí báo cáo của Khrusov đọc suốt đêm 24 rạng 25 tháng hai năm 1956 “Về sùng bái cá nhân và hậu quả của nó”, mà 55 đoàn đại biểu các đảng anh em đều không được mời dự phiên họp bí mật đó, các thành viên đoàn đại biểu Trung Quốc có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng nhanh chóng thống nhất là phải báo cáo về nước. Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp thảo luận và thông qua bài đăng trên *Nhân Dân nhật báo* ngày 5 tháng tư năm 1956 “Về kinh nghiệm lịch sử của chuyên chính vô sản”, mở đầu một đường lối tả khuynh do Mao Trạch Đông khởi xướng kéo dài suốt 20 năm. Từ bài học của Liên Xô, những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình đã nhận thức được sự cần thiết phải phòng ngừa cách thống trị độc tài kiểu Stalin và phản đối việc sùng bái cá nhân. Còn Mao Trạch Đông bắt đầu chú ý “chống xét lại”, “chống giai cấp tư sản” ở Trung Quốc, và sau đây là bản đạo đầu.

Tháng 5 năm 1956, mùa xuân vội vàng ra đi, mùa hè lẹ làng ập tới, Bắc Kinh nóng vô cùng, nóng vì thời tiết, nóng vì chính trị với chủ trương của Đảng “bách hoa tề phong, bách gia tranh minh” (trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng). Ngày 26 tháng 5, Lục Định Nhất thay mặt Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nói chuyện trước giới trí thức thủ đô là Đảng chủ trương “trăm hoa đua nở” đối với công tác văn nghệ và “trăm nhà đua tiếng” đối với công tác khoa học, rằng chủ trương đó đã được Mao Trạch Đông tuyên bố tại hội nghị tối cao của Quốc vụ viện.

Tháng ba năm sau, tại hội nghị công tác tuyên truyền toàn quốc với sự tham dự của 800 cán bộ tư tưởng của đảng. Mao Trạch Đông đã trình bày sự đánh giá cao của trung ương đối với thành phần trí thức. Theo ông, tuyệt đại đa số tán thành chế độ xã hội chủ nghĩa, một thiểu số tuy không hoan nghênh lắm nhưng vẫn yêu nước, còn lại rất ít là thù địch, vì vậy cải tạo trí thức là cần thiết và trí thức phải kết hợp với công, nông. Trăm hoa

đua nỏ, trăm nhà đua tiếng là phương châm lâu dài của Đảng, phải mạnh tay “phóng” cho mọi người dám phát biểu, dám phê bình, dám tranh luận. Tiếp đến, ngày 27 tháng tư năm 1957, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức: ban bố “chỉ thị chỉnh phong”. Thế là trong chỉnh, ngoài phê, bao nhiêu cuộc toạ đàm, bao nhiêu buổi sinh hoạt tổ nhóm để nghe ý kiến của quần chúng được tổ chức, đâu đâu cũng thấy “tề phóng” đâu đâu cũng nghe “tranh minh”. Ngày 19 tháng 5 năm 1957, những tờ báo chữ to bắt đầu dán trong các trường đại học nặc danh phê bình cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền một cách táo bạo hơn. Trúng kế rồi, nhân đại phóng, đại minh, đại tự báo, đại tranh luận mà “cổ đại”, mà “tiếng lạ” đã lộ hình, đã rõ âm, bị tóm gọn trong một rọ - phần tử hữu khuynh chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội.

Tháng sáu, cuộc phản kích hữu khuynh bắt đầu. Tháng bảy, tại Thanh Đảo, trước hội nghị bí thư các tỉnh thành, Mao Trạch Đông chỉ rõ quan hệ giữa chỉnh phong và chống hữu, ông mới tiết lộ kế hoạch bốn giai đoạn: giai đoạn đại minh đại phóng, giai đoạn phản kích, giai đoạn sửa đổi điều chỉnh, giai đoạn mỗi người tự nghiên cứu văn kiện, phê bình phản tỉnh và nâng cao. Ngày 29 tháng 6, bộ chỉ huy chống phái hữu quy định phải điểm danh, Bắc Kinh 400 người, cả nước 4000 người. Mười ngày sau, “chỉ tiêu” đó nâng lên 800, 8000. Đến tháng chín, báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá 8, con số phần tử hữu khuynh là 6 vạn và cuối chiến dịch, vào mùa hè năm 1958 lên tới 55 vạn.

Cuộc chiến đấu chống hữu khuynh mở rộng đến các huyện, khu, nhà máy, hầm mỏ.

Nội bộ nhân dân bị phân chia thành ba phái hữu khuynh, trung lập và tả khuynh. Trong phần tử hữu khuynh lại vạch rõ loại cực hữu, xếp họ về phía bên kia giới tuyến - thù địch chính trị với nhân dân, nâng thành mâu thuẫn đối kháng địch ta. Từ số lượng, tính chất cuộc vận động chống hữu khuynh đã toả lan, cộng thêm phương pháp đấu tranh lại là “tứ đại” (đại minh, đại phóng, đại biện luận, đại tự báo) nên mức độ và kết quả càng nghiêm trọng. Nhiều đồng chí trung trình, nhiều bạn bè hợp tác đã lâu dài với Đảng, nhiều trí thức tài năng, thanh niên nhiệt huyết v.v... bỗng nhiên trở thành kẻ thù làm cho nhà nước tổn thất không biết là nhường nào. Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá 8 đã đi đến một kết luận khác hẳn với Hội nghị lần thứ nhất và cho rằng mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Trung Quốc là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa đường lối xã hội chủ nghĩa và đường lối tư bản chủ nghĩa, quy định hai giai cấp bóc lột và hai

giai cấp lao động: địa chủ mại bản, phần tử hữu khuynh bị đánh đổ cùng bè lũ phản động và tư sản dân tộc đang tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa với phần tử trí thức của họ đều thuộc về bóc lột, chỉ có công nông là lao động.

Cuộc vận động chống hữu khuynh tuy đã im ắng nhưng việc tranh luận về quan điểm vẫn còn âm ỉ. Trước cơn lốc chính trị vừa kể, nhân vật chính của cuốn sách này - ông Đặng Tiểu Bình - đã chống chọi ra sao? Theo “Đặng Tiểu Bình truyện” do một kí giả người Đức ghi lại và nhà xuất bản Cam Túc ấn hành năm 1989 thì: khi nghe tin “đại dân chủ” ông nghĩ đến chủ nghĩa vô chính phủ, cho nên lần đầu tiên đứng trước người đã từng hợp tác trong suốt 24 năm, Đặng Tiểu Bình phản đối quyết định của Chủ tịch Mao Trạch Đông, ông sợ “trăm nhà đua tiếng” sẽ đẩy lên phong trào quần chúng chống lại Đảng Cộng sản, ông không tin tưởng nhân tố tự phát, nhân tố vô tổ chức, ông cho rằng nơi lòng quản lí của Đảng sẽ xuất hiện hỗn loạn không thể nào điều khiển nổi.

Tác giả người Đức hình như thiếu cân cứ khi đi đến kết luận nêu trên, vì tháng ba năm 1979, khi nói chuyện với hội nghị công tác lí luận của Đảng, Đặng Tiểu Bình đã kể lại rằng: “kiên trì chấp hành phương châm trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Rồi tháng mười năm đó, trong lời chúc Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ 4, ông lại phát biểu: “Chúng ta phải tiếp tục ủng hộ phương châm văn nghệ phục vụ quần chúng nhân dân mà trước hết là công nông binh do đồng chí Mao Trạch Đông đề xướng, ủng hộ phương châm trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng, ôn cố tri tân, học tập tinh hoa của nước ngoài, của vốn cổ. Về nghệ thuật, chúng ta chủ trương tự do phát triển phong cách và hình thức khác nhau trong sáng tác, tự do thảo luận quan điểm và trường phái khác nhau trong lí luận”.

Đó là lời nói của ông khi Mao Trạch Đông đã qua đời đúng 3 năm 1 tháng, và còn đây là sự tự phê bình muộn màng sau 23 năm mà ông Đặng Tiểu Bình đã trình bày tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 5 khoá 11, năm 1980: “Trong phong trào chống hữu khuynh năm 1957, chúng ta là phần tử tích cực. Tôi có trách nhiệm về việc mở rộng phong trào vì lúc ấy tôi là Tổng bí thư”.

Nhưng, Đặng Tiểu Bình lại bổ sung; “Đấu tranh chống hữu khuynh năm 1957 là tất yếu và đúng đắn. Nói một cách đơn giản; đấu tranh tự nó không có gì là sai, vấn đề ở chỗ mở ra quá rộng”.

Có lẽ phải đợi nhiều chương hồi nữa mới rõ được suy nghĩ của ông Đặng Tiểu Bình mà kể sau đây lại là một cơn lốc: đại nhảy vọt.

## 4. CÙNG NÓNG ĐẦU THEO CƠN SỐT

Tám giờ sáng ngày 2 tháng mười một năm 1957, Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình và các thành viên của đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc đáp máy bay TU-104 sang Mạc Tư Khoa dự hội nghị các đảng Cộng sản và đảng Công nhân. Mặc dầu có những bất đồng với Đảng Cộng sản Liên Xô và Khrusov, nhưng Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình đều biểu thị sự khâm phục trước các thành tựu kinh tế của Liên Xô, đặc biệt là sự thành công của chuyện phóng vệ tinh nhân tạo. Trong hội nghị, Liên Xô đề xướng là sau 15 năm sẽ đuổi kịp và vượt Mỹ, Mao Trạch Đông cũng phát biểu sẽ đuổi kịp và vượt Anh về sản lượng gang thép sau 15 năm. Từ Liên Xô về nước, Mao Trạch Đông rất quyết tâm “đuổi kịp và vượt”.

Tháng giêng và tháng ba năm 1958, tại hội nghị Nam Ninh và Thành Đô, trước cử toạ là một số trung ương uỷ viên và lãnh đạo các tỉnh, thành, Mao Trạch Đông nghiêm khắc phê bình phái chống mạo hiểm. Xoay quanh việc đánh giá tình hình kinh tế năm 1956 và xây dựng kế hoạch năm 1957 đã dấy lên một cuộc tranh luận gay gắt, Mao Trạch Đông chủ trương nâng cao chỉ tiêu kế hoạch, còn Chu Ân Lai và nhiều người khác thì cho rằng thả chậm một tí mà ổn định thì vẫn hơn, nên tính toán các chỉ tiêu một cách thận trọng, thấp thua Mao.

Trần Vân nhấn mạnh quy mô xây dựng phải tương xứng với lực lượng, muốn thực hiện kế hoạch thì phải chuẩn bị đủ vật tư, tài chính, cân bằng vay và trả, ông cho rằng Trung Quốc là một nước lớn, sự ổn định kinh tế là cực kì quan trọng. Ngày 10 tháng mười một năm 1956, Hội nghị Trung ương lần thứ 2 khoá 8 thảo luận về kế hoạch năm 1957, Chu Ân Lai đưa ra phương châm “bảo đảm trọng điểm, thu hẹp vừa phải”, còn Mao Trạch Đông: “Có tiến có lùi, chủ yếu vẫn là tiến, phải nuôi dưỡng tính tích cực của nhân dân và cán bộ, không nên dội nước lạnh lên đầu họ”, Mao rất bức phải chống mạo hiểm, nhưng không nói rõ ra. Phần mình, là Tổng bí thư, Đặng Tiểu Bình điềm tĩnh phân tích và cuối cùng tán thành phương châm ổn định. Theo đa số, nghị quyết được thông qua. Sau này, Mao cho rằng mình đã thoả hiệp, nên trong hội nghị Nam Ninh và Thành Đô, ông đã có cơ hội đáp lại phái chống mạo hiểm.

Tháng mười năm 1957, Trung ương họp lần thứ 3, ngoài việc thảo luận về chỉnh phong, chống phái hữu còn bàn về vấn đề nông thôn. Khi

nghe lãnh đạo các địa phương nhắc lại “xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách nhanh, nhiều, tốt, rẻ”, Mao Trạch Đông vui vẻ hăng lên, nhân đó ông chỉ trích những người của phái chống mao hiểm, rằng họ đã quét sạch “cương lĩnh 40 điều về phát triển nông thôn và phương châm nhanh, nhiều, tốt, rẻ”, rằng họ đã tiếp sức hà hơi cho bọn hữu khuynh chống lại Đảng, rằng họ cũng là phần tử hữu khuynh. Ngày 3 tháng mười năm 1957, *Nhân Dân nhật báo* ra xã luận viết: Có một số người mắc bệnh hữu khuynh bảo thủ, họ như con sên bò chậm chạp, họ không biết rằng sau khi hợp tác hoá thành công, chúng ta có điều kiện tất yếu để nhảy vọt trên một mặt trận nông nghiệp”.

Đó là dự báo cho một cơn sốt sắp ập tới.

Tại hội nghị Nam Ninh và Thành Đô, Chu Ân Lai và Trần Vân đã phải kiểm thảo vì “làm nhụt chí 600 triệu nhân dân Trung Quốc, phạm phải sai lầm về phương hướng chính trị”.

Phái chống mao hiểm đã “dọn” xong, tháng 5 năm 1958, Hội nghị Trung ương cử hành tại Bắc Kinh đã thông qua chủ trương “đẩy đủ sức mạnh, vươn lên xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách nhanh, nhiều, tốt, rẻ”. Chỉ tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ hai đều phải điều chỉnh lại so với ban đầu đã thông qua tại Hội nghị Trung ương lần thứ 1 khoá 8, gang thép từ 12 triệu tấn lên 30 triệu tấn; lương thực từ 250 triệu tấn lên 350 triệu tấn. Thế là nhảy vọt đã bắt đầu từ những trang nghị quyết của Hội nghị trung ương. Chẳng mấy chốc tinh thần nhảy vọt được báo chí thổi phồng, đã lan tràn ra cả nước. Vụ hè năm ấy các địa phương đều báo cáo sản lượng lương thực với Trung ương tinh thần nhảy vọt mà không cần theo thực tế. Người ta tuyên truyền trên báo chữ lớn “người có gan như thế nào, thì đất sẽ cho sản lượng như thế ấy”.

Ngọn gió khuếch đại cao chỉ tiêu, cao sản lượng đã thổi sang lĩnh vực quan hệ sản xuất, một khi sức sản xuất đã không lồ như vậy, nhẽ nào lại cứ bảo thủ giữ mãi quy mô hợp tác xã bé tí, và chế độ sở hữu lạc hậu! Quả nhiên, Trung ương ra chỉ thị nâng hợp tác xã nhỏ lên hợp tác xã to, thí nghiệm loại hợp tác xã một ngàn đến một vạn hộ.

Tháng bảy, tháng tám năm ấy, tạp chí của Đảng Cộng sản Trung Quốc “*Hồng Kỳ*” và *Nhân Dân nhật báo* công khai tuyên truyền tư tưởng của Mao Trạch Đông: “Tổ chức quần chúng sĩ, nông, công, thương, binh vào một công xã, và đó là đơn vị cơ sở của xã hội Trung Quốc”. Mới hay tin trên báo mà Hà Nam, Sơn Đông đã đua nhau xây dựng công xã. Ngay sau đó hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị đã được triệu tập tại Bắc Đới Hà

chẳng những không uốn nắn chiều hướng khoa trương, báo cáo sai sự thật tạo nên tình hình giả, mà còn ủng hộ, hả hê, vui mừng với những “thành tựu” hư ảo ấy và các chỉ tiêu lại được bốc lên vùn vụt. Hội nghị Bắc Đới Hà quyết định xây dựng công xã nhân dân ở nông thôn, xem đây là phương châm cơ bản chỉ đạo nông dân đẩy nhanh xây dựng chủ nghĩa xã hội, quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Trước mắt hãy còn sở hữu tập thể, chưa vội đưa lên hình thức cao hơn vì nhanh thì ba bốn năm, chậm thì năm sáu năm là thực hiện sở hữu toàn dân thôi, xem ra “chủ nghĩa cộng sản không còn xa nữa”, có người đã cảm khái như vậy.

Sau hội nghị, thời gian chỉ còn có 4 tháng mà sản lượng gang thép mới đạt 4 triệu tấn, phù phép sao đây để cả năm phải là 10, 7 triệu tấn. Thế là một phong trào toàn dân làm gang thép đã lập tức được phát động. 90 triệu người dưới sự chỉ huy của các bí thư đảng lên rừng chặt cây đốt than, tìm mỏ quặng, luyện gang thép, lò cao mọc lên như nấm, ban đêm lửa rực cả một đại lục, các nhà máy gang thép thực thụ cũng bỏ luôn cả “công nghệ sách vở” để hoà mình với quần chúng theo phương pháp thủ công. Cuối năm đó, 1958, sản lượng gang thép vượt lên 11, 08 triệu tấn, nhưng phế phẩm đã là 3, 08 triệu tấn.

Nông nghiệp có “công xã nhân dân”, công nghiệp có “toàn dân làm gang thép” vậy các ngành khác thì sao? “Một ngựa tiên phong, vạn con cùng đuôi”, tinh thần nhảy vọt vì thế mà đến với cả người làm thơ, vẽ tranh.

Nghị quyết Bắc Đới Hà được thực hiện nhanh như bão táp, chỉ 4 tháng mà 90% nông dân Trung Quốc đều tham gia vào 26 ngàn công xã, hồi ấy người ta tuyên truyền công xã là “nhất đại, nhì công” (to lớn và công bằng). Gọi là to lớn, vì từ hợp tác xã một hai trăm hộ nay hợp thành công xã hơn năm ngàn, thậm chí một, hai vạn hộ, hầu như mỗi xã có công xã. Gọi là “công bằng” vì giàu nghèo nộp chung, tài sản nộp vào đều là tài sản của công xã, người đóng nhiều không được trả bớt, kẻ đóng ít không phải góp thêm. Công xã thống nhất hạch toán, thống nhất phân phối, thực hiện chế độ cung cấp bộ phận, ăn tại nhà ăn công cộng và không phải trả tiền. Ruộng đất phần trăm dành lại cho nông hộ, gia súc, gia cầm, cây lưu niên, cây ăn quả v.v... tất cả đều thuộc công xã, thậm chí có lúc cả nhà cửa, gia cụ cũng là của chung. Trước chủ nghĩa bình quân như vậy, người nông dân bất mãn ngấm ngấm giết súc vật, chặt cây cối và hậu quả nguy hại là sản lượng lương thực tụt dần.

Ở hồi này, ông Đặng Tiểu Bình cũng ít xuất đầu lộ diện, mãi đến tháng tám năm 1980, nghĩa là sau hơn hai thập niên, người ta mới biết quan



điểm của ông khi trả lời phỏng vấn kí giả người Ý, rằng: “Sai lầm bắt đầu từ những năm cuối thập niên 50, ví như đại nhảy vọt là không chính xác, trách nhiệm này không chỉ một mình Mao Chủ tịch mà lúc ấy chúng tôi cũng là những người “nóng đầu”, hoàn toàn vi phạm quy luật khách quan, muốn một lúc làm xong kinh tế. Nguyên vọng chủ quan đã không tuân theo quy luật khách quan, tổn thất là phải. Nhưng trách nhiệm chủ yếu trong đại nhảy vọt vẫn thuộc về Mao Chủ tịch, vì lúc bấy giờ ông là người đầu tiên đã phát hiện sai lầm, đề xuất sửa chữa, song công việc đó lại không được thực hiện. Năm 1962, Mao Chủ tịch đã tự phê bình, nhưng bài học đã không được đúc kết đầy đủ và do đó mà dẫn đến sự bùng nổ cuộc “đại Cách mạng văn hoá”.

Tất nhiên không phải ai cũng “nóng đầu” và người ta nhớ mãi cái đêm mưa gió bão bùng 14 tháng bảy năm 1959, Bành Đức Hoài đã phải hạ bút viết bức thư lịch sử gửi Mao Trạch Đông để tỏ bày quan điểm của mình đối với đại nhảy vọt và công xã nhân dân. Nhân hội nghị mở rộng Bộ Chính trị ở Lư Sơn, Mao Trạch Đông đã yêu cầu những người dự hội nghị phê phán bức thư tâm huyết đó của Bành Đức Hoài. Không ngờ, Thứ trưởng ngoại giao Trương Văn Thiên, Tổng tham mưu trưởng Hoàng Khắc Thành, Bí thư thứ nhất tỉnh Hồ Nam Chu Tiểu Châu đã lên tiếng ủng hộ quan điểm của Bành Đức Hoài. Mao Trạch Đông căm tức bức thư của Bành, cách phát biểu của Trương và chụp cho họ cái mũ hũu khuynh, riêng Bành Đức Hoài còn bị gọi là “Hải Thụy phái hũu”. Đặng Tiểu Bình là uỷ viên thường vụ duy nhất không tham dự hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị ở Lư Sơn vì ông vừa gãy chân do bất cẩn khi chơi bóng bàn. Nhưng sau đó, vào dịp kỉ niệm lần thứ 10 Quốc khánh Trung Quốc (1/10/1959), Đặng Tiểu Bình vẫn nói như Mao đã nói về Bành Đức Hoài, và phải đợi đến năm 1980 mới có cải chính: “Ý kiến của Bành Đức Hoài năm 1959 là chính xác với tư cách uỷ viên Bộ Chính trị, ông viết thư cho Chủ tịch Mao Trạch Đông là chuyện thường tình. Cho dù đồng chí Bành Đức Hoài cũng có khuyết điểm, nhưng việc xử lí đồng chí Bành là hoàn toàn sai”. Bành Đức Hoài mất ngày 29/11/1974, lúc chưa được minh oan và phục hồi danh dự.

## 5. THU TÀN CUỘC, ĐỀ XUẤT LÝ LUẬN “MÈO”

Sau hội nghị Lư Sơn, sai lầm tả khuynh không những không được hãm lại mà còn tăng thêm. Cuối năm 1959, sản lượng gang thép đạt đến 13, 87 triệu tấn, giá trị tích lũy xã hội lên tới 43, 9% thật là sự việc độc nhất vô nhị trên thế giới, và chỉ tiêu năm 1960 đã được bốc lên 18, 4 triệu tấn. Còn nông nghiệp thì thật gay go, từ năm 1959 Trung Quốc bắt đầu những năm mất mùa, sản lượng lương thực năm sau giảm hơn năm trước: 1958: 200 triệu tấn, 1959: 170 triệu tấn (nhưng báo cáo sai, lên đến 270 triệu tấn) 1960: 143, 5 triệu tấn. Bông và cây có dầu đều tụt so với cả năm 1949. Đảng và nhân dân phải đối mặt với những khó khăn kinh tế chưa từng có. Năm 1960 so với năm 1957 lượng tiêu thụ lương thực cả thành phố và nông thôn giảm 19, 5%, riêng nông thôn là 23,7%, lượng tiêu thụ dầu thực vật giảm 23% và thịt lợn giảm đến 70%. Nhân dân lâm cảnh bệnh tật, đói rét. Chỉ một năm 1959 sang 1960 nhân khẩu giảm 10 triệu người, riêng ở địa khu <sup>[11]</sup> Tín Dương tỉnh Hà Nam tỉ lệ tử vong vượt quá 10%.

Tưởng sẽ dẫn dắt nhân dân mau đến ngày hạnh phúc, nào ngờ kết quả lại đau lòng như vậy. Bài học thu được đã làm cho Trung ương Đảng tỉnh lại, người ta chuyển sang điều tra và sửa lại.

Tháng mười một năm 1960, “Chỉ thị khẩn cấp về chính sách hiện nay đối với công xã nhân dân ở nông thôn” được ban bố Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 9 khoá 8, Mao Trạch Đông yêu cầu mọi người thực sự cầu thị, điều tra nghiên cứu tình hình. Ông còn nói: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể gấp gáp được, có khi phải cả nửa thế kỉ mới xong”. Mao Trạch Đông trực tiếp thành lập và chỉ đạo 3 tổ điều tra về nông thôn về 3 tỉnh Triết Giang, Hồ Nam, Quảng Đông tìm hiểu tình hình. Lưu Thiếu Kỳ đi Hà Nam, Chu Ân Lai đi Hà Bắc, Chu Đức đi Tứ Xuyên, còn Đặng Tiểu Bình điều tra vùng Bắc Kinh.

Mùa xuân năm 1960, Tổng bí thư Đặng Tiểu Bình về huyện Thuận Nghĩa ngoại ô Bắc Kinh, cách trung tâm thành phố khoảng 50 cây số, ông đi một mình, không có cán bộ và phóng viên báo chí tháp tùng. Tình hình đã làm Đặng Tiểu Bình ghen ngạo, chưa phải là huyện ngoại ô nghèo nhất mà vài tháng trước đây dân chúng ở đây đã phải mổ nốt con heo cuối cùng của mình, lương thực và nhu yếu phẩm thiếu thốn đến mức đáng sợ. Trong khi đó, cán bộ công xã thì tha hoá, lấy thóc gạo của tập thể về nhà ăn riêng,

không đi làm mà công điểm lại nhiều hơn ai hết, thế nhưng không một xã viên nào dám hé miệng kêu ca. Trở về Trung Nam Hải từ một thủ đô đói cơm, thiếu áo, cùng Lưu Thiếu Kỳ, Trần Vân, Lý Tiên Niệm, Đặng Tiểu Bình thành lập uỷ ban điều tra khẩn cấp về kinh tế Quốc dân cả nước. Sau mấy tuần, ban thư kí đã trình lên “60 điều về nông nghiệp”, ít nhiều cũng góp phần cứu vãn tình hình nguy kịch ở nông thôn Trung Quốc lúc bấy giờ.

Tháng giêng năm 1962, Mao Trạch Đông chủ trì một hội nghị có 7000 người tham dự, từ uỷ viên Bộ Chính trị đến phụ trách các huyện trong cả nước, sau này lịch sử ghi nhận là “Hội nghị 7000 người” lại một diễn đàn “trăm nhà đua tiếng” để nhìn lại 3 năm đại nhảy vọt, nhìn lại “ba ngọn cờ hồng”. Báo cáo của Lưu Thiếu Kỳ tập trung phê phán phương pháp “tả” khuynh trong kinh tế. Theo ông nguyên nhân gây nên tình hình xấu lúc ấy là “ba phần thiên tai, bảy phần nhân hoạ”. Ngày 30, Mao Trạch Đông phát biểu ý kiến: “Phàm sai lầm mà Trung ương mắc phải, trực tiếp thuộc về tôi, và gián tiếp tôi cũng có phần, vì tôi là chủ tịch”. Ông nhấn mạnh vấn đề tập trung dân chủ, có sai lầm thì phải tự phê bình, sửa chữa. Nhiều đại biểu còn muốn phát biểu và cuối cùng Mao Trạch Đông đề nghị cho kéo dài hội nghị đến thượng tuần tháng hai. Cả 7000 người dự hội nghị ở lại Bắc Kinh ăn Tết Nhâm Dần, và người ta còn nhớ câu về thưở ấy “ngày hội nghị, đêm xem kịch, ba bữa ăn, thật mãn ý”.

Sau “Hội nghị 7000 người”, Trung Quốc đi vào thời kì điều chỉnh sửa sai về kinh tế và phục hồi danh dự cho những người bị quy oan là phần tử hữu khuynh, ở nông thôn, nhiều địa phương tự phát “khoán hộ”, quê hương của phương thức quản lí này là tỉnh An Huy, ở đó tỉnh uỷ chủ trương trên cơ sở sở hữu tập thể các tư liệu chủ yếu mà “định sản cho ruộng đất và định trách nhiệm cho từng người”. Đến tháng bảy năm 1962, cả nước đã có hơn 20% nông thôn thực hiện “khoán hộ”, quần chúng và cán bộ cơ sở hoan nghênh làm cách này.

Năm 1962, khi họp Ban bí thư và tiếp cán bộ Đoàn thanh niên, Đặng Tiểu Bình đã nhận định và phát biểu: “Khi xem xét quan hệ sản xuất biểu hiện bằng hình thức nào là tốt nhất, có lẽ nên xử sự với thái độ như thế này - một hình thức nào đó áp dụng tại một địa phương cụ thể mà dễ dàng được chấp nhận mà khôi phục và phát triển nông nghiệp tương đối nhanh, và quần chúng tự nguyện tuân theo thì hình thức ấy là tốt nhất, chưa hợp pháp thì hợp pháp hoá cho nó”. Rồi ông dẫn ra câu ngạn ngữ dân gian trứ danh mà Lưu Bá Thừa thường nhắc tới: “Không kẻ mèo vàng hay mèo đen, miễn là bắt được chuột”.

Trên mặt trận chống tả khuynh, đây là giai đoạn mà Đặng Tiểu Bình và Lưu Thiếu Kỳ đều có những quan điểm hoàn toàn giống nhau, rằng không phải nửa năm hoặc vài tháng, vá chỗ này, đắp chỗ kia mà cần cả một ca mổ lớn may ra mới cứu nổi đất nước, họ không những phát biểu trong hội nghị mà quan trọng hơn là chỉ đạo thực tế khoán hộ khôi phục kinh tế nông thôn. Họ cùng lên tiếng: “Thiên tai không phải là chủ yếu, chủ yếu chính là nhân hoạ, do con người gây nên”.

“Nhân hoạ nào vậy?” Mũi giáo chĩa thẳng vào “ba ngọn cờ hồng”“. Mao Trạch Đông cảm giận sự “phản điệu” của Đặng Tiểu Bình. Năm năm sau, tháng mười năm 1967, trước Đại hội Hồng vệ binh, khi đã kết án cho Đặng Tiểu Bình “mười tội trạng”, Giang Thanh lớn tiếng: “Năm 1962, Đặng được kẻ thù che chở, tấn công chúng ta, đề ra chủ trương chia ruộng khoán hộ, đi đầu trong việc cổ động làm ăn cá thể, nói là “không kẻ mèo trắng hay mèo đen, miễn là bắt được chuột”. Kì thực, ông đã phát biểu: “vấn đề quan trọng hiện nay là lương thực, chỉ cần tăng sản lượng thì có làm ăn cá thể cũng là tốt”, kèm sau câu nói đó là ngạn ngữ “mèo”.

Tàn cuộc của một cơn sốt, Đặng Tiểu Bình thu về một lí luận, hay nói đúng hơn là bắt đầu áp dụng, và nhân hoạ đang chờ ông.

## 6. BIẾN ĐIỆU Ở BẮC ĐỐI HÀ

Cách Bắc Kinh khoảng 270 cây số về phía đông bắc có một thành phố ven biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp tựa tranh, khí hậu hiền hoà, không khô hanh như phương Bắc mà cũng không ẩm ướt như miền Nam, nơi thắng địa để du lãm và nghỉ dưỡng, đó là Bắc Đối Hà. Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Tào Tháo đã từng đến đây. Năm 1893, chính phủ nhà Thanh quyết định xây dựng Bắc Đối Hà thành thành phố du lịch, và từ đó 700 biệt thự lần lượt mọc lên trên bờ Bột Hải, cả Bắc Đối Hà tựa vào Yên Sơn, càng vững chãi uy nghi. Sau 1949, chính phủ mới vẫn duy trì Bắc Đối Hà là thành phố nghỉ dưỡng, là nơi tham quan của du khách.

Nơi đây vào tháng tám năm 1962, giữa bầu trời thanh bình, giữa màu xanh của Yên Sơn và Bột Hải, giữa tiếng vọng của gió biển mơn man vào vách núi, một sự kiện hay nói đúng hơn là một tiếng sấm đã ầm vang trên đất bằng, bầu trời thần châu mây mù u ám.

Mao Trạch Đông phát biểu ở hội nghị Trung ương đã nêu ngay các vấn đề: giai cấp, tình thế và mâu thuẫn. Chủ tịch Đảng liên hệ với tình hình Liên Xô, phê phán quan điểm của Khrusov, rồi đem tất cả những phân kì về nhận thức trong nội bộ Đảng bỏ chung vào một rọ là “phản ánh của đấu tranh giai cấp”, xem tất cả những ý kiến bất đồng trên thực tế phù hợp với quy luật khách quan là biểu hiện của chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, chụp cho cái mũ “luồng gió đen tối”. Ông nói, hiện nay có một số người xem tình hình chỉ là một màn đen tối, tư tưởng họ hỗn loạn, mất lòng tin, không nhìn thấy ánh sáng, cho rằng chủ nghĩa xã hội là không hợp, chỉ làm ăn riêng rẽ là tốt thôi. Luồng gió càng thổi đến thượng tầng, cường độ càng mạnh. Ông phê bình Đặng Tử Khôi và nhiều người đã ủng hộ khoán hộ, đã thay mặt lớp trung nông giàu có đòi hỏi cá thể, thậm chí đã đứng trên lập trường của các giai cấp phú nông, địa chủ, tư sản chống lại chủ nghĩa xã hội. Ông còn nói, phục hồi danh dự cho những người hữu khuynh là không đúng, không thể thổi sạch thành tích chống hữu khuynh năm 1959. Lúc bấy giờ Bành Đức Hoài chuyển lên Trung ương bức thư tâm huyết. Mao Trạch Đông cho đó là hành động xét lại, lật án, phải xử lí.

Chủ đích của hội nghị Bắc Đối Hà là nghiên cứu các quyết sách quan trọng về kinh tế, nhưng không ngờ Mao Trạch Đông đã đột ngột biến điệu,

ông phủ nhận hầu hết các kết luận của Hội nghị 7000 người vừa mới kết thúc vào đầu năm.

Tại hội nghị Bắc Đới Hà lần này, Mao Trạch Đông vẫn chưa điểm danh phê bình đến Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, nhưng trong lời lẽ đã ít nhiều động chạm, rằng: làm ăn riêng rẽ tất yếu sẽ dẫn đến phân hoá hai cực, không đợi đến hai năm đâu là mà một năm thôi đã phân hoá rồi, có khó khăn, thì mới thử thách được kinh tế tập thể chứ; trong phong trào hợp tác hoá trên thế giới, chúng ta là nước thực hiện tốt nhất; thế mà từ năm 1960 đến nay không nói gì đến quang minh, chỉ toàn tuyên truyền hắc ám; đề ra khoán hộ đến mức 40%, đề ra kinh tế cá nhân và kinh tế tập thể cạnh tranh với nhau, như vậy chẳng phải là làm giàu cho bọn con buôn, cho các mục chủ và đưa quân đội, gia đình liệt sĩ, công nhân, cán bộ vào cảnh khốn cùng hay sao? v.v... Hai năm sau, ngày 28 tháng chạp năm 1964. Mao Trạch Đông mới nói rõ chủ tâm, hội nghị Bắc Đới Hà phê bình “luồng gió làm ăn riêng rẽ” chính là nhằm vào Đặng Tiểu Bình. Ông nói: “Tại sao ở Bắc Đới Hà tôi phải nêu vấn đề tình thế, vì lúc ấy có người cho rằng - không khoán hộ thì phải mười năm mới khôi phục được kinh tế - như vậy là gì? Chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản? Là đấu tranh giai cấp chứ còn gì nữa”.

Sự bất mãn của Mao Trạch Đông đối với Đặng Tiểu Bình ngày một lộ rõ, công khai. Còn Đặng, ông vẫn giữ thái độ bảo lưu. Nhớ lại những lần về nông thôn điều tra tình hình, các câu về luôn vang bên tai ông: “Tám giờ, đánh keng, chín giờ đi làm, làm thì nhắc nhở, nghe bài vui liền”, phải chăng càng nghèo nàn càng vinh quang? Nếu như vậy thì làm sao Trung Quốc thịnh vượng phát đạt được? 18 năm sau, ngày 1 tháng tư năm 1980, khi nói chuyện về hội nghị Bắc Đới Hà, Đặng Tiểu Bình đã chỉ rõ đó là hội nghị gài số lui, là quay trở về vấn đề đấu tranh giai cấp và nâng lên một cấp độ cao hơn. Đối với Mao, hội nghị Bắc Đới Hà là điểm ngoặt cố ý của ông để đưa toàn Đảng chuyển sang “tả”, đưa Trung Quốc hướng tới “đại Cách mạng văn hoá”, thông báo của hội nghị xoáy vào một chủ đề “muôn ngàn lần không được quên đấu tranh giai cấp”. Người dân vừa chạy vạy thoát khỏi cảnh đói rét khốn cùng thì lại lâm vào nỗi lo âu mới - sự dày vò về tinh thần!

Một tháng sau, ngày 24 tháng chín năm 1962, Hội nghị Trung ương lần thứ 10 khoá 8 được triệu tập tại Hoài Nhơn Đường ở Trung Nam Hải, và Mao Trạch Đông nêu ra nguy cơ phục hồi chủ nghĩa tư bản, nhắc nhở việc kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê, đơn giản hoá những vấn đề phức tạp này

sinh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau hội nghị, cả nước đẩy lên phong trào giáo dục và đấu tranh giai cấp.

Tháng hai năm 1963, Trung ương lại khai hội, Mao Trạch Đông tổng kết kinh nghiệm Hồ Nam, Hà Bắc và kết luận “đấu tranh giai cấp, vừa phóng ra đã diêu linh ngay” và quyết định thực hiện “tứ thanh” ở nông thôn, “ngũ phản” ở thành phố. Ấy là thanh tra sổ sách, kho tàng, tài sản, công điền, ấy là chống tham ô ăn cắp, đầu cơ lật đổ, phô trương lãng phí, chủ nghĩa phân tán, chủ nghĩa quan liêu. Tháng năm, Mao Trạch Đông đi Hàng Châu chủ trì hội nghị thảo luận “Quyết định về một số vấn đề trong công tác nông thôn” - mười điều phần một, quyết định đã đánh giá quá nghiêm trọng đối với tình hình chính trị trong nước, cho rằng cuộc đấu tranh giai cấp lúc bấy giờ rất gay gắt, “tứ thanh, ngũ phản” là cuộc đấu tranh cách mạng nhằm đập tan âm mưu tấn công điên cuồng vào chủ nghĩa xã hội của các thế lực tư bản chủ nghĩa, yêu cầu các địa phương huấn luyện cán bộ để thực hiện thí điểm, chuẩn bị triển khai thành phong trào rộng khắp cả nước.

Tháng chín, căn cứ vào các vấn đề đặt ra trong thí điểm, Trung ương tiếp tục thông qua “Quy định một số chính sách cụ thể trong cuộc vận động giáo dục xã hội chủ nghĩa ở nông thôn” - mười điều phần hai, cả hai mươi điều đều yêu cầu thực hiện phương châm “lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh”, một phương châm tả khuynh nhưng lại yêu cầu đoàn kết 95% cán bộ quần chúng, và phải dựa vào tổ chức cơ sở và cán bộ cơ sở. Mùa đông năm 1963 sang mùa xuân năm 1964, “tứ thanh” tràn ra nông thôn, còn “ngũ phản” thì được triển khai ở một số thành phố.

Nhân cơ hội “muôn ngàn lần không được quên đấu tranh giai cấp”, những “vệ binh du động” như Giang Thanh đã cao hứng khoa tay múa chân. Trong khi cả nước đang chịu đói chịu rét thì đệ nhất phu nhân Trung Quốc cùng Khang Sinh đi Hàng Châu, ban ngày họ du sơn du thủy, thưởng ngoạn cảnh đẹp mà có người đã ví “Thượng hữu thiên đường, hạ hữu Tô Hàng “ (trên có thiên đường, dưới có Tô Châu, Hàng Châu), còn ban đêm thì cùng nhau xem “kịch câm”. Dựa vào tinh thần chỉ thị đấu tranh giai cấp của Mao Trạch Đông và với phương pháp không tin dùng một ai, Giang Thanh lập thể trận trên lĩnh vực sân khấu, điện ảnh. Bà chỉ trích vở “Lý Tuệ Nương” là kịch ma quỷ mà chủ nghĩa xã hội không thể dung nạp được (vì trong vở diễn có hồn ma xuất hiện). Tháng 5 năm 1963, Giang Thanh tổ chức báo chí phê bình vở “Lý Tuệ Nương” và những bài tán dương vở diễn đó, gây nên bầu không khí căng thẳng trong giới văn nghệ. Tháng chạp năm

ấy, Mao Trạch Đông đã viết như sau: “Đối với các hình thức nghệ thuật như sân khấu kịch, thi ca, văn học v.v... vấn đề cũng không ít, người thì nhiều mà tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa lại rất nhỏ nòi. Nhiều đảng viên cộng sản nhiệt tâm đề xướng nghệ thuật của chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa tư bản, ngược lại không nhiệt tâm với nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Đó chẳng phải là điều quái gở hay sao?”. Ông còn bổ sung thêm: “Bộ văn hoá là bộ đế vương tướng tá, là bộ tài tử giai nhân, là bộ người chết của nước ngoài”.

Và lập tức Bộ văn hoá và giới văn nghệ bị cuốn hút vào phong trào học tập chỉnh phong. Từ mùa hạ năm 1964, chỉnh phong đã lan sang lĩnh vực học thuật, triết học, kinh tế học, lịch sử v.v... đến các trường đại học, các viện nghiên cứu, các toà báo v.v.. và kết quả là nhiều tác phẩm, công trình bị phủ định, liệt vào “sách cấm”, nhiều nhà khoa học bị quy oan, cách thức, bị buộc thôi việc. Tết năm 1964, Mao Trạch Đông mở toạ đàm và sau đó thực hiện cải cách giáo dục một cách quá đáng. Cứ thế đại đa số trí thức lúc bấy giờ bị quy là “trí thức của giai cấp tư sản”. Bánh xe của cỗ pháo tá khuynh ào ào lướt tới và Tổng bí thư Đặng Tiểu Bình không tài nào hãm thắng nổi, lí do đơn giản vì Chủ tịch là người cầm lái.

Người ta nhớ lại những năm tháng ấy không ai dám viết bài hay diễn thuyết, Tân Hoa xã mỗi ngày chỉ có hai bản tin, sân khấu toàn các vở diễn đánh nhau, còn điện ảnh cho quay phim nào thì dựng phim đó.

Thủ đô Bắc Kinh và cả nước như trong ngột ngạt, oi bức, báo trước một cơn giông bão sắp ập tới.



## 7. DÂY DẪN LỬA ĐẠI CÁCH MẠNG VĂN HOÁ

Tháng hai năm 1965, Giang Thanh, lúc bấy giờ ngoài nhiệm vụ thư kí của Mao Trạch Đông không có vai vế nào khác, đi Thượng Hải gặp Trương Xuân Kiều - Bí thư Thành uỷ - bàn việc tổ chức cho Diêu Văn Nguyên, người của tổ sáng tác Thành uỷ Thượng Hải viết bài phê bình vở kịch “Hải Thuy bãi quan”. Toàn bộ công việc viết lách này được tiến hành một cách bí mật.

Sau khi bài “Bình vở kịch lịch sử biên soạn lại - Hải Thuy bãi quan” công bố ở Thượng Hải, *Nhân Dân nhật báo* và các báo khác ở Bắc Kinh vẫn im hơi lặng tiếng, chưa tờ nào đăng lại. Điều này làm cho Mao Trạch Đông càng nghi ngờ Lưu Thiệu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, ông cho rằng Ngô Hàm - tác giả “Hải Thuy bãi quan” - có ô dù. Trung ương có bộ tư lệnh của giai cấp tư sản, cuối cùng ông quyết định ra lệnh “xuất bản sách nhỏ”!

Thực hiện chỉ thị của Mao Trạch Đông, Trương Xuân Kiều ra tay không chế công cụ tuyên truyền, tất nhiên là mệnh lệnh như sấm dậy, người ta ngày đêm ra sức in ấn. Thư điểm Tân Hoa ở Thượng Hải theo lệnh của Trương Xuân Kiều đã khẩn cấp điện báo toàn quốc, trung cầu đặt mua sách nhỏ. Bắc Kinh ban đầu từ chối, sau cùng miễn cưỡng đặt mua mấy ngàn cuốn, nhưng vẫn cự tuyệt phát hành, các nơi khác giữ thái độ bàng quan.

Thời tiết chính trị Bắc Kinh ngọt ngào, lúc ấy Đặng Tiểu Bình và cả nhà đang nghỉ những ngày cuối thu ở Quý Dương, Tuần Nghĩa thuộc tỉnh Quý Châu. Trước đây Đặng Tiểu Bình và Ngô Hàm cùng sinh hoạt trong một câu lạc bộ cán bộ cao cấp, họ cùng học cách nuôi ong, đánh bài và tán chuyện. Đặng Tiểu Bình khâm phục sự uyên bác của nhà sử học Trung Quốc - Ngô Hàm, ông hay chuyện và nghĩ rằng Ngô Hàm không thể trở thành Bành Đức Hoài thứ hai.

Ngày 29 tháng 11, *Bắc Kinh nhật báo* và báo *Quân giải phóng* mới đăng lại toàn văn bài viết của Diêu Văn Nguyên. Ngày hôm sau trên mục Nghiên cứu học thuật của *Nhân Dân nhật báo* cũng đăng lại bài viết này. Điều làm mọi người thú vị là toà báo không đưa bài viết lên trang chính mà xếp nó vào vấn đề học thuật, không đại diện cho quan điểm của trung ương, mà đã là học thuật thì có thể bình đi luận lại, tán thành hay phản bác. Lời Ban biên tập trên tờ *Nhân Dân nhật báo* chỉ rõ: phương châm của chúng ta là cho phép tự do phê bình và cũng tự do phản phê bình; đối với ý kiến sai

trái, chúng ta áp dụng phương pháp thuyết lí, thực sự cầu thị, dùng lí lẽ để thuyết phục người khác. Tất cả đều trích từ Mao tuyên, răn đe mọi người nói năng cẩn thận. Tuy nhiên, trong vụ đăng lại bài viết của Diêu Văn Nguyên, cũng lắm kẻ hăng hái tiên phong, ví như báo *Quân giải phóng* do Lâm Bưu không chế đã bình luận thêm: “Hải Thuy bãi quan là cây cỏ độc!”.

Ngày 21 tháng chạp, trong một biệt thự lộng lẫy bên bờ Tây Hồ Hàng Châu, Mao Trạch Đông và Trần Bá Đạt đã có cuộc trao đổi quan trọng. Năm 1958, Trần Bá Đạt kiến nghị “huỷ bỏ hàng hoá và tiền tệ”, từng bị Mao Trạch Đông phê bình. Từ đó, Trần luôn luôn tìm cơ hội để lập công chuộc tội. Năm 1959, Trần thường dò la Điện Gia Anh - thư kí của Mao Trạch Đông “gần đây Chủ tịch hay đọc loại sách gì?” nhằm cách nịnh Mao, nhưng Điện cương trực đã không tiết lộ. Khi Giang Thanh đi Thượng Hải, Trần chưa đoán nhận ra điều gì, mãi tới lúc bài viết của Diêu Văn Nguyên được công bố, Trần mới dự cảm một hiện tượng khác thường, một trận cuồng phong bão tố đang ập tới và đây là cơ hội để xuất đầu lộ diện mà ngoi lên. Trần Bá Đạt nhận thấy Mao không vừa lòng với Ban bí thư, Ban tuyên huấn Thành uỷ Bắc Kinh, bèn chọc tức “Thành uỷ Bắc Kinh kim châm không vào, nước tưới không thấm”. Mao Trạch Đông nói lại với Trần: “Tai hại của vợ kịch là “bãi quan”, hoàng đế Gia Tĩnh đã cách chức Hải Thuy, và năm 1959 chúng ta cũng đã cách chức Bành Đức Hoài, hoá ra Bành Đức Hoài là Hải Thuy!”

Ngày hôm sau, Mao Trạch Đông đem câu chuyện giữa ông và Trần Bá Đạt kể lại cho Khang Sinh và Bành Chân cùng nghe. Bành Chân - người đã bị “tưới tràn nước bẩn” đến lúc này vẫn không tinh mắt xem sắc mặt của Mao ra sao mà thản nhiên bênh vực cho Ngô Hàm: “Theo điều tra, Ngô Hàm và Bành Đức Hoài không có mối liên hệ gì về tổ chức cũng như trực tiếp cá nhân. Vấn đề Ngô Hàm không thuộc về chính trị”. Bành Chân có ngờ đâu lời nói ấy đã xúc phạm và miệt thị tới quyền uy tối thượng của Mao Trạch Đông.

Càng ngày người ta càng nhận ra bài viết của Diêu Văn Nguyên đã được Mao Trạch Đông ủng hộ, cho nên không thể không lập một phòng tuyến khác và chuẩn bị “đề án rút lui”. *Bắc Kinh nhật báo* và *Nhân Dân nhật báo* cùng đăng bài của Đặng Thác “Từ Hải Thuy bãi quan” bàn về lý luận kết thừa đạo đức”, gọi là có tham gia tranh luận, ứng phó đôi phần. Ban tuyên huấn cũng vậy, phải biểu thị thái độ và Chu Dương đã thân hành tổ chức lực lượng viết bài “Hải Thuy bãi quan - đại biểu cho một trào lưu tư

tưởng xã hội”; lấy bút danh là Phương Cầu đăng trên *Nhân Dân nhật báo* số ra ngày 29.12.1965.

Bài này do Bành Chân chỉ đạo, lập ngôn là đưa vở kịch “Hải Thụy bãi quan” về phạm vi trào lưu tư tưởng mà không quy là vấn đề chính trị phê phán, giọng điệu văn có vẻ rất “tả” khiến mọi người cảm nhận sự phê bình rất gay gắt, nhưng trên thực tế đã cởi cái mũ truy chụp, đưa sự việc ra khỏi vòng chính trị, che chở cho Ngô Hàm.

Khi trở về Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình ủng hộ quan điểm này. Theo ông và Lưu Thiệu Kỳ, mọi tranh luận của bộ môn văn hóa đều thuộc về học thuật và lý giải theo kiểu “trăm nhà đua tiếng”.

Ngày 3 tháng hai năm 1966, với tư cách là tổ trưởng Tiểu tổ Cách mạng văn hóa được thành lập năm 1964, Bành Chân triệu tập hội nghị các thành viên để đưa ra “Đề cương báo cáo về thảo luận học thuật trong giai đoạn hiện nay” (sau này được gọi là Đề cương tháng hai). Chủ đề của đề cương là hạn chế thích đáng khuynh hướng cực tả vừa xuất hiện trong vụ thảo luận phê phán học thuật, đặt những cuộc tranh luận như vậy dưới sự lãnh đạo của Đảng và đóng khung trong phạm vi khoa học, không tán thành nâng lên thành vấn đề chính trị. Đề cương được Ban thường vụ Bộ Chính trị đồng ý ở Bắc Kinh và có báo cáo với Mao Trạch Đông lúc ấy ở Vũ Hán. Ngày 12 tháng 2, đề cương do Trung ương chuyển phát đến toàn Đảng. Theo tinh thần của đề cương, Ban tuyên huấn ngừng công bố các bài viết phê phán “tác hại” của “Hải Thụy bãi quan”.

Thấy tình hình phê phán “Hải Thụy bãi quan” biến thiên theo chiều hướng bị hạn chế, Giang Thanh bèn tranh thủ sự ủng hộ của Lâm Bưu - Phó chủ tịch Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Quốc phòng để từ ngày 2 đến 20 tháng hai tại Thượng Hải, tổ chức toạ đàm về công tác văn nghệ trong quân đội.

Nội dung toạ đàm được chỉnh lý biên soạn thành kỷ yếu, đã phủ nhận toàn bộ thành tích to lớn về văn nghệ kể từ ngày kiến quốc đến nay, cho rằng giới văn nghệ bị bọn đen chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội chuyên chính và hiệu triệu phải kiên quyết tiến hành cuộc đại cách mạng trên chiến tuyến văn hóa. Mao Trạch Đông đã thẩm duyệt và sửa chữa tập kỷ yếu này đến ba lần, rồi sau đó kiến nghị nên lấy danh nghĩa Quân ủy Trung ương báo cáo lên Trung ương phê chuẩn. Quả nhiên ngày 10 tháng tư, kỷ yếu đã được chuyển phát đến toàn Đảng. Tác phẩm mà Giang Thanh và Lâm Bưu nặn lên, không những nhằm vào người lãnh đạo văn nghệ mà còn chĩa sang

nhiều cán bộ cấp Trung ương. Đây là kết quả mà hai bên cùng lợi dụng lẫn nhau, mở đầu cho sự cầu kết của họ.

Vào khoảng cuối tháng ba. Mao Trạch Đông liên tục tìm gặp Khang Sinh, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều để nói chuyện, chỉ trích Đề cương tháng hai, cho rằng đề cương đã xoá mờ ranh giới giai cấp, không phân rõ thị phi, là sai lầm, rằng Ban tuyên huấn là phủ Diêm vương, phải đánh đổ Diêm vương để bắt lũ tiểu quý, rằng Thành ủy Bắc Kinh bao che người xấu, nếu tiếp tục như vậy thì phải gián tán các cơ quan này. Ông chủ trương: nếu cơ quan Trung ương, Phó thủ tướng, Tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng bị vu cáo mang tội “soái quân phản đảng” phải cách ly thẩm tra; Dương Thượng Côn - Bí thư dự khuyết Trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương; Lục Định Nhất - Bí thư Trung ương, Phó thủ tướng, trưởng ban Tuyên huấn; Bành Chân - Bí thư thành ủy Bắc Kinh, Tổ trưởng Tiểu tổ cách mạng văn hóa đều bị đình chỉ công tác và quy vào một nhóm chống đảng Bành - La - Lục - Dương.

Như vậy là những người dưới quyền của Đặng Tiểu Bình ở Ban bí thư chỉ sót mỗi Khang Sinh, còn tất cả đều bị xử lý, khác nào như “giết gà cho khỉ xem”, tuy khỉ chưa bị đánh trực tiếp nhưng đã khiếp đảm vì nhìn thấy máu đỏ chảy ra từ cổ gà. Ông cảm nhận ra điều ấy và đến lượt mình “lãnh phần” cũng không còn lâu nữa.

Tiếp sau “Hải Thụy bãi quan” là “Thôn ba nhà”, lại một vụ âm ỉ phê phán tác phẩm để đầu tổ tác giả và ám chỉ hậu đài, ô dù đã nổ ra, lại một áng văn nữa của Diêu Văn Nguyên lên báo, tiếp tục đào rễ sâu tìm cho ra ai là người tán thưởng, bao che. Trên tầng cao của Đảng là nhóm chống đối Bành - La - Lục - Dương, ngoài xã hội là các nhà khoa học Ngô Hàm, Đặng Thác, Liêu Mạc Sa bị hãm hại, xử trí. Tất cả như dọn đường cho một sự diên đảo sắp xảy ra. Dây dẫn lửa, ngòi pháo cứ xòe cháy không ai dập nổi và càng lúc càng đến gần khối thuốc nổ.

Ngày 4 tháng Năm năm 1966, hội nghị mở rộng Bộ Chính trị Trung ương được triệu tập, Mao Trạch Đông bận công tác không tham dự giao cho Lưu Thiếu Kỳ chủ trì, tự xử lý kỷ luật cho các chiến hữu của mình. Tại hội nghị này đã chính thức xuất đầu lộ diện những Khang Sinh, Lâm Bưu và nhiều kẻ cơ hội khác, họ tâng bốc chủ soái Mao Trạch Đông, rằng câu nói nào của ông cũng là chân lý, rằng một lời của ông bằng vạn lời của mọi người cộng lại, chống ông là chống Đảng, là phản quốc v.v...

Chưa xót hơn là Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình phải đồng ý thông qua bộ chỉ huy cuộc đại Cách mạng văn hóa, gồm Trần Bá Đạt, Khanh

Sinh, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên v.v... mà đối thủ của họ không ai khác là hai ông Lưu, Đặng.

## 8. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG VĂN HÓA

Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị chưa kết thúc nhưng Giang Thanh, Khang Sinh đã truyền tin ra bên ngoài, cung cấp tư liệu cho giới báo chí công kích Thành ủy Bắc Kinh. Sau khi Trần Bá Đạt tiếp quản *Nhân Dân nhật báo*, ngày 6 tháng giêng năm 1966 ra xã luận “Quét sạch bọn yêu ma quỷ quái”, hiệu triệu quần chúng đứng lên làm cách mạng văn hóa.

Ngày hôm sau, Mao Trạch Đông cho phép phổ biến rộng rãi trên phạm vi toàn quốc nội dung tờ báo chữ to của Nhiếp Nguyên Tử và nhiều sinh viên khác ở Đại học Bắc Kinh. Sinh viên công kích Đảng ủy nhà trường và Thành ủy Bắc Kinh. Sinh viên các trường như được tiếp sức, theo “đèn xanh” đã bật, nhanh chóng dấy lên làn sóng đấu tố bọn “hắc bang”, mà không ai khác là hiệu trưởng và các giáo sư đã từng dạy họ. Tình hình hỗn loạn lan rộng trong các giảng đường ở Bắc Kinh, ngọn lửa đại Cách mạng văn hóa đã bùng cháy từ thủ đô cổ kính làm cho mọi người lo lắng là ngọn lửa sẽ thiêu cháy cả đất nước.

Lưu Thiều Kỳ, Đặng Tiểu Bình sau khi bàn bạc với Thành ủy Bắc Kinh, đã cử tổ công tác về các trường đại học và cao đẳng tạm thời trấn an, ngày 4 tháng sáu đã bay đi Hàng Châu báo cáo tình hình với Mao Trạch Đông. Mao điềm tĩnh hút thuốc, sắc mặt không hề thay đổi, nhìn hai đối thủ đã vào trận giao tranh, nghĩ rằng chưa phải lúc ngã bài phân thắng bại, nên cứ tiếp tục đẩy họ ra trước đầu sóng ngọn gió, chặt đứt mọi con đường tẩu thoát.

“Kính mong Chủ tịch trở về Bắc Kinh chủ trì công việc”, Lưu Thiều Kỳ và Đặng Tiểu Bình khẩn khoản yêu cầu, hai ông đều nhận định Mao phải xuất tướng thì mới yên, người dẹp trận không ai hơn người đã bày trận.

Về Bắc Kinh? Nổi loạn như vậy chưa đủ độ, “hồi triều” lúc này là phải đối mặt với một thế cuộc khó chọn ra quyết sách, nếu bỏ mặt hỗn loạn thì còn mặt mũi nào ăn nói cùng thiên hạ như một đấng thủ lĩnh, nếu đình chỉ hỗn loạn thì cuộc chiến đánh đổ Lưu, Đặng chưa phân thắng bại, nhẽ nào lại chịu giữa đường gãy cánh, chuốc phần thua về mình. Suy nghĩ giây lát, Mao Trạch Đông trả lời: “Tôi chưa về được, hai đồng chí cứ liệu tình hình mà xử lý”.

Lưu Thiều Kỳ và Đặng Tiểu Bình lên máy bay trở về Bắc Kinh, trút được gánh nặng trong lòng, tuy thỉnh “thần” không xuôi, nhưng hai ông đã

có trong tay thanh bảo kiếm “liệu mà xử lý” cứ thế mà phang.

Hội nghị mở rộng Ban thường vụ Chính trị được triệu tập lập tức, mời thêm tất cả những người đứng đầu các ban của Trung ương, hội nghị quyết định cử Tổ công tác đến các trường đại học, cao đẳng uốn nắn tình hình. Lưu, Đặng cẩn thận đã điện báo quyết nghị này với Mao Trạch Đông hiện còn ở Hàng Châu, Mao trả lời đồng ý và công việc xử lý tình hình mới bắt đầu triển khai. Sau nhiều ngày nỗ lực, các sân trường đã trở lại yên tĩnh, ai cũng thở phào nhẹ nhõm, nhưng họ đâu ngờ những hành động nguy hiểm hơn đang được bí ẩn mật chuẩn bị trong tầng lớp sinh viên đã bị Giang Thanh, Khang Sinh, Trần Bá Đạt thao túng. Quả nhiên, ngày 8 tháng 6, sinh viên Đại học Bưu điện Bắc Kinh xấn tay áo xuống đường hô vang “Tổ công tác cút đi!”, thế là họ đã nã pháo và dây chuyền mấy chục trường đại học cao đẳng ở Bắc Kinh liên tục âm vang. Chỉ mới hôm qua khi không vâng lời một bí thư chi bộ nào đó thì ngay tức khắc anh mang tội chống Đảng, mà giờ đây dám cả gan đuổi Tổ công tác đi do Trung ương cử về, thật không thể tưởng tượng nổi. Báo chí nằm trong tay của Tiểu tổ Cách mạng văn hóa đã đồng thanh la lớn “bọn yêu ma quỷ quái đàn áp sinh viên, đàn áp quần chúng cách mạng”. Đến lúc này, Mao Trạch Đông mới ra tay giải tán các tổ công tác vào ngày 28 tháng 7, kiểm điểm Lưu, Đặng đã phạm sai lầm về đường lối, ngăn cản cuộc đại Cách mạng văn hóa mà Trung ương vừa phát động hồi tháng năm. Ngày mùng một tháng 8, ông chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 11 khóa 8, hội nghị đã cho in ấn và phát hành bài viết của Mao “Nã pháo vào Bộ Tư lệnh - tờ báo chủ to của tôi”.

Bài báo viết: “Trong 50 ngày qua, từ trung ương đến địa phương đã xuất hiện một số đồng chí lãnh đạo... đứng trên lập trường của giai cấp tư sản, thực hiện chuyên chính của giai cấp tư sản, đàn áp cuộc đại Cách mạng văn hóa của giai cấp vô sản, đảo ngược phải trái, hỗn loạn trắng đen, bao vây quần chúng cách mạng, tiến hành khủng bố, rồi tự mình đắc ý trương lên thanh thế của giai cấp tư sản, tiêu diệt ý chí của giai cấp vô sản, họ thâm độc biết chừng nào!”, ông còn cho rằng trong Trung ương có Bộ Tư lệnh của giai cấp tư sản, tuy chưa điếm đích danh nhưng đã ám chỉ Lưu, Đặng và số người lãnh đạo công việc thường nhật của Trung ương.

Từ phê phán “Hải Thụy bãi quan” đến thông cáo 5.16 của hội nghị Bộ Chính trị vào tháng năm và giờ đây là báo chủ to “Nã pháo...”, mức độ ác liệt của cuộc chiến ngày một gia tăng. Hội nghị lần này dựa theo ý kiến của Chủ tịch Đảng đã ra Nghị quyết 16 điều chỉ rõ mục đích của cách mạng văn hóa là: “Đầu gục phái đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa,

phê phán quyền uy học thuật phản động của giai cấp tư sản, phê phán hình thái ý thức của giai cấp tư sản và tất cả các giai cấp bóc lột khác, cải cách giáo dục, cải cách văn nghệ, cải cách tất cả thượng tầng kiến trúc không phù hợp với hạ tầng kinh tế xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho củng cố và phát triển chế độ chủ nghĩa. Trọng điểm của cuộc cách mạng là phải đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa trong nội bộ Đảng”.

Nghị quyết nhấn mạnh vai trò xung quanh của thanh thiếu niên trong cách mạng, khẳng định phương pháp báo chữ to, tranh luận và đấu tố. Ban thường vụ Bộ Chính trị bổ sung thêm bốn người là Đào Chú, Trần Bá Đạt, Khang Sinh và Lý Phú Xuân, có tất cả 11 người. Đào Chú - nguyên Bí thư thứ nhất Cục Trung Nam vừa được điều về Trung ương đảm nhiệm chức vụ Bí thư thường vụ Ban bí thư kiêm trưởng ban Tuyên huấn, mới 3 tháng đã vào Bộ chính trị, song sau đó bị bài xích, hãm hại cho đến chết. Lý Phú Xuân cũng vậy, sau này bị xử lý. Lưu Thiếu Kỳ từ vị trí thứ hai trong Bộ Chính trị đã bị xếp xuống thứ tám. Hội nghị lần này không bầu thêm phó chủ tịch đảng, nhưng về sau người ta chỉ tôn xưng Phó chủ tịch Trung ương Lâm Bưu, còn các chức danh Phó chủ tịch Đảng sẵn có của Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Trần Vân thì không ai nhắc tới nữa.

Trong những ngày hội nghị, Mao Trạch Đông gửi thư cho Hồng vệ binh Đại học Thanh Hoa, nhiệt liệt ủng hộ tinh thần tạo phản của họ, khiến cho lực lượng “tiểu tướng” cả nước càng phấn chấn hăng say làm cách mạng. Từ ngày 18 tháng 8 đến ngày 26 tháng 11, Mao đã lần lượt tiếp kiến Hồng vệ binh với 11 triệu lượt người. Trung ương, Chính phủ thông tri cho các địa phương cử đại diện Hồng vệ binh về Bắc Kinh tham quan “Cuộc đại Cách mạng văn hóa”, tất cả đều được miễn phí, nâng mức nổi loạn lên phạm vi toàn quốc.

Tiếp đến là những ngày đen tối của lịch sử, từng làn sóng Hồng vệ binh đã tràn vào các cơ quan văn hóa, giáo dục, chính quyền và đảng ủy, tràn ra xã hội, đập phá tất cả những gì mà họ cho là “phong kiến, tư sản, xét lại”. Không biết bao nhiêu người đã bị quy là “phần tử đen”, “nhân vật đại biểu của giai cấp tư sản”, “uy quyền học thuật phản động”, “phần tử chủ nghĩa xét lại phản cách mạng”, lần lượt bị lôi ra để đấu tố, lăng nhục, ẩu đả, và tịch biên gia sản, họ là những nhân sĩ dân chủ, là công thương gia, nhà khoa học, nhà giáo dục, văn nghệ sĩ, kiều bào về nước, là những cán bộ, đảng viên của Đảng, viên chức của nhà nước.

Tháng 10 năm ấy, hội nghị Trung ương tập trung chỉ trích Lưu, Đặng, bảo vệ những hành vi phá phách của Hồng vệ binh và nêu lên một tội danh



mới “đường lối phản động của giai cấp tư sản”. Cũng thời gian đó, cuộc cách mạng tràn vào các trường quân sự, các cơ quan đảng và người ta định phát động nổi loạn đến cả nhà máy, đồng ruộng nhưng vô lễ lại “đình công, ngừng sản xuất để làm cách mạng”, tuy vậy vẫn không ít cán bộ công, nông nghiệp đã bị cách mạng xử trí.

Đến nước này, Đặng Tiểu Bình chỉ còn biết thở ngán than dài, tuy vẫn là ủy viên thường vụ Bộ Chính trị nhưng cách mạng đã đẩy ông đến bờ vực thẳm, song lấy có gì lật đổ ông? Chuyện gì cũng cần nhiều mưu mẹo, xin xem tiếp hồi sau.

## 9. MÀN TỰ MỤC CỦA TẤN BỊ KỊCH ĐÃ MỞ

Gió lạnh từ Sibérie tràn về, cuốn theo bụi cát mù trời, những thân cây khô khốc gầy guộc than khóc, van nài, như tiềm ẩn mỗi nguy hiểm.

Đó là ngày 18 tháng chạp năm 1966, nội thành Bắc Kinh thê lương, ảm đạm. Nỗi lo trước một cuộc thăm sát và khủng bố âm thầm đè nặng lên mọi người. Trăm họ đều ưu phiền, Trung Quốc sẽ đi về đâu.

1 giờ 30 phút chiều hôm ấy, chiếc xe con màu đen đưa Khoái Đại Phú từ Đại học Thanh Hoa về Trung Nam Hải. Đúng 2 giờ, Trương Xuân Kiều đã đợi sẵn, dẫn Khoái vào phòng khách và khóa trái cửa lại. Cuộc mật đàm bắt đầu. Theo yêu cầu của Trương Xuân Kiều, Khoái Đại Phú báo cáo tình hình phong trào ở Thanh Hoa và kết quả đi móc nối với sinh viên Thượng Hải. Thỉnh thoảng Trương mới nói một đôi câu, còn suốt cả thời gian ấy đều chăm chú nghe báo cáo, nhìn chăm chăm vào cặp mắt hình tam giác của Khoái và gật đầu lia lịa. Đợi Khoái trình bày xong, Trương Xuân Kiều mới hạ giọng:

“Nhìn trên phạm vi toàn Quốc, đường lối phản động của giai cấp tư sản còn tương đối hung mãnh, vẫn phải tiếp tục phê phán một cách sâu sắc hơn nữa. Trong Trung ương, một hai người đề xuất đường lối phản động ấy chưa chịu đầu hàng... Tiểu tướng cách mạng các anh phải liên hợp lại, phát huy tinh thần đại Cách mạng văn hóa vĩ đại mà đánh cho chúng - những con chó chạy cùng đường, đang ào xuống nước tìm lối thoát - phải quy gục, phát thối, nhẽ nào lại giữa chừng bỏ dở...”.

Khoái Đại Phú chăm chú lắng nghe và không còn nghi ngờ gì nữa, những người mà Trương Xuân Kiều vừa ám chỉ chính là Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình. Muốn đánh họ quy gục, phải dùng mọi thủ đoạn, vu cáo, miệt thị, đả kích v.v...

“Xin thủ trưởng yên tâm, em bảo đảm làm đúng như vậy...”, lúc ấy là 4 giờ chiều.

Trương Xuân Kiều dám giao một nhiệm vụ cơ mật và trọng đại như vậy cho Khoái Đại Phú không phải là không có căn cứ, bởi vì Khoái đã hội đủ những điều kiện của một tay phản nghịch mà Trương tin cậy.

Khoái Đại Phú, con người đang độc chiếm mọi quyền bính ở Đại học Thanh Hoa, nguyên là sinh viên ngành hóa công. Cách mạng văn hóa nổ ra không bao lâu, anh ta cho dán tờ báo chữ to với nội dung kinh người - đoạt

quyền. Công khai tuyên bố: mắt tôi chỉ chăm chú vào quyền, đầu tôi chỉ luôn nghĩ về quyền, tay tôi chỉ muốn nắm lấy quyền, sớm muộn rồi cũng phải đoạt quyền. Anh nghiên cứu câu nói của Lâm Bưu “có quyền là có tất cả” rồi tổng kết thành “36 chước tranh quyền”. Khoái có bản lĩnh sử dụng quyền lực, được Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu tán thưởng còn Khang Sinh, Trần Bá Đạt thì gán cho anh nhãn hiệu “Phái tả kiên định”. Ngày 24 tháng 9 năm 1966, Khoái được một số nhân vật Cách mạng văn hóa cấp Trung ương ủng hộ, kéo lên làm thủ lĩnh tiềm quyền lãnh đạo Đại học Thanh Hoa, tiếp đó lại thăng tiến là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh số 3 Hồng vệ binh thủ đô. Trần Bá Đạt từng tuyên bố: Bộ Tư lệnh số 1, số 2 là phái bảo thủ, chỉ có số 3 của Khoái mới là phái tạo phản chân chính, Khoái Đại Phú trở thành “năm đấm sắt” rất lợi hại của Cách mạng văn hóa cấp trung ương, “Khoái Tư lệnh” - đại danh ấy đã lừng lẫy một thời.

Nhận lãnh “sứ mệnh đặc biệt” do Trương Xuân Kiêu giao phó, Khoái Đại Phú thúc xe về Thanh Hoa và lập tức triển khai kế hoạch hoạt động chống Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình.

Đêm hôm đó, Khoái tự nghiên cứu rồi truyền đạt cho đám thuộc hạ của binh đoàn Hồng vệ binh Tĩnh Cương Sơn. Ngày 19, theo lời dặn của Trương Xuân Kiêu. Khoái phát cờ liên hợp, lôi cuốn hai tổ chức quần chúng khác của Đại học Thanh Hoa, chủ trì triệu tập “Đại hội tuyên thệ tổng tấn công vào đường lối phản động của giai cấp tư sản”, công khai hô hào “Đập tan Bộ Tư lệnh phản cách mạng của giai cấp tư sản do Lưu, Đặng cầm đầu”.

Ngày 20, tại Câu lạc bộ hàng không trong vườn trường Thanh Hoa, Khoái phổ biến toàn bộ kế hoạch “Đả đảo Lưu - Đặng” sẽ nổ ra vào ngày 23 và nâng lên phạm vi toàn thủ đô. Khoái chưa dứt lời, thì hội nghị nháo nhác, hỗn loạn: “Lưu Thiếu Kỳ là Chủ tịch nước, là ủy viên thường vụ Bộ chính trị, chưa có ai dám dán báo chữ to phản đối Lưu Chủ tịch, tôi không đồng ý làm như thế...”, “Tôi cương quyết cự tuyệt...”.

“Trương Xuân Kiêu, đại biểu cho Cách mạng văn hóa, đánh đổ Lưu, Đặng không phải là ý kiến riêng của cá nhân ông ta - Khoái giải thích, tay chống nạnh, tay vỗ ngực, ra oai - Thủ trưởng đã giao nhiệm vụ quan trọng này cho chúng ta, đó là sự tín nhiệm của Cách mạng văn hóa đối với chúng ta, đối với lão Khoái này. Thủ trưởng đã chỉ đích danh chúng ta, cho dù sóng cả gió to, chúng ta cũng liều xông ra, sợ gì...”, vẫn tiếng hò la của đám “đàn em”, hoa tay múa chân, không ai chịu ai. Song, với bản lĩnh của một

vị Tư lệnh, Khoái Đại Phú nhanh chóng dẹp loạn và cương quyết thông qua kế hoạch, chỉ có thời gian thay đổi chậm lại vào ngày 25.

Ngày 25 tháng chạp năm 1966, gió rét thấu xương bụi cát ngập trời, mặt trời chỉ còn là một cái chấm nhạt nhòa giữa không trung âm u. Khoái Đại Phú dẫn đầu hơn 5 ngàn người, tay cầm cờ, miệng la hét, kéo từ sân trường Thanh Hoa đổ về quảng trường Thiên An Môn, rồi chia thành 5 nhánh đến Vương Phủ Tỉnh, Tây Đơn, ga Bắc Kinh, chợ rau v.v... diễn thuyết, phát truyền đơn, dán báo chữ to, tuyên truyền vu cáo, lăng mạ Lưu, Đặng. Nội thành Bắc Kinh như bị phủ kín bởi những đại biểu ngữ “Đả đảo Lưu Thiếu Kỳ”, “Đả đảo Đặng Tiểu Bình”, “Huyết chiến đến cùng với Lưu, Đặng”.

Hành động của binh đoàn Hồng vệ binh Tỉnh Cương Sơn hôm ấy kéo dài suốt ngày Noel, đã chấn động cả Bắc Kinh, cả Trung Quốc, cả thế giới. Màn đầu của vở kịch Khoái Đại Phú đã mở ra, sau đó là những lớp lang, chương hồi diệt Lưu, Đặng lần lượt được trình diễn.

Người thanh niên 23 tuổi ấy, sau “chiến tích lừng lẫy”, được quan thầy cất nhắc lên ủy viên thường vụ ủy ban Cách mạng Bắc Kinh, trước mắt là con đường phủ đầy hoa.

Nhưng ngày 28 tháng 7 năm 1967 tại Trung Nam Hải, Mao Trạch Đông tiếp 5 lãnh tụ của sinh viên, và ông đã chỉ tên phê bình Khoái Đại Phú, không rõ vì lý do gì. Ông sợ hậu họa của “36 chước tranh quyền” chăng? Ngày vui ngắn chẳng tày gang, Khoái Đại Phú không ngờ hôm đó là mốc xuống dốc của đời mình.

Tháng chạp năm 1967, anh tốt nghiệp đại học, về Ninh Hạ làm công nhân mạ cho Xí nghiệp nhôm Thanh Đồng Hiệp. Năm 1970, bị bắt vì thuộc phần tử “5.16”, năm 1978 chính thức vào tù, năm 1983 toà án mới xét xử và tuyên án 17 năm tù (tính từ ngày bị bắt giam). Năm 1984, người ta đưa Khoái về Thanh Hải cải tạo lao động ở trại số 13. Hồi đó ông Hồ Diệu Bang làm tổng bí thư, khi ông đi công cán Thanh Đảo có hỏi thăm Khoái và hứa rằng, nếu cải tạo tốt, mãn hạn sẽ được phân công công tác. Sau 17 năm lao lý, Khoái đã vào tuổi 42 và trở về Xí nghiệp nhôm Thanh Đồng Hiệp thuở xưa. Sau đó lập gia đình và, năm 1992 cả nhà chuyển về Tư Gia Trang tỉnh Sơn Đông.

## 10. HỌA VÔ ĐƠN CHÍ

10 giờ sáng ngày đầu năm 1967, quảng trường Thiên An Môn ngập trong biển người và hết sức náo nhiệt. Các loa phóng thanh cỡ lớn mở hết âm lượng bài từ Mãn giang hồng của Mao Trạch Đông, cho đến khi hàng vạn sinh viên kéo từ các trường đại học, cao đẳng ở Bắc Kinh lũ lượt đổ về quảng trường. Đây là cuộc mít tinh của phái tạo phản chính thức kết tội Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Theo kịch bản, “nhân vật số hai trong phái đương quyền Trung Quốc đi theo con đường tư bản chủ nghĩa” - Đặng Tiểu Bình phải mang 10 trọng tội như sau: 1/ Là một Tổng bí thư tiếm quyền, 2/ Chủ trương phê phán sùng bái cá nhân để giảm uy tín của Mao Chủ tịch, 3/ Đề xướng lý luận “mèo” trong nông nghiệp nhằm chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông, 4/ Thôi phòng công việc phong hàm, học vị cho các nhà khoa học, 5/ Thông qua 60 điều về giáo dục đại học làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng, 6/ Chống chính sách văn hóa của Mao Chủ tịch, 7/ Không tuân chủ trương giáo dục kết hợp với lao động sản xuất do Mao Chủ tịch đề xướng, 8/ Trấn áp phong trào sinh viên Cách mạng, 9/ Phái tổ công tác đàn áp quần chúng Cách mạng văn hóa, 10/ Từ ngày du học ở Pháp về nước đã trở thành con bạc tú lơ khơ, từng điều chuyên cơ mời bạn cờ khắp nơi về Bắc Kinh chơi trò đen đỏ (!).

Khí thế cách mạng của quần chúng thật ghê gớm, chỉ cần một cuộc hò la, áp đặt buộc tội vô căn cứ như thế, từ vị trí Tổng bí thư đảng cầm quyền bỗng chốc trở thành kẻ thù bên kia giới tuyến, đợi ngày phán quyết. Từ đó, Đặng Tiểu Bình như bị giam lỏng trong tư dinh ở Trung Nam Hải. Lúc này cuộc đại Cách mạng văn hóa chuyển qua giai đoạn đoạt quyền. Mở đầu là nhóm tạo phản Vương Hồng Văn ở nhà máy bông số 17 Thượng Hải được Trương Xuân Kiêu và Diêu Văn Nguyên yểm trợ đã đứng lên giành quyền lãnh đạo của Thành ủy và chính quyền thành phố. Mao Trạch Đông ủng hộ hành động của Vương Hồng Văn, thế là phái tạo phản trong cả nước đã noi gương Vương tiến công vào cơ quan Đảng, chính quyền cao nhất ở các địa phương, đẩy lên cao trào “đoạt quyền toàn diện” mà hậu quả của nó là tình trạng vô chính phủ và đổ máu. Các chiến sĩ cách mạng lão thành lớn tiếng phản đối hành động phá Đảng, phá nhà nước, phá xí nghiệp, phá nông thôn đó của phái tạo phản đại Cách mạng văn hóa thì bị chụp ngay cái mũ “dòng nước ngược phục hồi giai cấp tư sản”. Để tiếp sức cho đám người tạo phản,

ngày 22 tháng 7 năm 1967 Giang Thanh lại đề ra khẩu hiệu “văn công, võ nghệ” (công kích bằng văn, bảo vệ bằng võ). Ngày 7 tháng 8, Tạ Phú Tri - Bộ trưởng công an, người của Giang Thanh, đã công khai tuyên bố “hủy bỏ luật kiểm soát”, rồi Vương Lực kêu gọi đoạt quyền ở Bộ ngoại giao v.v... Đó là những ngày mà đường lối tả khuynh đạt đến cực thịnh, làm say lòng cả tác giả lẫn đạo diễn của tấn tuồng chính trị ấy.

Hôm đó, ngày 4 tháng 8 năm 1967, trong căn phòng mát dịu do được điều hòa không khí ở lầu 8 Điều Ngự Đài, Giang Thanh lại đàm đạo cùng Khang Sinh. “Ngày Khang huynh, sáng mai là kỷ niệm một năm ngày Mao Chủ tịch công bố bài báo chữ to - Nã pháo vào bộ Tư lệnh, chúng ta phải làm gì để chúc mừng?”.

“Lại tiếp tục nã pháo vào bọn chúng, không cho chúng nó ăn nấp trong tư dinh, không cho chúng nó sống thoải mái”.

“Không cho chúng nó sống thoải mái!”. Giang Thanh nghiêng rằng: “Phải đấu, đấu mạnh!”.

Thế là những nhà lãnh đạo cuộc đại Cách mạng Văn hóa như Giang Thanh, Khang Sinh, Trần Bá Đạt, Thích Bản Vũ lại cùng đầu bày mưu đầu tổ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và Đào Chú, rồi sai bọn đàn em ra tay.

Tào Dật Âu với nhãn hiệu đặc phái viên Cách mạng văn hóa Trung ương được phân công chỉ huy đầu Đặng Tiểu Bình. Trong tiếng hò la “Đặng Tiểu Bình phải cúi đầu, chúng ta bắt nó phải chết!”, “Đả đảo tên số hai theo chủ nghĩa tư bản”, là một thác người ào ào vào nhà ông ở Trung Nam Hải. Hai tên lực lưỡng hảo hán lôi ông ra giữa sân, rồi chụp ảnh, quay phim, ghi âm, liên tục thu hình, thu tiếng để phát lại cho cả nước cùng nghe, cùng thấy.

Đặng Tiểu Bình, lúc này đã là ông già 63 tuổi, bị tròng giữa trưa nắng, mồ hôi nhễ nhại, bị vây quanh bởi nhóm thanh niên tạo phản mà tuổi còn măng sữa. Một Hồng vệ binh la lớn:

“Hãy trả lời, mày và Lưu Thiếu Kỳ đã đàn áp sinh viên như thế nào?”.

“Tôi đồng ý cử tổ công tác đến các trường”, Đặng Tiểu Bình điềm tĩnh trả lời, không một chút hoảng sợ, “Vì lúc bấy giờ ở các trường rất loạn, không có cách nào khác để ổn định trở lại, sau khi Ban thường vụ Bộ chính trị thông qua, chúng tôi mới cử tổ công tác. Về việc này, Thiếu Kỳ có trách nhiệm và tôi cũng có trách nhiệm. Nhưng lúc đó chưa ý thức được làm như vậy là theo con đường phản động của giai cấp tư sản...”.

“Không được ngại biện, tao phải vạch mặt mày, đến bây giờ mày vẫn ngoan cố với lập trường tư sản”.

Đám người hò la, hô khẩu hiệu, lăng nhục, kết tội, cứ thế giờ này qua giờ khác, dậy cả một vùng Trung Nam Hải. Ngoài kia, trên quảng trường Thiên An Môn, người ta tụ tập lắng nghe theo loa phóng thanh tường thuật tại chỗ cuộc đấu tố, rồi cũng “đả đảo”, cũng nhảy, cũng hét, cũng căm thù như thể được trực tiếp vạch mặt Đặng Tiểu Bình.

Ngày 13 tháng chín năm ấy - 1967, người thân của Đặng Tiểu Bình buộc phải rời khỏi Trung Nam Hải. Sáu bà cháu ngậm ngùi ra đi tìm nơi nương tựa, đành bỏ mặc Đặng Tiểu Bình và Trác Lâm, vợ ông, bị giam lỏng tại tư dinh để thường xuyên kéo ra đấu tố và chờ ngày phán quyết cuối cùng. Lúc đầu họ tá túc tại các trường học, nhưng vì mang danh là con cái của “hắc bang” nên cũng bị đấu tố và đuổi ra khỏi ký túc xá sinh viên.

Đặng Phác Phương và em gái là Đặng Nam bị phái tạo phản bắt giam và bị nhốt vào một phòng thí nghiệm vật lý của Đại học Bắc Kinh để ngày ngày tra khảo, đánh đập và buộc viết giấy tố cáo cha mẹ mình. Nhiếp Nguyên Tử - một tiểu tướng sinh viên, người đã dán tờ đại tự báo đầu tiên công kích Thành ủy Bắc Kinh, công kích nhà trường - được phân công ám hại con cái của Đặng Tiểu Bình.

Đặng Phác Phương, con trai trưởng của Đặng là một thanh niên cuồng tín Đảng cộng sản, cuồng tín tư tưởng Mao Trạch Đông, và là đảng viên sắp hoàn thành tốt nghiệp ngành vật lý hạt nhân, trước cảnh loạn lạc “nước mất nhà tan” lòng tin của anh như hoàn toàn sụp đổ, đã có lúc phải mượn chén rượu giải sầu, và chính khi nhận giấy bút viết tố cáo cha mẹ mình, Phác Phương đã để lại lời tuyệt mệnh, rồi nhảy từ lầu 3 xuống đất. Năm đó - 1968, anh mới 24 tuổi. Thượng đế chưa cho anh chết mà bắt anh làm người tàn phế. Anh bị gãy cột sống, và giáng xuống gia đình họ Đặng một tai họa khủng khiếp. Lúc ấy, người ta đưa anh đến hành lang của Bệnh viện số 3 Bắc Kinh, một đồng xương thịt co rúm nằm đó, không phải chờ chữa trị mà nhận câu trả lời “con của hắc bang, con của tên số hai theo chủ nghĩa tư bản, ở đây không có chỗ cho nó!”. Xe cấp cứu lại thả anh xuống sân Đại học Bắc Kinh, một đêm lạnh trên bãi cỏ ấy không biết Phác Phương đã nghĩ gì. Sáng hôm sau, bác sĩ nhà trường mới đến và họ cùng thúc thủ, vô phương cứu chữa vì xương sống đã nứt gãy rồi. May sao có một công nhân già, tên Vương Phong Ngô đến trạm xá hỏi anh “Cháu là Phác Phương?” và đòi anh được cứu vãn từ đó.

“Họa vô đơn chí” nhưng cũng có lúc “Họa trung đắc phúc”, và Vương sư phụ đã trở thành ân nhân của gia đình họ Đặng.



## 11. VỀ LẠI GIANG TÂY

Mùa xuân năm 1969, Đại hội 9 của Đảng Cộng sản Trung Quốc khai mạc. Đại hội tuyên cáo với Quốc dân đồng bào, với toàn Đảng là: “Bộ Tư lệnh của giai cấp vô sản do Mao Trạch Đông chủ soái, Lâm Bưu phó soái đã đập tan bộ Tư lệnh giai cấp tư sản của Lưu, Đặng. Đại hội tràn ngập bầu không khí tả khuynh và sùng bái cá nhân, chỉ một lời khai mạc ngắn ngủi của Mao Trạch Đông mà đã phải ngắt quãng hàng chục lần để tung hô vạn tuế. Đại hội đã để lại một điều kỳ quái: trong điều lệ Đảng, quy định “Lâm Bưu là người kế vị Mao Trạch Đông”! Đại hội bầu được 170 ủy viên chính thức, 190 ủy viên dự khuyết, số cũ của khóa 8 chỉ tái cử 32%, chủ tịch Đảng vẫn là Mao Trạch Đông, và một phó chủ tịch duy nhất là Lâm Bưu. Trần Bá Đạt, Khang Sinh lọt vào ban thường vụ Bộ Chính trị. Người cũ chỉ còn lại Chu Ân Lai, vẫn thủ tướng, vẫn ủy viên ban thường vụ Bộ Chính trị.

Sau Đại hội 9, Lâm Bưu đắc thắng nhảy ra chính trường, không lo quốc phòng mà chỉ mưu cơ tiếm quyền. Ngày 18 tháng 10 năm 1969, Lâm Bưu lừa dối Mao Trạch Đông và Trung ương, đặt điều Liên Xô sẽ tập kích vào Bắc Kinh và phát “chỉ thị khẩn cấp” đặt toàn quân trong tình trạng thời chiến, đó là “Mệnh lệnh số 1” tiền trạm hậu tẩu của Lâm Bưu. Ngày 19, Lâm Bưu bằng hình thức “ghi chép điện thoại” báo cáo Mao Trạch Đông, buộc ông đồng ý như một việc đã rồi, nhưng Mao Trạch Đông không nghe và ra lệnh: “đốt”. Lâm Bưu và Hoàng Vĩnh Thắng hoảng hốt, song lập mưu che giấu tội trạng rằng “Mao Chủ tịch nói rất đúng, đốt”.

Âm mưu thâm độc của Lâm Bưu là qua lần này để diễn tập chính biến, xem thử mệnh lệnh của “phó soái” có nghiêm hay không, và nhân cơ hội sơ tán thời chiến mà đẩy các bậc lão thành ra khỏi Bắc Kinh để Lâm Bưu tiện bề hành động và tổng khur bôn “hắc bang” về nông thôn cải tạo lao động, trong số đó Đặng Tiểu Bình bị đưa về Giang Tây.

Sáng ngày 26 tháng 10 năm 1969, khi nhạc hiệu “Đông phương hồng, mặt trời lên” âm vang, xe chở Đặng Tiểu Bình, Trác Lâm và kẻ mẫu Hạ Bá Cẩn rời Trung Nam Hải, không một người đưa tiễn, không một đứa con cháu nào bên mình. Đặng Lâm đã tốt nghiệp họa sĩ, chưa có việc làm vì còn bị ép buộc tố cáo cha mình. Đặng Phác Phương không còn cảm giác đại, tiểu tiện, một thân một mình nằm ở bệnh viện 301. Đặng Nam, Đặng Dung,

Đặng Chất Phương mỗi đưa một nơi đang lao động cải tạo ở nông thôn An Huy, Thiểm Tây, Sơn Tây, tất cả đều biệt vô âm tín.

Xe đưa họ đi trên những đường phố Bắc Kinh ngập trong màu đỏ của biển biểu ngữ “đả đảo”, “đốt cháy” bộ Tư lệnh giai cấp tư sản Lưu, Đặng. “Gió lạnh, thu buồn, rồi kinh lần này biết lúc nào trở lại?”, Đặng Tiểu Bình cảm thán và bất chợt nhớ lại nỗi đau 36 năm về trước, cũng ở Giang Tây, nơi mà ông sẽ đến. Tháng ba năm 1933, tại chiến khu Xô viết của Trung ương Đảng ở Giang Tây, ông đảm nhận chức vụ Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh ủy, vì nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Mao Trạch Đông, và trở trêu thay cánh tả đã chụp cho Đặng Tiểu Bình những cái mũ “sợ địch”, “bỏ chạy”, “phòng ngự thuần túy”, họ nhốt ông vào một căn phòng chật hẹp để viết kiểm thảo. Năm ấy ông mới 29 tuổi, hai tay lực mạnh song cửa mà kêu rằng “loạn rồi, loạn rồi”. Đặng Tiểu Bình lo cho Hồng quân, lo cho cách mạng bị mơ màng giữa cơ hội, mạo hiểm và chân chính. Cứ vài ngày một lần, họ lôi ông ra “chất vấn” và vẫn chỉ nhận được câu trả lời ngoan cường kiên quyết. Bà Kim Duy Ánh - người vợ trước của ông đòi ly dị vì sợ liên lụy, Đặng Tiểu Bình đã không do dự ký ngay vào đơn. “Kiểm thảo” không làm gì được chàng trai cứng cỏi này cộng thêm sự khuyên ngăn của Chu Ân Lai và Lý Phú Xuân nên họ đành “cảnh cáo” và đưa ông về một huyện tiền tuyến của Giang Tây là An Lạc. 10 ngày sau, người ta lại điều Đặng Tiểu Bình trở về tỉnh ủy. Lúc ấy, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân là Vương Gia Tường đang bị thương nằm viện hay tin sự việc của Đặng Tiểu Bình đã điện thoại xin Bác Cổ - phụ trách Trung ương Đảng - cho phép điều ông về công tác ở Tổng cục chính trị. Từ hoàn cảnh bị công kích, Đặng Tiểu Bình lại được điều lên giữ chức Trưởng đoàn thư ký của Tổng cục chính trị kiêm Tổng biên tập báo “Sao đỏ” và sau đó “đường lối La Minh Giang Tây” mà ông theo đuổi, từng bị phê phán, lại tiếp tục thực hiện, mãi cho đến tháng 5 năm 1934, khi chiến khu Xô viết Giang Tây bị quân đội Quốc dân đảng tiến công chiếm cứ mới thôi. Những chiến hữu cùng bị bức hại một thời với ông như Mao Trạch Đông, Cổ Bách... ít lâu sau đều hy sinh.

Năm xưa, vì theo Mao Trạch Đông mà bị xử lý, nhưng may sao vẫn còn sống sót và giờ đây chống đối lại cuộc đại Cách mạng văn hóa, Mao Trạch Đông không tin dùng nữa, trở thành “nhân vật số hai đi theo con đường tư bản chủ nghĩa”, lại trở về Giang Tây. Ôi, con thuyền vận mệnh biết phiêu bạt về đâu?

## 12. BA NĂM Ở GIANG TÂY

Máy bay cất cánh, rồi vượt qua bầu trời Bắc Kinh, Thái Sơn, Hoàng Hà, Trường Giang, chẳng mấy chốc đã đến Nam Xương. Tại sân bay Hướng Đường, các vệ binh Bắc Kinh bàn giao 3 người cho nhóm cán bộ của Văn phòng Ủy ban cách mạng tỉnh Giang Tây. Người của Giang Tây đưa Đặng Tiểu Bình, Trác Lâm và Hạ Bá Căn về thành phố. Từ Hướng Đường, xe đưa họ qua Thanh Vân Phố, Liên Đường rồi vào nội thị Nam Xương, đâu đâu cũng còn dấu ấn của phái tạo phản với đôi ba biểu ngữ: “Khai trừ vĩnh viễn Lưu Thiếu Kỳ ra khỏi Đảng”. “Đả đảo Đặng Tiểu Bình - nhân vật số hai theo chủ nghĩa tư bản”.

Chính quyền cách mạng Giang Tây bố trí họ ở lại nhà khách quân đội của tỉnh ba ngày, hôm cuối cùng Triệu Tử Xương - thư ký Văn phòng tỉnh dẫn đến 1 sĩ quan trẻ và giới thiệu: “Đây là Hoàng Văn Hoa, thư ký văn phòng, do tỉnh cử đến để quản lý ông bà và cụ, từ nay về sau mọi việc từ lao động sản xuất đến học tập, đọc tài liệu và các hoạt động khác của ông bà đều do anh Hoàng phụ trách”. Đặng Tiểu Bình nhìn người thanh niên họ Hoàng xa lạ mà không hề biểu hiện gì; còn anh, lần đầu tiên mới thấy rõ nhân vật số hai theo chủ nghĩa tư bản, và trong sự im lặng đáng sợ, ông như có một sức mạnh khó nhận biết.

Hoàng mời gia đình lên xe. Đặng đáp lại “vâng” với giọng điệu của người bị quản thúc, chùng mịch và lễ phép. Họ đi về hướng Thành Cương, xe qua đại lộ Bát Nhất. Lúc bấy giờ, trong cả nước, con đường này chỉ kém đường Trường An Bắc Kinh mà thôi, kiểu “chơi trội” của tỉnh trưởng Giang Tây khi ấy là Thiệu Thức Bình đã gây xôn xao ở trung ương, nhưng Thiệu dám nói, dám làm và cứ thế mở rộng lộ giới, xây cầu Bát Nhất. Đặng Tiểu Bình nhìn ra hai bên xa lộ, vẫn là tên mình trên các biểu ngữ, hoặc viết ngược đầu xuống đất, chân lên trời, hoặc bị gạch chéo bởi những vạch đỏ. Ai ngờ rằng con đường mà Thiệu đã bắt chấp dư luận, tạo dựng lên, hôm nay lại trở thành cảnh tượng một trường đấu tố.

“Đây là cầu Bát Nhất, phía dưới là sông Cán Giang. Cán Giang chảy về hồ Phàn Dương. Chỗ chúng ta ở còn khoảng 8 cây số nữa”.

Nghe Hoàng giới thiệu, ông gật đầu và hình ảnh 30 năm về trước khi cùng Hồng quân vượt Cán Giang lại hiện về, còn Phàn Dương, một hồ lớn

nhất của Trung Hoa, bao la và nhận mọi cơn sóng dữ của Trường Giang, “ôi khí phách Phàn Dương hồ”, Đặng Tiểu Bình từng cảm thán.

Xe qua thị trấn Trường Lăng, nơi đóng trụ sở huyện ủy Tân Kiến rồi thẳng về Thành Cương, điểm cuối cùng của hành trình. Đây là khu vực của trường bộ binh Nam Xương, ngày xưa là trường Đại học Trung Chính - trường học cao nhất của Giang Tây thời còn Quốc dân đảng. Hiệu trưởng của trường là thiếu tướng họ Đinh, từng ủng hộ phái tả, sau bị điều đi nơi khác. Tòa lầu mà hiệu trưởng đã ở, quen gọi là “Lầu tướng quân”, tường đỏ ngói xanh nấp dưới vòm cây chim hót quanh năm, đường đi uốn lượn giữa những bãi cỏ được xén tỉa cẩn thận, mỹ quan. Người ta bố trí Đặng Tiểu Bình, vợ và mẹ ở lầu tướng quân. Nếu không vì cảnh lao lý, quản chế thì đây quả là nơi ngoạn mục đối với tuổi già như ông.

Từ hôm đó, Đặng Tiểu Bình bắt đầu 3 năm “lao động cải tạo”, 3 năm tư duy rèn luyện cho một tương lai dữ dội hơn, 3 năm cô độc mà kiên trì, 3 năm không bình thường trong đời ông.

Sáng hôm ấy, Đặng Tiểu Bình và Trác Lâm trong bộ trang phục màu xanh của công nhân, chân đi giày vải kiểu quân đội, vai vắt khăn bông cùng Hoàng Văn Hoa đến xưởng sửa chữa máy kéo của huyện Tân Kiến. Ba người rời khỏi lầu tướng quân, xuống một dốc ngắn, vượt qua cổng trường bộ binh, và cứ thế theo đường lộ Nam Xương khoảng 2 cây số rồi rẽ trái 200 mét là đến nơi lao động. Bí thư chi bộ kiêm Chủ tịch ủy ban cách mạng của xưởng niềm nở bắt tay và giới thiệu: “Đây là một xí nghiệp cỡ nhỏ của huyện, chỉ có 80 công nhân”. Đặng Tiểu Bình liền hỏi: “Xưởng có còn Hồng vệ binh nữa không?”. Bí thư vui vẻ trả lời: “Chúng tôi không có Hồng vệ binh, hầu hết là công nhân lớn tuổi, rất an phận”.

Sĩ quan quân giáo và bí thư đưa Đặng Tiểu Bình và Trác Lâm vào xưởng máy, không ai ngờ đó lại là Tổng bí thư - Phó thủ tướng và phu nhân. Mặc dù đã có sự chuẩn bị trước về tư tưởng và kỷ luật cho công nhân, song khi đó người ta đã rộ lên “Đặng Tiểu Bình!” và ủa đến bên ông như tranh nhau một vinh dự lần đầu tiên được tận mắt nhìn thấy lãnh tụ của đất nước. Giữa vòng vây của những người thợ, với những ánh mắt triu mến, hoàn toàn khác hẳn với đám Hồng vệ binh Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình và vợ ông như lũ khách trên hoang mạc đã tìm thấy màu xanh cuộc sông. Thoạt đầu Đặng Tiểu Bình được phân công rửa các chi tiết máy, ông ngồi xồm lâu, hai chân tê cứng, mỗi lần đứng dậy đều té ngã, xưởng trưởng định chuyển ông sang bộ phận xem bản vẽ, nhưng mắt mờ không tiện, cuối cùng thì đưa về tổ nguội dũa các chi tiết. Thật là hạnh ngộ, vì khi ở Pháp, để

kiếm tiền ăn học, ông đã từng làm thợ cho hãng ô tô Renault, bỗng chốc đã hơn 40 năm, nay gặp lại “bạn cũ” - dũa, đục, cưa, búa. Bên bàn nguội étau, với tư thế vững chãi, động tác thuần thục, Đặng Tiểu Bình có dáng dấp như một sư phụ. Và cái tên “già Đặng”, “thợ nguội giỏi nhất” đã lan truyền khắp xưởng.

Nhớ lại những hôm đầu tiên, viên sĩ quan quân giáo cứ “ê, ê” sai, gọi mãi vẫn không tìm ra chủ ngữ. Nếu kêu tên “Đặng Tiểu Bình” thì quá hỗn, còn gọi “Đồng chí Tiểu Bình” như trước đây lại không được, vì đã đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, chống lại Đảng, chống lại Mao Chủ tịch thì “đồng chí” ở đâu. Đặng Tiểu Bình chủ động bảo anh: “Cứ gọi tôi là lão Đặng, già Đặng”“. Đúng, “già Đặng” - cách xưng hô lễ phép với người già - theo tập quán Trung Hoa, và cũng là tỏ thái độ trung tính: không phải địch, không phải ta.

Ba năm, không quản ngày mưa, giá rét, không quản ngày nắng, oi nồng, hai vợ chồng Đặng Tiểu Bình đều có mặt ở vị trí người thợ. Ông rảo bước đi về chỉ trên một con đường từ nhà đến xưởng, từ xưởng về nhà, và mỗi buổi trưa thức dậy lại quay vòng xung quanh lầu tướng quân. Tuy cuộc sống đơn điệu nhưng thân thể ông đã cường tráng hẳn lên, và đặc biệt đầu óc ông đã nảy nở nhiều kế sách. Cũng trong 3 năm ở đây, ông đã đọc một cách hệ thống các bộ sách quý “Tam quốc diễn nghĩa”, “Hồng lâu mộng”, “Thủy hử” và “Tây du ký”, và nhận được nhiều nguồn dinh dưỡng từ kho tàng di sản ấy của dân tộc. Đã nhiều lần sĩ quan quân giáo hỏi ông về việc đọc *Mao tuyển* và tỏ ý không vừa lòng, Đặng Tiểu Bình trả lời: “Hồi còn ở Trung ương, chúng tôi đã thay đổi hình thức đọc *Mao tuyển* thành nghe *Mao tuyển*, và chính ông là người đã có sáng kiến chọn lọc trong thiên kinh vạn quyển của Mao soạn thành cuốn “Lời Mao Chủ tịch” gọn gàng, rõ ràng, súc tích kiểu như kinh thánh mà mọi tín đồ đều thuộc lòng, tụng tụng niệm niệm và luôn có trong tay.

Một hôm, Trình Thế Thanh, người đứng đầu tỉnh Giang Tây xộc đến hỏi ông: sáu, bảy tháng rồi, tư tưởng cải tạo ra sao, có gì khó khăn không v.v..., Đặng Tiểu Bình ngồi yên như pho tượng và chỉ nói một câu: “Mọi việc tôi đã viết trong thư gửi về Trung ương qua Chánh văn phòng Ưng Đông Hưng rồi”, Trình Thế Thanh bẽ mặt và chòen từ đó. Nhưng về sau Trình đã giúp Đặng nhiều việc, đặc biệt là cho phép con cái của họ được đoàn tụ ở Giang Tây.

“Họa trung đắc phúc”, 3 năm Giang Tây, 3 năm sống cuộc sống của người dân, những bữa cơm đạm bạc theo khẩu vị Tứ Xuyên, những ly rượu

nếp tự mình chưng cất, những lần đón con cái về rồi lại tiễn chúng ra đi và để lại bao nhiêu trống vắng, những bước đi trên con đường đất nhỏ mà sau này dân huyện Tân Kiến gọi là “con đường Đặng Tiểu Bình”, những nghĩ suy cho tương lai một Trung Hoa đã nảy sinh trên con đường ấy, và tấm lòng của những người thợ, người dân, nếu so với nhiều chiến hữu đã ngã xuống trong cuộc đại loạn - Cách mạng văn hóa - thì đây vẫn là hồng phúc, cho ông và cho cả nhân dân nước ông.

### 13. LẦN THỨ HAI VÀO TRUNG NAM HẢI

Thân trong nghịch cảnh, bị quản thúc không khác gì nơi lao lý, nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn luôn quan tâm đến vận nước, ông tin sẽ có một ngày mọi sự thật sẽ được đưa ra ánh sáng, Mao Trạch Đông sẽ hiểu ông, tin dùng ông và giao cho ông trở lại gánh vác công việc của nước nhà.

Ngày đó đã đến.

13 tháng chín năm 1971, Lâm Bưu tử nạn trên sa mạc Mông Cổ trong chuyến bay trốn chạy do việc mưu sát Mao Trạch Đông bị thất bại. Tin dữ này làm cả Trung Quốc kinh ngạc, “phó soái phản chủ soái”, và lãnh đạo xưởng sửa chữa máy kéo huyện Tân Kiến - nơi Đặng Tiểu Bình lao động cải tạo - đã trao cho ông bản thông báo của Trung ương về vụ việc nêu trên.

Đặng Tiểu Bình đã đề một buổi chiều và hai buổi tối viết cho Mao Trạch Đông bức thư dài trên 4000 chữ. Sau khi vạch trần những hành động phản cách mạng của Lâm Bưu và Trần Bá Đạt, khiêm tốn tự phê bình những thiếu sót của bản thân, Đặng Tiểu Bình bày tỏ nguyện vọng cống hiến sức lực cho tổ quốc và nhân dân. Ông cho biết đã 5 năm cách ly, nay tuy tuổi 67 nhưng sức khỏe vẫn còn tốt, có thể làm những công việc có tính nghiên cứu khoa học, đóng góp cho Đảng, cho nhân dân mà không có một yêu cầu gì khác. Ba hôm sau, qua bí thư chi bộ của xưởng sửa chữa máy kéo huyện Tân Kiến, thư của ông đã lên đến Bắc Kinh giao cho Uông Đông Hưng - chánh văn phòng Trung ương.

Tập đoàn Lâm Bưu tự thân sụp đổ đã làm cho chính trường Trung Quốc thay đổi, các danh tướng bị Lâm Bưu đánh đổ nay được phục hồi, đầu tiên là Diệp Kiếm Anh đảm nhiệm ngay chức vụ Bí thư trưởng của Quân ủy Trung ương. Thế trận kiềm chế ba chân giữa Lâm Bưu, Giang Thanh, Chu Ân Lai không còn nữa, nay là cuộc đấu tranh của hai phái, một bên là phá hoại, là gây loạn, một bên là lo lắng cơm ăn áo mặc cho 800 triệu dân, là xây dựng đất nước. Nhận thấy điều này, rút ra bài học từ sự kiện Lâm Bưu, Mao Trạch Đông quyết định giao cho Chu Ân Lai chủ trì công việc thường nhật của Trung ương. Và để khôi phục một Trung Quốc đã tàn tạ sau Cách mạng văn hóa, người đầu tiên mà Chu Ân Lai nghĩ tới là đại thần tài năng Đặng Tiểu Bình, song dùng lại Đặng Tiểu Bình không phải là việc dễ vì hai lẽ: thứ nhất, chính Mao Trạch Đông chủ trương đánh đổ Đặng Tiểu Bình;

thứ hai, giả sử Mao đồng ý thì vẫn còn Giang Thanh - kẻ không đội trời chung với Đặng, cho nên Chu Ân Lai phải đợi thời cơ.

Ngày 6 tháng giêng năm 1972, nguyên soái Trần Nghị tạ thế, Mao Trạch Đông tham dự lễ truy điệu, trong khi nói chuyện với các tướng lĩnh, Mao có nhắc đến Đặng Tiểu Bình, chắc ông đã đọc xong bức thư 4000 chữ của Đặng. Tháng tám năm ấy, vở kịch mới của Giang Thanh là cuộc vận động “phê Lâm phê Khổng” đã trình diễn, thực chất là công kích Chu Ân Lai, chuẩn bị dư luận cho âm mưu tranh giành quyền bính. Ngày 4 tháng tám, Đặng Tiểu Bình lại viết một bức thư nữa cho Mao Trạch Đông. Sau khi phân tích kỹ ai là người tạo phản, phá rối, ai là người có thể trị quốc, bình thiên hạ, Mao Trạch Đông đã viết:

*“Sau khi nhờ Thủ tướng xem xong, chuyển giao chánh văn phòng Uông Đông Hưng ấn phát cho các đồng chí Trung ương. Sai lầm mà đồng chí Đặng Tiểu Bình mắc phải là nghiêm trọng, nhưng so với Lưu Thiếu Kỳ thì có khác biệt. (1) Đồng chí là một trong bốn người bị xử lý ở khu căn cứ Xô-viết của Trung ương, tức là Đặng, Mao, Xạ, Cổ - bốn người cầm đầu của phái Mao. (2) Đồng chí không có vấn đề lịch sử, không đầu hàng địch. (3) Đồng chí cùng Lưu Bá Thừa đánh thắng nhiều trận, lập nhiều chiến công. Kể từ ngày về thành phố, đồng chí đã làm nhiều việc tốt, đã dẫn đầu đoàn đại biểu sang Mạc Tư Khoa đàm phán, không bị chủ nghĩa xét lại của Liên Xô khuất phục. Những sự việc này trước đây tôi đã nói nhiều lần, bây giờ nhắc lại lần nữa.*

*Mao Trạch Đông*

*Ngày 14 tháng tám năm 1972.”*

Đây là thời cơ mà Chu Ân Lai mong đợi, ông đã cho văn phòng in văn bản này và gửi cho tất cả thành viên của Bộ Chính trị nghiên cứu thảo luận, với tư cách là Trung ương, ông kịp thời điện báo cho Tỉnh ủy Giang Tây hủy bỏ chế độ lao động cải tạo đối với Đặng Tiểu Bình, phục hồi sinh hoạt Đảng cho Đặng, đồng thời bố trí Đặng tham quan, khảo sát, điều tra, nghiên cứu v.v... và không quên đưa tất cả những nhân viên cũ đã từng phục vụ Đặng Tiểu Bình về ngay Giang Tây ở bên cạnh ông. Người đời sau bình luận về sự kiện này đều phải tỏ lời khâm phục sự tài hoa của Chu Ân Lai.

Phái Giang Thanh, Khang Sinh, Trương Xuân Kiêu sợ hãi trước quyết định của Mao Trạch Đông, họ cho rằng Chu Ân Lai có thêm Đặng Tiểu Bình chẳng khác gì “hỗ thêm cánh”, nhưng Mao đã quyết là không tranh cãi. Trong phiên họp ngày 10 tháng ba năm 1973 của Bộ Chính trị, phái



Giang Thanh gương cờ trắng đầu hàng - đồng ý phục hồi Đặng Tiểu Bình. Nhưng họ lại lo bày mưu tính kế cho hiệp sau.

Ngày 20 tháng ba năm 1973, Đặng Tiểu Bình từ giả Tân Kiến, từ giả xưởng thợ, từ giả lâu tướng quân trở về Trung Nam Hải và cũng bắt đầu một cuộc chiến đấu mới.

## 14. MAO TRẠCH ĐÔNG MỜI “QUÂN SỰ”

Ngày 12 tháng 4 năm 1973, Đặng Tiểu Bình tham dự buổi tiệc chiêu đãi Hoàng thân Norodom Sihanouk, đây là lần đầu tiên, sau khi khôi phục, ông xuất hiện trước công chúng và đám đông, vẫn dáng người thấp, vai bè cương nghị nhưng có vẻ cô độc, không nhiều lời. 14 năm sau, một vị khách Hungary đã nhớ lại ngày hôm ấy như sau: “Bên kia là những anh hùng của cuộc đại Cách mạng văn hóa, những người vừa áp đảo ông, đoạt quyền của ông, còn bên này là những người hy sinh chính trị, họ trở về với đại lễ đường quyền lực như ông, một Phó Thủ tướng.”

Tháng 8 năm 1973, đại hội lần thứ 10 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bầu Đặng Tiểu Bình vào Ban chấp hành Trung ương. “Tên số hai theo chủ nghĩa tư bản” lại bỗng chốc là ủy viên trung ương cộng sản, phó thủ tướng một nước xã hội chủ nghĩa. Thật là một bước ngoặt lớn trong đời ông và sự việc chưa dừng tại đó, vì Mao Trạch Đông còn giao cho ông nhiều trọng trách khác.

Ngày 12 tháng chạp năm đó, Mao Trạch Đông chủ trì hội nghị Bộ Chính trị, Mao có vẻ rất yếu. Năm ngoài đầu tim tưởng khó qua, may nhờ cứu chữa tích cực nên sức khỏe đã bình phục, nhưng nói năng chậm, nhỏ.

Mở đầu Mao Trạch Đông phê bình Bộ Chính trị và Quân ủy: “Bộ Chính trị cần bàn về chính trị. Quân ủy cần bàn về quân sự, không chỉ quân sự mà còn cả chính trị nữa.”

Đầu năm, Mao đã phê bình một lần rồi, “Bộ Chính trị mà không bàn chính trị. Quân ủy mà không bàn quân sự”.

Mao nói tiếp, vẫn câu đầu năm đã nói một lần và thêm phần sau: “Các đồng chí không sửa, tôi sẽ khai hội hoài, khai hội ở tại đây, tôi không còn cách nào khác, thúc mãi các đồng chí và nói trực diện mãi với các đồng chí”.

Sau đó, Mao Trạch Đông chuyển sang chủ đề khác: “Tôi đề nghị, về một việc quân sự, đó là Tư lệnh các quân khu lớn trong toàn quốc cần điều chuyển qua lại”.

Ông quay sang Diệp Kiếm Anh: “Đồng chí tán thành rồi, tôi tán thành ý kiến của đồng chí và chỉ ra người nói giúp, phát biểu giúp. Tôi cũng đã tìm gặp thủ tướng và Vương Hồng Văn, cả hai đều tán thành.”

Mao đề nghị mọi người dự hội nghị cùng đồng thanh hát bài “Ba điều kỷ luật, tám điều chú ý” của Giải phóng quân. Thế là tất cả cùng cất cao: “Là quân nhân cách mạng, mỗi người đều ghi nhớ ba điều kỷ luật, tám điều chú ý. Thứ nhất, tất cả hành động đều nghe chỉ huy, bước đi phải đều, phải nhất trí thì mới thắng lợi...”

Từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa 9, Mao Trạch Đông có tập quán yêu cầu mọi người hát lại bài “Ba điều kỷ luật, tám điều chú ý”, ông muốn bước đi của toàn Đảng, bước đi của Bộ Chính trị phải đều, phải nhất trí. Trong buổi đại loạn, nói gì đến toàn Đảng, ngay như Bộ Chính trị bước đi cũng khó mà nhất trí, mặc dầu trước mặt Mao họ hát rất đều.

Nghe xong bài hát, Mao Trạch Đông lại nói: “Sùng trâu để làm gì? Chắc là để đấu!”, ông chủ trương triết lý đấu tranh. “Một người làm việc lâu ở nơi nào, là không được”, theo ông sẽ sinh tiêu cực.

Nói đoạn, Mao Trạch Đông đột ngột chuyển sang chủ đề khác - tuyên bố một quyết định quan trọng, ông chỉ Đặng Tiểu Bình, người vừa được khôi phục: “Bây giờ, tôi mời một vị quân sư, tên gọi Đặng Tiểu Bình. Ra một thông báo đảm nhận ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Quân ủy. Bộ Chính trị quản toàn bộ: đảng, chính, quân, dân, học sinh, đông tây nam bắc. Tôi nghĩ Bộ Chính trị cần thêm một chức danh bí thư trưởng, nếu đồng chí không thích cách gọi như thế, thì đổi là tham mưu trưởng”.

Cử tọa lắng nghe từng câu, từng chữ của Mao, nét mặt ai cũng lặng như tờ khi Mao công bố quyết định nêu trên, song trong lòng có người hoan nghênh, lại có kẻ phản đối. “Bây giờ chúng ta mời một vị tham mưu trưởng. Vị ấy, có người sợ, nhưng ông ta làm việc rất quyết đoán, đòi ông ta là bảy phần thắng. Vị Tư lệnh của các đồng chí tôi đã mời về, Bộ Chính trị đã mời về, chứ không riêng mình tôi mời.”

Mao quay người về phía Đặng: “Còn đồng chí, người ta sợ đồng chí. Tôi xin tặng đồng chí hai câu: Trong nhu có cương, trong bông có kim, bên ngoài hòa khí một chút mà nội tâm là cả một công ty gang thép. Khuyết điểm trước đây, hãy sửa chữa dần”. Có lẽ qua đây Mao Trạch Đông muốn phê phán Đặng hơn là tán dương.

... Tháng ba năm 1974, Bộ Chính trị lại họp để thảo luận chọn cử ai đi dự hội nghị đặc biệt của Đại hội đồng Liên hiệp quốc khóa 6. Theo ý kiến của Mao, hội nghị cử Đặng Tiểu Bình, Giang Thanh kiên quyết phản đối. Mao đã phải trấn an bằng bức thư:

*“Giang Thanh:*

*Đồng chí Đặng Tiểu Bình đi nước ngoài là ý kiến của tôi, cô không nên phản đối mới phải, cần cẩn thận, không được trái ý tôi.*

*Mao Trạch Đông*

*Ngày 27 tháng ba năm 1974”*

Sau đó một vài hội nghị khác, Mao Trạch Đông lại tiếp tục phê bình Giang Thanh, yêu cầu giải tán ngay cái nhà máy chế tạo “mũ” của bà, chỉ chuyên chụp mũ người khác, chinh đồn người khác và cảnh cáo việc hình thành “nhóm Thượng Hải” gồm bà, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, Trương Xuân Kiêu. Ngược lại, Mao đã giao cho Đặng Tiểu Bình trọng trách Phó thủ tướng thứ nhất và nói đùa với Đặng: “Đồng chí nên lập nhà máy gang thép”.

Đây là những ngày mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đang chuẩn bị triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân toàn Quốc khóa 4. Trung ương ra thông báo truyền đạt chỉ thị của Mao: “Cuộc đại cách mạng văn hóa của giai cấp vô sản đã kinh qua 8 năm bây giờ là lúc phải ổn định lại, phải đoàn kết toàn đảng toàn dân”. Quan điểm của ông là đại loạn đại trị, chỉ có đại loạn mới đại trị được, đến nay đại loạn thì đã rõ ràng, còn mục tiêu đại trị thì chưa ra sao cả, và Mao Trạch Đông đã nhận ra bài học không thể tiếp tục nổi loạn nữa mà phải an định, đoàn kết, 7 năm rồi vẫn chưa tiến hành đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, không thể kéo dài mãi như thế. Trị quốc an bang, đám người Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn là không xong, Giang Thanh lại càng tệ hại, chỉ có thể trông chờ vào Chu, Đặng mà thôi. Mao Trạch Đông suy nghĩ như vậy và bắt tay vào việc chỉ huy xây dựng nội các mới.

Quyền bính mà lực lượng cách mạng văn hóa đã đoạt được trong cuộc đại loạn vừa qua không dễ gi lại để rơi vào tay kẻ khác. Giang Thanh và những người của bà sau đợt tấn công “phê Lâm phê Khổng” (thực chất là phê Chu Ân Lai) không thu được, kết quả gì, lại tiếp tục chĩa mũi nhọn sang Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình sẽ phải đương đầu với “nhóm Thượng Hải”“, mà ngay ở hiệp nhất với vụ “Phong Khánh Luân” - mua tàu biển nước ngoài, Đặng Tiểu Bình đã bị chụp cái mũ sùng của ngoại, thích Tây. Con đường mà ông đang đi còn lắm thác, lắm ghềnh.

## 15. NHÂN SỰ QUỐC VỤ VIỆN

Vào những năm cuối đời và nhất là hậu kỳ Cách mạng văn hóa, Mao Trạch Đông nhận thấy Bộ Chính trị thường chia thành hai phe, không biết tin phe nào, ông bèn dùng một lực lượng trung gian, cầu nối. Hai cô gái trẻ được Mao Trạch Đông tin dùng làm công việc ấy là Vương Hải Dung - cháu của Mao, và Đường Văn Sinh - con của Đường Minh Chiêu, quan viên Bộ ngoại giao. Vương - Đường như hai chị em, ăn mặc giản dị, tóc để ngắn ngang tai, mắt luôn đeo kính cận, thật là hình tượng điển hình của lớp trí thức trẻ thuở ấy. Hai cô là cán bộ phiên dịch của Bộ ngoại giao được phân công phiên dịch cho Mao Trạch Đông khi tiếp khách nước ngoài.

Nhưng quan trọng hơn, là thu thập tình hình trong nội bộ Bộ Chính trị rồi báo cáo lại cho Mao Trạch Đông biết và truyền đạt những chỉ thị của ông đến Bộ Chính trị và Trung ương. Một số văn kiện phát cho các ủy viên Bộ Chính trị cũng liệt kê tên của Vương, Đường vào đó.

Ngày 18 tháng 10 năm 1974, Vương Hồng Văn đáp máy bay đi Trường Sa báo cáo cho Mao Trạch Đông rằng Thủ tướng Chu Ân Lai tuy nằm viện mà vẫn ngày đêm gọi người đến làm việc, rằng những người thường lui tới với thủ tướng là Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, rằng hình như họ bàn bạc về sắp xếp nhân sự cho Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa 4, rằng Bắc Kinh có không khí của hội nghị Lư Sơn năm nào v.v.... Mao chỉ nghe mà không một lời đồng ý hay phản đối, Vương Hồng Văn lui thủi ra về và không biết Mao đánh giá mình ra sao.

Đêm ấy, khi Vương Hồng Văn còn ở Trường Sa, thì Giang Thanh cho mời hai cô gái Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đến lầu số 10 Điều Ngự Đài cùng Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên trao đổi công việc. Họ nhờ hai cô báo cáo với Mao Trạch Đông về diễn biến hội nghị Bộ Chính trị hôm 17 tháng mười, khi thảo luận vấn đề “Phong Khánh Luân”, Đặng Tiểu Bình đã cãi nhau với Giang Thanh, rồi bỏ về; về tình hình các vị trong chính phủ luôn luôn móc nối liên lạc với nhau, và hình như Chu Ân Lai đứng sau hậu đài. Họ cũng nhắc lại hồi đại Cách mạng văn hóa, Đặng Tiểu Bình đã chủ trương: “Mua tàu hơn đóng tàu, và thuê tàu hơn mua tàu”, thật là sùng ngoại trọng Tây v.v...

Sáng hôm sau, hai cô vào bệnh viện thăm Thủ tướng Chu Ân Lai và trình bày hết sự tình đêm hôm qua, Chu cười mà rằng: “Bốn người ấy muốn

hại Đặng Tiểu Bình đó, tôi đang tìm hiểu tình hình và sẽ giải quyết dần”. Ông biết rằng trọng tâm của việc đấu tranh lần này là sắp xếp nhân sự đại hội, và đã đến tai Mao Trạch Đông rồi, vấn đề là phải xem ý kiến của Mao như thế nào.

Ngày 20, Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh tháp tùng thủ tướng Đan Mạch đến tiếp kiến Mao Trạch Đông. Sau khi làm xong phận sự thông dịch ngoại giao, hai cô nhận chỉ thị của Mao như sau: “Thủ tướng vẫn là thủ tướng, công việc nhân sự cho Đại hội đại biểu nhân dân sắp tới giao cho Thủ tướng và Vương Hồng Văn cùng quản lý, kiến nghị Đặng Tiểu Bình đảm nhận các chức vụ: Phó chủ tịch Đảng, Phó thủ tướng thứ nhất, Phó chủ tịch kiêm Tổng tham mưu trưởng Quân ủy trung ương. Bảo với Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên đừng có đứng sau Giang Thanh mà phê phán lung tung”.

Vương, Đường - “cầu nối” của Mao, đã y nguyên lời lẽ như trên mà truyền đạt cho Bộ Chính trị và Trung ương.

Mao cho gọi Đặng Tiểu Bình về, đó là ngày 12 tháng mười một năm 1974, dự buổi nói chuyện giữa hai ông vẫn không vắng mặt hai “cầu nối” Vương, Đường.

- Đồng chí đã khai trương công ty thép rồi!

Mao vui vẻ như tán dương Đặng.

- Chủ tịch đã biết sự việc.

- Biết.

- Tôi thực sự chịu không nổi, không chỉ một lần.

- Tôi tán thành đồng chí.

- Bà ta đã bảy tám lần như vậy ở Bộ Chính trị.

- Áp bức người khác, tôi không thích như thế.

Mao chỉ tay sang hai cô Vương, Đường và nói tiếp: Các cô đây cũng không thích thế.

- Tôi cảm thấy sinh hoạt trong Bộ Chính trị gần đây không được bình thường, cuối cùng đành phải cùng bà ta gang thép với gang thép một phen. - Đặng Tiểu Bình trả lời.

- Được lắm, - Mao rất vui.

- Thừa Chủ tịch, về quyết định phân công công tác, tôi không dám có ý kiến gì khác, nhưng xem ra có hơi nặng.

- Không còn cách nào khác, hãy cố mà gánh vác. - Mao vui vẻ động viên.

Từ ngày 13 đến ngày 17 tháng giêng năm 1975, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa 4 được cử hành tại Bắc Kinh. Đại hội đã bầu những người đứng đầu Quốc vụ viện, Thủ tướng Chu Ân Lai, các phó thủ tướng: Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Lý Tiên Niệm, Trần Tích Liên, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Trần Vĩnh Quý, Ngô Quế Hiền, Vương Chấn, Dư Thu Lý, Cốc Mục, Tôn Kiện. Thế cuộc giao tranh đã đến hồi kết thúc và âm mưu đoạt quyền của “tứ nhân bang” cũng vào lúc cáo chung.

Sau đại hội, Chu Ân Lai lâm bệnh nặng, Đặng Tiểu Bình thay quyền thủ tướng, chủ trì công việc thường nhật của Quốc vụ viện và trên thực tế là của Trung ương. Một bình luận gia quốc tế đã nhận xét: Tác phong của Chu và Đặng không giống nhau, Chu Ân Lai chú ý sách lược, khiến cho mình nổi trên mặt nước, nhưng không thay đổi phương hướng chủ yếu của dòng chảy, còn Đặng Tiểu Bình thì không chịu thuận phục, ông lập tức đắp đê, dựng đập ngăn dòng lũ đó.

Hành xử những quyền hạn mà Mao Trạch Đông giao phó, Đặng Tiểu Bình đã chú trọng khôi phục kinh tế và kiên quyết chinh đốn Đảng, đấu tranh với phái “tả” và “bè lũ bốn tên”. Người đời sau cho rằng lúc bấy giờ Đặng Tiểu Bình đã hành động rất ngoan cường với thái độ “biết trên núi có hổ mà vẫn đi về phía núi đó”, vì không còn cách nào khác.

## 16. MAO VIỄN TÂN LÀ AI?

“Biết núi có hồ mà vẫn đi về phía núi đó”, được Mao Trạch Đông giao nhiệm vụ, Đặng Tiểu Bình đã chủ trì nhiều phiên họp của Bộ Chính trị phê bình Giang Thanh và nhóm Thượng Hải. Công việc này nói thì dễ nhưng bắt tay vào thực hiện thì khó khăn, vì chẳng khác gì chọc vào tổ ong. Song nghĩ đến hành động hại dân, hại nước của Giang và phe phái, Đặng không thể không ra tay. Ngày 28 tháng 6 năm 1975, Giang Thanh đã phải viết kiểm điểm gửi cho Chủ tịch và các ủy viên Bộ Chính trị thú nhận “nhóm bốn người” sẽ dẫn đến sự phân liệt trong Đảng v.v...

Tuy vậy, Giang Thanh còn có một con bài khá lợi hại - ấy là Mao Viễn Tân, vậy người ấy là ai?

Tân là con trai của Mao Trạch Dân, gọi Mao Trạch Đông là bác ruột. Khi về sống với Mao, Viễn Tân còn là cậu bé quàng khăn đỏ, nhỏ thua Lý Nạp - con gái của Mao - một tuổi, và thấp hơn cô bé này một cái đầu, mọi người gọi cậu là “bé hạt đậu”. Vào lúc thời kỳ đầu của Cách mạng văn hóa, đám Hồng vệ binh in phát tài liệu “Cuộc nói chuyện giữa Mao Chủ tịch với người cháu Viễn Tân”; từ đó, nhờ uy vọng của Mao, tên tuổi của Viễn Tân truyền khắp bốn biển.

Sau khi tốt nghiệp ở Học viện công trình quân sự Cáp Nhĩ Tân, Viễn Tân lập tức xung vào phái tạo phản, là đầu não của Ban tuyên huấn tỉnh Liêu Ninh, sau đó nhảy lên chức Phó chính ủy quân khu Thẩm Dương và Phó chủ tịch “ủy ban cách mạng” Liêu Ninh. Viễn Tân tôn thờ Mao Trạch Đông như vị thánh sống và tôn kính Giang Thanh như mẹ đẻ, hơn nữa, còn coi bà là thần hộ mệnh của mình. Năm 1973 Viễn Tân lập công với Giang Thanh bằng chiến tích “phản hồi triều” trong các trường học. Nhiều lần về kinh thăm hai bác, Viễn Tân được chăm nom như “Đông cung thái tử”. Tuy nhiệm sở ở Liêu Ninh, nhưng Viễn Tân vẫn thao túng, điều khiển cả hai tỉnh Cát Lâm và Hắc Long Giang, người ta đã phong cho Viễn Tân là “Đông bắc thái thượng hoàng”. Viễn Tân cũng học cách nắm quyền, sai khiến người khác và theo đòi Giang Thanh trong cuộc sống cá nhân, thuốc lá thơm, phim ảnh nước ngoài v.v...

Từ ngày “ở riêng”, vợ con không ai được đến với Mao Trạch Đông khi ông chưa cho phép. Nay Mao lâm bệnh, không thể để ông “trống trải” như vậy, Giang Thanh bàn mãi với ba “đại thần” (Trương, Vương, Diêu)



mới chọn được Mao Viễn Tân làm “liên lạc viên”. Kể sách này làm người ta nhớ lại Võ Tắc Thiên nhà Đường đã xem người cháu là Võ Tam Tư như thái tử.

10 giờ sáng ngày 2 tháng 11 năm 1975, Mao Viễn Tân về Trung Nam Hải nhậm chức “liên lạc viên” cho Mao Trạch Đông, tâu lên truyền xuống mọi việc giữa Mao và Trung ương, Quốc vụ viện. Sự kiện Viễn Tân được điều vào Trung Nam Hải làm việc bên cạnh Mao Trạch Đông gây ngạc nhiên cho nhiều người, vì đây là hiện tượng không bình thường trong sinh hoạt Đảng và cũng chưa có tiền lệ. Nhưng vì sức khỏe của Mao, mọi người đều tỏ thái độ kềm chế, từ đó Viễn Tân nói gì tức là lời của Mao Trạch Đông nói, cứ thế mà chấp hành!

Một ngày đầu mùa đông, gió lạnh tràn cả thành phố Bắc Kinh, Viễn Tân nhẹ nhàng vào phòng ngủ của Mao và làm ông tỉnh giấc.

- Bên ngoài chắc lạnh?... Gió thổi mạnh lắm... phải không...?

Giọng nói rất bé, lại chậm, nhưng vì nghe quen giọng nói Hồ Nam của Mao Trạch Đông nên Viễn Tân hiểu ngay. Anh không muốn báo cáo với ông về khí hậu thiên nhiên, mà tuân theo sự chỉ bảo của “mẹ” Giang Thanh, nhân cơ hội này bàn sang thời tiết chính trị.

- Dạ thưa Chủ tịch, gió cũng thường thổi, nhưng người ta cảm thấy hình như có luồng gió lạ.

- Gió gì?

Vì quen với phân tích, nên Mao rất nhạy với tình hình và lập tức “ngửi” thấy một động thái chính trị mới.

- Dạ thưa Chủ tịch, lúc còn làm việc dưới tỉnh, cháu đã cảm nhận được luồng gió này, đó là sự phủ định Cách mạng văn hóa.

Nghe đến mấy chữ “Cách mạng văn hóa”, Mao liền bật dậy nửa ngồi, nửa nằm bắt Viễn Tân tường trình cặn kẽ. Cách mạng văn hóa, một trong hai đại sự của đời ông, là tác phẩm đặc ý vào những năm cuối cùng, ông đã xem xét kỹ, công lớn hơn tội, đã kinh thiên động địa chưa từng có trong lịch sử, là một chiến tích phòng chống chủ nghĩa xét lại. Nếu có sai thì chỉ mình ông thừa nhận, không cho phép một ai được trách cứ, phê phán.

Còn Viễn Tân, anh cũng đặc ý vì đã đưa ông bác vào tròng của Giang Thanh, sẵn kịch bản trong tay, Viễn Tân trình bày 5 điểm phủ định Cách mạng văn hóa và cũng là phủ định Mao Trạch Đông. Nhưng quen với cách trừ tà đuổi gió, Mao muốn biết ngọn nguồn và sức mạnh của luồng gió lạ.

- Gió thổi có mạnh không, cháu?

- Dạ thưa bác, dạ thưa Chủ tịch, còn hơn cả hồi phê phán phái cực tả

- À, còn mạnh hơn hồi năm 1972.

Lúc ấy ám chỉ Chu Ân Lai đã thổi lên luồng gió “phê cực tả”. Mao cau mày và bảo Viễn Tân nói tiếp.

- Cháu rất chú ý cách phát biểu của đồng chí Tiểu Bình, - Viễn Tân hạ giọng, vẻ mặt tỏ ra quan trọng. - Cháu thấy Tiểu Bình rất ít khi nhắc tới Cách mạng văn hóa, nhắc tới Lưu Thiếu Kỳ. Chủ tịch chỉ thị ba điều, nhưng... - Viễn Tân ngừng giây lát rồi nói nhỏ - Nhưng Tiểu Bình chỉ làm một, là sản xuất mà thôi. Bên ngoài đang lo lắng rằng trong Trung ương có kẻ phản phúc.

Không được, không thể chấp nhận một ai xuyên tạc hoặc phá hoại ba điều chỉ thị “học tập lý luận, tinh thông chủ nghĩa Mác Lê, phòng chống chủ nghĩa xét lại, đoàn kết ổn định, đưa kinh tế tiến lên”. Nhẽ nào Tiểu Bình chỉ lo kinh tế, chỉ lo sản xuất mà bỏ tất cả, không muốn đấu tranh giai cấp, phủ nhận Cách mạng văn hóa. Mao Trạch Đông nhớ lại lúc Khang Sinh lâm bệnh, cũng đã “cáo trạng” Đặng Tiểu Bình như vậy, sau đó Mao tiếp cận Đặng và thấy không có gì. Hôm nay nghe thằng cháu báo cáo, ông vừa tin cháu, lại vừa nuôi hy vọng là Đặng Tiểu Bình sẽ quay về “con đường chân chính”.

Ông nghĩ, có thể là sự bất mãn của Đặng đối với Cách mạng văn hóa, có thể là Đặng tính sổ, tính nợ mà Cách mạng văn hóa phải trả... biết lý do nào đây?

Mao ra lệnh cho Viễn Tân:

- Cháu gặp ngay Đặng Tiểu Bình, Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên, nói là bác bảo họ nói rõ ra, không úp mở nữa, nói hết mọi ý kiến. À như thế này, cháu tìm Tiểu Bình, Tích Liên, Đông Hưng mở hội nghị nhỏ, cháu nói hết mọi phê, rồi báo cáo cho bác hay.

Liên lạc viên thực hiện chỉ thị mới nhất, nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn kiên định quan điểm của mình, không nhận sai lầm gì cả. Viễn Tân trở về và lại “thêm mắm thêm muối” báo cáo với Mao Trạch Đông.

Hai hôm sau, Mao bảo Viễn Tân thông báo bố trí họp Bộ Chính trị.

Mao căn dặn:

- Đối với Cách mạng văn hóa, nhìn chung là đúng đắn, song còn có chỗ chưa đầy đủ, bây giờ cần nghiên cứu những chỗ chưa đầy đủ đó, phương pháp có thể khó nhất trí...

Viễn Tân lĩnh hội ý đồ của Mao, tỉnh thị trở lại, nhưng đã sửa chữa đôi điều:

- Mục tiêu của hội nghị lần này là tranh thủ sự thống nhất sơ bộ trên nhận thức về Cách mạng văn hóa, thông qua thảo luận mà đoàn kết, công tác tốt... Có phải như thế không, thưa Chủ tịch?

- Đúng, Mao gật đầu và nói thêm: Không cho Giang Thanh biết việc này nghe chưa?

Viễn Tân tiết lộ mọi cơ mật cho “mẹ” Giang Thanh, và phe phái “nhóm bốn người” như chết đuối vớ được cọc, ngày đêm bàn mưu tính kế đánh đổ Đặng Tiểu Bình một lần nữa, đánh cho cả đời không ngóc đầu lên được.

Bộ Chính trị căn cứ chỉ thị của Mao Trạch Đông do “liên lạc viên” truyền đạt, đã triệu tập hội nghị khẩn cấp phê phán sai lầm của Đặng Tiểu Bình. Dựa theo ý kiến của Mao, thì Cách mạng văn hóa bảy phần đúng, ba phần sai, Mao bảo Đặng chủ trì ra một quyết nghị như vậy để khẳng định thành tích của Cách mạng văn hóa, Đặng đã từ chối và với sự tấn công mãnh liệt của “nhóm bốn người”, Bộ Chính trị phải đình chỉ công tác của Đặng Tiểu Bình.

Đó là những ngày buồn bã vào cuối năm 1975, lại một bước ngoặt nữa trong đời của Đặng Tiểu Bình, về một khía cạnh nào đó, Giang Thanh thật ghê gớm.

## 17. NĂM 1976, LẦN THỨ HAI RA KHỎI TRUNG NAM HẢI

Cuối năm 1975, giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp đạt 450, 4 tỷ nguyên, tăng 11, 9%, lương thực đạt 284, 5 triệu tấn, dầu thô 77, 06 triệu tấn, đầu tư xây dựng cơ bản 40, 93 tỷ nguyên, tổng thu nhập tài chính Quốc gia 81, 56 tỷ nguyên, tổng chi tiêu 82, 09 tỷ nguyên, chỉ bội chi có 530 triệu nguyên. Những con số thống kê như muốn dự báo tình hình kinh tế của nước nhà cơ hồ sẽ chuyển biến.

Nhưng niềm vui ngắn chẳng tày gang, Đặng Tiểu Bình bị đình chỉ công tác ở Bộ Chính trị, cuộc vận động “phê Đặng” đã công khai ra phạm vi toàn quốc, lúc bấy giờ người ta gọi cuộc vận động đó bằng một đại từ rất mỹ miều “thảo luận về cách diễn - đạt”.

Một năm 1976 u buồn bắt đầu khi Đài phát thanh nhân dân trung ương phát đi bản tin đau lòng: “9 giờ 57 phút ngày 8 tháng giêng năm 1976, Thủ tướng Chu Ân Lai tạ thế, hưởng thọ 78 tuổi”. 3 giờ chiều ngày 15, lễ truy điệu được cử hành tại Đại lễ đường nhân dân với trên 5000 người tham dự. Trong niềm thương tiếc vô hạn Thủ tướng Chu Ân Lai - người con của đất nước, người chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của nhân dân. Đặng Tiểu Bình đọc bản điều trần lịch sử.

Khi Chu Ân Lai vừa nằm xuống, “ngôi báu” làm cho “nhóm bốn người” mờ mắt và họ bày mưu tính kế để chiếm đoạt cho kỳ được. Người ta tranh cãi về việc cử ai đọc điều trần. Giang Thanh chủ trương là Vương Hồng Văn hoặc Trương Xuân Kiêu, quá lắm mới đến Diệp Kiếm Anh, song thực tế vẫn là thực tế, còn ai xứng đáng hơn Đặng Tiểu Bình lúc bấy giờ - Phó chủ tịch Đảng, Phó thủ tướng thứ nhất thay Thủ tướng trong những ngày lâm bệnh, Phó chủ tịch Quân ủy kiêm Tổng tham mưu trưởng. Và cuối cùng trên màn ảnh nhỏ của hàng triệu máy thu hình, Đặng Tiểu Bình đã xuất hiện với âm thanh bi hùng, vĩnh biệt Chu Ân Lai, cũng là vĩnh biệt một chiến hữu thân thiết ngay từ hồi còn du học ở Pháp và hoạt động bí mật ở Thượng Hải. Hình ảnh của ông trên vô tuyến đã làm cho nổi bực dọc “phê Đặng” của bao người bỗng chốc tan biến, nhưng liền sau đó ông chỉ còn là một đảng viên thường mà thôi.

Vì “ngôi báu”, người ta dựng lên những trò lừa bịp, cho xuất bản hoặc tuyên truyền những ấn phẩm hoang đường nào là “Tư tưởng Trương Xuân Kiêu”, “Phát hiện mới”, “Quan điểm mới”, “vượt cả Lenin, là cột mốc thứ

tư sau Mao Trạch Đông”, nào là “Tư tưởng văn nghệ Giang Thanh”, “Con đường Diêu Văn Nguyên”, “Vương Hồng Văn đại sự ký” v.v... Rồi tổ chức sinh viên Thượng Hải xuống đường hô hào, cổ vũ yêu cầu Trương Xuân Kiêu làm thủ tướng. Lại ngập đường ngập phố là biểu ngữ như thuở nào tạo phản, “Kiên quyết yêu cầu Trương Xuân Kiêu làm thủ tướng”, cũng có nơi bị kẻ ngỗ chơi xỏ, cắt ba chữ Trương Xuân Kiêu đặt lên đầu câu thành ra “Trương Xuân Kiêu kiên quyết yêu cầu làm thủ tướng”.

Thế là một cái gai không cần nhổ mà đã bị hủy, cái gai thứ hai cũng sắp lung lay, chỉ còn mỗi lão sùỵ họ Diệp nữa thôi, “nhóm bốn người” với “liên lạc viên” Viễn Tân đang cố sức giành phần thắng...

- Anh thấy tình hình hiện nay như thế nào? - Diệp Kiếm Anh hỏi Đặng.

- Không có gì phải sợ, tôi đã chuẩn bị tư tưởng rồi, quá lắm là bị đánh đổ lần thứ hai, chỉ tiếc là công việc còn dở dang, kinh tế chưa chuyển biến, nhiều đồng chí lão thành chưa được giải phóng.

- Vấn đề lớn nhất hiện nay là Chủ tịch không nghe được ý kiến của chúng ta, Giang Thanh và bọn họ đã xúi Viễn Tân làm điều bậy bạ, án ngữ tất cả.

- Cũng có phần đúng, nhưng không hẳn thế, vì cuối năm ngoái mấy lần tôi đến chỗ Chủ tịch trao đổi công việc, có hôm tôi hỏi chính sách, phương châm lúc này nên ra sao, Chủ tịch vẫn khẳng định như thế, không có gì thay đổi. Sau đó Chủ tịch sai Viễn Tân gọi tôi đến, bảo tôi nghiên cứu xem lại Cách mạng văn hóa, tôi trình bày quan điểm của mình, giải thích năm lần bảy lượt mà vẫn không xuôi.

Mới đó thôi, chính Diệp Kiếm Anh vừa nghe Mao Trạch Đông nói: Đặng là “nhân tài hiếm có”, là “tư tưởng chính trị mạnh”, và thực tế Mao đã giao cho Đặng bao nhiêu là trọng trách, bản thân Đặng làm việc gì cũng thành thị Mao trước khi thực hiện, thành tích xuất sắc, được lòng mọi người, ai cũng phải thừa nhận. Thế mà giờ đây quay ngược 180°, có lẽ vấn đề chính là cách đánh giá cách mạng văn hóa. Diệp Kiếm Anh suy nghĩ như vậy và hỏi lại Đặng:

- Hay để tôi đi gặp Chủ tịch lần nữa?

- Không cần, lão sùỵ biết tính tôi, không khoan nhượng về nguyên tắc, còn một chút hy vọng là còn đấu tranh. Bộ Chính trị đã đình chỉ công tác của tôi, vậy là Chủ tịch quyết tâm “thay ngựa”.

Diệp Kiếm Anh thất vọng, những tương trách nhiệm của Chu Ân Lai sẽ được giao cho Đặng, nào ngờ mọi chuyện bỗng chốc lại đảo điên đến

thế.

- Tôi không tại vị không thành vấn đề, chỉ mong lão sùỵ còn là được.
- Xem tình thế, tôi cũng không còn lâu nữa, nhưng thôi, hể còn hơi thở là còn đấu tranh.

Quả nhiên, nhờ xong Đặng là đến Diệp với một thông cáo “dưỡng bệnh” và quyền bính giao cho Trần Tích Liên, lão sùỵ bị xuống ngựa một cách nhẹ nhàng.

Ngày 21 tháng giêng năm ấy, Mao Trạch Đông nói với Viễn Tân: “Mời Hoa Quốc Phong làm trưởng, anh ta cũng tự nhận mình trình độ chính trị không cao, nên Tiểu Bình sẽ lo phần ngoại vụ”. Ngày 2 tháng hai, Bộ Chính trị thông qua “văn kiện số 1”: Hoa Quốc Phong đảm nhiệm chức vụ quyền thủ tướng.

Tin bất ngờ này làm cho “nhóm bốn người” và cả Viễn Tân đều ngạc nhiên và chứng tỏ Mao Trạch Đông còn cao tay ẩn, con bài này ông đã bí mật chuẩn bị từ lâu, từ bí thư huyện Tương Đàm (quê của Mao), nâng dần, nâng dần cho đến chức phó thủ tướng để hôm nay bật lên thành quyền thủ tướng, và sau đó không lâu, vào tháng tư, chính thức là thủ tướng kiêm phó chủ tịch thứ nhất của Trung ương Đảng. Cùng một lúc Hoa Quốc Phong thăng quan thì Đặng Tiểu Bình bị giáng tất cả chức vụ Đảng và chính quyền, còn lại mỗi danh hiệu đảng viên và hộ khẩu Bắc Kinh, nguyên văn của quyết nghị là “bảo lưu đảng tịch, dĩ quan hậu hiệu” (để xem sau này ra sao).

Nhưng Mao Trạch Đông cũng không sống được bao lâu nữa để mà “yên tâm khi giao việc cho chú Hoa Quốc Phong”. Vào lúc 0 giờ 10 phút ngày 9 tháng chín năm 1976 ông qua đời. 1976, đó là năm Bính Thìn, năm con rồng với câu ca của dân chúng “nhị nguyệt nhị long đại đầu”. Đầu rồng chưa thấy ngẩng mà tai họa đã giáng xuống liên miên.

Chu Ân Lai, Trương Văn Thiên, Chu Đức, Mao Trạch Đông lần lượt ra đi, rồi máu đổ trên quảng trường Thiên An Môn ngày 5 tháng tư mà người ta đã nhân đó gán thêm tội cho Đặng Tiểu Bình, rồi mưa đá ở Cát Lâm, rồi động đất ở Trường Sơn. Thật là một năm hạn của lịch sử Trung Quốc, và Đặng Tiểu Bình lần thứ hai lại ra khỏi Trung Nam Hải.

## 18. SỰ BẤT QUÁ TAM

Mao Trạch Đông qua đời và chẳng bao lâu sau “bè lũ bốn tên” cũng bị đập tan, Trung Quốc đối mặt với tình hình kinh tế trên đường suy thoái, đời sống của nhân dân vô cùng khốn khổ. Trong hoàn cảnh như vậy, có lẽ Đảng cộng sản Trung Quốc phải lo dẹp loạn và phục hồi, bắt tay vào công việc dẹp loạn và phục hồi, bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước nhằm thoát khỏi nguy cơ suy thoái, dần dần hướng lên hiện đại hóa, nhưng Hoa Quốc Phong - Chủ tịch Đảng, Thủ tướng Quốc vụ viện, Chủ tịch quân ủy trung ương và Uông Đông Hưng - Phó chủ tịch Đảng kiêm thêm 14 chức vụ khác nữa lại vẫn kiên trì đường lối sai lầm tả khuynh của “đại Cách mạng văn hóa”, đề ra phương châm “hai loại phạm là” - “Phạm là quyết sách mà Mao Chủ tịch đề ra, chúng ta đều kiên trì giữ vững. Phạm là chỉ thị mà Mao Chủ tịch hạ lệnh, chúng ta đều nghiêm túc thi hành”. Ngày 26 tháng mười năm 1976, Hoa Quốc Phong đề ra 4 điểm: tập trung phê phán “bè lũ bốn tên”, kể cả phê Đặng, phạm là những điều Mao Chủ tịch đã nói, đã gạt đầu đồng ý đều không được phê bình, tránh không đả động đến sự kiện Thiên An Môn (5/4/1976).

Những ngày đầu năm 1977, trên đại lộ Trường An Bắc Kinh đã xuất hiện các biểu ngữ yêu cầu khôi phục Đặng Tiểu Bình, yêu cầu minh oan cho sự kiện Thiên An Môn. Hoa Quốc Phong đã ra lệnh bắt tất cả những ai dán biểu ngữ. Tháng ba năm đó, tại hội nghị công tác của Trung ương, Trần Vân đề xuất khôi phục công tác lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình và thay đổi nhận định về sự kiện Thiên An Môn. Chủ trì phiên họp, Hoa Quốc Phong giải thích: “Theo những kết quả điều tra, hiện nay đã hình thành một nhóm phản cách mạng, sách lược của chúng là giương cao ngọn cờ yêu cầu phục hồi cho Đặng Tiểu Bình, ép buộc Trung ương tỏ thái độ, sau đó sẽ công kích Trung ương phản bội di chúc của Mao Chủ tịch, lật đổ Trung ương, đưa Vương Hồng Văn trở lại vũ đài chính trị, nếu chúng ta vội vàng phục hồi Đặng là mắc âm mưu của địch”. Tất cả ý tứ của Hoa đều xuất phát từ phương châm “phạm là”, phê Đặng, chống hữu do Mao đề ra, là cứ phải phê, phải chống và đồng thời cũng ngăn chặn những lời nói, việc làm có tính phương hại đến hình tượng Mao Trạch Đông.

Tranh thủ thời gian bị giam lỏng ở Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình nghiên cứu lý luận tập trung phê phán phương châm “hai loại phạm là”. Tháng tư

năm 1977 ông viết thư cho Trung ương, chỉ ra sự sai lầm của cái gọi là “phàm là”. Ông Đông Hưng, Hoa Quốc Phong gặp ông để trao đổi, ông đều trả lời: “Tất cả những điều Mao Chủ tịch đã nói, không phải đều đúng cả, vẫn có cái sai, cũng như các bản sơ thảo của Mác, Ăng ghen, Lê nin, Stalin phải qua sửa chữa nhiều lần, ban đầu chưa hẳn đã đúng, về hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông, tôi đã nghiên cứu nên học tập và vận dụng như thế nào và do đó tôi không tán thành “hai loại phàm là” của các đồng chí, làm như thế liệu có còn là duy vật biện chứng nữa hay không? Còn tôi, có trở lại làm việc hay không, vấn đề đó không quan trọng, quan trọng chính là ở chỗ phải khẳng định sự kiện Thiên An Môn là một hành động cách mạng”.

Tháng 7 năm 1977, tại hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 3 khóa 10 đã nhất trí thông qua nghị quyết khôi phục tất cả các chức vụ của Đặng Tiểu Bình, trở lại là ủy viên Trung ương, ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Phó chủ tịch đảng, Phó chủ tịch Quân ủy Trung ương, Phó thủ tướng Quốc vụ viện, Tổng tham mưu trưởng quân giải phóng. Trong lời phát biểu của mình, Đặng Tiểu Bình đã trình bày cách học tập và vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông.

Tháng 8 năm đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc cử hành Đại hội khóa 11, tình hình vẫn chưa có gì thay đổi, vẫn bị ám ảnh, bồi hồi trong dư âm của cách mạng văn hóa và do đó Đặng Tiểu Bình phải tập trung đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng và lý luận.

Theo tinh thần lời phát biểu của Đặng Tiểu Bình, ngày 11 tháng năm năm 1978, *Quang Minh nhật báo* đã cho đăng bài “Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý”. Bài báo nhấn mạnh, một loại lý luận nào đó có phản ánh chính xác thực tế khách quan hay không, có phải là chân lý hay không, chỉ có thể dựa vào thực tiễn để kiểm nghiệm, trả lời. Thời đại mới đối mặt với nhiều vấn đề mới, phải có tinh thần trách nhiệm và lòng dũng cảm của người cộng sản mà nghiên cứu tiếp cận.

Một hòn đá gây nên vạn trùng sóng, cuộc tranh luận “tiêu chuẩn chân lý” chẳng bao lâu đã dấy lên trong phạm vi cả nước, có người vui mừng ủng hộ, nhưng cũng có người thờ ơ, chống đối. Hoa Quốc Phong, Ông Đông Hưng đã ngầm chỉ thị cho các địa phương im lặng, không tỏ thái độ, nhưng cuối cùng Hồ Nam, nơi Hoa thao túng, cũng phải lên tiếng hưởng ứng.

Ngày 13 tháng chạp năm đó, Đặng Tiểu Bình lại tiếp tục phát biểu ở hội nghị trung ương vấn đề giải phóng tư tưởng, dân chủ hóa, giao quyền tự



chủ cho cơ sở, cải cách cơ chế kinh tế, cơ chế chính trị. Lần đầu tiên ở Trung Quốc người ta nghe một khái niệm kinh tế xã hội mới, đó là: “chấp nhận, cho phép một số địa phương, xí nghiệp, công nhân, nông dân qua lao động chân clúnh của mình mà thu nhập nhiều hơn, đời sống khá hơn so với các nơi khác, so với những người khác, các tấm gương làm giàu như vậy sẽ kích thích xóm giềng lân cận, bầu bạn xa gần cùng ra sức tranh đua mà giàu lên, khá lên”.

Và điểm ngoặt của lịch sử đã đến - bức màn cải cách mở cửa đã được kéo lên, đó là Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 3 khóa 11 cử hành tại Bắc Kinh từ ngày 18 đến ngày 22 tháng chạp năm 1978. Hội nghị chấm dứt sự bồi hồi trong hai năm sau khi đập tan “bè lũ bốn tên”, thực tiễn một lần nữa lại chứng minh là những sai lầm của chúng đã gây ra không biết bao nhiêu tai hại cho dân, cho Đảng. Hội nghị đình chỉ sử dụng thuật ngữ “lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh” mà chuyển sang “đường lối chính trị của chúng ta là xây dựng hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội”.

Hội nghị thảo luận đánh giá những thiệt hại to lớn do “Cách mạng văn hóa” gây ra, những vấn đề lịch sử mà “Cách mạng văn hóa” còn để lại, tiến hành tổng kết kinh nghiệm, rút ra bài học. Chương trình nghị sự của hội nghị đã bàn đến những phác thảo cho cải cách mở cửa, đầu tiên là thay đổi phương thức quản lý, phương thức hành động, phương thức tư tưởng, không thể “đảng và chính quyền là một, lấy đảng thay chính quyền, lấy chính quyền thay xí nghiệp”, không thể không tôn trọng các quy luật kinh tế, nhất là quy luật giá trị, không thể tập trung quyền lực một cách cực đoan ở trung ương với nhiều tầng nấc trung gian và bó tay bó chân cơ sở, phải phân cấp, phân công, phân trách nhiệm, phải thi cử, thưởng phạt, thăng giáng một cách nghiêm chỉnh, và vấn đề nông nghiệp, vấn đề 900 triệu nông dân là một trong những mục tiêu quan trọng cải cách. Đó là những phác thảo, nhưng thực chất là một cuộc cách mạng. Từ hội nghị này, từ điểm ngoặt này, vai trò của Đặng Tiểu Bình được xác lập như một kiến trúc sư trưởng xã hội. Hội nghị chọn thêm Trần Vân và Hồ Diệu Bang vào hàng ngũ lãnh đạo trung ương, minh oan cho Bành Đức Hoài và Đào Chú, còn Hoa Quốc Phong vẫn yên vị cho tới tháng chạp năm 1980, tại hội nghị mở rộng Bộ Chính trị thì mới chính thức thông qua việc hủy bỏ mọi vụ quân, chính, đảng của ông, kết thúc một “bước đệm” lịch sử.

## 19. LẦN THỨ BA “RA” TRUNG NAM HẢI

Phải trải qua 21 năm, đến nay Đảng Cộng sản Trung Quốc mới sửa chữa toàn diện khuynh hướng “tả” sai lầm, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc đi vào quỹ đạo phát triển lành mạnh, xác định nguyên tắc lấy công tác kinh tế làm trung tâm, và đề ra phương châm tổng quát cho cải cách mở cửa. Đó là những gì mà Đặng Tiểu Bình đã phấn đấu, đã phải vào, rồi lại ra Trung Nam Hải. Từ nay - tháng chạp năm 1978, từ đây - Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ 3 khóa 11, Trung Quốc chuyển sang một giai đoạn mới trong lịch sử.

Tất cả nói lên tài năng của Đặng Tiểu Bình. Nhưng công bằng mà nói, con người hùng này phải đợi đến lúc Mao Trạch Đông qua đời, rồi hai năm sau mới “bình được thiên hạ”. Đã có người ví quyền lực Trung Quốc như hình kim tự tháp và chỉ có một người hùng ngự trên đó mà thôi. Đặng Tiểu Bình có cách ngự của ông, ngự bằng cái uy hơn là cái chức, ông chủ trương “trẻ hóa” Trung Nam Hải, ông đề xướng thông qua nghị quyết xóa bỏ chế độ lãnh đạo suốt đời và tự mình rút dần, rút dần ra khỏi chính trường công khai, trao quyền cho các thế hệ sau như Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương, Giang Trạch Dân, chỉ còn mỗi một vị trí - Chủ tịch Quân ủy Trung ương, hình ảnh một “nguyên soái không có hàm” duyệt binh ngày 1 tháng 10 năm 1984, kỷ niệm 35 năm ngày lập nên chế độ cộng hòa nhân dân.

Năm 1984, Đặng Tiểu Bình 80 tuổi, những học sinh, sinh viên của thời kỳ mới đã không tung hô ông “vạn tuế” như các vị tiền nhiệm khác mà từ trên lễ đài Thiên An Môn, ông nhìn thấy bốn chữ vô cùng thân thiết “Tiểu Bình nín hạo” (Chào đồng chí Tiểu Bình) của đoàn Đại học Bắc Kinh. Nhớ lại năm nào 3 chữ Đặng Tiểu Bình bị viết ngược, chân lên trời đầu xuống đất, bị gạch chéo bởi nhiều sọc đen đỏ, mà giờ đây trở thành câu chào kính trọng của cả một dân tộc, phần thưởng đó cao quý biết chừng nào.

Năm 1989, Bộ Chính trị thảo luận và nhất trí chấp nhận đơn xin từ chức Chủ tịch Quân ủy Trung ương của Đặng Tiểu Bình. Ngày 9 tháng mười một, mọi thủ tục hoàn tất, lần thứ ba Đặng Tiểu Bình “rời” Trung Nam Hải về nghỉ hưu, làm một người dân bình thường, năm ấy ông 85 tuổi.

Từ bình thường bước vào không bình thường, và từ không bình thường trở về bình thường, việc thứ nhất đã là chuyện của người phi phạm

mới làm được, còn việc thứ hai lại càng không dễ dàng. Đặng Tiểu Bình là con người của cả hai.

## **QUYỀN DIÊN XÍCH**

# **CHU ÂN LAI - KHI NGƯỜI RỜI KHỎI THÁNH ĐÀN**

## KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ SOÁI

Một độc giả Nhật Bản đọc xong cuốn sách của tôi - “*Mao Trạch Đông, khi người rời khỏi thần đài*” đã nói: hơn nửa thế kỷ qua, Trung Quốc quả thuộc về “thần thánh”, “thần” kia chính là Mao Trạch Đông, còn “thánh” nọ đích danh là Chu Ân Lai. Ông dám mời Mao Trạch Đông bước xuống thần đài, vậy đối với Chu Ân Lai? Ông có định mời người cũng rời khỏi thánh đàn hay không?

Cái gọi là “hạ đàn” ở đây kỳ thực là muốn ám chỉ họ trở về với nhân gian, trần thế, không những đáng kính mà còn khả thân, khả ái; sự vĩ đại, cao thượng, anh minh của họ vì vậy tuyệt không phải vời vợi xa xôi, nhìn và không bao giờ đến được. Bình sinh họ không từng tách khỏi nhân dân, thì nay sau khi qua đời tinh thần của họ há chỉ phiêu diêu đây đó, trở thành thần tượng phụng thờ mà không hòa quyện cùng nhân quần, dân chúng hay sao? Trong lịch sử văn minh, “thiền nhượng” là nghĩa cử của thánh nhân, đại công vô tư được tán dương cao nhất, hiếm ai làm nổi và vì vậy cũng chẳng bao người dám tự xưng là thánh.

Khi nghĩ về Chu Ân Lai, nhiều người hoặc một cách thông minh, hoặc một cách ần dụ, hàm súc mà nói rằng: Chu không làm cánh tay thứ nhất (chủ soái), cũng không làm cánh tay thứ hai (kế vị) mà cam chịu làm cánh tay thứ ba, thật khiêm tốn biết nhường nào! Những người này đưa ra bao dẫn chứng, như hội nghị Tuân Nghĩa, rằng vào thập niên 20 và 30, danh vọng và chức vụ của Chu Ân Lai cao hơn Mao Trạch Đông, nhưng ông đã dùng lợi thế ấy để ủng hộ Mao, xác lập vị trí lãnh đạo của Mao trong Hồng quân và Trung ương Đảng, còn mình cam chịu làm trợ thủ, tinh thần khiêm nhường ấy xuyên suốt cả một đời của Chu.

Quan niệm của tôi không như thế, đức tính khiêm tốn của Chu Ân Lai thì không còn phải nghi ngờ, bàn luận gì nữa, nó biểu thị ở hành vi không giấu dốt, thực sự học hỏi người khác, tác phong dân chủ, ham nghe ý kiến quần chúng và vui vẻ tự phê bình, chứ không phải là cánh tay thứ nhất, hai hay ba.

Lại có người gay gắt hơn, cho rằng Chu Ân Lai chịu ảnh hưởng “văn hóa Thiệu Hưng”, một vùng nổi danh của Triết Giang - Trung Quốc chuyên xuất hiện không phải người khoa cử, kẻ quan phương mà phần lớn là quân sư, tham mưu - “vô Thiệu bất thành nha”, nghĩa là không có quân sư hay

tham mưu Thiệu Hưng thì không thể lập nên công đường nha môn. Người theo văn hóa Thiệu Hưng trí cao tài rộng, nhưng thiếu dũng khí, chỉ biết bảo toàn bản mạng. Tác giả cuốn sách này không nghĩ như vậy, dù không làm cánh tay thứ nhất, cũng không làm cánh tay thứ hai, nhưng qua 27 năm “tể tướng” cù cung tận tụy, Chu quả xứng đáng là “đại quân sư”, “tổng tham mưu trưởng”.

Chu Ân Lai từng nói một cách sáng suốt rằng: “Tôi không phải là chủ soái”. Sáng suốt không có nghĩa là “minh triết bảo thân”, chỉ khư khư lo cho bản thân mình, càng không lỗ mắng hung hăng, ngu dốt mà chủ yếu nhìn rõ thực tiễn, hành động đúng. Lắm kẻ ham muốn chủ soái, nhưng tâm lực không đủ, kết cục thật bi thảm, hoặc trốn chạy hoặc hàng giặc. Mao Trạch Đông sở dĩ lãnh đạo được nhân dân Trung Quốc khai thiên phá thạch làm nên đại nghiệp, một trong những nguyên nhân quan trọng, ấy là “tri nhân thiện nhiệm”, biết người mà giao việc.

Hãy nghe Mao bình luận về lớp người lãnh đạo thượng đỉnh mà dân chúng hát thành về “Mao, Lưu, Chu, Chu, Trần, Lâm, Đặng”, họ là chiến hữu, là cộng sự cùng ông.

Ba năm khốn đốn của kinh tế nước nhà, Mao Trạch Đông nghĩ đến Trần Vân và nói “Quốc loạn tư lương tướng, gia bản niệm hiền thê” (nước loạn lạc mới nghĩ về tướng giỏi, nhà túng bản lại nhớ tới vợ hiền), rồi kể câu chuyện sau khi thua ở trận Xích Bích, Tào Tháo đã tư niệm Quách Gia như thế nào.

Lúc giao cho Lâm Bưu làm người kế vị, Mao Trạch Đông đã nói “muốn trừ quỷ phải nhờ thần Chung Quỳ”.

Còn bốn chiến hữu khác? Tháng 11 năm 1957, trong một bữa tiệc cùng Khrusov ở Mạc Tư Khoa, không khí không mấy vui vẻ, đợi lúc tàn canh đi ra phòng khách. Mao Trạch Đông chuyển sang chủ đề khác: - Tôi chuẩn bị từ chức chủ tịch nhà nước - Mao nhìn Khrusov và nhấn giọng. Khrusov không lấy làm ngạc nhiên vì năm 1954 đã nghe Mao nói đến vấn đề hệ trọng này, Mao ghét cái trò đưa đón các nguyên thủ quốc gia, nhận trình quốc thư v.v... Đầu năm 1957, Volosilov từ Bắc Kinh trở về cũng báo tin Mao quyết tâm không làm chủ tịch nước nữa.

- Đã có người thay thế? - Khrusov hỏi.

- Có. Đảng chúng tôi có mấy đồng chí, họ không kém gì tôi, hoàn toàn đủ điều kiện. - Sau câu tổng bình luận đó, Mao bấm đốt ngón tay như thể đếm lại số gia bảo có ở trong nhà. Thứ nhất là Lưu Thiếu Kỳ, người này tham gia phong trào Ngũ Tứ tại Bắc Kinh và Bảo Định, sau đó sang nước

các đồng chí học tập, năm 1921 gia nhập đảng Cộng sản, bất luận năng lực, kinh nghiệm hay thanh vọng đều đủ điều kiện, sở trường của Lưu là kiên định chính trị, tính nguyên tắc cao, nhưng có nhược điểm không đủ linh hoạt.

Hội “văn cách” đã đảo Lưu Thiệu Kỳ, người Trung Quốc nghe đoạn bình luận này thật không biết nghĩ ra sao, còn ở nước ngoài lại hiểu rất rõ rằng, mâu thuẫn trước sau của câu nói là ở chỗ chính trị chứ hoàn toàn không thực sự cầu thị.

Người thứ hai, Đặng Tiểu Bình - tất cả ngạc nhiên tưởng đó là Chu Ân Lai, hóa ra lại Đặng - Người này mạnh về chính trị, suy nghĩ hành, động chín chắn, vừa cương quyết vừa linh hoạt, trong nhu có cương, trong bông có kim, tiền đồ rất phát triển.

Khrusov cười một cách đau khổ mà rằng: - Đúng vậy, tôi cũng có cảm giác con người này rất ghê gớm, khó gần, ông ta quan sát vấn đề thật sắc sảo - Khrusov ngừng lời và lấy tay làm điệu bộ rất kiên định quả đoán. Mao Trạch Đông cũng cười theo, ông biết rằng Đặng Tiểu Bình đã làm nhiều đồng chí Liên Xô khó chịu trong lần đàm phán này giữa hai đảng và nói tiếp:

- Từ nay, Đặng có sang đây, các đồng chí đã đối đãi tôi như thế nào, xin hãy cứ như vậy đối với đồng chí ấy.

Mao tiếp tục xòe ngón tay thứ ba:

- Người thứ ba, Chu Ân Lai, hoạt động quốc tế mạnh hơn tôi nhiều, thiện nghệ xử lý các mâu thuẫn phức tạp, tuy này nọ... nhưng vẫn là con người tốt. Còn Chu Đức, tuổi cao, đức trọng, uy tín, nhưng không thể đảm đương việc lớn được... Tuổi tác không chiều chúng ta đâu. Tóm lại, họ có sang đây các đồng chí hãy xem là bạn bè mà đối xử như đối với tôi vậy.

- Chúng tôi sẽ làm như thế và trên thực tế họ đã là bạn của chúng tôi rồi - Khrusov nhanh nhẹn đáp lại.

Một lần trong hội nghị bàn về nhân sự. Mao Trạch Đông quay nhìn Chu Ân Lai mà hỏi:

- Ân Lai, đồng chí làm có được không?

Chu Ân Lai vội vàng trả lời:

- Thừa Chủ tịch, không được đâu, Chủ tịch đã biết tôi, tôi đâu là chủ soái, chỉ quản gia mà thôi.

Đặng Tiểu Bình cũng rất trực ngôn mà rằng:

- Đồng chí Chu Ân Lai không thể kể vị làm chủ tịch, làm chủ soái được.

Vậy Chu Ân Lai là con người như thế nào? Theo Đồng Tất Vũ, là “một đại quân gia tài ba” và trong một lần trao đổi với Bạc Nhất Ba, - ủy viên tài chính trung ương, qua lời của Chu, ta càng hiểu ông hơn.

- Đồng chí Nhất Ba nhiều năm cùng Bá Thừa và Tiểu Bình công tác ở Tân Kỳ Lỗ Dự (Sơn Tây, Hà Bắc, Sơn Đông, Hà Nam), đồng chí có nhận xét gì về họ? - Chu Ân Lai hỏi.

- Họ phối hợp rất ăn ý, thật là đồng tâm đồng đức.

- Tôi không hỏi về sự phối hợp công tác giữa họ với nhau, mà muốn đồng chí nhận xét về phương pháp công tác của hai người. - Chu cười và lắc đầu.

Bạc Nhất Ba im lặng và phản ứng rất thông minh:

- Thừa Thủ tướng, Thủ tướng là bậc tiền bối lão luyện, chắc phải có kiến giải độc đáo, dám xin...

- Anh khôn lắm, chuyển quả bóng trở lại cho tôi. Nhiều năm quan sát tôi thấy phương pháp làm việc của họ thật đặc sắc. Tiểu Bình - cử trọng nhược khinh, còn Bá Thừa - cử khinh nhược trọng, người việc nặng xem nhẹ tên nhè, kẻ tử tử mĩ chu toàn, tuy bình thường mà lại thành quan trọng.

Chu Ân Lai tâm sự:

- Thực lòng tôi thích cách “cử trọng nhược khinh” của Tiểu Bình, nhưng không theo được, có lẽ tôi chỉ thuộc loại Bá Thừa - “cử khinh nhược trọng”, luôn luôn phụ trách những công việc cụ thể và mang tính thừa hành.

Đúng vậy, Chu Ân Lai như bận rộn suốt cuộc đời, là “tể tướng” ông chịu khó làm thêm ít nhiều công việc thường nhật, chi tiết, vi mô, thì “chủ soái” sẽ có điều kiện quản đại sự, nghĩ quyết sách, bàn việc vĩ mô. Tổng thống Indonesia Sukarno từng than với Mao Trạch Đông rằng “Tôi thật sự khâm phục thủ tướng của ngài, chúng tôi hoàn toàn thiếu một con người như vậy”. Còn Nixon tiếp xúc chưa nhiều nhưng đã nhận xét về Chu, quả là con người cử khinh nhược trọng, ông nói:

- Đêm thứ ba ở Bắc Kinh, chúng tôi được mời đi xem biểu diễn bóng bàn, hôm ấy tuyết rơi khá nhiều, và ngày mai là chương trình tham quan Vạn lý trường thành. Bỗng thấy Chu Ân Lai rời khỏi ghế ngồi, tưởng ông ra phòng nghỉ, nào ngờ lúc ấy ông thân hành nhắc nhở những người quét tuyết ở Trường thành làm việc, sáng hôm sau chúng tôi lên đó và quả nhiên đường sá sạch sẽ. Thật là một điển tích về Chu. Ông là người chọn nhạc phẩm “America mỹ lệ” để diễn tấu đón tiếp chúng tôi, hẳn ông biết khi tôi làm lễ nhậm chức Tổng thống, “America mỹ lệ” đã một lần âm vang. Và cứ mỗi buổi sáng trước khi hội đàm, những người tùy tùng của tôi lại thấy một



thiếu nữ trình Chu Ân Lai xem bản in thử trang nhất của số báo hôm sau, ông là người vừa lo cho mỗi cây, lại vừa lo cho cả rừng.

Hiếm có ai mang trong mình đủ cả hai đức tính “cử trọng nhược khinh” và “cử khinh nhược trọng”, nhưng đối với một sự nghiệp thì lại rất cần hai loại nhân tài như vậy. Kỳ lạ thay, lúc từ Diên An bay về Trùng Khánh, Mao Trạch Đông múa bút cảm hoài Tần Hoàng Hán Vũ, Đường Tôn Tông Tổ và cả Thành Cát Tư Hãn, còn Chu Ân Lai thì lại dõi mắt nhìn miếu Trương Lương, đèn Vũ Hầu mờ ảo dưới cánh phi cơ. Khi ở Mạc Tư Khoa, lần đàm phán với Stalin, Mao Trạch Đông đã dành thì giờ đọc hết “Pi-tơ đại đế” và “Nã Phá Luân”, Stalin nói với ông: “Những vấn đề cụ thể, đồng chí nên gọi Chu Ân Lai đến trình bày, rõ hơn...”

Xin bắt đầu câu chuyện Chu Ân Lai từ những tiểu tiết này, có điều người kể không phải là tôi mà là đồng chí Hà Thụ Anh - từng mấy chục năm làm việc bên cạnh Thủ tướng.

## 1. NHỮNG LỜI TIÊN TRI

Thủ tướng nói rằng, mình không phải là chủ soái, chị cả Đặng (Đặng Dĩnh Siêu - vợ của Chu ND.) cũng nói như vậy, chúng tôi nghe và cảm thấy khó chịu, nay Chủ tịch và Tiểu Bình nhắc lại lần nữa, và mấy chữ “không phải là chủ soái”, càng làm cho chúng tôi si nhục. Bây giờ hồi tưởng mới hay đó là hậu quả của văn hóa truyền thống, quan niệm truyền thống đã ảnh hưởng sâu sắc đến chúng tôi, hễ ai địa vị là công dầy đức trọng, hễ ai làm quan lớn ấy là nên đại nghiệp, cống hiến nhiều. Chứng bệnh đó của dân chúng tôi chữa mãi mà vẫn không lành, như Lôi Phong là một tiểu đội trưởng chẳng hạn, nhắc đến tên là cả nước đều biết, nhưng cũng phải chín mươi chín phần trăm nhân dân chẳng rõ trung đội trưởng, đại đội trưởng của Lôi Phong là ai? Mặc dù nhiều người cứ muốn làm trung đội trưởng, đại đội trưởng hơn là cái chân tiểu đội trưởng.

Thủ tướng nói ông không làm được “cử trọng nhược khinh”, thì tương tự Chủ tịch và Tiểu Bình cũng khó lòng mà “cử khinh nhược trọng”. Ngày 16 tháng 12 năm 1949, Mao Chủ tịch thăm Liên Xô, không bao lâu thì qua tháng giêng năm 1950, tin tức truyền về cho hay, đàm phán không mấy thuận lợi và yêu cầu Thủ tướng Chu Ân Lai lập tức lên đường đi Mạc Tư Khoa. Tôi làm tùy viên cho Thủ tướng nên may mắn được đi cùng ông. Khi đến Mãn Châu Lý, chúng tôi gặp đồng chí Tiêu Hoa vừa dẫn đoàn văn công tham dự liên hoan thanh niên thế giới trở về. Tiêu Hoa báo cáo tình hình liên hoan và hoạt động của đoàn ta, Thủ tướng nhìn ra phía sau rồi hỏi anh:

- Sao không thấy Duy Thế?

Tôn Duy Thế là con gái nuôi của Thủ tướng, cùng với Tiêu Hoa đi dự liên hoan thế giới, ông không thấy cô trở về nên tự nhiên quan tâm mà hỏi vậy.

- Khi qua Mạc Tư Khoa, Duy Thế bị Sư Triết giữ lại - Tiêu Hoa giải thích - Sư Triết bảo cô ấy giỏi tiếng Nga, cần giúp thêm cho nhóm phiên dịch.

- Chủ tịch và Stalin đàm phán đến đâu rồi?

- Hình như không thuận lợi lắm - Tiêu Hoa lắc đầu. - Sư Triết chỉ nói đơn giản vậy thôi.

- Thế nay Chủ tịch làm gì?

- Stalin nói phải đợi Thủ tướng sang rồi sẽ tiếp tục đàm phán trở lại, hiện sắp xếp để Chủ tịch tham quan, xem biểu diễn, nghe đâu sẽ đi Leningrat.

Thủ tướng gật đầu và không hỏi gì thêm nữa. Chúng tôi đến Mạc Tư Khoa nghe Sư Triết báo cáo tình hình thì cũng tương tự như Tiêu Hoa đã nói ở Mãn Châu Lý. Thủ tướng bắt đầu vào công việc đàm phán thật căng thẳng, còn Chủ tịch tạm lui về “tuyến hai” chỉ quản những vấn đề thuộc về phương hướng, nguyên tắc; trừ các quyết sách quan trọng, mọi vấn đề cụ thể khác đều do Chu Ân Lai quyết định. Tôi nhớ rất rõ, hồi đó ở Mạc Tư Khoa chẳng có việc gì làm, Chủ tịch say sưa đọc sách, đọc đến quên ăn quên ngủ. Một hôm trong bàn ăn, Chủ tịch nhìn tôi chăm chăm, ngỡ mình có gì vướng trên mặt nên vội lấy khăn lau sạch và chú ý nhai nuốt từ tốn hơn, nhưng Chủ tịch vẫn không rời mắt, chỉ vào tôi và nói:

- Cậu giống Nã Phá Luân quá!

Tôi then thùng xấu hổ không biết Nã Phá Luân mặt mũi ra sao mà Chủ tịch bảo mình giống ông ta. Mao Chủ tịch không biết họ tên tôi, nhưng chắc chắn tôi là người của Chu Ân Lai, ông quay sang Thủ tướng vui vẻ kể:

- Mấy hôm nay tôi xem nhiều phim lịch sử, vừa xong “Pi-tơ đại đế” và “Nã-Phá-Luân” - nói đoạn, ông cầm ly rượu và đến bên tôi:

- Nào, xin cạn chén cùng Nã Phá Luân!

Chủ tịch uống đầu nửa ly, còn “Nã-Phá-Luân” tôi là nhân viên thuộc hạ, theo phép tắc, một hơi cạn đáy, mặt đỏ bừng, và từ hôm đó tôi được mọi người gọi yêu “Nã-Phá-Luân đệ nhị”.

Trong khi Chủ tịch nghiền ngẫm cả phim lẫn sách về Pi-tơ của Nga và Nã Phá Luân của Pháp, thì một tay Thủ tướng chống chèo, đàm phán được ba văn kiện quan trọng: “Điều ước hỗ trợ, đồng minh và hữu hảo Trung-Xô”, “Hiệp định về đường sắt Trung Trường, cửa Lữ Thuận và Đại Liên”, “Hiệp định cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vay vốn”. Đương nhiên, tất cả nguyên tắc, chiến lược chính trị của cuộc đàm phán đều do Mao Trạch Đông quyết định, hồi ấy ông có câu nói trứ danh để xác định mục tiêu đàm phán, đó là “cần phải đẹp một tí, và cũng cần phải ngon một tí”, “đẹp” chính là “điều ước đồng minh”, còn “ngon” đích thị là “hiệp định cho vay vốn”.

Tình huống đàm phán Trung - Xô lúc bấy giờ đã chứng tỏ một cách rõ ràng quan hệ không thể thay thế vị trí cho nhau giữa Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai. Nhớ lại năm 1948, lúc còn ở căn cứ Tay Phá Ba (tỉnh Hà Bắc), Mikaian - ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô sang thăm Trung

Quốc, đã hội đàm với Chu Ân Lai, sau buổi hội đàm ông tâm sự cùng Sư Triết: “Chu Ân Lai sẽ là một vị thủ tướng rất cừ khôi của Chính phủ Trung Quốc mới trong nay mai”. Khi trù bị cho việc ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Stalin phát biểu với đoàn đại biểu Trung Cộng rằng: “Trong tương lai, lúc các đồng chí lập nên nhà nước mới thì đã có ngay vị thủ tướng, đó là Chu Ân Lai”. Ba mươi năm sau, nhiều nhà chính trị quốc tế từng bình luận: “Nửa thế kỷ qua, Trung Quốc như nằm trong bộ óc của Mao Trạch Đông và đồng thời lại nằm trong bàn tay của Chu Ân Lai”. Stalin cao thủ hay các chính trị gia uyên thâm? Tôi nghĩ rằng Chu Ân Lai của chúng tôi cũng cao thủ, uyên thâm chẳng kém gì họ.

Ngày 4 tháng 5 năm 1940, tôi làm cảnh vệ bên cạnh Chu Ân Lai, một tuần sau được cùng ông đi từ Diên An về Trùng Khánh. Đoàn chúng tôi cả trăm người, ngồi chật 3 xe ô tô, ngày đêm lăn bánh trên những con đường gập ghềnh của cao nguyên hoang thổ vùng Thiểm Bắc. Khi đến địa phận thị trấn Miêu Đài Tử, Chu Ân Lai cho xe dừng lại và hạ lệnh “đi xem danh thắng cổ tích!”. Lạ thật, hồi ở Tây An, danh lam thắng cảnh nhiều như thế sao Chu Phó chủ tịch không nhắc chúng tôi đi tham quan, mà nay giữa chốn sơn cùng thủy tận này lại dừng xe du lãm. Chu Ân Lai vừa xuống xe, đám cảnh vệ chúng tôi đều sẵn sàng súng ống bao quanh ông.

Chu Phó chủ tịch đã đến đây? Lão Trung khẽ hỏi, Chu Ân Lai lắc đầu, không nói gì và tôi chỉ nhìn thấy đôi lông mày rậm của ông nhíu lại, hai con mắt tư lự, xa xăm. Đây là lần đầu tiên tôi cảm nhận một trạng thái tinh thần vô cùng xúc động lòng người. Tôi bất giác nhớ hôm qua đi Lạc Xuyên, một sĩ quan Quốc dân đảng ra chào Chu Ân Lai; viên sĩ quan này từng là học sinh trường quân sự Hoàng Phố, từng nghe Chu Ân Lai giảng bài, bao năm nội chiến, bao năm kháng Nhật, thầy trò cửu biệt, nay ngẫu nhiên trùng phùng, viên sĩ quan cảm động run run: “Thưa thầy!”, rồi bỏ nhào đỡ lấy hai tay của Chu Ân Lai, trong khoảnh khắc đời người ấy tôi bị Chu Ân Lai mê hoặc, nhiệt tình mà không thất thường, thân thiết mà không biến thái, quan tâm mà không xối lởi, ung dung ấm áp như mùa xuân, độ lượng tự tại như biển cả. Khi ấy tôi chưa hiểu rằng đó là sức mạnh của văn minh nhân loại, chỉ biết giữa ông và những người mà mình đã gặp có cái gì đó khang khác, khác như thế nào thì nói không ra, một ánh mắt, một nụ cười, một lời hỏi han ân cần, hay một cái bắt tay hoàn toàn chân thật v.v... Tất cả đều hấp dẫn vô cùng.

Còn hôm nay giữa thiên nhiên bao la, Chu Phó chủ tịch của chúng tôi lại thì thầm điều gì đó rất xa xôi, chúng tôi lại càng không hiểu, “vứt hết

mọi công hầu, khanh tướng, lợi lộc, vinh quang lại phía sau, để tuổi già về ở ẩn nơi đây...”. Chu vọng nhìn lên cao, nơi ấy chúng tôi thấy tám, chín tòa miếu đỏ, ông vung tay phải hướng dẫn cả đoàn tiến về phía đó, nhưng vì có tật nên cánh tay chỉ nhích ra một tí và hình như cả nửa người bên phải của ông đã cùng chuyển động theo. Cánh tay ông vừa gầy gàn đây, có người nói ngã ngựa khi đua với Giang Thanh, có người nói ngựa đang phi phải tránh con chó chạy qua đường nên nó lồng lên hất ông ra sau. Chu Ân Lai phải sang Liên Xô chữa trị 3 tháng, nhưng vẫn không thể thẳng ra được, đành cong cong về phía trước như một dị tật. Ông bảo chúng tôi:

- Nào, chúng ta đi viếng miếu Trương Lương!

Trương Lương - ôi cái tên tôi đã nghe đâu đó mà vẫn không rõ là của ai, các bạn đừng cười nhé, xuất thân từ đứa trẻ chăn trâu, tôi đâu bằng các em nhỏ ngày nay được cấp sách tới trường. Quê tôi Tứ Xuyên nằm sâu trong lục địa, miền thượng du của Trường Giang. Tổ tiên mấy đời đều chân trần lội chôn bùn sâu, lên 12 tuổi tôi đã như anh lực điền, trên vai lúc nào cũng đất cũng đá. Nhưng rồi quân phiệt hỗn chiến, pháo hạm và hàng hóa của người Tây dương ngược dòng Trường Giang lên tận quê tôi, để mỗi năm trên 5 vạn lượng bạc trắng lần lượt chảy ra biển và đi về xứ người. Cuộc sống dân quê tôi cơ cực không bút mực nào tả xiết, 12 tuổi đầu tôi đã grom đao, giáo mác vùng lên đòi quyền lợi, tôi tham gia Hồng quân và bắt đầu học văn hóa.

- Thưa Chu Phó chủ tịch, Trương Lương là ai ạ? - chiến hữu vừa hỏi hẳn cũng chung một số phận thất học như tôi.

- Trương Lương là một vị anh hùng cổ đại, giúp Lưu Bang đánh thiên hạ, thống nhất toàn Trung Quốc, lập nên Hán vương triều nổi tiếng trong lịch sử nước ta - Chu Ân Lai vừa trả lời vừa leo núi, và bằng những lời lẽ nô nê như vậy để giải thích - người đời sau lập miếu thờ ông và nay gọi là miếu Trương Lương.

Tôi đã hiểu đôi điều về cái ông Trương Lương gàn mà xa là như vậy, ông chỉ giúp Hán cao tổ Lưu Bang đánh thiên hạ mà thôi. Ô hay, Chu Phó chủ tịch của chúng tôi hoài cổ, sao ông không đi viếng Hán Cao tổ, hay xa xưa hơn nữa là Tần Thủy Hoàng mà chỉ đến đây vì mỗi Trương Lương, tôi bạo dạn hỏi Chu Ân Lai: Thưa Phó chủ tịch, vì sao lại làm miếu thờ Trương Lương? Ông nhìn tôi chưa trả lời sao cả thì một cảnh vệ khác lại thốt lên:

- Ở quê cháu cũng nhiều miếu lắm, dân làng nói Quan Công mới là anh hùng ạ.

Chu cười khoái trá:

- Quan Công là anh hùng mà Trương Lương cũng là anh hùng, và công trạng của Trương Lương còn lớn hơn nhiều so với Quan Công, 40 tấm bia trong hành lang kia là những lời đánh giá về Trương.

Tiếp đó, Chu Ân Lai không quản khó nhọc phiên hà mà đã kể cho chúng tôi nghe nhiều câu chuyện về Trương Lương, ông nói: - Hán vương Lưu Bang thu toàn thiên hạ, chủ yếu nhờ 3 người: Hàn Tín, Tiêu Hà và Trương Lương.

- Thừa Phó chủ tịch, Trương Lương đã đánh những trận nào? - tôi tỏ vẻ chưa thỏa mãn về họ Trương và bèn hỏi ngang như vậy. Chu Ân Lai chợt thay đổi giọng nói, ông trầm ngâm giây lát rồi từ từ giảng giải:

- Trương Lương chưa hề một mình cầm quân đánh trận, ông ta không phải là chủ soái, nhưng Trương Lương luôn luôn có mặt bên cạnh Hán vương, trù mưu tính kế, làm một quân sư kiệt xuất. Xưa có câu: “Lo liệu nội tướng, chiến thắng ngàn phương”, các đồng chí hiểu không?

Cả đám chúng hững, có anh gật đầu ra chiều đã rõ, nhưng đại đa số tuy không dám lắc đầu song hình như chưa biết mô tê ra sao. Chu Ân Lai suy nghĩ cách giải thích và lại tiếp tục:

- Lấy ví dụ nhé, các đồng chí đều biết chức vụ “thầy” nơi nha môn công đường, quan huyện thường mời những người có học hành, tri thức đến làm tham mưu tư vấn, đứng sau đề xuất chủ trương. Nói chung quan huyện đều phải dựa vào đám “thầy” tham mưu này mới làm được cái việc an dân trị nước. Quân sư chính là các “thầy”, tham mưu trong quân sự, giúp thống soái bày mưu tính kế đánh thắng trận. Tỷ như Hán vương thua trận, đến cả cha và vợ đều bị Sở bá vương bắt làm tù binh, Hán vương bó tay không biết xoay sở ra sao, thì Trương Lương hiến kế, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ Sở quốc để đánh lại Sở bá vương, cuối cùng định lấy “Hồng cầu” phân vạch sơn hà và cho quân lính trở về, nhưng Trương Lương lại đề xuất chủ mưu, thả quân Sở thì chẳng khác nào như nuôi hổ gây nạn sau này, Hán vương nghe lời, truy kích Hạng Vũ, không cho kịp thở, tiêu diệt triệt để... đó gọi là “lo liệu nội tướng, chiến thắng ngàn phương”.

Chúng tôi nhìn tấm bia khắc bốn chữ “anh hùng thần tiên” và lại hỏi Chu Ân Lai ý nghĩa của nó, ông trả lời:

- Sau khi trị vì thiên hạ, Lưu Bang phong thưởng công thần, ban cho Trương Lương 3 vạn hộ phong điền, nhưng Trương chối từ, ông nói lần đầu tiên gặp hoàng thượng ở Lưu Huyện, nay chỉ xin Lưu Huyện là đủ, vì chiến loạn huyện này lúc ấy có khoảng một vạn hộ mà thôi. Trương Lương đưa Hán cao tổ Lưu Bang vào Hàm Cốc Quan, Lưu Bang lên ngôi hoàng đế,

còn Trương Lương tịch cư hành khí, không ăn không uống, đóng cửa nấu thân một mình, ông nói: “Tôi được hoàng đế tín nhiệm, làm chức quân sư, tham mưu một ít ý kiến mà được cả vạn hộ dân hầu, thật là quá ư đãi ngộ, quá ư đầy đủ, nay chỉ muốn thoát khỏi chốn dân gian tục sự, phiêu diêu nơi Xích Tùng Tử của người tiên”, cho nên nhân dân truyền rằng, ông đã trở thành thần tiên.

Trương Lương là người phân rõ thị phi, thông hiểu lý sự, hoàn toàn biết thần tiên chỉ là hư ảo, nhưng ông vẫn làm như vậy vì thông minh phán đoán rằng, với chế độ phong kiến kẻ tội thần khó bề đứng chân giữa công huân và danh vị. Quả vậy, Hàn Tín bị giết, Tiêu Hà bị bắt, chỉ có Trương Lương - ông vớt hết mọi công hầu, khanh tướng, lợi lộc, vinh quang lại phía sau làm người tiên. Ông chọn thái độ “minh triết bảo thân” (không ngoan giữ lấy mạng sống) là do những nguyên nhân hoàn cảnh, tình thế khách quan quyết định.

Tổ tiên Chu Ân Lai không ở vùng Hoài An - Tô Bắc, mặc dầu ông sinh ra tại cố thành này, nhưng nguồn gốc là Thiệu Hưng, Triết Giang. Trong dịp kỷ niệm 2 năm ngày Lỗ Tấn tạ thế, Chu Ân Lai từng phát biểu: “Về huyết thống cũng có thể tôi và Lỗ Tấn tiên sinh cùng xuất thân từ gia đình họ Chu thành Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang”. Họ Chu là một đại gia tộc quần tụ lâu đời ở Thiệu Hưng, đến đời ông nội của Chu Ân Lai thì mới dời khỏi đây chuyển về Hoài An, lần di cư ấy cũng có liên quan với nền văn hóa Thiệu Hưng.

Ở Thiệu Hưng, ngoài nhân dân lao động, tầng lớp trung lưu gồm hai loại: tri thức và thương nhân. Thông thường con đường lập nghiệp của tri thức là khoa cử, nhưng những nhà văn hóa Thiệu Hưng lại không như vậy, ít người đậu đạt làm quan, phần lớn theo nghề thầy, tham mưu, quân sư, tiếng Trung Quốc gọi là “sư gia”. Sư gia không phải là một hàm quan chức, ở nhà môn công đường đảm sự gia chẳng là chủ soái, cũng chẳng là kế vị, nhưng giải quyết mọi công việc nhà nước, trị quốc an dân đều trông cậy vào họ, xứng đáng là cánh tay thứ hai của bộ máy quan lại. Sư gia thông tuệ, lão luyện, nhiệt tình, cẩn thận, có tình có lý, thiện nghệ giải quyết những mâu thuẫn phức tạp nhất. Dần dà, người Thiệu Hưng làm sư gia thật xuất sắc và bách tính bèn gọi chung tất cả những ai hành nghề sư gia là “Sư gia Thiệu Hưng”, huyện quan nói chung đều phải dựa vào họ, vậy mới có câu “vô Thiệu bất thành nha” (không sư gia Thiệu Hưng thì không thể lập được công sở nhà nước). Ông nội Chu Ân Lai là Chu Điện Khôi đưa gia đình về Hoài An sinh sống là do ông làm sư gia nơi ấy, ông ngoại của Chu Ân Lai

là Vạn Thanh Tuyền cũng xuất thân từ sư gia, có lẽ nhân cách của Chu đã được hình thành trong cái nôi văn hóa Thiệu Hưng - văn hóa sư gia.

Tất nhiên những điều trên đây đều là lời nói sau, còn lúc tham quan miếu Trương Lương thì chúng tôi chưa hề hay biết gì cả, và cũng không rõ vì sao Chu Ân Lai lại tôn sùng quý mến Trương Lương đến thế. Sau này tại nhiều hội nghị Trung ương, tôi nghe Thủ tướng thường nói “không phải chủ soái” và liên hệ lần leo núi nghe chuyện Trương Lương năm xưa, tôi mới thực lý giải “Trương Lương không phải là chủ soái, ông là một quân sư, một sư gia ưu tú nhất”...

Chu Ân Lai tiếp tục hướng dẫn chúng tôi xem di chỉ về truyền thuyết “Tiêu Hà đuổi Hàn Tín”. Ông hào hứng kể câu chuyện Lưu Bang được Hạng Vũ phong làm Hán vương, đến Nam Trịnh thì nhiều người trốn chạy. Hàn Tín tiếc tài bất dụng, cảm cảnh vua tôi, cuối cùng bỏ Hán vương mà đi. Nghe tin, Tiêu Hà đang đêm lên ngựa đuổi theo. Người của Hán vương tưởng Tiêu Hà bỏ chạy đã tâu trình Hán vương, nhà vua hốt hoảng nổi trận lôi đình như bị cắt mất chân, tay. Hai ngày sau, Tiêu Hà trở về, Hán vương vừa giận vừa vui quát hỏi Tiêu Hà:

- Vì sao nhà ngươi lại bỏ chạy?
- Thần đâu dám chạy trốn, thần chỉ đuổi tìm người bỏ chạy mà thôi.
- Tìm ai?
- Dạ thưa Hàn Tín!
- Đã mấy chục tướng lĩnh bỏ đi, nhà ngươi không đi tìm, nay nhà ngươi lại nói truy tìm Hàn Tín, thật là xằng bậy!

Tiêu Hà vừa cười vừa giải thích:

- Những tướng lĩnh ấy trong thiên hạ này nhiều lắm, tìm đâu mà chẳng thấy, còn như Hàn Tín, mất đi một thì không có người thứ hai. Đại vương nếu chỉ muốn trị vì Hán Trung một thời thì hà tất phải trọng dụng Hàn Tín, còn muốn thu tóm toàn thiên hạ? Dạ thưa: phi Hàn Tín bất thành thắng lợi, ngoài Hàn ra không ai có thể giúp đại vương bày mưu lập nên nghiệp lớn.

Lưu Bang nghe lời Tiêu Hà, dựng đàn bái Hàn Tín làm Đại tướng quân, thống lĩnh toàn bộ binh mã, quả nhiên đánh bại Hạng Vũ.

Chu Ân Lai kết luận:

- Lưu Bang bách chiến bách bại, nhưng chuyển bại thành thắng vì nhờ tài tể tướng của Tiêu Hà, chọn Quan Trung làm căn cứ địa, muốn người có người, muốn tiền có tiền, muốn gạo có gạo. Còn Hạng Vũ bách chiến bách thắng, nhưng không kham nổi một lần thất bại, thể như vết dầu loang,



lan mãi cho đến lúc suy vong, một trong những nguyên nhân, ấy là thiếu người tể tướng kiểu Tiêu Hà, dù có đi nữa cũng không phát hiện ra, thậm chí phát hiện ra, thì rồi vẫn không trọng dụng.

Lần hoài cổ ấy, Chu Ân Lai kể khá tỉ mỉ về lịch sử Trương Lương, Tiêu Hà giúp Lưu Bang gây dựng cơ nghiệp nhà Hán, cuối cùng ông nói:

- Trương Lương, Tiêu Hà là những người có bản lĩnh, không có họ, nhà Hán không gây dựng được, họ biết điều ấy, và Lưu Bang cũng biết như vậy, nhưng vĩ đại ở chỗ là Trương, Tiêu đều sáng suốt phân định rõ sở trường sở đoản của bản thân mình. Trương Lương truyền binh pháp Thái công cho Lưu Bang, Lưu nghe và hiểu ngay, thường dùng kế đó, ngược lại ở người khác thì không hẳn như thế, vì vậy Trương phò Lưu, hai người bổ sung lẫn nhau và lập nên nghiệp lớn... Lịch sử Trung Quốc có không ít Trương Lương, Tiêu Hà, họ đều là anh hùng và từ nay về sau vẫn còn cần những con người như họ.

Về đến Thành Đô, Chu Ân Lai đưa chúng tôi viếng thăm đền thờ Gia Cát Lượng, ở đây ông giảng giải cho chúng tôi các bài học của Cát Lượng như “hòa Ngô”, “hòa Di”, “minh pháp”, “trị quân”, “chính thân”. Chu Ân Lai nói nhiều về phép “chính thân” của Cát Lượng, người một thời khiêm tốn, chí công vô tư, tự mình chủ trương trong nhà đã no ấm rồi hà tất phải kinh doanh kiếm lời và căn dặn: “Sau khi thân qua đời, nếu lục soát trong nhà có dôi ra vật gì, thì thân xin thành thật xin lỗi quốc gia”. Thuở ấy người viếng đền rất đông, không cách nào đứng lâu nói dài, Chu Ân Lai ngược nhìn lên pho tượng Gia Cát Lượng và kính cẩn cúi chào tiền nhân lỗi lạc rồi dẫn chúng tôi rời khỏi điện thờ.

- Các đồng chí biết không? - Chu Ân Lai vừa đi vừa giải thích, - sau khi Cát Lượng qua đời, dân chúng khắp nơi đều yêu cầu lập miếu thờ ông, nhưng vì lễ giáo nên không thành, vì vậy đâu đâu cũng dựng lên miếu tư nhân tưởng niệm Cát Lượng. Mãi đến năm Thục Hán diệt vong, A Đẩu mới cho lập miếu thờ Gia Cát Lượng tại Miên Dương, hủy bỏ các hình thức am miếu của tư nhân đã dựng lên để cúng bái ông. Cát Lượng thật sự đang sống trong lòng dân chúng, một chính trị gia của giai cấp phong kiến đã làm được điều đó, thế mà người cộng sản chúng ta?

Chu Ân Lai tạ thế, không để lại một tư hào của cải cá nhân, đến như di thể cũng hiến cho khoa học giải phẫu nghiên cứu, sau đó hỏa táng và nhúm tro tàn cuối cùng vẫn không cần bảo quản. Ông từng căn dặn, xin đừng “lập miếu”, xây nhà kỷ niệm hay cố cư gì đó v.v... cho nên ngày ấy

dân nước tôi truy điệu Chu Ân Lai ở đài liệt sĩ, ở mỗi đường phố, làng quê, trong mỗi căn hộ và tận trong những con tim.

Ngày ấy liên tục từ nước ngoài chuyển đến Trung Quốc ngàn vạn lời ca ngợi Chu Ân Lai - một vị tể tướng hiền tài, tôi bất giác nhớ chuyến đi Diên An về Trùng Khánh, trong khi Mao Trạch Đông cảm hoài với Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ, với Đường tôn Tống tổ, thì Chu Ân Lai lại động lòng trắc ẩn cùng Trương Lương, Tiêu Hà, Gia Cát Lượng... phải chăng ấy là lời tiên tri?

Tôi lại nhớ, ngày 8 tháng 4 năm 1946, khi nhận được điện báo tai nạn thảm khốc, Chu Ân Lai đã khóc than các chiến hữu liệt sĩ Diệp Đình, Vương Nhạc Phi, Đặng Phát, Tần Bang... “Ôi Nhược Phi, khó có một nhân tài và bạn bè như anh... giữa chúng ta gần bó biết chừng nào, giá anh đừng sớm ra đi, thì nay mai kiến quốc, người Phó thủ tướng thường trực này sẽ san sẻ cho tôi bao phần khó nhọc.”

Stalin, Mikain khách quan nhận định rằng, Chu Ân Lai sẽ là Thủ tướng Trung Quốc, sự đánh giá ấy công bố sau hai năm, chậm thua Chu Ân Lai tự tiên tri cho bản thân mình! Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Chu Ân Lai quả nhiên trở thành thủ tướng nước Trung Hoa mới, cúc cung tận tụy 27 năm trong cương vị “sư gia” cho “huyện quan”, sáng danh như Trương Lương, Tiêu Hà, Gia Cát Lượng thuở xưa, con người văn hóa Thiệu Hưng ấy tuy “cử khinh nhược trọng” nhưng biết người biết ta, chọn cho mình một chỗ đứng không ai thay thế được tận đến hơi thở cuối cùng - ngày mùng 8 tháng 1 năm 1976. Kỳ lạ thay, năm ấy “huyện quan” của ông là Mao Trạch Đông cũng đã qua đời, họ thật như cặp bài trùng!

## 2. NGHỆ THUẬT ĐÀM PHÁN

Giờ đây xin bạn lại cho tôi kể tiếp lời tiên tri thứ hai của Chu Ân Lai, ngay sau khi kháng chiến chống Nhật giành được thắng lợi. Trước tiên cho phép tôi có đôi lời gọi là “tranh luận” với hai cách nói mà lâu nay vẫn thịnh hành ở đất nước quê hương tôi. Người ta nói Đảng Cộng sản đấu tranh kiên quyết cùng Quốc dân đảng, và cuối cùng đã chiến thắng. Theo tôi nên nói một cách chính xác rằng, trong cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng chính trị là Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng, nhân dân và lịch sử đã chọn Đảng Cộng sản, còn có nghĩa là “thiên thu”, chứ đâu chỉ “nhân cầu”. Người ta cũng thường nói “cuộc đại chiến quyết liệt giữa hai vận mệnh”, hoặc là Quốc dân đảng hắc ám, hoặc là Đảng Cộng sản quang minh, có lẽ lịch sử đã không quá giản đơn như vậy.

Là phó quan luôn sát cạnh Chu Ân Lai trong suốt quá trình đàm phán mà ông đã đại diện cho Trung Cộng, cùng với bên kia Quốc dân đảng, tôi nhận thấy Chu và Đảng của mình đầu tiên luôn luôn cố ý tranh thủ loại vận mệnh thứ nhất cho đất nước, không hắc ám mà cũng không quang minh. Tôi còn nhớ lúc bấy giờ bất luận là đồng chí trong đảng hay nhân sĩ đảng phái dân chủ hoặc không đảng phái khi phát biểu đều khẳng định rằng, cái gọi là loại vận mệnh thứ nhất mà Trung Cộng luôn luôn cố ý tranh thủ là hòa bình - dân chủ - kiến quốc. Phương châm xác định kiến quốc hội ấy của chúng tôi chưa phải là thực hiện chủ nghĩa Mác - Lê mà đích thị chủ nghĩa tam dân, từng tuyên bố năm Dân quốc thứ 13 (tức năm 1924 - ND.) tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Quốc dân đảng do Tôn Trung Sơn sáng lập, người Trung Quốc thường gọi tắt là Nhất Toàn. Thậm chí chúng tôi còn biểu thị quan điểm “ủng hộ địa vị lãnh đạo của Tưởng Giới Thạch”, nhưng đương nhiên yêu cầu Tưởng và Quốc dân đảng phải thừa nhận sự bình đẳng và hợp pháp của các đảng phái khác.

Kết quả như thế nào? Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch đã không công nhận sự bình đẳng của Trung Cộng cũng như tính hợp pháp của nó. Thiên hạ chỉ có một đảng là Quốc dân đảng, thiên hạ chỉ có một người là Tưởng Giới Thạch. Ngày nay phương Tây thường chỉ trích chúng tôi “độc tài” sao lúc ấy, lại im lặng trước sự độc tài của Tưởng?

Tiêu điểm của đàm phán Quốc - Cộng sau kháng Nhật là vấn đề quân đội. Có người nói, Cộng sản các anh giao quân đội, thì Quốc dân đảng sẽ

cho các anh địa vị bình đẳng, hợp pháp. Thật là phi lý, bình đẳng hợp pháp là tương hỗ, đâu phải “ân huệ” mà đảng này cho đảng khác.

Chu Ân Lai và đảng của chúng tôi đồng ý giao quân đội, nhưng chỉ có thể giao cho tổ quốc, chứ không giao cho Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch, cho nên trong đàm phán Chu một mực xuất “quốc gia hóa quân đội”, cũng có nghĩa là Tưởng và Mao đều cùng giao quân đội của mình cho đất nước Trung Hoa, dân chủ hóa chính trị trở thành tiền đề của tiêu điểm đàm phán về quân đội. Không có tiền đề ấy mà giao quân cho Tưởng tức là mất luôn dân chủ và bình đẳng. Cũng có người đưa ra ví dụ ở đâu đó đảng Cộng sản đã giao quân đội để đổi lấy cái ghế phó thủ tướng, vấn đề còn tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi nước, riêng ở Trung Quốc thì chúng tôi nhận được câu trả lời sau hai vụ thảm sát “412” và “715”. Trần Độc Tú - từng là Tổng bí thư Trung Cộng, ông đã giao cả lực lượng vũ trang của đảng mình và đổi lại không bình đẳng cũng không hợp pháp mà chỉ chết chóc, hãy nghe người ta nói “thà giết sai cả ngàn còn hơn lọt lưới chỉ một”. Mao, Chu không như Trần Độc Tú, từ những cuộc tắm máu “412” và “715”, họ rút ra danh ngôn thiên cổ “hòng súng để ra chính quyền!”. Biết vậy nhưng Trung Cộng vẫn cố gắng tranh thủ vận mệnh thứ nhất: hòa bình, dân chủ, kiến quốc và càng nhân nhượng thì càng bị lấn ép. Chiều ngày 26 tháng 2 năm 1946, đoàn Trung Cộng do Chu Ân Lai dẫn đầu đã ký “Phương án cơ bản về việc biên chế lại quân đội và thống nhất biên chế bộ đội Trung Cộng thành Quốc quân”, lúc bấy giờ chúng tôi gọi tắt là “phương án chỉnh quân”. Tưởng Giới Thạch biết rằng, chữ “Quốc quân” là quân đội của Quốc gia, chứ không phải của Quốc dân đảng và do đó ông đã kiên quyết phản đối, ký thì ký, còn tấn công cứ vẫn tấn công, và không khí nội chiến ngày càng nâng cấp.

Trong tình hình như vậy, tổ quân sự 3 người bắt đầu hoạt động kiểm soát thực hiện hiệp định đình chiến ở các nơi để chuẩn bị biên chế lại quân đội. Tổ gồm: Chu Ân Lai - Trung Cộng, Trương Trị Trung - Quốc dân đảng và Marshall - phía Mỹ, họ đều mang quân hàm thượng tướng, cấp dưới là ban chấp hành cũng ba trung tướng: Diệp Kiếm Anh (Trung Cộng), Trịnh Giới Dân (Quốc dân đảng), và Browder (phía Mỹ). Ngày 28 tháng 2 năm 1946, tổ 3 người đáp chuyên cơ của Marshall từ Trùng Khánh đi Bắc Kinh, lần lượt thị sát tình hình đình chiến ở Trương Gia Khẩu, Tập Ninh, Tế Nam, Từ Châu, Tân Hương, Thái Nguyên, Quy Tuy, Diên An, Hán Khẩu, v.v... Bố trí một tuần làm việc khá căng thẳng, cả ngày lẫn đêm đều nghe báo cáo tình hình, lúc ấy chưa xảy ra tranh cãi gì, trong tiệc tùng đều đang khách khí

chúc tụng nhau, nhưng mỗi bên đã có thể phán đoán động thái của tình hình.

Lúc bay từ Quy Tuy về Diên An, Chu Ân Lai khẽ gọi:

- “Văn Bạch ạ!”, Trương Trị Trung tướng quân đang trầm ngâm, quay lại: “Tôi đây”. Chu thông thả:

- Văn Bạch ạ, các anh không đánh thì mọi người cùng nhau xây dựng lại đất nước, còn các anh đánh, đầu tiên là mất nhân tâm, mà đã mất nhân tâm thời mất luôn thiên hạ đó. Đảng Cộng sản chúng tôi sẽ đoàn kết các đảng phái dân chủ cùng xây dựng nước Trung Hoa mới, và tình hình khi ấy sẽ hoàn toàn khác với bây giờ...

Ngày nay nghĩ lại, dễ dàng nhận thấy, trong khi tích cực tranh thủ vận mệnh thứ nhất - hòa bình dân chủ kiến quốc - Chu Ân Lai đã bắt đầu nghĩ tới khả năng không thể tránh khỏi vận mệnh thứ hai sẽ xảy ra. Tôi thấy Trương Trị Trung ngỡ ngác, im lặng, muốn nói mà không sao nói được, ông trở lại trạng thái trầm ngâm ban đầu. Hôm ấy, tổ quân sự 3 người đến Diên An, Marshall và Trương Trị Trung bái kiến Mao Trạch Đông. Trương nhìn Mao và các vị lãnh đạo Trung Cộng và bỗng cao hứng mà rằng:

- Trương Trị Trung tôi đã 3 lần đến Diên An, sau này các ngài viết Trung Cộng đảng sử xin đừng quên 3 lần thăm viếng Diên An của Trương tôi.

- Tất nhiên là không thể quên được Trương tiên sinh - Mao Trạch Đông với khẩu âm Hồ Nam vui vẻ đáp lại.

Trên bàn tiệc thì như vậy, còn ngoài chiến trường, hiệp định ngừng bắn lại không thực hiện được nửa câu. Tuy cảm nhận rằng Tưởng Giới Thạch quyết tâm đánh cộng sản, hòa bình thật vô vọng, nhưng Chu Ân Lai vẫn bôn tẩu. Về sau Quốc dân đảng hoàn đô Nam Kinh và đo đó địa điểm đàm phán từ Trung Khánh cũng vì thế dời về nơi đó. Hôm chia tay với giới văn hóa Trùng Khánh, Chu Ân Lai lòng bịn rịn mà than rằng: “Trùng Khánh quả là một thành phố của đàm phán!”. Đôi mày rậm của Chu nhíu lại, ông suy ngẫm thế mà cũng gần mười năm bôn ba cho sự đoàn kết, đàm phán đã lấy mất của ta một phần năm cuộc đời, sự nghiệp dân chủ đâu có dễ dàng, nay đã ngũ thập rồi, thường “thán lão” rồi, nhưng dù sao ta cũng phải đi hết đoạn đường này. Chu Ân Lai nghĩ như vậy và đã làm như vậy, ông kiên trì cho tới lúc Quốc dân đảng đánh chiếm Trương Gia Khẩu, kiên trì cho tới lúc Tưởng Giới Thạch triệu tập “ngụy quốc đại”. “Những gì đáng nhân nhượng tôi đã nhân nhượng” - Chu Ân Lai đã nói với Marshall như vậy, ông bình tĩnh một cách lạ thường và viên tướng Hoa Kỳ nọ cũng phải

công nhận chân lý mà Chu đã nêu. Tuy thiên về phía Tưởng, nhưng Marshall nhiều lúc không thể không thực hiện kiến nghị của Chu Ân Lai, ví như lúc Tưởng Giới Thạch huy động 30 vạn đại quân bao vây chia cắt hồng tiêu diệt 6 vạn binh lính Hồng quân thuộc quân khu Trung nguyên, Chu Ân Lai kịp bay về Nam Kinh gặp Marshall phản đối, Marshall đồng ý và phía Tưởng đành rút quân! Ngày 16 tháng 11 năm 1946, “ngụ quốc đại” đang họp, Chu Ân Lai đến chào từ biệt Marshall, bằng một giọng chân thành và cảm động, Marshall đã nói:

- Tôi lấy làm tiếc là đàm phán bị phân liệt. Tất cả tướng lĩnh cao cấp của Quốc dân đảng, kể cả Tưởng Giới Thạch, theo tôi, đều không phải là đối thủ đàm phán của Chu Ân Lai. Qua một thời gian quan sát, tôi nhận thấy phía Quốc dân đảng tìm không ra một con người thông tuệ, uyên bác, nhân nại mà kiên quyết như Chu.

Chiều 17 tháng 11 năm 1946, Chu Ân Lai họp báo tại Mai Viên Tân Thôn, ông nói:

- Sẽ có một ngày mà Quốc dân đảng đánh không nổi nữa, rất có thể lúc ấy lại đàm phán, nhưng tình thế, hình thức, nội dung v.v... đều hoàn toàn thay đổi, không giống như hôm nay... - Lời dự đoán ấy hai năm sau đã thành hiện thực.

Trước khi trở về Diên An, Chu Ân Lai hỏi tôi:

- Hà Thu Anh, đàm phán thất bại, nội chiến bắt đầu, chú nghĩ như thế nào?

- Dạ có Mao Chủ tịch lãnh đạo, chúng ta nhất định thắng ạ!

Chu trầm ngâm mà rằng: Sau khi đại cách mạng thất bại, năm 1931, tôi rời Thượng Hải, lúc ấy tâm trạng hoảng loạn, không biết khi nào mới được trở lại. Còn nay thì hoàn toàn khác, tôi tin rằng, nhanh thì nửa năm mà lâu cũng chỉ một năm, chiến trường sẽ trả lời tất cả.

Chu cười: “Sẽ trả lời” không có nghĩa là tiêu diệt được ông ta, điều đó cần phải 3 đến 5 năm nữa, nhưng chắc chắn là ông ta chỉ có thất bại mà thôi. Tưởng Giới Thạch đi sai nước cờ rồi, đã sai và kéo theo lịch sử đều thay đổi hết, ông ta không đánh, mọi người cùng nhau xây dựng đất nước, ông ta đánh như thế này, thì chính ông ta mất phần của mình trước tiên.

Ngày 19, chúng tôi cùng Chu Ân Lai bay về Diên An. Hai năm sau, Tưởng Giới Thạch công bố cầu hòa, Trung Cộng nêu ra 8 điều kiện đàm phán, điều kiện thứ tám ghi rõ: triệu tập hội nghị chính trị hiệp thương không có các phần tử phản động tham gia, thành lập chính phủ liên hợp dân chủ, và tiếp thu chính phủ Nam Kinh của Quốc dân đảng.

Trương Trị Trung lại dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc dân đảng đến Bắc Kinh đàm phán, nhìn về bên lề của các vị trong bữa tiệc do Chu Ân Lai thiết đãi, bên tai tôi vọng lên lời tiên tri của Thủ tướng, rằng: ông ta không đánh... và ... ông ta đánh. Cùng lúc ấy đại quân của Mao - Chu đang chuẩn bị vượt sông Trường Giang tiến về giải phóng Nam Kinh, tất cả, âu cũng là sự chọn lựa của lịch sử.

### 3. LẮM PHEN THOÁT HIỂM

Chu Ân Lai của chúng tôi đoan trang, văn nhã, tinh tế, luôn luôn xuất hiện trong phong thái đàng hoàng, lịch sự, ánh mắt ôn tồn, nụ cười hiền hậu và đầy ma lực khiến người ta tưởng ông chỉ là một quan văn “trời gà không chặt”“, nào ngờ Chu còn có tính chất khá đặc trưng của viên quan võ - ưa khiêu chiến và thích hiểm nguy. Trong cuộc khởi nghĩa vũ trang lần thứ ba của công nhân Thượng Hải, cảnh sát phát hiện ngay ra Chu Ân Lai ở hàng đầu những người tham gia biểu tình thị uy, đạn nổ bên mình, nhưng Chu kịp nằm ẩn tránh và lại đứng dậy dẫn đoàn, đồng đội phải kêu lên: “Thủ lĩnh ở đây nguy hiểm quá!”, ông cười mà rằng: “Tôi thích như thế”. Hồi phong trào Ngũ Tứ, Chu xông lên gạt hàng rào quân cảnh, đấu tranh trực diện trước nha môn, công đường và đã qua cuộc sống sau song sắt nửa năm, “Tôi bắt đầu từ đó, và dần bước theo con đường của một nhà cách mạng chuyên nghiệp”, Chu Ân Lai từng hồi ức.

Những người có điều kiện gần gũi Thủ tướng, mấy năm trước đây đã gặp nhau, chúng tôi cũng nhớ lại và tính toán, đúng là Chu Ân Lai vào sinh ra tử phải đến 22 lần, phần lớn là quãng thời gian Chu đang đảm đương chức vụ quan trọng của Đảng và nhà nước. Có lẽ trong các nhân vật lãnh tụ của chúng tôi, Chu Ân Lai là người gặp hiểm nguy nhiều nhất và may sao đều thoát nạn. Ngay từ loạt đạn đầu tiên của quân cảnh Anh và Pháp trong vụ thảm sát Sa-cơ, hai người bên cạnh Chu đều gục ngã hy sinh, ông trời còn giữ lại cho nhân dân chúng tôi viên chủ nhiệm khoa chính trị trường quân sự Hoàng Phố Khi truy lùng hung thủ đã ám sát Liêu Trọng Khải - lãnh tụ của Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch tự nhiên đổi khẩu lệnh, tuyên bố giới nghiêm thành Quảng Châu trước giờ quy định, khiến cho xe Chu Ân Lai trúng đạn của quân mình. Trong khoảnh khắc phát hiện ra phía trước lóe sáng, người tài xế quay vòng tay lái một cách rất bản năng, và những viên đạn dành cho Chu Ân Lai đã xuyên thẳng vào đầu anh, ông trời lần nữa giữ Chu cho chúng tôi. Lần thứ 4 Tưởng Giới Thạch chỉ huy vây tiểu Hồng quân - “phỉ đỏ”, Chu Ân Lai lãnh đạo phản công, thấy bộ binh không xong, Tưởng ra lệnh 6 phi cơ chiến đấu của Quốc dân đảng thả bom ngay trên đầu tổng chính ủy Cộng quân - Chu Ân Lai, người cán bộ chính trị ấy nhanh hơn cả Tổng Tư lệnh đã hô vang “tất cả nằm xuống”“ và kịp lấy thân mình đè lên chàng thanh niên 18 tuổi. Hồi ấy, ông trời cùng một



lúc giữ lại Thủ tướng và Chủ nhiệm tổng cục chính trị quân đội - Tiêu Hoa cho Trung Quốc...

Trong lịch sử, nhiều nhân vật kiệt xuất từng lâm đại nạn mà vẫn thoát hiểm như không, khiến hậu thế chiêm ngưỡng họ như những bậc kỳ tài thần thông biến hóa và các giai thoại cũng được dệt nên từ ấy. Có người cho đó là vận khí, là ý trời, hẳn không phải như vậy vì nghe nói trong tính ngẫu nhiên đã ẩn tàng ít nhiều quy luật tất nhiên mà. Phải chăng trong những giờ phút nguy hiểm ấy, toàn bộ dũng khí, trí tuệ, lực lượng của các vị được huy động một cách tối đa và cực nhanh để ứng phó, thoát nạn. Có điều khiến người đời khâm phục, suy tôn các vị chính là thái độ xử sự ngay ở khoảnh khắc ngặt nghèo giữa cái sống và cái chết...

... Chiếc xe nhà binh mui trần xuất phát từ cửa Nam thành Diên An trườn bò trên con đường gập ghềnh của cao nguyên hoàng thổ, hướng về Tây An, hướng về thành phố đàm phán. Đó là thời kỳ Quốc - Cộng hợp tác lần thứ hai, chuẩn bị đi vào cuộc kháng chiến tám năm chống Nhật, Chu Ân Lai - Phó chủ tịch trung ương Trung Cộng đi Tây An dự đàm phán với Cố Chúc Đồng - đại diện Quốc dân đảng, một hoạt động có tính dọn đường cho cuộc gặp Tưởng - Chu ở Lư Sơn sau này. Trước khi lên đường, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đã dành cả một ngày để trao đổi thống nhất chủ trương. Sứ mạng đặt lên vai Chu, tuy bên trong là rất quan trọng, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn luôn bị tiểu phạt, vây ráp, Mao cũng chỉ có ngân ấy vật chất cung cấp cho Chu. Chúng tôi 25 người - đều là những chiến sĩ trường chinh năm xưa, từng leo núi tuyết, vượt thảo nguyên, qua vạn lý, hành trình từ Hoa Nam lên đây lập chỗ đứng chân cho Hồng quân, cho Trung Cộng - có nhiệm vụ tháp tùng Chu Phó chủ tịch đi Tây An thực hiện sứ mạng lịch sử. Trong chuyến đi ấy có các danh tướng như Trương Vân Dật, Khổng Thạch Tuyên, có phó quân của Chu là Trần Hữu Tài - anh vận đồ Tây và đội mũ phớt y hệt như một nhà buôn nhiều vốn, có Trần Quốc Kiều - trung đội phó đặc công hộ tống Chu, và cảnh vệ, ký giả, thông dịch v.v... Vòng “luân tử” lúc bon bon, lúc lăn trườn nhằn nạy đưa chúng tôi về cố đô Tây An, ai nấy đều hãnh diện vì chuyến đi lịch sử trong đời của mình, nói cười như pháo nổ, át cả tiếng động cơ.

Nhưng chúng tôi nào ngờ quân thám báo của thổ phỉ Phùng Trường Đầu ẩn nấp ở Diên An đã phát hiện chiếc xe khởi hành, chờ “ông chủ” vận đồ Tây dương và lính tráng “tiền hô hậu ủng”. Sau này khi giảng bài cho Hồng quân, Mao Trạch Đông thường lấy ví dụ này để phê bình lối cảnh vệ khoa trương, hình thức, thiếu cảnh giác. Hồi ấy ở vùng Diên An có hàng

ngàn thổ phỉ, ban ngày phân tán cày ruộng, đêm lại mới tụ tập cướp phá, cầm dao cầm súng là trở nên tướng cướp, mà cất vũ khí nắm cuộc nắm liềm thì hoàn nguyên nông dân, rất khó truy quét, tiêu diệt. Lý Thanh Ngũ là một đầu lĩnh, y người Hà Nam theo cha mẹ lang bạt lên đây, từ nhỏ đã ham trò súng ống, lớn lên không an phận làm ăn và nhanh chóng trở thành thổ phỉ. Năm 1935, Hồng quân chiếm lĩnh Cam Tuyền đã thu phục đội ngũ của Lý cho thành lập một tiểu đoàn độc lập do y làm “giáo đạo viên” (tiểu đoàn trưởng). Viên quan họ Lý này không hiểu chủ nghĩa cộng sản và cũng không hiểu chủ nghĩa tam dân, nhưng rất tinh thông ăn nhậu, cờ bạc, ghiền hút và gái đĩ, thừa cơ quân Đông Bắc vây ráp tiểu khu Hồng quân, Lý Thanh Ngũ làm “binh biến” đã giết chết chủ tịch chính quyền xô-viết huyện Cam Tuyền - Thiểm Bắc, câu kết với Quốc dân đảng, về sau trở lại nguyên hình thổ phỉ, Cộng sản cũng đánh mà Quốc dân đảng cũng chẳng chừa, miễn là cướp được súng ống, tiền bạc và của cải. Nhận được mật báo của Phùng Trường Đẩu, Lý Thanh Ngũ đang đem thống lĩnh 100 thổ phỉ vượt núi Long Bàn Sơn lên mai phục tại đèo Lao Sơn. Lao Sơn chạy dài theo hướng đông tây, chắn ngang hai huyện Diên An và Cam Tuyền, tuy không cao lắm, nhưng là tuyến độc đạo Diên - Cam, địa hình hiểm trở nên chúng tôi bị lâm nạn trong vòng vây của Lý Thanh Ngũ. Chu Ân Lai trí dũng song toàn, vừa chỉ huy chống đỡ vừa chỉ huy phá vòng vây rút vào rừng chờ kỳ binh của Hồng quân ứng viện. “Ông chủ” vận đồ Tây, đội mũ phớt chủ động thu hút hỏa lực của địch và anh đã hy sinh, Lý Thanh Ngũ lục soát túi áo Trần Hữu Tài và chắc hẳn sẽ có vàng bạc châu báu, nào ngờ chỉ vớt vạt một tấm danh thiếp với ba chữ “Chu Ân Lai”, y thét lên: - Chết ta rồi, trốn mau! Sau đó không lâu, Hồng quân bắt được Lý, y bị trừng phạt và thổ phỉ tan rã.

Lần ấy trở lại Diên An, chúng tôi chỉ còn 14 người, trong đó có Lưu Cửu Châu - cận vệ của Chu phải nằm trên cáng, anh khóc: Thừa Phó chủ tịch, tôi đã không hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ đồng chí đi Tây An...

Tháng 6 năm 1937, Chu Ân Lai về thăm đèo Lao Sơn, ông đi tảo mộ thấp hương cho Trần Hữu Tài và 10 liệt sĩ khác đã hy sinh trong trận chiến đầu ngày 25.4.1937, theo Chu, đây là lần hiểm nguy nhất trong đời...

Chu Ân Lai bình sinh bận rộn, cái mà ông thiếu thốn nhất là thời gian, chúng ta có thể nhận thấy Chu quý thời gian biết nhường nào, ông không đi thì thôi, chứ đã động chân là bước nhanh thoăn thoắt. Chu Ân Lai không đồng ý bố trí để Mao Trạch Đông đi công tác bằng máy bay vì hồi ấy hệ số an toàn hàng không rất mong manh, nhưng bản thân ông lại cứ khăng khăng

đáp phi cơ mỗi lần có công việc và giải thích rằng: “Tiết kiệm được nhiều thời gian, dù có mạo hiểm một chút cũng chẳng hề gì”. Những người già chúng tôi từng làm việc bên cạnh Thủ tướng ngồi lại với nhau và ngẫm ra một điều, hiểm nguy thường đến với Chu Ân Lai trong các chuyến bay. Lần bay từ Tây An về Diên An, phi cơ lạc đường, rất may không đâm vào vách núi như vụ không nạn “4 - 8”. Lần đi thăm A Rập, trong đêm tối mịt mù, chuyên cơ của Thủ tướng hạ cánh với những sự dẫn đường tồi tệ nhất. Lần đi dự hội nghị Bandung, chiếc máy bay có tên gọi “Công chúa Kát-sơ-mia” dự kiến chở Chu Ân Lai đã nổ tung sau khi rời khỏi không phận Hương Cảng v.v...

Đối với tôi, ấn tượng hãi hùng nhất vẫn là chuyến bay ngày 3 tháng 10 năm 1946 đưa Chu Ân Lai đi Trùng Khánh. Đó là thời kỳ tám năm kháng chiến chống Nhật vừa thu được thắng lợi, hội nghị chính trị hiệp thương sắp bế mạc, Chu Ân Lai phải trở về Diên An cùng Mao Trạch Đông và Trung ương bàn thảo sẽ phải nhượng bộ như thế nào nữa đối với Quốc dân đảng để đi đến một hiệp nghị. Ngày mai hội nghị sẽ đi vào phiên kết thúc, bằng mọi giá phải cất cánh hôm nay.

Phi trường Tây An lộng gió, ngoài trời lạnh thấu xương, cái lạnh lục địa trên cao nguyên hoang thổ như thể mũi dao cắt từng mảng thịt... Đoàn chúng tôi gồm 10 người lớn và một cháu gái, ngoài những nhân viên tùy tùng, cảnh vệ của Chu Ân Lai, còn có Lục Đình Nhất, Đặng Phát, Giang Thanh và con gái Diệp Đình là Dương Mi. Giang Thanh quá giang đi Trùng Khánh để chữa răng tại phòng bệnh của nha sĩ trứ danh, người đã chữa trị cho Tưởng Giới Thạch lành chứng đau răng, nay được Chu Ân Lai giới thiệu với Chủ tịch phu nhân. Đây là chuyên cơ của Marshall, viên thượng tướng quân Mỹ trong tổ quân sự 3 người, phái cử phục vụ Chu Ân Lai. Tốp lái toàn là người Mỹ đứng nghiêm cùng hô “chào thượng tướng” khi Chu Ân Lai bước chân lên cầu thang.

Từ phi trường Tây An, máy bay phải theo đường xoắn ốc nâng lên độ cao khoảng 5000 mét, vượt qua đỉnh Tần Lĩnh thì mới hướng về Trùng Khánh được. Thời ấy máy bay cánh quạt còn thô thiển và cả đoàn chúng tôi như bị rang cả phê nhào lộn, rơi xuống và chịu cái lạnh trong không phận Tần Lĩnh. Đường bay từ Tây An đi Trùng Khánh chỉ cần 1 giờ, máy bay của chúng tôi cất cánh từ lâu, nhưng xem đồng hồ chỉ mới 10 phút, trời ơi, Tần Lĩnh vẫn còn án ngữ, và chúng tôi có cảm giác như điều đứt dây lượn lơ mất phương hướng...

Viên phụ tá phi công người Mỹ mặt mày râu rĩ lễ phép mời Chu Ân Lai vào buồng lái, họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh. Thủ tướng của chúng tôi thông thạo 4 loại ngoại ngữ: Anh, Pháp, Đức, Nhật và am hiểu tiếng Nga, đó là điều làm tôi rất tự hào về vị lãnh tụ mà mình được vinh dự phục vụ. Chu Ân Lai gọi tôi, anh Lý Toàn Đức và giao nhiệm vụ, giọng ông rất nghiêm nghị:

- Tổ lái yêu cầu giảm trọng lượng, các đồng chí đem tất cả hành lý và hàng hóa nhanh chóng vứt ra ngoài, nhớ đừng nhầm các tài liệu.

Chúng tôi đang lâm nạn, sinh mạng ngàn cân treo đầu sợi tóc, tôi và anh Lý theo sự hướng dẫn của người lính Mỹ quăng hết các dụng cụ bằng kim loại của máy bay, hành lý của tổ lái, rồi đến đồ đạc của đoàn, kể cả quần áo của Giang Thanh và thùng tiền 20 vạn quan định lên Trùng Khánh mua thuốc cho y tế cơ quan. Những gì quăng được chúng tôi đều đã vứt, nghĩ thật đau xót, trong khi một điều thuốc còn phải chuyển cho nhau rít từng hơi ăm, mà nay đành lòng ném tiền của, chung quy cũng vì mạng sống. Trọng lượng của máy bay giảm bớt chẳng được bao nhiêu, ngoài trời nhiệt độ không khí càng lúc càng giảm, hai cánh phi cơ bằng đã đóng dày, tiếng động cơ vẫn nặng nề khó nhọc và viên phụ tá lại xin ý kiến Chu Ân Lai, chắc đến lúc phải quăng người, Chu nhú lông mày và im lặng gật đầu. Quăng ai bây giờ? Đoàn người chỉ có 4 chúng tôi là không phải thủ trưởng: Qua Mao - nhà văn, thư ký Lý Toàn Đức, tham mưu quân sự Đồng Lục Sinh và tôi, hẳn là những người phải “vứt” đầu tiên. Nhưng không! Chu Ân Lai ra lệnh mọi người đều mang dù, sẵn sàng đợi sự chỉ huy của tổ lái và nhảy ra ngoài. Viên phụ tá hướng dẫn cách sử dụng dù, cửa máy bay đã mở, lạnh đến cùng cực, mọi người nhìn nhau không một lời qua lại, bỗng có tiếng khóc của Dương Mi: “Cháu chưa có dù”. Thật là vội vã dẫn đến sai lầm, Chu Ân Lai nhanh chóng cởi dù của mình mang vào lưng Dương Mi. Sự tích nhường dù này của Chu được người đời ca tụng và đưa vào sách giáo khoa dạy cho bao thế hệ sau này. Ông tình nguyện cùng tổ lái sống mái trên máy bay. Hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai, quân đội Mỹ có quy định, phi công lái máy bay hành khách không trang bị dù, ràng buộc trách nhiệm của họ với mạng sống của người khác. Mọi cố gắng đã đến điểm cực đại, nhưng ngọn Tần Lĩnh vẫn ngạo nghễ sừng sững, cơ trưởng toát mồ hôi, xin Chu Ân Lai cho máy bay quay về Tây An. Chúng tôi hạ cánh trở lại Tây An và sau đó không lâu phải mạo hiểm lần nữa cho kịp vào hội nghị Trùng Khánh. Nhưng tiếc thay, chúng tôi càng nhân nhượng, Tưởng Giới Thạch càng lấn tới và cuối cùng “đánh đã thay cho đàm”, cuộc nội chiến một lần

nữa lại xảy ra, mãi đến năm 1949 mới yên tiếng súng, nước Trung Hoa mới ra đời, Chu Ân Lai trở thành thủ tướng và ra sức hoạt động ngoại giao nhằm xác lập chỗ đứng của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Năm 1960, tôi đã là thư ký cơ yếu của Thủ tướng, được cùng ông đi thăm các nước. Khi tới Việt Nam, đoàn được tin Quốc vương Campuchia vừa tạ thế, Chu Ân Lai chỉ thị chúng tôi chuẩn bị com-lê màu trắng vì sang đến Phnôm Pênh vẫn trong những ngày quốc tang của bạn. Hoàng thân Sihanouk vô cùng cảm động trước cử chỉ lễ nghĩa đó của đoàn và đưa chúng tôi về hoàng cung ăn ở trong những ngày viếng thăm Campuchia. Chu Ân Lai dặn chúng tôi hai câu “nhập gia tùy tục” và “khách tùy chủ biện”, nghĩa là khách phải nghe theo sự sắp xếp của chủ. Ngày đầu tiên Sihanouk bố trí chương trình để cả đoàn cùng đi với nhau, nhưng hôm sau thì hoàng thân tháp tùng Chu Ân Lai, còn ngoại trưởng Campuchia đi riêng với Trần Nghị. Sihanouk đưa Thủ tướng của chúng tôi ra phi trường và tuyên bố: “Hôm nay tôi xin thân hành lái máy bay phục vụ Thủ tướng Chu Ân Lai”.

Trời ơi! Hoàng thân Campuchia không đùa đấy chứ? Hồi ấy Sihanouk còn rất trẻ, đang độ hăng hái của một chàng trai, nhưng Thủ tướng của chúng tôi là ông cụ 62 tuổi, giá như Sihanouk cũng 60 tuổi thì chắc ông không hành động như vậy. Tôi phải thừa nhận là Sihanouk rất thông minh, đã vào chuyện là y như đủ khắp mọi lĩnh vực, hoàng thân còn làm thơ, vẽ tranh, sáng tác nhạc, biểu diễn văn nghệ, biết lái xe ô tô, nhưng còn máy bay thì thật bất ngờ, hôm nay mới rõ “lý lịch” và cũng lần đầu tiên vào những năm 60 nghe tin một nguyên thủ quốc gia lái được cả phi cơ. Lúc này có nguyên soái Trần Nghị thì nhất định ông sẽ ngăn cản, nhưng Sihanouk thông minh đã “tách” ông đi nơi khác và bây giờ Chu Ân Lai hoàn toàn “khách tùy chủ biện”. Chu gật đầu mỉm cười, còn tôi thì hồn vía lên tận mây xanh. Sihanouk lái máy bay đưa Chu Ân Lai đến một hòn đảo mà lúc bấy giờ luôn bị quân Mỹ và quân đội Sài Gòn uy hiếp, hoàng thân giới thiệu với dân chúng “Đây là Thủ tướng của nước Trung Hoa”, mọi người hò reo cảm ơn Trung Quốc đã đến với họ. Về phương diện chính trị, Sihanouk cũng thật khôn ngoan, mặc dù hồi ấy ông còn rất trẻ, đang độ hăng hái của một chàng trai. Tôi hú vía sau chuyến bay lịch sử ấy, âu cũng là một lần thoát hiểm về mặt tâm lý.

Chu Ân Lai vào sinh ra tử, lắm phen thoát hiểm giữa mưa bom bão đạn hoặc nhiều lúc hồn vía treo chín tầng mây. Thủ tướng của chúng tôi còn kinh qua không biết bao lần giao tranh chính trị và nhờ đại trí đại dũng mà

chuyển bại thành thắng, biến nguy nan thành an toàn. Tôi nhớ, vào mùa hè năm 1931, những ngày u ám của Trung Cộng, Cố Thuận Chương - cán bộ của Cục Đặc vụ Trung ương đưa Trương Quốc Đào về căn cứ địa Ngạc Dư Hoản (3 tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, An Huy), không ai ngờ hai con người này lại là hai dòng tai họa đổ xuống đầu những người cộng sản chúng tôi. Lợi dụng chủ trương “túc phản”, thanh lọc, tại căn cứ địa này Trương Quốc Đào đã cơ hồ diệt sạch hàng ngũ tướng lĩnh ưu tú của Hồng quân, mức độ tàn khốc và đen tối của cuộc thảm sát cho đến nay sau hơn 60 năm mà vẫn chưa vạch trần ra hết. Sau đó Trương phát triển tới mức phân liệt đảng, lập riêng một cơ quan trung ương, tội ác của y dân chúng tôi đều đã rõ, hà tất phải tốn nhiều lời kể lể. Còn Cố Thuận Chương tuy thời gian tác oai của hắn cực ngắn, nhưng đã gây nên sự uy hiếp cực lớn đối với an toàn của trung ương Trung Cộng mà từ trước chưa hề có.

Cố Thuận Chương là công nhân Thượng Hải, sau khi gia nhập Trung Cộng, y đã leo lên vị trí ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, lãnh đạo công tác đặc vụ, bảo vệ, nắm hết mọi địa chỉ bí mật của Đảng và những người đứng đầu lúc bấy giờ. Hộ tống Trương Quốc Đào đến căn cứ địa Ngạc Dư Hoản xong, trên đường về y bị Quốc dân đảng bắt ở Vũ Hán và đầu hàng ngay từ những đòn tra tấn mở màn. Cố Thuận Chương ráp tâm hiến kế cho Quốc dân đảng một mẻ tóm gọn đầu não của Trung Cộng. Chu Ân Lai là người chỉ huy trận phản kích này, cùng với Trần Vân, Nhiếp Vinh Trăn, Lý Khắc Nông, Lý Cường v.v... ông cho sơ tán toàn bộ địa chỉ của trung ương Trung Cộng tại Thượng Hải, nhanh chóng cắt đứt các hòm thư liên lạc với Cố Thuận Chương mà trước đây đã thiết lập. Thủ tướng của chúng tôi lúc bấy giờ thật là một con người có mưu lược, bình tĩnh nhưng rất quả cảm, nhanh nhẹn nhưng rất chín chắn.

Đặng Dĩnh Siêu - vợ của Thủ tướng, người mà chúng tôi thường gọi với cái tên yêu “chị cả Đặng”, đã kể lại câu chuyện xảy ra năm 1928, lúc chị và Chu Ân Lai cùng đi sang Mạc Tư Khoa dự đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ 6 của Trung Cộng, Chu là đại biểu chính thức còn chị là đại biểu dự thính. Đầu tháng 5, hai vợ chồng đáp tàu biển của Nhật rời Thượng Hải. Đến Thanh Đảo, tàu cập bến cho khách lên bờ ăn cơm, Chu Ân Lai mua đủ các loại báo bán ở thành phố đem xuống tàu ngồi đọc say sưa. Lúc bấy giờ ở Tế Nam tỉnh Sơn Đông, quân Nhật vừa gây nên vụ thảm sát mùng 3 tháng 5, giết và làm bị thương hàng ngàn người Trung Quốc, và hôm nay sự kiện bị các báo vạch mặt. Cảnh sát Nhật chăm chú theo dõi

hành vi đọc báo của Chu Ân Lai, một hành khách đặc biệt, cho nên khi tàu cập bến Đại Liên, bọn chúng ngăn hai vợ chồng lại.

Chu Ân Lai bình tĩnh hỏi:

- Chuyện gì thế này, thưa các ông ?
- Anh làm nghề gì? - cảnh sát Nhật chất vấn.
- Mua bán đồ cổ - Chu Ân Lai không ngập ngừng trả lời, mặc dù trong va li của ông chẳng có lấy một mẫu vật cổ nào, nhưng từ lúc nhỏ Chu đã thành thạo, am tường về món hàng này nên có lẽ vì thế mà ông nhanh chóng đối đáp trôi chảy.

- Thế anh mua báo làm gì mà nhiều vậy?
- Trên tàu chẳng có việc gì làm, mua báo đọc tiêu khiển.
- Anh chị đi đâu?
- Cát Lâm?
- Lên Đông Bắc có việc gì?
- Thăm người cậu!
- Anh đi theo chúng tôi - viên cảnh sát trưởng hạ lệnh.
- Đi đâu?
- Về đồn cảnh sát!

Đặng Dĩnh Siêu hốt hoảng:

- Cho em đi với.

Chu Ân Lai quắc mắt quyền uy như bao đức ông chồng lúc bấy giờ, quay sang quát “Tiểu Siêu”:

- Nhà nó chẳng phải đi đâu cả, đến đó để làm gì? - Đoạn, ông trình bày lại với cảnh sát:

- Tôi sẽ đi theo các ông, nhưng trước tiên xin các ông thuê giùm cho chúng tôi phòng trọ, nhà tôi sẽ tạm trú ở đó, xong việc tôi còn biết chỗ mà tìm cô ta.

Ba tên cảnh sát nhìn nhau, khá khen cho con người khôn ngoan và tự tin này, chúng đành thuê phòng trọ cho Đặng Dĩnh Siêu, rồi mới đưa Chu Ân Lai về đồn.

- Cậu anh họ gì?
- Họ Chu.
- Tên gì?
- Mạn Thanh.
- Làm gì?
- Chuyên viên sở tài chính của tỉnh.

Chu Ân Lai trả lời lưu loát, dứt khoát, nhưng viên cảnh sát vẫn giảo hoạt khiêu khích:

- Chắc bây giờ anh đã quên mất họ tên của mình rồi?
- Tôi họ Vương như đã trình bày ông lúc nãy.
- Cậu anh họ Chu, sao anh lại là họ Vương?

Chu Ân Lai cười to:

- Thừa tiên sinh, ngài vẫn chưa phân biệt được cậu và chú ở nước chúng tôi hay sao, chú là em cha, cậu là em mẹ, nên họ hàng khác nhau bên Vương bên Chu, không giống như người Tây dương đều xưng mình là “uncle”.

- Nhưng tôi xem anh không phải là họ Vương mà là Chu, không phải đi buôn đồ cổ mà làm lính.

- Ông trông đôi bàn tay tôi, có đúng là lính không?

Viên cảnh sát rút hộc bàn nhìn vào một tấm cạc và lẩm bẩm ba chữ: Chu Ân Lai, rồi quát lớn:

- Anh là Chu Ân Lai!

- Tôi không rõ ông nói gì, tôi họ Vương, người Hoài An, các ông có căn cứ gì bảo tôi là Chu Ân Lai.

Viên cảnh sát im lặng, và dùng thủ đoạn tra hỏi lần nữa, nhưng Chu Ân Lai trả lời không sai một chữ, khớp với ban đầu. Cuối cùng hắn đành thả Chu:

- Xin lỗi tiên sinh, chúng tôi nhầm.

Chu Ân Lai bình tĩnh xem đồng hồ:

- Trễ của chúng tôi gần hai giờ rồi, dám phiền ông mua giúp cho hai vé xe lửa đi Trường Xuân.

- Vâng, làm ông bà vất vả quá.

- Cảm ơn, chúng tôi chờ vé ở phòng trọ.

Lần ấy, Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu an toàn rời khỏi Đại Liên, tiếp tục hành trình sang Mạc Tư Khoa dự đại hội 6 của Trung Cộng.



## 4. TÔI THỬ ĐO TỬU LƯỢNG CỦA NGƯỜI

Thủ tướng của chúng tôi sinh trưởng từ vùng đất thâm đượm nền văn hóa Thiệu Hưng, văn hóa sư gia, cũng là nơi sản xuất loại rượu ngon có tiếng - Thiệu Hưng hoàng tửu, vì thế mà ông biết uống rượu hay do câu “nam vô tửu như kỳ vô phong” răn dạy, điều đó tôi không dám khẳng định, song những câu chuyện về Chu Ân Lai và rượu thì rất nhiều, có thể viết thành một cuốn sách khá dày và luôn luôn liên quan đến hai chữ “Mao Đài”. Hồng quân chúng tôi thường nói đùa, hồi Vạn lý trường chinh, khi qua Quý Châu chiếm được trấn Mao Đài, lính tráng đã uống cạn tất cả mọi vò rượu ở đây, dần dần tạo nên điển tích “uống hết rượu Mao Đài”. Kỳ thực chất lượng rượu Ngũ Lương hơn hẳn Mao Đài, nhưng vì Hồng quân và Chu Thủ tướng không uống loại rượu này, mất đi hai điểm đó, Ngũ Lương đành nhường ngôi mỹ tửu cho Mao Đài.

Chuyện vui cuối cùng vẫn là chuyện vui, nhưng Mao Đài quả đã thành danh trên thế giới và gắn bó với Thủ tướng của chúng tôi, và hồi ấy lúc qua trấn Mao Đài trong cuộc Vạn lý trường chinh, Thủ tướng dùng loại cốc đồng được một lượng, uống liền 25 cốc Mao Đài tửu, ông nói với tôi như vậy, sau này nhiều lần kiểm nghiệm tôi thấy đúng.

Vậy xin được kể tiếp câu chuyện tửu lượng của Thủ tướng.

Năm 1940, tôi đảm nhiệm công việc cảnh vệ cùng Chu Ân Lai từ Diên An về Trùng Khánh để dự đàm phán với Quốc dân đảng. Trên đường đi, chúng tôi gặp không biết bao nhiêu là sĩ quan của Quốc dân đảng, sư trưởng, quân đoàn trưởng, Tư lệnh v.v... họ đều tốt nghiệp ở trường quân sự Hoàng Phố, từng là học sinh của Chu Ân Lai, thầy trò cửu biệt trùng phùng, thiết rượu chào mừng, vừa đề ôn cố, vừa đề thầy giáo cũ của mình tẩy trần sau mỗi chặng đường là đương nhiên và không thể từ chối. Là cảnh vệ cho Thủ tướng, tôi không dám vắng mặt trong tất cả các buổi tiệc và nhận thấy chưa một cậu học trò nào địch nổi tửu lượng của thầy, nhưng tửu lượng bao nhiêu thì vẫn đo không được, có lẽ khoảng 1 cân, ít ra cũng 8 lượng, tôi nhắm đoán.

Mùa thu năm 1945, cuộc đàm phán Quốc - Cộng nâng lên cấp thượng đỉnh Tưởng - Mao. Khi Mao Trạch Đông vừa đến Trùng Khánh thì 8 giờ tối hôm ấy Tưởng Giới Thạch đã mở tiệc khoản đãi ở dinh quan Lâm Viên, đàm phán bắt đầu từ những cốc rượu. Tiếp sau đó là liên tục yến hội, nào

chính phủ Nam Kinh mời, nào các đảng phái dân chủ khác mời, nào đoàn thể nhân dân mời. Mỗi lần tiệc tùng như vậy, mọi quan khách đều tranh nhau chúc rượu Mao Trạch Đông. Lúc ấy Mao - Chu như hình với bóng, Chu Ân Lai sợ kẻ xấu ám hại Mao Trạch Đông, cho nên khi nói chuyện ông lùi sau Mao nửa người, còn lúc ai mời rượu ông lại dành lên trước nửa người và luôn miệng: “Ái dà, Mao Chủ tịch của chúng tôi tử lượng có hạn, tôi xin thay, xin hầu quý vị...”. Nhìn Chu Ân Lai hết cốc này đến ly khác, hết vòng này đến lượt khác, uống thay cho Mao Trạch Đông, thể như “liều mình cứu chúa”, mắt tôi tự nhiên nhòa lệ, tôi thương ông quá.

Năm năm cùng Chu Ân Lai có mặt trong các tiệc rượu, nghe ông giảng giải về tử đạo, tôi cũng đã hiểu biết ít nhiều xung quanh chủ đề rượu và uống rượu. Rượu vào có người mặt đỏ, có người không. Người mặt đỏ chưa hẳn là không biết uống, ngược lại người không đỏ mặt chắc gì đã là giỏi rượu, mà phải nhìn vào đôi mắt của họ để phán đoán. Có người càng uống, mặt càng đỏ, mắt sáng quắc như xuất thần, nó năng oai vệ, sang sảng, Chu Ân Lai thuộc loại này. Có người rượu vào, da mặt cũng đỏ, nhưng ánh mắt ảm đạm, thần sắc lúc tán lúc tụ, uống rượu trở thành tra tấn hoặc hình phạt đối với họ, Mao Trạch Đông là như vậy, và ông không bao giờ quá chén “ba ly”. Có người uống khá nhiều nhưng mặt vẫn như thường vì màu đỏ đã được da thịt che khuất, như tướng quân Hứa Thế Hữu chẳng hạn. Còn ai càng uống càng trắng, càng xám, càng xanh, nghĩa là biến sắc ba màu thì không nên ham rượu. Lúc về già, nguyên soái Hạ Long tuy rượu vào, mặt không biến sắc, nhưng Chu Ân Lai vẫn khuyên ông cai luôn “ngọn gió” quyền rũ ấy.

Cùng một người, tử lượng của anh ta còn phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe, ăn ngủ, tính tình và tâm trạng lúc nâng ly. Trong thời gian đàm phán ở Trùng Khánh, Chu Ân Lai từng thay Mao Trạch Đông nhận chúc rượu, luôn “liều mình cứu chúa”, khi ấy điều kiện sức khỏe của ông thật bất lợi, mất ngủ và phải làm việc căng thẳng, hầu như không được nghỉ ngơi. Vào tiệc, Chu Ân Lai lại bận rộn như ở bàn đàm phán, uống hàng chục cốc mà chưa miếng nào vào bụng, vòng này đến lượt khác, như thể đánh trận vậy. Quả thật, uống rượu cũng giống như ở chiến trường, những người thành tâm như Trương Trị Trung thì không nói làm gì, còn loại ô hợp kia, lai lịch nhân cách nào đâu có biết, lắm kẻ từng giết nhau giữa tử trường “nam chinh bắc chiến”, và nói chung hai ba đấu rượu lọt xuống bụng rồi thì tà ý hay chân tâm khó mà đoán biết, tất cả đều bốc lên, đều “rượu vào lời ra”: “Mao tiên sinh, lần này trở lại đàm phán, so với giai đoạn trước thuận

lợi hơn nhiều, chúc cho chúng ta sớm đi đến hiệp nghị, xin chúc mừng, xin cạn cốc.” “Ân Lai huynh, rượu của Mao tiên sinh huynh gánh dùm uống giúp, còn của bản thân huynh nữa nhé, phải cạn hai cốc, hai cốc...”

“Chu tiên sinh, tiểu đệ xin thay mặt đảng bộ Trùng Khánh, Quốc - Cộng hợp tác mà, hãy xem nhau như đồng sự và cốc thứ nhất xin mời Mao tiên sinh, cốc thứ hai mời hiền huynh Ân Lai.”

Những ngày đàm phán đi vào bế tắc, giữa thỏa hiệp và nguyên tắc, Chu Ân Lai đã tìm được cách đột phá. Phía bên kia cũng lảm kễ cuồng say vì sự nhượng bộ to lớn của Trung Cộng, nhưng không ít người cay cú do chưa tiêu diệt được cộng sản, tất cả những tâm trạng vui buồn ấy đều thể hiện trong tiệc rượu, trào lên rồi ập xuống sau mỗi vòng cụng ly, cạn chén, cảnh tượng ở tửu trường làm tôi liên tưởng đến biển cả, những ngọn sóng hùng hổ vươn cao như muốn nuốt hết tất cả, bỗng kiệt sức không thể dâng lên hơn nữa, đành đổ nhào xuống mồm đá, vỡ tan thành bọt trắng ngàn, lan tỏa ra phía sau, lúc ấy thật yên tĩnh, chỉ còn lại tiếng rào rào của bọt sóng lùi dần, xa dần mà thôi. Cứ thế hết cơn sóng này đến cơn sóng khác, Chu Ân Lai vẫn hiên ngang chống đỡ cho Mao Trạch Đông, mặt ông đỏ ửng, đôi mắt sáng quắc, lại thêm hàng mi đen dày càng khiến cho ông oai vũ. Chu lên tiếng:

- Tôi đề nghị chúng ta không nên loạn chiến, bất luận là uống rượu hay đàm phán, đều cần bình đẳng cả. Tôi xin mời tất cả các vị uống được rượu cùng nâng ly, và sau đây thay mặt Mao Chủ tịch kính quý vị 3 ly. - Chu Ân Lai lịch sự, lễ độ mỉm cười, đưa mắt nhìn toàn thể tửu trường, rồi gật đầu: - Vâng, xin quý vị cạn trước cho phải đạo. Sau đó Chu Ân Lai một hơi 3 ly uống cạn, và không quên: - Giờ đến lượt tôi, kính quý vị 3 ly nữa. Và ông giữ đúng lời mời của mình, lại cạn thêm 3 ly nữa, tửu trường lặng sóng, tôi chỉ còn nghe tiếng Chu Ân Lai khẽ nói: chúng ta đâu phải chuốc rượu, cụng ly cạn cốc là vì hữu nghị, không gây khó dễ cho người khác, ai uống được xin cứ tiếp tục đứng dậy kính mọi người 3 ly. Quả nhiên, Trương Quân, Thiệu Lực Tử, Trương Trị Trung thay nhau phát biểu:

- Ân Lai huynh nói chí phải, chúng ta không nên loạn chiến, ai uống được xin mời tự nhiên kính rượu mọi người - Người nào kính rượu liền một lúc phải cạn 3 ly đầy như Chu Ân Lai vừa làm mẫu nên không mấy ai dám cả gan một mình đương đầu khiêu chiến. Tửu trường “im tiếng sóng”, tôi nghe văng vẳng bên tai lời nhận xét của tay phóng viên đứng phía sau: “Mỗi một Chu Ân Lai mà đã đánh bại cả Quốc dân đảng trong đêm rượu

này”. Tôi thương Chu Ân Lai quá chừng, ông phải làm việc, phải đầu trí ngay cả lúc uống rượu.

Trở về văn phòng ở Hồng Nham, tôi ngửi thấy một mùi toàn rượu từ hơi thở của Chu Ân Lai, tôi quan tâm và hỏi: “Thưa Chu Phó chủ tịch, sao đồng chí không để Mao chủ tịch uống bớt một vài ly cho đỡ mệt?”. Ông ôn tồn đáp lại: “Minh sợ trong rượu có tay chân của địch!” và sau đó Chu lại tiếp tục công việc chuẩn bị cho phiên họp đàm phán ngày mai.

Lần thứ hai ở Vân Nam, cũng một cốc rượu lịch sử, nhưng tình hình hoàn toàn khác với Trùng Khánh. Hội nghị Bandung kết thúc, chúng tôi đáp máy bay từ Indonesia về Côn Minh, cán bộ lãnh đạo quân, chính, đảng tỉnh Vân Nam mở tiệc chào mừng đoàn đại biểu do Chu Ân Lai dẫn đầu thắng lợi trở về. Đêm ấy Chu Ân Lai đã được mọi người chúc rượu, kính rượu và một lần nữa tửu lượng mênh mông của ông lại phát huy tác dụng. Chu Ân Lai không từ chối một ai, cũng như khi ra về ông ân cần bắt tay tạm biệt từng người một, tôi đếm đúng 280 đồng chí tất cả.

Năm 1961, Mao Trạch Đông triệu tập hội nghị Lư Sơn lần thứ hai, Chu Ân Lai được gia đình Dương Thượng Khuê mời cơm. Nhắc đến Thượng Khuê và vợ Dương là Thủy Tĩnh thì bất cứ người nào trong Trung Nam Hải đều biết rõ, bởi vì Dương Thượng Khuê là bậc cách mạng lão thành, từng là trưởng ban tuyên truyền tỉnh ủy khu xô-viết trung ương, sau năm 1949 là bí thư tỉnh ủy Giang Tây. Trung ương mở hội nghị ở Lư Sơn, vợ chồng Dương Thượng Khuê - “quan sở tại” đã hết lòng thiết đãi, bày tỏ sự quan tâm, phục vụ. Thủy Tĩnh lúc ấy còn trẻ, ân cần giao tiếp, để lại ấn tượng đẹp đẽ với mọi khách quý đến Giang Tây. Thủy Tĩnh thường giúp anh chị em cảnh vệ, nhân viên cơ quan mỗi mai nên vợ nên chồng, tiếng lành đồn xa về bí thư tỉnh ủy phu nhân đẹp người đẹp nét này. Ngoài ra, Thủy Tĩnh còn nổi tiếng với tửu lượng của mình, cô đã “hạ gục” một Bộ trưởng chính phủ trong cuộc “đọ sức” trên tửu trường. Hồi đó, trong chính phủ nhiều người biết uống rượu, như bộ ba Thủ tướng, Trần Nghị và Kiều Quán Hoa, hoặc như danh tướng Hứa Thế Hữu 7 lần tham gia cảm tử quân, 9 lần bị thương nặng chôn sa trường cũng “khét tướng” là một trong bốn vị đại tửu ở Nam Kinh, hoặc như Bộ trưởng Liêu Lỗ Ngôn trước khi tàn tiệc ra về còn uống một lúc nửa chai, ông bảo “không nên lãng phí” v.v...

Chu Ân Lai đến chậm vì ông có công việc cần bàn với Mao Trạch Đông, tiệc vui ở nhà Dương Thượng Khuê và Thủy Tĩnh phải chia làm hai, Đặng Tiểu Bình và Lý Phú Xuân dùng trước và sau đó còn đi tham quan một số cơ sở với Dương Thượng Khuê, phần của Chu Ân Lai dành lại, giao

cho Thủy Tĩnh đợi khách và thù tiếp. Tôi được Thủ tướng kéo vào bàn tiệc. Thức ăn hôm ấy Thủy Tĩnh khéo bày thực đơn “tứ tinh vọng nguyệt”, bốn “ngôi sao” là các món rau tươi châu về một “mặt trăng” - thịt xào, kèm theo hai chai Mao Đài. Thủy Tĩnh ân cần tiếp đãi Thủ tướng, hai bên hàn huyên, chén tạc chén thù, và đều biết rõ tử lượng của nhau. Trước khi ra về, Thủ tướng mới tiết lộ hôm nay phần dự cơm khách, phần để thử xem tài uống rượu của nữ nhi, ông vui vẻ nói: “Thật danh bất hư truyền”, Thủy Tĩnh đáp lại: “Em cảm ơn, Thủ tướng lại nhà”. Tôi ngồi cùng Thủ tướng và vẫn chưa đo được chính xác tử lượng của Người, vì khi tử ý vừa nhen lên thì cuộc vui đã kết thúc, không rõ ông vừa uống vào giai đoạn nào.

Anh em phục vụ chúng tôi sống và làm việc bên cạnh Chu Ân Lai khá lâu, quan sát và đúc kết ra 3 giai đoạn hay còn gọi 3 đỉnh, 3 cao nguyên trên “tử lộ” của ông. Cao nguyên thứ nhất, chúng tôi mệnh danh là “phong cảnh tự nhiên”, ở đây chúng ta không có cảm giác rằng Chu Ân Lai biết uống rượu, phần lớn là các buổi tiệc gia đình do chị cả Đặng chủ trì bày biện, ông chỉ uống xã giao, lý do vì sao chúng tôi sẽ kể ở phần sau. Điều đáng chú ý ở giai đoạn này là những lúc cảm cúm, nhiễm lạnh này nọ, Chu Ân Lai không bao giờ uống thuốc, nghe ông gọi “chú Hà ơi, cho tí gì nhé” là tôi biết ngay chai Mao Đài, đĩa lạc rang và cái ly nhỏ. Thủ tướng vừa nhắm lạc rang với Mao Đài, vừa phê duyệt văn thư. Vị thứ tư kèm theo là thau nước ấm ngâm chân, phương thuốc của Chu Ân Lai chỉ có ngân ấy, tam bôi tửu xong, mũi lấm tấm mồ hôi, hắt hơi và đi ngủ thế là lành bệnh. Chu Ân Lai kể cho chúng tôi nghe không biết bao nhiêu câu chuyện về linh dược Mao Đài đã giúp Hồng quân trị bách bệnh trên dặm đường Vạn lý trường chinh, nay về Trung Nam Hải, Thủ tướng vẫn không quên và ưa dùng bài thuốc của những ngày gian khổ ấy. Cao nguyên thứ hai là trạng thái hưng phấn, lúc này đôi mắt Thủ tướng của tôi như có thần, dung mạo tuyệt vời, tư duy mẫn cảm, giọng nói oai vệ, đề tài rộng lớn “trên dưới cũng phải tới 5 ngàn năm, ngang dọc không ít hơn 10 vạn lý”. Đây là giai đoạn làm chúng tôi thoải mái nhất, tám chín lạng vẫn cứ vui mà hai ba cân cũng chẳng hề gì, đó là theo cách nói của dân nước tôi, đo tử lượng bằng cân lạng.

Cao nguyên thứ ba, đó là say, quả là rất nguy hiểm, phải sau một, hai ngày mới bình phục sức khỏe, lúc này những con sâu rượu hành hạ Thủ tướng tôi, và chúng tôi là những người có lỗi đầu tiên, song xin đừng quá trách, vì tôi vẫn chưa đo được tử lượng của Người, để biết mà “hãm” lại.

Tỷ như lần “cuộc rượu” với tướng quân Hứa Thế Hữu mà tôi sắp kể dưới đây thì tử lượng của Thủ tướng thật không ngờ.

Thế Hữu là viên tướng truyền kỳ với nhiều giai thoại, ông lấy việc uống rượu làm một tiêu chí đánh giá lòng trung thành và tính hào hiệp của quân sĩ. Vào thời cực thịnh của Hứa, ông bày trò “thách rượu”, một cái bát và một vò rượu đặt giữa bàn, giúp việc cho ông là viên “giám tử” có nhiệm vụ kiểm tra người uống trung thực hay giả hoạt và phạt rượu, sĩ tướng dưới trướng Hứa Thế Hữu đều sợ hình thức uống rượu này, đồn đại thế nào đến tai Chu Ân Lai và Chu đã dùng phương pháp “lấy rượu trị rượu”. Thủ tướng có tài xử lý các mâu thuẫn phức tạp nhất, tùy người mà sử dụng phương pháp khác nhau, ví như Hứa Thế Hữu chẳng hạn, ngoài Mao Trạch Đông ra, ai nói gì ông cũng giả vờ nghe cho xong chuyện, tính nóng như lửa, đến như lão Tổng Tư lệnh Bành Đức Hoài mà toàn quân phải kính nể vẫn cứ nhường nhịn Thế Hữu. Đối với một đồng chí như vậy, đơn thuần phê bình không giải quyết được vấn đề, khuyên ngăn càng vô hiệu, nói nặng nói nhẹ đều như “nước chảy đầu vịt”, song Chu Ân Lai đã nghĩ cách, cách đặc biệt với những người đặc biệt... Nhân Hứa Thế Hữu về thủ đô công tác, Chu Ân Lai phát hỏa “tấn công”:

- Hứa Tư lệnh này, đêm nay có rồi không? Đến chỗ tôi, ta cùng uống rượu. - Chu mời mọc thân thiết.

- Dạ rồi, không phải hội họp gì cả. - Hai mắt Hứa Thế Hữu sáng hẳn lên, lâu nay nghe đồn Thủ tướng hay rượu, mấy bận định kết giao bạn uống nhưng chưa có dịp, nay được Thủ tướng mời, thật như cởi tấc lòng. Hứa xoa xoa hai bàn tay với nhau và không biết nên báo cáo với Thủ tướng như thế nào, liền buộc miệng: “Lần sau tôi sẽ tìm cách săn cho Thủ tướng một con báo”...

- Đêm nay - Chu Ân Lai khẽ nói - phạm vi hẹp, chỉ mình tôi và Hứa Tư lệnh, cho nên cứ tự nhiên nhé. Đúng như Thủ tướng nói, không có người thứ ba, có chăng chỉ là nhân viên phục vụ tiếp rượu và thức ăn mà thôi, đến món thứ tư thì đứng sang một bên và án binh bất động.

- Thủ tướng có dịp về Nam Kinh, tôi sẽ mời ăn cơm dã chiến, toàn là thịt săn tại chỗ. - Hứa vui vẻ vào cuộc, còn Chu mỉm cười gật đầu, ông tin như vậy và cũng đã nghe tài săn bắn của Thế Hữu.

- Hứa Tư lệnh, ta uống rượu gì?

- Dạ tùy Thủ tướng chọn.

- Nghe nói đồng chí ưa Mao Đài, mà tôi cũng thích loại rượu đó.

- Dạ, Mao Đài vậy.

- Cho chai Mao Đài. Chu Ân Lai gọi nhân viên phục vụ mang rượu lên rồi chậm rãi hỏi Hứa Thế Hữu: - Nghe nói Nam Kinh có “tứ đại tử”, là ai vậy?

- Dạ Vương Bình, Giang Vị Thanh, Nhiếp Phương Tri và Hứa Thế Hữu tôi.

- Trong bốn người ai có tử lượng lớn nhất?

- Dạ, có lẽ là tôi ạ - Hứa Thế Hữu cười.

- Nam Kinh, Hứa Tư lệnh là số 1, nếu đến Sơn Đông, liệu có được không?

- Sao lại không được ạ? Tôi đã từng đánh khắp Sơn Đông rồi kia mà, còn kẻ nào dám đối địch nữa đâu!

- Tư lệnh nói đánh trận phải không?

- Dạ vâng, thắng trận Tế Nam hồi ấy, Thủ tướng còn nhớ không?

- Nhớ chứ, đánh trận thì tôi tin, còn uống rượu chưa chắc, Võ Tòng 18 bát rượu, người Sơn Đông dữ lắm!

- Ái dà, Thủ tướng cứ tin tôi, lâu nay Hứa này đã chịu thua ai trên tử trường đâu!

Vừa lúc ấy, nhân viên phục vụ bưng lên một chai Mao Đài còn khăng xi, tự tay Chu Ân Lai nhận rượu đặt lên bàn và bắt đầu chọc tức viên Tư lệnh Hứa Thế Hữu.

- Hứa Tư lệnh là người thật thà mà nghe nói uống rượu lại lắm mưu mẹo.

Hứa Thế Hữu như lồng lên, chửi thề:

- Thủ tướng để tôi đi tìm cái thằng nói láo ấy và cho nó một trận, tôi biết hẳn rồi.

- Thôi thôi, mới thế mà đã nổi nóng. Hứa Tư lệnh biết đâu mà tìm. Bây giờ tôi và Tư lệnh hai ta thi nhau, coi ai uống hơn ai?

- Thủ tướng ư? Dạ không được đâu ạ.

- Sao? Tư lệnh chê tôi uống không nổi à?

- Dạ không phải như thế, nếu Thủ tướng chưa tin tử lượng của Hứa tôi, dạ dám xin cho mời một “đấu thủ” khác.

- Đã uống rượu thì không phân biệt quan to hay quan nhỏ mà chỉ xem tử lượng ai cao, ai thấp. Đồng chí Thế Hữu, nếu đồng chí không thắng được tôi lần này thì chúng tôi lâu nay...

- Sao ạ?

- Chúng tôi lâu nay Hứa Tư lệnh của tôi cũng nói trắng và tán phét - Chu Ân Lai cười, pha chút khiêu khích.

- Dạ vâng, Thủ tướng đã cho phép, thì em xin theo.

Chu Ân Lai mở rượu định rót vào ly cho Hứa Thế Hữu, Hứa vội vàng ngăn lại:

- Dạ thôi, mỗi người một chai tiện hơn.

- Cũng được - Chu Ân Lai gọi người phục vụ - Cho thêm chai Mao Đài nữa đi.

Cuộc tửu thí bắt đầu! Hứa vào ngav 3 ly kính rượu Thủ tướng, ông quay cuồng với quyết tâm thanh minh, rằng Hứa tôi thật thà thế mà có kẻ ton hót lên Thủ tướng phải mang tiếng là “nói trắng”, là “tán phét”, cứ thế lần này 2 ly uống cạn, lần khác 2 ly một hơi, cấp tập rót rót, uống uống. Còn Chu thông thả, vừa nhắm, vừa uống, tận hưởng vị nồng cay của rượu hòa với mùi thơm bùi của lạc, thức ăn mà ông rất hợp khẩu vị, quay sang hỏi han tình hình Nam Kinh, tình hình quân đội, nhiều lúc khăng khái và cảm động hồi ức lại những chuyện xưa từng vang bóng một thời... Bỗng nghe Hứa Thế Hữu báo cáo:

- Thừa Thủ tướng, dạ cạn xong. Hứa cho chai rượu đặt thẳng đứng vào miệng ly, cả chai, cả ly không còn một giọt. Mặt Hứa chớm đỏ nhưng không nhìn rõ, giọng nói tuy âm vang song có chiều mệt nhọc khó thở, ông nhẹ nhàng đặt chai không xuống bàn, có lẽ vì uống với Chu Ân Lai nên Hứa mới “văn minh” như vậy, và quay nhìn Chu.

- Ô, thế thì tôi thua Hứa Tư lệnh rồi! - Chu Ân Lai vừa nói, vừa cố rót chai rượu vào ly, nhưng ô hay, cả chai lẫn ly đều khô từ lâu! Mặt Hứa như muôn ngàn hoa lửa, thật là “quỷ tha ma bắt” cả một chai Mao Đài chứ ít đâu, sức mình mà còn phải cố gắng lắm mới xong, thế nhưng Chu Ân Lai ung dung ẩm thực và cùng cạn như nhau, hay là rượu giả? Hứa tự nhiên nghi ngờ, đoán già đoán non.

- Hứa Tư lệnh, theo cách nói của nhà binh, cuộc thi đến đây kết thúc, được không? Chu Ân Lai hỏi.

- Dạ chưa được ạ, đây mới là hiệp một thôi, xin Thủ tướng sang hiệp hai để phân rõ thắng bại. - Hứa kỳ kèo mãi và Chu Ân Lai đồng ý, cho nhân viên phục vụ bung lên 2 chai Mao Đài nữa. Hứa nhanh nhẹn mở nút kiểm tra, Chu cười:

- Như nhau cả thôi, tùy Tư lệnh chọn.

Vẫn thế, mỗi “đấu thủ” một chiến thuật “công tử” đợt hai. Bình thường Thủ tướng tôi cũng cạn ly liên tục, nhưng hôm nay ông đổi cách uống “nâng lên đặt xuống” ung dung tự tại, ngược lại Hứa Thế Hữu thì mất



vẻ hào phóng của Nam Kinh tứ đại tửu, ông lo thua cuộc nên đâm ra hồi hộp lúng túng và đành sử dụng chiêu thức “tốc chiến tốc thắng”.

Sau hai tiếng đồng hồ, cuối cùng Hứa Thế Hữu cạn xong chai Mao Đài thứ hai, ông không gọi rượu nữa, đầu óc có vẻ lắc lư nhìn Chu Ân Lai. Chu cho chai rượu dốc thẳng vào ly, không còn một giọt, ông gọi nhân viên phục vụ:

- Cho thêm hai chai nữa, xem ra Hứa Tư lệnh còn uống được mà.

Hai chai thứ ba đặt lên bàn, Chu hỏi Hứa:

- Tư lệnh dùng chai nào?

Hứa chỉ gật đầu hình như muốn nói “chai nào cũng được”, rồi từ từ tuốt xuống đất, gắng gượng đứng lên nhưng không còn sức nữa, Chu Ân Lai vực ông lên ghế và sau đó là tiếng ngáy như sấm động của Hứa.

Khi tỉnh rượu, Hứa Thế Hữu đứng nghiêm theo tư thế con nhà lính và báo cáo Chu Ân Lai:

- Thưa Thủ tướng, Hứa tôi xin báo phục, từ nay về sau Thủ tướng chỉ đâu, Thế Hữu này xin đánh đó.

- Nói vậy, Mao Chủ tịch chỉ đâu, chúng ta đánh đó, - Chu Ân Lai sửa lại câu nói của Hứa.

- Dạ vâng, nhưng Hứa tôi muốn thề rằng, Thủ tướng bảo chết, thì tôi chết, bảo sống thì tôi sống, Thế Hữu này xin nghe lời Thủ tướng.

- Vậy hôm nay tôi muốn Hứa Tư lệnh làm điều này...

- Xin sẵn sàng đợi lệnh!

Từ đó về sau người ta thấy Hứa Thế Hữu bãi trò “thách rượu”, sĩ tướng của ông được “giải phóng”, những nhân viên “giám tửu” giúp việc này đều “phục viên”, còn ông, như đã hứa với Chu Ân Lai, mỗi lần không quá 6 cốc, khoảng nửa cân, tự nguyện rút khỏi Nam Kinh tứ đại tửu. Tất nhiên những kết quả vừa nêu thật quá sức đối với một người ghiền rượu như Hứa, nên cũng đã diễn ra từ từ theo một quá trình có sự giám sát của vợ con ông.

Đối với người Trung Quốc chúng tôi, Mao Đài là loại rượu trắng có độ cồn khá cao, một lúc uống cạn hai chai mà không đỏ, không say, thật cũng chẳng mấy ai. Thủ tướng tôi sở dĩ làm được điều đó, ngoài tửu lượng mệnh mông ra, còn phải kể đến nhiệm vụ mà ông cần hoàn thành, tỳ như ở Trùng Khánh, hoặc như hôm nay vì mong muốn Hứa Thế Hữu đừng lấy rượu trị người nên ông đã thắng đối thủ có hạng trên tửu trường. Điều đặc biệt thứ hai là mấy chục năm phục vụ Thủ tướng, tôi chưa hề thấy ông “lấy rượu giải sầu”, đối với Chu càng vui ông càng gần rượu. Câu chuyện sau

đây là do chị cả Đặng (Đặng Dĩnh Siêu - vợ của Thủ tướng) kể lại. Chị mà không kể thì làm sao chúng tôi biết được và cũng không có ai dám hư cấu một câu chuyện như vậy đối với lãnh tụ của mình, ấy là lần đầu tiên Chu Ân Lai bước đến cao nguyên thứ ba trên “tử lộ” của mình!

Tháng 8 năm 1925, Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu kết hôn, hôn lễ ngoài một số nghi thức tập tục cổ truyền ra, còn chủ yếu là bạn bè thân hữu hai họ cùng dự tiệc rượu. Tiệc vui chưa từng có, nhiều người say và cả chú rể Chu Ân Lai cũng không tránh khỏi sự cuốn của câu nói “nam vô tử như kỳ vô phong”, nên đêm tân hôn đã không động phòng hoa chúc, khiến cô dâu phải vò võ canh trường. Đặng Dĩnh Siêu kể lại như vậy và tâm sự: “Từ hôm đó tôi mới hay Thủ tướng biết uống rượu, và bắt đầu phản đối, nhưng vô hiệu, có lẽ vì công việc mà mấy chục năm nay ông phải uống nhiều rượu đến thế...”. Đêm ấy chị cả Thái đành ở lại, vừa chăm nom cho Chu Ân Lai mau tỉnh rượu, vừa động viên Đặng Dĩnh Siêu đừng buồn. Trong cơn say, chú rể kể đủ chuyện từ phong trào Ngũ Tứ đến cách mạng Tân Hợi, từ bên Pháp lúc đi du học đến nước Nga quê hương của Lê-nin, và vui nhất là câu nói mà sau này Đặng Dĩnh Siêu nhắc mãi:

- Từ Nhật Bản về đến Thiên Tân, tham gia mít tinh, nghe diễn thuyết, chao ôi diễn giả là một cô gái có đôi mắt to, đầy hấp dẫn - chị cả Thái hỏi dăm: - Cô nào vậy? - Tiểu Siêu chứ còn ai - mọi người cười ầm, kể cả cô dâu tên Siêu mà Chu vừa nhắc. Cũng hay, “Tiểu Siêu” hai chữ ấy sau này trở thành lời xưng hô thân ái của Chu Ân Lai đối với vợ, mãi cho tới già.

Câu chuyện mà Chu Ân Lai vừa kể trong lúc say là có thật, đó là năm 1919, ông từ Nhật Bản trở về nước, và lao ngay vào phong trào Ngũ Tứ, gặp Đặng Dĩnh Siêu mới 15, thua ông những 6 tuổi, họ cùng nhau tham gia khai hội, viết tập san, tổ chức “giác ngộ xã” và Chu luôn gọi Dĩnh Siêu là “em gái nhỏ”, hoặc “Tiểu Siêu”. Tháng 11 năm 1920, Chu Ân Lai đi du học ở Pháp, năm 1924 về nước và năm 1925 cưới “Tiểu Siêu” ở Quảng Châu. Năm năm xa nhau mà tình yêu vẫn son sắt, vui với Đặng Dĩnh Siêu, vui với bạn bè, Chu Ân Lai càng gần với rượu và mãi vui đến mức quên cả lời em dặn dò, quên cả đêm tân hôn, kể thì cũng hơi thất lễ và vợ chồng sau này chính vì rượu mà ít nhiều đã xảy ra mâu thuẫn, chung quy là ở chỗ: người vợ nào mà không sợ chồng do quá chén vừa hỏng việc, vừa hại sức khỏe. Quả là như vậy, chúng tôi nhắm tính, từ Chu Ân Lai đến Trần Nghị, Kiều Quán Hoa, Hứa Thế Hữu v.v... đều mắc chứng ung thư, có lẽ các vị uống nhiều rượu quá chăng.

Lần thứ hai, tại Mạc Tư Khoa, Chu Ân Lai đã bị quy vì rượu và chính tôi là người trong cuộc, tôi đã không làm tròn nhiệm vụ mà trước khi lên đường chỉ cả Đặng căn dặn: “Chú trông giúp chị, đừng để Thủ tướng uống nhiều rượu nhé!”, chắc bà sợ những thùng rượu Nga và những người Nga uống rượu!

Tháng 4 năm 1954, lần đầu tiên sau ngày thành lập nhà nước cộng hòa nhân dân, Trung Quốc tham gia hội nghị quốc tế Genève. Chu Ân Lai đã bôn tẩu khắp nơi trên thế giới cho sự tham dự của Trung Quốc tại hội nghị này mà sử sách còn ghi lại đầy đủ. Lúc này sức khỏe của Thủ tướng không được tốt lắm, mấy lần xuất huyết mũi, cho nên chị cả Đặng rất lo lắng khi hay tin đoàn Trung Quốc phải sang Liên Xô hội đàm công việc chuẩn bị tham gia hội nghị. Bà nhớ lại những lần tiếp xúc với các đồng chí Liên Xô, mỗi người bên ấy là cả một “thùng rượu”, họ uống rượu 65 độ như thể dân chúng tôi uống trà, rượu gì cũng uống được, vào bàn tiệc chỉ sau vài lần “cạn chén”, “đến đáy” là hoàn toàn “giải phóng”. Bà căn dặn tôi nhớ chăm lo cho Thủ tướng, tuy tuổi lượng của ông có cao mấy cũng không bị được với người Nga. Từ ngày được phong chức “phó quan”, tôi có nhiệm vụ bảo vệ Thủ tướng khi uống rượu, chúng tôi và Thủ tướng đã thống nhất cần phải xa rượu, vừa giữ gìn sức khỏe, vừa bảo đảm công việc, chúng tôi quyết định phương pháp “lấy nước thay rượu”. Nhân viên Trung Nam Hải đều biết cách dùng nước trà thay rượu nho, dùng bạch thủy thay rượu trắng, nhưng phải nhớ chai nào bình nào, kéo rót nhằm cho khách thì khôn, nên tất cả đều được huấn luyện, thực tập nhiều lần. Sau những lần thù tiếp đó, các đồng chí Liên Xô và Châu Âu cứ tưởng tuổi lượng của Thủ tướng tôi mệnh mông như biển cả, khâm phục người da vàng cũng áp đảo được người da trắng trên bàn rượu. Tại “sân nhà” dùng được phương pháp đó, nhưng sang nước người “đá sân” của họ thì đành bó tay, đành dựa vào tuổi lượng thực tế của mình.

Hội đàm giữa Liên Xô và Trung Quốc về các vấn đề chuẩn bị tham gia hội nghị Genève, sự phối hợp đấu tranh ngoại giao của hai đoàn Xô - Trung tại hội nghị v.v... đều đi đến kết quả nhất trí. Trước khi đoàn Trung Quốc trở về Bắc Kinh, Khrusov - Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Malenkov - Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lúc bấy giờ đã mở tiệc chiêu đãi Chu Ân Lai. Tham dự dạ yến hôm ấy còn có Molotov - Ngoại trưởng và sẽ là trưởng đoàn Liên Xô tại hội nghị Genève, cùng nhiều quan khách khác, toàn thể thành viên của đoàn Trung Quốc đều được mời dự tiệc. Đêm ấy tôi đã linh cảm chẳng lành, tôi không nói được

tiếng Nga, mọi công việc thông dịch đều trông vào một mình Sur Triết, người tiếp rượu đều do bạn đảm nhiệm, hoàn toàn không thể “lấy nước thay rượu” như ở nhà, hưởng hồ chế độ ăn uống phục vụ lãnh đạo của Liên Xô lúc đó rất nghiêm ngặt, thức gì cũng qua kiểm tra khó mà đánh tráo.

Khrusov khai mạc, ông nói rất ngắn, sau vài câu là đề nghị nâng ly, toàn thể cử tọa đều đứng dậy, người Nga nhiệt tình hào hiệp khó ai bằng, không giống như bên nước tôi ai kính rượu, người đó uống, còn đây, đã hô “xuống đáy” là y như rào rào “cạn”, “cạn”. Theo phép ngoại giao, sau kính rượu là hồi rượu, khách phải mời lại chủ và cứ thế “kính - hồi”, “mời - đáp” liên tục hết đợt này sang đợt khác, Thủ tướng của chúng tôi lâu nay vẫn chủ trương “khách tùy chủ biện” nên không hề chối từ bất cứ một ai, tôi nhận xét ông đã bước vào cao nguyên thứ hai trên “tử lộ” của mình. Bằng một giọng nói thông minh và pha chút dí dỏm, Chu Ân Lai tay lắc ly rượu, quay sang nói với Khrusov:

- Người say đâu phải vì rượu, nhưng từ một góc độ nào đó mà quan sát thì Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam, ba nước chúng tôi được tham gia hội nghị quốc tế lần này là rất có ý nghĩa và thắng lợi.

Khrusov do uống nhiều rượu hay là đầu óc sao đó, nghe xong phiên dịch, ông vẫn chưa hiểu hết câu nói của Chu Ân Lai. Khi ấy, Mỹ không thừa nhận ba nước Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, nhưng phải ngồi vào bàn đàm phán với họ, điều đó chẳng khác nào như một sự thừa nhận hay sao. Khrusov chắc không nhận thức được ý nghĩa trên, nên ông vẫn khẳng khái:

- Hội nghị lần này chưa chắc đã giải quyết được vấn đề gì, chúng ta khó mà dự đoán được kết quả của nó.

- Thừa đồng chí Khrusov, hiện nay Mỹ, Anh và Pháp đã không thể ngồi đàm phán với chúng ta, nghe chúng ta nói rõ lập trường, nguyên tắc của mình đối với các vấn đề quốc tế, tôi nghĩ đó là một thắng lợi rất đáng trân trọng - Chu Ân Lai giải thích thêm cho Khrusov. Phiên dịch xong, các đồng chí lãnh đạo Liên Xô hình như phân tích gì đó nên Khrusov gật đầu lia lia rồi thét vang “Kha-ra-số”, “tốt, tốt”, “đúng, đúng”, đoạn nâng ly mời Chu Ân Lai, uống cạn, rồi ôm lấy Thủ tướng tôi, xoay và hôn má. Người Nga thường thổ lộ tình cảm của mình như vậy, phải ôm, phải xoay, phải hôn mới nói hết những gì muốn nói. Chu Ân Lai cạn ly cùng Khrusov và cao hứng mà rằng:

- Nếu hội nghị lần này giải quyết được một số vấn đề nào đó thì thật là quý hóa và có ích cho sau này, đoàn chúng tôi muôn cố gắng để giành

được thắng lợi. - Cũ tọa vỗ tay, tôi thấy mọi người rời khỏi ghế ngồi bước tới ôm hôn Chu Ân Lai, chúc rượu, cạn ly, mặt Thủ tướng tôi không còn đỏ nữa, dần dần biến sang xanh và trắng, chết rồi, triệu chứng sắp bước vào cao nguyên thứ ba, tôi lo lắng vô cùng, nhưng đành bó tay. Đang lúc bối rối như vậy thì tôi thấy Molotov đến cạnh Chu Ân Lai, ông nâng ly:

- Hội nghị Genève lần này, hai chúng ta sẽ kề vai sát cánh chiến đấu bên nhau, hãy cạn cốc vì tình hữu nghị giữa chúng ta. - Chu Ân Lai vẫn phong độ, gạt đầu mỉm cười đáp lễ, nhưng mặt ông hầu như trắng bệnh, ông ép sát mình với Molotov và rỉ tai thân mật:

- Đồng chí Molotov, tình hữu nghị giữa chúng ta đã có từ lâu, năm 1928 khi sang Mạc Tư Khoa dự đại hội 6 của đảng chúng tôi, tôi gặp đồng chí, nghe đồng chí đọc lời chào mừng. Đồng chí là đại ca, chúng tôi phải học tập các đồng chí, đây là lần đầu tiên Trung Quốc tham gia hội nghị quốc tế, chưa có kinh nghiệm và cả tri thức nữa, nên cần tiếp tục học tập các đồng chí, xin hãy cạn chén vì sự cùng nhau nỗ lực của chúng ta! - Chu Ân Lai một hơi uống cạn ly rượu và bỗng nghe tiếng choang, ly vỡ, ông quỵ người, Molotov và Trương Văn Thiên kịp đứng bên đỡ lấy Chu Ân Lai, chúng tôi dìu ông ra xe và nhanh chóng đưa về phòng nghỉ. Phía Liên Xô bối rối, mọi người tỉnh rượu và xin lỗi, Trương Văn Thiên vừa đi theo Chu Ân Lai vừa giải thích với bạn, rằng Thủ tướng chúng tôi gan yếu, hồi Vạn lý trường chinh đã đau một lần, không được uống nhiều rượu, mấy hôm nay làm việc căng thẳng nên mới như thế này... Molotov lắc đầu: “Chúng tôi thật đáng trách và phải nhớ bài học này.”

Phải sau một ngày mệt mỏi, nôn hết rượu, Thủ tướng tôi mới tỉnh lại, ông hỏi Sư Triết:

- Ngày hôm qua tôi đã nói những gì?

- Thủ tướng nói rất hay, các đồng chí Liên Xô đều phải khen “Kha-ra-số”.

- Không có gì mất tư cách?

- Dạ không, chỉ có đoạn... năm 1928 tại đại hội 6 của đảng chúng ta, nghe đọc lời chào mừng, chắc Thủ tướng muốn chỉ Stalin, nhưng nói nhầm ra Molotov...

- Ủ, còn chỗ nào không thỏa đáng nữa, đừng giấu tôi.

- Dạ không, - Sư Triết khẳng định. - Đúng là như vậy ạ.

Đoàn về đến Bắc Kinh chậm một ngày, Thủ tướng đã báo cáo kết quả hội đàm lên Mao Chủ tịch và Trung ương, ông không quên nhận khuyết điểm về say rượu với Mao, Mao hỏi:

- Có uống nhiều như ở Trùng Khánh không? - Mao cười: - Người ghiền rượu mà uống say là chuyện bình thường, nếu gặp tôi, tôi không đấu rượu với họ mà yêu cầu họ thì ăn ớt cùng tôi, lấy sở trường bù sở đoản!

Tôi kể lại chuyện này cho Sư Triết nghe, anh ngạc nhiên: “Thủ tướng quá thật thà, uống tí rượu mà phải kiểm thảo với Trung ương, ở bên này như vậy là thường, nếu kiểm thảo phê bình thì ngày nào cũng cần khai hội”, lúc ấy Sư Triết đang công tác ở Liên Xô.

Năm 1972, khi được Chu Ân Lai mời tiệc, Nixon đã hỏi:

- Nghe nói tửu lượng của Ngài rất lớn?

- Ngày xưa uống được, hồi Vạn lý trường chinh từng một lúc uống hết 25 cốc Mao Đài, loại cốc to hơn cái ly này nhiều.

- Thế còn bây giờ?

- Tuổi cao, bác sĩ đã hạn chế, nhiều nhất cũng chỉ 3 ly mà thôi.

- Tôi nghe người ta kể, rằng khi Hồng quân trên đường trường chinh đánh chiếm trấn Mao Đài, các ông đã uống hết mọi vò rượu ở đây?

- Đó là chuyện vui, nhưng trong thực tế Mao Đài quả nhiên trở thành linh dược trị bách bệnh cho Hồng quân trong những năm tháng ấy.

- Xin hãy cạn ly bằng Mao Đài - một loại linh dược của Hồng quân.

Chu Ân Lai mỉm cười, chiêu khách, cạn với Nixon một ly Mao Đài. Đó là ly rượu cuối cùng của đời ông, vì ngày 12 tháng 5 năm 1972, khám nghiệm trong nước tiểu của Chu có số hồng huyết cầu nhiều hơn quy định, ngày 18 tiếp tục kiểm tra mới hay, Chu Ân Lai đã mắc chứng ung thư bàng quang. Ông xa rượu vĩnh viễn, sớm hơn 4 năm trước khi tạ thế.

## 5. KHÓC THAN VÀ GIẬN DỮ

Năm 1942, ba cơ quan của Trung Cộng là Cục phương Nam, *Tân Hoa xã*, Văn phòng đại diện quân đoàn 18 đều làm việc ở Trùng Khánh, thân phụ Chu Ân Lai và thân mẫu Đặng Dĩnh Siêu cũng được đưa về đây cùng sống với con cái dâu rẻ. Số nhà 50 đường Tăng Gia Nham ngoài đề 3 chữ “Chu công quán” với những tầng lầu xinh xắn, nhưng Chu Ân Lai rất ít ở đây vì gần Thượng Thanh Từ, trụ sở của cơ quan đầu não Quốc dân đảng do thủ lĩnh đặc vụ Đới Lạp chỉ huy. Chu và gia đình trú tại Hồng Nham Chủ, tuy xa trung tâm thành phố khoảng 5 cây số nhưng an toàn, phong cảnh lâm viên có cây cối núi đồi, lại được quân lính bảo vệ. Thân phụ Chu Ân Lai có tên gọi Chu Thiệu Cương, người hiền lành, trung hậu và hơi nhút nhát, ai cũng xưng hô là cụ Chu, chị cả Đặng không dám kêu “cha” mà một điều hai điều đều “thưa cụ, bẩm cụ”. Cụ Chu ưa uống rượu và du lãm, cho nên anh em phục vụ chúng tôi thường phải chú ý hai điều ấy thôi.

Đó là những ngày cuối tháng 6 năm 1942, Trùng Khánh vô cùng nóng nực, Chu Ân Lai vào viện mổ bàng quang, Đồng Tất Vũ nhận được điện của Mao Trạch Đông từ Diên An truyền về: “Ân Lai cần tĩnh dưỡng, chưa lành bệnh chưa ra viện, có ra viện cũng phải nghỉ ngơi giữ gìn sức khỏe, mong đồng chí hết sức chú ý”.

Đồng Tất Vũ, Đặng Dĩnh Siêu và Tiền Chi Quang ngày ngày thay phiên nhau vào viện chăm nom Chu, nhưng một sự việc không may đã bất ngờ xảy ra: ông cụ đi chơi trúng gió, kịp đưa đi cấp cứu, song tuổi cao sức yếu, không may qua đời. Biết làm thế nào bây giờ, vết mổ của Chu còn chưa cắt chỉ, ông lại là người con có hiếu; mỗi lần về quê thăm gia tộc gặp các bậc bề trên, Chu Ân Lai đều lễ phép cúi cung bái lạy đầu và đậy, ai ai cũng khen ông giữ được gia phong. Các đồng chí cả ba cơ quan quyết định giấu Chu Ân Lai, giữ gìn thi thể ông cụ và nán đợi vài ngày nữa xem bệnh tình của Chu thuyên giảm ra sao rồi mới báo cáo với ông.

Vừa thấy tôi vào dọn dẹp bệnh phòng, Chu Ân Lai liền hỏi:

- Sao hai hôm nay không thấy Đồng Tất Vũ?

- Thưa Phó chủ tịch, chắc bên Cục phương Nam có công việc. - Tôi trả lời qua quýt rồi giả vờ bận rộn soạn cái này sắp cái kia. Chu Ân Lai vẫn tỏ ra áy náy bồn chồn và gọi tôi:

- Chú Hà, bỏ đấy, tôi hỏi thật chú ở nhà có việc gì không?

- Dạ không ạ, chắc bên Cục phương Nam...

- Cục phương Nam thế nào, nếu có công việc lại càng phải vào gặp tôi, có sao hai ngày rồi không thấy Đồng Tất Vũ đâu cả?

Kỷ luật và nguyên tắc dạy chúng tôi, rằng việc không được biết không nên hỏi, việc không được nói phải thật im lặng, tôi loay hoay một lúc rồi tìm cách cáo từ. Ngày thứ ba vết mổ của Chu Ân Lai vừa cắt chỉ, Ngô Khắc Viện vào viện báo cáo tình hình cơ quan, dù Ngô có bản lĩnh đến mấy cũng không giấu được ánh mắt hoảng loạn khi nhìn thẳng vào Chu Ân Lai, ông hỏi Ngô:

- Các đồng chí đang giấu tôi điều gì phải không? Chú Hà - Chu Ân Lai gọi tôi đưa ông ra viện gấp. Sự tình đến nước này thì khó lòng mà giấu được Chu, tôi tìm cách kéo dài thời gian làm thủ tục để liên lạc với chị cả Đặng chủ động chuẩn bị.

Xe tới văn phòng Hồng Nham Chủy, không cần ai dìu đỡ, Chu Ân Lai lao vào nhà và thấy Đặng Đình Siêu tay mang băng đen.

- Chuyện gì thế Tiểu Siêu?

- Cụ vừa qua đời cách đây 3 hôm vì trúng gió...

- Trời! - Chu Ân Lai chỉ kêu được ngần ấy và gục quỵ xuống đất khóc than như một đứa trẻ thơ: - Tiểu Siêu! Sao em nỡ giấu anh. Các đồng chí! Sao các đồng chí nỡ giấu tôi. Đã 3 ngày rồi, trời ơi! Các đồng chí không có cha mẹ hay sao? Chủ nghĩa Mác dạy chúng ta không cần cha mẹ hay sao? Không làm người con hiếu thảo thì chúng ta sao trở thành cộng sản được? Không có cha mẹ làm gì có chúng ta?

... Mọi người chỉ còn biết im lặng và cùng Chu Ân Lai tuôn trào dòng lệ của đạo làm con. Đồng Tất Vũ đến bên cạnh ông và đưa bức điện của Mao Trạch Đông như để thanh minh mọi sự giấu kín trong 3 ngày qua, Chu Ân Lai lau nước mắt và đứng dậy thảo ngay điện báo cho Mao: “Thưa Chủ tịch, vừa về thì hay tin thân phụ qua đời đã 3 ngày, đau thương cùng cực, ân hận làm con bất hiếu, sáng mai sẽ an táng”. Vài phút sau Mao phúc điện phân ưu: “Tôn ông tạ thế, Bộ Chính trị gửi lời chia buồn thống thiết, mong đồng chí cẩn trọng, bệnh vừa thuyên giảm, chú ý nghỉ ngơi”.

Chu Ân Lai đứng bên linh cữu cha đúng một đêm tròn, tưởng nhớ đức cù lao, công dưỡng dục của phụ mẫu, ai khuyên ông đi nghỉ vì mới ra viện, ông cũng không nghe. Thi hài cụ ông Chu Thiệu Cương mai táng tại phần đất của Trung Cộng ở Trùng Khánh lúc bấy giờ, sau đó trở thành nghĩa trang liệt sĩ chôn cất Lý Thiệu Thạch cùng 20 chiến sĩ Hồng quân bị



Quốc dân đảng ám hại ngay trong lúc Mao và Tưởng đàm phán, tại đây còn có sinh phần của thân mẫu Đặng Dĩnh Siêu.

Câu chuyện tôi vừa kể là những gì muốn nói về đức tính hiếu thảo trong con người Chu Ân Lai, muốn nói về tình cốt nhục trong con người cộng sản mà hồi ấy Quốc dân đảng và Tưởng Giới Thạch cố sức bôi đen, xuyên tạc chúng tôi. Ngày 8 tháng 4 năm 1946, sau khi tiễn các đồng chí Vương Nhượng Phi, Bác Cổ, Diệp Đình, Đặng Phát bay về Diên An, Chu Ân Lai và chúng tôi trở lại văn phòng của Trung Cộng ở Thượng Thanh Từ để chờ phúc điện từ Trung ương về chuyến bay hạ cánh. Vương Nhượng Phi và Bác Cổ có nhiệm vụ báo cáo với Mao Trạch Đông và Trung ương tình hình đàm phán với Quốc dân đảng và kết quả của hội nghị chính trị hiệp thương, còn Diệp Đình vừa được phóng thích từ nhà ngục của Quốc dân đảng. Theo kế hoạch Chu Ân Lai bố trí thì Diệp phải nghỉ ngơi vài ngày ở Trùng Khánh, nhưng ông nhớ Diên An da diết nên xin Chu cho phép cùng con gái đi đón là Dương Mi cùng bay trong chuyến này; người thứ tư là Đặng Phát, đại biểu Trung Cộng dự hội nghị công hội ở Paris quá giang về Diên An. Tôi thấy Chu Ân Lai bồn chồn một cách lạ thường, đi đi lại lại và luôn hỏi Trần Hạo “đã có điện của Diên An chưa?”. Đã mấy phen lâm nạn trên không, Chu Ân Lai lo lắng cho các chiến hữu đồng chí của mình, huống hồ lúc ấy tình hình rất phức tạp, Quốc dân đảng và Tưởng Giới Thạch sẵn sàng đánh phá bất cứ khi nào chúng tôi sơ suất. Còn nhớ Mao Trạch Đông đến Trùng Khánh đàm phán, hiệp định “song thập” chưa ký kết thì bỗng đại sứ Mỹ là Hurley chuẩn bị về nước, Chu Ân Lai rất lo lắng, ông gặp Hurley chất vấn:

- Thưa ngài đại sứ, ngài đón Mao Chủ tịch từ Diên An đến đây dự đàm phán, nay hiệp định vẫn chưa được ký, ngài sắp về nước, rõ ràng là sẽ rất khó khăn, rõ ràng sẽ làm mất lòng tin của mọi người!

Hồi ấy, Tưởng Giới Thạch đã có ý định hãm hại Mao Trạch Đông, cho dù ông ta đang bị dư luận trong và ngoài nước gây sức ép nhưng cũng không loại trừ khả năng mạnh động. Sở dĩ Chu Ân Lai đồng ý để Mao Trạch Đông bay từ Diên An về Trùng Khánh là vì trong phi cơ có hai “con tin”: đại sứ Mỹ Hurley và Trương Thị Trung - Thượng tướng của Quốc dân đảng. Vậy lần này trở về Diên An, Chu Ân Lai quyết tìm mọi cách bảo vệ an toàn cho Mao Trạch Đông, ông gặp Trương Thị Trung:

- Huynh không thể đón Mao Chủ tịch đến đây mà không đưa về lại Diên An, nếu quả thật tin như vậy là chúng tôi kiên quyết phản đối!

Cuối cùng Chu Ân Lai gặp Tưởng Giới Thạch buộc ông ta phải đáp ứng yêu cầu của Trung Cộng, đảm bảo an toàn cho Mao Trạch Đông trở về Diên An.

Nhưng lần này đối với Vương Nhượng Phi, Bác Cổ, Diệp Đình và Đặng Phát, Chu Ân Lai đã không làm được như vậy và quả nhiên điện báo từ Diên An truyền đến: máy bay mất tích, đó là vụ không nạn “mùng 8 tháng 4” được ghi trong lịch sử Trung Cộng, phi cơ đã đâm vào rặng núi Hắc Trà Sơn, cướp đi sinh mạng của những người cộng sản và Chu Ân Lai quần quai khóc than như thể bao trách nhiệm đều mình ông gánh chịu. Ngày 19 tháng 4, chúng tôi làm lễ truy điệu các liệt sĩ 4 tháng 8, Chu Ân Lai nén đau thương kể lại chuyến bay vượt Tần Lĩnh lần trước và căn dặn mọi người đừng nghi oan cho các phi công quân đội Mỹ lúc bấy giờ. Đó là lần thứ hai tôi chứng kiến Chu Ân Lai khóc than, ông khóc cho tình đồng đội, đồng chí, bằng hữu... một nhu cầu trong cuộc sống của con người.

Ngày 26 tháng 6 năm 1946, quân đội Quốc dân đảng phát động tấn công khu giải phóng Trung Nguyên và tuyên bố trong 48 tiếng đồng hồ sẽ tiêu diệt toàn bộ Hồng quân Trung Nguyên. Lý Tiên Niệm cùng các tướng lĩnh chỉ huy phá vòng vây theo 3 hướng và cuộc nội chiến mà Trung Cộng cũng như nhân dân Trung Quốc tìm mọi cách ngăn chặn cuối cùng đã bùng nổ. Tuy nhiên, Chu Ân Lai vẫn liên tục điện về Diên An đề xuất: “Tình thế hiện nay vừa đánh vừa đàm, nhưng đánh là chủ yếu”. Trong khi đó, Tưởng Giới Thạch vừa dốc quân vào nội chiến, vừa bức hại các nhân sĩ dân chủ của lực lượng thứ ba, ngày 11 tháng 7 ám sát Lý Công Phác - uỷ viên Trung ương Đồng minh Dân chủ, tiếp đến ngày 15 lại là Văn Nhất Đa, cũng trung uỷ của tổ chức này. Tôi hộ tống đưa Chu Ân Lai đi gặp Marshall - đại diện phía Mỹ, ông phản đối:

- Quốc dân đảng dùng vũ lực đánh Trung Cộng, chúng tôi có quân đội của mình nên chẳng nói làm gì, nay họ thảm sát cả Đồng minh Dân chủ, những nhân sĩ tay không tác sát, thật là hành động phát xít... - Nói đến đây, mắt Chu Ân Lai đỏ hoe và không ngăn nổi dòng lệ tuôn trào, ông khóc cho đồng bào của mình trong cảnh nồi da xáo thịt, khóc trước một người nước ngoài.

Mấy hôm sau, Đào Hành Tri, một trung uỷ nữa của Đồng minh Dân chủ vì uất ức, chảy máu não và qua đời. Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu đến thăm Đào tiên sinh lúc lâm chung, nắm bàn tay khô lạnh vàng nghệ của người sắp khuất, Chu Ân Lai nước mắt giàn giụa an ủi: sự nghiệp của tiên sinh sẽ do bạn bè và hậu thế kế tục, xin tiên sinh hãy an lòng. Tháng 10

năm ấy (1946), Tưởng Giới Thạch đánh chiếm Trương Gia Khẩu, Trường Xuân, An Đông, Tô Bắc và Sơn Đông, cả một vùng đất đai rộng lớn, và mở “nguy quốc đại” - quốc dân đại hội mà không có Trung Cộng và lực lượng thứ ba tham gia. Ngày 28 tháng 10, tổng thư ký của Đồng minh Dân chủ là Lương Thấu Minh bỗng đưa ra phương án đình chiến theo hiện trạng rất bất lợi cho phía Trung Cộng chúng tôi. Chu Ân Lai bàng hoàng vì mới đây thôi, ông vừa ký cùng Đồng minh Dân chủ một “hiệp định quân tử” cam kết sẽ thống nhất hành động phối hợp đối phó với Quốc dân đảng, thế mà nay Lương Thấu Minh không hề trao đổi gì cả, đã đơn phương trao phương án cho Marshall và Quốc dân đảng. Chu Ân Lai gặp Lương Thấu Minh, với một giọng nói đau xót, ông trách móc Lương:

- Tiên sinh không cần giải thích gì nữa, trái tim tôi đã tan nát mất rồi. Quốc dân đảng áp bức chúng tôi, thôi cũng đành mọi lẽ, nay đến như lực lượng thứ ba - Đồng minh Dân chủ mà lại đi áp bức chúng tôi nữa hay sao? Làm người phải trọng chữ tín, hiệp nghị của chúng ta tiên sinh vứt đâu? Lâu nay chúng tôi một lòng đoàn kết với tiên sinh, nay chúng tôi lâm nguy, tiên sinh không những không giúp đỡ, ngược lại còn... các người thật không đáng bạn bè!

Nói đến hai chữ “bạn bè”, bỗng Chu Ân Lai oà khóc, ông khóc trước mặt kẻ phản bội, có gì hèn yếu lắm không? Hoàn toàn không, bởi ông tiếc nuối về một niềm hy vọng từng ấp ủ bấy lâu, nay tan vỡ như những quả bóng bọt. Lịch sử đã không phụ lòng Chu Ân Lai, ngoại trừ một vài người bội bạc như Lương Thấu Minh, còn đại đa số nhân sĩ Đồng minh dân chủ đã tuyên bố kiên quyết không tham gia quốc dân đại hội độc đảng của Tưởng Giới Thạch, vì vậy mới có tên gọi “nguy Quốc đại”.

Tôi đã kể những lần khóc than của Chu Ân Lai, vì người thân, vì bạn bè đồng chí, vì nhân dân đồng bào và vì cả sự vô mộng, thất vọng, nhưng có lẽ làm tôi đau đớn nhất vẫn là bao giọt lệ oan ức của ông khi phải viết kiểm thảo. Lịch sử còn ghi nhận, trên nhiều vấn đề quan trọng, ý kiến của Chu Ân Lai là chính xác nhưng không được Mao Trạch Đông tiếp nhận và do đó đành chịu phê bình. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Mao Trạch Đông chủ trương “một ngựa tiên phong cả đoàn cùng chạy”, say sưa đưa ra kế hoạch với chỉ tiêu cao, xa thực tế; ngược lại Chu Ân Lai luôn nhấn mạnh cân đối, ông nói:

- Tôi là thủ tướng, qua thực tế công tác tôi nhận thấy: “một ngựa tiên phong” sẽ gây nên sự căng thẳng cho toàn cục, chỉ tiêu kế hoạch cao, xa

thực tế là một sự mạo hiểm, làm kinh tế cân cân đối và ổn định mới có thể tăng trưởng được.

Chu Ân Lai và Trần Vân hô hào “chống mạo hiểm” trên báo chí, gây cho Mao Trạch Đông tức giận, ông quy kết Chu - Trần là bảo thủ hữu khuynh, dội nước lạnh lên nhiệt tình cách mạng của quần chúng nhân dân và phát động phê phán phái “chống mạo hiểm”, buộc Chu Ân Lai và Trần Vân viết kiểm điểm. Trần Vân “cáo bệnh” vào viện tĩnh dưỡng, mãi đến lúc Mao Trạch Đông nhận ra hậu quả của ba năm khốn đốn và than rằng “gia bần niệm hiền thê” (nhà túng bần lại nhớ tới vợ hiền) thì ông mới “lành bệnh” trở về làm việc. Thời gian đó Chu Ân Lai một mình đứng mũi chịu sào, ông bảo thư ký là Phạm Nhượng Ngu khởi thảo bản kiểm điểm, nhưng Mao Trạch Đông không đồng ý, yêu cầu Thủ tướng phải tự mình viết để có thể “nâng cao” nhận thức.

Chu Ân Lai ngồi vào bàn làm việc, tay cầm bút, tay bóp trán, đôi lông mày nhíu lại, mắt nhìn trang giấy, nhưng vẫn thế không ra được nửa chữ, ông ném bút, nhoè mực, mấy lần xé tờ này lấy tờ khác... Thủ tướng ngồi yên như pho tượng, nước mắt giàn giụa, ông khóc cho thân phận một “sư gia” gặp phải “huyện quan” không tương xứng chăng? Tôi, chị cả Đặng, và thư ký Phạm Nhượng Ngu đứng bên ngoài nhìn vào mà lòng đau như cắt, nhưng không biết làm cách gì để có thể giúp được Thủ tướng... Mãi sau, khi những nguồn tin nhân dân đói khổ dồn dập tràn về Trung Nam Hải, “khuyết điểm” chống mạo hiểm của Thủ tướng mới được giải oan, nhưng tất cả đều đã muộn...

Điều kỳ lạ mà tôi muốn nói trước khi kết thúc chương “khóc than” này là những ngày cuối đời trên giường bệnh, Thủ tướng của chúng tôi không hề nhỏ lệ, ông không tiếc thân mình hay bao dòng nước mắt của Chu Ân Lai đã cạn lâu rồi bởi nhiều điều oan trái trước đó? Có lẽ do cả hai!

Chuyện kể tới đây sẽ có người nhầm rằng Thủ tướng tôi chắc chẳng bao giờ tức giận nổi nóng, hoàn toàn không phải như vậy, bởi vì những trận lôi đình của ông từng làm chúng tôi khiếp đảm. Song đối với ông, trong các cuộc đấu trí tranh chấp cùng kẻ địch, dù phần nộ, giận dữ đến mấy Chu Ân Lai vẫn tỏ ra điềm tĩnh, không hề thô lỗ, đúng như người xưa răn dạy “nóng nảy mất khôn”, ông phải giữ cái đầu rất lạnh để ra đòn chính xác mà hạ gục đối phương, còn tất cả đều “nuốt” vào con tim. Sự tức giận nổi nóng mà tôi sắp kể sau đây chỉ đề cập Chu Ân Lai với bạn bè, đồng chí và những người thân cận bên ông, phần lớn ở dạng tình cảm khác thường, vẻ mặt nghiêm khắc phê bình, thậm chí là trách cứ, răn dạy. Nhiều cán bộ làm việc ở trung

ương đã phát biểu rất giống nhau, “trong cuộc đời của mình, tôi chỉ sợ hai người, sợ Chủ tịch uy nghiêm và sợ Thủ tướng cẩn thận”. Người viết chuyện này có gặp một Bộ trưởng hồi thập niên 50 và hỏi ông: trong chính phủ đồng chí sợ ai nhất? - Chu Ân Lai, và không sợ ai nhất? - cũng Chu Ân Lai. Sợ Thủ tướng vì ông làm việc quá ư nghiêm túc, cẩn thận, trách nhiệm, còn “không sợ” Chu, vì ông vô cùng cao thượng, thuần khiết, chân chất, thẳng thắn và yêu người. Khi nổi giận, Mao Trạch Đông từng thét lên: “xéo”, nhưng ở Chu Ân Lai quá lắm là “xăng bậy”, “như hề” và “không cho phép làm như vậy”.

Hồi ấy, những năm đầu xây dựng nước Trung Hoa mới, có lẽ vì không khí chiến thắng hay sao mà hoạt động khiêu vũ được mọi người ưa chuộng, kể cả các vị ở Trung Nam Hải. Tôi còn nhớ, Bắc Kinh lúc bấy giờ có vài vũ trường dành riêng cho cán bộ và tướng lĩnh Trung ương, Mao Trạch Đông, Chu Đức, Lưu Thiệu Kỳ thường nhảy ở Xuân Ngẫu Trai, Chu Ân Lai lại thích Tử Quang Các và Bắc Kinh phạn điểm. Vũ điệu không phong phú như ngày nay, quanh đi quẩn lại chỉ là, “hữu nghị vũ” nhịp ba, nhịp bốn, còn vũ nữ, bạn nhảy được tuyển chọn rất nghiêm ngặt, phần lớn là nữ chiến sĩ Quân giải phóng hoặc diễn viên các đoàn văn công, ban ngày tập luyện vũ đạo, học chính trị nội quy kỷ luật, ban đêm đến vũ trường đã định cùng múa với các vị lãnh đạo. Đã là nhảy múa thì trăm người trăm tính, năm ngón tay cũng dài ngắn khác nhau, người lịch lãm với tâm hồn bay bổng, tận hưởng vẻ đẹp của âm nhạc, vũ đạo và tiết tấu, thư giãn nỗi mệt nhọc sau một ngày làm việc căng thẳng, kẻ ham vui đôi phần cuồng nhiệt, lại có gái nhảy bên mình, trẻ đẹp và lý lịch trong sạch, mắt nhìn mắt, miệng cười với miệng, lắm phe bần tay không được thật thà cho lắm đã rời khỏi vị trí mà vũ luật quy định để tìm đến tận đâu... họ chắc lười và cho rằng, âu cũng là tiêu khiển và có như vậy thì nhảy mới say.

Chúng tôi cùng Thủ tướng đến vũ trường Tử Quang Các, chậm so với giờ khai mạc gần gũi một tiếng đồng hồ. Đêm ấy ngoài nhảy múa ra còn nghe ba ca sĩ chuyên nghiệp là Triệu Yên Hiệp, Tân Phụng Hà và Mã Ngọc Đào đơn ca. Thủ tướng tôi rất thích ca nhạc, ông để mặc đám tùy tùng chúng tôi với các bạn nhảy, còn mình tựa người trên ghế sofa, mắt lim dim, tay khẽ đánh nhịp, say sưa hương thụ từng giọt, từng giọt âm thanh bay bổng, du dương. Một vũ nữ mạnh dạn đến mời Thủ tướng, ông lịch lãm mỉm cười gật đầu và điệu nhảy cuốn hút họ như một làn gió xuân dịu êm. Bỗng tôi thấy mặt ông biến sắc, đang hiền hoà đôn hậu tự nhiên nghiêm nghị, lạnh tanh, ông diu bạn nhảy ra gần cửa và khẽ nói: tôi có chút việc

phải về, thôi nhé. Là nhân viên phục vụ, ngay từ khi phát hiện thấy Thủ tướng không vui, tôi dõi theo ánh mắt của ông và bắt gặp luồng sáng giận dữ ấy quét lên thân hình một cán bộ, rồi vụt tắt nơi bàn tay quờ quạng dâm loạn của y, người vũ nữ bé bỏng tội nghiệp đành thủ phận cho kẻ kia hưởng thụ mà không dám chống cự, hấn áp sát, áp sát và rất sành điệu không lồi nhিপ ba bước, bốn bước đến nỗi khó mà phân biệt bốn chân hay là hai chân. Chu Ân Lai như bị xúc phạm, không còn hứng thú gì với nhảy với múa, tôi vội vàng lục tìm áo khoác cho ông, bỗng nghe ngoài cửa có tiếng quát của Chu Ân Lai:

- Anh không còn trẻ mỗ gì nữa để mà dụ dỗ người con gái đáng tuổi cháu này.

- Cháu cảm ơn bác, thưa Thủ tướng - cô vụt chạy khỏi vũ trường và bỏ luôn cái nghề vũ nữ bạc bẽo kia. Té ra “quan phụ mẫu” chịu không nổi, liền nhỏ to, hăm dọa rồi dìu cô bé ra cửa định mang lên xe, nhưng không ngờ Thủ tướng đứng chờ tôi ở đó, ông đã cứu nguy cho cô ta và nhờ đó cho nhiều phụ nữ khác nữa...

Những “pha” như vậy thời mở cửa hiện nay không hiếm, nhưng hồi ấy là vô cùng quan trọng và bị quy kết “không nghiêm túc”, nhờ một vài lần nổi giận của Thủ tướng mà không khí các vũ trường công khai được đánh giá là lành mạnh, còn vũ hội gia đình thì khó lòng quản lý. Thuật ngữ vũ hội gia đình mới rộ lên gần đây, khi kinh tế thị trường phát triển, trên thực tế nó đã có từ lâu, từ những năm 50. Tất nhiên không phải ai cũng tổ chức được loại vũ hội này, riêng ở Bắc Kinh lúc đó hình như chỉ có Cao Cương là một. Cao Cương vốn là “ông vua” cách mạng vùng ba tỉnh Đông Bắc, nay điều về thủ đô đảm nhận chức Phó chủ tịch Chính phủ Trung ương kiêm chủ nhiệm uỷ ban kế hoạch nhà nước, có thể nói Cao đã thuộc loại chạm trán của quyền lực, ông có năng lực, gan dạ, nhiều cống hiến cho cách mạng trước đây và cho cuộc kháng Mỹ viện Triều được Mao Trạch Đông biểu dương. Đó là sở trường của Cao, còn nhược điểm, sở đoản ở ông là mê gái và phớt lờ dư luận, theo cách nói của Lâm Bru, chẳng qua là “tiểu tiết vô hại” mà thôi. Thời Đông Bắc, Cao Cương thuộc loại nhân vật “không gặt đầu thì đến ông trời cũng không dám đổ mưa”, nắm quyền sinh quyền sát, cho ai thăng quan người ấy nhờ, bắt ai giáng chức kẻ đó chịu. Lý do thật đơn giản, vương triều nào cũng vậy, lúc mới gây dựng đều phải qua giai đoạn “anh hùng trị quốc”, toàn quyền quân đội, chính quyền đảng phái tập trung vào “chư hầu” mỗi phương, họ mang sứ mệnh lịch sử có tính nhân trị trước khi lập nên nên pháp trị. Quyền lực nằm trong tay “chư hầu”, có

thể bằng lý tưởng, đạo đức, kỷ cương v.v... mà tự mình hạn chế hay không. Tài ba cống hiến của Cao Cương không ai phủ nhận, và khi kháng Mỹ viện Triều, Đông Bắc và Cao Cương đều có vị trí và trách nhiệm đặc biệt. Từ một góc độ nào đó mà phân tích trực tam cực Bành Đức Hoài (Triều Tiên) - Cao Cương (Đông Bắc) và Chu Ân Lai (Bắc Kinh) những năm 50 là rất khăng khít và quan trọng, họ từng tâm đầu ý hợp cho cả cục diện Trung Quốc mà người lèo lái là Mao Trạch Đông. Nay Cao Cương về Bắc Kinh công tác, Cao - Chu vẫn gắn bó như xưa, Cao mở vũ hội, nhẽ nào Chu lại từ chối. Nhưng bản chất mê gái của Cao Cương thì khó mà thay đổi, lúc còn trị vì ở Đông Bắc mang “phí chiêu đãi” đến tận tiền “cứu chúa”, giải thoát cho ông khỏi vòng vây của bao nàng tóc vàng da trắng hám tiền mà chẳng sợ quan. Nhiều đồng chí già từng làm nhiệm vụ “cứu chữa” cho Cao Cương đã viết hồi ký kể chuyện này khá tỉ mỉ, xin miễn nhắc lại ở đây. Nhưng có điều Cao Cương làm tướng Bắc Kinh cũng như Đông Bắc, ngay lần đầu tiên khai trương vũ hội gia đình mà Cao mời Chu tham dự thì ông nhanh chóng lộ nguyên hình, mắt ông hau háu như gã thợ săn lập tức xói vào những nơi cong nhất, bí hiểm nhất của vũ nữ, miệng ông liên hồi phun ra bao lời gợi dục kích tình, rất thô lỗ tự nhiên, chẳng cần một loại văn chương nào che đậy. Chu Ân Lai ít nhiều dự đoán Cao Cương sẽ làm gì, nếu chỉ ngần ấy thì tạm có thể khoan dung tha thứ cho loại khuyết điểm “hủ hoá” bằng mắt và miệng, ông không thể bắt mọi người phải văn nhã, lịch lãm như mình, mỗi người trước khi đi với cách mạng đã từ nhiều ngã, nhiều nơi, giáo dục và rèn luyện hoàn toàn khác nhau, ví như Bành Đức Hoài thường gọi Cao Cương là “Cao rồ đại ca”, Cao lấy làm thích thú và thân mật khi nghe như vậy, nhưng đối với Chu, điều đó cấm chỉ, nếu không Cao sẽ không phục Chu. Giả như Cao Cương dừng lại ở mức độ dăm ba câu bông đùa, vài đôi lần khiêu khích bằng ánh mắt cợt nhả thì chắc Thủ tướng tôi đã không nổi giận, đằng này ông tiếp tục “phóng tay” sờ mó, nắn bóp vũ nữ và cũng yêu cầu vũ nữ làm việc đó cho mình. Chàng hảo hán Thiểm Tây, “ông vua” một vùng Đông Bắc, “chư hầu” nhân trị xưa nay đã làm cho Thủ tướng tôi kinh ngạc, sau này nhiều lần ông vẫn than với chúng tôi rằng: “Cao sơn hoàng đế viễn”, lắm quan địa phương xằng bậy mà trung ương khó lòng kiểm tra kịp! Chu Ân Lai mặt mày ảm đạm cáo từ ra về, vài lần sau nữa Cao Cương lại mời, nghĩ vì đại sự không thể gây mâu thuẫn với một Phó chủ tịch chính phủ, Phó chủ tịch Hội đồng quân sự, Chủ nhiệm ủy ban kế hoạch nhà nước nên Chu đành phải đeo mặt nạ đến dự vũ hội gia đình ở Cao công quán. Mức độ “vui vẻ” của Cao ngày một gia tăng, và đêm

hôm ấy Chu An Lai nhảy ra gần cửa, vẫn câu nói xưa “tôi có chút việc phải về, thôi nhé” cáo biệt với cái trò nhảy múa của Cao Cương, Thủ tướng tôi hoàn toàn nổi giận, và về sau ông kiên quyết đấu tranh với Cao, chứ không thể xem đó là “tiểu tiết vô hại” như kiểu Lâm Bưu thường ngây biện.

Năm 1955, Chu An Lai bay qua Cairo để đến Alger dự hội nghị Á Phi. Trước khi máy bay hạ cánh tại phi trường Cairo tiếp nhiên liệu, Chu An Lai nhận được điện báo về cuộc đảo chính quân sự ở Alger, ông liền xin Mao Trạch Đông và Trung ương cho phép thay đổi kế hoạch, ở lại Cairo viếng thăm ngoại giao, quan sát tình hình diễn biến đảo chính, xem thử hội nghị Á Phi có tiếp tục họp ở Alger nữa hay không. Trung Cộng đã đồng ý đề nghị của Chu. Ngoại trưởng Trần Nghị đi tiền trạm nên gặp đúng cuộc đảo chính xảy ra ở Alger, nhiều đoàn cũng đến sớm như thế và rất lo lắng liệu hội nghị sẽ tiến triển ra sao. Trần Nghị vốn người ngay thẳng, bộc trực nên có biệt hiệu “thùng pháo”, hề đã nổ là liền một mạch cho đến viên cuối cùng, ông thấy các đoàn thắc mắc băn khoăn và điểm pháo luôn:

- Hội nghị Á Phi lần này nhất định vẫn khai mạc theo kế hoạch đã định. -Trần Nghị nói như đinh đóng cột, không còn “chỗ” để hiệu đính nếu vạn nhất có sai sót.

Quả nhiên do tình thế thay đổi, lòng người xáo động, ý kiến không nhất trí, hội nghị Á Phi lần ấy không thể nào họp ở Alger vừa qua đảo chính, các đoàn lần lượt ra về, Chu An Lai cũng rời Cairo bay về Bắc Kinh. Câu nói của Ngoại trưởng Trung Quốc đã hoàn toàn sai, khiến cho Chu An Lai vô cùng tức giận Trần Nghị, ông phải kêu lên: “Xăng bậy, thật là xăng bậy”.

Trần Nghị biết mình có sai lầm nên chủ động đến gặp Chu An Lai, ông hỏi cảnh vệ:

- Thủ tướng đang làm gì?

- Dạ báo cáo đang đợi đồng chí Ngoại trưởng và có vẻ rất bức tức ạ!

Trần Nghị là người dám làm dám chịu, tuy lính tráng cáo trạng lên như vậy nhưng ông vẫn bình tĩnh tiến thẳng vào Tây Hoa sảnh - văn phòng của Chu An Lai - và với tư thế con nhà binh, ông hô:

- Báo cáo Thủ tướng, tôi có mặt! - Hình thức võ quan này, Trần Nghị chỉ áp dụng khi gặp Mao Trạch Đông; với Chu An Lai ông tỏ ra thân mật và văn nhã hơn, nhưng hôm nay Trần phá lệ vì sợ Chu An Lai đập bàn, quát nạt.

- Đồng chí Trần Nghị, đồng chí thật vô tổ chức, vô kỷ luật. - Đôi mày sậm đen của Chu An Lai nhú lại, ông bước về phía Trần Nghị như muốn có



một động tác gì đó, bỗng ông dừng chân, nhìn Trần, rồi quay về bàn làm việc. Chúng tôi tưởng Thủ tướng sẽ đập bàn phẫn nộ như vừa mới phê bình một vị đại tướng, nhưng ông chỉ gõ nhẹ ba tiếng và với lời nghiêm khắc nhất trong từ điển mắng chửi của mình, Chu Ân Lai dần từng chữ:

- Không cho phép làm như vậy!
- Tôi sai, xin kiểm thảo với Thủ tướng.
- Không phải với tôi, mà với Mao Trạch Đông, với Trung ương!
- Vâng, Trần Nghị tôi rõ và xin chấp hành!

Đó là lần đầu tiên Chu Ân Lai nổi nóng với Trần Nghị. Và cũng là lần cuối cùng vị nguyên soái mang áo ngoại giao không gây âu lo cho Thủ tướng, họ như cặp bài trùng, bổ sung cho nhau trên mỗi cuộc cờ trong và ngoài nước.

Lại vẫn những ngày tháng người lính vừa nắm chính quyền, chuyện ấu trĩ tất nhiên đã xảy ra và thường làm cho Chu Ân Lai bức tức nổi giận, nhưng ông phải ra tay chèo chống vì biết rằng “trăm dâu đổ đầu tằm” và mình là người quản gia, không còn ai vào đó nữa... Ba giờ chiều hôm ấy, Chu Ân Lai tiễn hoàng thân Sihanouk về nước, cùng ra sân bay với ông là La Thụy Khanh, Lưu Á Lâu và nhiều tướng lĩnh cao cấp khác, và cũng đúng ba giờ thì trận bóng đá giữa hai đội tuyển Trung Quốc và Indonesia sẽ diễn ra trên sân vận động Tiên Nông Đàn. Sau những cái bắt tay, ôm hôn, từ biệt hoàng thân Sihanouk bước lên cầu thang vẫy chào đi vào khoang máy bay, cửa vẫn chưa đóng, ngay lúc ấy nhiệm vụ ngoại giao xem như đã hoàn thành, các vị tướng lĩnh ra hiệu cho nhau lần lượt “chuồn” dần ra cổng để lên xe tiến về Tiên Nông Đàn. Chu Ân Lai đứng yên dõi nhìn chiếc máy bay cất cánh và quay lại ra lệnh cho tôi: đóng chặt tất cả các cửa ra vào sân bay, ai hỏi vì sao thì trả lời Thủ tướng chỉ thị! Đám cổ động viên bóng đá lững thững quay lại. Ngay trên phi trường, các vị được Chu Ân Lai cho một bài học về phép tắc ngoại giao đưa đón khách và cộng thêm điều lệ bộ binh, tướng chưa rút mà quân đã bỏ chạy cả sao? Tất cả những bài học này các vị đều đã thuộc, nhưng hôm nay cố tình “chây lười”, Chu biết vậy và nói nhanh trong vòng 15 phút, rồi tuyên bố: phạt các anh nửa hiệp một, hãy mau về Tiên Nông Đàn, những bắt ngờ đang đợi khán giả...

Làm tôi sợ đứng tim chính là lần Chu Ân Lai mở tiệc chiêu đãi Thủ tướng Nehru tại Hoài Nhơn Đường, khách chủ vừa đứng lên cụng ly, rượu chưa chạm môi thì điện vụt tắt, cả Hoài Nhơn Đường tối đen như mực. Kẻ xấu đã tung tin đó là điềm gở báo hiệu quan hệ Trung - Ấn sắp đi vào thời kỳ u ám. Nhưng cũng may sau giây lát đèn sáng trở lại. Chu Ân Lai xem

như không có chuyện gì xảy ra, thù tiếp khách quý một cách ân cần. Tiệc tàn, tiền Nehru lên xe. Chu Ân Lai quay về văn phòng Tây Hoa sảnh phê duyệt văn thư cho ngày mai, tôi tưởng mọi việc thế là xong, nào ngờ đúng ba giờ sáng Thủ tướng ra lệnh triệu tập họp khẩn cấp, bao gồm Bộ Ngoại giao, Văn phòng Trung ương Đảng, Chính phủ Bắc Kinh, Cục điện lực v.v... hệ thống điện thoại đồng khởi làm việc và câu cuối cùng không sót vang lên đầu giây đăng kia - thủ tướng căn dặn tuyệt đối đúng giờ. Tất cả đều phải vùng; dậy rời khỏi chăn êm đệm ấm và nhớ đời cái tội làm mất điện ở Hoài Nhon Đường đêm đó!

Về sau, mỗi lần khách nước ngoài đến thăm, gặp dịp hội đàm, chiêu đãi, người ta thường nhắc lại điển tích “hội nghị lúc gà gáy” và lo lắng chu toàn mọi bề hậu cần.

Phần tôi, trước gọi là “phó quan” của Chu Ân Lai, sau cách mạng đổi thành “thư ký hành chánh”, một lần Thủ tướng đi công tác nước ngoài, tôi xin phép ở nhà sửa chữa lại tư thất cho ông, kéo ẩm thấp và hư hỏng quá nhiều. Tất nhiên, công việc sửa chữa nhà cửa tôi đều thỉnh thị ý kiến chị cả Đặng và các đồng chí khác như Đồng Tiểu Bằng chẳng hạn; nhưng khi từ nước ngoài trở về, Chu Ân Lai vào phòng và lập tức quay ra, ông nói: Đây không phải là nhà của tôi - rồi một mạch bảo lái xe đưa đến văn phòng Tây Hoa Sảnh, Thủ tướng ăn ở tại đó. Tôi hoảng quá và không dám đề chị cả Đặng và Đồng Tiểu Bằng liên lụy nên nhận hết trách nhiệm về mình, nhờ Trần Nghị can thiệp, nhưng Thủ tướng nhất mực yêu cầu trở lại nguyên trạng! Thôi đành vậy, tôi cho người mang trả tất cả gia cụ về kho nhà nước và xin ông giữ phần gỗ sần, xi măng vôi vữa sả tường và những nước sơn mới quét. Thủ tướng ân cần bảo tôi: Chú Hà, tôi không làm khó dễ cho chú, nhưng chúng ta phải nêu gương. Chú thử nghĩ, tư thất của Thủ tướng tiên phong tân trang, thì sau đó là Bộ trưởng, thứ trưởng, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm v.v... sẽ lần lượt nối đuôi theo, nhà nước còn nghèo, biết lấy tiền đâu cho đủ? Tôi im lặng nhận “lỗi”, Thủ tướng trở về và ít ra sàn nhà bằng gỗ đã bớt ẩm thấp rất nhiều, góp một phần nhỏ bé giữ gìn sức khỏe cho ông.

## 6. SÁU VĂN PHÒNG

Nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới đã nghiên cứu và bình chọn Chu Ân Lai là người bận rộn và nhiều việc nhất của hành tinh chúng ta. Nhận định ấy không hề khoa trương chút nào, bởi vì những gì mà mấy chục năm qua thủ tướng để lại quả là một chứng minh hùng hồn. Tinh thần cống hiến và tài trí thông tuệ hơn người của Chu Ân Lai nhiều sách báo trong và ngoài nước đều đề cập, ở đây xin không nhắc lại, tôi chỉ muốn dành chương này để kể về “sáu văn phòng” của Thủ tướng. Thuật ngữ “văn phòng” anh chị em thư ký chúng tôi sử dụng bấy lâu hoàn toàn khác hẳn với một không gian nào đó ở Tây Hoa sảnh, Đại lễ đường Nhân dân, Điều Ngự Đài hoặc Tân Lục Sở v.v.. mà do quan sát quy luật sinh hoạt và làm việc của Thủ tướng nên chúng tôi đã đặt tên như vậy, cũng là loại “tiếng lóng” để “che mắt” mọi người bớt “quấy rầy” ông.

“Văn phòng thứ nhất”, xưa dùng từ thô thiển, ngày nay văn minh hơn gọi là phòng vệ sinh, phòng rửa tay, phòng tắm v.v.. Lịch sinh hoạt hàng ngày của Thủ tướng, mở mắt tỉnh dậy là đi nhà vệ sinh và cũng bắt đầu làm việc ngay tại đó, nên chúng tôi mới dám đặt tên “thứ nhất”, hay nói gọn hơn “văn phòng 1”.

Năm 1940, tôi được điều về Trùng Khánh phục vụ Chu Ân Lai, “văn phòng 1” của ông còn rất thô sơ, chúng tôi chọn một góc vườn cách nhà khoảng hơn 10 mét, làm cái lều, đào lỗ, đặt hai hòn gạch. Mỗi sáng trở dậy, Thủ tướng tôi cầm tập sách báo đêm qua để sẵn đầu giường và đi ra “văn phòng 1” vừa “làm việc”, vừa xem tin tức, một ngày bận rộn của ông đều bắt đầu như vậy. Do nhiều nguyên nhân về thể trạng, thời gian đi vệ sinh của Thủ tướng tương đối dài không giống những người “tốc chiến tốc thắng” 3 phút là xong, mà nhanh thì nửa giờ, hoặc chậm phải đến cả tiếng, cho nên không làm việc kể cũng uống, một đời hẳn không biết bao nhiêu là ngày tháng. Thời lượng công tác ở “văn phòng 1” của Thủ tướng hoàn toàn do tình trạng sinh lý của hôm ấy quyết định, thường thường hai việc đều hoàn thành một lúc. Thoạt đầu Thủ tướng đọc các điện khẩn đêm qua truyền về, rồi xem báo hàng ngày vừa ra sáng nay. Cũng có lúc, chắc bạn sẽ ngạc nhiên hoặc mỉm cười không tin, vâng, cũng có lúc tại “Văn phòng 1” Thủ tướng vừa xem văn thư, vừa nghe chúng tôi báo cáo tình hình, vừa ra chỉ thị và vừa “làm cái việc ấy” nữa.

Trường hợp văn thư sách báo đã xong mà “công việc” vẫn chưa hoàn thành triệt để, Thủ tướng gọi chúng tôi bổ sung kế hoạch. Nhiều thầy thuốc lo ngại, hay là vì Thủ tướng có thói quen đọc sách báo khi đi vệ sinh nên bị ức chế mà kéo dài thời gian như vậy và sử dụng các biện pháp y học, nhưng đều vô hiệu, cuối cùng đành chấp nhận để Thủ tướng làm việc ở “văn phòng 1” vì đối với ông thời gian là châu báu.

Ngày đầu tiên nhận việc phục vụ Chu Ân Lai, tôi đã trình diện ông tại “văn phòng 1”.

- Đồng chí tên là Hà Thụ Anh?
- Dạ vâng, thưa Chu phó chủ tịch.
- Ở đơn vị nào điều về?
- Lữ đoàn 385.
- A, đồng chí là lính của Phương diện quân số 4.

Tôi lấy làm xấu hổ vì mình là lính của Phương diện quân số 4 do Trương Quốc Đào chỉ huy, đi đến đâu cũng mang tiếng không tốt đẹp gì. Hình như biết tôi lúng túng, Chu Ân Lai cười vang:

- Trương Quốc Đào không tốt, nhưng sĩ tướng của Phương diện quân số 4 đâu phải là xấu, Trung ương đều rất tin nhiệm các đồng chí, ông ấy đã không biết đánh trận mà lại còn thọc tay tận xuống cấp tiểu đoàn, cho nên cơ sự mới ra nông nổi này. - Nói đến đây Chu Ân Lai lắc đầu và tiếp tục bảo tôi: - Hoan nghênh đồng chí Hà về công tác cùng chúng tôi.

Từ hôm ấy, Chu Ân Lai không hề nhắc tới mấy chữ “Phương diện quân số 4” nữa, tôi liên tục được thăng chức “phó quan” lên thư ký cơ yếu, rồi vệ sĩ trưởng v.v... mà điểm bắt đầu là “văn phòng 1” của Thủ tướng.

Thời kiến Quốc, về thành phố, tiện nghi của “văn phòng 1” được hoàn thiện dần, tư thế ngồi xồm thay vì ngồi bệt nên đỡ tê chân, và “hiệu suất” làm việc nâng lên rõ rệt, lúc này tuổi tác của Thủ tướng cũng đã cao, công việc của một đất nước đến cả tỷ dân cũng nhiều vô kể, chúng tôi ai cũng chột nghĩ, cứ mà kéo dài mãi cơ sở vật chất loại “văn phòng 1” như ở Trùng Khánh thì thật là gay go. Tất cả đám thư ký chúng tôi đều tôn trọng tập quán làm việc tại “văn phòng 1” của Thủ tướng, bởi vì người Trung Hoa chúng tôi có câu “Nhất niên chi kế tại dư xuân, nhất thiên chi kế tại dư thần” - mọi việc của một ngày đều bắt đầu từ buổi sáng, cũng như mọi kế sách của cả năm hầu như sẽ đến tận mùa xuân, và “tranh nhau” đưa phần việc mà mình phụ trách “xếp hàng” tại “văn phòng 1” để được Thủ tướng phê duyệt trước. Thủ tướng thường đi ngủ vào lúc 3 giờ sáng và thức dậy khoảng 7 giờ, trong khoảng 3, 4 tiếng đồng hồ ấy biết bao chuyện đã xảy ra

ở Trung Quốc và trên thế giới mà Chu Ân Lai không thể không biết, do đó chúng tôi phải kịp thời báo cáo ông ngay ở thời khắc bắt đầu của một ngày công tác, địa điểm chỉ có tại “văn phòng 1” là thuận lợi nhất. Thủ tướng vừa bước chân vào “văn phòng” là anh em chúng tôi theo sát sau lưng nhẹ nhàng đặt tất cả điện khẩn, công văn khẩn, báo cáo khẩn lên một cái đôn thấp bố trí bên cạnh chỗ “làm việc” để Thủ tướng với tay lấy xem dễ dàng. Nhiều năm quan sát, tôi thấy đây là thời điểm mà Thủ tướng làm việc hưng phấn nhất, hiệu suất cao nhất và quả là ông có 3 cái đầu cùng đồng thời động não, mắt đọc điện báo văn thư rồi cẩn thận phê ghi ý kiến rõ ràng và dễ hiểu cho người thực hiện, tai nghe anh em chúng tôi báo cáo những vấn đề thuộc lĩnh vực khác vừa thu thập qua điện thoại không có văn bản và miệng phát ra những chỉ thị mà hồi đêm Thủ tướng đã “nhất dạ sinh bách kế”, sáng ra phải truyền đạt ngay cho thư ký. Trong kho lưu trữ của nhà nước, hằng hà sa số văn bản còn giữ lại đều có bút tích của Chu Ân Lai phê ghi lúc bình minh ngay ở “văn phòng 1” này.

Có một lần Liêu Thừa Chí vội vàng tìm gặp Thủ tướng, nhưng trực ban đã nói với ông:

- Chương trình làm việc hôm nay của Thủ tướng sắp xếp kín cả rồi, không còn chỗ trống để chen vào báo cáo của đồng chí.

- Việc này khẩn cấp lắm, không gặp Thủ tướng là không xong - Liêu Thừa Chí hốt hoảng hỏi: - Thế Thủ tướng ở đâu?

- Dạ đang đi cầu ạ!

- A, “văn phòng 1” - Liêu Thừa Chí mừng rỡ chạy thẳng vào nhà vệ sinh làm việc với Thủ tướng và từ hôm đó “văn phòng 1” bị lộ, các đồng chí Trung ương nhanh chóng phổ biến kinh nghiệm cho nhau rồi lần lượt xộc đến đây giải quyết công việc khẩn cấp. Thủ tướng bảo chúng tôi chuẩn bị thêm vài cái ghế để các Bộ trưởng, thứ trưởng cùng ngồi bàn bạc cho tiện, tất nhiên các đồng chí nữ thì phải truyền đạt bắc cầu, gián tiếp qua anh em nam chúng tôi. Thật khó mà tưởng tượng nổi, công việc của một chính phủ, của một quốc gia lại được thực hiện ở trong loại “văn phòng” như vừa kể, vấn đề rất nghiêm túc và được giữ kín mấy chục năm nay, người bên ngoài cũng chỉ hiểu “văn phòng 1” là một nơi nào đó mà thôi, quan trọng nhất vẫn là những sản phẩm đưa ra từ nơi ấy và Thủ tướng không hề câu nệ, người ở đâu, bàn làm việc và văn phòng ở đó. Xong việc ở “văn phòng 1” đi ra, nếu không có vấn đề gì quan trọng phải điện thoại xin ý kiến của Mao Trạch Đông, Thủ tướng dành 5 phút tập bài thể dục do ông tự biên soạn và sau đó bước vào “văn phòng thứ hai”.

Chúng tôi gọi bàn ăn chứ không phải nhà ăn là “văn phòng thứ hai” của Thủ tướng, vì ông ngồi ăn chỗ nào thì chỗ ấy lập tức trở thành bàn làm việc, ngay cả nơi yến tiệc. Nhưng tục ngữ có câu “trời đánh còn tránh bữa ăn”, việc khẩn cấp đều đã giải quyết ở “văn phòng 1” rồi, nên anh chị em chúng tôi cam kết không được quấy rầy Thủ tướng lúc này, để ông ăn ngon miệng, tiêu hoá tốt, đảm bảo sức khoẻ. Mặt khác chị cả Đặng cũng căn dặn: “Các đồng chí những 20 thư ký, nếu cứ luân phiên quần thảo thì có ngày Thủ tướng sẽ tắt thở ngay trong bữa ăn đó”, cho nên khi sắp xếp lịch làm việc cho Thủ tướng, chúng tôi đều để trống lúc ăn cơm, còn lại là chẳng chít, chi chít công việc. Ngày 20 tháng 1 năm 1981, chị cả Đặng mang tới Văn phòng Trung ương đảng 26 cuốn lịch công tác của Chu Ân Lai trong hơn 26 năm qua, Hồ Diệu Bang là Tổng bí thư lúc bấy giờ đã tiếp nhận di sản quý báu đó của Thủ tướng, phải nói chính xác là 26 cuốn lẻ 8 tờ ghi đầy đủ từng phút từng ngày những việc Chu đã làm kể từ đầu năm 1950 cho đến hôm mùng 8 tháng 1 năm 1976 - lúc ông qua đời, trong đó chúng ta có thể tìm thấy khá nhiều công việc giải quyết tại bàn ăn - “văn phòng 2”.

Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đều có một thói quen ăn uống không theo một quy luật nhất định và miệng nhai nhưng mắt không rời trang chữ, tuy vậy giữa hai người có điểm khác nhau. Khi sang Liên Xô hội đàm với Stalin, Mao Trạch Đông mang theo một đám quân sư, bộ hạ đều làm công tác nghiên cứu triết học, nên lúc bàn vào vấn đề sản xuất, xây dựng kiến thiết, công trình viện trợ v.v... các đồng chí này trình bày không mấy rõ ràng, Stalin bèn nói với Mao Trạch Đông: “Về kinh tế, đồng chí cho gọi Chu Ân Lai sang, như vậy hội đàm sẽ có kết quả hơn”. Được lệnh, Chu Ân Lai và đoàn chuyên gia kinh tế liền ứng viện, Mao Trạch Đông cười và nói với Stalin rằng: “Hôm nay thì chúng tôi có đầy đủ binh mã, vừa thượng tầng kiến trúc vừa hạ tầng cơ sở kinh tế”, quả nhiên đàm phán Trung - Xô đi đến ba hiệp định, đạt yêu cầu của Mao triết gia “đẹp một tí và cũng ngon một tí”. Làm triết học nhiều lúc có thể thoát ly sự ràng buộc của sự vụ cụ thể, nhưng đối với kinh tế thì không như thế được, cho nên lúc ăn cơm Chu Ân Lai xem sách báo, văn kiện và phải hạ bút phê ghi rất chi tiết, cẩn thận, còn Mao Trạch Đông thì gật gù suy ngẫm sẽ tán đồng hoặc sẽ phản đối.

Ăn sáng xong, Thủ tướng nhanh chóng đi vào văn phòng thứ ba, ông vội vàng đến mức nước súc miệng nhỏ vào ống nhổ ở văn phòng này, chứ không phải bên nhà ăn. Tôi không mở ngoặc kép cho mấy chữ văn phòng thứ ba vì đó là nơi làm việc thông thường mà ai cũng biết, đơn sơ, bài trí nhẹ nhàng với bức tượng thạch cao bán thân hình hài chủ tịch, các tuyến

tập, trước tác của Mác, Ăngghen, Lênin, Stalin và Mao Trạch Đông, ngoài ra là loại sách công cụ Từ nguyên, Từ hải dùng để tra cứu. Chu Ân Lai thường triệu tập các vị phó thủ tướng, Bộ trưởng, chủ nhiệm uỷ ban đến đây trao đổi ý kiến hay hội nghị. Bàn làm việc của Thủ tướng tôi ngày nào cũng chất cao công văn giấy tờ. Ông có “tam bảo văn phòng”, thứ nhất là ông vải bảo hộ tay áo, Chu Ân Lai cần mẫn như một người thợ sắp chữ hoặc như một công chức luôn phải cạo giấy, trước khi ngồi vào bàn cần thận mang hai ống này vào hai tay vừa giữ cho tay áo sạch sẽ, vừa bảo vệ nơi khuỷu tay lâu sờn, thứ hai - kính lão và thứ ba - lọ dầu gió. Hồi chưa sản xuất máy điều hoà không khí, phòng làm việc của Thủ tướng phải dùng quạt điện và lò sưởi than, tuy có hơn nhà hầm ở Diên An nhưng không được đông ấm hè mát một cách tự nhiên như kiểu ở vào hốc núi trên cao nguyên hoang thổ. Công việc đầu tiên của Thủ tướng là phê duyệt văn kiện và sau đó tiếp đến các hoạt động ở bên ngoài như hội nghị, thuyết trình, đón khách, đi kiểm tra, thị sát, tới khoảng 10 giờ tối thì không khí ở Tây Hoa Sảnh mới thực sự rộn rịp, khẩn trương, xe đưa Thủ tướng trở về và nghe tiếng húng hắng là chúng tôi nhận ra ngay Chu Ân Lai. Ngày xưa khi còn hoạt động bí mật, ông thường ám hiệu bằng cách húng hắng ho, lâu dần thành thói quen không sửa được, và nay có thể thay cho việc ấn chuông. Toàn bộ đám thư ký trình lên các báo cáo vừa thu thập trong ngày và Thủ tướng lại vào bàn, đeo mực kính, mang ống vải bảo hộ tay áo, bắt đầu làm việc ca 3. Sức hoạt động của Chu Ân Lai thật là phi thường, không chỉ về mặt số lượng mà chủ yếu ở nơi chất lượng, chúng tôi thường chứng kiến các điệp khúc như sau:

- Báo cáo này nhận từ lúc nào?
- Thưa Thủ tướng buổi trưa ạ.
- Sao bây giờ mới trình?
- Dạ lúc ấy Thủ tướng đang bận.
- Không cho phép làm như thế, tôi đã nhắc các đồng chí nhiều lần rồi, có việc quan trọng là phải báo cáo ngay cho Chủ tịch, vậy mà các đồng chí để trễ cả nửa này. - Thủ tướng vừa răn dạy, vừa xem báo cáo và nhanh chóng phê ghi rồi giao cho thư ký thực hiện tức thì trong đêm ấy, đoạn ông hạ giọng ân cần bảo ban: - Các đồng chí đừng sợ tôi bận, những vấn đề khẩn cấp, dù tôi đang ngủ hay đang họp hành gì đó đều phải kịp thời báo cáo. Nhưng có lẽ điều làm chúng tôi sợ nhất là khi nhận những báo cáo bất thành văn tự của Bộ trưởng, thứ trưởng mà cứ thế trình lên Thủ tướng, thì trận “lôi đình” không biết sẽ đi đến đâu - Văn vẻ như thế này, các đồng chí đã không sửa lại còn đùn đẩy lên tôi - Nhiều thư ký biện bạch: - Dạ thưa đó

là do Bộ trưởng viết ạ. Thủ tướng phán ngay: - Thế trong cái văn phòng này, ai chịu trách nhiệm với tôi? Bộ trưởng hay đồng chí? Xem những báo cáo như vậy quả là lãng phí thời gian.

Thủ tướng tôi cẩn thận đến mức văn tự, chữ nghĩa nào chưa rõ đều tra khảo Từ hải, Từ nguyên, thậm chí lật cả Từ điển Khang Hy, những câu, những đoạn văn dẫn phải trích theo nguyên tác có đầu có đuôi... Tội nghiệp, có hôm Thủ tướng kéo thước tính logarit để dò và kiểm tra từng con số, chúng tôi phải kêu lên: - Thủ tướng không tin các bộ tính toán hay sao? Ông giải thích: - Tôi ký thì dễ, ngoáy bút là xong, nhưng đây là quốc kế dân sinh, sai một ly đi một dặm, sẽ lãng phí mồ hôi, nước mắt và máu của nhân dân, có thể nói “ngàn cân treo đầu ngựa”... Thủ tướng cẩn thận một cách cực đoan, nhiều lúc ông đã than rằng, “tôi như ông thầy dạy văn, ngày ngày phải chấm luận, sửa bài”, đó là cách nói hình tượng của Thủ tướng, còn đối với chúng tôi, Chu Ân Lai như một nhà điêu khắc, như một thợ thêu, cần mẫn gọt dũa, cần mẫn chọn chỉ chọn màu tạc nên, dệt lên những tác phẩm bất hủ...

- Ân Lai anh, đứng dậy vận động tí đã! - Lời nhắc nhở nhẹ nhàng ấy của chị cả Đặng vẫn thường đêm vắng vắng ngoài hành lang. Phòng làm việc của Chu Ân Lai có 3 chìa khoá, một giao cho trực ban cảnh vệ, một giao cho trực ban thư ký và một do ông giữ. Đặng Dĩnh Siêu không cầm cái nào và không hề bước chân vào căn phòng này. Hơn thế nữa, nguyên tắc không can dự đến công việc của Thủ tướng đã trở thành “hiệp nghị hôn nhân” từ lâu giữa hai người, vì vậy mà chị cả Đặng chỉ có thể đứng ngoài hành lang khẽ nhắc vào.

- Anh sẽ vận động, Tiểu Siêu về nghỉ đi! - Chu Ân Lai rời khỏi ghế ngồi, vươn vai và đi lại trong phòng, một cách tập thể dục giữa giờ, sau đó tiếp tục làm việc, mãi tới lúc “cho tôi cái khăn nóng” thậm chí “cho mình điều thuốc” thì ông mới về phòng ngủ - “văn phòng thứ tư”.

Trên giường ngủ, Chu Ân Lai vẫn làm việc, vẫn “tam bảo văn phòng”: cây bút chì xanh đỏ, mực kính lão và lọ dầu gió. Thủ tướng để văn kiện bên cạnh người, nằm đọc, lúc cần phê ghi thì bắt chân chữ ngũ, kê tờ giấy lên đầu gối mà viết. Anh em chúng tôi thấy vậy bèn làm cho ông tám bìa cứng, nhưng cũng cứ mỗi chân, về sau chị cả Đặng gọi thợ mộc thiết kế và đóng cho Thủ tướng cái bàn đặc biệt nằm nghiêng có thể phê ghi được, điều kiện làm việc ở “văn phòng 4” từ đó được cải thiện hơn. Chiếc bàn độc nhất vô nhị ấy hiện còn giữ gìn và trưng bày ở Bảo tàng Cách mạng Trung Quốc. Những năm 60, Thủ tướng mắc chứng đau tim, tại “văn phòng 4”



này còn phải chuẩn bị thêm những lọ thuốc trợ thủ giảm cơn đau. Vào thời kỳ kinh tế khó khăn, các đồng chí lãnh đạo trung ương kiên trì không ăn thịt và trứng, còn lương thực thì theo định lượng. Thủ tướng lại phải làm việc mỗi ngày liên tục 17 tiếng đồng hồ, vào đến “văn phòng 4” ông mệt nhoài sòng suốt, nhưng vẫn không bỏ thói quen làm việc, ai khuyên can, Thủ tướng tôi cũng chỉ mỉm cười, gật đầu và rồi lại đọc, lại ghi.

Anh chị em thư ký chúng tôi bàn cách đối phó và nhất trí cử Trịnh Thục Vân - nữ y tá vừa đưa thuốc cho Thủ tướng, vừa “đứng vạ”, khi nào ông đi ngủ thì mới ra khỏi phòng.

Trịnh Thục Vân 15 tuổi tòng quân, 18 tuổi vào Trung Nam Hải và phục vụ Thủ tướng mãi cho đến ngày ông tạ thế. Nằm trên giường bệnh, Chu Ân Lai đã an ủi Thục Vân: “Bác chứng kiến cả một quãng đời từ a hoàn tóc đen trở thành a hoàn tóc trắng của cháu ở chôn Trung Nam Hải này và ngẫm ra, thời gian không tha thứ cho bất kỳ ai, phải không Thục Vân?”. Những năm 50, lúc hội đàm Trung - Mỹ ở Varsava, có ngày Chu Ân Lai làm việc liên tục 22 tiếng đồng hồ, ông ngồi lý ở văn phòng 3 mà không chịu về “văn phòng 4”, chị cả Đặng đi đi lại lại ngoài hành lang nhắc nhở, rồi ấn chuông nhiều lần, tất cả đều vô hiệu, bèn cử Thục Vân đưa nước trà vào cho Thủ tướng và cứ đứng vậy. Chu Ân Lai ngẩng đầu lên và hỏi Thục Vân:

- Cháu chưa về ư?

- Thủ tướng chưa đi ngủ thì nên vận động một chút. Thủ tướng chưa vận động là cháu chưa hoàn thành nhiệm vụ, Thủ tướng làm chưa xong việc chưa chịu đi ngủ, cháu cũng vậy, phải xong việc mới về được ạ!

Từ đó “Tiểu Trịnh” trở thành át chủ bài “khuyên chúa” tập thể dục giải lao, “khuyên chúa” đi nghỉ đúng giờ, nhưng túng thế lắm chúng tôi mới ngã bài “đứng vạ” của Trịnh Thục Vân. Năm 1966, lúc ngài Lý Tôn Nhân từ nước ngoài trở về, vì một số công việc xảy ra những ngày đầu Cách mạng văn hoá, Chu Ân Lai phải làm việc liên tục 60 tiếng đồng hồ, máu dồn lên mắt, đau đến mức không còn nhìn thấy gì nữa, trở về “văn phòng 4” ông vẫn không tài nào ngủ được, dựa vào thành giường vờ nhắm mắt, cũng thế, ông gọi thư ký đến bàn bạc công việc, đọc cho ông nghe các bài phát biểu tại tiệc chiêu đãi Lý Tôn Nhân, y tá vào chích thuốc yêu cầu ngừng đọc, nhưng Thủ tướng không chịu, bảo rằng: “Đồng chí nào tiêm cứ tiêm, đồng chí nào đọc cứ đọc và tôi nghe cứ phải nghe”. Sinh mạng của Chu Ân Lai cứ như vậy mà hao tổn dần, và khi “văn cách” cuốn cờ, thì mọi năng lượng vật chất ở ông cũng cạn kiệt.

“Văn phòng thứ năm” của Thủ tướng rộng mênh mông, trên rừng dưới biển, thành phố, nông thôn, nhà máy, công trường, cơ quan, trường học, đường phố, thương trường, chợ búa v.v... tất cả những nơi ông đặt chân đến trên lãnh thổ Trung Hoa bao la, cũng như đất khách quê người, bầu bạn bốn phương. Thói quen của Chu Ân Lai là yêu cầu mỗi thư ký cùng ông làm việc tại “văn phòng 5” đều viết tờ báo cáo, viết xong ông duyệt và trình về cho Mao Trạch Đông. Nội dung tờ báo cáo phải “có xương có thịt”, nghĩa là đúng thực tế, mang phong thái điều tra và toát lên cách nhìn của người viết; về hình thức cần dùng mực đậm, chữ to và chân phương, tất cả đều nhằm mục đích làm sao cho Chủ tịch dễ đọc và chấp nhận. Đó là nhiệm vụ toát mồ hôi đối với đám thư ký chúng tôi, có người đã viết đến lần thứ mười hai mới hoàn thành một vài câu “có xương có thịt” mà Mao Trạch Đông phải gật gù tán thưởng. Tại “văn phòng 5”, chúng tôi phải giữ kỷ luật của Thủ tướng, ấy là mắt nhìn thật tinh, tai nghe thật thính, tay ghi thật nhanh còn miệng thì im thin thít, tranh thủ mọi lúc mọi nơi hoàn thành tờ báo cáo, ung nói gì thì phát biểu gọn gàng trên một trang giấy mà thôi...

Cuối cùng, kể đến “văn phòng thứ sáu” của Thủ tướng, nó hoàn toàn khác với 5 loại “văn phòng” vừa kể, đó là một tổ chức thuộc biên chế Quốc vụ viện có tên gọi Văn phòng Thủ tướng, thể như “Văn phòng Đặng”, “Văn phòng Trần”, “Văn phòng Dương” v.v... Văn phòng Thủ tướng thường được hiểu với nghĩa rộng bao gồm tất cả chúng tôi - những người làm việc bên cạnh Chu Ân Lai và trụ sở ở Tây Hoa Sảnh nên còn gọi Văn phòng Tây Hoa sảnh; cơ cấu tổ chức từ chánh văn phòng, phó văn phòng cho đến tổ trưởng, tổ phó 5 tổ tổng hợp, ngoại giao, quân sự, tài chánh kinh tế và hành chính. Thời cực thịnh của Văn phòng Tây Hoa sảnh là năm 1955 với 20 người, đến từ ngũ hồ tứ hải, do nhiều nguồn giới thiệu, nhưng về với Chu Ân Lai thì trở thành một tập thể nhất thống. Năm 1958, Mao Trạch Đông phê phán phái “chống mao hiểm”, Văn phòng Tây Hoa sảnh dần dần bị cắt giảm biên chế, còn đâu khoảng hơn 10 người. Cuối năm 1964 sang đầu năm 1965, một hôm Mao Trạch Đông hỏi Chu Ân Lai: “Đồng chí dùng gì mà nhiều thư ký vậy? Để họ dắt mũi mình sao?”. Trở về Tây Hoa Sảnh, Thủ tướng tuyên bố giải tán văn phòng của ông, Đồng Tiểu Bằng, nguyên chánh văn phòng Tây Hoa sảnh điều về văn phòng Trung ương Đảng, Hứa Minh là phó chuyển công tác làm phó thư ký đoàn Quốc vụ viện, Cố Minh được đề bạt lên chức phó chủ nhiệm uỷ ban kế hoạch nhà nước. Văn phòng Tây Hoa sảnh nay gọi là tổ trực ban giúp việc cho Thủ tướng, nhưng công việc vẫn nhiều như xưa, bởi vì Mao Trạch Đông lãnh đạo vĩ mô, những vấn đề

cụ thể đều đặt lên vai Chu Ân Lai gánh vác, tự thân Thủ tướng tôi phải hỏi han, quay điện thoại liên hệ các nơi. Đến thời kỳ “văn cách”, Lâm Bưu và “Tứ nhân bang” đã gây khó khăn cho Thủ tướng, cuối cùng thì tổ trực ban cũng phải giải thể luôn, thư ký và cảnh vệ bên cạnh Chu Ân Lai đều bị Giang Thanh đưa đi nông thôn, chỉ còn lại mình tôi và Cao Chấn Phô mà thôi. Khi bệnh tình của Thủ tướng quá ư trầm trọng, người ta mới cho Kiều Kim Vượng trở lại chăm sóc ông...

Những ngày cuối đời của Chu Ân Lai thật là buồn thảm, tôi sẽ kể tiếp ở chương sau cùng của cuốn sách này, một thời nhộn nhịp khẩn trương với các văn phòng 1, 2, 3, 4 và 5 đâu còn nữa, trong tôi giờ đây chỉ đọng lại mười chữ mà Thủ tướng luôn dành cho anh chị em thư ký chúng tôi: tín nhiệm, tôn trọng, dân chủ, bồi dưỡng và quan hoài.

## 7. ĐỜI THƯỜNG

Thời kỳ Chu Ân Lai đi thăm 14 nước Âu, Á, Phi, một phóng viên nước ngoài phỏng vấn ông: “Thưa Thủ tướng, năm nay Thủ tướng đã 65 tuổi, nhưng trông rất trẻ, không rõ thủ tướng có bí quyết hay mật phương gì?” Đây cũng là đề tài mà nhiều người quan tâm. Nixon khẳng định “Quyền lực làm chúng ta trẻ lại”; trong một bài ca nào đó có câu “Người cách mạng luôn luôn trẻ trung, còn xanh tươi hơn cả cây tùng, cây bách”; những người sống và làm việc bên cạnh Thủ tướng thì cho rằng: “Lòng nhân ái khiến cho Thủ tướng mãi mãi không già”. Còn bản thân Chu Ân Lai? Hồi ấy ông trả lời phỏng vấn: “Tôi là người phương Đông, có lẽ vì thế mà thoát trông có vẻ trẻ chẳng?”. Chu Ân Lai đã sống theo tập quán phương Đông như thế nào, hiện là một chủ đề thu hút nhiều người quan tâm nghiên cứu, thậm chí có thầy thuốc đang đi tìm bí quyết trường thọ của Thủ tướng. Sẽ có bạn đọc bảo rằng, ông nói sai rồi, Thủ tướng qua đời năm 78 tuổi, sao gọi là trường thọ được? Ngày nay người thọ 78 rất phổ biến kia mà.

Bạn hãy cùng tôi tạm quy ước “Tĩnh mới là sống”, và do đó căn cứ vào nhật ký làm việc của Chu Ân Lai thì ông có tuổi thọ đến 120 cơ. Nếu chúng ta cũng lao tâm lao lực, cúc cung tận tụy như Chu Ân Lai, như Gia Cát Lượng thì chẳng mấy ai sống lâu như họ, một thầy thuốc nhận định như vậy và nói với tôi: “Thủ tướng của chúng tôi chết vì mệt, chọn ra 10 vạn người làm việc như Thủ tướng thì dám chắc sau một năm sẽ có 1 vạn người ngã bệnh suy sụp, sau năm năm con số lên tới 3 vạn...”. Tất nhiên không thể thực hiện được loại thí nghiệm như vậy, nhưng tôi tin những gì mà người thầy thuốc, ấy đã nói. Là một trong số hai mươi thư ký của Chu Ân Lai, hôm nay nhắc lại vẻ trẻ trung, sức làm việc và sự trường thọ của Thủ tướng càng làm tôi sống lại với bao kỷ niệm đời thường của ông, xung quanh 6 chữ *thực, y, cư, hạnh, Khang, lạc* mà ai ai cũng phải theo, nhưng ở Chu Ân Lai có phần đặc biệt hơn.

Chu Ân Lai là một trong những người thấm nhuần văn minh Đông phương, ông thường nói “nhân khao y trang, mã khao yên” và căn dặn chúng tôi: con người phải chăm chú quần áo thể như yên cương nơi con ngựa vậy. Từ ngày về Bắc Kinh làm thủ tướng, Chu Ân Lai giao nhiệm vụ cho tôi trước; gọi là “phó quan”, nay dùng thuật ngữ cách mạng đổi thành

“thư ký hành chánh” - lo lắng giúp ông về khoản trang phục, ông dặn: “Mình tham gia nhiều hoạt động, quần áo phong mao phải chỉnh tề vì người nước ngoài cũng như đồng bào trong nước đều để ý xem xét, nhưng dù sao chú cũng giữ cho một nguyên tắc, ấy là trang phục của mình chú thiết kế như thế nào đó mà thể hiện được bộ mặt người dân Trung Quốc”. Chúng tôi không đưa Thủ tướng ra cửa hiệu “Hong Đô” may đo mà mời thợ chuyên trách vào Trung Nam Hải phục vụ riêng cho ông. Sau nhiều lần thảo luận, thầy trò quyết định chọn mẫu áo Tôn Trung Sơn với nguyên liệu hoàn toàn hàng nội hoá, màu sắc nhã và trang nghiêm, đó là kiểu cách lễ phục mà Chu Ân Lai liên tục sử dụng trong suốt 27 năm làm thủ tướng, bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu cũng nghiêm túc ăn vận, khiến cho anh chị em tùy tùng chúng tôi cũng theo ông mà tươm tất không dám xuề xòa. Trong khi đó, Mao Trạch Đông thích mặc quần áo rộng rãi, thoải mái, không thật chăm chút như Chu Ân Lai và hầu hết đều do vệ sĩ giúp ông nâng khăn sửa túi, không mấy khi Mao Trạch Đông động chân động tay, ông cũng chẳng quan tâm đám người phục vụ đang bận rộn mặc quần áo cho mình, người ta nói mất ông lúc ấy hình như đang dõi trông những nơi xa xăm nào đó tận bên Nga, bên Mỹ.

Chăm nom phong mao cho Chu Ân Lai có một vấn đề nan giải, đó là cạo râu. Chu Ân Lai từng để râu quai nón khá đẹp, rất nam nhi đã làm cho Trương Học Lương - người đẩy binh bắt Tưởng Giới Thạch trong vụ sự biến Tây An - phải thảng thốt kêu lên: “Chào mỹ nhiệm công!” (người có bộ râu đẹp). Râu của Chu Ân Lai vừa rậm, vừa cứng lại mọc rất nhanh. Thời Vạn lý trường chinh và hồi mới đến Thiểm Bắc, không có điều kiện cạo sữa, nhìn những tấm ảnh kỷ niệm lúc bấy giờ, ông tự mình trào lộng:

*Ngoảnh lại miệng đâu tìm không thấy,*

*Bông dựng tiếng nói giữa ngàn râu!*

Nguyên văn hai câu thơ này là: “Chuyển lai chuyển giác vô mịch xứ, hốt văn mao lý hữu thanh âm”, nghe nói do Tô Tiểu Muội sáng tác để chọc tức Tô Đông Pha. Sau khi về thành phố, Chu Ân Lai phải “xuống râu “ và mỗi ngày cạo một lần, ban đầu còn nhờ thợ cắt tóc bên Bắc Kinh phan điểm làm giúp, nhưng sau đó Thủ tướng tự mình giải quyết, song trong công việc cạo râu của Thủ tướng tôi xảy ra một mâu thuẫn khá buồn cười, ấy là cạo râu để “thể hiện bộ mặt của người Trung Quốc”, nhưng lưỡi dao cạo lại phải mua của người nước ngoài, vì lúc bấy giờ nước chúng tôi chưa sản xuất được loại hàng này. Điều đó làm cho Chu Ân Lai băn khoăn mãi, nguyên tắc dùng nội hoá của ông bị xâm phạm, mâu thuẫn ấy được giải

quyết sau khi có lưỡi dao cạo “made in China”, tất nhiên sản phẩm không chỉ để phục vụ một mình Chu Ân Lai mà còn biết bao nhiêu đồng bào khác nữa.

Trong hành lý của Chu Ân Lai đi công cán nước ngoài có một va-li da được nhân viên cảnh vệ bảo quản cẩn mật, và ngay như câu chuyện về chiếc va-li ấy cũng không phải ai ai đều biết, đến nay mới có thể “mở ra” cùng xem, song đương nhiên sẽ có nhiều ý kiến bình luận khác nhau. Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt hàng ngày như chăn, mền, ra rả giường, đệm, gối, khăn, màn v.v... của Chu Ân Lai đều đựng trong chiếc va-li “bí mật” đó. Ông có thói quen không ưa dùng tiện nghi của bất cứ một khách sạn nào. Mỗi sáng nhân viên tùy tùng của Chu nhanh chóng thu vén mọi thứ cho vào va-li, khoá chặt, rồi mới báo nhà buồng đến làm vệ sinh hàng ngày. Nội y của Thủ tướng đi đến đâu thì nhờ nhân viên đại sứ quán Trung Quốc ở nước đó giặt là giúp, nhiều đại sứ phu nhân đã phải khóc khi làm việc này và mắng mỏ chúng tôi sao nỡ để Thủ tướng ăn mặc như thế. Nhớ hồi đến Ai Cập, Từ Khắc Lập là Trần Gia Khang đại sứ phu nhân đã mua toàn bộ nội y mới thay thế số cũ của Thủ tướng, vệ sĩ trưởng Thành Nguyên Công can ngăn, bà nổi khùng: “Các đồng chí phục vụ Thủ tướng chẳng biết gì cả”, Thành Nguyên Công đành im lặng và để đại sứ phu nhân gặp Thủ tướng, quả nhiên bà “va đầu vào tường”.

- Vợ chồng chúng tôi lấy tiền túi mua sắm để Thủ tướng dùng, chứ không phải công quỹ đâu ạ!

- Tiền túi của anh chị cũng là ngoại tệ mà Chính phủ đã chi, nếu cần sắm quần áo thì tôi đã mua ở Bắc Kinh, hà tất phải tốn ngoại tệ như thế này, vả lại những quần áo kia còn dùng được, tuy có mạng vá đôi chỗ.

Chu Ân Lai quay lại hỏi anh em chúng tôi: “Mình làm như vậy có gì là quá đáng lắm không?” và như tự hỏi mình, rồi trầm ngâm tự bạch: “Mình cho là không quá đáng vì hiện tại Trung Quốc đang rất nghèo khó, có hai cách nghĩ, vô lễ Trung Quốc sáu, bảy trăm triệu dân không lo nỗi cho Thủ tướng của mình quần áo hay sao, huống hồ còn ảnh hưởng đến vấn đề đối ngoại nữa, điều ấy hoàn toàn có lý. Nhưng mình lại nghĩ, làm một Thủ tướng của sáu, bảy trăm triệu dân, khi nhân dân đề xướng tiết kiệm, nhẽ nào riêng mình lãng phí xa hoa”. Nhắm lại trong cuộc đời làm Thủ tướng của mình, Chu Ân Lai chỉ may sắm quần áo 5 lần mà thôi. Thoạt đầu, khi mới vào thành phố, Thủ tướng thực hiện một lần “xây dựng cơ bản đại quy mô” bao gồm những bộ quần áo Tôn Trung Sơn để “thể hiện bộ mặt Trung Quốc”. Tháng 6 năm 1954 lần đầu tiên Thủ tướng thăm Ấn Độ, cùng Tổng

thống Nehru đề xướng 5 nguyên tắc chung sống hoà bình. Báo chí còn ghi lại, hồi ấy Nehru do dự, nhưng Gandhi phụ nhân bị phong độ lịch lãm, tài cán thao lược của Chu Ân Lai “mê hoặc” đã dùng toàn bộ sức lực và ảnh hưởng của mình vận động vua cha chấp thuận. Từ Ấn Độ trở về, Thủ tướng cảm nhiệt chảy máu mũi, cho nên tiếp đó Thủ tướng thăm các nước Đông Nam Á, chúng tôi phải sắm cho ông hai bộ đồ lụa hợp với khí hậu nóng bức và luôn thể là những bộ quần áo để Thủ tướng dùng khi đi lao động với nông dân, đó là lần thứ hai. Lần thứ ba, khi thăm Campuchia, vì quốc vương vừa tạ thế, đang trong những ngày quốc tang, Thủ tướng và cả đoàn đều mang thêm bộ com-lê trắng, lúc đón chúng tôi ở Phnôm Pênh hoàng thân Sihanouk vô cùng cảm kích về màu trắng tôn quý ấy. Lần thứ tư, vào năm 1963, Chu Ân Lai đi thăm 14 nước Âu, Á, Phi, chúng tôi chuẩn bị quần áo cho Thủ tướng rất chu đáo mà mãi 10 năm sau đó không phải sắm sửa gì thêm. Cuối cùng, lúc Kissinger đến Trung Quốc, chúng tôi may mới cho Thủ tướng bộ Tôn Trung Sơn màu pháp lam, ông thường mặc bộ lễ phục quen thuộc này cho tới tháng 3 năm 1975 và theo ý nguyện, khi ra đi vào cõi vĩnh hằng trên thân mình Chu Ân Lai quàn bởi bộ quần áo may lần thứ năm, cũng là lần chót!...

Chu Ân Lai ưa ăn thức gì, bình thường ăn uống ra sao và kiêng cữ loại nào, có lẽ cũng là nội dung nhiều người quan tâm. Có người quả quyết, Chu Ân Lai bản quán Thiệu Hưng Triết Giang, sinh ra và lớn lên ở Hoài An Giang Tô, tất nhiên là ưa phong vị các món ăn Giang - Triết, đầu bếp của Chu Ân Lai là Quế Hoài Vân - người Giang Tô, càng chứng tỏ điều nói trên là đúng. Không hẳn vậy, bình sinh Chu Ân Lai đã sống ở nhiều nơi, Đông Bắc, Thiên Tân, Giang Tây, An Huy, Hồ Nam, Thiểm Bắc, Trùng Khánh, Nam Kinh, Bắc Kinh v.v... hoặc nước ngoài như Nhật, Pháp, Đức, Nga... chắc chắn từng nếm đủ loại thức ăn của thập phương, Thủ tướng lại là người rất chú ý “nhập gia tùy tục”, những thức ăn thức uống ban đầu chưa quen, chưa ưa, ăn uống mãi thành quen, thành ưa, ví như thịt chó chẳng hạn, thoát đầu Thủ tướng ghét lắm, thế mà về sau cũng phải chấp nhận. Trong quân cách mạng rất nhiều đồng chí Hồng quân là người Giang Tây. Người Giang Tây và người Hồ Nam thân nhau như anh em ruột, và đều ưa món thịt chó, không những ăn nó mới thơm mà còn kể chuyện về nó cũng thơm đến mức nhỏ dãi. Mỗi lần như vậy, Thủ tướng đều tránh xa và miệng lầm bầm “không trách mà người ta ghét Lỗ Trí Thâm, ông ta giỏi đến thế nhưng phải cái tội ưa món cầu nhục!”. Sau đợt đưa Thủ tướng về Trùng Khánh sinh sống tại “Chu công quán”, quán gia tên gọi Long Phi Hồ, danh

tính thể nào thì phong cách thể ấy, thật như rồng như cạp, và rất thích ăn thịt chó, Long lý luận: món ăn này làm ấm người. Một hôm trời lạnh cơm nước xong. Long Phi Hồ thưa chuyện với Chu Ân Lai:

- Chu Phó chủ tịch, chắc đồng chí đã ấm hơn nhiều?

- Tất nhiên là ăn xong, no bụng thì phải ấm chứ!

- Dạ thưa nhờ món cầu nhục đấy ạ!

- Sao? Tôi mắc lừa anh rồi! Anh xâm phạm nhân quyền! - Chu Ân Lai vừa mắng mỏ vừa khạc nhổ, nhưng không có tác dụng gì, dần dần ông quen món ăn này. Năm 1959, Chu Ân Lai tháp tùng Kim Nhật Thành đi tham quan Quảng Châu và trong bữa tiệc, ông giới thiệu với khách:

- Hôm nay, các đồng chí Quảng Đông muốn mời Tướng quân dùng thịt rán, đặc sản Quảng Châu, chẳng biết Tướng quân có sợ hay không?

Kim Nhật Thành vui vẻ đáp:

- Thủ tướng không sợ thì tôi cũng không sợ, âu cũng là một lần tiếp thu sự vật mới.

Long Phi Hồ, người lừa Chu Ân Lai ăn thịt chó sau này trở thành Phó Tư lệnh quân khu Phúc Châu, một lần nhớ Thủ tướng quá liền cho người mang tặng làn quả hạnh. Thủ tướng hỏi đâu ra làn quả hạnh, anh em thư ký thưa của khách tặng, Thủ tướng bảo chúng tôi mang 50 đồng trả cho khách, tiền gấp đôi. Long chợt dạ, hay là Thủ tướng vẫn tức mình vì cái món cầu nhục, ông đến thăm và mới biết Thủ tướng vẫn rất vui vẻ kỷ niệm xưa, về món thịt “ăn đã thơm mà nhắc tới cũng rất thơm”, nhưng Thủ tướng cảm cái tệ quà cáp, may mà chúng tôi giấu tên người tặng làn quả hạnh, nếu không chắc chắn Long Phi Hồ hẳn bị trận lôi đình! Ra về, viên Phó Tư lệnh quân khu Phúc Châu cảm ơn anh em thư ký rồi rít.

Chị cả Đặng là người tín ngưỡng Trung y, bà cho rằng Trung y có nguồn gốc căn bản hơn Tây y và mời thầy về khám cho Chu Ân Lai. Sau khi thực hiện tỷ mỷ “vọng, văn, vấn, thiết” (nhìn, nghe, hỏi, nắm) - bốn cách bắt mạch của Trung y, thầy kết luận một tràng những câu chữ mà chúng tôi chẳng hiểu gì, chung quy lại Chu Thủ tướng là “hoả đại”, không nên ăn những con vật có cánh dài, ví dụ như gà, gà có nhiệt độ thân thể cao hơn người những 2 đến 3 độ, người “hoả đại” sợ nóng, ăn thịt gà, hoả thượng, thường chảy máu mũi. Từ đó chị cả Đặng dặn chúng tôi, Chu Thủ tướng kỵ thịt gà, canh gà, thực đơn hàng ngày phải tránh các món này. Chúng tôi nghiêm chỉnh thực hiện, tuy nhiên cũng chỉ trước mặt chị mà thôi. Tóm lại, người đi khắp nơi như Chu Ân Lai ăn uống gì cũng được, không kiêng khem phức tạp, nhưng đối với ông thực sự có ba điều cấm kỵ,



đó là công tư nhập nhằng, phô trương lãng phí và quá ư đặc biệt. Chúng tôi thường bị Thủ tướng phê bình vì vi phạm 3 điều cấm kỵ đó khi chuẩn bị các bữa ăn, bữa tiệc cho ông...

Mao Trạch Đông rất bận rộn, nhưng được cái tự do, lúc không muốn bận rộn thì rất thông thả và có thể nghỉ ngơi, giải trí. Còn Chu Ân Lai bận rộn mà không tự do, muốn thông thả cũng không được, công việc cứ như đeo đuôi, trói buộc ông. Mấy chục năm làm việc bên cạnh Chu Ân Lai tôi chỉ thấy năm 1951 ông đi Đại Liên dưỡng bệnh, nghỉ ngơi vài chục ngày là lần thông thả nhất trong đời. Vậy Thủ tướng tôi sống như thế nào, ngoài công việc như đã trình bày ở các chương trước, Chu Ân Lai sử dụng 3 hình thức sau đây để nghỉ ngơi thư giãn, đó là: gặp gỡ bạn bè, hoạt động văn nghệ và rèn luyện thân thể. Theo Chu, gặp gỡ bạn bè là cách nghỉ ngơi tốt nhất, cho nên ngày chủ nhật ông thường xếp chương trình ăn cơm, uống rượu, âm trà, đàm luận cùng giới văn học nghệ thuật hoặc các nhân sĩ thuộc đảng phái dân chủ khác.

Hùng Cận Đình là bạn thân của Chu Ân Lai, hồi hoạt động bí mật ở Trùng Khánh, ông đảm nhận “chủ hiệu” Tân Hoa nhật báo được mọi người gọi là “ông chủ họ Hùng”, quen mãi cho đến ngày giải phóng về làm việc ở Bắc Kinh, vợ của ông ta là Chu Thuy Thu cũng mang danh “bà chủ”. Chu Ân Lai, Đồng Tất Vũ, ông chủ họ Hùng kẻ vai sát cánh mười mấy năm trời trong vùng thống trị của Quốc dân đảng, sau này thời Trung Hoa mới công việc bận rộn, mỗi người một cương vị, nhưng Chu Ân Lai vẫn chủ động gặp gỡ Hùng Cận Đình để tâm sự hồi ức thuở xưa cũng như những gì của hiện tại. Nào ngờ năm 1967, vợ chồng Hùng bị quy kết là “ông bà chủ giai cấp tư sản”, trở thành người bên kia giới tuyến. Hôm ấy, Thủ tướng xong công việc, đã định đi nghỉ thì bất chợt bảo tôi lấy cho ông 2 chai Mao Đài đi mừng sinh nhật ông chủ họ Hùng. Tôi đưa Thủ tướng đến nhà Hùng Cận Đình, bốn bề vắng lặng, khắp nơi dán đầy báo chữ lớn của Hồng vệ binh, gõ cửa mãi hai vợ chồng mới mở và họ đứng yên như những pho tượng, rồi bỗng kêu lên:

- Trời ơi, khuya khoắt thế này mà Thủ tướng còn đến thăm chúng tôi.
- Bạn bè thì ngại ngừng gì, hôm nay vừa đến thăm anh chị, vừa mừng sinh nhật ông chủ họ Hùng.
- Sinh nhật! - Hùng Cận Đình ngơ ngác và oà khóc: - Biết lấy gì mà mừng sinh nhật đây hở Chu công?

Hai người ôm nhau, tình thế phân chia họ - những đồng chí thuở xưa trở thành hai chiến tuyến. Đêm đó Chu, Hùng nhắm Mao Đài với lạc rang

và Chu dẫn Hùng:

- Ông chủ, nhớ giữ gìn, nhìn xa một tý nhé, không lâu nữa đâu...

Trong “khói lửa” của Cách mạng văn hoá, Thủ tướng chỉ còn cách lấy danh vọng rất mong manh của mình để che chở, cứu vớt ít nhiều bạn bè chiến hữu từng một thời vào sinh ra tử mà thôi. Trên đường về, Thủ tướng trầm tư, vẳng bên tai tôi là lời ông thường căn dặn: thật vui vẻ và hạnh phúc khi làm cho người khác vui vẻ và hạnh phúc. Thủ tướng tôi luôn làm như vậy và bao quát hơn, ông tuân thủ lời dạy của cổ nhân: không trách lỗi người khác, không vạch tội người khác, không báo oán người khác.

Trương Bá Linh là hiệu trưởng trường Nam Khai, nơi Chu Ân Lai đã theo học, Trương thường tán dương với bạn bè rằng “Chu Ân Lai là người học trò giỏi nhất của Nam Khai”, nhưng khi nghe tin Chu gia nhập Đảng Cộng sản, đứng vào hàng ngũ “phỉ đố”, Trương liền gạch 3 chữ Chu Ân Lai trong danh sách học sinh Nam Khai. Sau giải phóng, Cộng sản nắm chính quyền, Trương gửi thư cho Thủ tướng báo tin ông đang “đóng cửa nhớ chuyện xưa”, nhận thư, Chu Ân Lai vui mừng khôn tả, nhớ ân cũ, quên hận xưa, phái phi cơ bay đến Trùng Khánh đưa thầy hiệu trưởng họ Trương về bản quán Thiên Tân hưởng tuổi già và lúc Trương Bá Linh qua đời, người học trò giỏi nhất Nam Khai vẫn kịp về phúng điếu, thắp nén nhang cho Trương tiên sinh... Quả là lương thiện khiến ta bình tâm, nhân ái khiến ta hoà khí.

Nhớ hồi Quách Mạt Nhược viết tác phẩm “Hồng ba khúc”, trong đó có đoạn miêu tả trận hoả hoạn Trường Sa, là âm mưu của Quốc dân đảng muốn hãm hại Chu Ân Lai, lúc bấy giờ Trương Trị Trung đích thị chủ tịch tỉnh ở đấy. Tác phẩm ra đời, Trương Trị Trung đọc vội và đang đêm điện thoại “cầu cứu” Chu Ân Lai:

- Chu Thủ tướng. Trương tôi có ngàn vạn tội, tiếng xấu nghìn thu, cũng không bao giờ rấp tâm ám hại Chu huynh, nếu quả như vậy thì giờ đây còn mặt mũi nào nhìn Chu huynh nữa, thế mà “Hồng ba khúc” của Quách lại...

- Văn Bạch ạ! - Chu Ân Lai gọi Trương một cách thân mật - Quách tiên sinh quyết không nói xấu Văn Bạch đâu, đó chỉ là hư cấu tiểu thuyết. Nhưng tôi sẽ nói với Quách hiệu đính lần sau sao cho độc giả không hiểu lầm giữa Tưởng Giới Thạch và Trương huynh.

Còn có thể kể muôn vàn câu chuyện về nghĩa tình giữa Chu Ân Lai với mọi người, nhà cách mạng, chiến sĩ cộng sản, nhân sĩ yêu nước, giới văn hoá v.v... cũng như những người dân bình thường, xin bạn đọc cho tạm

dừng tại đây và chuyển sang một câu chuyện vui để nói đôi điều về năng lực thẩm mỹ của Thủ tướng.

Năm 1954, khi đi tham dự hội nghị Genève, chúng tôi mang theo hai bộ phim, cuốn thứ nhất “Lễ Quốc khánh năm 1952”, cuốn thứ hai “Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài”. Chúng tôi chiếu trước bộ phim tài liệu, sau đó một phóng viên Thụy Sĩ đã viết bài đăng báo với nhận xét, “khi những chiến sĩ Trung Quốc vũ trang nai nịt và các cô gái tay cầm hoa vững bước tiến vào màn ảnh Genève thì mọi người phương Tây cũng như phương Đông đều cảm thán tán dương, không còn nhìn Trung Quốc với con mắt trước năm 1949 nữa”. Tuy nhiên, vẫn còn nhà báo Mỹ nặng giọng địch thù mà nói rằng, “bộ phim khiến cho chúng tôi lo lắng, hẳn Trung Quốc đang xây dựng chủ nghĩa quân sự?”. Nghe hội báo tình hình xong, Chu Ân Lai quyết định tiếp tục cho chiếu “Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài”. Chu Ân Lai mời Charles Chaplin xem trước bộ phim này, khán giả là những nhà nghệ thuật nên hiểu ngay và thích thú, khen ngợi các nhà làm phim trẻ của Trung Quốc, nhưng nay chiếu cho các quan chức, nhà báo, liệu hiệu quả sẽ ra sao? Hùng Hương Huy - phụ trách báo chí của đoàn lo lắng “đàn gậy tai trâu”, dự kiến dịch lời thoại trong phim đóng thành tập 16 trang với tựa đề “Bí kịch Lương - Chúc” phát trước cho khán giả. Chu Ân Lai nghe Hùng Hương Huy báo cáo xong, liền nói:

- Nêu tôi là nhà báo, tôi sẽ không xem bản dịch của đồng chí, đây là công thức của nước mình, đâu hợp với phương Tây.

- Nhưng không có thuyết minh như vậy, thì chẳng khác nào “đàn gậy tai trâu”.

- Đúng vậy, cho nên phải nghĩ cách “gậy” sao cho “trâu” cũng “lọt tai”.

- Thừa Thủ tướng, dạ làm cách nào?

- Trong giấy mời chúng ta đề: mời quý ông, quý bà thưởng thức bộ phim màu “Romeo và Juliet của Trung Quốc”.

- Romeo và Juliet? Được không ạ?

- Hoàn toàn được, chúng ta cược nhau một chai Mao Đài nhé? - Chu Ân Lai động viên Hùng Hương Huy.

Buổi chiếu mãn nhãn, quả như Chu Ân Lai dự đoán, ai cũng tò mò muốn xem một thiên tình sử của Trung Quốc sẽ như thế nào. Ngay từ những phút đầu tiên, khán giả im phăng phắc như các pho tượng, tâm linh như bị cuốn hút vào kịch tình, xem ra con người không phân biệt màu da, thời đại, địa phương, giai cấp, tín ngưỡng v.v... đều có chung một nỗi lòng

với tình yêu đôi lứa, Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài, Romeo và Juliet đều là những câu chuyện xoay quanh chủ đề đó nên ai xem cũng bị hấp dẫn và đồng cảm. Phim đến đoạn “nứt mộ”, “hoá bướm”, tôi nghe khán phòng sục sùi tiếng khóc. Đèn bật sáng và khán giả vẫn còn đắm đuối, mãi sau mới rõ lên tiếng vỗ tay sầm dậy. “Ôi đẹp quá, còn cảm động hơn cả Shakespeare!”

Hôm ấy, Chu Ân Lai thắng cược, nhưng ông vẫn hiến tặng một chai Mao Đài, chúng tôi uống mừng thành công của điện ảnh nước nhà, cảm phục con người nghệ thuật trong Thủ tướng tôi.

## 8. GIỮA VỢ CHỒNG

Có thể nói, đó là một tấm gương về hôn nhân khi nhắc đến quan hệ vợ chồng giữa Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu, tuy mang tính phản phong, nhưng vẫn kế thừa truyền thống đạo đức ưu tú của dân tộc; tuy chống lại sự hủ bại của giai cấp tư sản, nhưng lại phát huy nguồn sinh lực mới của nền văn minh thời đại luôn đứng trên quan điểm giải phóng con người. Đối với luyện ái và hôn nhân, Chu Ân Lai cũng như mọi người, nghĩa là nhận thức và thái độ không ngừng biến đổi theo sự trưởng thành về tuổi tác và sự phong phú về đường đời. Năm 15 tuổi, Chu Ân Lai vào trường trung học Nam Khai, năm 19 tuổi tốt nghiệp. Tiếp thu nền giáo dục tiên bộ trong một nhà trường đặc biệt, Chu Ân Lai chịu những ảnh hưởng quan trọng đến sự hình thành tư tưởng và nhân cách của mình. Nam Khai lúc bấy giờ là một trường tư, do Nghiêm Tu sáng lập, ông từng giữ chức hàn lâm và thị lang học bộ dưới triều nhà Thanh, tư tưởng mở mang nên chế độ giáo dục của trường ít nhiều mô phỏng theo Âu Mỹ. Hiệu trưởng trường Nam Khai là Trương Bá Linh, thủ khoa của Bắc Dương Thủy Sư học đường, sau đó sang Nhật Bản và Âu Mỹ nghiên cứu khảo sát, rất cẩn thận và chu đáo trong hành nghề giáo dục.

Thành tích học tập của Chu Ân Lai ở Nam Khai rất ưu tú và như Trương Bá Linh nhận xét, là người học trò giỏi nhất của Nam Khai.

Nghiêm Tu theo dõi phẩm hạnh và tài cán của Chu Ân Lai trong suốt quá trình theo học ở Nam Khai và quyết định gả con gái của mình cho Chu, ông nhờ người mai mối. Đây là sự kiện hôn nhân trọng đại đầu tiên trong đời của Chu. Với danh vọng và địa vị xã hội của Nghiêm Tu, lấy được con gái họ Nghiêm làm vợ, quả đã khiến cho người đời ngưỡng mộ, lắm kẻ thèm muốn mà đâu có được. Nhưng thật là khó hiểu khi nghe tin Chu Ân Lai lễ phép chối từ.

Trương Hồng Hạo, bạn học cùng lớp với Chu kể lại, có một lần Trương, Chu vừa tản bộ vừa tâm sự với nhau: “Mình là anh trò nghèo, khi mới vào học mọi phí tổn đều nhờ cậy ông bác đài thọ, bây giờ tuy được miễn học phí do thành tích học tập xuất sắc nhưng tự thân phải giải quyết nhiều khoản tiền cho cuộc sống hàng ngày. Trong tình cảnh như vậy, nếu kết thân cùng con gái Nghiêm gia thì nhất định tiền đồ sẽ bị người ta chi phối, cho nên mình suy nghĩ và xin phép từ hôn”.

Là một thanh niên mang trong mình bầu máu nóng cứu dân cứu nước, thì cách nghĩ như Chu là bình thường và không có gì khó hiểu. Chu Ân Lai sang Nhật Bản tu nghiệp và nhanh chóng trở về Thiên Tân, hoà vào dòng thác của phong trào “Ngũ Tứ”, tham gia tổ chức thành lập đoàn thể cách mạng mang tên “Giác ngộ xã”, họ cùng nhau tuyên bố: không luyến ái, không kết hôn, hiến thân mình cho cuộc đấu tranh cải tạo xã hội Trung Quốc, không muốn người khác phải liên lụy và khổ sở vì gần cuộc đời mình với nhà cách mạng chuyên nghiệp.

“Chu Ân Lai là một trong số hai mươi thanh niên tuyên bố theo chủ nghĩa độc thân” - Đặng Dĩnh Siêu đã hồi ức. Nhưng sau đó, do sự trưởng thành về tuổi tác và kinh nghiệm đường đời, lại sang Pháp du học nên dần dần Chu Ân Lai từ bỏ con đường chủ nghĩa độc thân mà một thời ấu trĩ đã chọn và sa vào lưới tình, quen thân người bạn gái xinh đẹp. Nhưng bạn thân, bạn tốt đâu dễ trở thành vợ, nhất là người vợ mà “cả một đời dấn hy sinh cho nhà cách mạng”, “dám làm bạn đường với sóng gió, hiểm nguy và gian nan trong tranh đấu”. Chu Ân Lai từng kể như vậy với người cháu gái có tên Chu Bình Đức, rồi nói: “Và thế là chú chọn thím bảy của các con (chỉ Đặng Dĩnh Siêu), hai bên thư từ cho nhau, cuối cùng nên vợ nên chồng”.

Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu thân ái, hoà mục, quan hệ quần quện, trước tiên là do sự chọn lựa lẫn nhau giữa họ. Về cơ bản mà nói, Chu Ân Lai thuộc về quốc gia, dân tộc, nhân dân, rất ít là của cá nhân nào, thậm chí cũng không phải của Đặng Dĩnh Siêu nữa. Tôi được may mắn sống và làm việc bên cạnh Chu Ân Lai từ năm 1940 cho đến những ngày tháng cuối cùng ở Bệnh viện 305 khi ông qua đời, nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa họ thật hiếm hoi, và có lẽ thời kỳ cách mạng, Hồng quân, chiến tranh chắc cũng vậy, họ đã hiến dâng trọn cá nhân mình cho sự nghiệp của Đảng và dân tộc.

Trước khi kết hôn, hai người xa nhau 5 năm gần nửa vòng trái đất Âu, Á. Sau khi là vợ chồng, theo hồi ức của Đặng Dĩnh Siêu: “...Chu công bận rộn, mỗi sáng từ bến cảng Thiên Tự, Quảng Châu đáp tàu đi trường quân sự Hoàng Phố, mãi tối mới về nhà và lập tức tham gia hội ý trong ngày với khu uỷ Quảng Đông, báo cáo giảng bài cho cán bộ. Còn tôi, tôi có việc của mình, khu uỷ viên phụ trách công tác nữ, hai người đều bận rộn, rất ít gặp nhau và cùng chung sống. Cưới được một tuần thì Liêu Trọng Khải - lãnh tụ phái tả của Quốc dân đảng bị ám sát và do đó Chu công lại càng bận hơn nữa. Những ngày “trăng mật” đối với nhà cách mạng chuyên nghiệp là như

thế đó, cũng đủ báo hiệu một quá trình sắp tới phải phấn đấu, phải hy sinh trong cuộc sống vợ chồng...”. Đúng như lời Đặng Dĩnh Siêu đã nói, từ thống nhất Quảng Đông đến phong trào Bắc phạt, từ lãnh đạo công nhân Thượng Hải vũ trang khởi nghĩa đến phá vòng vây vượt qua bể máu của vụ thảm sát “12 tháng 4”, “15 tháng 7”, từ Nam Xương đến khu trắng, từ đấu tranh ở căn cứ địa đến cuộc Vạn lý trường chinh, sự biến Tây An, rồi 8 năm kháng Nhật v.v... vợ chồng Chu Ân Lai - Đặng Dĩnh Siêu luôn luôn phải mỗi người mỗi ngả, gặp nhau chỉ là chốc lát, còn lại toàn xa nhau. Đã hai lần đến như Mao Trạch Đông cũng phải kêu lên: “Tội nghiệp Ân Lai!” và động viên Dĩnh Siêu: “Cô làm không xong cái chức Bộ trưởng hậu cần, lâu như thế mà chưa ra tiền tuyến an ủi chiến sĩ - chỉ Chu Ân Lai - lấy một lần!”

Chúng tôi cũng từng đi qua cuộc sống vợ chồng xa nhau như vậy, nhưng là trong chiến tranh, trong cách mạng, còn nay hoà bình, kiến quốc, về thành phố mà Chu Ân Lai vẫn thế, mỗi ngày bận rộn từ “văn phòng” 1, qua 2, 3, 4 rồi thường xuyên qua đến 5, Thủ tướng và chị cả Đặng hiếm có những giây phút ngồi lại với nhau, hoạ hoàn lắm là trong bữa ăn, nhưng cũng “không yên”, nhiều lần ông phải thả đĩa cầm bút, nuốt được hai ba miếng thì nói những bảy, tám câu, chị cả im lặng không quấy rầy công việc của chồng, từ tốn chờ Chu Ân Lai cầm đĩa trở lại.

- Tiểu Siêu, ăn đi chứ, chờ anh, thức ăn nguội mất.

- Ân Lai anh, anh cũng ăn nhanh lên kéo lại có việc khác lại đưa tới.

Họ mỉm cười và bốn mắt liếc nhìn nhau, phải chăng đó là những khoảnh khắc sung sướng nhất của đôi vợ chồng đặc biệt này, có lẽ phải dùng ngôn ngữ của Trương Bá Lương mới miêu tả hết sự hy sinh thầm lặng ấy mà chị cả và Thủ tướng đã hiến dâng, đó là “nhất phiến xích thành khả đới thiên!”. Đúng vậy, tám lòng chân thành, đổ thắm của họ quả xứng với đất trời.

Chu Ân Lai gặp được người bạn đời như Đặng Dĩnh Siêu là cả một nguồn hạnh phúc, giá không may mà kẻ khác thì cơ sự chưa biết sẽ như thế nào. Những người sống lâu năm trong Trung Nam Hải miệng im thin thít nhưng lòng những nghĩ, Chu Ân Lai hạnh phúc bao nhiêu vì có Đặng Dĩnh Siêu bên cạnh, chăm lo, an ủi thì Mao Trạch Đông lại bất hạnh bấy nhiêu bởi một Giang Thanh yêu quái sát mình, lợi dụng, thường xuyên gây gổ và cùng ngấm thấy đạo làm vợ đã khó mà vợ Chu Thủ tướng còn khó hơn nhiều, “hắn ông Trời sắp sẵn cô gái Tiểu Siêu cho chàng trai Ân Lai này chăng” - ông tự cảm thấy hoài như vậy và giúp chúng tôi lý giải mọi điều.

Giang Thanh cũng từng đứng bên cạnh Mao Trạch Đông nơi đầu sóng ngọn gió, chôn hòn đạn mũi tên, thoả nguyện mộng ước “trai anh hùng gái thuyền duyên”, nhưng hôn nhân của bà và Mao cuối cùng là một tấn bi kịch, mới hay làm vợ lãnh tụ đâu chỉ cần dũng khí trước phong ba bão táp mà quan trọng hơn nhiều là phẩm hạnh lúc bình yên, phẳng lặng. So với Giang Thanh, Đặng Dĩnh Siêu khác hẳn, bà là người thiên về hiền dâu, “cho nhiều hơn nhận”, bà chịu nổi “sự cô tịch và khuất phục của phụ nữ”, hiểu chồng, giúp chồng và cảm thấy vinh dự vì chồng, lặng lẽ đứng sau. Còn Giang Thanh, có khiếu về giành giật, bà phấn đấu mãnh liệt, nhiều lúc siêu phàm nhưng không quên đòi hỏi đền đáp, phải được đền đáp hơn người, bà không chịu im lặng, thường tranh cãi với chồng và thậm chí dùng chồng làm bàn đạp tiến thân.

Khi bàn tới nhân sự Đại biểu nhân dân khoá 4, Mao Trạch Đông thân hành hạ bút phê chuẩn Đặng Dĩnh Siêu là Phó uỷ viên trưởng (Phó chủ tịch Quốc hội - ND), Chu Ân Lai giấu chỉ thị này và Đặng Dĩnh Siêu hoàn toàn thuận ý chồng. Ngược lại, tại Đại hội 8 của Trung Cộng, Giang Thanh không được làm đại biểu, bà chạy nhôn nháo tìm Uông Đông Hưng hỏi cho ra lẽ và cãi nhau với Mao Trạch Đông, trách cứ ông đã phủ định tư cách đại biểu của mình. Một bên không mưu cầu quyền thế, không nấp bóng chồng, tránh cho chồng mọi phiền toái, còn một bên đã tâm, say sưa địa vị, luôn mồm “hôm nay thay mặt cho Mao Chủ tịch, tôi đến đây thăm các đồng chí...” và người được thay mặt đã phải gào lên: “Cô ta là cô ta, tôi là tôi, cô ta không thể thay mặt tôi, cô ta chỉ thay mặt chính mình mà thôi”.

Đặng Dĩnh Siêu không bao giờ nắm giữ chìa khoá văn phòng của chồng, còn Giang Thanh xông thẳng vào “cung vua” là chuyện thường. Máy chục năm làm việc, trước mắt tôi luôn diễn ra một hình ảnh lặp đi lặp lại nhiều lần, ngày này qua ngày khác - người đàn bà lặng lẽ trong đêm khuya, nhẹ bước trên hành lang và chỉ nói vọng vào: “Ân Lai, hãy đứng dậy vận động tí đã...”, nói một lần thôi rồi trở về phòng riêng của mình. Cũng như vậy, Đặng Dĩnh Siêu từ tốn nhắc chồng “Ân Lai anh, đến giờ ăn cơm rồi!”, nếu Chu vẫn ngồi lý thì câu nói “dữ dần” nhất của bà cũng chỉ “Thưa Thủ tướng, đã đến giờ ăn cơm”, chúng tôi thậm hiểu thoạt đầu bà làm nghĩa vụ của người vợ đối với chồng, quá lắm mới dùng đến “ngón võ” nhân dân và lãnh đạo. Điều đặc biệt nữa giữa Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu là không can thiệp vào công việc của nhau, thậm chí tôn trọng phần riêng có ở từng người. Ngày thứ hai sau hôn lễ họ đã “cam kết” với nhau, dù khó khăn đến mấy, hai vợ chồng cũng không làm việc cùng một cơ quan. Năm 1982,



có người gặp Đặng Dĩnh Siêu muốn tìm hiểu một vài sự tích Chu Ân Lai, bà trả lời: không rõ, và đưa cho người đó bài viết của mình “Một đảng viên Cộng sản nghiêm túc giữ gìn kỷ luật bảo mật”, rồi nói: “Đây là những gì mà tôi biết về Chu Ân Lai, càng người thân, càng phải bí mật việc công, ngay như việc tôi và Chu Ân Lai gia nhập Đảng Cộng sản cũng được tổ chức thông báo, chứ vợ chồng không tiết lộ cho nhau hay”.

Lần nỗ thí nghiệm đầu đạn nguyên tử thứ nhất của Trung Quốc, chuông điện thoại văn phòng Chu Ân Lai vang lên liên hồi, khách khứa ra vào tấp nập, nhưng ngoài thư ký quân sự ra, mọi người trong Tây Hoa sảnh đều không biết gì cả, mãi sau khi nghe Thủ tướng chính thức tuyên bố tại Đại lễ đường Nhân dân chúng tôi mới được cùng cả nước hò reo vui mừng. Lần sau đó, Thủ tướng mấy đêm liền không chợp mắt, sáng hôm cuối cùng, chị cả hỏi Kiều Kim Vượng: “Thủ tướng vẫn còn thức?”, Kiều gật đầu thưa vâng, Đặng Dĩnh Siêu bắn khoả:

- Xảy ra chuyện gì vậy?

- Hình như hướng gió không thuận - Kiều cũng nghe lỏm khi thư ký quân sự báo cáo qua điện thoại và nói lại cho chị cả không sai một chữ. Thế là lần đầu tiên Đặng Dĩnh Siêu phạm huý, bà an ủi Chu Ân Lai: “Chờ hướng gió phải không Ân Lai?”, quả nhiên ông nổi trận lôi đình và truy cho ra ai đã nói hai chữ “hướng gió”. Chị cả bênh cho Kiều Kim Vượng, nhưng cuối cùng cũng không qua được mắt Chu Ân Lai, ông biết Tiểu Siêu mà, vì một lần đi công tác nước ngoài Chu quên để chìa khoá phòng làm việc ở nhà, ông phải bỏ vào phong bì gửi về cho Dĩnh Siêu. Khi Chu trở về, bà trả lại ông nguyên vẹn phong bì chưa hề bóc xi.

- Ô hay, Tiểu Siêu không xem thư sao?

- Chu công gửi thế nào, thì Tiểu Siêu bảo quản thế ấy.

Hoá ra, ngoài chìa khoá phòng ra, trong phong bì còn có thư, thế mà Đặng Dĩnh Siêu cứ ngỡ... Lần ấy Kiều Kim Vượng bị phê bình vì tội “nghe trộm” điện thoại.

Cách xưng hô giữa vợ chồng Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu cũng khá lý thú và chăm chú, họ yêu nhau khi chàng 21 mà nàng mới chỉ 15, cho nên chữ “tiểu” theo hai người suốt đời. Chu Ân Lai một mực gọi Đặng Dĩnh Siêu là “Tiểu Siêu” cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, mặc dầu bà ngày một lớn dần, “đại” lúc nào không hay và mọi người quen thân với mấy chữ “chị cả Đặng”, Chu Ân Lai cũng dùng như vậy khi Đặng Dĩnh Siêu ở ngôi thứ ba: “Hôm nay chị cả mời cơm, ở lại với bọn mình đi!”. Còn Tiểu Siêu? “nàng” vẫn cứ một “Ân Lai”, hai “Ân Lai” như cái thuở ban đầu lưu luyến

ấy, mãi cho đến lúc đặt nụ hôn cuối cùng lên vầng trán Chu Ân Lai khi đưa ông về nơi cát bụi. Thi thoảng bà gọi ông là “Chu công”, “Hồ công” (ông già râu rậm) nhưng ngữ điệu chính chỉ là “Ân Lai” nơi phòng the và “Thủ tướng” chốn quan trường... Hồi chiến tranh kháng Mỹ viện Triều vừa kết thúc, một đêm Chu Ân Lai làm việc tại Tân Lục Sở, vừa ngược mắt lên vọng ra ngoài cửa sổ, bỗng thấy trời sáng trắng và nghe tiếng rào rào thật êm tai, ông đứng dậy thì mới hay “tuyết rơi, ôi tuyết đầu mùa sao mà đẹp vậy!” Hoa tuyết bay trắng trời, nhẹ nhàng phủ xuống mặt đất, dịu êm đến mức khiến ta không dám đạp lên, phá nát cái nền bông trắng muốt ấy.

Tuy đã liên tục làm việc gần 20 tiếng đồng hồ, giờ phải ngủ, nhưng khung cảnh tuyết bay giữa đêm trường như thế này đối với Chu Ân Lai là một kỷ niệm khó quên mà hàng năm gọi lại biết bao ký ức về quá vãng, ông trầm ngâm giây lát, rồi bảo tôi: “Chú Hà điện giúp cho chị cả, nhấn tới đây tôi có việc cần bàn”. Chắc chắn là có gì hệ trọng nên Thủ tướng mới gọi chị cả, tôi vội vàng chấp hành nhiệm vụ, chị cũng nghĩ như vậy và nhanh chóng đến Tân Lục Sở gặp chồng.

- Ân Lai anh, có chuyện gì cần lắm phải không?

Chu Ân Lai khoác lên mình chiếc áo dạ kiểu hải quân vừa đi vừa nói: “Chúng ta ra ngoài kia và anh sẽ bàn với Tiểu Siêu”. Đặng Dĩnh Siêu vô cùng mừng rỡ, vì bà là người “ghiền” cảnh tuyết rơi, và đêm nay nơi Tân Lục sở này, sáu ngôi lầu mà ai đó ngày xưa đã khéo đặt chúng giữa những vòm cây, tạo nên mỗi mùa mỗi cảnh, nhất là khi tuyết rơi, ta như lạc vào chuyện cổ tích. Hai người nhẹ nhàng đặt chân lên đệm tuyết, bông tuyết rơi xuống phủ trắng trên đầu, trên áo họ, cái lạnh của mùa đông xen vào những khoảnh khắc bất chợt ấm áp bởi tuyết bắt đầu rơi khiến người ta say sưa chìm đắm, Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu đã song hành, sát cánh và cùng bước từ lúc nào không hay, họ như trở về với cái thời thanh xuân xa xưa ấy. Dĩnh Siêu thở thê:

- Chuyện gì vậy Ân Lai?

- Anh muốn cùng Tiểu Siêu hưởng cảnh tuyết đầu mùa.

- Thế mà Tiểu Siêu cứ tưởng có việc quan trọng lắm... - Bà sung sướng nép mình vào Chu, thỏn thốc chẳng khác nào như cô bé được toại nguyện với những gì mà mình mong ước, giọng bà bị đứt quãng vào phần cuối của câu nói. Thật là những giây phút hiếm hoi và hạnh phúc trong đời người đàn bà đã dành trọn phần mình cho sự nghiệp của chồng, còn ngàn lần hơn trong nhung lụa, còn ngàn lần hơn cả uy quyền. Chu Ân Lai âu yếm:

- Tiểu Siêu thích tuyết, và vì vậy mà “quan trọng” lắm chứ - đoạn ông chậm rãi xa xăm. - Những ngày chúng ta leo núi tuyết, lạnh cóng giữa bao dặm trường chinh, anh hôn mê trong cơn đau vì ung mủ ở bàng quang, Tiểu Siêu đã một mạch từ đại hội lên tổng bộ chăm sóc anh, Tiểu Siêu vẫn còn ho ra máu, Tiểu Siêu nằm trong đám cỏ khô dành cho anh yên tĩnh đặt mình trên tấm ván thô, nhờ những cục băng mà Tiểu Siêu đã chườm, chất độc thải ra và Ân Lai này mới sống... sống đến hôm nay để cùng đi bên cạnh ân nhân của mình.

- Ôi, Ân Lai! Những ngày buồn nghĩ lại thấy vui vui - Đặng Dĩnh Siêu càng thần thức, càng toại nguyện.

Đúng như “nàng” kết luận, hoan lạc chắc gì đã hạnh phúc, và khổ nạn đâu chỉ mỗi cam go. Hẳn trong chúng ta chưa có ai lại chạy về vũ trường để ôm hôn mảnh đất từng làm ta quay cuồng, từng khiến ta trào dâng những giây phút say đắm, mà hầu như tìm đến nơi chốn đã một thời đầy đoạ, tra tấn, nhớ lúc gian nan xưa rồi nấc lên tiếng khóc sung sướng, rằng ta còn sống đến hôm nay. Đêm tuyết đầu mùa, cảnh vật yên tĩnh, “chàng” và “nàng” lạc vào cõi cổ tích của hiện tại, tranh thủ khoảng lặng trong bề bộn công việc để tận hưởng cái đẹp của đất trời, hồi ức quá vãng đau thương và cũng để tận hưởng cái thiện của tình nhân. Nhiều năm sau đó Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu vẫn không quên những đêm tuyết rơi đầu mùa như vậy, “quan trọng” lắm đối với cuộc đời của họ.

Bù lại với bao bận bề trăm thứ, không có thời gian chăm sóc Đặng Dĩnh Siêu, “nuông chiều”, “cung nụng” “nàng”, Chu Ân Lai thường dành cho Tiểu Siêu của mình những giây phút bất ngờ quý giá và bản thân ông cũng cảm thấy hạnh phúc vì sự hiến dâng tuy rất nhỏ con ấy... Những năm 50, người đi công tác nước ngoài còn rất ít, mỗi lần lên đường đều gặp Chu Ân Lai, lúc đó là Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng, để xin chỉ thị về phương châm, chính sách, và thái độ hoạt động trên trường quốc tế. 10 giờ đêm nay Đặng Dĩnh Siêu lên tàu liên vận đi Mạc Tư Khoa mà giờ này chưa thấy Chu Ân Lai căn dặn gì cả; nóng ruột quá, bà phạm huý xộc vào văn phòng ông:

- Thưa Thủ tướng, đoàn chúng tôi sắp xuất phát, xin Thủ tướng cho chỉ thị. - Chu Ân Lai không nói không rằng, vẫn cúi đọc văn thư và giơ tay khoát vẫy, báo hiệu là ông còn bận lắm. Đặng Dĩnh Siêu lẳng lặng ra về và 9 giờ sáng xe đến ga xe lửa Bắc Kinh. 9 giờ 45, Chu Ân Lai có mặt ở sân ga, Đặng Dĩnh Siêu nôn nóng chờ đợi, nhưng lần này thì bà không nhắc nhở gì, sau giây lát họ cùng lên tàu, Chu Ân Lai giúp vợ sắp đặt hành lý rồi

thong thả ngồi xuống nhìn đồng hồ, chuông reo hồi chót, Đinh Siêu hốt hoảng:

- Ân Lai, anh xuống mau kẻo không kịp, 10 giờ rồi!

- Hãy còn sớm chán.

- Đồng hồ của anh sai rồi!

Lời chưa dứt thì tàu chuyển bánh, làm sao bây giờ, chuyển xe liên vận quốc tế đâu có thể đậu dừng tùy tiện được. Đang khi giận mà thương như thế, “nàng” bỗng nghe “chàng” nói: “Tiểu Siêu yên tâm, nhân thể đi Thiên Tân công tác, văn phòng đã bố trí toa xe quá giang, hai tiếng đồng hồ nữa chúng ta tạm xa nhau ít ngày... và lúc này cả hai ta đều rảnh rồi, anh mới thực có thì giờ để căn dặn Tiểu Siêu đôi điều, nào ta bắt đầu”.

- Thế mà không nói trước, làm “người ta” cứ tưởng...

Một tiến sĩ xã hội học người Mỹ khi đến thăm Trung Quốc đã hỏi Trịnh Thục Vân - nhân viên bảo vệ sức khỏe cho Thủ tướng:

- Thưa bà, ông Chu Ân Lai nói ra điều gì hầu như các bà đều nghe điều ấy, vì sao ạ, phải chăng ông ta quá đẹp trai và lôi cuốn phụ nữ?

Trịnh Thục Vân trả lời:

- Hoàn toàn không phải như vậy, ngài tiến sĩ phỏng đoán sai rồi, Thủ tướng của chúng tôi có một trái tim đẹp, có những lời nói chân thành, có những hành vi gương mẫu, những gì Thủ tướng yêu cầu chúng tôi thực hiện bản thân ông đều làm được, chính vì vậy mà Chu Thủ tướng nói ra điều gì, chúng tôi nghe điều ấy.

Chu Ân Lai anh tuấn, uy vũ, nhã nhặn, tài trí, lịch lãm, phong độ, đối với người phương Tây cũng như người phương Đông ông quả là một đấng trượng phu, nam tử, một hình tượng dễ khuynh đảo phái nữ. Nhiều phóng viên nhà báo tiếp cận, quan sát Chu Ân Lai với cách bình luận và suy nghĩ của mình đã thêu dệt nên bao chuyện huyền hoặc từng truyền miệng một thời, rằng Gandhi phu nhân phải xiêu lòng trước ma lực của Chu, gọi ông là “Đông phương đệ nhất mỹ nam tử”, rằng Lâm Xảo Trĩ - nữ tiến sĩ lừng danh của Trung Quốc hoàn toàn đã “ngã” vì sức quyến rũ nơi ông.

Những lời bình phẩm như vậy theo chúng tôi còn nông cạn, phiến diện, tuy nhiên đều xuất phát từ lòng sùng ái của người đời đối với Chu. Sức hấp dẫn của Chu Ân Lai tất nhiên không phải là đẹp trai, hay quyến rũ vật chất mà chủ yếu từ sự cao thượng, cao nhã, cao khiết và cao tuyệt của tâm linh, trong Hán ngữ là “tứ cao”, ý tứ rất hàm súc khó diễn đạt một cách nôm na. Đúng là Lâm Xảo Trĩ (1901-1983-ND) đã có câu nói trứ danh: “Xưa kia tôi tín ngưỡng Thượng đế, ngày nay Thượng đế của tôi chính là

Chu Ân Lai!”), bà kể lại câu chuyện sau đây về Thủ tướng. “Năm 1949, ngay sau khi vừa mới giải phóng, xây dựng nhà nước nhân dân, Chu Ân Lai mở tiệc mời các nhà khoa học tham dự, nhằm giải quyết tâm lý sợ hãi Cộng sản tạo nên do bị Quốc dân đảng tuyên truyền đầu độc bấy lâu nay, mọi người tìm hiểu lẫn nhau và xoá bỏ hận thù. Lúc đầu tôi định không đi, nhưng một người thân khuyên mãi nên cuối cùng đành chấp thuận và cảnh tượng không bao giờ phai nhạt được trong tôi đã hình thành ở bữa tiệc này. Chu Ân Lai đưa tay chào đón một vị giáo sư nổi tiếng, cho phép tôi được giấu tên, nhưng vị giáo sư đã từ chối không bắt tay cùng Thủ tướng, trong giây lát ấy Chu Ân Lai đã xử sự một cách cao thượng, khiến cả phòng tiệc ai ai cũng phải ngã mũ bái phục, ông không lạnh lùng, không phần nộ, không khinh bạc mà tỏ ra độ lượng, ung dung tự tại, thể như người mẹ đối với đứa con lầm lạc, thể như người thầy đối với cô cậu học trò nghịch ngợm, tóm lại, Chu Ân Lai có một phong độ lãnh tụ và anh chị em trí thức chúng tôi đã “ngã” trước ông ngay từ ngày ấy. Ông quả là một nhà hiền triết Đông phương”.

Năm 1962, nhân ngày 8 tháng 3, Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu mời một số đại biểu nữ về nhà ăn cơm thân mật, chị em rất phấn khởi và chuẩn bị sẵn sàng máy ảnh, tranh thủ dịp này để ghi lại những tấm hình kỷ niệm với Thủ tướng, có thể nói là Thủ tướng đã bị chị em “tranh giành” đến “mệt nhoài”, nhưng ông vẫn vui vẻ không hề từ chối. Hầu Ba là nữ nhiếp ảnh gia của Trung Nam Hải, là “người trong nhà” mà hăng hái không thua ai và buộc chị cả Đặng phải lên tiếng:

- Hầu Ba! Chưa đủ hình hay sao mà bấm nhiều vậy? - Chu Ân Lai rất nhanh nhạy, tế nhị, giữ cho nhiệt tình của khách nữ không bị suy giảm bởi câu nói “rất đàn bà” kia của Đặng Dĩnh Siêu, ông “hoà giải”.

- Nào, ai chụp ảnh xong, xin mời vào bàn, hôm nay chị cả mở tiệc mời các cô nhân ngày Tết của phụ nữ.

Không khí vẫn hồ hởi như cũ, Chu Ân Lai lườm Hầu Ba và cô thầm nói: Thủ tướng thật tài tình, ở lĩnh vực nào cũng xuất sắc, người không bao giờ thất lễ với phái nữ. Nhiều năm sau này Đặng Dĩnh Siêu đau ốm luôn, Chu Ân Lai tuy bận rộn công việc của nhà nước, nhưng vẫn dành thời gian chăm nom vợ, làm trọn đạo tào khang, an ủi người bạn đời, đồng tâm, đồng chí. Phần chị cả của chúng tôi, chị luôn căn dặn: “Chu Ân Lai là người của toàn dân, chị không thể tự tư một mình, các em hãy đừng làm phiền Thủ tướng của chúng ta”.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đặng Dĩnh Siêu dùng sức lực toàn thân để giữ chặt lọ tro Chu Ân Lai - phần vật chất cuối cùng còn lại của chồng, lần đầu tiên bà gọi ông là đồng chí. “Đồng chí Ân Lai, xin hãy an nghỉ!”

Ngày ấy dân nước chúng tôi truy điệu Chu Ân Lai ở đài liệt sĩ, ở mỗi đường phố, làng quê, căn hộ và trong những con tim.

## 9. MAO CHỦ TỊCH VÀ CHU ÂN LAI

Một cuốn sách, thậm chí cả một bộ sách cũng viết không hết, nói không cùng về đề tài Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, bởi vì lịch sử đã liên kết hai danh tính này lại với nhau, trở thành nội dung bình phẩm, ngợi ca, phê phán, đánh giá của nhiều thế hệ đời sau. Tôi chỉ dám từ những việc mắt thấy tai nghe, thông qua cảm thụ hoàn toàn cá nhân ghi ra đây đôi điều nhận thức và cách nhìn về chủ đề vô cùng lớn lao nêu trên.

Văn hoá Trung Quốc có một loại di sản, phải nói là rất đồ sộ, ấy là “trung quân”. Nhiều câu chuyện về “trung quân” từng kinh thiên động địa, từng khiến cho quỷ khóc ma hồn đã xảy ra khi biến động giữa minh chủ khai quốc và hôn quân vong quốc. Di sản “trung quân” ấy luôn luôn ảnh hưởng đến nền chính trị, nền văn hoá của Trung Quốc và đạo đức, tình cảm của nhân dân Trung Hoa.

Chu Ân Lai của chúng tôi cũng không ngoại lệ.

“Trung quân” thường được xem là mỹ đức để ca tụng, nhân dân nước tôi hôm nay vẫn có thể cảm thụ ảnh hưởng của nó từ trong sách vở thư tịch, tác phẩm sân khấu và đặc biệt từ biết bao câu chuyện được truyền tụng bất tử, người ta vẫn lấy “trung” và “bất trung” làm tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá nhân phẩm của một con người, một nhân vật.

Chu Ân Lai đối với Mao Trạch Đông quả thực là trung thành bất nhị, sự trung thành có một không hai và có thể dùng ba chữ “Chu Ân Lai” làm tính từ cho một loại trung thành mà chúng tôi sẽ trình bày ở chương này. Nhưng vì vào những năm cuối đời, Mao Trạch Đông đã phạm sai lầm nghiêm trọng, vì giới trí thức Trung Quốc từ phong trào “Ngũ tứ” luôn một mực hô hào yêu cầu “Đức tiên sinh” và “Trại tiên sinh”, cho nên có người lên tiếng phản đối sự trung thành của Chu Ân Lai đối với Mao Trạch Đông.

Ở đây xin được mở ngoặc để giải thích tên tuổi của hai vị “tiên sinh” mà lớp lớp trí thức Trung Quốc bao đời nay mong mỏi, ấy là Democracy và Science, Dân chủ và Khoa học, dùng Hán ngữ phiên âm tên của hai “vị” hời Ngũ tứ quen gọi là “Đức” và “Trại”. Phê phán hoặc lên án, tất cả chẳng hề gì, bởi vì di sản văn hoá cứ thế vẫn tồn tại, vẫn tiếp tục chi phối một cách quan trọng nền chính trị, tỷ như Khổng Tử và Đạo Nho do ông sáng lập, cho dù bạn muốn làm gì hay nói gì, mấy ngàn năm nay vẫn cứ đồng hành với dân tộc Trung Hoa, hoà tan trong đạo đức của nhân dân, ngưng kết

thành bao chiến công hiển hách v.v... Tóm lại, tùy tình thế khác nhau mà di sản văn hoá có một hình thức xuất hiện tương ứng, còn nội dung bản chất vẫn hoàn toàn bất tử, không hề thay đổi.

Những ngày tháng đàm phán ở Trùng Khánh, tôi phục vụ Chu Ân Lai bay đi bay lại giữa bầu trời Diên An - Trùng Khánh tổng cộng tới 23 lần. Lúc bấy giờ ông là Phó chủ tịch, luôn luôn trong trạng thái nỗ lực và khẩn trương, không nghĩ đến ăn, không nghĩ đến ngủ, tất cả chỉ nhằm một mục tiêu: Mao Trạch Đông thân hành đến Trùng Khánh trực tiếp đàm phán. Chu Ân Lai từng trầm tư và bảo tôi nhiều lần: “Phải đưa Chủ tịch đến Trùng Khánh!”. Tôi như trong mơ màng bỗng dưng tỉnh dậy và la lên một tiếng: “Sao”. Chu Phó chủ tịch mỉm cười: “Hà phó quan ngạc nhiên lắm phải không? Thế là rất tốt, điều đó chứng tỏ Quốc dân đảng cũng nhất định bất ngờ, họ chưa chuẩn bị gì cả, họ vẫn nghĩ Chủ tịch không dám đi Trùng Khánh, còn tôi, còn chúng ta mọi việc đã sẵn sàng, và cục diện rồi Hà phó quan sẽ rõ, sẽ nhìn thấy họ thua như thế nào”.

Thực tế diễn tiến về sau đều chứng tỏ Chu Ân Lai nói trúng và nói đúng. Mật tin truyền đạt cho các đồng chí của chúng tôi ở Trùng Khánh, mọi người không dám tin điều đó, tôi báo cáo lại với Chu:

- Thừa Phó chủ tịch, các đồng chí đều ngạc nhiên và không đồng ý để Mao Chủ tịch đến Trùng Khánh ạ.

- Ở các khu giải phóng, ý kiến cũng như vậy.

- Hay là chúng ta khuyên can Mao Chủ tịch?

- Không! - Chu Ân Lai cương nghị, - 20 năm nay, chưa một ngày nào Tưởng Giới Thạch từ bỏ ý định tiêu diệt chúng ta, 20 năm đã không diệt nổi thì lần này cũng vậy, không làm gì được chúng ta, không làm gì được Mao Chủ tịch!

Chu nói một cách rất tự tin và lời cuốn thuyết phục tôi. Ông nói tiếp: “Mao Chủ tịch thân hành tới Trùng Khánh, tin này sẽ làm náo động Diên An, Trùng Khánh, các khu giải phóng, cả hậu phương, cả Trung Quốc và thế giới nữa. Gan giết người của Tưởng Giới Thạch làm gì dám sánh nổi gan không sợ hy sinh của Mao Chủ tịch, người vì cả dân tộc, người vì toàn thể nhân dân. Tưởng Giới Thạch dám to gan bẻ nạng chống trời? Sức mấy!” Chu Ân Lai càng nói, càng xúc động, trước mắt tôi, giờ đây ông như một võ tướng với uy vũ “râu hùm hàm én”.

Thời khắc Mao Chủ tịch đặt chân tới Trùng Khánh, mảnh đất này như sôi sục, như trào dâng, những vị đứng đầu các đảng phái dân chủ tiên bộ, phóng viên trong và ngoài nước, quan phương sĩ tướng của Quốc dân đảng,



đồng bào đồng chí Trùng Khánh đều hoan nghênh Người và trong tôi bỗng vang lên lời nói đầy vẻ anh hùng: Tưởng Giới Thạch, người định ám hại Mao Trạch Đông ư? Thì hôm nay Mao Trạch Đông đã tới, người hãy hành động đi... Nay nghĩ lại, dũng khí và lòng tin bản thân chưa phải là an toàn, Chu Ân Lai biết rõ điều đó và lúc bấy giờ ông phải suy nghĩ chu đáo kín kẽ, hành động cương quyết thận trọng, nỗ lực tối đa vì Mao Chủ tịch - hình tượng của Trung Cộng chúng tôi! Về phương diện bảo vệ an toàn, tất nhiên những nhân viên bảo vệ có vai trò đặc biệt quan trọng, nhưng ngoài họ ra còn phải bố trí đám vệ sĩ. Theo cổ thư, vệ sĩ lo mọi điều cho chủ soái, ăn ngủ đi lại, sau mới đến vòng ngoài những hộ vệ mang dao gọi là “ngự tiền tứ phẩm”. Chu Ân Lai nghiên cứu sách vở cổ kim, rồi tự nói với mình: “Phải có loại vệ sĩ, cảnh vệ như rồng, như hổ”.

- Hà phó quan, ý kiến của anh như thế nào? - Nghe Chu Ân Lai lẩm bẩm một mình, đoán ra ý đồ của ông, tôi mạnh dạn báo cáo:

- Mao Chủ tịch là rồng thật, cho nên bên mình người cũng phải là cảnh vệ rồng ạ.

- Đúng, phải là rồng và có đủ 3 con!

Chu Ân Lai quyết định chọn 3 đồng chí là Trần Long, Long Phi Hổ, Nhan Thái Long - 3 con rồng luôn luôn quán quýt bên cạnh Chủ tịch, đi cùng xe, ngồi cùng bàn, ăn cùng món, không rời khỏi Mao nửa bước, nửa giây. Tại phi trường Trùng Khánh, lúc chờ máy bay đưa Mao Trạch Đông từ Diên An đáp xuống, Chu Ân Lai dặn tôi:

- Chủ tịch tới, Hà phó quan đừng lo gì cho tôi nữa, chúng ta cùng hiệp sức bảo vệ Người.

Chu Ân Lai hộ tống Mao Trạch Đông rời khỏi phi trường, trước sau tả hữu đều có xe của hiến binh Quốc dân đảng bảo vệ. Ngay hôm ấy, Tưởng Giới Thạch mở tiệc khoản đãi và Mao Trạch Đông nghỉ tại công quán Tưởng gia trên núi Ca Lạc, Chu Ân Lai yên tâm, vì có diên đi nữa Tưởng cũng không dám ám hại “khách” trong nhà của mình. Ngày thứ hai, Mao chuyển về thôn Hồng Nham, ngồi bên cạnh ông là Trần Long và Long Phi Hổ, trước và sau vẫn xe của Quốc dân đảng, chúng tôi lo lắng vì lúc nào cũng có quân đội Tưởng kẻ kẻ sát nách Chủ tịch, Chu Ân Lai giải thích:

- Các đồng chí nghĩ như vậy là không đúng, nơi đây thuộc phần đất của người ta, họ làm chủ, giao trách nhiệm cho chủ bảo vệ khách, mới thực thượng sách.

Như đã giới thiệu ở nhiều chương trước, thôn Hồng Nham nằm ở ngoại ô Trùng Khánh, là nơi thanh tịnh để bảo vệ, nhưng Chu Ân Lai vẫn

“giao kèo” với tôi và Tưởng Trạch Dân: “Từ thôn Hồng Nham ra đến đường cái quan dài đúng một cây số, trên đoạn đường này tôi giao nhiệm vụ hai đồng chí bảo vệ đưa đón, nếu để xảy ra việc gì, trách nhiệm hoàn toàn thuộc về các đồng chí, Hà phó quan và Tưởng phó quan rõ chưa?”

- Rõ, thưa Chu Phó chủ tịch!

Tôi và đồng đội vô cùng lo lắng. Hồi “văn cách”, người ta nói “mỗi câu của Mao Chủ tịch phát ra địch nổi những vạn lời, ngàn ý”, có lẽ hơi thổi phồng, phóng đại, còn ở Trùng Khánh “một cây số như là muôn dặm” quả không sai tí nào, đoạn đường ấy sao mà dài, sao mà nặng nề vậy. Chu Ân Lai chỉ lên bản đồ và căn cặn: “Xuất phát chỗ này và kết thúc chỗ kia, hai đồng chí nhớ cho kỹ. Xe của Chủ tịch ra khỏi cổng thôn Hồng Nham, hai đồng chí giao cho hiến binh Quốc dân đảng, thế là hoàn thành nhiệm vụ lượt đi và chuẩn bị đón lượt về”. Cứ như vậy trên từng cây số mà Mao Trạch Đông đi về đều có cảnh vệ do Chu Ân Lai bố trí. Về khoản ăn uống do “đầu bếp” Diên An phụ trách nấu nướng, Chu Ân Lai chủ trương “không kể ngon dở, chỉ cần an toàn, phòng tránh độc hại là được”. Lúc đi dự yến tiệc, Chu đưa ra nguyên tắc mọi người dùng món nào Chủ tịch dùng món ấy là luôn luôn “tiền chủ hậu khách”. Riêng về uống rượu thì Chu “liều mình cứu chúa” và anh em cảnh vệ, vệ sĩ thương ông đến phát khóc, Chu Ân Lai sợ “trong rượu có tay chân của kẻ địch” nên nhất mực không để cho Mao Trạch Đông chạm môi. Ngày ấy tôi đã khóc vì thương Chu Phó chủ tịch xả thân gánh rượu thay Mao, và 30 năm sau tôi lại khóc khi Giang Thanh phát động “phê Chu công”. Nhớ lúc Mao Trạch Đông đi Trùng Khánh, Giang Thanh đã từng chứng kiến mọi việc làm của Chu Ân Lai, thị nói: “Ân Lai quan tâm Chủ tịch còn hơn người nhà chúng tôi”, thế mà giờ đây thị ngang nhiên hành hạ Ân Lai và Chủ tịch không một lời can gián.

Mao Trạch Đông là người của công việc lớn, ông ngày đêm nghĩ cách làm thế nào dựa vào những nhận thức của mình đối với thế giới và quy luật để thúc đẩy cách mạng một cách sâu hơn, rộng hơn; bằng ý chí và niềm tin của mình để khai phá, mạo hiểm và sáng tạo nên thế giới mới, đẹp đẽ hơn. Mao không chú ý đến những hy sinh và giúp đỡ của người khác vì mình, cho mình, ông nhận thức rằng, tất cả những cái đó đều là hành động cách mạng, không có quan hệ hay tình nghĩa cá nhân. Sau năm 1949, tôi quan sát Mao Trạch Đông chỉ đến Tây Hoa sảnh đúng một lần, có lẽ ông ngại những việc làm “đàn bà” như vậy. Ông bắt Chu Ân Lai làm thủ tướng chung thân, cho dù Chu có mắc bệnh ung thư, cho dù Chu nằm liệt giường không thể thiết triều, ông không đến thăm Chu, nhưng không để ai thay chức Thủ

tướng, phải chăng đó là sự tín nhiệm, cảm kích, tôn kính hay giải bày lòng mình đối với kẻ tôi trung? Còn Chu Ân Lai, đúng là một đời đã tận tâm vì Mao Trạch Đông. Có thể nói hồi ở Trùng Khánh, Chu là người cảnh vệ số 1 của Mao! Ông lo lắng mọi việc ăn, ở, đi lại cho Mao, hằng đêm ông tuần tra bên ngoài hành lang phòng nghỉ của Mao, sợ Mao mất ngủ, ông tháo giày chỉ mang mỗi vớ, không gây nên tiếng động, thật như một a hoàn ngoan ngoãn..

Ngày 8 tháng 10 năm đó, đúng 3 hôm trước khi Mao Trạch Đông trở về Diên An thì Lý Thiệu Thạch - thư ký tiếng Anh của Chu Ân Lai không may bị trúng đạn tử vong, bỏ lại người vợ góa Liêu Mộng Tĩnh (con gái Liêu Trọng Khải). Hôm ấy, Liễu Á Tử đến văn phòng tìm gặp Chu Ân Lai, Chu bận tháp tùng Mao Trạch Đông dự tiệc rượu do Trương Thị Trung thiết đãi, tiễn đưa Mao trở về khu đỏ, nên dặn Lý ở nhà tiếp Liễu thay mình. Chuyện trò xong, Lý tiễn Liễu, quay xe về văn phòng không may va quệt làm bị thương một binh sĩ Quốc dân đảng, người lái hoảng quá vẫn cho xe gia tốc và “đoàng” 3 tiếng, Lý Thiệu Thạch trúng đạn, đưa đến bệnh viện thì anh tắt thở.

Tiệc tàn và Chu Ân Lai đưa Mao Trạch Đông đi xem kịch với Trương Thị Trung, màn vừa mở thì Long Phi Hổ đến nói thầm với Chu: “Thưa Phó Chủ tịch, sinh chuyện rồi, đồng chí Lý Thiệu Thạch bị ám hại!”. Chu lập tức cho mời Tư lệnh hiến binh Quốc dân đảng là Trương Trấn tới, yêu cầu ông ta bằng mọi cách bảo vệ Mao Trạch Đông được an toàn tuyệt đối, rồi đến bệnh viện vĩnh biệt Lý Thiệu Thạch, giải quyết đền bù thuốc men cho binh sĩ bị xe tông và kháng nghị nhà đương cục về hành vi ám hại người của chúng tôi.

Hiệp định Song Thập không đi đến kết quả, Mao Trạch Đông an toàn trở về Diên An, Chu Ân Lai thờ phào nhẹ nhõm, ông cho mở tiệc cảm ơn Trương Trấn và binh sĩ Quốc dân đảng đã có công bảo vệ Mao Trạch Đông trong thời gian ở Trùng Khánh. Tôi chú ý quan sát và thật cảm động trước sự quan tâm lo lắng của Chu Ân Lai đối với Mao Trạch Đông, tỉ mỉ và cẩn trọng vô cùng. Chu Ân Lai là người phản đối tổ chức mừng sinh nhật, năm 1960 lúc ông 62 tuổi, tôi và Tôn Duy Thế bí mật sắm lễ, kết quả bị Thủ tướng “trừng phạt”. Nhưng ngày 26 tháng 12 năm 1974 - lần sinh nhật của Mao Trạch Đông, tuy đã bị ung thư, Chu Ân Lai vẫn nâng ly chúc thọ Mao với một thái độ trung thành bất nhị, ông kính Mao chén rượu cuối cùng của đời mình.

Thời kỳ Trùng Khánh đã có phóng viên phỏng vấn Chu Ân Lai: “Thưa Chu tiên sinh, trước đây tiên sinh từng làm việc dưới sự lãnh đạo của Trần Độc Tú, Cù Thu Bạch, Vương Minh v.v... còn bây giờ là ông Mao, tiên sinh giải thích như thế nào về sự thay đổi này?”.

Chu trả lời, đại ý như sau: “Ai đại biểu nhân dân, ai đại biểu cho lợi ích căn bản của cách mạng, tôi chọn người đó”.

Riêng cá nhân tôi, tôi cho rằng, muôn hiểu được quan hệ của Chu Ân Lai đối với Mao Trạch Đông, chúng ta hãy xem cái huy hiệu mà Chu luôn luôn đeo trên ngực, một phần ba diện tích là hình ảnh Mao, còn hai phần kia chới ngời năm chữ “vì nhân dân phục vụ”.

Trịnh Thục Vân kể lại: Hồi mới “văn cách”, một hôm tôi đi làm và nhìn thấy Thủ tướng ngồi tư lự trước một loạt huy hiệu hình Mao Chủ tịch chắt ngắt trên bàn, Thủ tướng hỏi tôi thích cái nào, tôi phân vân không biết trả lời ra sao thì Thủ tướng nhặt lấy cái có 5 chữ “vì nhân dân phục vụ” chiếm hai phần ba diện tích, Thủ tướng đeo nó cho tới ngày qua đời.

Một nhà báo không hoàn toàn đồng ý với lời kể của Trịnh Thục Vân, ông cho biết, năm 1967 khi đi công tác Quảng Châu, Thủ tướng tới dự một cuộc mít tinh, viên nữ Hồng vệ binh ngăn Thủ tướng ngay tại cổng và nói: “Thưa Thủ tướng, cho phép tôi thay huy hiệu của đồng chí”, Chu Ân Lai không hề sợ hãi nhanh trí đáp lại: “Đồng chí tiểu tướng, nếu đồng chí thích huy hiệu tôi đang đeo, tôi xin tặng lại”, cô gái nọ cũng thật dũng cảm bước lên làm công việc thay huy hiệu trên ngực áo Thủ tướng. Đêm ấy về phòng ngủ, Chu Ân Lai lại đeo loại 5 chữ “vì nhân dân phục vụ” mà ông đã chọn, cái ban đầu nói trên bị tước ở Quảng Châu chứ đâu còn đến ngày tạ thế?

Quả đúng như vậy, Trịnh Thục Vân cũng công nhận, loại 5 chữ “vì nhân dân phục vụ”, Thủ tướng có mấy cái cơ, hẳn ông đã nghĩ tới việc bị tước như ở Quảng Châu, nên phải dự phòng.

Chu Ân Lai trung thành và quý mến Mao Trạch Đông có đặc sắc riêng, để làm rõ những đặc sắc này, người viết xin được so sánh với Lâm Bưu và Đặng Tiểu Bình.

Trong suốt thời kỳ đấu tranh vũ trang, phải nói rằng, trên cơ bản Lâm Bưu đứng về phía Mao Trạch Đông, có chiến công hiển hách so với các nguyên soái khác và được xếp hàng thứ 3 sau Chu Đức - Tổng Tư lệnh, người cùng Mao hội sự tại Tỉnh Cương Sơn sáng lập nên quân đội cách mạng, sau Bành Đức Hoài - Phó Tổng Tư lệnh, mà thời kỳ Vạn lý trường chinh và ở Thiểm Bắc có lúc đã là Tổng Tư lệnh. Ngày nay thường thành kiến mà nói Lâm Bưu thuộc loại “hồ muôn năm trước mặt, nhưng đâm dao

găm sau lưng”. Cách nói như vậy không thật khách quan, toàn diện và làm méo mó sự thật lịch sử. Nếu Lâm Bưu là kẻ tiểu nhân như thế, với sự anh minh, cơ trí cỡ Mao Trạch Đông thì hẳn ông đã không xếp Lâm Bưu vào vị trí thứ 3 trong hàng ngũ nguyên soái và cuối cùng giao cho Lâm làm người kế vị, ghi vào điều lệ Đảng. Tôi có dịp gặp gỡ số anh chị em phục vụ Mao Chủ tịch, họ nói: Lâm Bưu từng trung thành với Mao, không phải “hồ muôn năm trước mặt mà đâm dao găm sau lưng”, ngược lại “dám trực diện đối đầu và hô khẩu hiệu ủng hộ”. Trong những cán bộ cao cấp, chỉ có 2 người dám cãi Mao Trạch Đông, đó là Bành Đức Hoài mà ở hội nghị Lư Sơn từng “kéo mũ Mao, cạo trọc đầu, ngang nhiên chửi thề với ông ta” và cả nước đều đã biết, người thứ hai - Lâm Bưu, song không phải ai cũng rõ cả.

Ở Tỉnh Cương Sơn, trên đường trường chinh, khi kháng Nhật và hồi đầu tranh giải phóng, Mao, Lâm tranh luận nhau khá gay gắt.

Mao nói:

- Thăng nhóc, anh thì hiểu cái quái gì?

Còn Lâm:

- Đồng chí hiểu thì tôi hiểu, đồng chí chỉ nghe nói, tôi mới là người nhìn thấy ở chiến trường, ở tiền tuyến!

Thời giải phóng Đông Bắc, Lâm Bưu đánh trận thật xuất sắc và nhiều lúc bất đồng với Mao, hai người tranh luận, cuối cùng phải dùng kết quả thực tế làm trọng tài. Lâm Bưu cãi nhau cùng Mao, thái độ hoàn toàn khác Bành Đức Hoài, ông rất trầm tĩnh với câu nói cổ điển: “Không phải như thế, thưa Chủ tịch!” và luôn luôn ý mình là người thực tế mất thấy tai nghe... Nhưng từ khi tay cầm cuốn sách đó, đứng bên cạnh Mao Trạch Đông, cùng đám Hồng vệ binh, đám tiểu tướng, đám tạo phản hô vang “muôn năm, muôn muôn năm” thì Lâm Bưu bắt đầu chuyển biến không trung thành và lúc ấy mới thực “trước mặt, sau lưng...” như người đời vẫn nói.

Đêm hoa đăng ngày quốc tế lao động năm 1971, chúng tôi và Thủ tướng phải ra quảng trường Thiên An Môn sớm hơn giờ khai mạc. Đây cũng là cái “tật” của Chu Ân Lai, ông thường “diễn tập” cách đi, cách ngồi, cách đứng v.v... của Mao, chỉ ra những thiếu sót của việc chuẩn bị, yêu cầu sửa chữa ngay, và sau đó quả ứng nghiệm, nếu không làm như Chu thì đã gây ra không biết bao là sự cố. Như thường lệ, chủ soái và phó soái ngồi cạnh nhau, nhưng sao giờ này Lâm Bưu vẫn chưa đến? Điện hỏi văn phòng của Lâm, người ta bảo ông mệt, đêm nay không dự được.

Hồi “văn cách”, lên thành lầu Thiên An Môn được xem như lên sân khấu chính trị, ai đứng đâu, ai ngồi đâu là rất rõ ràng, phản ánh sự tương

quan của quá trình đấu đá vừa qua, ai còn, ai mất v.v... clo đó Chu Ân Lai phải thân hành điện thoại với Lâm Bưu:

- Xin mời Lâm Phó chủ tịch tới dự đêm hoa đăng, nếu mệt, Phó chủ tịch có thể về trước, còn bây giờ khai mạc. Chủ tịch đã đến rồi, thiếu Phó chủ tịch thì kỳ lắm và sẽ ảnh hưởng đến nhân dân cả nước.

Lâm Bưu cuối cùng chấp thuận, nhưng ra điều kiện không cùng Mao bước lên thành lầu.

- Thừa Chủ tịch, Lâm Phó chủ tịch hơi mệt, đêm nay xin đến chậm một tý.

Chu Ân Lai báo cáo, Mao Trạch Đông xem như không có chuyện gì xảy ra, và chỉ nói một câu: “Lâm Bưu lúc nào cũng áp dụng biện pháp chủ nghĩa duy tâm đối với căn bệnh của mình”. Ông nhớ lại ở hội nghị Lư Sơn năm 1970, Lâm Bưu đã cáo bệnh như đêm nay và do đó “ngủ” thấy mùi đã tâm chính trị của Lâm. Đêm ấy Mao Trạch Đông không mặc quân phục nhằm hô hào “toàn quốc học tập Quân giải phóng”, ông chững chạc trong bộ Tôn Trung Sơn màu xám tro, nói chuyện liên hồi với hoàng thân Sihanouk và phu nhân. Lâm Bưu bẽn lẽn ngồi vào vị trí của mình rồi lại bẽn lẽn rút lui lúc nào không hay. Lễ hoàn tất, trở về văn phòng, Chu Ân Lai cho kiểm tra toàn bộ các tấm ảnh mà phóng viên đã chụp, may sao chỉ có mỗi một kiểu của Đỗ Sơn ghi được hình ảnh chủ soái và phó soái, Thủ tướng quyết định dùng nó đăng lên *Nhân Dân nhật báo* số ra ngày mùng 2 tháng 5 để “ổn định đoàn kết”, nhưng trên thực tế nó đã dự báo sự kiện phản bội của Lâm Bưu “ngày 13 tháng 9” mà hồi ấy Chu Ân Lai phải mất trọn 3 ngày 3 đêm mới đập tan tập đoàn Lâm Bưu, bảo đảm an toàn cho Mao Trạch Đông...

Còn Đặng Tiểu Bình, cuộc đời ba lần vào ra Trung Nam Hải của ông đã chứng tỏ tất cả. Có thể nói ông và Chu Ân Lai là những người theo chủ nghĩa Mác - Lê “vụ thực”, họ đều công nhận Mao Trạch Đông là lãnh tụ của nhân dân Trung Quốc, là nhà lý luận cách mạng, họ chưa hề phản đối hệ thống tư tưởng của Mao, chỉ bất đồng trên quyết sách, biện pháp cụ thể sai lầm do Mao gây nên, ví như Mao “lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh” biến mâu thuẫn nội bộ thành mâu thuẫn địch ta và áp dụng thủ đoạn “đả đảo”, “thanh trừ” kết quả là cả một tấn bi kịch lịch sử. Mỗi khi có bất đồng, có phân kỳ với Mao, mức độ càng nghiêm trọng thì thái độ và cách xử trí của Chu và Đặng càng khác nhau. Chu Ân Lai làm việc bên cạnh Mao phải đến 40 năm, sở trường sở đoản của Mao ông tường tận hơn Đặng Tiểu Bình. Nhưng Đặng không mê tín Mao như kiểu Chu Ân Lai, cho nên

ông nhận thức tính chất và nguy cơ những sai lầm của Mao phạm phải lại sâu sắc hơn. Tính cách Chu Ân Lai như ly rượu Thiệu Hưng dễ được tiếp nhận, bản thân ông nhẫn nại, hàm súc, còn Đặng Tiểu Bình như quả ớt Tứ Xuyên, cay, nóng và làm cho người ta phải xuýt xoa. Chu Ân Lai một mực tuân thủ kỷ luật, chấp hành vô điều kiện quyết nghị của Đảng, Đặng Tiểu Bình khi đã nhìn rõ mục tiêu thì dám hy sinh và phá vỡ những công thức, khuôn phép từng được thần thánh hoá. Tất cả những sự khác biệt đó đã quyết định vận mệnh của từng người. Tháng 8 năm 1980, khi trả lời nhà báo Italia, Đặng Tiểu Bình đã nói: “Chu Ân Lai như người anh của tôi, ông được đồng bào đồng chí tôn kính, ông không bị đánh đổ trong Cách mạng văn hoá, đó là một hồng phúc. Thuở ấy ông lâm vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn, nói và làm khác với bản thân mình, nhưng nhân dân hoàn toàn thông cảm, vì không nói và làm như vậy thì ông đã không đứng vững, không phát huy tác dụng của mình để giảm thiểu tổn thất và bảo vệ một lớp người cho sau này”.

Cuộc đời của Chu, của Đặng, người thế này, người thế kia, âu cũng là “thụ mệnh dự thiên”, trời ở đây chính là sự lựa chọn của lịch sử, sự lựa chọn của nhân dân. Một khi nhân dân không thể sống bằng khẩu hiệu, một khi động lực thúc đẩy lịch sử không còn là những lý luận suông thì sự chọn lựa Đặng Tiểu Bình là điều tất nhiên, nhưng trước đó, trước Đặng, Mao Trạch Đông đã khai thiên phá thạch, làm “sạch sẽ” 9 triệu 600 ngàn cây số vuông quốc thổ để hôm nay thực hiện công cuộc hiện đại hoá.

Sau ngày Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đều qua đời, trong xã hội dấy lên một luồng gió đề cao Chu, hạ thấp Mao. Một đồng chí cách mạng lão thành khẳng khái mà rằng, nếu phủ định Mao Trạch Đông thì Chu Ân Lai còn “cao” được không?

Đặng Dĩnh Siêu cũng nói: “Các đồng chí không nên làm như vậy, có lúc nào Chu Ân Lai phản đối Mao Chủ tịch đâu, các đồng chí đã hiểu Chu Ân Lai rất rõ, đường lối đúng Ân Lai đúng, đường lối sai Ân Lai sai”.

Năm 1971, lúc xảy ra sự kiện Lâm Bưu, tại Đại lễ đường Nhân dân, sau khi nghe Chu Ân Lai chính thức thông báo toàn bộ mưu đồ của tên phản nghịch, mọi người hân hoan bao quanh ông và ai đó đã nói: “Thưa Thủ tướng, đồng chí đã mang lại hạnh phúc cho nhân dân”. Thủ tướng sửa ngay. “Không nên nói như vậy, đó chẳng qua là công việc cụ thể do Mao Chủ tịch lãnh đạo mà tôi phải tận tâm thực hiện”. Khi cùng Nixon đàm phán ở Bắc Kinh, hai bên không đi đến kết quả, chủ yếu là vấn đề Đài Loan, Chu Ân Lai bèn mời Tổng thống Mỹ đi thăm Thượng Hải và tiếp tục

đàm phán. Với tài trí thông minh và kinh nghiệm dày dặn của mình, Thủ tướng đã đưa Nixon đi đến “Công báo Thượng Hải”, phá vỡ sự phong toả của chủ nghĩa đế quốc trong hơn 20 năm qua đối với Trung Quốc. Một bình luận gia người Mỹ đã nói: “Nếu không có ông ta, thì Trung Quốc đã chắc gì thuận lợi như vậy khi đặt quan hệ hữu hảo với quan phương và công chúng Hoa Kỳ”. Công báo dự thảo xong, Chu điện thoại về Bắc Kinh xin ý kiến Mao, Chủ tịch đang ngủ, ông không dám quấy rầy vì người chưa hồi phục sức khoẻ sau một cơn bệnh nặng, Thủ tướng đi vòng quanh bàn làm việc, suy nghĩ, chờ đợi và cuối cùng do tính chất khẩn cấp nên Chu Ân Lai mạnh dạn chịu trách nhiệm đánh thức Mao Trạch Đông trở dậy, ra quyết định tối hậu... Đó là đức tính tôn kính Mao Trạch Đông mà Chu Ân Lai luôn luôn giữ gìn từ hội nghị Tuân Nghĩa lịch sử cho tới khi qua đời.

Phần cuối của chương này xin được nói đôi điều về quan hệ của Thủ tướng với Giang Thanh và lập đoàn cực tả trong Đảng. Phương châm tổng quát của ông là: anh nói việc anh, tôi làm việc tôi, không tranh cãi hoặc im lặng, sau này ra sao thì cứ như thế ấy. Cách của ông hầu như khác Đặng và do kết quả hoàn toàn không giống nhau, nhưng nhân dân đã thông cảm ông vì mỗi người một hoàn cảnh. Thời Diên An, Giang Thanh ưa tìm đến Chu Ân Lai, nhất là những lúc cãi nhau với Mao Trạch Đông, bà thường “tổ khổ” với Chu và nhờ ông dàn xếp mâu thuẫn gia đình mình. Cũng như nhiều người hồi ấy, mỗi khi học tập có điều gì tâm đắc thu hoạch, mỗi lần bước vào một công tác, dự định nào đó hoặc gặp gỡ khó khăn trở ngại, Giang Thanh đều báo cáo và thỉnh thị Chu Ân Lai cho ý kiến, bởi vì ông được toàn đảng công nhận là một con người ôn hoà, lương thiện, chính trực, nhẫn nại, thông minh. Đó là thời kỳ mà nội bộ đảng rất nghiêm túc, rất đoàn kết, chưa mắc bệnh a dua nịnh bợ, đả kích báo thù và Giang Thanh chưa có biểu hiện gì là ranh mãnh, độc địa. Giang Thanh tự tiện cho thay đổi thăm nhà và rèm cửa căn hộ của mình ở Quảng Châu, sự việc bị vợ của Trần Vân phát hiện báo cáo Trung ương và cuối cùng Giang tiếp thu phê bình không dám nói năng gì cả. Chu Ân Lai chưa phải đối phó với Giang Thanh, quá lắm là khuyên can bà hãy vì danh dự của Mao Chủ tịch.

Đầu những năm 50, giữa Giang Thanh và Vi Minh - thư ký của Thủ tướng - xảy ra mâu thuẫn. Khi ấy cuộc kháng Mỹ viện Triều đang rất căng thẳng, Thủ tướng lâm bệnh vừa mới đỡ, chúng tôi chiếu phim vui, mời ông giải trí thư giãn. Phòng chiếu tắt đèn, tiếng máy kêu xè xè và màn bạc bật sáng thì chuông điện thoại réo liên hồi, Vi Minh vội chạy ra cầm ống nói và nghe oang oang:



- Tôi là Giang Thanh xin mời Thủ tướng nghe điện thoại.

Vi Minh chột dạ, Thủ tướng vừa hơi đỡ, nghỉ một lát cũng không được, cô mạnh dạn trả lời:

- Thủ tướng mệt, đang xem phim giải trí, việc của chị có gấp không, nếu không gấp xin để cho Thủ tướng xem hết phim, rồi sẽ gọi với chị sau.

Giang Thanh là thư ký của Mao Trạch Đông, còn Vi Minh là thư ký của Chu Thủ tướng, cách trao đổi như vậy giữa các thư ký là bình thường, nhưng Giang Thanh lại vừa là đệ nhất phu nhân, cho nên dù Vi Minh có lịch sự khách sáo đến mấy bà ta cũng cảm thấy méch lòng, giận dữ:

- Đó là ý của cô hay là ý của Thủ tướng?

Vi Minh không sợ gì thân phận, với bông bột của tuổi trẻ, cô đáp luôn:

- Vậy mời Thủ tướng nghe điện thoại là ý của chị hay là ý của Chủ tịch?

- Cô không cần biết! - Giang Thanh phát hỏa và Vi Minh đập máy. Giang quay lại điện thoại và trách cứ Vi: - Tại sao cô đập máy?

- Vì chị bảo không cần biết - như sợ sinh chuyện nên Vi Minh phải làm lành, vào mời Thủ tướng ra tiếp điện thoại. Chúng tôi theo dõi đứng gần 1 tiếng đồng hồ, Thủ tướng tôi thật nhẫn nại, gặp Đặng Tiểu Bình thì chắc không quá 1 phút.

- Thưa Thủ tướng, chị ta rắc rối quá! - Tôi phàn nàn với Chu vì Giang Thanh mà bỏ dở bộ phim, ông vui vẻ trả lời:

- Giang Thanh vừa xem xong một kịch bản và trao đổi với tôi về những cảm tưởng của mình...

Sau vụ đòi co trên máy điện thoại với Vi Minh, Giang Thanh viết bản cáo trạng 2000 chữ chụp mũ cho Vi, Chu Ân Lai phải làm trọng tài phân xử, cả hai đều có khuyết điểm và cần tự phê bình, Giang cũng ngoan ngoãn chấp thuận, may mà sự việc xảy ra hồi đó chứ đợi đến lúc “văn cách” thì thân xác Vi Minh không biết sẽ tan ra bao nhiêu mảnh.

Thời “văn cách”, Chu Ân Lai xem Giang Thanh như một nhân vật để đối xử, lý do đơn giản là Mao đã sử dụng bà ta cũng như một nhân vật. Cuối năm 1966, Mao triệu tập hội nghị, ngồi bên trái ông là Giang Thanh, Khang Sinh, Trần Bá Đạt, Trương Xuân Kiêu và đám binh mã “văn cách”, còn bên phải - Chu Ân Lai, Đào Chú, Diệp Kiếm Anh và những cán bộ lão thành. Mao Trạch Đông giơ tay trái chỉ đám “văn cách”: “Đối với cán bộ già bao gồm số lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành phố, khu tự trị, không nung không đốt không được, phải tiếp tục đổ thêm dầu, quạt thêm gió”.

Đoạn, ông phất tay phải về phía Chu Ân Lai, Đào Chú và nói: “Nhưng không được đốt thành tro, phải biết khống chế gió, dầu, và cứu người ra khỏi nơi nước sôi lửa bỏng đó”.

Đây là nghệ thuật lãnh đạo của Mao Trạch Đông, ý định của ông không chủ mưu đả đảo lớp cán bộ già mà chỉ nung đốt họ, biến họ từ những Bò Tát đất bùn thành Bò Tát sành sứ và qua được sông nước. Nhưng Giang Thanh và băng nhóm của bà quyết “đốt thành tro”, còn Thủ tướng thì trăm phương ngàn kế “cứu người ra khỏi nơi nước sôi lửa bỏng”, mâu thuẫn Chu - Giang là không tránh khỏi.

Trung tuần tháng 3 năm 1968, theo chỉ thị của Mao, Chu chủ trì hội nghị thảo luận giải quyết vấn đề Đông Bắc, Giang Thanh được mời tham dự.

Khoảng nửa giờ trước khi khai mạc, thư ký của Giang Thanh là Tôn Chiếm Long gọi điện thoại cho Thành Nguyên Công - Phó giám đốc sở cảnh vệ thuộc Cục bảo vệ Trung ương Đảng, báo rằng: Giang Thanh vừa ngủ dậy, chưa ăn uống gì cả, đề nghị ban tổ chức hội nghị chuẩn bị bữa ăn cho bà, ăn xong sẽ họp. Thành Nguyên Công báo cáo Uông Đông Hưng - Chánh văn phòng Trung ương Đảng kiêm Cục trưởng Cục bảo vệ. Uông đồng ý, người dự họp mời vào sảnh tiếp khách của Đại lễ đường Nhân dân, còn cơm nước cho Giang Thanh dọn sẵn ở sảnh Tiểu Sơn Đông. Giang Thanh đến chậm 15 phút, Uông Đông Hưng và Thành Nguyên Công đứng chờ ở cửa sảnh, bước lên báo cáo:

- Thưa đồng chí Giang Thanh, hội nghị ở sảnh tiếp khách, bữa ăn của đồng chí chuẩn bị tại sảnh Tiểu Sơn Đông, đồng chí dùng tí gì đã.

Giang Thanh lờm Uông và Thành, rồi vênh vác bước vào phòng họp, chuẩn bị mở máy “hôm nay tôi thay mặt Chủ tịch” và dương dương tự đắc là “kỳ thủ” (người cầm cờ). Bà quay sang hỏi Chu Ân Lai:

- Các người họp gì mà bố trí Thành Nguyên Công ngăn tôi ở cửa?

- Họp giải quyết vấn đề Đông Bắc theo chỉ thị của Chủ tịch! - Chu Ân Lai trả lời.

- Có thật không? Các người định giấu tôi nên cử cảnh vệ canh phòng, thưa Thủ tướng, Thủ tướng có ý gì vậy? - Giang Thanh châm biếm.

- Hoàn toàn không có ý gì cả, mọi người ở đây sẽ làm chứng! - Chu Ân Lai tức giận.

- Tôi không tin! - Giang Thanh gào lên.

- Tôi tuyên bố - Thủ tướng cương quyết - hội nghị của chúng ta hôm nay tạm hoãn, mời Đông Hưng, Thành Vũ, Lý Tác Bằng ở lại giải quyết với

đồng chí Giang Thanh về sự hiểu lầm.

Giang Thanh loanh quanh, khi gọi đến Tôn Chiêm Long đổi chất, công nhận là bà có bảo chuẩn bị bữa ăn, thì Giang Thanh hét tới tấp vào thư ký của mình: “Ngu, cú!”. Giang Thanh thua cuộc nhưng vẫn hăm dọa Thủ tướng: “Người của Thủ tướng đều là hạng sói lang, cầu chó, như Tôn Duy Thế, như Thành Nguyên Công, Thủ tướng hãy coi chừng!”. Thật không ngờ, đệ nhất phu nhân lại nói năng như vậy, và nhỏ nhen hơn nữa, sau một tuần, Thành Nguyên Công “được” đưa vào “lớp học tập”. 8 tháng sau tiếp tục đi xa về trường cán bộ Giang Tây, làm cho Thủ tướng “cụt chân, cụt tay”.

Dẫu vẫn biết Giang Thanh đã không có công lao mà còn dã tâm thâm độc, nhưng Chu Ân Lai cũng chỉ điều hoà, nhẫn nại, không “gang thép” như Đặng Tiểu Bình vì mỗi lý do thì là vợ của Mao Trạch Đông! Trớ trêu thay, một sự “trung quân” thấm vào máu thịt của ông. Ôi “Đức tiên sinh”, ôi “Trại tiên sinh”, hai vị đi đâu rồi mà để Thủ tướng tôi khổ sở đến nhường này!

## 10. NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Điềm báo là một hiện tượng thường gặp trên thế giới, và ở Trung Quốc, sau sự kiện “13 tháng 9” với Lâm Bưu thì sức khỏe của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đều thay đổi bất lợi. Mao bắt đầu mắc chứng ngất xỉu, mê man kê từ hôm đi bơi ở hồ bơi trên núi Lư Sơn, còn Chu, y học phát hiện thấy mầm bệnh ung thư trong bàng quang của ông. Mao Trạch Đông có thói quen bơi lội để thư giãn tinh thần, sau khi bàn định kế hoạch về tổ chức và tư tưởng để đấu tranh chống lại phái Lâm Bưu xong, Mao yêu cầu hộ lý trưởng là Ngô Húc Quân và các vệ sĩ bên mình cùng đi hồ bơi trên núi Lư Sơn, rồi ra lệnh: “Tất cả chúng ta đều phải xuống nước!”. Ngô Húc Quân khẩn khoản đề nghị, người đầy mồ hôi như thế này hãy khoan vội tắm, về phần mình bà đang đau tim, nhịp tới 130 mỗi phút, nên xin Mao cho ở trên bờ. Mao hỏi: “Cô sợ chết hay sao? Tôi già rồi mà chẳng hề gì, hưởng hồ thanh niên như các anh, các chị!” Thái độ của ông khá gay gắt và do đó mọi người phải phụng mệnh. Kết quả, Ngô Húc Quân bơi với phao cứu sinh, rất an toàn, còn Mao Trạch Đông bơi xong thì bị cảm, chứng viêm khí quản tái phát. Hôm Nixon đến Bắc Kinh, Mao ngất lịm, mọi công việc đều giao cho Chu Ân Lai đảm đương.

Thời kỳ này phó soái Lâm Bưu không còn nữa, Chu Ân Lai theo chỉ thị của Mao, “vừa nắm cách mạng, vừa đẩy sản xuất”, thật xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của Chủ tịch. Trước đây, còn phó soái, Lâm Bưu có thể giả vờ truyền “thánh chỉ”, yêu cầu Chu Ân Lai làm điều này, điều nọ, ngược lại bất cứ việc lớn, việc nhỏ khi phản ánh lên Chủ tịch, Chu đều phải thông qua trước với Lâm. Nay thì đỡ hơn, nhưng còn đó đám “văn cách Trung ương” mà Mao Trạch Đông vẫn giữ thái độ bảo hộ họ, có lúc phê bình, có lúc ủng hộ song về cơ bản là không phủ định. Chu Ân Lai ở vào hoàn cảnh rất khó xử, khi Nixon thăm Trung Quốc, vì một “Công báo liên hợp Trung - Mỹ” mà bang nhóm “văn cách Trung ương” đã liên tục phê bình Chu Ân Lai trong suốt 12 ngày, họ buộc tội cho ông không kịp thời thỉnh thị Mao Trạch Đông và chụp mũ “Lý Hồng Chương”, “bè lũ bán nước” lên đầu Thủ tướng. Đạo ấy ông buồn bã, ít lời, tự nuốt vào mình mọi nỗi bức dọc, oan ức, người ta bảo “sự tiêu hóa vô thanh như vậy dễ dẫn đến mầm bệnh ung thư”.

Những ngày đó, Khang Sinh đang bị bệnh ung thư bàng quang hành hạ, ông nằm liệt giường chờ chết. Khang Sinh là Phó Chủ tịch Trung ương Đảng, ngoài việc đôn đốc y tế chữa trị cho ông, Chu Ân Lai còn dành thì giờ đến thăm, động viên an ủi. Trước sự chân thành và nhiệt tình của Chu Ân Lai, Khang Sinh không thể không tỏ thái độ lịch sự, nhưng thực chất ông là người khác hẳn Chu. Với bộ mặt lạnh lùng, ánh mắt thâm đen, Khang Sinh tạo cho mọi người một cảm giác khó chịu, và quả như vậy, suốt đời, ông chẳng kết bạn với ai.

Tân Cối là gian thần thời Nam Tống, nhưng nghe nói y cũng có dăm ba người bạn, còn Khang Sinh cận đại thì không một ai dám gần, thân hình gầy gò da bọc xương của ông khiến người ta tưởng đó là một cái gậy, ông có nhiều đồng đảng, băng nhóm, tay chân bộ hạ, song bọn họ cũng không phải là bạn của ông, hoặc cậy nhờ thanh thế Khang Sinh - trùm mật vụ Trung Cộng, hoặc đầu cơ xu nịnh ông để mong tiến thân, hoặc do quyền lợi cá nhân tạm nhất trí mà thôi. Suốt một đời Khang Sinh đã gây ra không biết bao nhiêu là oan khiên, đã hãm hại không biết bao nhiêu là người tốt, chưa ai có thể vạch hết tội của y, đến như các “chiến hữu” là Lâm Bưu, Giang Thanh, Trần Bá Đạt, Trương Xuân Kiều mà thái độ của Khang vẫn thế. Tháng 8 năm 1975, lúc gần chết, Khang Sinh cho gọi Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh - hai liên lạc viên của Mao Trạch Đông - và tiết lộ với họ rằng, Giang Thanh và Trương Xuân Kiều đều có lịch sử phản bội, người làm chứng vẫn còn sống, tên họ địa chỉ đầy đủ. Cái gậy Khang Sinh cuối cùng đánh vào phe lũ của mình. Con người ấy cũng từng hãm hại Chu Ân Lai, và ngay lúc này, mỗi lần Chu Ân Lai rời khỏi bệnh phòng thăm y, là y chửi, chửi Chu không cùng một chí hướng chính trị với y, chửi Chu là hữu phái. Y, bác sĩ phục vụ báo lại cho tôi và khuyên Thủ tướng đừng đến thăm Khang Sinh làm gì, Thủ tướng tôi cười và căn dặn: “Các đồng chí không được bàn luận vấn đề này!”, nào ngờ ông đã bị “con quỷ” Khang Sinh tả ám, cũng ung thư bàng quang!

Đó là cách nói tức giận của chúng tôi đối với Khang Sinh, còn trên thực tế thì mẫu nước tiểu ngày 11 tháng 5 năm 1972 của Thủ tướng đã phát hiện thấy mầm bệnh ung thư, một tổ công tác trị liệu do Ngô Giai Bình làm tổ trưởng được thành lập và bản thân Chu Ân Lai nhận biết ngay bệnh tình của mình, ông chỉ nói: “Vấn đề là kéo dài được bao lâu nữa?”. Tôi nhớ hồi cuối năm 1965, Thủ tướng kể câu chuyện về Đào Chú, ông ta bị bệnh, nghi là ung thư, mọi người giấu biệt, chỉ có Hạ Long hay tin, liền báo cho Đào rằng: “Anh nghe tôi nói một câu này nhé, nếu kiểm tra mà cuối cùng không

phải ung thư thì nên nghỉ ngơi dưỡng sức, vì sức khỏe là vốn liếng của cách mạng, nhưng nếu chẳng may bị ung thư thật, tôi khuyên anh không nên nằm, ngày tháng còn lại không được bao nhiêu, phải tranh thủ làm nhiều hơn nữa!”. Giờ đây đến lượt mình, Chu Ân Lai đang làm theo lời khuyên của Hạ Long - chữa bệnh để kéo dài thời gian công tác, để năng nổ, bận rộn hơn nữa trong những ngày tháng cuối cùng trên cõi đời!

Có thể chia quá trình phấn đấu và trị liệu của Chu Ân Lai trước ngày tạ thế thành ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất từ sau sự kiện Lâm Bưu phản bội đảo tẩu đến ngày 1 tháng 6 năm 1974. Thủ tướng không thể không từ giã văn phòng Tây Hoa sảnh đã gắn bó trong 25 năm qua, để vào bệnh viện 305 vừa làm việc vừa chữa trị, hôm ấy Thủ tướng lên bàn mổ lần thứ nhất. Giai đoạn thứ hai từ ngày 1 tháng 6 năm 1974 đến hạ tuần tháng 10 năm 1975, đây là 1 năm 5 tháng cuối cùng của Chu Ân Lai trong cương vị Thủ tướng, bàn làm việc của ông đặt ngay ở phòng bệnh Bệnh viện 305, ông dốc hết sức lực và tâm trí của mình cho đất nước, nhân dân và Đảng. Trong giai đoạn này. Chu Ân Lai phải qua 14 lần phẫu thuật, 6 lần đại phẫu và 8 lần tiểu phẫu, bình quân cứ 40 ngày mổ một lần; thực hiện 233 cuộc bàn bạc công việc, 161 cuộc với cán bộ lãnh đạo cấp trung ương, 55 cuộc với cán bộ lãnh đạo địa phương, 17 cuộc với nhân viên bên cạnh mình, tiếp 63 đoàn khách nước ngoài; triệu tập hoặc tham gia hơn 40 hội nghị mà phân nửa được tổ chức trong bệnh viện. Giai đoạn thứ ba, từ hạ tuần tháng 10 năm 1975 đến ngày 8 tháng 1 năm 1976, đây là 2 tháng mà Chu Ân Lai không thể rời khỏi giường bệnh và ông không cho phép mọi người gọi mình là Thủ tướng nữa, là hơn 60 ngày tự vật lộn với những cơn đau ung thư tai ác, nhìn lại lần cuối các gương mặt chiến hữu, người thân, đồng bào, đồng chí để ra đi không lưu một hạt tro tàn.

Đêm 30 tháng 9 năm 1974, sau lần phẫu thuật thứ hai, với cương vị Thủ tướng Quốc vụ viện, bệnh nhân Chu Ân Lai vẫn đọc lời chào mừng trong yến tiệc nhân kỷ niệm 25 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Sau mấy phút vang vọng những âm thanh thân quen và cảm động phát ra từ các loa khuếch đại, cả lễ đường dậy lên tiếng vỗ tay như sấm rền, mãi không dứt và thấm vào bàn tay họ là bao giọt nước mắt thương cảm cho vị Thủ tướng của mình. Không khí yến tiệc quy tụ lòng dân, ý Đảng và sức quân về phía Chu Ân Lai, và do đó làm cho “tứ nhân bang” càng thêm chướng tai, gai mắt. Sau Quốc khánh, Mao Trạch Đông lại chủ trương chuẩn bị nhân sự cho đại hội đại biểu nhân dân khoá 4 và tự mình đề nghị Đặng Tiểu Bình đảm nhận Phó thủ tướng thứ nhất, vì thế đầu

tranh với “tứ nhân bang” và ủng hộ Đặng Tiểu Bình là hai việc làm mà Chu Ân Lai tổn hao nhiều tâm huyết ngay trong thời kỳ luôn luôn phải phẫu thuật.

Khi phát động và lãnh đạo cuộc đại Cách mạng văn hoá, Mao Trạch Đông chủ yếu dựa vào đám binh mã “văn cách Trung ương”, nhưng ông rất hiểu bọn họ chỉ giỏi “đánh nhau, phóng lửa thiêu người”, vô tài vô đức, quá trình cũng chẳng là bao, không biết “thiết kế”, xây dựng, không đủ can đảm và trách nhiệm làm một việc gì cho có ích, “biết phá mà không biết xây”, nếu để họ kế thừa thì trời chu đất diệt, dân chúng than oán là có ngày bị chúng đào mồ. Để cân bằng với hai đại bá (chỉ Mỹ và Liên Xô) làm cho dân giàu nước mạnh, Mao Trạch Đông biết chọn ai bây giờ, Lưu Thiệu Kỳ gục chết từ lâu, Chu Ân Lai ung thư chẳng còn bao lâu nữa, chỉ có mỗi Tiểu Bình, mà Tiểu Bình thì chưa hẳn đã “lấy đầu tranh giai cấp làm cương lĩnh” như ông, thôi đành phải để cho Đặng một cơ hội xem sao? Ngày 17 tháng 10, năm Giang Thanh “xuất quân” phá vỡ cơ hội kia của Đặng Tiểu Bình, nhân vấn đề tàu Phong Khánh Luân, Giang chụp lên đầu Đặng cái mũ “sùng ngoại” nhưng Chu Ân Lai đã ra tay bảo vệ Đặng, với tư cách Thủ tướng, ông phủ định những ý kiến sai lệch về sự kiện Phong Khánh Luân.

Giang Thanh cử Vương Hồng Văn đi Trường Sa tâm tình với Mao Trạch Đông, rằng: “Chu Ân Lai bệnh nặng mà ngày đêm vẫn to nhỏ với Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm v.v...”. Ngày 20 tháng 10, Mao phán cho Vương nghe: “Thủ tướng vẫn là Thủ tướng, nhân sự cho Đại hội biểu nhân dân khoá 4 do Thủ tướng sắp xếp, riêng Đặng Tiểu Bình tôi đề nghị đảm nhiệm các chức vụ Phó thủ tướng thứ nhất, Phó chủ tịch Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Quân uỷ kiêm Tổng tham mưu trưởng”.

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch, Chu Ân Lai đã đề hẳn ra 10 ngày trao đổi với Đặng, Diệp, Lý, Vương và Giang, triệu tập 3 phiên họp Bộ Chính trị và biến Bệnh viện 305 thực thụ trở thành văn phòng Thủ tướng bàn bạc phương án nhân sự cho nhà nước Trung Quốc bị suy yếu sau gần 10 năm “văn cách”. Chỉ còn 20 ngày nữa là khai mạc Đại hội đại biểu nhân dân khoá 4, vì lợi ích của nhân dân, Chu Ân Lai không còn cách nào khác là phải bay đi Trường Sa báo cáo lần chót với Mao Trạch Đông. Diệp suy giao nhiệm vụ cho chúng tôi bằng bất cứ giá nào cũng phải bảo vệ cho kỳ được sức khoẻ của Thủ tướng. Trưa ngày 23 tháng 12 năm 1974, chúng tôi đưa Thủ tướng ra sân bay Tây Giao, điện hỏi Vương Hồng Văn thì người ta nói, ông ta chưa ngủ dậy, chúng tôi quyết định để Thủ tướng bay trước, không thể bắt một ông già bệnh nhân chờ một gã thanh niên khoẻ mạnh giữa phi

trường tuyết lạnh. Bảy giờ tối hôm ấy, Mao Trạch Đông kêu gọi phái “đổ dầu thêm gió” mà đêm nay do Vương Hồng Văn đại diện “liên hiệp, đoàn kết” với phái “cứu người khỏi nước sôi lửa bỏng” của Chu Ân Lai, nhà mâu thuẫn học đã giải quyết mâu thuẫn một cách ngây thơ như vậy, cho nên mâu thuẫn vẫn hoàn mâu thuẫn. Chu Ân Lai ở lại Trường Sa 5 ngày, còn dự lễ sinh nhật của Mao, còn kính rượu chúc thọ Mao. Trở về Bắc Kinh, ngày 13 tháng 1 năm 1975, Chu Ân Lai lần cuối cùng đọc bản báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội, để lại những lời di chúc chính trị, sau đó là một loạt “cuối cùng” đã đến với ông: lần cuối cùng tiếp đoàn khách nước ngoài (7 - 9 - 1975), lần cuối cùng dự hội nghị Bộ Chính trị (3 - 5 - 1975), lần cuối cùng tham gia truy điệu đồng chí, chiến hữu (9 - 6 - 1975 với trường hợp nguyên soái Hạ Long) v.v...

Ngày 20 tháng 9 năm 1975, thể trạng của Thủ tướng giảm sút đến mức thảm hại, chỉ còn da bọc xương, nhưng không thể không phẫu thuật vì các u nhọt ung thư đã mọc ở khắp nơi, nhưng Thủ tướng vẫn đau quần quai, theo chỉ thị của Đặng Tiểu Bình “giảm bớt cơn đau, kéo dài được ngày nào hay ngày đó”, hạ tuần tháng 10, Thủ tướng lại lên bàn mổ, mổ lần cuối cùng, rồi nằm liệt giường.

Đến lúc này người ta mới cho Kiều Kim Vượng trở về phục vụ Chu Ân Lai, câu nói đầu tiên khi thầy trò gặp nhau là: “Lão Kiều, đại Cách mạng văn hoá đã làm tôi mệt đến chết!”, đó là lời đánh giá đầu tiên và cũng là cuối cùng của Chu Ân Lai đối với “văn cách” - một tác phẩm do Mao sáng tác và đạo diễn.

Nhóm chúng tôi còn đứng ba người: Cao Chấn Phổ, Kiều Kim Vượng và tôi, quần quýt bên cạnh Thủ tướng, hôm ấy, cho gọi chúng tôi và với một giọng nói thê lương, ông căn dặn:

- Từ nay về sau các đồng chí đừng gọi tôi là “Thủ tướng” nữa, tôi nằm đây, liệt giường liệt chiếu không làm được việc gì cho nhân dân, cho Nhà nước, nghe các đồng chí một “Thủ tướng” hai “Thủ tướng” tôi đau lòng lắm... không làm được việc... không thể gọi là Thủ tướng!

Hai tháng cuối đời, Chu Ân Lai nhìn lên trần nhà và hồi ức, nhưng không hề nói ra nửa lời, “sống để bụng chết mang đi”, những tờ giấy mà Diệp suý căn dặn chúng tôi nhanh chóng tốc ký mỗi lần Thủ tướng trần trối đều vẫn trắng trơn không một dấu mực. Thủ tướng chỉ yêu cầu những việc rất thông thường, vừa chích thuốc vừa nghe đĩa hát do Hàn Anh lĩnh xướng “... nước Hồng Hồ, sóng dồn sóng...” như muốn hình dung một màu ngọc bích nổi lên giữa mặt nước Hồng Hồ với trời xanh cao lộng, ở đó Hạ Long



tung hoành chiến trận, hiên ngang hiển hách, con người anh hùng ấy không chết trước kẻ thù năm xưa, mà trở trêu thay lại bị Hồng vệ binh đầu cho đến tử vong, làm cho Chu Ân Lai mãi mãi ăn năn vì đã không bảo vệ được ông. Thủ tướng thèm ăn một quả đào, giữa mùa đông giá lạnh làm gì có đào tươi, chúng tôi mua đào đóng hộp, khuyên Thủ tướng nuốt từng miếng, từng miếng cho trọn được một quả, ăn xong Thủ tướng mới giải thích “quả đào thành tựu đầy các đồng chí ạ”. Trời! Chúng tôi thật là kém cỏi, chỉ có thể hiển dương người những “thành tựu đã đóng hộp, không còn tươi nguyên”. Có lần Thủ tướng ước ao uống trà Lục An Qua, loại trà không tiếng tăm gì, nhưng chúng tôi vẫn tìm mua cho được và Thủ tướng mừng lắm, ẩm xong một chén, thấy nét mặt ông rạng rỡ, tôi vui vẻ hỏi:

- Thủ tướng thấy thế nào?

- Tuyệt lắm, chẳng khác nào như khi Diệp Đình còn sống! - Hoá ra Lục An Qua là gói trà mà năm xưa Diệp Đình biếu Chu và hai người đã đồng ẩm ở chiến khu đầy cam go, vất vả...

Ngày 1 tháng 1 năm 1976, tám ngày trước khi qua đời, Chu Ân Lai còn mỉm cười khi nghe đài phát thanh truyền đi hai bài từ của Mao Trạch Đông, rồi mời ông nhấp máy theo lời bài ca... “Trung Quốc xuất liêu cá Mao Trạch Đông...” và bài ca cuối cùng mà Chu Ân Lai yêu cầu nghe là “Quốc tế ca”, nghe đến ba lần. Thật là một con người của truyền thuyết, của thi ca, y như trong sách vậy.

Từ ngày 5 trở đi Chu Ân Lai đi vào trạng thái mê man, 9 giờ 57 phút ngày 8 tháng 1 năm 1976 thì tắt thở.

Đặng Dĩnh Siêu trình bày với Trung ương 3 yêu cầu mà bình sinh Chu Ân Lai và bà đã thống nhất: không tổ chức cáo biệt di thể, không tổ chức truy điệu, không giữ gìn tro xương. Bàn cãi mãi, cuối cùng chỉ chấp nhận điều thứ ba, rải tro xương của Chu Ân Lai trên khắp bầu trời Trung Hoa, còn lễ truy điệu thì không thể không cử hành, đó là ngày 15 tháng 1 năm 1976 khó quên trong mỗi người dân nước tôi, tiễn đưa Chu Ân Lai về nơi vĩnh hằng.

Lúc tạ thế, ngực Chu Ân Lai vẫn còn đeo huy hiệu một phần ba là hình ảnh Mao Trạch Đông, hai phần ba kia ngời sáng 5 chữ “vì nước phục vụ”, dưới gối Chu Ân Lai vẫn là tập sách những bài thơ, bài từ và cũng chỉ do Mao Trạch Đông sáng tác. Quả là “trung quân”, quả là “trung thành bất nhị”. Giá mà khi Chu Ân Lai lâm chung, giá mà khi truy điệu Thủ tướng, lịch sử ghi được hình ảnh Mao Trạch Đông thì những dòng văn tuôn chảy của chúng tôi sẽ cảm động biết nhường nào. Nhưng, Đặng Dĩnh Siêu chờ,

Đặng Tiểu Bình chờ... cuối cùng điện thoại cho hay, Mao Trạch Đông không thể đứng nổi, lễ truy điệu “Sur gia” đành bắt đầu, “huyện quan” của cố nhân vài tháng sau nữa, ngày 9 tháng 9 năm 1976 cũng cùng đi xuống âm phủ, không rõ mối quan hệ giữa “họ” giờ đây như thế nào? Người trần thế chúng ta khó mà trả lời, duy có điều “họ” đều “bước xuống thần đài” và “rời khỏi thánh đàn” để cũng bình dị như mỗi chúng ta vậy!

**SƯ ĐÔNG BÌNH**

**28 NGÀY ĐÊM QUYẾT ĐỊNH VẬN MỆNH  
TRUNG QUỐC**

## 1. NGƯỜI NÀM ĐỎ

Vừa chớp mắt chìm vào giấc mơ mệt mỏi thì chuông điện thoại lại réo vang, khẩn cấp. Lỗ Dân bật dậy, vội vàng chạy đến bệnh phòng, vừa là phòng ngủ, vừa là phòng sách của bệnh nhân. Nhìn đôi mắt và nét mặt của người bệnh, anh rung mình và cảm thấy như chính anh bị trọng tội. Đã bao lần ông chết đi sống lại, thần trí quay về với thế gian một cách kỳ lạ, thế mà giờ đây mắt ông ngơ ngác, hàm chút oán trách, nghi ngờ, phần nộ... Nếu không cứu được ông thì bản thân anh cũng không thể tha thứ cho anh, bởi một lẽ rất đơn giản: anh là thầy thuốc và người nằm đó là Mao Trạch Đông - lãnh tụ vĩ đại mà nhân dân Trung Quốc vô cùng kính mến.

- Tôi lấy làm lạ, tại sao bệnh bình của Chủ tịch ngày cứ xấu đi như vậy. Lẽ nào lại xảy ra sự kiện áo trắng? Lẽ nào bên cạnh Chủ tịch lại là một lũ đặc vụ?

Giang Thanh la lớn.

Sự kiện áo trắng, ấy là lúc đại văn hào Marxim Gorky bên Nga lâm bệnh, mật vụ mạo danh bác sĩ đã ám hại ông, làm mọi người kinh hãi. Ăn nói khinh xuất, tùy tiện; thường nhật ai cũng biết về Giang Thanh như vậy, nhưng lời răn đe của bà không ngờ đã trù một bóng đen hắc ám lên tập thể các thầy thuốc, bác sĩ, y sĩ, hộ lý lâu nay phục vụ Mao Trạch Đông, người ngoài cuộc khó mà cảm nhận. Song với kinh nghiệm của một lương y, Lỗ Dân hiểu rất rõ đây chưa phải là lúc lâm chung và nhân lúc người bệnh lại tỉnh, thần trí minh mẫn nhất, anh lựa lời nhắc lại câu nói của Giang Thanh.

Môi ông mấp máy, mắt ông ngấn lệ, ông kéo tay Lỗ Dân lại cạnh và bằng một loại ngôn ngữ không rõ ràng, ông thì thào:

- Đừng chấp bà ta, tôi biết các anh chị đều là những đồng chí tốt.

Và hôm ấy Giang Thanh cũng đến thăm ông. Mao Trạch Đông ra hiệu cho mọi người xích lại gần giường, ông nhìn Giang Thanh hồi lâu rồi chậm rãi:

- Cô bảo họ là đặc vụ, vậy cô có biết ai là người cầm đầu không?

Ông lấy tay chỉ vào mũi mình và nói:

- Chính là tôi.

Giang Thanh ra chiều tỉnh ngộ, vờ cúi xuống diu đỡ Mao Trạch Đông, giọng nói nghẹn ngào:

- Nhuận Chi [\[12\]](#), ông chưa hiểu...

Mao Trạch Đông thở dài:

- Các thầy thuốc muốn hại tôi thì tôi làm sao sống nổi đến hôm nay. Bệnh của tôi, tôi biết, cô không nên khó dễ với người ta, họ đều là những người tốt.

Đó là chuyện của vài tháng trước. Thời gian gần đây, Lỗ Dân thấy bệnh tình của Mao Trạch Đông đúng là ngày một trầm trọng, sức khoẻ yếu dần, song ý chí thì vẫn kiên cường, xử lý sự việc vẫn cẩn thận, tỷ mỉ như xưa. Mỗi lần uống thuốc hay tiêm chích, ông đều hỏi tính năng tác dụng rồi mới dùng, chỉ vừa tỉnh một chút là bảo người mang đến cho mình cái kính lão đã cưa mất một gọng, nằm nghiêng đọc sách, xem văn kiện, lúc nào mệt thì nghe người khác đọc. Cho đến 4 giờ chiều hôm nay ông còn gọi thư ký đỡ dậy, nghe văn thư, duyệt tài liệu... thế mà giờ đây...

- Lúc tôi ra đi, Chủ tịch còn đọc sách kia mà, sao mới vắng mặt có một tiếng đồng hồ, cơ sự đã ra nông nổi này?

Vẫn cái giọng dạy đời, lẵng mạp kẻ khác, Giang Thanh la hét om sòm.

- Thừa đồng chí Giang Thanh, từ 8 giờ tối chúng tôi bắt đầu thấy tay Chủ tịch lạnh toát, gọi ngay bác sĩ kiểm tra, hội chẩn và 9 giờ thì ra sức cứu chữa.

Thư ký báo cáo lại như vậy, Giang Thanh không nói gì nữa, bà đưa mắt quan sát mọi động tác của Lỗ Dân và các thầy thuốc khác, nhưng vẫn giọng điệu chỉ huy:

- Các người đừng khóc lóc, mặt mày ủ rũ như có tang. Chủ tịch nhắm mắt cũng không đành, đã mấy lần Chủ tịch chết đi sống lại, tôi có kinh nghiệm rồi, hãy cứ tận lực, tận tâm cấp cứu đi.

Vậy trước đây một giờ, Giang Thanh đi đâu? Đó là đêm mùng 8 tháng 9 năm 1976, bà ngồi xe đến thăm nhà in Tân Hoa - cơ sở cách mạng, và theo cách nói của bà: “Tôi phải biến nơi đây trở thành pháo đài kiểu mẫu phê Đặng và chống lại luồng gió phản phúc hữu khuynh, phải từ đây nổi lên cơn bão cấp 12 quét sạch bọn người đi theo chủ nghĩa tư bản còn sót lại trong Đảng”. Giang Thanh từng đến nhà in này diễn thuyết, bồi dưỡng cốt cán lý luận phê Đặng. Ngày 27 tháng 8, Giang Thanh nhận được mật báo cho biết phái chống đối đã bố trí đặc vụ bên cạnh bà, đã liên lạc với Thành uỷ Bắc Kinh và cả nhà in Tân Hoa. “À, to gan thật, dám đụng đến lão bà thì bà sẽ cho biết tay”.

Sau sự kiện Thiên An Môn ngày 5 tháng 4 năm 1976, Đặng Tiểu Bình lần thứ hai ra khỏi Trung Nam Hải, mọi chức vụ trong quân đội, chính phủ, đảng của ông đều đã huỷ bỏ. Thời cơ phản kích chỉ tính từng ngày, khi Mao Trạch Đông còn trên giường bệnh. Qua 10 năm Cách mạng văn hoá, từ một đệ nhất phu nhân bình thường, Giang Thanh đã leo lên vị trí có thể lực khống chế toàn Trung Quốc trên vũ đài chính trị. Chu Ân Lai, Chu Đức vừa tạ thế - những trở ngại lớn đối với bà xem như được san bằng, giờ lại tiếp Đặng Tiểu Bình bị phê phán lần thứ hai, một hòn đá đè nén bà bấy lâu nay đã được hất bỏ. Bà muốn hát vang, bà muốn nhảy lên, bà muốn bước ra diễn đàn như thuở nào, buổi đầu Cách mạng văn hoá, giữa muôn ngàn tiếng hò reo, hoan hô, ca tụng, giữa bể người với bao ánh mắt kỳ vọng. Có mở đầu thì phải có kết thúc, nếu Cách mạng văn hoá đã đưa bà vào vòng quyền lực chính trị và biết bao nhà cách mạng lão thành đã phải tiêu vong; biết bao quan chức, yếu nhân phải hạ bệ, thì hôm nay chỉ còn một cửa ải nữa bà cần vượt qua để giành lấy vị trí tối thượng. Bà cần nhanh tay khi Mao Trạch Đông đang hấp hối trên giường bệnh, nếu không, sự trả giá là cả một cuộc huyết chiến khôn lường. Vì vậy phải tìm cho ra kẻ âm mưu chống phá, chúng ẩn náu ngay trong sào huyệt của ta - nhà in Tân Hoa, 10 giờ sáng ngày 1 tháng 9, Giang Thanh phê lên mật thư: “Tiểu Tạ và đồng chí Trì Quân. Hãy nhanh chóng điều tra bọn đặc vụ ở nhà in Tân Hoa và báo ngay cho tôi rõ, nhưng chớ rút dây động rừng, đạp cỏ làm rắn trốn chạy”. Và bà không quên căn dặn trả lại mật thư sau khi đã lĩnh hội nhiệm vụ.

Tạ, Trì là ai mà Giang Thanh tin dùng vậy? Tạ Tĩnh Nghi vốn là nhân viên bộ phận cơ yếu của cơ quan Trung ương Đảng, chuyên lo điện đàm, mật tín, được Mao Trạch Đông nâng đỡ và yêu mến. Thuở ấy Tĩnh Nghi còn là một cô gái trẻ, đẹp, đôi mắt bồ câu đen nhánh lúc nào cũng chao động, lúng liếng, được cả phần tướng mạo lẫn tài cán, cơ mưu. Cách mạng văn hoá tiến hành được 3 năm thì Mao Trạch Đông tự nhiên bỗng mất lòng tin và sự kỳ vọng đối với 5 lãnh tụ của đám tiểu tướng là Khoái Đại Phú, Đàm Hậu Lan, Hàn Á Tinh, Vương Đại Tân, Nhiếp Nguyên Tử. Ông nghĩ đến chuyện thay ngựa giữa giò, mưu đồ cao hơn. Tạ cô nương đánh hơi; Mao Chủ tịch nhằm tới và thế là từ một nhân viên điện đài, Tĩnh Nghi nhảy ra chính trường với cái tên Tiểu Tạ (cô bé họ Tạ). Tiểu Tạ làm quen với Trì Quân - Phó ban tuyên huấn cục chính trị Quân đoàn 8341; hai người xin Mao Trạch Đông đi về các trường đại học điều tra khảo sát tình hình. Họ nhanh chóng rút ra kết luận và tâu trình, làm cho Mao Trạch Đông hết mực tán dương, ấy là: “Sinh viên hiện nay đều do các trường viện cũ đào tạo dạy

dễ, dựa vào họ, không những không đưa Cách mạng văn hoá đi tới thành công cuối cùng mà còn làm hỏng cả đường lối chính trị của Mao Trạch Đông. Cách giải quyết duy nhất là đi vào công nông binh, bồi dưỡng lực lượng mới”. Năm ấy, Trì Quân 35 tuổi, ăn nói chững chạc, dáng vóc nam nhi, cương nghị. Anh ta - người huyện Nhữ Sơn, tỉnh Sơn Đông, đồng hương với Giang Thanh; một sĩ quan văn võ song toàn, sánh cùng Tiểu Tạ như một cặp bài trùng và Mao, Giang đã tin dùng. Trì Quân làm Bí thư Đảng uỷ Đại học Thanh Hoa kiêm Chủ tịch uỷ ban cách mạng, còn Tạ Tĩnh Nghi làm Phó Bí thư thứ nhất. Khoảng 4 năm sau, Tạ, Trì đề ra khẩu hiệu “công nông binh vào đại học, quản lý đại học, cải tạo đại học!”. Đường lối trứ danh ấy khiến cho giáo dục xuống cấp, ảnh hưởng đến vị trí và việc làm của trí thức, gây sự bất bình trong tầng lớp đại học. Lưu Băng cũng là Phó Bí thư Thanh Hoa cùng bốn người nữa đã viết thư trình lên Mao Trạch Đông phân tích sai trái của Tạ, Trì; phê phán đường lối công nông binh hoá đại học của hai người. Bức thư được chuyển qua Đặng Tiểu Bình. Đó là lúc mà Mao Trạch Đông 82 tuổi, ngày đêm lo lắng cho sự thành bại của Cách mạng văn hoá. Tuy nó đã xuất hiện nhiều cục diện mà ông không lường trước, không mong đợi, nhưng cũng như bao nhà chính trị quyền lực khác, ông không cho phép một ai dám phủ nhận cuộc cách mạng này, một cuộc cách mạng do ông thân chinh phát động, do ông đứng ra chỉ huy vào những năm cuối đời. Mao Trạch Đông phẫn nộ, phê bút lên bức thư của Lưu Băng “Lưu và bốn người ở Đại học Thanh Hoa có trình thư cho tôi tố cáo Tạ, Trì. Tôi xem và thấy rằng, động cơ của họ không tốt, muốn lật đổ Tạ, Trì và chĩa mũi giáo vào tôi”. Phê xong, ông cho gọi Mao Viễn Tân (cháu ruột gọi Mao là bác), Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Hoa Quốc Phong đến và giải thích thêm rằng:

- Sự kiện Thanh Hoa không phải là ngẫu nhiên, nó phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai con đường ngay trong Trung ương. Tôi ở Bắc Kinh, tại sao thư lại chuyển qua Đặng Tiểu Bình? Rõ ràng Tiểu Bình đã bao che cho Lưu Băng và phe nhóm, tôi nhắc các đồng chí phải phản kích trào lưu tư tưởng ngóc đầu của phái hữu khuynh.

Giang Thanh mừng rơn, giữa đêm khuya đã điện mời Tạ Tĩnh Nghi đến tư dinh. Bà ôm chầm lấy cô gái, mắt nhoà lệ:

- Em, ôi em đã cho chị một thời cơ phản kích. Các em đấu Lưu Băng ở Thanh Hoa, thì chị có cơ đánh Tiểu Bình trên này.

Và quả nhiên, Đặng Tiểu Bình bị đo ván; Tạ, Trì càng được tin dùng, trở thành tay chân của “bè lũ bốn tên” (tứ nhân bang)...

Chủ tịch năm đó, lúc tỉnh lúc mê, lúc sống lúc chết, còn phu nhân thì bận rộn đưa Cách mạng văn hoá đến thắng lợi cuối cùng, tả xung hữu đột nhằm mục tiêu tối thượng là kế vị.

Trăm mối tơ vò, kẻ ở người sắp đi xa, ai hơn ai và kết cục ra sao xin hãy đợi chuyện công tác về Đại Trại của Giang Thanh sẽ rõ.



## 2. VẪN ĐANG ĐỌC SÁCH

Trong thời gian Mao Trạch Đông bệnh nặng, những người được phân công luân phiên trực bên cạnh ông gồm có Giang Thanh, Hoa Quốc Phong, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, Uông Đông Hưng, Diêu Văn Nguyên và Trần Tích Liên. Nhưng bà Giang Thanh không chịu ngồi yên một chỗ. Ngay cái đêm bố trí cho Tạ, Trì đi điều tra đặc vụ xong, Giang Thanh, lại tiếp tục bàn công việc với Trương, Vương, Diêu rằng bà phải đi công tác về Đại đội Đại Trại ở huyện Tích Dương, tỉnh Sơn Tây (một điểm điển hình về nông nghiệp lúc bấy giờ) để thúc đẩy phong trào phê Đặng.

- Thừa đồng chí Giang Thanh, theo tôi lúc này đồng chí không nên đi xa Bắc Kinh, - Trương Xuân Kiêu hốt hoảng. - Bệnh tình của Chủ tịch khi nặng khi nhẹ, nếu không may xảy ra chuyện gì thì lấy ai đứng ra quyết định, vả lại, cái ông phó thứ nhất nửa âm nửa dương ấy lúc nào cũng kè bên Chủ tịch, tôi sợ hán đang làm điều gì đó.

- Dám ư? - Giang Thanh cười khẩy, - đồng chí Viễn Tân của chúng ta ngày đêm bảo vệ Chủ tịch, thế mà ông còn sợ cái nỗi gì với lão họ Hoa?

Nói đoạn, bà ta kể cho mọi người nghe: Lúc đưa Hoa Quốc Phong lên ghế quyền thủ tướng thay Chu Ân Lai vừa qua đời, Mao Trạch Đông đã nói: “Hoa nở là thứ yếu, lá rụng mới quan trọng, hoa không nở làm sao kết trái được, cho nên lá rụng, hoa nở, kết trái là lẽ tự nhiên”. Hồi ấy tôi cũng không rõ Chủ tịch muốn điều gì, nhưng nay thì thấy rõ hàm ý của Người thật là sâu sắc, các đồng chí có hiểu không? Hoa đây là Hoa Quốc Phong, còn “lá” là “diệp”, là Diệp Kiếm Anh, - phải làm sao cho lá rụng.

Quả nhiên ngày 2 tháng 2 năm 1976, văn kiện số một được Trung ương phát ra, và thông báo cho toàn Đảng: “Căn cứ đề nghị của lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông, Bộ Chính trị nhất trí thông qua chức vụ quyền thủ tướng do đồng chí Hoa Quốc Phong đảm nhận và trong thời gian đồng chí Diệp Kiếm Anh lâm bệnh, đồng chí Trần Tích Liên chủ trì mọi công việc của Quân uỷ Trung ương”. Kỳ thực thì Diệp Kiếm Anh chẳng bệnh hoạn gì, dạo đầu năm khi họp Bộ Chính trị, ông phát biểu:

- Tôi nay tuổi cao, sức yếu nên rất mong các đồng chí trẻ làm được nhiều việc hơn.

Viễn Tân tâu trình ngay cho Mao Trạch Đông, ông mỉm cười và cũng nói luôn:

- Không muốn làm thì để người khác làm, đưa Trần Tích Liên lên, chứ đâu phải chết tay hàng thịt mà chúng ta ăn lợn cả lông!

Thế là trong nháy mắt Diệp Kiếm Anh mất quyền. Hồi đó Trương Xuân Kiều không chú ý điều này, ông chỉ để tâm vào cái ghế thủ tướng. Chu Ân Lai tạ thế, Đặng Tiểu Bình bị lật đổ lần thứ hai, thì còn ai vào đây nữa? Ấy thế mà bỗng chốc lại là Hoa Quốc Phong chứ không phải ông. Liên tưởng đến năm ngoái, cũng vẫn kiện số một, dùng một cái đưa Đặng Tiểu Bình với bao nhiêu là chức vụ, và chẳng bao lâu Mao Trạch Đông lật bàn tay, mọi chuyện vẫn như cũ, Trương Xuân Kiều rùng mình, rồi hạ bút ghi lại đôi dòng “nhị nguyệt tam nhật hữu cảm” (những cảm xúc nhân ngày 3 tháng 2)...

Biết Giang Thanh là người đã nói là làm, không ai ngăn cản được nên Trương Xuân Kiều đành khuyên:

- Có lẽ đồng chí phải xin ý kiến Chủ tịch.
- Tất nhiên.

Nhưng Mao Trạch Đông lắc đầu khi nghe thư ký báo cáo lại điều này. Đây cũng là lúc mà thần trí ông tỉnh táo nhất, ông ăn được nhiều hơn một tí, không phải thở dưỡng khí nữa và lại đeo kính đọc sách. Lỗ Dân hiểu rõ đèn sắp tắt thường bùng sáng lên như vậy, nhưng anh giữ kín miệng và cứ để cho mọi người nuôi tia hy vọng mới. Giang Thanh nài nỉ mãi và cuối cùng thì con bệnh thập tử nhất sinh phải ú ớ, nảo nuốt:

- Ủ, đi thì đi.

Ngày hôm sau, mùng 2 tháng 9, Giang Thanh và đoàn tùy tùng gồm nhà văn, nhà báo và chuyên viên đáp chuyến xa dài tới 7 toa đi Đại Trại. Máy đêm liền mất ngủ, dung nhan lão bà có đôi phần sa sút, nhưng chưa lúc nào lại nhẹ nhõm như hôm nay. Giang Thanh không quên trang điểm tí xiu để ra vẻ vui mừng khi gặp xã viên Đại Trại.

- Chào các đồng chí, xin báo một tin vui. Mao Chủ tịch của chúng ta vẫn mạnh khỏe. Người cử tôi đến thăm Đại Trại và động viên cổ vũ phong trào phê Đặng phản hữu ở đây.

Suốt hai ngày, Giang Thanh ra tận ruộng nói chuyện với xã viên, leo lên Hồ Đầu Sơn quan sát, thăm các gia đình bản nông và trung nông lớp dưới, diễn giải lịch sử đấu tranh Nho pháp và ý nghĩa của phong trào phản kích hữu khuynh góc đầu v.v... Quách Phong Liên - Bí thư Đại Trại - người đón tiếp Giang Thanh, không rõ mục đích những việc làm này của bà, vì thật ra điều bí mật ẩn giấu trong con người, gọi là “lãnh tụ tả khuynh” như bà, chỉ vài người biết được mà thôi.

Tối mừng 5 tháng 9, văn phòng Trung ương điện cho Đại Trại, báo Giang Thanh nhanh chóng trở về Bắc Kinh. Bà tỉnh giấc, chột dạ nhưng gương cười:

- Không hề gì, hãy bình tĩnh, có ra về cũng phải đành hoàng, tự nhiên.

Bà bèn gọi mọi người thức dậy chơi bài cho bớt phần căng thẳng. Giang Thanh đi tàu nhanh từ Dương Tuyền về Thạch Gia Trang, rồi sau đó bay thẳng Bắc Kinh, bà luôn xem đồng hồ, thân tín nhìn thấy vẻ hoảng loạn của bà nên đành khuyên:

- Thủ đô nhất định phải chờ đồng chí...

- Chủ tịch thế nào rồi?

- Vừa ngủ - Trương Xuân Kiêu thở phào nhẹ nhõm trút được mọi âu lo. - Mấy hôm sau Chủ tịch thường ngắt lịm, tôi thấy Hoa Quốc Phong, Lý Tiên Niệm, Diệp Kiếm Anh hoạt động dữ lắm. Ông Đông Hưng cũng ngã về phía họ, sợ chuyện chẳng lành, vả lại Chủ tịch ra hiệu cho gọi đồng chí trở về.

- Nhắc Viễn Tân lúc này phải ghi đầy đủ mỗi câu, thậm chí mỗi chữ của Chủ tịch.

Trương gật đầu nhận mệnh lệnh của Giang và lôi trong cặp ra một tập giấy.

- Đây là bản thảo của phóng viên tờ *Bắc Kinh nhật báo* đưa tin về đồng chí, Diêu Văn Nguyên yêu cầu Thành uỷ Bắc Kinh ký duyệt để ấn phát, song họ khước từ, chẳng mấy chốc mà thủ đô trở thành một vương quốc riêng.

Mùng 7 tháng 9, Mao Trạch Đông lại tỉnh, ăn được tí cháo, uống được muỗng sữa, ông lấy ngón tay vạch 3 vạch trên giường gỗ và người ta đoán rằng Chủ tịch muốn nắm tình hình Tam Mộc bên Nhật Bản, thừa lại đầu đuôi thì nghe Người phỉ phào vài âm thanh kiểu như đồng ý. Giang Thanh bước vào, mừng rỡ, ngồi cạnh Mao Trạch Đông, giúp ông đeo kính và lật tài liệu bắt ông đọc. Bà ghé sát vào tai Mao Trạch Đông và nói to:

- Tình hình trong nước nghiêm trọng lắm, có kẻ đang phá rối phong trào phê Đặng phản hữu của Chủ tịch... Tôi e...

Mao Trạch Đông bỗng run lên và mặt mày nhăn nhó, Lỗ Dân hoảng sợ, đưa mắt ra hiệu cho Giang Thanh, xin bà đừng nói nữa, nhưng bà ta vẫn oang oang, cuối cùng thầy thuốc đành phải ra y lệnh:

- Thừa đồng chí Giang Thanh, cho phép chúng tôi đo điện tâm đồ của Chủ tịch.

Chiều hôm sau, bà lại đến và thấy Mao Trạch Đông nằm bất động.

- Các người nhìn xem, vãi trái giường của Chủ tịch ướt hết cả rồi.
- Dạ thưa, Chủ tịch đã không cử động được nữa.
- Và cứ thế mà chờ... hay sao?

Nói đoạn bà rí vào tai Mao Trạch Đông:

- Chủ tịch à, tôi vừa mang về cho Chủ tịch một tài liệu quan trọng nữa, Chủ tịch đọc nhé!

Giang Thanh ra lệnh cho mọi người vắn Mao Trạch Đông nằm nghiêng lại, đeo mực kính cho ông, đưa tài liệu để ông đọc. Lúc 6 giờ chiều mùng 8 tháng 9, Giang Thanh thắng xe vào nhà in Tân Hoa xem kết quả Tạ, Trì điều tra đặc vụ đến đâu rồi, song cả hai thuộc hạ đều chưa làm gì cả. Bà trút cơn lôi đình lên hai người và thúc xe trở về Trung Nam Hải.

Mao Trạch Đông mặt mày xanh tím. Các thầy thuốc đang ra sức cứu chữa, hình như những giờ phút chót đã dần đến. Trong bệnh phòng, Trương Xuân Kiêu đang xem lại bệnh án, khi thư ký của Mao Trạch Đông bước vào, ông vội vàng thu giấu tài liệu mật và người ta vẫn bảo mật như vậy cho đến thời khắc này. Chả trách hai tháng trước đây, trong thông báo của Bộ Chính trị gửi cán bộ cao cấp của Đảng, Trương Xuân Kiêu đã tự tay viết thêm một đoạn rằng: “Bệnh tình của lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông ngày một thuyên giảm, và sẽ trở lại vị trí công tác trong nay mai”.

Diệp Kiếm Anh phản đối cách viết như vậy. Ông nói:

- Đó không phải là sự thật. Thông báo bệnh tình của Chủ tịch đến cán bộ cao cấp của Đảng cần trình trọng, nghiêm túc. Nếu đến họ - những cốt cán mà không tin nữa thì chúng ta còn biết làm việc với ai? Đối trá, nhờ Chủ tịch có mệnh hệ gì thì chúng ta nói như thế nào với mọi người?

Uông Đông Hưng nghe phải cũng hùa vào:

- Diệp nguyên soái nói rất đúng, cần trao đổi triệt để với cốt cán.

Giang Thanh nhìn mọi người và bắt đầu lên giọng:

- Triệt để cái gì? Chủ tịch rất cường tráng, khả năng đề kháng rất cao, và chính tôi biết rất rõ, rất triệt để điều này, đồng chí Uông Đông Hưng ạ. Chẳng lẽ thông báo là suốt ngày Chủ tịch hôn mê, chẳng lẽ các đồng chí muốn tạo ra sự hỗn loạn?

- Thôi thôi, sức khoẻ của lãnh tụ là tài sản vô giá của toàn Đảng toàn dân, và trong lúc này là yếu tố quyết định đến toàn cục, đến sự ổn định cả nước. Xin các đồng chí không nên tranh luận nữa, cứ thế mà quyết.

Trương Xuân Kiêu lựa lời dàn xếp, nhưng khi đưa lên Hoa Quốc Phong ký thì ông cương quyết gạch bỏ đoạn nói láo kia. Trương, Giang tức lắm:

- Mới có Phó Chủ tịch mà đã lên mặt, hãy đợi đấy, đợi đến lúc Chủ tịch bình phục sẽ được tính sổ.

### 3. TÁNG MAO HAY PHÊ ĐẶNG

Sức khoẻ của Mao Trạch Đông ngày càng sa sút và ý chí phục thù của Giang, Trương cũng theo đó mà suy giảm. Một hôm, Mao gõ thành giường gọi trực ban và Hoa Quốc Phong, Vương Hồng Văn và Uông Đông Hưng xích lại gần và với một giọng khó nhọc, mệt mỏi, ông nói:

- Người xưa bảo nhân sinh thất thập cổ lai hy, tôi nay đã hơn tám mươi tuổi rồi, nên thường nghĩ chuyện sau này. Ở Trung Quốc lại có câu: đây xong nắp hòm là có thể phán định được rồi, nắp hòm của tôi tuy chưa đây, nhưng có đây cũng nhanh thôi và do vậy bây giờ là lúc cần phán định.

- Dạ thưa Chủ tịch, Chủ tịch còn khoẻ lắm, còn sống vài chục năm nữa, ít nhất là mười năm nữa ạ - Trương Xuân Kiều nịnh Mao.

Ông cười và tiếp tục mạch tư duy của mình:

- Đời tôi làm hai việc, một là giao tranh với Tưởng Giới Thạch mấy mươi năm, cuối cùng đuổi họ ra mấy hòn đảo. Kháng Nhật 8 năm và mời được người Nhật về nước, tiến vào Bắc Kinh, đặt chân đến Tử Cấm Thành. Đối với việc này, người tranh luận không mấy ai, có chăng chỉ là thúc giục tôi mau chóng lấy lại các hòn đảo đó mà thôi. Việc thứ hai như các đồng chí đã biết, ấy là chuyện phát động cuộc đại Cách mạng văn hoá, người ủng hộ không nhiều, người phản đối không ít. Cả hai việc đều chưa xong, còn dở dang, phải bàn giao lại cho hậu thế. Bàn giao bằng cách nào? Hoà bình mà giao hay phải đâm đá lẫn nhau? Nếu chọn hai, thì máu đổ xuống xương tan, và các đồng chí sẽ làm như thế nào? Chỉ có trời mới biết!...

...Trương Xuân Kiều đang miên man nhớ lại những chuyện xưa, nhớ lại cái hồi đầu “văn cách” thân như chiếc lá giữa dòng, thế mà nay đang chuẩn bị nhận bàn giao của lịch sử, yên hàn hay can qua, nhờ cậy ai bây giờ, đến như Mao cũng đầy nỗi bi thống... đang mơ màng giữa thực hư như vậy thì chuông điện thoại 202 réo lên, ông giật thót người. Cùng lúc Giang Thanh ập tới hỏi Trương:

- Báo cho Hoa Quốc Phong chưa?

- Chưa, 4 giờ chiều còn đọc sách, 8 giờ tối tay lạnh ngắt, 9 giờ thì cấp cứu, và bây giờ...

- Chủ tịch, Chủ tịch, Nhuận Chi, tôi đây mà, ông hãy mở mắt xem, Giang Thanh đây...

Đó là ngày mừng 8 tháng 9 năm 1976. Người còn đang đọc sách, đọc sách cho tận cuối đời và rồi cũng...

Hoa Quốc Phong nhận được điện thoại vội vàng chạy đến bên Chủ tịch. Ông phủ phục kêu gào:

- Mao Chủ tịch, Mao Chủ tịch!

Mao Trạch Đông mặc bộ quần áo trắng lạnh, đắp chăn trắng, nằm bất động trên giường. Mao mở mắt nhìn Hoa - Phó Chủ tịch Trung ương, Thủ tướng Chính phủ vừa mới lên ngôi chưa tròn một năm - như muốn nói điều gì mà không sao phát ra thành lời, mắt và miệng cứ chảy một loại nước màu trắng; lau mãi vẫn không ngưng được. Hoa Quốc Phong là một trong những lãnh đạo mà Mao tin nhiệm nhất vào lúc cuối đời. Khi Chu Ân Lai tạ thế, ông nén sự dày vò đau khổ, cẩn thận chọn người thay thế. Người đó phải làm việc thực sự, điều phối các quan hệ nội ngoại của cả quốc gia. Trong “nháy mắt”, Hoa được kế vị thế Chu, làm cho dư luận vô cùng sùng sốt vì không ai dự kiến rằng Hoa sẽ là Thủ tướng. Còn đối với Hoa, tựa như niềm vui từ trên trời rơi xuống, ông có đôi phần cảm nhận trước và giờ đây cảm thấy lo lắng vô cùng.

Hoa nắm tay Mao, bàn tay của vị thống soái thiên binh vạn mã, từng sóng gió hơn 60 năm qua mà nay lạnh cứng, vàng vọt như một phần của tử thi.

- Thông báo cho toàn thể ủy viên Bộ Chính trị đến thăm Mao Chủ tịch và... - Hoa Quốc Phong không thể thốt ra những chữ cuối cùng “...và từ biệt người”, vì lâu nay ai cũng sợ mắc trọng tội - mong Chủ tịch chết sớm - nên ngoài việc cấp cứu, bảo mật, người ta chưa hề nghĩ đến chuyện hậu sự cho Mao. Giang Thanh vờ như chưa nghe rõ:

- Đồng chí bảo sao?

- Phải để cho tất cả Bộ Chính trị được gặp Chủ tịch, nhờ Người có mệnh hệ gì chúng ta còn có thể giải thích được với toàn Đảng, toàn dân.

Dẫu sao thì cũng phải chấp hành ý kiến của Phó Chủ tịch thứ nhất, Giang Thanh không còn cách nào để chống đối, bà lâm bầm:

- Sắp nổi gió rồi đây, bọn hữu phái sẽ lại nhảy ra.

- Sớm muộn gì cũng có một ngày như thế, sợ mà làm gì?

Trương Xuân Kiều an ủi, nhưng bà lòng lên:

- Sợ à?

Rồi hạ giọng:

- Cẩn thận, Hoa Quốc Phong!

Và bà truy hỏi Mao Viễn Tân - cháu ruột của Mao, liên lạc viên giữa Chủ tịch và Bộ Chính trị Trung ương Đảng, phiên dịch phương ngữ Hồ Nam ra tiếng phổ thông:

- Chủ tịch không để lại di chúc ư?
- Chưa tìm thấy!

Giang Thanh thoáng chút nghi ngờ cái thằng cháu mà bà đã bỏ công nuôi dạy, biết hút thuốc lá thơm và xem phim ảnh ngoại. Nó giống như ông Mao hồi còn trai trẻ: trắng kiện, da nâu, tóc dày, cơ bắp phát triển và rất đàn ông, cũng thích bơi lội và hay bông đùa với các cháu gái: “Người ta ngồi ghế bốn chân; còn anh năm, sáu, bảy, tám cơ. Em nào không tin, thì lại đây mà xem”.

Nhưng Viễn Tân khác với bác nó cái khoản đọc sách, thế mà giờ đây lại sáng giá, nặng cân.

- Cháu phải để ý Hoa Quốc Phong, ông ta im im chờ Chủ tịch qua đời rồi mới tính chuyện. Gần đây, Trương Xuân Kiêu đang nghiên cứu cách đoạt quyền của Khrusov sau khi Stalin tạ thế, cháu nên nghe Trương giảng giải thêm.

Viễn Tân thưa:

- Vâng.

Nhưng bụng nghĩ “cóc cần”!...

Bắc Kinh đêm tháng 9 huyền ảo và oi nồng, nhưng nơi đây, chỗ ở của Mao Trạch Đông thì vô cùng yên tĩnh và thần bí. Mao nằm đó, mặt vàng như nghệ, miệng mấp máy, mắt mơ màng nhìn từng uỷ viên Bộ chính trị đi quanh bên mình. Ông đang toan tính, nghĩ suy điều gì thì lịch sử không hề ghi nhận được. Không ai dám dừng lâu, sợ Chủ tịch kích động sớm ra đi và Diệp Kiếm Anh - lão suý 79 tuổi cũng vậy, ông cúi nhìn Chủ tịch rồi hướng về phía sofa gục đầu thẫn thức, nhưng nhân viên đã thưa rằng:

- Chủ tịch cho gọi Thủ tướng.

Mao Trạch Đông dùng tàn lực đưa bàn tay lên, định nắm lấy tay Diệp Kiếm Anh. Nhưng bàn tay tự rơi xuống, nó không còn nghe sự chỉ huy của cái đầu nữa rồi và vĩnh viễn nằm lại đó.

- Chủ tịch, xin Người hãy cẩn trọng. Người sẽ khoẻ và Trung Quốc không thể mất Người.

Đó là câu nói cuối cùng mà Mao còn nghe được, câu nói của một lão tướng từng xông pha bao trận mạc nhưng lại phải ngã quỵ dưới ngòi bút của ông.



- Chủ tịch có căn dặn gì không?

Mọi người vây quanh Diệp Kiếm Anh.

- Không!

Giang Thanh nhân cơ hội và như ra lệnh, bà nói:

- Tất cả đã rõ, và có lẽ Trung ương không cần ra thông báo làm gì nữa, nhằm phòng chống sự phá hoại của kẻ địch. Bây giờ các đồng chí có thể trở về.

Diệp Kiếm Anh nắm tay Hoa Quốc Phong:

- Thủ tướng, lúc gian nguy này, xin Thủ tướng ra tay và giữ gìn sức khoẻ.

- Lão suý cũng vậy.

Mọi người rời khỏi tư dinh của Mao không bao lâu, thì 0 giờ 10 phút ngày 9 tháng 9 năm ấy - 1976, tiếng khóc đã oà lên từ phòng bệnh Mao Trạch Đông. Bánh xe lịch sử vẫn quay, mọi trầm tư đều vụn vỡ, mở ra một màn quan trọng trong câu chuyện “hai mươi tám ngày đêm” của chúng ta.

Rạng ngày 9 tháng 9, toàn thể thành viên Bộ Chính trị được triệu tập họp khẩn cấp nhưng không rõ nội dung cụ thể. Khi nhân viên văn phòng đưa băng đen và hoa trắng cài cho từng vị thì mọi người đều nhòa lệ, nổi bi thống như nhấn chìm cả hội trường. Dầu vẫn biết ngày đau thương này sớm muộn gì cũng phải đến, nhưng sao Người ra đi đường đột đến thế. Diệp Kiếm Anh lấy lại tư thế của một Nguyên soái, của một Phó Chủ tịch, giọng ông xưa nay vẫn sang sảng nhưng giờ đây nghẹn ngào:

- Đồng chí Quốc Phong là Phó Chủ tịch thứ nhất của Đảng, là người kế vị mà lúc sinh thời Mao Chủ tịch đã chỉ định, xin mời đồng chí có đôi lời với chúng ta.

Cả 20 vị uỷ viên Bộ chính trị đều quay nhìn lão suý và cảm nhận trọng lượng câu nói của người cao tuổi nhất trong số 3 Phó Chủ tịch Đảng. Sau khi văn kiện số 1 ngày 2 tháng 2 năm 1976 phát ra, bảo rằng, đồng chí Diệp Kiếm Anh lâm bệnh, mọi công việc của Quân uỷ Trung ương do đồng chí Trần Tích Liên đảm nhận, ông hiểu là tình thế đã đến mức căng thẳng và trên thế cuộc, Giang Thanh với Trương Xuân Kiêu đã thắng được một nước. Từ ấy, ông bớt lời, bớt việc, đóng cửa từ khách nhưng tuyệt không nhắm mắt, bịt tai mà như con mãnh hổ phủ phục chờ thời. Hôm nay, lúc này, ông nháy ra và cũng làm cho Giang, Trương chột tỉnh trong cơn mơ âm mưu mới mẻ của họ.

Hoa Quốc Phong mắt đỏ, nuốt lệ, mãi mới nói nên lời:

- Mong các đồng chí trong Bộ Chính trị hãy vì toàn cục mà tăng cường đoàn kết, cùng nhau đưa Đảng và nước nhà vượt qua bước nguy nan này.

Hội trường im lặng, trầm tư. Bổng Trương Xuân Kiêu lên tiếng:

- Thừa các đồng chí, chúng ta chỉ đau khổ thì không thể nào vượt được nguy cơ. Phải biến đau thương thành sức mạnh, trên cơ sở phê Đảng phản hữu mà đoàn kết toàn Đảng và kế thừa ý nguyện của Mao Chủ tịch, đưa cách mạng của giai cấp vô sản đến thắng lợi cuối cùng. Đây mới là lối thoát duy nhất của chúng ta.

Không mấy ai chú ý lời đề nghị của Trương, nhưng Diệp Kiếm Anh đã kịp thời phản bác:

- Tôi đề nghị trước tiên chúng ta phải bàn việc mai táng Mao Chủ tịch, hiện nay không có công tác nào quan trọng hơn nữa, các vấn đề khác sau hãy bàn.

Lời nói ấy làm cho Hoa Quốc Phong tỉnh lại. Ông gạt nước mắt, mở cặp và bắt đầu bàn bạc với mọi người. Bộ Chính trị nhanh chóng thống nhất: giữ gìn vĩnh viễn thi hài của Mao Chủ tịch, 3 giờ chiều hôm nay thông báo tin buồn này cho toàn thể nhân dân trong nước và trên thế giới, tổ chức quần chúng viếng Chủ tịch và cử hành lễ truy điệu tại quảng trường Thiên An Môn vào ngày 18 tháng 9 v.v...

Một vài người nêu ý kiến mời khách quốc tế, nhưng Trương Xuân Kiêu lý luận:

- Theo tập quán của nước ta, tốt nhất là không nên mời người nước ngoài. Chủ tịch vừa qua đời, chúng ta còn nhiều việc phải làm, không còn bao nhiêu sức lực mà đón khách, hiện nay công việc nội bộ là chủ yếu.

Thảo luận qua lại, cuối cùng hội nghị tán đồng ý kiến của Trương và phân công lịch trực linh cữu và chương trình tang lễ. Vương Hồng Văn bổ sung:

- Để đề phòng sự đột kích của đế quốc và bọn xét lại, toàn quân phải đưa vào tình trạng chiến đấu cấp một.

Trần Tích Liên hòa vào:

- Quân uỷ chúng tôi đã sẵn sàng.

Hội nghị sắp kết thúc thì Giang Thanh lấy ngón tay đẩy gọng kính và chậm rãi:

- Có lẽ các đồng chí chớ vội bãi họp, nên xem xét ý kiến của đồng chí Trương Xuân Kiêu vừa nêu. Tôi thấy hôm nay chúng ta đã bỏ qua một vấn đề quan trọng, rất quan trọng, có quan hệ đến toàn cục, có quan hệ đến sự

nghiệp giữ cho Đảng ta, nước ta không bị biến chất. Nhiều đồng chí rất lo là xem nhẹ vấn đề này.

Không khí phòng họp bỗng trở nên căng thẳng, nhiều người quay lại nhìn bà. Riêng Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm và nhiều đồng chí già khác vẫn lim dim ngả mình trên sofa...

- Đó là vấn đề phê Đảng. Khi còn sống, Chủ tịch đã nhiều lần nhắc nhở công việc này, các đồng chí có biết không? Chủ tịch đã bị Đặng Tiểu Bình bức tử. Bọn họ phủ nhận Cách mạng văn hoá, trên thực tế đã phủ nhận công lao của Chủ tịch, lúc lâm chung Người đã nói với tôi và Viễn Tân...

## 4. ĐI TÌM DI CHÚC

Giang Thanh càng nói càng dài dòng, như kiểu võ đê, không ai chịu nổi. Hoa Quốc Phong nhiều lần xem đồng hồ như nhắc khéo bà ta không nên tiếp tục nữa, cuối cùng ông đành chen vào:

- Phê Đặng tất nhiên là phải tiếp tục, nhưng bây giờ là tang lễ nhiều việc đang chờ chúng ta, tôi thấy thời gian đã quá...

Giang Thanh lườm mắt nhìn Hoa và vẫn thao thao:

- Các đồng chí biết không, cách đây không lâu Mao Chủ tịch đã từng nói: “Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, không biết giai cấp tư sản ở chỗ nào, chúng ở ngay trong Đảng Cộng sản, bọn người đi theo chủ nghĩa tư bản vẫn cứ đi con đường của chúng”. Ở đây là cả một vấn đề chiến lược, tôi đề nghị hội nghị phải nghiêm túc mà nghiên cứu công tác phê Đặng. Bộ Chính trị cần ra quyết định, đồng thời với việc bố cáo Mao Chủ tịch vừa tạ thế, công khai tuyên bố với toàn Đảng toàn dân là khai trừ vĩnh viễn Đặng Tiểu Bình.

Diêu Văn Nguyên lập tức lên tiếng:

- Tôi đồng ý ý kiến của đồng chí Giang Thanh, đó là hành động tốt nhất mà chúng ta kế thừa ý nguyện của Chủ tịch.

Lý Tiên Niệm chậm rãi đáp lại:

- Không đúng rồi, Chủ tịch yêu cầu chúng ta bảo lưu đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình, chúng ta không được làm trái ý Người.

- Đó là sự khoan hồng của Chủ tịch! - Vương Hồng Văn biện bạch.

- Nhẽ nào bây giờ chúng ta không khoan hồng như Chủ tịch hay sao?

Xuân Kiều và Giang Thanh định nói điều gì, chưa kịp, thì lập tức Diệp Kiếm Anh liền “nhảy ra”:

- Đồng chí Giang Thanh, đồng chí có biết lúc này là lúc nào không? Toàn dân hãy còn chưa biết vừa xảy ra sự kiện gì, lệ hãy còn chưa ráo trên khoé mắt của các đồng chí Bộ Chính trị, tang lễ Chủ tịch hãy còn chưa cử hành. Thế mà đồng chí định kéo chúng tôi làm việc gì vậy? Đối với Đặng Tiểu Bình sau này hẵng bàn, bây giờ chúng ta phải theo trình tự. Đồng chí Quốc Phong, đồng chí là Phó Chủ tịch thứ nhất, theo đồng chí việc nào là số 1, việc nào là số 2?

Hoa Quốc Phong âm ừ chưa biết trả lời ra sao thì Lý Tiên Niệm bồi tiếp, vừa nhu lại vừa cương:

- Tôi đồng ý ý kiến của Kiếm Anh, mong đồng chí Giang Thanh bình tĩnh. Chủ tịch vừa ra đi, chúng ta đều rất đau khổ, mai táng Chủ tịch là quốc tang, chúng ta cần thực hiện chu đáo.

- Tôi đồng ý ý kiến của Diệp suý và Tiên Niệm.

- Tôi cũng đồng ý...

- Mao Chủ tịch không còn, chúng ta đang ở vào thời khắc cam go nhất, phải đoàn kết hơn nữa, đoàn kết quanh Trung ương Đảng đứng đầu là đồng chí Hoa Quốc Phong.

Giang Thanh chột dạ. A, lão Diệp đang kéo họ Hoa về phía họ. Bà núng thê và đành a vào:

- ...Mà trung tâm là đồng chí Quốc Phong...

Trương Xuân Kiêu ngơ ngác trước bước lùi của chủ tướng, nói nhỏ gì đó với Giang, nhưng bà ta cười khẩy:

- Cứ để cho họ phóng, thả sức mà phóng, và đúng thời cơ ta sẽ phản kích. Khá khen cho Diệp Kiếm Anh, cuối cùng thì lão đã nhảy ra, thế mà hay, để rồi xem sức ta mạnh hay binh mã của lão nhiều!

...Đó là cuộc giao tranh đầu tiên vừa xảy ra sau khi Mao Trạch Đông mới nhắm mắt. Thi hài ông còn chưa lạnh hẳn mà người ta đã lợi dụng tên tuổi ông cho mưu đồ của mình!...

Diệp Kiếm Anh trở về tư dinh, lòng nặng trĩu ưu phiền. Vừa đến cổng thì đã thấy hai chiếc xe dừng ở đó, ông nhanh chóng nhận ra chủ nhân của chúng là ai, bèn nhẹ nhàng mở cửa và bảo người lái quay lại trụ sở Quân uỷ. Vương Chấn và Nhiếp Vinh Trăn cùng ra nghênh tiếp Diệp:

- Chúng tôi chờ Diệp suý đã lâu.

Bỗng họ dừng lại, nghẹn ngào vì bắt gặp vòng băng đen trên tay áo của ông. Cả 3 người im lặng. Diệp Kiếm Anh thở dài:

- Ông già mang đi cả một bầu tâm sự, 3 giờ chiều hôm nay sẽ thông cáo trên đài phát thanh cho cả nước. Các anh đã chuẩn bị gì chưa?

- Thừa Diệp công, mọi việc đã hoàn tất từ lâu.

Vương Chấn nhanh nhẹn trả lời. Diệp mở máy thu thanh và chuyên mục Đại Cách mạng Văn hoá hảo cứ oang oang phát ra những lời lẽ phê Đặng và quyết tâm đưa cuộc chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

- Họ thật điên cuồng, giờ này mà vẫn đấu đá. - Diệp Kiếm Anh bực mình như muốn thét lên, Vương Chấn liền đáp lại:

- Chủ tịch đã tạ thế, hậu sự chưa lo lắng gì, chỉ cứ nhằm Đặng mà phê. Nhẽ nào chúng ta để họ ám hại xong Đặng Tiểu Bình, giam lỏng xong Diệp công đây rồi mới trở tay?

Vương Chấn nhỏ hơn Diệp Kiếm Anh 11 tuổi, nên thường gọi ông là “Diệp công”. Vương người huyện Lưu Dương, tỉnh Hồ Nam, cũng là đồng hương với Mao Trạch Đông, thỉnh thoảng gặp nhau. Mao nói đùa:

- Sao đồng hương không béo lên một tý mà cứ gầy mãi vậy?
- Dạ thưa, bản dạng khó thay đổi.
- Ủ nhỉ, bản dạng khó thay đổi, khó thay đổi.

Mao gật gù nhìn Vương. Năm 1922, Vương Chấn tham gia bạo loạn ở đoạn đường sắt Trường Nhạc Việt Hán, sự nghiệp thất bại, bèn vào quân đội công nông bảo vệ căn cứ cách mạng Tương Cán, chống bao vây. Tám năm kháng Nhật, ông từng là Lữ đoàn trưởng kiêm Chính uỷ Lữ đoàn 359 Bất lộ quân, chỉ huy chiến dịch thu phục các thành phố ở Tây Bắc. Sau đó, cả lữ đoàn của ông đi khai hoang tại miền Nam nêu tấm gương bộ đội tham gia sản xuất, xây dựng căn cứ và được Mao biểu dương nhiều lần. Từ năm 1949, đảm nhận các chức vụ Bí thư phân khu Tân Cương, quyền Tư lệnh quân khu, Tư lệnh tự vệ đường sắt và Bộ trưởng Nông khẩn. Văn cách bùng nổ, Vương cũng bị phái tạo phản đưa vào danh sách đầu tố, nhưng may sao được Mao kịp thời chỉ thị:

- Đồng chí Vương Chấn là một chiến tướng, đầu đồng chí ấy không có bím tóc để nắm giựt, một con người sạch sẽ hiếm thấy.

Vương thoát nạn, nhưng không vì thế mà không chửi bới bọn tạo phản. Chuyện đến tai Mao, ông hỏi:

- Anh chửi họ cả ngày, nếu họ lật đổ anh thì sao?
- Tôi cũng chẳng sợ.

Vương Chấn trả lời không chút do dự. Mao cười mà rằng:

- Lật không đổ đâu, đã có tôi đỡ đằng sau.

Diệp Kiếm Anh quý mến Vương Chấn, cũng như Nhiếp Vinh Trăn - chiến hữu với nhau từ lúc còn sinh viên Đại học Phương Đông ở Mạc Tư Khoa, là giáo viên trường quân sự Hoàng Phố, là nghĩa quân Quảng Châu, rồi sang Hương Cảng và mấy chục năm chung lưng nơi trận mạc.

Ông tư lự giải thích:

- Theo tôi, họ chưa dám ra tay ngay đâu.
- Nhưng, binh quý thần tốc! - Vương nhanh nhẩu.

Sáng nay, tại cuộc họp của Bộ Chính trị, vẫn có người bàng quan, vẫn có người a dua, và diễn viên của họ vẫn còn xuất sắc lắm.

Nhiếp Vinh Trăn ra vẻ băn khoăn:

- Theo Diệp suý, lúc lâm chung Chủ tịch có để lại di chúc hay không?

- Người không còn nói được nữa, muốn căn dặn tôi điều gì đó mà nói chẳng nên lời. Tôi đoán chắc Chủ tịch nghĩ rằng mình không thể ra đi sớm như thế này nên chưa kịp chuẩn bị và do đó Người chỉ khóc.

- Phải làm rõ là có di chúc hay không và cần cảnh giác bọn họ nguy tạo. Thừa Diệp công, ta phải ra tay, kéo muộn.

Diệp Kiếm Anh ngã mình trên sofa, vừa suy nghĩ về những lời giục giã của Vương, Nhiếp; vừa nhớ lại từng gương mặt mọi người dự họp sáng nay. Là một nguyên soái nhìn xa trông rộng, biết giấu mình, ông không giống ai đó chưa động binh đã nổi gió, chưa ra tay đã hù thiên hạ, chỉ khi nào đảm bảo hy vọng đến 99% Diệp mới tiết lộ kế sách của mình. Từ hồi tháng 7, khi Mao Trạch Đông bắt đầu lâm bệnh, Diệp Kiếm Anh đã có một dự định, nhưng những tri âm, tri kỷ như Vương, Nhiếp đều không đoán nhận được...

- Thừa Diệp công, dân chúng oán hận nhóm Thượng Hải, không phục cách giải quyết sự kiện Thiên An Môn...

- Nhưng họ đều là các vị tướng do Chủ tịch phối cử, điểm danh.

- Bọn họ giả danh thiên tử ra lệnh chư hầu, nhẽ nào ta chịu thua, cứ tiền trạm hậu tẩu. Chúng táng tận nhân tâm lắm rồi, không còn đảng tính gì nữa, đáng tội bắt giam...

Diệp Kiếm Anh biến sắc, hốt hoảng ra hiệu cho Vương Chân cầm khẩu, dò xét bốn bề. Ông hoàn toàn hiểu tấm lòng của hai tướng lĩnh, nhưng thời cơ chưa đến, còn có một nhân vật quan trọng, then chốt, đó là Hoa Quốc Phong - Phó Chủ tịch thứ nhất, Thủ tướng Quốc vụ viện, người kế vị mà đích thân Mao Trạch Đông đã chọn cử, tuy Hoa không phải là người nhà binh, nhưng việc điều quân khiển tướng không thể qua mắt ông ta được, vấn đề là Hoa Quốc Phong chưa tỏ rõ quyết tâm.

- Thái độ của Hoa Thủ tướng như thế nào?

- Trước mặt chúng ta là 3 con đường - áp lực của Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, nhấn nhọc cầu toàn cứ thế ém nhin; hoặc vừa đấu tranh vừa hợp tác với họ, nhượng bộ và phân quyền, càng làm cho phái Giang - Trương có cơ lấn tới, con đường thứ 3 mới là đứng về phía chúng ta, chống lại “tứ nhân bang”.

- Hoa đi theo con đường nào?

- Chưa nói được, nhưng sớm muộn gì thì Hoa Quốc Phong cũng nhận ra rằng Giang, Trương không thể dung nạp ông. Các đồng chí cứ chờ mà xem trong vòng một tháng thôi, vận mệnh của Trung Quốc tất phải được

quyết định. Họ sẽ nhảy ra và các đồng chí cần thủ trại vững vàng, nắm chắc động thái của quân đội mà tiến công.

Diệp Kiếm Anh còn hỏi Vương - Nhiếp về quan hệ với Uông Đông Hưng, Chánh văn phòng kiêm Chính uỷ quân đội bảo vệ Trung ương, nhiều năm nay phụ trách an toàn cho Mao Trạch Đông, là một trong 4 người được phân công chăm sóc Mao khi ông lâm bệnh, nhưng quan trọng nhất vẫn là bất luận ai muốn gặp Chủ tịch đều phải qua Uông - cửa ải đáng kể.

- Tôi và Uông biết nhau từ ngày còn ở Diên An, gần đây thăm dò cho thấy Uông Đông Hưng cũng đã chán ngán nhóm Giang Thanh. Tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu kỹ, nhưng chủ yếu vẫn là Hoa Thủ tướng.

\*

\* \*

Trong khi đó, mấy hôm nay Giang Thanh cũng hoạt động thật giáo trá. Bà nghĩ rằng, thời đại đã khác rồi, nữ mạnh hơn nam, phụ nữ của Trung Quốc mới không giống như xã hội cũ chỉ cam chịu bị chửi mắng, hàu hạ đàn ông. Hãy cho ta một cơ hội, ta sẽ mở đầu một chương mới trong lịch sử của phong trào cộng sản quốc tế - nhà nữ cách mạng đầu tiên lên nắm chính quyền lãnh đạo. Kể từ lúc Mao nhắm mắt, Giang Thanh rất chú ý ăn mặc, trang phục tuyên một màu đen trên người bà, thật buồn thảm và hiều phục. Bà vẫn tự tin. Tuy ngoài 50, trông Giang Thanh vẫn trẻ trung như chưa đầy 40, hồi xuân mãnh liệt, nên càng giữ gìn không cho bất cứ một đấng mày râu nào dám lẳng lơ lém phéng, để không mang tai tiếng ảnh hưởng đến danh tiếng Chủ tịch phu nhân. Theo Giang, thủ tiết thờ Mao là tài sản của bà, là sức truyền hô mệnh lệnh cho bàn dân thiên hạ, vì lợi ích chính trị, Giang Thanh có thể hy sinh tất cả.



## 5. NHỮNG NƯỚC CỜ

Giang Thanh vốn tinh thông sử sách từ khi còn trẻ, tự mãn rằng, mình đã hiểu hết chủ nghĩa Mác - Lê, không có điều gì là không rõ. Khi Mao còn sống, bà dựa vào người anh hùng này. Nay ông qua đời, có lẽ không gì quý hơn di sản tinh thần của cố nhân để lại, đó là vũ khí củng cố cơ sở cho mình và chống lại kẻ khác. Mao Trạch Đông vừa từ giã cõi dương chưa đầy 2 giờ thì việc đầu tiên của Giang Thanh là gọi Mao Viễn Tân đến và tra hỏi:

- Cháu có biết 9 bài phát biểu của Chủ tịch giờ ở đâu không?

- 9 bài nào? Cháu không biết!

- Trời ơi! - Giang Thanh như muốn nhảy lên. - 9 bài mà khi nổ ra Cách mạng văn hoá, Chủ tịch đã soạn, định nã pháo vào Lưu Thiệu Kỳ và bè lũ. Người sửa đi sửa lại nhiều lần, nhưng sau đó, do thay đổi sách lược nên chưa dùng đến. Đây là những tài liệu rất quan trọng, có ý nghĩa về đấu tranh mang tính đường lối trong tương lai cháu ơi!

- A, cháu nhớ ra rồi. Sinh thời Chủ tịch có nhắc cháu việc này. Người dặn dùng đó làm cơ sở lý luận cho Cách mạng văn hoá, sẽ thuyết phục được nhiều người, còn có cả bản ghi chép hai cuộc nói chuyện với Dương Đắc Chí và Vương Lục Sinh nữa. Thế mà cháu quên khuấy, giờ thì lo kẻ khác cuồn mạt rồi!

- Không được, phải tìm cho ra. Cháu biết hiện ở đâu không?

- Có thể đang ở chỗ Tiểu Trương.

- Mau lên, bác cần lắm!

Cách mạng văn hoá vừa 10 năm, Giang Thanh nghĩ đã đến lúc phải tổng kết, hệ thống lại phần lý luận, những giá trị chính trị và ý nghĩa lịch sử của cuộc đại vận động này. Bà đã xem hầu hết các bài viết và lời phê của Mao, thoát đầu chẳng có gì hấp dẫn, nhưng nếu nghiên cứu kỹ thì giống như thiên thư, là cả một pho chiến lược, sách lược tiến công tả - hữu. Đã mấy ai ở gần ông mà hiểu hết điều đó. Theo Giang Thanh, hiểu Mao là hiểu cả Trung Quốc, nên bà đã cố công nắm tài sản quý giá ấy, cho quá khứ và cho cả tương lai. Đang khi suy nghĩ tính toán mông lung thì Viễn Tân điện thoại báo cáo:

- Trương Ngọc Phượng khả nghi lắm, lúc thì bảo muốn mượn văn kiện, tài liệu của Chủ tịch phải có thủ tục cho phép của Trung ương, lúc lại

nói nguyên bản các bài viết ấy không ở chỗ cô ta. Cháu nghĩ, hình như con bé được lệnh không chịu giao những văn bản quan trọng đó.

Giang Thanh nổi xung, học tốc tới thư phòng của Mao, lục lọi hơn 2 tiếng đồng hồ và cuồn đi một số.

- Thừa đồng chí Giang Thanh, Chủ tịch vừa qua đời, Trung ương chưa quyết định về biện pháp xử lý các di bút của Người, xin đồng chí không nên đem tài liệu này đi nơi khác - Trương Ngọc Phượng, thư ký cơ yếu của Mao đã lễ phép thưa trình với bà như vậy.

Giang Thanh trừng mắt:

- Chủ tịch chết rồi, cô còn ở đây làm gì, khôn hồn thì giúp ta tìm tài liệu. Ta là vị vong nhân của Người, mọi tài sản ở đây do ta lo liệu, cô có biết không?

Tiểu Trương đành bất lực và Giang Thanh tự do hành động. Liên những ngày sau đó, Giang Thanh không hề chợp mắt, cuộc truy tìm di chúc vẫn chưa kết quả gì. Bỗng một hôm, Viễn Tân mang về cho bà một tài liệu, đó là lời phát biểu của Trương Thiết Sinh, người vừa được cử giữ chức Ủy viên thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (tức quốc hội), tại Liêu Ninh. Thoạt đầu Giang Thanh cho rằng chẳng có gì liên quan đến bà, nhưng càng đọc Giang Thanh càng khuyên đỏ, càng thích thú. “Hiện nay nước ta như một gia đình”, Trương Thiết Sinh ví von, “cha vừa tạ thế, cả nhà phải dựa vào anh cả, anh hai, anh ba mà sinh sống. Vấn đề bây giờ là có nhờ cậy anh cả được hay không? Tôi rất lo điều này. Rõ ràng Hoa Quốc Phong là nhân vật số 1, nhưng không hiểu ông ta biết làm việc gì đây... Nhân dân đang trông vào đồng chí Giang Thanh, bà là người hiểu biết tư tưởng của Mao Chủ tịch một cách sâu sắc nhất. Nếu bà ra gánh vác trọng trách thì chúng ta vô cùng tin tưởng, còn những vị khác ư? Thật khó mà đoán được họ sẽ đưa tiền đồ, vận mệnh của đất nước đi về đâu, nhất là các tướng lĩnh quân đội”.

Đọc xong bản tài liệu, Giang Thanh cảm động và khóc một mình. “Trời ơi! Tai mắt của quần chúng nhân dân sao mà sáng suốt vậy, đúng như lời Người dạy: “phải nắm lấy quần chúng!”. Giang Thanh đắm mình trong suy tưởng, say sưa về một mưu kế mới. Giữa lúc ấy thì mọi người đang tiếp tục nói hàng nhau, nức nở, gào thét trước linh cữu của Mao, tiếc thương vị lãnh tụ vừa ra đi mà di chúc của ông vẫn còn là một dấu hỏi.

Giang Thanh vô cùng ám ức. Làm người vợ đi truy tìm, nắm giữ di cảo của chồng mà lại phải qua Trung ương ra quyết định. Bà đoán chắc là có ai đó chỉ thị, nếu không Trương Ngọc Phượng đã không dám nói năng lỗ

mãng, ngăn cản mình như vậy. Cách mạng văn hoá bùng nổ, rồi những biến động long trời lở đất ở Trung Quốc diễn ra. Mao Trạch Đông ngày một già yếu và qua đời như hôm nay, mặc dầu bà và đám tiểu nhân ngoi lên từ tạo phản, đầu tổ đang nắm giữ trọng trách của Đảng và Nhà nước, nhưng vẫn còn đó lực lượng cán bộ già. Một số vừa được phục hồi danh dự, trở lại làm việc, giữa họ và Giang Thanh là cả hào sâu ngăn cách, ngày càng lộ rõ. Người ta nhìn bà với con mắt cừ thù, oán hận, đau thương và chua xót. Cả một đời cách mạng cuối cùng lại rơi vào tay con hát, cô đào xi-nê, quả là trớ trêu!

Giang Thanh không phải không cảm nhận điều này, nhưng vấn đề là làm thế nào để dần dần giải quyết mâu thuẫn và những nhân vật tiền bối kia. Còn giờ đây, trên bàn làm việc của bà là ngồn ngang tài liệu, lòng rối bời trăm mối, biết gỡ từ đâu. Cũng như nhiều người khác, Giang Thanh đã biết sẽ có một ngày như hôm nay, nhưng khi ngày ấy đến thì bà trở tay không kịp. Lúc Mao còn sống, bà chưa bao giờ sợ hãi điều gì, thế mà mới hôm qua tại hội nghị đầu tiên của Bộ Chính trị, ông cụ vừa nhắm mắt, đã có người công khai chống đối bà; nhiều người khác im lặng, miệng câm như hến. Bà những tưởng Hoa Quốc Phong cũng cúi đầu nhận lệnh như thuở nào, thì ông ta lại vô cùng mập mờ, áp úng. Đồ lừa đảo! Rồi bà sẽ cho ném mùi quả đắng của kẻ đứng giữa. Giang Thanh nhủ thầm như thế và vẫn đeo đuổi câu hỏi: “Ai sẽ là người kế vị Mao?”. Hoa Quốc Phong ư? Khó lòng mà dựa được, Diệp Kiếm Anh ư? Oan gia cừ hận chịu sao nổi. Vương Hồng Văn ư? Còn trẻ quá, làm thế nào gánh vác được sơn hà xã tắc. Và Trương Xuân Kiêu ư? Ông ấy đa mưu túc trí, vững vàng kiên cường, nhưng sao mà giống ta vậy, tích oán quá nhiều, là mục tiêu phản kích của phái cực hữu. Đã có lần Mao Trạch Đông nghiêm khắc chỉ tay mà rằng: “Các người bảo đưa Trương Xuân Kiêu lên làm thủ tướng là chẳng khác gì tách một bộ phận lớn rời khỏi tôi”. Nghĩ đến câu răn đe của Mao hồi Chu Ân Lai vừa tạ thế, Giang Thanh như quần bách, rối bời, bà kêu lên:

- Trời ơi!

Quả vậy, Trương Xuân Kiêu là người mà Giang Thanh tôn trọng nhất. Dạy ai, chỉ ai, chứ với Trương bà không dám. Ông ta không ngoi lên từ tạo phản, đầu tổ, mà đã được chuẩn bị từ lâu, đã được “thai nghén” trước cách mạng văn hoá, là công thần của Mao Trạch Đông. Nhiều người lầm tưởng rằng Trương Xuân Kiêu đã núp sau lưng Giang Thanh mà “trưởng thành” thăng quan tiến chức. Kỳ thực, khi quyết định phê phán kịch bản

“Hải Thuy bãi quan” của Ngô Hàm, Mao Trạch Đông đã chỉ thị cho Giang Thanh chủ động đi tìm Trương. Mao ủng hộ căn dặn:

- Trong lĩnh vực hình thái ý thức, tôi nhắm được một người. Anh ta vừa hiểu chính trị, vừa hiểu văn nghệ, đó là Trương Xuân Kiều. Và chỉ có Trương Xuân Kiều mà thôi.

Đầu năm 1965, khi gặp Trương, Giang Thanh đã nói câu đầu tiên:

- Xuân Kiều, tôi mời anh xuất sơn văn chính. Hãy “xuống núi” cùng chúng tôi gánh vác công chuyện. Nếu thành công, anh là công thần; còn chẳng may thất bại, mình tôi chịu tất cả. Tôi sẽ ly hôn với Mao, rồi đi vào nhà lao.

Trương Xuân Kiều lạnh lùng đáp lại:

- Không, đi theo Mao Chủ tịch, dù phải vào sinh ra tử, Trương Xuân Kiều tôi không hề nói nửa chữ “lùi”. Dù thành công hay thất bại, mình tôi đảm nhận. Chỉ cần đồng chí căn dặn, tôi sẽ làm tới cùng.

Và sau đó là cả một chuỗi ngày hợp tác keo sơn, bàn mưu tính kế, tâm đầu ý hợp. Giang - Trương như cặp bài trùng, kẻ đánh người đỡ, khoan dung, ủng hộ lẫn nhau. Giang Thanh nóng nảy lô bô, không ai chịu nổi; còn Trương Xuân Kiều thì ra vẻ độ lượng của một nhà chính trị, ông nhẫn nại, chăm chú, nghiêm túc lắng nghe mỗi lần bà ta thao thao bất tuyệt. Rồi đợi lúc bình tĩnh, Trương mới lựa lời nói ra sai sót của Giang, nói chính xác đến mức không sao cãi được. Thật là “tra anh hùng gặp gái thuyền duyên”. Họ khâm phục và dựa dẫm vào nhau.

Sau một cú điện thoại, Trương lập tức có mặt ở nhà Giang. Nhìn bộ mặt hùng hổ của bà, ông lắc đầu khuyên ngăn:

- Đồng chí Giang Thanh cần bình tĩnh. Đấu tranh trường kỳ, mọi việc chúng ta đã trù liệu cả rồi, vấn đề là chuẩn bị để đối phó với mức độ phức tạp mới.

- Đúng, từ khi ông cụ vừa nhắm mắt, lắm kẻ đã trở mặt, đến như con Trương Ngọc Phượng mà cũng dám quan cách với tôi. Tôi cần xem tài liệu của Chủ tịch mà hấn cả gan cản trở, yêu cầu xin ý kiến của Uông Đông Hưng. Trước đây làm gì có như vậy?

Thế là rõ, Trương vô cùng khâm phục khứu giác chính trị của người đàn bà luôn luôn biết nắm yếu điểm thời cuộc. Nắm được di cảo của Mao là nắm được quyền phát ngôn, quyền giải thích tư tưởng của Người và lại sai khiến được thiên binh vạn mã như xưa. Trước đây làm gì có như vậy? Phải nhanh tay đi nước cờ này.

- Tiểu Trương không là cái gì đáng phải để đồng chí quan tâm phiền muộn, chẳng qua là đám người đang đợi “gió chiều nào theo chiều đó”. Di cảo của Chủ tịch quyết định tất cả.

Giang Thanh hốt hoảng:

- 9 bài viết chưa công bố của ông cụ không biết nằm ở đâu, nếu lọt vào tay họ thì hậu quả thật khôn lường.

- Phải tìm cho ra, đồng chí Giang Thanh ạ. Năm ngoái, Chủ tịch còn dặn tôi đợi lúc Người gặp được cụ Karl Marx thì hãy công bố và sẽ đẩy lên cao trào thảo phạt bọn theo chủ nghĩa xét lại. Chủ tịch bảo rằng nói sớm không linh, diệu kế của tôi đấy... Chúng ta phải có trong tay bản gốc.

- Hay là cho Viễn Tân gặp Trương Ngọc Phượng? Hẳn chắc phải biết.

- Viễn Tân đã chỉnh lý tất cả những lời căn dặn của Chủ tịch trước lúc lâm chung chưa?

- Cũng không rõ nữa.

Trương Xuân Kiêu rảo mấy vòng trên thảm đỏ và với một tư thế rất phong độ, ông phán:

- Sinh thời Chủ tịch không viết di chúc, chỉ nói, đó chính là lời trăng trối của Người. Toàn Đảng, toàn dân và thậm chí cả thế giới đang quan tâm đến vấn đề này, xem Người có sắp đặt như thế nào, do đó chúng ta phải công bố trước hội nghị Trung ương, vì vậy công việc của Viễn Tân là một quả pháo ngàn cân.

Giang Thanh khâm phục tài nghệ cao thủ của Trương Xuân Kiêu. Cả trước mặt lẫn lâu dài ông ta đều quan tâm. Nay là lúc mà Trung Quốc đau thương, bi lụy, chưa có ai trong Bộ Chính trị đã tỉnh táo mà suy nghĩ như Trương, vả lại, đối với dân chúng ít chữ nghĩa, không cần đông dài giải thích; nắm chắc và nói ra một lần như đinh đóng cột là được.

Có một người đã nhìn thấy trước nước cờ này của Giang - Trương. Nói một cách chính xác là lúc Mao đang hấp hối, ông ta đã cảm nhận ra bước đi như thế. Ông là người từng theo sát, bảo vệ an toàn cho Mao trong mấy chục năm qua, cùng Mao đi khắp các nơi, là nhân chứng của biết bao cuộc hội kiến của Mao, tự thân mình thể nghiệm mọi phong ba bão táp mà mình chủ đã kinh qua, đặc biệt trong những ngày tháng “văn cách”. Ông hiểu rõ tác dụng của hành vi và bản thân con người Mao Trạch Đông. Đó là Uông Đông Hưng, Chánh văn phòng Trung ương, Chính uỷ quân đoàn bảo vệ Mao Trạch Đông. Ít ai xem trọng ông, kể cả Giang Thanh. Lắm lúc bà còn miệt thị, bảo ăn cơm cùng bàn mà vẫn sợ, chỉ dám bung bát ra một góc

ngồi nhai... Hãy nghe câu chuyện giữa con người “tôi đòi” đó với Hoa Quốc Phong.

Ấy là tháng 7 năm 1976, khi Mao lâm bệnh và Hoa Quốc Phong vừa nhậm chức Thủ tướng chưa được bao lâu, Uông Đông Hưng chủ động gặp Hoa:

- Thừa Thủ tướng, Chủ tịch rất tín nhiệm Thủ tướng, nhiều lần căn dặn tôi phục vụ chu đáo Thủ tướng. Vạn nhất Chủ tịch có mệnh hệ gì, xin Thủ tướng hãy an tâm, tôi sẽ ủng hộ, tôn trọng Thủ tướng như đã từng đối với Chủ tịch.

## 6. DÀNH TRƯỚC MỘT BÀI BÁO

Hoa mừng rỡ và có đôi chút ngạc nhiên, lắc mạnh bàn tay Uông:

- Tôi chưa có nhiều kinh nghiệm. Cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí. Chúng ta phải tìm mọi cách làm sao chủ tịch chóng bình phục; không có Mao Chủ tịch, Trung Quốc không biết sẽ ra sao?

- Thế nhưng ngày ấy ắt phải đến. Là người kế vị được Chủ tịch tín nhiệm, đồng chí Quốc Phong ạ, tôi nhận thấy đồng chí phải chuẩn bị nhiều mặt, kéo quyền lực sẽ bị vô hiệu hoá và phụ lòng kỳ vọng của Chủ tịch đối với đồng chí.

Hoa Thủ tướng sững sốt, mãi sau mới hỏi:

- Theo đồng chí tôi phải chuẩn bị điều gì?

- Đồng chí phải nắm chặt các văn kiện của Chủ tịch, vì chỉ có đồng chí là người kế vị hợp pháp, ngoài ra không ai khác.

Uông nhấn mạnh những chữ cuối cùng và nói tiếp:

- Một khi Mao Chủ tịch không còn nữa, ai cũng có thể giương cao cờ của Người mà hành động. Do đó, nếu những văn kiện, di cảo của Chủ tịch bị xuyên tạc, sửa chữa, thất lạc thì hậu quả thật không thể tưởng tượng nổi.

Hoa Quốc Phong suy nghĩ giây lát rồi kéo tay Uông Đông Hưng dặn dò:

- Công việc này có lẽ phải nhờ cậy đồng chí. Đồng chí là Chánh văn phòng; Chủ tịch đã tín nhiệm đồng chí, tôi lại càng tín nhiệm hơn. Đồng chí cứ quyết định mọi việc, nên làm thế nào thì làm như thế ấy.

Trong suốt quá trình cấp cứu Mao Trạch Đông, những lúc bệnh tình của Mao thuyên giảm, Hoa nhẹ nhõm định bụng trình bày với Chủ tịch vấn đề văn kiện, di cảo, nhưng vừa mở miệng là như không thể nói thành lời, sợ người quở trách, gác mãi, gác tận cho đến hôm nay... Khi nghe Uông báo cáo sự việc Giang Thanh lấy ở chỗ Trương Ngọc Phượng mấy bài viết của Chủ tịch, Hoa Quốc Phong bức dọc:

- Thật là người đàn bà không an phận. Bà ta định làm gì nhỉ?

- Xin Thủ tướng cho phép thu hồi?

Hoa Quốc Phong do dự:

- Hãy thư thả vài ngày. Chắc bà ta chỉ xem rồi trả lại thôi, mình thúc giục sẽ gây nên căng thẳng. Chờ đã, đồng chí Uông Đông Hưng ạ.

Nhưng với danh nghĩa Văn phòng Trung ương, Uông vẫn chỉ thị bảo quản toàn bộ tài liệu của Mao, chưa được Trung ương cho phép, không một ai tự động lấy bất kỳ văn bản nào.

Trong khi đó, tại Lễ đường Đại hội nhân dân, nơi cử hành nghi thức phúng điệu Mao Chủ tịch, Diệp Kiếm Anh nhận được tin do Tô Chấn Hoa báo cáo: dân quân tự vệ của Đại học Thanh Hoa, Đại học Bắc Kinh và cả Thượng Hải nữa đã được phát vũ khí. Nghĩa là họ đang chuẩn bị lực lượng vũ trang để bàn giao lịch sử trong can qua, nâng đấu tố lên một tầm cao hơn, ấy là chém giết.

- Xin Diệp công cho phép bắt ngay Trương Xuân Kiều và Vương Hồng Văn trước.

Đây cũng là một nước cờ của phái quân sự, binh quý ở chỗ thần tốc mà. Nhưng người tướng già mưu dũng Diệp Kiếm Anh đã không đi như vậy. Ông lèo lái ra sao?

Mấy hôm nay hầu như Đặng Tiểu Bình thức trắng, nhiều lần ông điện thoại xin Văn phòng Trung ương cho phép được đến cáo biệt di thể Mao Trạch Đông và tham gia lễ truy điệu sắp tới. Thoạt đầu không ai trả lời dứt khoát, nhưng cuối cùng gặp Uông Đông Hưng, ông ta nói:

- Không được, ông không đủ tư cách, hãy thành khẩn kiểm thảo sai lầm, triệt để sửa chữa khuyết điểm sao cho nhân dân tha thứ. Đó mới là hành động tưởng niệm Chủ tịch một cách thiết thực nhất.

Sau sự kiện “Thiên An Môn”, Đặng Tiểu Bình lại bị phê phán, tội trạng trầm trọng hơn lần trước, nhưng không phải đấu tố, lăng nhục, chỉ bị giam lỏng trong tư gia của mình.

Đêm nay, Bắc Kinh yên ắng như thể hàng vạn ngựa chiến đang phủ phục say nồng; ánh trăng yếu ớt dát bạc lên cỏ hoa, cây lá. Đặng ra sân suy tư, bên trong tiếng xướng ngôn viên vẫn phát ra đều đều từ máy thu thanh bán dẫn rằng, kế thừa ý chí của Mao Chủ tịch, rằng củng cố khối đại đoàn kết, rằng tiếp tục phê Đặng phản hữu, rằng củng cố và phát triển thành quả thắng lợi của “văn cách”... Đặng nghĩ thầm chỉ toàn là nói láo, đến lúc này mà vẫn không cho nhân dân nhìn thấy, sờ thấy, tin thấy thì làm sao thoát khỏi vòng lẩn quẩn khốn cùng. Đất nước đang ở ngã tư của vận mạng, đi từ đâu và đi về đâu, vẫn do con người cầm đầu. Đọc kỹ danh sách uỷ ban tang lễ đăng trên báo, Đặng ngạc nhiên vì sao lần này Mao Trạch Đông không chọn cho mình người kế vị. Người khoan dung độ lượng, người thể trạng suy lão không còn đủ tinh lực để tiến hành một cuộc đấu tố triệt để cuối cùng nhằm chọn lựa ai đó nối ngôi hay Bộ Chính trị muốn ổn định, không



xáo trộn đổi thay từ trên xuống dưới? Tất cả đều mang những dấu hỏi lớn mà đã là người làm chính trị, không thể sơ suất khinh thường... Nhớ lại ngày 3 tháng 11 năm ngoái, Mao Viễn Tân dẫn ông đến Trung Nam Hải gặp Mao Chủ tịch, Đặng Tiểu Bình thẳng xe, đỗ tại bể bơi thì xấp mặt hẳn.

- Sức khoẻ của Mao Chủ tịch thế nào rồi? - Đặng hỏi Viễn.

- Khá hơn trước nhiều, Chủ tịch nhờ tôi nói chuyện với đồng chí về vấn đề đánh giá kết quả của cách mạng văn hoá. Nhiều người nhận xét rằng từ ngày trở lại công tác, qua cách phát biểu của mình, đồng chí đã phạm sai lầm cầu toàn.

Viễn Tân với giọng điệu thái tử phán bảo già Đặng như vậy.

- Xin hỏi, sai lầm cầu toàn nghĩa là gì?

- Là chỉ xem cục bộ mà không xét toàn diện, tỉ như Cách mạng văn hoá đã thu được thắng lợi vĩ đại, khuyết điểm chỉ là ngón tay trên cả bàn tay thế mà họ vẫn cứ phê phán... Chủ tịch yêu cầu đồng chí nêu gương nhận sai lầm này, vì đồng chí là đại diện cho một nhóm người giữ thái độ như thế.

Đặng Tiểu Bình vô cùng bức tức trước vẻ trịch thượng của Viễn Tân - đưa cháu quý quyết của Mao. Đường đường là Phó Chủ tịch Đảng mà lại bị đối phương xem thường như thể con trẻ chưa hiểu biết gì, ông quát:

- Anh về thưa với Chủ tịch: bây giờ chưa phải là lúc đánh giá một cách toàn diện về Cách mạng văn hoá, còn lâu mới làm được điều đó. Chúng ta nên dành lại cho hậu thế công việc này, còn hiện nay cấp bách nhất là sửa chữa sai lầm của “Văn cách”!

- Sửa chữa sai lầm của “Văn cách”?

Mao Viễn Tân hỏi lại và mặt biến sắc.

Sau lần ấy, Đặng Tiểu Bình đau khổ lắm. Ông đã không kiềm chế được bản thân, bộc phát sôi nổi, thiếu sự điềm đạm kiểu Chu Ân Lai. Giá như ông lấy lùi làm tiên thì đâu phải lần thứ hai ra khỏi Trung Nam Hải. Nhưng giờ đây hối hận chẳng được gì mà hãy nghĩ một đôi sách mới, kịp với sự diễn tiến của thời cuộc vào nay mai. Đặng Tiểu Bình vẫn là Đặng Tiểu Bình!

Sáng hôm sau, Đặng Tiểu Bình ăn mặc chỉnh tề, bảo người phục vụ đánh xe ra khỏi nhà mà không cần báo cáo văn phòng.

- Hãy đưa tôi về quảng trường Thiên An Môn!

Gió thu thổi nhẹ trên lá cờ 5 sao rũ treo giữa quảng trường, phát ra tiếng phàn phật. Trên thành lầu Thiên An môn, lụa đen viền quanh ảnh chân dung Mao Trạch Đông, đôi mắt sáng long lanh của người thuở nào nay như ngỡ ngàng mà hỏi: “Ôi có chuyện gì vậy? Hồi Trung Hoa?”.

Cùng lúc ấy, tại phòng họp Hoài Nhơn Đường ở Trung Nam Hải, Bộ Chính trị đang thông qua nội dung điều văn sẽ tuyên đọc vào ngày truy điệu 18 tháng 9 năm 1976 sắp tới. Ngoài trừ Lưu Bá Thừa xin vắng mặt vì lý do sức khỏe, 19 vị khách đều nhất trí thông qua. Tất nhiên khi thảo luận, Trương Xuân Kiêu đã đề nghị bổ sung thêm một đoạn nhằm quán triệt lý luận tư tưởng Mao Trạch Đông vào tình hình cụ thể của Trúng Quốc lúc bấy giờ.

Sau hội nghị, Giang Thanh mời Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn và Mao Viễn Tân đến nhà mình họp kín. Giang Thanh khen ngợi:

- Đoạn bổ sung của Xuân Kiêu thật là tuyệt. Đó là cơ sở lý luận cho chúng ta trong cuộc đấu tranh giai cấp sau này, đồng thời cũng chứng tỏ đồng chí Trương là người nắm vững tư tưởng của Chủ tịch hơn ai hết, thật xứng đáng được làm phát ngôn viên về tư tưởng Mao Trạch Đông, chứ không phải là Hoa Quốc Phong.

- Lúc ấy tôi sợ Diệp Kiếm Anh nhảy ra phản đối. -Vương Hồng Văn hoạ theo.

- Ông ta có nhảy ra cũng không hề gì, càng tốt, vì sẽ là một Ngô Pháp Hiến thứ hai mà thôi. - Trương Xuân Kiêu kiêu ngạo giải thích.

- Diệp Kiếm Anh mưu mẹo lắm, ông ta không dại gì mà đi theo con đường của Ngô Pháp Hiến. Theo tôi, việc làm của chúng ta vừa rồi chưa gây được ảnh hưởng đặc sắc, cho nên cần phải làm cho nhân dân cả nước biết được những điều kỳ về cuộc đấu tranh hội bộ trong Trung ương. Hãy viết một bài đăng trên báo, công bố vài đoạn văn trời lúc lâm chung của Chủ tịch: Làm theo phương châm đã định.

Mao Viễn Tân phát biểu ý kiến của mình. Lập tức bà bác Giang Thanh tán dương:

- Ôi, bé hạt đậu khôn quá, phải lên tiếng, đúng! Nhưng lấy danh nghĩa của chúng ta hay của báo chí?

- Của báo chí - Xuân Kiêu hiến kế. - Tốt nhất là trước ngày truy điệu, như vậy sẽ tạo ra ấn tượng mạnh trong nhân dân, người ta sẽ phải hỏi: “Tại sao điều văn không có đoạn này?”

Cả nhóm vui mừng và giao cho Diêu Văn Nguyên chuẩn bị để có thể ra mắt bạn đọc vào trước ngày 16 tháng 9. Mười năm trước đây, Diêu Văn Nguyên mới chỉ là một cán bộ tuyên huấn cấp dưới, biên tập viên của một tờ báo bình thường, thế mà hôm nay ông đã chiếm vị trí Ủy viên Bộ Chính trị, nắm trong tay quyền bính về tuyên truyền và dư luận cả nước, và sắp tới

là thời khắc phân chia quyền lực, là thắng hay giáng, còn phải chờ trận sống mái tới đây. Diêu Văn Nguyên đặt tên cho bài viết là *Mao Chủ tịch sống mãi trong lòng chúng ta* và đăng in ở mục xã luận của *Nhân Dân nhật báo*, báo *Quân Giải phóng* và tạp chí *Hồng Kỳ*. Bài viết hàm chứa thông tin quan trọng: lúc lâm chung, Mao Chủ tịch trấn trối với hậu thế “Làm theo phương châm đã định”, Phương châm đó là gì? Tất cả hoàn toàn do tác giả thêu dệt nên, trong đó không quên nhiệm vụ phê Đặng phản hữu. Sau khi nhóm Giang, Trương, Vương, Diêu thông qua nội dung bài viết do Văn Nguyên dự thảo, đúng ngày 16 tháng 9, toàn bộ hệ thống thông tin đài báo đã nhất tề phát đi xã luận *Mao Chủ tịch sống mãi trong lòng chúng ta*, gây một chấn động lớn, làm ngạc nhiên mọi người, ngay như Phó Chủ tịch thứ nhất Trung ương Đảng kiêm Thủ tướng Chính phủ Hoa Quốc Phong cũng không hề hay biết lúc lâm chung Chủ tịch có trấn trối căn dặn điều gì hay không. Một bài xã luận quan trọng như thế này mà họ không bàn tập thể, vội vàng đưa lên mặt báo, sóng đài như muốn tranh giành cơ hội và âm mưu gì đó. Đến lúc này Hoa Quốc Phong mới thấm thìa lời đề nghị của Uông Đông Hưng là phải nắm chặt các tài liệu, văn kiện, di cảo của Mao Chủ tịch để lại. Hoa Quốc Phong gọi điện thoại tìm gặp Uông Đông Hưng, nhưng ông đang bận điều tra sự việc Giang Thanh, Mao Viễn Tân đã lấy đi một số bài viết của Mao do Trương Ngọc Phượng bảo quản. Ngọc Phượng là nữ thư ký cơ yếu của Mao Trạch Đông, tuổi chưa tới 30, xinh đẹp, đoan trang. Khi Chủ tịch lâm bệnh, Ngọc Phượng tận tâm phục vụ Người, cũng từng bùng bỏ đồ ống mà đến Giang Thanh đã phải thán phục “hầu hạ còn hơn cả hầu ông nội mình”. Sau khi Mao qua đời, nỗi nhọc nhằn của cô được vơi đi, nhưng Ngọc Phượng lại cảm thấy vô cùng trống trải, cô độc.

- Giang Thanh đã lấy ở cô những tài liệu gì? - Uông Đông Hưng hỏi Tiểu Trương.

- Những bài mà Chủ tịch đã sửa chữa, bản sao ghi chép các cuộc gặp gỡ với phóng viên ngoại quốc và nội dung buổi nói chuyện với Dương Đắc Chí, Vương Lục Sinh tại Vũ Hán năm 1974.

- Cô phải tìm cách thu hồi những tài liệu đó và bảo rằng cần kiểm kê xử lý. Thời gian Chủ tịch lâm bệnh, cô có biết Người từng trấn trối căn dặn “Làm theo phương châm đã định” vào lúc nào không?

Trương Ngọc Phượng lắc đầu:

- Điều này thì tôi không được rõ...

Tại tư dinh của mình, Diệp Kiếm Anh đọc kỹ bài xã luận *Mao Chủ tịch sống mãi trong lòng chúng ta* và dùng bút chì xanh đỏ gạch đậm mấy

chữ “Làm theo phương châm đã định”, cùng một dấu hỏi (?) to tướng. Ông vút bút, vút báo, chồm dậy như một con mãnh hổ, rồi đứng dậy trước khung cửa sổ, nhìn ra khoảng trời bao la. Đúng là gặp ma cả ban ngày, từ đâu mà moi ra “trần trời lúc lâm chung”, đã nhiều ngày nay có nghe ai nói chuyện này đâu? Chủ tịch, Người chết không nhắm được mắt, thi thể còn chưa lạnh hẳn, lễ truy điệu còn đang chuẩn bị mà bọn chúng dám ngụy tạo cả di chúc của Người.

## 7. ALÔ! CÓ THỂ KHRUSOV SẼ LÊN NGÔI

Diệp Kiếm Anh khẳng định đây là màn kịch của “ba chấm thủy” - tên lóng chỉ Giang Thanh, vì chữ Giang có bộ thủy ba chấm. Trong con mắt của Diệp, Giang chỉ là một con đào bảo khóc là khóc, bảo cười là cười, hoài nghi đã thành bản tính, bức hại người khác như thể điên khùng, và cho dù ai có tăng bốc gì đi nữa, con hát ấy không thể cao thượng lên được.

Cuộc đấu tranh giữa ba lực lượng Giang Thanh và nhóm Thượng Hải, Hoa Quốc Phong và Uông Đông Hưng, Diệp Kiếm Anh và các tướng lĩnh quân đội vẫn ngầm ngầm tiếp tục. Còn Mao Trạch Đông nằm yên bất động, vô tri vô giác, và không rõ linh hồn ông đang phiêu diêu ở chốn nào?

Kể từ ngày khi Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn lần lượt được điều lên Trung ương công tác, thành phố Thượng Hải đông dân nhất Trung Quốc là của Mã Thiên Thủy. Ông là Bí thư Thành ủy, tuổi đã già, tóc đã bạc, nhưng vẫn cảm thấy sức xuân vì luôn luôn gắn chặt với Trung ương do Mao Chủ tịch đứng đầu và cũng nhập dòng thác tả khuynh như những thành viên “nhóm Thượng Hải” ở Bắc Kinh. Mã Thiên Thủy tự tạo dựng cho mình một hình tượng hoạt bát phi thường, ngày ngày lấy nước sôi mà không cần người phục vụ, viết công văn không nhờ thư ký, và chủ trì hội nghị liên tục 3, 4 giờ không nghỉ giải lao v.v... Mã bí thư đã nhiều lần nghe Trương Xuân Kiêu rỉ tai rằng sẽ được cất nhắc, hoặc chủ trì Ủy ban kế hoạch Nhà nước, hoặc Phó Thủ tướng, dù chức vụ gì thì đời Mã cũng sắp lên hương. Nhưng nay bỗng Mao Chủ tịch qua đời, thương Người chẳng mấy mà hoảng sợ vì bóng đen trùm lên con đường hoạn lộ của mình lại nhiều. Giá mà cái ghế thủ tướng về tay Trương Xuân Kiêu thì thời cơ thuận lợi biết chừng nào. Nay không may là Hoa Quốc Phong, rắc rối quá... Đang miên man lo âu như thế trong những giờ phút quốc tang thì Mã Thiên Thủy nhận được điện thoại từ Bắc Kinh điện về:

- Alô, lão Mã đó phải không?
- Kính chào Trương huynh. Vâng, tiểu đệ đây.
- Đồng chí thông báo cho các thành ủy viên Thượng Hải biết: Khrusov sẽ lên ngôi ở Liên Xô. Hãy nghiên cứu đối sách.
- Đầu!
- Bằng cách nào?
- Cả văn lẫn võ.

- Ôi, Mã bí thư thật tài ba. Đồng chí hãy mau mau vũ trang cho lực lượng dân quân tự vệ của Thượng Hải, phát ngay vũ khí cho họ. Một mai Khrusov lên ngôi, bọn theo chủ nghĩa xét lại có cầm quyền, thì cây súng Thượng Hải là cái vốn của chúng ta. Đồng chí hãy nhớ Thượng Hải là căn cứ công nghiệp của Trung Quốc, nếu công nhân được vũ trang thì đó chính là pháo đài bất khả xâm phạm mà không một lực lượng chủ nghĩa xét lại nào dám đụng tới.

- Trương huynh yên tâm, đã làm và sẽ làm mạnh hơn nữa...

Đúng vậy, từ trung tuần tháng 8 đến nay, chưa đầy 30 ngày mà số vũ khí Thành uỷ Thượng Hải giao cho công nhân đã lên tới 53.000 khẩu súng trường kiểu 56 bán tự động, 22.642 khẩu tự động kiểu 63, ngoài ra còn trang bị 200 khẩu liên thanh và 300 trọng pháo... cả một chiến dịch chống phá Hoa Quốc Phong mà người ta gọi là “Khrusov của Trung Quốc” đã được dàn thế trận như vậy.

Còn ở Bắc Kinh, Trì Quân và Tạ Tĩnh Nghi - cặp bài trùng đã một lần lập công vì thành tích “công nông binh hoá đại học” hiện đang nắm quyền ở Đại học Thanh Hoa - một học phủ lừng danh của Trung Quốc, được phân công đấu tranh trên mặt trận chữ nghĩa. Trì bàn mưu với Tạ:

- Em cho nhóm sáng tác viết bài công kích Khrusov ngay, nhân quả pháo “Mao Chủ tịch sống mãi trong lòng chúng ta” của Diêu thủ trưởng mà xung phong, cấp tập nã đạn. Lúc này không thể ngồi chờ, đợi lệnh chỉ huy nữa rồi.

- Làm như vậy nhỡ thất bại thì anh em mình mắc trọng tội. - Tạ cô nương ra chiều nũng nịu với Trì Quân.

- Chính trị mà không mạo hiểm thì sao thành công được? Từ một góc độ nào đó, có thể xem chính trị là nghệ thuật của sự mạo hiểm.

Trì chậm rãi hít một hơi thuốc, rồi từ từ nhả khói vào không trung và tiếp tục mê hoặc người đẹp:

- Mao Chủ tịch của chúng ta bao phen bị dồn ép, bãi quan, chịu không biết bao nhiêu là công kích, vùi dập... Đến cả Chu Đức, Trần Nghị, Chu Ân Lai đều đã phản đối Người. Mười năm nội chiến, mất hết quyền, sống gian khổ trong cái hầm nhỏ trên núi, thế mà ông cụ đã vượt qua muôn trùng mạo hiểm và chung cuộc thì như em đã rõ.

- Ôi, anh Trì giỏi quá! Em đồng ý.

Họ tâm đầu ý hợp và kéo bè kết mảng nã đạn vào lực lượng Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh; hy vọng qua cơn mạo hiểm này mà chiếm cứ đỉnh cao chính trị.

Cánh quân thứ ba mà Giang - Trương muốn nắm là Ngoại trưởng Kiều Quán Hoa. Liên tục mấy bận, Trương Xuân Kiều thăm dò hỏi han Kiều Quán Hoa về phản ứng của quốc tế, kể cả phe địch trước lời trần trối lúc lâm chung của Mao Chủ tịch.

Hầu hết đều nhận định rằng, bất luận ai lên cầm quyền ở Trung Quốc lúc này đều phải đi theo đường lối của Mao Chủ tịch một thời gian. Nhưng mặt điện ngoại quốc dự đoán: Đặng Tiểu Bình có khả năng trở lại!

- Thế đồng chí có tìm hiểu được kỹ thuật bảo tồn di thể của các nước trên thế giới không?

- Theo tôi, chúng ta nên tự lực giải quyết vấn đề này. Tôi tin người của chúng ta làm được!...

Kiều Quán Hoa góa vợ từ lúc trung niên, ở vậy hơn mười mấy mùa xuân, sau đó Mao Trạch Đông giới thiệu cho Kiều cô Chương Hàm Chi, từng là phiên dịch tiếng Anh của Mao, làm bạn đời. Tháng 4 năm 1976, Chương Hàm Chi thu thập được một tài liệu mật của Khang Sinh, phát giác Giang Thanh và Trương Xuân Kiều là phản bội, đầu hàng. Tài liệu trình lên Mao, Mao xem xong chuyển cho Giang, Trương và kèm theo lời phê: “Hãy xem kỹ, sẽ biết nhiều chuyện”. Vì vậy, sau đó cả hai đều không mặn mòi gì với vợ chồng Kiều - Chương, và lại vị Ngoại trưởng này cũng từng công bố: “Tôi tin tưởng đồng chí Giang Thanh và Trương Xuân Kiều là trên cơ sở tôn trọng Mao Chủ tịch, nói xấu các đồng chí là nói xấu Người, do đó nghe được điều gì không phải, là báo cáo ngay. Vạn nhất sau này Chủ tịch ra quyết định phế truất các đồng chí, Kiều Quán Hoa tôi chiều theo ý Người tán thành hai tay”. Gờm quá, Giang - Trương đành xa Kiều và sẽ tính sổ sau vì còn nhiều đối thủ quan trọng hơn.

Giang Thanh quyết định đến văn phòng Thủ tướng, chủ động nói chuyện với Hoa Quốc Phong. Bà mặc toàn một màu đen tang tóc và bi thống. Châm chọc nhau không được thì ta quay sang hoà hoãn lôi kéo - bà nghĩ vậy rồi đường đột mở cửa:

- Chào đồng chí Quốc Phong!

- Chào chị. Chị bỏ qua cho, đáng lẽ tôi phải sang chia buồn cùng chị và cháu Lý Nạp, nhưng quả thật chưa sắp xếp được thời gian.

- Cảm ơn, cháu đang nằm viện, ông cụ qua đời, ra đi một cách đường đột làm cháu tủi lắm. Lý Nạp là đứa con được Chủ tịch yêu mến nhất, là kết tinh của mối tình đẹp đẽ giữa tôi và ông cụ từ thuở ở Diên An. Ban đầu định để cháu nó làm liên lạc viên cho Chủ tịch, nhưng vì sức khoẻ nên phải giao cho Mao Viễn Tân thay thế. Thật là trớ trêu, ai cũng có khó khăn riêng

của mình... - Giọng Giang Thanh chìm xuống và như có cái gì đó rất xa xăm, không hiểu bà đang nói chuyện hay là đang đóng kịch!

- Chị cho tôi hỏi thăm sức khỏe Lý Nạp.

- Vâng, xin cảm ơn tấm lòng của chú.

Đoạn bà chuyển nhanh lên cao trào:

- Chủ tịch không còn nữa, chúng tôi đi đâu cũng là vợ goá con cô, nhiều việc không thể không cậy nhờ Thủ tướng. Đồng chí biết không, khi Mao Chủ tịch chọn đồng chí làm Phó Chủ tịch thứ nhất Trung ương Đảng kiêm Thủ tướng Chính phủ, tôi đã hết lòng bảo vệ, ủng hộ. Viễn Tân cũng thế, chúng tôi trình bày, nói tốt cho đồng chí, nếu không thì đã khó lòng...

- Dạ, tôi rõ, rất rõ ạ.

- Đồng chí thật thà, an phận, trung thành với Chủ tịch, kiên quyết đấu tranh với Đặng Tiểu Bình. Đồng chí còn nhớ Chủ tịch đã nói: “Chú làm việc, tôi yên tâm” chứ? Đồng chí đừng làm điều gì phụ lòng ông cụ, xin nhắc lại như vậy với đồng chí Quốc Phong!

Hoa chau mày trước lời lẽ uy hiếp của Giang - một Võ Tắc Thiên hiện đại - và chậm rãi thưa lại:

- Tôi không bao giờ quên ân tình của Chủ tịch và cũng sẽ không làm điều gì phụ lòng Chủ tịch. Phàm là chỉ thị của Chủ tịch, tôi kiên quyết thực hiện, phàm là quyết sách của Chủ tịch, tôi tuân thủ đến cùng, tôi nhất định...

Hoa Quốc Phong đang thao thao tuyên thệ về “chủ nghĩa phàm là” của mình thì Giang Thanh cắt ngang:

- Thôi đủ rồi những lời tốt đẹp, Chủ tịch không còn nữa. Vấn đề mấu chốt bây giờ là thái độ với người sống!

- Chị nói gì? Tôi không hiểu.

Hoa đã chịu đựng quá tải lắm rồi, nhưng ông vẫn điềm tĩnh hỏi lại. Bà cười khinh:

- Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu chống phá tôi, mưu hại tôi, kết quả kẻ chết không ai chôn; người thiêu thân trên hoang mạc. Đó là ý của trời, chú có hiểu không? Cho nên hãy ủng hộ tôi, tạo thuận lợi cho tôi.

- Chị Giang Thanh, chị đã mệt, nên về nghỉ. Không ai phản đối chị đâu. Một vài ý kiến này nọ làm sao mà nói là mưu hại chị? Chỉ cần chị và đại đa số Bộ Chính trị đoàn kết, nhất trí thì không ai dám gây khó dễ đối với chị.

- Không hẳn đã như vậy!

- Chị hãy tin vào đa số.



- Được, tôi nêu ra vấn đề này, mong đồng chí Thủ tướng suy nghĩ, nếu không kịp giải quyết thì sẽ sinh sự đó. Đồng chí không nên cắt lời tôi, để tôi nói hết đã.

- Vâng, chị cứ nói.

- Tôi làm thư ký nhiều năm cho Chủ tịch, hiểu rõ tư tưởng của Người hơn ai hết. Người ra đi, nhưng hồ sơ, văn kiện, bài viết, chỉ thị của Người còn để lại là rất quan trọng, nếu không may bị thất thoát, bị xuyên tạc thì ai chịu trách nhiệm? Tôi đã nghĩ kỹ, tốt nhất là phải giao cho tôi bảo quản, chỉnh lý. Tôn Trung Sơn tạ thế, thì Tổng Khánh Linh đã từng phụ trách di cảo của ông, và trường hợp của Lenin cũng giao cho Krupskaya. Còn tôi bây giờ, vừa vào thư phòng của chồng mình lập tức có người đuổi ra. Xin nhớ: xác chồng tôi hãy còn chưa lạnh hẳn!

- Thừa đồng chí Giang Thanh, di cảo của Chủ tịch là tài sản chung của toàn Đảng toàn dân, trước mắt do Văn phòng Trung ương niêm phong bảo quản và sau này giao cho tập thể Trung ương chỉnh lý, đó là thái độ trọng thị và kế thừa ý chí của Người. Và cũng xin đồng chí nhớ cho rằng, Mao Chủ tịch là lãnh tụ của toàn Đảng và của cả nước chứ không của riêng ai!

- Thế vợ muốn bảo quản và chỉnh lý di cảo của chồng lại phạm tội sao?

- Nếu đa số Bộ Chính trị đồng ý giao nhiệm vụ này cho đồng chí thì tôi sẽ hoàn toàn phục tùng. Còn hiện nay, đang tuần tang lễ, sau ngày truy điệu cho Chủ tịch xong, hãy bàn bạc!

- Được, di cảo của Chủ tịch các người không giao tôi, thì đó, di thể của ông cụ, bảo tồn, giữ gìn ra sao tôi sẽ không tham dự. Hồng Văn, Xuân Kiều cũng vậy, các người đi mà lo với nhau!

Thật là một con người tàn nhẫn! Hoa Quốc Phong rùng mình và kiên quyết không nhượng bộ. Ai sẽ giúp ông trong giờ phút căng thẳng này?...

## 8. CUỘC GIAO TRANH SAU LỄ TRUY ĐIỀU

Chín ngày khóc thương Chủ tịch đã trôi qua, chín ngày vừa túc trực bên linh cữu của Người, vừa bày binh bố trận, tranh giành nhau từng nước cờ đã trôi qua. Điều phải đến đã đến, đó là lễ truy điệu.

Chiều ngày 18 tháng 9 năm 1976, đất trời như bị đè nặng bởi màn mây u ám. Hơn một triệu quần chúng tề tựu trong đội ngũ công - nông - binh - trí và các giới khác đang lặng lẽ đứng chờ tại quảng trường Thiên An Môn. Chính giữa quảng trường là cột cờ, trên đó treo rú quốc kỳ 5 sao. Trước thành lầu Thiên An Môn, đài chủ tọa buổi lễ được dựng lên, thấp thoáng rất nhiều ảnh chân dung Mao Trạch Đông. Biển người với băng đen và hoa trắng không chút gợn sóng, im phăng phắc một cách đáng sợ. Có thể nghe thấy tiếng ho của ai đó trên đài chủ tọa. 14 giờ 50 phút, các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước bước lên đài chủ tọa. Cũng như thường lệ, Giang Thanh là người đến sau cùng. Bà bận áo choàng màu đen, đầu phủ khăn tang cũng màu đen như kiểu châu Âu, bước từng bước rất nặng nề, như thể không đi nổi, tiến dần về vị trí của mình. Bà quay người hướng về ảnh chân dung Mao Chủ tịch mà toàn khung đều viền lụa đen, kính cẩn vái ba lạy. Vương Hồng Văn tiến lên tranh bắt tay Giang Thanh đầu tiên và cao giọng: “Xin được phép chia buồn”. Giang Thanh gật đầu đáp lễ, bắt tay Vương và đến bắt tay Hoa Quốc Phong. Bà nói khẽ:

- Đồng chí Quốc Phong, sau lễ truy điệu tôi có việc quan trọng cần nói với đồng chí.

Diệp Kiếm Anh đứng cạnh Hoa Quốc Phong đã nghe trọn câu nói ấy. Ông vờ lảng tránh, nhìn ra phía quần chúng và trước đài chủ tọa, vị trí quy định cho đám ký giả đang tranh nhau chĩa ống kính vào đám Giang - Trương - Vương - Diêu. Ông mỉm cười nghĩ về thói đời xu nịnh.

Phía bên này, Lý Tiên Niệm bắt tay hỏi hai các tướng lĩnh, cán bộ lão thành, những chiến hữu đã cửu biệt nay mới có dịp trùng phùng. Họ gật đầu chào nhau và khẽ nói: “sắp rồi”.

Diêu Văn Nguyên căn dặn người phụ trách *Tân Hoa xã* phải đưa tin tường tận buổi lễ hôm nay, không sợ trùng lặp, cái gì quan trọng viết tất, và nhớ nhấn mạnh câu “trần trời lúc lâm chung của Người”, giả sử không có câu đó thì tìm cách diễn đạt ý tương tự, Diêu cũng không quên ra hiệu gọi cán bộ truyền hình lại hội ý và rí tai:

- Kéo dài cảnh quay chỗ tôi.
- Vâng thủ trưởng cứ yên tâm.

Chủ trì buổi lễ 18 tháng 9 là Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Vương Hồng Văn. Cho đến hôm nay, ông đã liên tục chủ trì các buổi lễ truy điệu Chu Ân Lai, Chu Đức nên hầu như rất thành thạo. Vương đứng kề bên Hoa, tư thế rất trịnh trọng nhìn về phía quần chúng và mỗi tế bào trong người ông đều như muốn trào sôi. Cũng ngày này 10 năm về trước, ông chỉ là một trưởng phòng loại nhỏ - Phòng bảo vệ của Nhà máy Bông số 17 Thượng Hải. Thế mà nhờ “cách mạng”, nhờ “tạo phản”, hôm nay ông bỗng dưng trở thành đại chủ nhân của nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, tên tuổi ông chỉ đứng sau mỗi một người và biết đâu mai đây, qua giao tranh, ông sẽ thành nguyên thủ? Tuy nhiên, ông biết mình còn hồng nhiều chỗ, nhất là tri thức, ông chưa hề bước vào cổng trường đại học. Nằm trong tay cả pho sách kinh điển Mác - Lê mà đến thuật ngữ còn chưa hiểu huống hồ là nội dung ý nghĩa. Khi còn sống, Mao Chủ tịch đã bắt ông phải học, nhưng ông ngồi không yên, thôi thì phần gì thuộc về tư tưởng lý luận thì ông ngoan ngoãn nghe lời Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên. Họ đều là đại sư của chúng ta, còn ta, ta là cái kim xung kích, Vương Hồng Văn an phận suy nghĩ...

Đúng 15 giờ, toàn thể mọi người đang làm việc ở cơ quan, trường học, nhà máy, hầm mỏ, cửa hàng, cửa hiệu, trại lính, nhà giam, công xã nhân dân, và cả các khách bộ hành trên đường, ngoài phố trong cả nước đều đứng nghiêm mặc niệm. Xe lửa, tàu thuyền, chiến hạm, công xưởng kéo còi ba phút, tất cả đồng loạt tiếc thương đưa vị lãnh tụ của mình về nơi an nghỉ cuối cùng. Nhạc điệu ai oán, bi thống ngân lên ở quảng trường Thiên An Môn. Sau đó, Hoa Quốc Phong với khẩu âm Sơn Tây, tuyên đọc điều văn:

- Thừa đồng bào, đồng chí. Hôm nay...

Điều văn không có đoạn trần trời lúc lâm chung “Làm theo phương châm đã định” do nhóm Giang Thanh đề nghị, lý do đơn giản là: “Các đồng chí nói chậm quá, mà nội dung điều văn thì Bộ Chính trị đã thông qua”. Kỹ thuật và khoa học hiện đại đã không những ghi lại đầy đủ cảnh tượng lịch sử hiếm hoi này, mà còn truyền đi một cách trung thực mọi tư thế và âm thanh của Hoa Quốc Phong đến với khán giả toàn Trung Quốc và cả thế giới. Vương Hồng Văn vẫn không rời mắt trên từng con chữ của văn bản điều văn, chứng nhân cho sự tuyên đọc chính xác của Hoa Quốc Phong. Còn Trương Xuân Kiêu, ông vừa nghe, vừa lượng sức giữa các phe phái, ai

sẽ là người kế vị, nắm quyền. Ông ngoái nhìn đám tiền bối và lo sợ, một mai họ nổi dậy thì ta chỉ có đường chết.

Cách quảng trường Thiên An Môn không bao xa, Đặng Tiểu Bình chăm chú xem vô tuyến, cân nhắc từng câu chữ của bài điều văn, nhiều lúc rung mình kinh ngạc và không khỏi phân vân với gương mặt xa lạ kia - Hoa Quốc Phong. Giọng đọc từ máy thu hình vẫn đều đều phát ra:

- ...Người đại diện cho lợi ích và nguyện vọng của giai cấp công nhân, bản nông và trung nông lớp dưới, tự mình phát động và lãnh đạo cuộc Đại Cách mạng Văn hoá đập tan âm mưu phản phúc của Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu, Đặng Tiểu Bình, phê phán đường lối theo chủ nghĩa xét lại, chống đối cách mạng của họ...

Thật trớ trêu, người ta vừa táng Mao, vừa phê Đặng và như muốn nhấn chìm cả hai người hùng này cùng một lúc.

Lễ truy điệu kết thúc trong tiếng nhạc *Đông Phương Hồng* và *Quốc Tế ca*. Thời lượng không quá một tiếng đồng hồ. Công việc đưa Người về nơi thiên cổ xem như đã xong và bây giờ cuộc giao tranh chính thức xem như mở màn sau bao ngày bí mật diễn tập.

Trên đài chủ toạ bước xuống, Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu bám sát Hoa Quốc Phong. Bà nói:

- Đồng chí Quốc Phong, tôi trình trọng đề nghị, ngày mai chúng ta mở hội nghị để bàn một số vấn đề quan trọng. Ngoài Vương, Trương - hai uỷ viên thường vụ ra, tôi, Viễn Tân, Văn Nguyên đều phải tham gia, vì có nhiều điều cơ mật liên quan đến Đảng và Nhà nước. Đồng chí thấy thế nào?

- Vâng, tôi sẽ báo cáo cho Diệp Kiếm Anh. Đồng chí ấy cũng là Phó Chủ tịch, uỷ viên thường vụ.

- Diệp Kiếm Anh già yếu, vả lại Chủ tịch không phải đã cho ông ấy nghỉ bệnh rồi hay sao? Chắc đồng chí chưa quên? Bàn xong chúng ta thông báo cho ông ấy cũng được.

- Đành vậy, ngày mai chỉ là hội ý công việc mà thôi.

Họ đã tuyên chiến với nhau như thế trên quảng trường Thiên An Môn lịch sử, ngay sau khi tiếng nhạc *Quốc Tế ca* vừa dứt và giữa hàng chục vạn người dự lễ truy điệu còn ngoái nhìn ảnh Mao Trạch Đông, bịn rịn, tiếc thương, chân bước đi không đành.

Khoảng 15 giờ chiều ngày 19 tháng 9, hai chiếc Hồng Kỳ đưa Giang Thanh đến Đại lễ đường Nhân dân từ từ đỗ lại ở cổng phía nam. Bà ôm cặp da màu trắng xuống xe, rút chiếc lược gỗ hoàng dương sửa lại mái tóc rồi bước vào phòng họp. Chào hỏi Hoa Quốc Phong, Vương Hồng Văn,

Trương Xuân Kiều, Mao Viễn Tân và Ưông Đông Hưng xong, bà ngồi xuống sofa, bắt đầu thao thao bất tuyệt:

- Lễ truy điệu đã thành công tốt đẹp. Hôm nay chúng ta bàn với nhau những vấn đề quan trọng, rất quan trọng, mong các đồng chí hãy vì sự đoàn kết, hãy vì Mao Chủ tịch mà chân thành phát biểu ý kiến của mình. Người ta vẫn cho rằng Giang Thanh tôi là người làm văn nghệ, là nghệ sĩ. Sự thực thì không phải như vậy. Tôi chưa hề quản lý công việc này, hồi đứng ra phê bình sân khấu là hoàn toàn tuân theo chỉ thị của Chủ tịch. “Văn cách” mà, không chỉ mình tôi, Chủ tịch, Thủ tướng và cả đồng chí Xuân Kiều đây đều phải tham chiến. Các đồng chí chưa hiểu đó thôi, tôi là chính trị gia, là nhà quân sự, tôi cũng mang quân tịch có số hiệu quân nhân. Hồi ở Diên An, tôi làm thư ký cho Chủ tịch, hàng ngày phải nhận điện, xem tài liệu và giúp Người bày binh, đánh đấm khắp nơi. Sang giai đoạn “Văn cách” một mình tôi chứ ai vào đó, Xuân Kiều, Văn Nguyên đều đã rồi.

- Vâng, đồng chí Giang Thanh bận suốt ngày đêm, quên ăn quên ngủ. Cách mạng mà, đấu tranh giai cấp mà.

Giang Thanh tiếp tục:

- Từ ngày đầu tiên tham gia cách mạng, tôi đã làm chính trị rồi. Như Lênin, tôi hoàn toàn có thể điền vào lý lịch mục nghề nghiệp với ba chữ “chính trị gia”. Ai đó bảo tôi là nghệ sĩ là có dụng ý xấu, như Đặng Tiểu Bình chẳng hạn.

Bà vòng vo tam quốc, còn Hoa Quốc Phong thì vẫn im lặng, hai tay tựa trên thành sofa không nói một lời. Song, ông đã ngửi được mùi vị kẻ ngòi đoạt quyền của người đàn bà này. Bà ta định nhân cơ hội Mao Trạch Đông vừa mới tạ thế nhảy ra chiếm chỗ. Nhưng bà biết đâu 10 năm “Văn cách”, khổ ải đã đè lên biết bao người, đưa họ đến kiếp trâu ngựa và có ngày họ sẽ khùng lên, điên lên lật nhào bà như chơi.

Tưởng vấn đề gì mới mẻ, hoá ra cũng lại di cảo.

Bà nói:

- Chỉ có tôi, Lý Nạp, Viễn Tân mới hiểu được Người viết cái gì và giải thích cho quần chúng rõ.

Thật là ngạo mạn. Hoa Quốc Phong phải lên tiếng:

- Tôi đã nói rồi, tài liệu của Chủ tịch tạm thời giao Văn phòng Trung ương niêm phong, và sẽ do hội nghị Bộ Chính trị thảo luận quyết định. Đồng chí Ưông Đông Hưng y lệnh thi hành.

Bỗng Giang Thanh gào khóc:

- Bình sinh Chủ tịch đã làm gì nên nổi mà hôm nay các người nữ vong ơn bội nghĩa? Ai bồi dưỡng đề bạt các người lên, lương tâm của người vứt đi đâu cả rồi?

Mọi người hốt hoảng, kể cả Hoa Quốc Phong. Ôi, nước mắt đàn bà cũng là một loại vũ khí! Nhưng riêng Uông Đông Hưng, ông đã chứng kiến nhiều lần cảnh tượng như thế này. Đúng là một diễn viên cần khóc thì khóc, cần cười thì cười, dễ ợt. Cuộc hội ý tạm thời kết thúc, chưa phân thắng bại.

## 9. LIÊN QUÂN HOA - DIỆP

Tháng 3 năm 1976, khi Mao Trạch Đông nghe báo cáo tình hình phê Đặng phản hữu, ông đã hỏi Hoa Quốc Phong:

- Đồng chí có quen thân Diệp Kiếm Anh không?
- Ngoài những lúc gặp nhau trong cuộc họp, chúng tôi ít tiếp xúc và hiểu chưa nhiều về đồng chí ấy.

Mao Trạch Đông bèn giảng giải một cách lơ mờ cho Hoa rằng:

- “Vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân”, nghĩa là vật nhóm lại theo chủng loại, còn con người chia ra theo quần thể, tập đoàn, phe phái. Diệp Kiếm Anh không thể tách rời cánh bạn của mình như Đặng Tiểu Bình chẳng hạn. Tình cảm của họ sâu đậm lắm, mà cũng không trách được người ta. Âu Dương Tu đời Tống đã viết *Bằng Đảng luận*, nói rất rõ ràng: “Bằng đảng chi thuyết, tự cổ hữu chi”. Lý luận về bầu bạn, đảng phái đã có từ ngày xưa, nhưng cần phân biệt giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân. Người quân tử “dĩ đồng đạo vi bằng”, kết nghĩa bạn bè vì cùng chung chí hướng, còn kẻ tiểu nhân thì lại “dĩ đồng lợi vi bằng”, nghĩa là vì quyền lợi chung, kiểu như “còn bạc còn tiền còn đệ tử” mà thôi. Chúng ta giao tranh với Đặng Tiểu Bình là do “đạo bất tương đồng”, song Diệp Kiếm Anh kết bạn với Đặng lại thuộc hàng quân tử, do đó không nên yêu cầu Diệp quá nhiều. Ông ta là người trong sáng, cẩn thận, không mơ hồ mà tôi đã từng tán dương. Diệp Kiếm Anh có công lớn trong khởi nghĩa Nam Xương mùng 1 tháng 8, và trên đường trường chinh bọn Trương Quốc Đào làm phản, định ám hại chúng ta, may nhờ Diệp báo tin nên mới dẹp yên. Nhưng vào giai đoạn này, Diệp khó lòng bước qua cánh cửa xã hội chủ nghĩa, làm việc với Diệp là phải luôn luôn nghiên cứu, ông ta quả là con người đáng để chúng ta nghiên cứu...

Hoa Quốc Phong vâng lệnh, song lòng những vấn vương. Ông đã tốn nhiều công sức để lý giải lời dạy của Mao, cho người tra cứu hồ sơ lai lịch của Diệp, nhất là hai lần lập công lớn đối với Đảng. Thuở nhỏ Diệp có tên là Nghi Vĩ, sinh ra trong một gia đình buôn bán ở Quảng Đông. Năm 19 tuổi, đang học trung học thì ông được người anh họ đưa đi một vòng từ Sán Đầu, qua Hương cảng, Singapore đến Malaysia rồi trở về Côn Minh học pháo binh ở Giảng võ đường. Khi nhập học, ông đã tự ý bỏ hai chữ Nghi Vĩ mà thay bằng Kiếm Anh thành tên gọi cho mãi tới già. Năm 23 tuổi, Kiếm

Anh tốt nghiệp lục quân tại Giảng võ đường Vân Nam, gia nhập lực lượng vũ trang Mân (tên gọi tắt của tỉnh Phúc Kiến) - Việt (tên gọi tắt của tỉnh Quảng Đông) viện quân của Tôn Trung Sơn và bước lên con đường cách mạng lâu dài từ đó. Tháng 1 năm 1924, Tôn Trung Sơn cử Tưởng Giới Thạch và một số người nữa chuẩn bị thành lập Trường sĩ quan lục quân Hoàng Phố. Nhận lời mời của Liêu Trọng Khải, Kiếm Anh cũng về đây làm việc. Tháng 3 năm ấy, Tôn Trung Sơn hợp nhất Việt quân và Đông lộ thảo tặc quân thành Kiến quốc Việt quân; Diệp Kiếm Anh được cử làm Tham mưu trưởng sư đoàn 2. Đó là thời kỳ hợp tác giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng. Diệp Kiếm Anh gặp Chu Ân Lai, Diệp Đình; ông đã bị chí hướng, tính khiêm tốn, vốn học thức và trí tuệ của Chu lôi cuốn, sau đó hai người trở thành đôi bạn thân. Năm 1927, Tưởng Giới Thạch phản bội Quốc - Cộng hợp tác, Diệp dấy binh chống Tưởng, bí mật gia nhập Đảng Cộng sản, vẫn là Tham mưu trưởng Quân đoàn 4 thuộc phương diện quân số 2 của Quân cách mạng Dân quốc.

Ngày 15 tháng 7 năm 1927, Uông Tinh Vệ theo gót Tưởng cũng phản bội cách mạng, cùng Trương Phát Khuê trừ mưu tiêu diệt quân của Hạ Long và Diệp Đình. Lấy danh nghĩa là Tổng chỉ huy Phương diện quân số 2, Trương Phát Khuê thông báo cho Hạ Long và Diệp Đình về Lư Sơn dự hội nghị và mệnh lệnh cho họ hội quân tại vùng An Đức giữa Cửu Giang và Nam Xương. Uông - Trương chuẩn bị 3 quân đoàn và trừ tính đánh tan hai đội quân kia. Diệp Kiếm Anh hay tin, cải trang dân thường, phi ngựa tìm tổ chức báo cáo, xúc tiến khởi nghĩa Nam Xương.

Có một lần Chu Ân Lai nói vui:

- Đồng chí Kiếm Anh vào Đảng bằng lễ ra mắt đầu tiên là mặt báo với Đảng âm mưu lớn của Uông Tinh Vệ và Trương Phát Khuê, cứu vẫn được lực lượng vũ trang quan trọng của Đảng ta, thúc đẩy khởi nghĩa Nam Xương bùng nổ. Công lao to lớn ấy đáng ghi vào sử sách và Mao Chủ tịch cũng đã rất rõ điều này.

Khi nghiên cứu đến đây, lòng Hoa Quốc Phong vô cùng sùng kính Diệp nguyên soái. Cùng bao lão tướng khác, ông đã chịu đựng cho đến ngày hôm nay, thật là không đơn giản. Thi tứ bổng trào dâng trong con người mà thường ngày tưởng như vô cùng khô khan, chậm chạp... Ôi biển cả bao lớp sóng dôn, là máu và nước mắt đã chảy hoà nơi ấy, ôi núi cao ngàn trùng vời vợi, là xương cốt lớp lớp chất đầy. Hoa Quốc Phong tiếp tục lần theo đời sóng gió của Diệp, lần theo những chiến tích của ông trên nẻo đường Vạn lý trường trình, rồi kháng chiến chống Nhật. Hồi ấy, Bắc Bình



thất thủ, Thái Nguyên rơi vào tay giặc, quê hương Sơn Tây của Hoa Quốc Phong cũng bị quân Nhật tam quang: giết sạch, đốt sạch, phá sạch. Chủ tịch thanh niên Hoa Quốc Phong 17 tuổi xếp bút nghiên lên đường tranh đấu; những cái tên Mao Trạch Đông, Chu Đức, Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh lúc bấy giờ chỉ nghe qua lời kể của người đội trưởng du kích quân, sao mà thần bí, tôn kính, hướng vọng và hiếu kỳ đến thế, ước có một ngày nào đó được nhìn thấy họ, chiêm ngưỡng họ - những anh hùng thời đại...

Thế mà lịch sử xoay vần, hôm nay ước mơ đã thành sự thật. Hoa Quốc Phong giờ đây đang cùng Diệp Kiếm Anh liên quân chống lại “Tứ nhân bang” mà bình sinh Chủ tịch đã căn dặn phải giải quyết cho xong. Khó khăn cho Hoa là ở chỗ “Diệp - Đặng đồng đạo bằng đảng”, mà Đặng thì Người cũng căn dặn phải phê phán. Nhưng qua nghiên cứu, Hoa đi đến kết luận phải dựa vào Diệp, vì đó là Quân uỷ, là lực lượng vũ trang của Đảng!

Diệp Kiếm Anh mời Đặng Tiểu Bình đến tư dinh của mình, hai người dễ có nửa năm rồi chưa gặp nhau, nay tay bắt mặt mừng, bao điều muốn nói mà một lúc không cùng. Mãi sau Đặng lên tiếng:

- Thật không ngờ Diệp soái chống chọi cho tới hôm nay. Phải trí dũng song toàn mới làm được điều đó, quả là tấm gương cho chúng tôi noi theo.

- Nếu không có Đặng huynh xung phong, tiền đạo thì Diệp tôi đây cũng bị đánh gục từ lâu rồi.

Sau vài câu vui đùa mở đầu, họ đi vào chủ đề. Đặng hỏi Diệp:

- Nguyên soái định liệu ra sao? Có thể xoay chuyển được tình thế không?

- Tất nhiên là đã hạ quyết tâm, sau khi giải quyết xong nhóm Thượng Hải, tiếp tục công việc chỉnh đốn năm 1975 mà Đặng huynh còn bỏ dở, đưa Trung Quốc trở về chính quy.

- Hoa Quốc Phong như thế nào? Ông ta dựa vào ai?

- Hiện nay đang xích gần với chúng ta. Sau khi nhận chức Thủ tướng, ông chịu mũi giáo của Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, và cả hai bên đều lôi kéo Hoa. Con người này tính tình thật thà, có kinh nghiệm công tác, hô hào dân chủ, biết tôn trọng các đồng chí già, cho nên Giang - Trương càng phản đối Hoa thì chúng ta càng phải ủng hộ ông ta. Mao Chủ tịch đã nói: “Một anh hảo hán phải có ba người giúp mới thành công được”.

- Thế Diệp soái đã cùng Hoa bàn kế hoạch giải quyết nhóm Thượng Hải chưa?

Diệp nói khẽ:

- Chưa, vì nhận thấy thời cơ chưa chín muồi.

Đặng gật đầu và cương nghị:

- Phải giải quyết triệt để, cả bốn cùng một lúc, không để sót.

- Chúng tôi cũng nghĩ vậy, nhưng đi đến nước này không phải dễ.

Thường vụ Bộ Chính trị có 4 người thì họ đã chiếm 2: Vương Hồng Văn và Trương Xuân Kiều. Ngoài ra còn Giang Thanh đang giương cao cờ Chủ tịch phụ nhân và Diêu Văn Nguyên nắm quyền tuyên truyền trong cả nước. Họ tuy không đông người, nhưng lực mạnh, từ ngày Mao Chủ tịch lâm bệnh lại bổ sung thêm Viễn Tân, đồng đảng với Giang Thanh và cả nhóm đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với Trung ương. Tôi đồng ý với Đặng huynh, một mẻ tóm gọn, nhưng đang suy nghĩ dùng phương pháp nào cho có lợi nhất.

- Diệp suýt có thể huy động được bao nhiêu quân đội?

- Sẽ bàn với Hoa và để ông ta xuất đầu lộ diện, vì dầu sao cũng nên sử dụng biện pháp hợp pháp.

- Vâng, đó là thượng sách, như vậy dễ ăn nói với toàn Đảng toàn dân. Tuy nhiên phải chuẩn bị đến trường hợp xấu nhất. Nhóm Thượng Hải thâm độc lắm, bọn họ sẽ không từ điều gì đâu. Nếu chẳng may Hoa Quốc Phong dao động, lo sợ, không tự nguyện thì chúng ta phải tạo điều kiện, giống như xưa kia từng “bức Tường kháng Nhật” vậy.

Diệp Kiếm Anh gật đầu đồng ý với Đặng, cảnh vệ vòng ngoài bí mật báo giờ nói chuyện của hai người đã hết. Đặng Tiểu Bình đứng lên bắt tay Diệp và động viên thêm:

- Lưu Bá Thừa vì bệnh nặng không thể tham dự hội nghị Bộ Chính trị, còn lại 19 người. Họ chiếm 4, còn 15 người khác đều có cảm tình không tốt đối với nhóm Thượng Hải, tức giận mà chưa nói ra, cũng có người đang mơ hồ định giữ thái độ bàng quan trước trận đấu tranh này. Nếu chúng ta biết dùng biện pháp lôi kéo giải thích thì chẳng có mấy ai cam chịu theo “Tứ nhân bang”, trước mắt phải làm sao cho Hoa Quốc Phong hạ quyết tâm: Mấu chốt của thắng lợi là ở chỗ ấy, mong Diệp soái cản trọng.

Tiến bạn ra về, trở lại thư phòng một mình, Diệp Kiếm Anh bỗng nhớ tới câu chuyện hoa mẫu đơn, hồi đang cao trào “Văn cách” Mao Trạch Đông bảo gia nhân cho dọn sạch những chậu hoa kiểng trong nhà, chỉ để lại mấy gốc mẫu đơn. Thư ký lấy làm lạ bèn hỏi, ông cười mà rằng: “Đó là việc dựng iên một hình tượng đối lập. Các đồng chí có biết nữ hoàng đế Võ Tắc Thiên đòi Đường không? Một nhân vật khó ai sánh nổi! Hôm ấy, bà ra lệnh cho trăm hoa trong ngự viên phải cùng nở, 99 loài hoa tuân lệnh, chỉ

riêng mẫu đơn là không chịu thi hành mà cứ trơ gan lá cành, một bông không hé. Võ Tắc Thiên nộ khí xung thiên, sai thái giám đào gốc, chặt cành mẫu đơn, nhưng lại thay sắt thép mà phải thua loài thảo mộc, dao gãy, rìu mẻ, đào không lên, chặt không đứt. Nữ hoàng đế bèn ra lệnh đốt mà đốt cũng không cháy, cuối cùng chỉ còn cách vứt mẫu đơn ra ngoài đường, không cho nó chiếm chỗ trong ngự hoa viên nữa. Mẫu đơn đáp lại: “Thử địa bất lưu gia, tự hữu lưu gia xứ, xứ xứ bất lưu gia, gia khứ đầu bát lộ” (đất này không dung ta, đã có nơi có chốn, một khi hết mọi chỗ, ta sẽ đi đầu quân).

Mao Trạch Đông ví von: “Thôi được, người bỏ ta nhặt, và tôi đã mời mẫu đơn về đây”.

- Thế sao mẫu đơn không chịu nở? - Viên thư ký hỏi Mao, ông cười và trả lời:

- Lệnh của Võ Tắc Thiên không đúng, trái với quy luật trời đất và mẫu đơn chống lại...

Liên tưởng chuyện xưa và cho đến hôm nay, Diệp Kiếm Anh vẫn chưa hiểu hàm ý Mao Trạch Đông muốn ám chỉ ai hoặc điều gì.

## 10. TIẾN ĐẾN HỘI NGHỊ BỘ CHÍNH TRỊ

Mã Thiên Thuỷ nhận được điện thoại của Vương Hồng Văn báo tin sẽ đi công cán Thượng Hải. Mã thở phào nhẹ nhõm, thế là những cái ghế của nhóm Trương Xuân Kiều, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên vẫn chưa có gì lung lay. Họ còn nắm chặt quyền lực ở Trung ương thì hẳn có ngày Mã sẽ được điều lên Bắc Kinh làm Chủ nhiệm uỷ ban Kế hoạch Nhà nước hoặc Phó Thủ tướng, càng tăng thêm sức mạnh cho những người anh em quê hương Thượng Hải. Nhưng đồng thời Mã Thiên Thuỷ lại phân vân tư lự, “mà bát cơm chính trị cũng thật khó nuốt, làm một chính trị gia, anh phải học cách đánh người và phòng người đánh, học vắn mệnh mông lăm, nhớ bước là đi đời...”, Mã Thiên Thuỷ đang được “nhóm bốn người” tín nhiệm, bàn mưu, tính kế, lấy Thượng Hải làm căn cứ cho mọi hoạt động cánh tả, nhưng rồi một mai không biết sao đây, người có tuổi, lại non gan như Mã thường hay suy nghĩ vẩn vơ.

Sáng sớm ngày 21 tháng 9, một chiếc máy bay quân sự đảo mấy vòng trên vùng trời sông Hoàng Phố và sau đó hạ cánh xuống phi trường Hồng Kiều. Theo hẹn trước, ra đón Vương Hồng Văn hôm nay chỉ có Mã Thiên Thuỷ, Vương Tú Chân, Liêu Tổ Khang, không tổ chức quần chúng, phóng viên tập nập như quy định đối với Phó Chủ tịch Trung ương Đảng.

- Sao không thấy Từ Cảnh Hiền? - Vương hỏi.

- Đồng chí ấy đi Bắc Kinh, theo lệnh của Xuân Kiều.

- Thế mà tôi không biết.

Cả đám ra vẻ quan tâm cùng đồng thanh hỏi:

- Tình hình Bắc Kinh ra sao ạ?

Vương chau mày:

- Làm sao truyền đạt tình hình và nhiệm vụ ở đây được.

Mã lo ngại, hẳn có chuyện gì đây và mời mọi người lên xe về cơ quan Thành uỷ.

Quả vậy, chuyến công cán bí mật của Vương Hồng Văn lần này về Thượng Hải là để kiểm tra tình hình vũ trang của lực lượng dân quân tự vệ ở đây như thế nào và từ đó kịp thời chỉ thị hành động. Những người đứng đầu Thành uỷ Thượng Hải phần nào đã nhận thức được tình hình khẩn trương lúc này ở Bắc Kinh và chấp hành lệnh của Vương: nhanh chóng phát vũ khí cho công nhân.

Còn ở thủ đô, ai có hỏi thì trả lời rằng: Vương đi kiểm tra tình hình chế tạo các thiết bị giữ gìn thi hài Mao Chủ tịch, thế thôi. Ngày hôm ấy, Giang Thanh, Mao Viễn Tân đang chăm chú đọc các tài liệu chưa từng công bố của Mao Chủ tịch và bày mưu sửa chữa trên những trang bản thảo di bút của Người. Đang khi bận rộn như vậy thì Uông Đông Hưng và Trương Ngọc Phượng tiến vào:

- Xin mời các đồng chí ra khỏi phòng này và cho phép chúng tôi niêm phong toàn bộ những gì mà Chủ tịch để lại.

Giang Thanh, Mao Viễn Tân mặt biến sắc. Giang Thanh đập bàn và hét lên:

- Đây là nhà của tôi, các người làm sao đuổi tôi được, tôi không đi đâu hết.

- Thừa đồng chí Giang Thanh, xin được phép nhắc lại lần nữa, đồng chí hãy để cho nhân viên Văn phòng Trung ương thực hiện công vụ, đồng chí có ý kiến gì, đề nghị tìm Hoa Thủ tướng phản ánh giải quyết, hoặc gặp tổ chức, nhưng trước tiên phải chấp hành kỷ luật của tổ chức.

Uông Đông Hưng từ tốn nhưng rất đĩnh đạc yêu cầu Giang Thanh như vậy. Bà căm giận lời đe nẹt của Uông, nhưng kịp trấn tĩnh vì không khôn khéo thì dễ bị phé truất, nên đành ngậm quả bồ hòn mà rằng:

- Thôi được, người ta đã thế thì chúng tôi chẳng chấp làm gì - Bà giục Viễn Tân - Ta đi gặp Quốc Phong, đi!

- Khoan đã! - Trương Ngọc Phượng ngăn lại. - Xin đồng chí Giang Thanh trả lại những tài liệu đã mượn.

- Ta đọc chưa xong!

- Xem chưa xong, lần sau sẽ mượn, còn bây giờ phải trả để chúng tôi niêm phong theo quyết định của tổ chức. - Uông Đông Hưng kiên quyết.

- Quyết định ấy bắt mọi người tuân theo, kể cả tôi? - Giang Thanh nhìn chằm chằm vào Uông như muốn nuốt cả ông.

Uông Đông Hưng vẫn ung dung:

- Đương nhiên.

- Gớm thật. Hãy đợi đấy! - Giang Thanh ra lệnh cho Viễn Tân, và hắt ném lên bàn học hồ sơ cùng mấy văn bản rút trong cặp ra:

- Tất cả chỉ có thế! - Viễn Tân nói như quát.

Giang Thanh vội vàng viết mấy dòng cho Hoa Quốc Phong và dặn Uông Đông Hưng:

- Thật là một sự hiểu lầm, anh đưa thư này cho Hoa Thủ tướng, xem xong, chuyển Vương Hồng Văn và Trương Xuân Kiều.

Nói xong, bà và Viễn Tân, kẻ trước người sau, rời khỏi bể bơi Trung Nam Hải - nơi ở của Mao Trạch Đông mà Trung ương thường gọi “Nội viện 202”.

Hai người đi một lát thì Ngọc Phượng kêu lên:

- Trời ơi, họ sửa nhăng nhít lên trên văn bản này và còn thêm vào biết bao là chú thích nữa.

- Muộn rồi, hãy xếp lại và báo cáo Hoa Thủ tướng.

Cùng lúc ấy, Lý Tiên Niệm đem đến cho Hoa Quốc Phong một bọc tài liệu ghi lại những hoạt động của Vương Hồng Văn ở Thượng Hải, chỉ huy công việc phát vũ khí cho công nhân, chuẩn bị đối phó nếu một khi “Khrusov Trung Quốc” lên ngôi, ngoài ra còn có những bài viết công kích Hoa Quốc Phong do nhóm sáng tác của Thành uỷ Thượng Hải và Đại học Thanh Hoa tán phát, Hoa xem xong và cười vang:

- Họ chưa biết trong tay tôi có 3 câu văn, 3 thủ lệnh của Mao Chủ tịch trao cho. - Hoa kể lại.

... Đêm 30 tháng 4 năm 1976, lúc bảy giờ Người đã rất mệt, nói không rõ, khi tiếp Thủ tướng Tân Tây Lan, đầu tiên Vương Hải Dung phải dịch tiếng Hồ Nam ra tiếng phổ thông. Người gật đầu đồng ý rồi mới dịch một lần nữa sang tiếng Anh. Sau cuộc hội kiến ấy, Thủ tướng Tân Tây Lan dự đoán: “Người hùng phương Đông này chỉ vài tháng nữa sẽ đổ, tôi lo lắng Trung Quốc đổ sẽ đối phó như thế nào với nguy cơ của thời kỳ sau Mao Trạch Đông”. Khách nước ngoài ra về, Người cho gọi Hoa và lấy bút ghi lên giấy ba câu: “Hãy từ từ, đừng vội”, “Làm theo phương châm trước đây”, “Đồng chí làm việc, tôi yên tâm”. Lý Tiên Niệm nghe xong, mừng rỡ:

- Ba câu nói ấy khác nào tam bảo kiếm, đồng chí sợ gì Giang Thanh và Mao Viễn Tân, tuy họ là người nhà của Chủ tịch, nhưng đều tay không.

- Bà ấy có bức thư ngày 8 tháng 7 năm 1966 của Mao Chủ tịch, đó là vũ khí lợi hại mà lâu nay Giang Thanh vẫn dùng.

- Không còn nguyên bản nữa, vì Chủ tịch đưa cho Lâm Bưu xem trước, dặn khâu truyền và đốt ngay lá thư - Lý Tiên Niệm giải trình. - Nay Giang Thanh chỉ giữ bản sao qua lời nói, và đó lại là chuyện của 10 năm về trước. Từ bấy đến nay, Chủ tịch đã nhiều lần phê bình bà ta, và đây là toàn bộ tư liệu.

Hoa Quốc Phong vỗ tay lên bàn:

- Thế thì chúng ta phân công chuẩn bị, đợi đến hội nghị Trung ương sẽ đưa vấn đề ra giải quyết.

Hoa Quốc Phong muốn tiến hành xử lý “nhóm Thượng Hải” một cách hợp pháp, còn Lý Tiên Niệm và cánh tiền bối lại yêu cầu “tiền trạm hậu tẩu” vì tài liệu đã rành rành ra đó.

Tháng 1 năm 1969, trước Đại hội 9 của Đảng có người gửi thư yêu cầu Trung ương bầu Giang Thanh làm uỷ viên Bộ Chính trị kiêm Trưởng ban tổ chức, Mao phê ngay lá thư: “Đồ hữu hư danh, đồ bất thích đáng” (người này chỉ muốn tiếng tăm, không được). Ngày 20 tháng 3 năm 1974, Giang Thanh biên thư xin tiền, Mao đã phúc đáp: “...Đã nhiều năm tôi nói với cô, cô vẫn không chịu làm, sách Mác -Lê đó, sách của tôi đó mà cô có đọc đâu. Nay tôi 82 tuổi rồi, bệnh nặng, cô cũng không thông cảm. Cô có đặc quyền, thử xem tôi chết đi, cô sẽ làm như thế nào? Việc lớn chẳng bàn bạc, ngày ngày cứ sai khiến mọi người, cô cần nghĩ lại”. Ngày 17 tháng 7 năm ấy, tại hội nghị Bộ Chính trị, Mao phê bình Giang: “Đồng chí Giang Thanh cần chú ý, nhiều người có ý kiến về đồng chí mà không dám nói trực diện. Đồng chí không nên lập 2 nhà máy: sản xuất gang thép và sản xuất mũ, đồng chí chụp mũ cho người ta nhiều quá đấy”. Mao nhấn mạnh: “Các đồng chí phải chú ý, không được kéo bè phái thành nhóm bốn người”. Đã 2 lần Mao Trạch Đông khẳng định: “Giang Thanh, bà ta không đại diện cho tôi, mà chỉ đại diện cho chính mình thôi, chính mình thôi” - Mao nói lại lần nữa mấy tiếng “chính mình thôi”. Ngày 12 tháng 11, Mao cảnh cáo Giang: “Không được xuất đầu lộ diện, phê văn kiện, lập nội các. Người ta thù oán cô nhiều lắm đó, cần phải đoàn kết!”. Khi hay tin Giang Thanh muốn đưa Vương Hồng Văn làm phó uỷ viên trưởng (phó chủ tịch Quốc hội - ND) xếp sau Chu Đức và Đồng Tất Vũ, Mao liền nói: “Giang thật dã tâm, bà ta chuẩn bị cho Vương làm uỷ viên trưởng còn mình là chủ tịch đảng!”. Cuối năm 1974, ngày 24 tháng 12, Mao Trạch Đông phê bình Giang, Trương, Vương, Diêu: “Các đồng chí không nên bè phái, bè phái nhất định sẽ thất bại”. Đầu năm 1975, sau Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội - ND) khoá 4, thông qua 2 thư ký của Mao là Đường Văn Sinh và Vương Hải Dung, Giang Thanh đã lăng mạ hầu như tất cả các uỷ viên Bộ Chính trị. Mao nghe báo cáo và phán rằng: “Không mấy ai kính trọng bà ta, có chăng là chính bà ta mà thôi, tôi cũng vậy, chờ tôi chết, sẽ gây sự”. Cuối cùng, ngày 3 tháng 5 năm 1975, Mao Trạch Đông chỉ thị: “Vấn đề của bốn người này, sáu tháng đầu năm giải quyết không xong, thì sáu tháng cuối năm phải làm. Năm nay không xong, thì sang năm phải làm. Sang năm không xong, thì năm sau nữa...”

Đọc lại những tài liệu có căn cứ này, Đàm Chấn Lâm - một cán bộ già - đã âm ức, khóc rằng: “Mao Chủ tịch ơi, Mao Chủ tịch! Người anh minh, sáng suốt như thế mà tôi đã nghĩ sai cho Người, tôi thật có tội, tôi hối hận”. Đó là ý kiến của Đàm, còn lịch sử thì vẫn nghĩ rằng anh minh sáng suốt của Mao cũng không ngăn nổi sự tác oai tác quái của Giang Thanh - đệ nhất phu nhân, con người luôn “làm theo phương châm đã định”. Vì Mao hay vì bản thân mình? Hẳn phải tốn nhiều bút mực và thời gian nữa mới trả lời được câu hỏi đó.



## 11. TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG

Hai mươi ngày sau khi Mao Trạch Đông tạ thế, 20 ngày âm thầm và công khai giao tranh, cuối cùng thì Bộ Chính trị đã họp, hay nói đúng hơn chiến trận đã mở.

Đúng 10 giờ đêm ngày 29 tháng 9 năm 1976, trừ Lưu Bá Thừa xin vắng mặt vì lâm bệnh, 15 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng đều tề tựu, an tọa trên các ghế bành trong phòng họp.

Hoa Quốc Phong ngồi chính giữa, chủ trì hội nghị. Ông đến rất sớm và trao đổi gì đó với mấy người dự họp. Phòng họp bố trí 7 máy điện thoại có thể trực tiếp liên lạc với tất cả các uỷ viên Trung ương ở mọi nơi trong toàn quốc. Đang khi chờ đợi khai mạc, Hoa điện thoại cho Bộ Ngoại giao chuẩn bị chiêu đãi khách nước ngoài nhân dịp Quốc khánh mừng 1 tháng 10.

Diệp Kiếm Anh ngồi nghiêm như pho tượng, thân thẳng theo dáng cây bút, từ từ lau cặp kính lão, mắt lim dim nửa nhắm nửa mở, liếc qua Hoa, rồi dừng lâu trên khuôn mặt của Lý Tiên Niệm và nở một nụ cười.

Uông Đông Hưng ngồi cạnh Trần Tích Liên, hai người to nhỏ điều gì đó, khế đến mức không ai nghe được. Mấy ngày gần đây, Diệp đã trao đổi với Trần về tình hình cán bộ và cơ quan trong quân đội, tất cả nội dung làm ông đâm chiêu suy nghĩ. Kỷ Đăng Khuê và Ngô Đức cũng đã biết sự việc Mao Chủ tịch viết thủ lệnh “Đồng chí làm việc, tôi yên tâm” giao cho Hoa, đây không phải là việc nhỏ, chứng tỏ Hoa có thể căn cứ ý kiến của Chủ tịch mà thực hiện những gì mình muốn làm, hai người quyết định ủng hộ Hoa tại hội nghị này.

Hứa Thế Hữu quan sát nhất cử nhất động của Diệp, vị tướng già. Đây là linh hồn của quân đội, sau khi Chủ tịch qua đời không có ai có ảnh hưởng trong lực lượng quân sự như Diệp suý, huống hồ nay ông đang chủ trì công việc của Quân uỷ, nắm giữa một phần sức mạnh của quốc gia. Hứa lý luận: mất quân đội là mất nhân dân.

Lý Đức Sinh ngồi đối diện với Diệp. Ông nhớ lại cuộc trao đổi mấy hôm trước đây: “Trong tình hình nghiêm trọng như hiện nay, nắm tổ chức và nắm sản xuất, nhiệm vụ nào cần thiết hơn?”, Diệp không do dự mà rằng: “Theo tôi tổ chức”. Lý nhận ra ngay hai chữ “tổ chức” Diệp suý nêu ra

không phải là thông thường mà muốn ám chỉ hành động đặc biệt gì đây. Lý vui vẻ đáp lại: “Công việc này hẳn cần đến tài năng nhìn xa trông rộng, suy nghĩ căn cơ của Diệp nguyên soái, nêu yêu cầu điều gì xin Diệp công cứ gọi”.

Tô Chấn Hoa người chỉ huy hải quân, đã khắc cốt ghi xương mối cừ hận với Trương Xuân Kiều, Vương Hồng Văn chỉ cần Diệp suy ra lệnh là ông sẽ xông lên ngay, tiêu diệt chúng.

Trần Vĩnh Quý, Vi Quốc Thanh, Ngô Quế Hiền, Nghê Chí Phúc, Trại Phúc Đình yên vị, không có biểu hiện gì đặc biệt. Nhóm Giang, Trương, Vương, Diêu vẫn như xưa, lăm lăm “đạn đã lên nòng”.

Hoa nhìn Giang và ít nhiều hoảng loạn. Ông vừa hay tin Chủ tịch phu nhân mới từ huyện Xương Bình trở về. Bà đến thăm quân đội ở đây, giảng giải về đấu tranh với Nho pháp, phổ biến tình hình trong nước sau khi Mao Chủ tịch qua đời và kêu gọi các chiến sĩ phải nghe chỉ huy. Người đàn bà này ghê gớm thật, lúc nào cũng giành đi trước.

- Tôi xin phát biểu! Các đồng chí cần suy nghĩ kỹ, Mao Chủ tịch đã tạ thế, lãnh đạo của Trung ương Đảng nên như thế nào?

Diệp Kiếm Anh “hừ” một tiếng, nhắm mắt, mặt đầy miệt thị, còn mọi người thì quay nhìn Giang Thanh và có vẻ nhẹ nhõm vì đã hiểu rõ cuộc hội nghị này sẽ làm việc gì. Riêng Trần Vĩnh Quý - vị Phó Thủ tướng xuất thân nông dân - vẫn rất đau khổ chú mục vào bàn họp, ông ngán ngẩm quá với những cuộc đấu đá đã diễn ra, chắc hôm nay cũng thế.

Giang Thanh tiếp tục:

- Bây giờ Trung ương cần tăng cường lãnh đạo tập thể, đó cũng là điều mà lúc sinh thời Chủ tịch luôn nhắc nhở chúng ta.

Thoạt đầu, Giang Thanh đã chĩa mũi nhọn sang Hoa Quốc Phong.

- Thời gian làm việc ở Trung ương của đồng chí Hoa Quốc Phong còn rất ít, chưa có kinh nghiệm về lối sống thượng tầng, nên trong xử lý các vấn đề đang do dự không dám quyết đoán, trở ngại lắm, do đó biện pháp khắc phục duy nhất là tăng cường lãnh đạo tập thể...

- Chúng ta cần suy nghĩ ý kiến của đồng chí Giang Thanh, tham gia hoạch định quyết sách quan trọng này của Trung ương.

Trong khi Trương Xuân Kiều “đệm đàn” như vậy, Giang Thanh đảo mắt lên từng gương mặt những người dự họp và khi đến lượt mình, ai cũng mất hồn như đứa trẻ phạm tội, cúi gằm xuống và tránh đi ánh lửa phát ra sau cặp kính cận xoáy nhiều vòng của bà. Giang Thanh rút khăn tay lau mũi, rồi như về ngậm ngùi:

- Tôi xin các đồng chí đều nghe lời của Mao Chủ tịch, làm theo phương châm mà Người đã định. Thừa các đồng chí, tôi đã cùng sống với Chủ tịch hơn 40 năm nay, tôi hiểu ông cụ. Đối với mỗi đồng chí tại đây, Người đều có cảm tình và đánh giá rất cao. Ông cụ là người rất khoan dung và căn dặn tôi về từng đồng chí một.

Nghe Giang Thanh vòng vo tam quốc, ai cũng sốt ruột, nhưng cuối cùng thì lại vấn đề xử lý di cảo của Mao.

- Những ngày cuối đời, Chủ tịch nói năng khó nhọc, không ai hiểu, may nhờ Viễn Tân làm liên lạc, công lao lớn lắm. Nay Người vừa qua đời, thử nghĩ để đồng chí ấy ở lại Bắc Kinh, ở lại Trung ương giúp chúng ta chỉnh lý di cảo của Người có phải tốt không? Thế nhưng có đồng chí phản đối, còn nói nhiều lời lẽ không đáng nói. Tôi cho rằng thái độ như vậy đối với Chủ tịch thật không đúng, thiếu lương tâm.

- Các đồng chí biết ai không? - Vương Hồng Văn lên giọng hỏi.

- Tôi đây, Diệp Kiếm Anh! Tôi cùng Mao Chủ tịch làm cách mạng gần 50 năm và trong Trung ương nhiều đồng chí còn già hơn tôi, trung thành với Người, nhận thức tư tưởng của Người rất sâu và rất rộng, nhẽ nào họ không đủ tư cách để chỉnh lý những di cảo của Chủ tịch hay sao? Tôi đã nói nhiều lần, Mao Chủ tịch là Chủ tịch của toàn Đảng, toàn dân chứ không phải của riêng ai. Cho nên tôi kiên quyết chủ trương toàn bộ di sản của Người trước mắt giao cho Văn phòng Trung ương bảo quản, sau này sẽ do Trung ương xử lý tập thể một cách nghiêm túc như đã xuất bản Tuyển tập của Người. Còn đồng chí Mao Viễn Tân, anh ấy là Phó Tư lệnh quân đội Thẩm Dương, làm liên lạc là biện pháp tạm thời của Trung ương, nay nhiệm vụ đã hoàn thành, Viễn Tân trở về Liêu Ninh là đương nhiên, còn điều gì mà không lý giải được?

Diệp Kiếm Anh dứt lời, Hoa mới có dũng khí và bắt đầu rút trong cặp ra lá thư Mao Viễn Tân viết cho ông, đọc để mọi người cùng nghe và nói:

- Liên lạc cho Chủ tịch không thuộc biên chế của Trung ương, nhiệm vụ hoàn thành, thì nên trở về đơn vị cũ. Về điểm này, ý kiến của tôi và Diệp suýt là nhất trí như nhau!

- Không được! Mao Viễn Tân phải ở lại, - Vương Hồng Văn bưng đở mặt. - Đồng chí ấy là người nắm vững chỉ thị của Mao Chủ tịch hơn ai hết trong Trung ương, tại sao lại cho về Liêu Ninh? Nếu các uỷ viên Bộ Chính trị muốn tìm hiểu tinh thần chỉ thị của Người thì biết hỏi ai?

- Viễn Tân không được đi đâu cả, - Diêu Văn Nguyên lấp bắp. - Anh ấy là người... là người hiểu văn bản của Chủ tịch, chỗ nào xem không rõ

đều phải hỏi Viễn Tân.

Giang Thanh chen ngang:

- Mao Viễn Tân phải ở lại! Đồng chí đó còn phải lo việc gìn giữ thi hài Chủ tịch và mọi hậu sự của Người.

Hoa Quốc Phong chớp ngay:

- Không phải đồng chí đã từng nói, đồng chí sẽ không tham gia việc hậu sự cho Chủ tịch, Mao Viễn Tân cũng không tham gia, đồng chí quên rồi sao? Bây giờ lại yêu cầu Viễn Tân ở lại!

- Vu khống, tôi nói lúc nào? - Giang Thanh hốt hoảng vụt đứng dậy.

- Tại hội nghị ngày 19 vừa qua, hãy hỏi Chánh văn phòng Uông Đông Hưng.

- Đúng đồng chí Giang Thanh đã nói như vậy vào ngày 19 tháng 9 năm 1976. - Uông nhanh nhẹn trả lời. Giang Thanh đuối lý và lại khóc, khóc như một diễn viên điện ảnh. Không khí cuộc họp vô cùng căng thẳng. Trương Xuân Kiều muốn hoà hoãn:

- Theo tôi, tạm thời cho đồng chí Viễn Tân ở lại giúp chúng ta một vài tháng nữa, đồng chí ấy đọc được chữ viết của Chủ tịch mà.

Nhiều người xì xào định chấp nhận ý kiến của Trương, nhưng Lý Tiên Niệm kịp thời ứng chiến:

- Tôi đồng ý ý kiến của Diệp suý, vừa tuân thủ nguyên tắc tổ chức, vừa có lợi cho sự nghiệp của Đảng.

- Tôi đồng ý với Hoa Thủ tướng, Diệp suý và Lý Phó Thủ tướng. - Lý Đức Sinh lên tiếng và sau đó là Uông Đông Hưng cũng phát biểu như vậy.

Thế là hai phe đã rõ ràng, Trương Xuân Kiều dúi tắt điều Trung Hoa bài đang hút dở, đứng lên đỡ đòn, quay sang hướng khác:

- Mồm cứ thao thao là trung thành với Chủ tịch thì có ý nghĩa gì, mấu chốt là có thái độ với người đang sống, cụ thể là đối với quả phụ Giang Thanh, tôi nghĩ hội nghị hôm nay còn phải thảo luận việc bố trí công tác cho đồng chí Giang Thanh!

- Công tác gì cho đồng chí Giang Thanh? - Có người hỏi.

Trương Xuân Kiều nhanh nhẩu:

- Đưa đồng chí Giang Thanh vào ban thường vụ, vì hiện nay chúng tôi mới có 4 người, khó biểu quyết quá.

Hoa Quốc Phong đập ngay:

- Đồng chí Xuân Kiều, đồng chí vừa phát biểu vô nguyên tắc và thật không nghiêm túc. Làm sao có thể đặt đồng chí Giang Thanh ngang hàng với Chủ tịch chúng ta được? Lúc sinh thời Người không phải đã nhiều lần

tuyên bố rằng, Giang Thanh không đại diện cho Người, chỉ đại diện cho bà ấy mà thôi. Cho nên không chỉ đồng chí Giang Thanh mà bất cứ ai trong chúng ta đều không có thể sánh cùng Người!

- Còn công tác của đồng chí Giang Thanh thì Chủ tịch đã phân công lâu rồi, muốn thoả thuận vấn đề này cần phải đưa ra hội nghị toàn thể Trung ương. - Diệp Kiếm Anh bổ sung.

- Hội nghị Bộ Chính trị có quyền đề xuất! - Vương Hồng Văn cất lời Diệp và hoa chân múa tay - Nhiều đồng chí, kể cả trong quân đội đã viết thư đề nghị bầu đồng chí Giang Thanh làm Chủ tịch Đảng. Bộ Chính trị chúng ta cần lắng nghe ý kiến quần chúng, riêng cá nhân tôi, tôi thấy đồng chí Giang Thanh hoàn toàn đủ tư cách đảm nhận chức vụ này.

Hoa Quốc Phong vừa bất ngờ, vừa phần nộ với ý kiến đưa Giang Thanh lên chức Chủ tịch Đảng, chưa biết xoay xử ra sao thì Lý Tiên Niệm lên tiếng:

- Các đồng chí hãy xem lại điều lệ Đảng, không phải chức vụ Chủ tịch Đảng đều phải bầu cử tại hội nghị toàn thể Trung ương hay sao? Hẳn đồng chí Trương Xuân Kiêu đã quên rồi!

- Tôi chưa quên! Xin các đồng chí cũng đừng quên bài học của Cách mạng Văn hoá vừa qua! - Xuân Kiêu hăm dọa.

Trời rạng sáng, cuộc giao tranh kéo dài gần 8 tiếng đồng hồ, từ 10 giờ đêm ngày 29 cho đến hơn 5 giờ sáng ngày 30, lực lượng hai bên đã huy động trí lực và cả thể lực nữa. Nhiều đồng chí già bắt đầu ngáp và gục đầu trên thành sofa, tranh thủ chớp mắt. Lấy cơ bảo vệ sức khoẻ, người ta buộc một số đồng chí về nghỉ trước, nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Đảng Hoa Quốc Phong:

- Đồng chí Mao Viễn Tân trở về Liêu Ninh làm công việc cũ. Báo cáo chính trị đọc tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba do tôi chuẩn bị khởi thảo, còn vấn đề nhân sự Trung ương, Bộ Chính trị sẽ thoả thuận đề xuất để Trung ương thông qua. Hội nghị hôm nay đến đây kết thúc.

Nói đoạn, Hoa Quốc Phong bước ra xe, cùng đi theo ông có Ưng Đông Hưng, Giang Thanh lại gào khóc. Thế là âm mưu dùng Mao Viễn Tân - liên lạc viên, người phiên dịch tiếng Hồ Nam của Mao Chủ tịch ra tiếng phổ thông trong những ngày Người lâm bệnh - truyền đạt lại cái gọi là di chúc của Chủ tịch cho hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba sắp họp đã thất bại. Hôm nay là 30 tháng 9, Trung Quốc mừng ngày Quốc khánh đầu tiên vắng bóng Mao Chủ tịch và câu chuyện của chúng ta đã sang ngày thứ 22!



## 12. BẮT GIỮ TỨ NHÂN BANG

Giang Thanh phân công: Diêu Văn Nguyên phụ trách công tác báo chí, hãy đưa toàn bộ nội dung và tình tiết cuộc họp Bộ Chính trị ngày 29 tháng 9 lên phương tiện thông tin đại chúng nhằm bôi nhọ liên quân Hoa - Diệp, Vương Hồng Văn đi Xương Bình tiếp tục lôi kéo quân đội, bí mật điều sư đoàn xe tăng về thủ đô yểm trợ; Trương Xuân Kiều với danh nghĩa Chủ nhiệm Cục Chính trị Quân Giải phóng luôn sâu vào hàng ngũ tướng lĩnh, tách họ ra khỏi ảnh hưởng của Diệp Kiếm Anh; còn mình đi Đại học Thanh Hoa cùng Trì Quân và Tạ Tĩnh Nghi hâm nóng lại phong trào sinh viên đã một thời phá phách hồi “Văn cách”.

Ngày 1 tháng 10 năm 1976, kỷ niệm lần thứ 27 Quốc khánh Trung Quốc, năm đầu tiên vầng bóng Mao, khuôn viên Đại học Thanh Hoa vẫn một màu rực đỏ của muôn ngàn biểu ngữ. Người ta chuẩn bị đón Chủ tịch phụ nhân trong tâm trạng rất mới: đợi xem bà ta diễn trò gì? Quả nhiên từ cổng trường, Giang Thanh xuống xe và lên ngựa đi về sân vận động, nơi tụ tập quần chúng sinh viên, giáo chức để nghe bà diễn thuyết. Một phụ nữ luống tuổi mặt vênh váo, ngồi vắt vẻo trên yên ngựa, nhưng dây cương lại do người khác kéo đi dưới đất và lão nháo đám tùy tùng tiền hô hậu ủng. Lịch sử ghi được hình ảnh khác thường ấy, lùi xa ngắm nhìn và mới hay Giang Thanh đang làm xiếc trên chính trường. Bà đã đem ngón nghề trên sân khấu áp dụng vào vũ đài chính trị.

Giang Thanh bắt đầu hò hét:

- Tôi xin tuyên thệ với các bạn trẻ rằng nhất định rèn luyện thân thể khỏe, để có sức mà đấu với bọn họ - kẻ thù của giai cấp. Còn hôm nay các bạn xem tình thế có tốt không? Theo tôi, rất tốt, và quảng đại quần chúng, cán bộ đều yêu cầu phải tiếp tục cách mạng, cùng chúng tôi tiến bước.

Tháng 10, đúng, hôm nay là ngày đầu tiên của tháng 10, một tháng có tính quyết định. Tôi khuyên các bạn hãy dành những quả táo, cuốn phim, bài ca, điệu múa, vở kịch cho ngày mai toàn thắng, khi nổ ra sự kiện chính trị trọng đại, lúc ấy các bạn thả sức mà ăn, mà chụp, mà biểu diễn v.v... Còn bây giờ, hãy tập trung quả đấm vào bè lũ đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Giang Thanh vừa dứt lời thì cả biển người sôi động, đồng thanh hô vang: “Đả đảo Đặng Tiểu Bình!”. Bà dương dương tự đắc là mình đã nắm

được quần chúng, nhưng nào có biết, họ cũng chỉ là những diễn viên quần chúng được thuê đóng cảnh quay này mà thôi. Trì Quân - thủ lĩnh Thanh Hoa nhảy lên bục, hạ quyết tâm:

- Đồng chí Giang Thanh, xin đồng chí an tâm. Người Thanh Hoa chúng tôi lúc nào cũng bên cạnh đồng chí, chiến đấu và thắng lợi!

Giang Thanh cười vang:

- Đúng, tôi nhất định chiến thắng, nếu không sẽ có tội với Mao Chủ tịch, có tội với các bạn trẻ hôm nay.

Và tự nhiên bà khóc, làm cho đám nữ sinh đứng gần đó vô cùng kinh ngạc. Cười đó, khóc đó, đúng là một diễn viên tầm cỡ. Nhưng có người nghi ngờ thần kinh của bà có vấn đề chăng?

Sáng hôm ấy, cũng mùng 1 tháng 10, Hoa Quốc Phong duyệt bài phát biểu mà Kiều Quán Hoa sẽ trình bày tại hội nghị thường kỳ của Liên Hợp Quốc. Ông gạch bỏ những chữ sai trong câu thủ lệnh do Mao Trạch Đông giao cho mình, và phê lên bản thảo: “Không phải “Làm theo phương châm đã định” mà là “Làm theo phương châm trước đây”, cần viết cho đúng chỉ thị của Người!”. Chuyện đến tai Trương Xuân Kiều. Theo Trương, nhóm Thượng Hải sẽ mắc trọng tội vì đã sửa chữa di chúc của Mao, hỏi lại Mao Viễn Tân, hắn cũng ú ớ, hình như Chủ tịch nói như vậy... Giang Thanh cười mà rằng: “Các chú nhát gan như thỏ đế, “đã định” với “trước đây” có gì khác biệt nhau cho lắm. Và lại một bên là khẩu lệnh Chủ tịch trần trời cho Viễn Tân, còn một bên là thủ lệnh giao lâu rồi; Hoa im đi, chưa công bố”. Hãy tổ chức viết bài đả kích Hoa Quốc Phong, sửa chữa di chúc Chủ tịch, chuyển bại thành thắng, mau lên!”

Đúng là bản tướng của Giang Thanh! Tờ *Quang Minh nhật báo* thực hiện chớp nhoáng chỉ thị của bà và quả tình Hoa Quốc Phong trở tay không kịp. Ông nhớ lại có lần Diệp Kiếm Anh đã nói: “Giang Thanh là Bạch Cốt Tinh, có đủ 18 ban võ nghệ, ngón nào cũng giỏi. Còn Trương Xuân Kiều đã được người đời gọi là rắn đeo kính, quân sư của ba người kia, một bụng đầy dao găm và mưu ma chước quỷ. Diêu Văn Nguyên, cái gậy tuyên truyền, mở miệng là lý luận, bất kể lúc nào cũng có thể gây bão cấp 12 làm hại hoặc quật đổ người khác. Đáng đề phòng nhất là Vương Hồng Văn, trong nhà luôn có hàng chục khẩu súng, hàng ngàn viên đạn và một lũ hắc cầu. Ông ta từng nói: “Khử ta không dễ đâu!”. Cho nên, đồng chí định áp dụng biện pháp chính tắc để xử lý nhóm bốn người là rất khó khăn!”

Nhận định của Diệp càng ngày càng chính xác và tình hình cũng càng ngày càng thúc bách. Trong khoảnh khắc của lịch sử, Hoa Quốc Phong



quyết định chọn phương án 2, mật kế giữa 3 người: Hoa nắm thế; Diệp, Ưông nắm lực, quân đội và lực lượng cảnh vệ Trung ương và đến giờ G sẽ tóm gọn cả 5 người: Giang, Trương, Vương, Diêu và Viễn Tân. Lý do: có sai lầm, cần cách ly kiểm điểm, bắt giam xong mới đưa ra tập thể luận tội, ai bảo vệ cho bọn họ, xử lý luôn! Ấu cũng là một thủ đoạn, đúng sai xin đời sau phán xét.

Vương Hồng Văn đang tập bắn tại trường bia Tây Sơn thì nhận được điện thoại của trực ban báo: “8 giờ tối ngày 6 tháng 10 năm 1976, Ban Thường vụ Bộ Chính trị họp tại Hoài Nhơn Đường, Trung Nam Hải, xin kính mời đồng chí Vương Hồng Văn tham dự”. Vương tỏ vẻ xem thường Hoa Quốc Phong. Từ ngày ông cụ mất, Hoa không dám quyết chuyện gì, hờ một tý là họp, nhưng thế lực hai phe vẫn còn tương đương chưa phân thắng bại, đợi mai một bổ sung thêm Giang Thanh thì sẽ biết tay. Kể cũng thật ly kỳ, mới chỉ 10 năm mà từ một tay trưởng phòng bảo vệ nhà máy, Vương ngổi lên vị trí Phó Chủ tịch Đảng. Việc ấy phần do “cách mạng”, phần do “tạo phản”, nhưng cũng chính là do Vương dám hai tay hai súng, thiện xạ, bắn giết đối thủ, và giờ đây Vương là vai võ tướng của “Tứ nhân bang”.

Vương trở về văn phòng và chuẩn bị danh sách nhân sự nội các sẽ tranh luận tại cuộc họp sắp tới. Tương tự, Trương Xuân Kiều cũng nhận được thông báo cuộc họp. Vẫn như mọi lần, ông yêu cầu phải để Giang Thanh và Diêu Văn Nguyên tham dự hội nghị Thường vụ. Chánh văn phòng Trung ương Ưông Đông Hưng vội xin ý kiến Phó Chủ tịch thứ nhất Hoa Quốc Phong và trả lời ngay cho Trương: “Vâng ạ”.

Phòng họp Hoài Nhơn Đường hôm ấy rộng mênh mông, chỉ để lại hai chiếc ghế bành cho Hoa, Diệp mà thôi. Nội ngoại tuyến đều do Ưông bố trí, yểm trợ vòng thứ ba có lực lượng quân đội của Nguyên soái. Theo kỷ luật từ thời ông Mao còn sống, chỉ một mình thủ trưởng vào phòng họp, còn tất cả nhân viên bảo vệ đều ở ngoài. Lần này Vương Hồng Văn cũng phải làm như vậy, nhưng đón tiếp Vương lại là 4 chiến sĩ cảnh vệ lực lưỡng:

- Đứng yên, giờ tay lên!

- Ta đến họp Thường vụ, các người muốn gì?

Vương kêu to: “Người đâu!” nhưng ngoài kia người của Vương đã bị tóm gọn. còn trong này mình Vương và 4 chiến sĩ quần thảo một trận võ thuật vô cùng ngoạn mục. Vương cũng là tay hảo hán nên cảnh vệ của Ưông bố trí phải dũng cảm lắm mới hạ được đối thủ và đeo còng vào tay. Vương được đưa vào “phòng họp” và ở đó Hoa, Diệp đã đợi sẵn. Sau mệnh lệnh: “...Vương Hồng Văn phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, Trung ương

quyết định cách ly thẩm tra” do Phó Chủ tịch thứ nhất tuyên đọc, Vương được đưa vào nơi “cách ly”. Trường hợp Trương Xuân Kiêu và Diêu Văn Nguyên đơn giản hơn. Họ là những quan văn, nhiều âm mưu nhưng lại “trói gà không chặt”, nên chỉ sau câu hỏi hốt hoảng: “Chuyện gì thế này?” thì còng đã khoá tay và nghe Hoa Quốc Phong đọc lệnh rồi đi về nhà giam.

Còn Giang Thanh? Biện pháp có phần nhẹ nhàng hơn so với các đảng mày râu. Đội cảnh vệ Đại viện 201 Trung Nam Hải được lệnh tập hợp gấp về văn phòng nghe truyền đạt chỉ thị quan trọng, tạm thời giao nhiệm vụ “bảo vệ” Giang Thanh cho một toán khác gồm 2 phó văn phòng, 3 chiến sĩ nam và 2 chiến sĩ nữ. Tất cả những người này (nhóm đi họp và nhóm thay thế) đều dưới quyền Ưông Đông Hưng đã mấy chục năm nay, bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng, và nay nhận lệnh bắt giải Giang Thanh về nơi “cách ly”.

Nhớ lại khi đi Thượng Hải gặp Trương Xuân Kiêu, chiêu hiền đãi sĩ, Giang Thanh có nói: “...Nếu không may thất bại, thì mình tôi chịu, tôi sẽ ly hôn với Mao Trạch Đông và vào nhà lao”. Phải sau gần 10 năm, lời tiên tri ấy mới ứng nghiệm.

Cũng từ đêm mùng 6 tháng 10, Mao Viễn Tân, tại tư dinh của mình, sau khi khẽ kêu “Bác ơi! tạm biệt” là bị bắt và sống một chuỗi ngày tù ngục, hết một thời Đông cung Thái tử!...

Đúng 10 giờ khuya, mọi việc hoàn tất theo kế hoạch. Tại lầu số 9 Ngọc Tuyên Sơn, hội nghị bất thường của Bộ Chính trị với sự tham dự của 11 thành viên là Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Ưông Đông Hưng, Trần Tích Liên, Tô Chấn Hoa, Kỷ Đăng Khuê, Ngô Đức, Nghê Chí Phúc, Trần Vinh Quý và Ngô Quế Hiền đã thông qua quyết định Hoa Quốc Phong đảm nhận chức vụ Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Quân uỷ.

Tờ lịch trên tường ghi rõ: mùng 6 tháng 10 năm 1976, 28 ngày sau khi Mao Trạch Đông tạ thế, nhiệm vụ Người giao “giải quyết Tứ nhân bang” đã hoàn thành. Quả đúng như Mao Trạch Đông từng trấn trối: “Đồng chí làm việc, tôi yên tâm”. Hoa Quốc Phong nâng ly chúc mừng Diệp Kiếm Anh và Lý Tiên Niệm, ông nói vui: “Hắn đời sau sẽ có người nhân chuyện này mà viết vở *Dùng mưu chiếm Đế Ngự Đài*”.

Đảng đông đã ứng hồng, thủ đô Bắc Kinh sau một đêm chìm ngủ đã bừng tỉnh...

**Hết**

---

- [1] Cờ của Trung Hoa dân quốc, nền đỏ, mảng xanh và vòng tròn trắng.
- [2] Cha: Mao Di Xương, cháu: Mao Viễn Tân.
- [3] Trích Mao tuyển.
- [4] Lễ mừng thọ cho người đã khuất, chữ “minh” ở đây có nghĩa là tối tăm, âm phủ...
- [5] Viên Thế Khải
- [6] Triệu Hằng Thích - tỉnh trưởng Hồ Nam kiêm Tổng tư lệnh Tương quân - Tương: tên gọi tắt của tỉnh Hồ Nam - là bá vương của vùng này, đồng hương với Mao - ND.
- [7] Việt - tên gọi tắt của Quảng Đông - ND.
- [8] Xem *Thơ Đường* - Tản Đà dịch - NXB Trẻ 1989.
- [9] Vợ ta.
- [10] Đại từ nhân xưng ngôi thứ hai.
- [11] Địa khu: cấp hành chính trung gian: dưới tỉnh trên huyện.
- [12] Nhuận Chi: hiệu của Chủ tịch Mao Trạch Đông. Cách xưng hô thân mật.